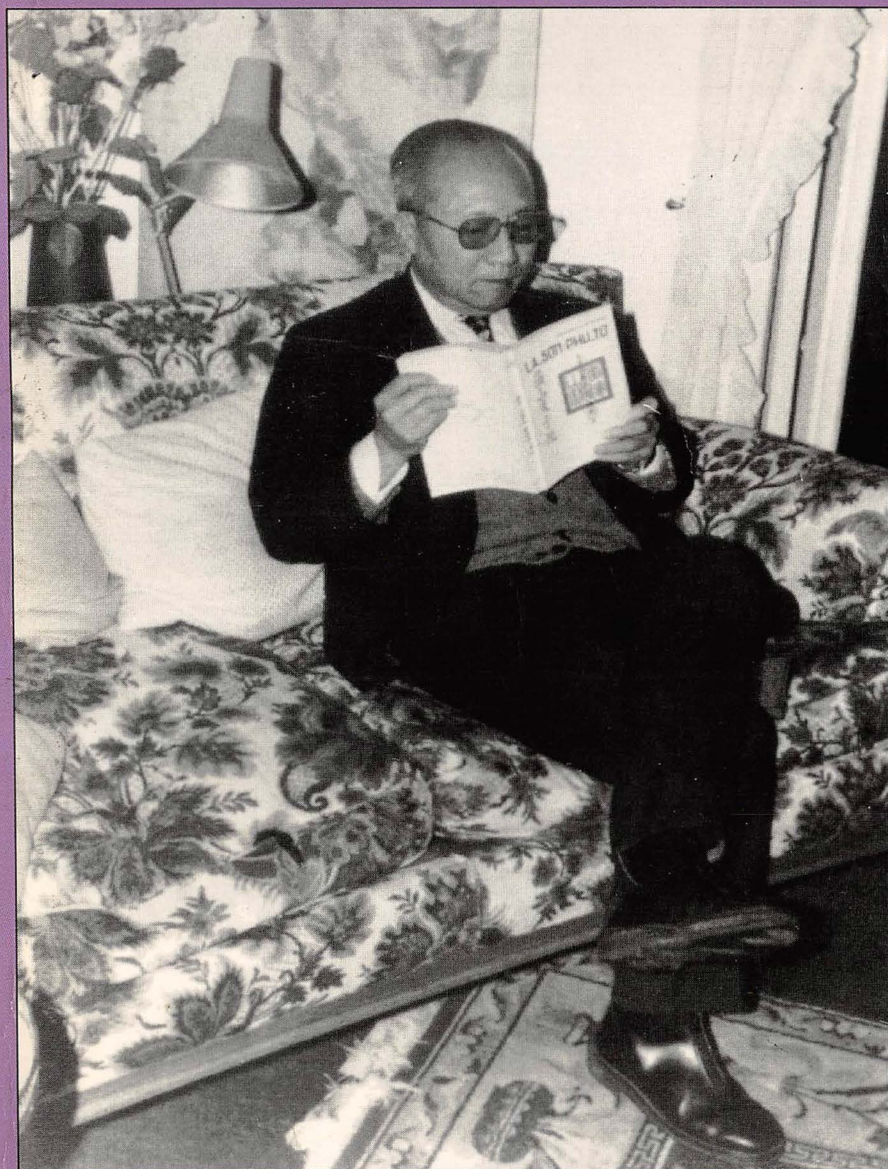
# HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 29 tháng 6 & 7 năm 1996

## tưởng niệm học giả Hoàng Xuân Hãn



Học giả Hoàng Xuân Hãn (ảnh của gia đình)



**TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO**

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA
http://www.vweb.net/hopluu/
Tel: (714)775-7242 • Email:: tshopluu@vweb.net

Phát hành hai tháng một kỳ • Số 29, tháng 6 & 7 / 1996

*Đại diện tại Floria*
Triều Hoa Đại / Tel: (904)282-2419
*Đại diện tại Houston, TX*
Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262
*Đại diện tại San Jose*
Phạm Việt Cường / Tel: (408)294-2413
*Đại diện tại Âu châu*
Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013. France / Tel: 45.83.19.12
*Đại diện tại Na Uy*
Hoài Mỹ / Nattlandsveien 63. N-5030 Landas, Norway
*Đại diện tại Canada*
Trần Sa / Tel: (416)762-4659 • Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514)342-8018
*Đại diện tại Australia*
Thường Quán / Tel: 61.3/ 8071.797
*Đại diện tại Đông Âu*
Yên Phong / PSF-21. 37284 - Waldkappel. Germany



*Chủ trương*

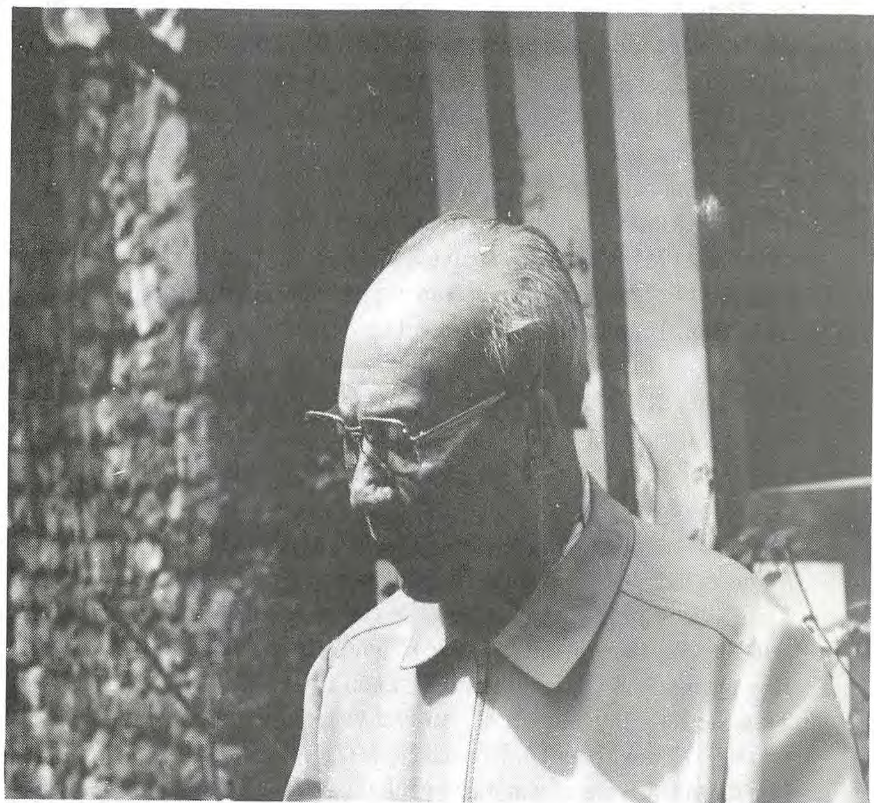
Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Hồ Minh Dũng, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh N.H, Đỗ Kh., Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Thân Trọng Mẫn, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Hữu Tài, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Tiến Văn, Lê Thị Thấm Vân, Trần Vũ, Trương Vũ



chủ biên
Khánh Trường

*Phó chủ biên*
Phan Tấn Hải

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN : 1065-9323



Số đặc biệt tưởng niệm
Học giả HOÀNG XUÂN HÃN
Số 29, tháng 6 & 7 năm 1996



# MỤC LỤC



*Bìa:* Chân dung học giả Hoàng Xuân Hãn

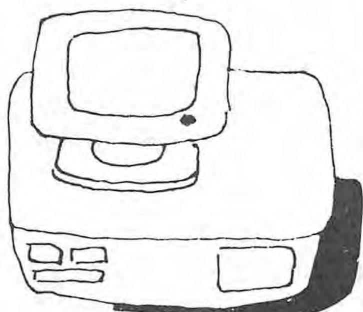
*Hình chụp chân dung Hoàng Xuân Hãn:*

Đặng Tiến, Nguyễn Xuân Hoàng và gia đình cố học giả





# thư tòa soạn



Hồi 7 giờ 45 ngày 10 tháng 3 năm 1996, tại bệnh Orsay (nam Paris), học giả Hoàng Xuân Hãn đã từ trần.

"Thất thập cổ lai hy", học giả Hoàng Xuân Hãn ra đi vào tuổi 88, đã là thượng thọ. Nhưng đối với văn hóa, văn học, lịch sử, giáo dục Việt, vẫn là một mất mát lớn. Nhiều công trình nghiên cứu của ông còn dở dang, không biết rồi đây ai sẽ kế thừa, tiếp tục?

Mỗi chúng ta, từ thuở đầu đời ê a đánh vần từng mẫu tự, mấy ai không biết đến những câu "vè" rất phổ biến: "*i tờ* có móc cả hai / *i* ngắn có chấm, *tờ* dài có ngang / *o* tròn như quả trứng gà / *ô* thời đội mũ, *ơ* thời thêm râu... / *Huyền* ngang, *sắc* dọc, *nặng* tròn / *hỏi* lom khom đứng, *ngã*... buồn nằm ngang". Lớn hơn tí nữa, khi ngồi ở ghế trung học, mấy ai trong chúng ta không thuộc nằm lòng những từ ngữ chuyên môn thuộc các lãnh vực toán học, khoa học, hóa học, vật lý như lượng giác, hàm số, phương trình, hoành độ, tung độ... Trưởng thành, vào đời, khi tiếp cận vớ i văn học cổ điển Việt, lại mấy ai trong chúng ta không thán phục và thích thú trước những công trình biên soạn, những khám phá vô cùng giá trị trong các lãnh vực văn bản học, sử học như *Lý Thường Kiệt, Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo, Lịch Việt Nam, Kiều*... Đó là chưa kể đến phương diện chứng nhân, học giả Hoàng Xuân Hãn là người có đủ tư cách nhất để đề cập đến các biến cố cùng các nhân vật liên hệ của lịch sử Việt Nam cận và hiện đại, vì chính ông là người trong cuộc.

Nói tóm lại, tất cả chúng ta, từ thấp đến cao, không thể không ít nhiều mang ơn học giả Hoàng Xuân Hãn.

Trong tinh thần đó, Hợp Lưu thực hiện số báo tưởng niệm này.

Vì thời gian có hạn, và vấn đề nhân sự vẫn luôn luôn là khâu nan giải của

tòa soạn, nên số báo khó tránh khỏi sơ sót, cũng như chưa xứng với tầm vóc của một học giả bách khoa. Tuy nhiên chúng tôi trộm nghĩ, các tạp chí ở hải ngoại, kể cả trong nước, bởi nhiều lý do, đã chưa thực hiện được một số báo đặc biệt tương đối đầy đủ về ông. Nay *Hợp Lưu* đứng ra làm công việc này với ước mong được độc giả cảm thông: dù sao, thiếu vẫn còn hơn không.

Nhân đây, *Hợp Lưu* xin trân trọng gửi đến nhà biên khảo Thụy Khuê một lời cảm ơn chân thành. Nội dung số báo này do bà đảm trách biên soạn. Với các bài phỏng vấn công phu và vô cùng giá trị bà đã thực hiện với cố học giả Hoàng Xuân Hãn cũng như với các nhà nghiên cứu trong ngoài nước, chắc chắn sẽ là những tư liệu quý hiếm cho văn học sử Việt Nam sau này.

*Hợp Lưu* cũng không quên cảm ơn các nhà văn, nhà nghiên cứu khác đã đóng góp bài vở, hoặc cho mượn tài liệu, hoặc bỏ công hiệu đính, sửa chữa bản thảo, đánh máy các bản văn như kỹ sư Lê Tất Luyện, giáo sư Tạ Trọng Hiệp (Hán Nôm), giáo sư Trần Văn Khê (Âm nhạc), nhà phê bình văn học Đặng Tiến, nhà phê bình hội họa Huỳnh Hữu Ủy, nhà biên khảo Nguyễn Huệ Chi (Viện Văn Học, Hà Nội), giáo sư Ngô Đức Thọ (Viện Hán Nôm, Hà Nội), giáo sư Phan Huy Lê (Viện Sử Học, Hà Nội), luật sư Đào Văn Thụy (trong ban chủ trương tạp chí Khoa Học Xã Hội, Pháp), giáo sư Nghiêm Xuân Hải, Phượng Linh Đỗ Quang Tri, nhà văn Ngô Thế Vinh.

Ngoài phần đặc biệt tưởng niệm cố học giả Hoàng Xuân Hãn, *Hợp Lưu* vẫn không quên duy trì phần văn nghệ cùng các mục thường xuyên. Tuy nhiên với số trang giới hạn còn lại, ban biên tập không thể giải quyết hết lượng bài các tác giả gửi về tòa soạn trong hai tháng vừa qua (chưa kể nhiều bản thảo khác còn tồn đọng từ các số trước). Chúng tôi xin gửi đến quí vị một lời xin lỗi.

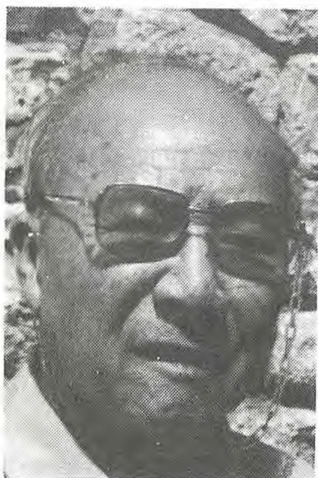
Ngoài ra, chúng tôi cũng nhắc lại: *Hợp Lưu* đang thu tập tài liệu để thực hiện một số đặc biệt về nhà văn Phan Khôi. Từ trước đến nay chúng ta vẫn nhìn sự nghiệp văn học của Phan Khôi qua hình ảnh con chim đầu đàn phong trào *Nhân Văn Giai Phẩm*. Điều ấy không sai, nhưng nhãn giới chính trị đã khiến chúng ta không mấy lưu tâm và coi nhẹ tính văn học thuần túy trong các sáng tác của Phan Khôi, tiêu biểu như bài thơ *Tình Già*, không mấy người quan tâm đến thơ ca Việt Nam không biết. Có thể nói Phan Khôi là người tiên phong của một dòng thơ mà ngày nay chúng ta vẫn thường gọi "thơ tự do.

Rất mong quí văn hữu và độc giả tiếp tay với *Hợp Lưu* cùng thực hiện số báo này, bằng cách sưu tầm, sao lại, gửi cho chúng tôi mượn những tài liệu liên quan đến nhà văn Phan Khôi, hoặc đóng góp bài vở , để số báo thêm phong phú.

HỢP LƯU



# tiểu sử hoàng xuân hãn



Ngày sinh: 8 tháng 3 năm 1908, (tức ngày mùng 7 tháng giêng năm Mậu Thân).

Trên giấy căn cước ghi sai, đề ngày 3 tháng 3 năm 1909.

Tại thôn Yên Phúc, làng Yên Hồ, huyện La Sơn tỉnh Hà Tĩnh.

Con cụ Hoàng Xuân Úc, tú tài Hán học. Và cụ bà Lê Thị Ấu.

1914-1917: học chữ Hán và chữ quốc ngữ trong gia đình.

1917-1921: vào trường tiểu học Vinh (học tiếng Pháp).

1921-1922: học lớp nhất bậc tiểu học, và đỗ bằng tiểu học ở Thanh Hóa.

1922-1926: học trường Quốc Học Vinh (trung học đệ nhất cấp, tương đương với lớp 6 đến lớp 9 hiện giờ).

1926: đậu bằng Thành Chung.

1926-1927: vào năm thứ nhất trường Bảo Hộ tức là trường Bưởi (Trung học đệ nhị cấp), tương đương với lớp 10 bây giờ. Cũng trong năm này, tự học lấy để thi bằng Tú tài Pháp, phần 1.

1927: đỗ Tú tài Pháp, phần 1 (thi nhẩy, thí sinh tự do).

1927-1928 được nhận vào lớp đệ nhất ban toán (Mathématiques élementaires, Terminale bây giờ) trường Albert Sarraut Hà Nội.

1928: đỗ Tú Tài Pháp, phần 2, ban toán.

1928-1930 được chính phủ Đông Dương cấp học bổng sang Pháp để học dự bị thi vào các Trường Lớn (Grandes Ecoles). Học Math Sup, Math Spé ở lycée Saint Louis, Paris.

1930: đỗ concours vào các trường: Ecole Normale Supérieure, rue d'Ulm

(Trường Cao Đẳng Sư Phạm) và Ecole Polytechnique (Trường Bách Khoa). Chọn học trường Polytechnique. Bắt đầu soạn cuốn Danh Từ Khoa Học.

1932-1934: Vào học Ecole Nationale des Ponts et Chaussées (Trường Cầu Cống).

1934: trở về Việt Nam 4 tháng.

1934: sang Pháp. Trên chuyến tầu, gặp cô sinh viên Nguyễn Thị Bính sang Pháp du học ngành dược khoa.

1934-1936 trở lại Pháp; đậu cử nhân toán 1935, và thạc sĩ toán 1936

1936: kết hôn với cô Nguyễn Thị Bính, sinh ngày 6/10/1911 tại Hà Nội, sau này trở thành dược sĩ

1936-1939 trở về nước. Dậy các lớp đệ nhất toán ở trường Bưởi. Hoàn tất cuốn Danh Từ Khoa Học.

Tham gia hội Truyền Bá Quốc Ngữ. Chống nạn thất học. Đưa ra phương pháp mới để dậy chữ quốc ngữ. Đặt các bài vè để học vần quốc ngữ, như:

o tròn như quả trứng gà

ô thì đội mũ, ơ thì thêm râu

1939-1944: vì chiến tranh, trường Bưởi phải rời vào Thanh Hóa. Tại đây tìm thấy những sử liệu về La Sơn Phu Tử và Vua Quang Trung, và những tấm bia nói về sự nghiệp Lý Thường Kiệt.

1942 xuất bản Danh Từ Khoa Học

1942-1943 chủ trương báo Khoa Học, viết những bài Tính đố vui cho học sinh trên báo Khoa Học.

1943: Đại học khoa học được thành lập tại Hà Nội; Hoàng Xuân Hãn dậy Cơ học (Mécanique)

Tháng 4/1945 vua Bảo Đại mời vào Huế để tham khảo ý kiền về việc thành lập chính phủ độc lập đầu tiên của Việt Nam.

17/4/1945 tham dự nội các Trần Trọng Kim với chức vụ Bộ Trưởng Giáo Dục và Mỹ Thuật.

Từ 20/4/45 đến 20/6/45: với chức bộ trưởng, thiết lập và ban hành chương trình giáo dục bằng chữ quốc ngữ ở các trường học. Áp dụng việc học và thi Tú Tài bằng tiếng Việt. Dùng tiếng Việt trong những công văn chính thức.

Chính phủ Trần Trọng Kim tại chức được 4 tháng.

Sau ngày chính phủ Trần Trọng Kim từ chức, trở về dậy và viết sách toán bằng tiếng Việt; cùng cứu vãn những sách cũ, sách cổ bị đưa bán làm giấy lộn khắp đường phố Hà Nội.

1945: bắt đầu nghiên cứu Kiều.

16/4/1946 đến 12/5/1946: tham dự hội nghị Đà Lạt.

19/12/1946: Pháp Việt chiến tranh. Bị kẹt ở Hà Nội. Bị Pháp gạch tên trong sổ giáo sư. Trở về với công việc nghiên cứu.

1949: xuất bản Lý Thường Kiệt

1951 sang Paris và ở luôn bên Pháp. Trong thời kỳ 51-54 đã giúp Thư Viện Quốc Gia Pháp và các thư viện Dòng tên ở Ý và Tòa Thánh Vatican làm thư

mục về sách Việt.

Trong suốt thời kỳ ở Pháp (từ khi đi du học cho đến về sau), đã đi đến các nghĩa trang, trong các làng ở Pháp, tìm mộ bia của những người lính thợ chết ở bên này, để báo tin cho gia đình họ biết.

Vẫn tiếp tục công việc nghiên cứu, viết các bài gửi các báo Sử Địa (Saigon, từ 66 đến 74), tập san Khoa Học Xã Hội (Paris, từ 76 đến 87). Đoàn Kết (Paris, 76-81). Diễn Đàn (Paris 91-94). Công trình đồ sộ nhất là: Nghiên cứu về Kiều (từ 50 năm nay), chưa xuất bản.

1952: xuất bản La Sơn Phu Tử.

1953: xuất bản Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo.

1954 sang Hội Nghị Genève, theo lời mời của các bạn Phan Anh, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Mạnh Hà, mong mỏi một giải pháp hòa bình: một chính phủ miền Nam có thể cộng tác với chính phủ miền Bắc để thực hiện việc thống nhất đất nước.

Mất hồi 7giờ45 ngày 10 tháng 3 năm 1996, tại bệnh viện Orsay, Nam Paris.

Lễ hỏa táng: chiều ngày 14/3/1996 tại nghĩa trang L'Orme des Moineaux, Les Ulis, Pháp.

*Paris 7/5/1996*
THỤY KHUÊ *ghi chép vội,*
*Tiểu Sử này cần được sửa chữa và bổ sung*

Một đoạn bản thảo viết tay tập sách nghiên cứu Kiều

Ở Bắc kinh, có ông Viên ngoại họ Vương, biểu tự TỬ TRINH
tên "đời" là LƯƠNG TÙNG. Làm người tính tốt đức. Gia kế
không giàu. Vợ người [illegible], cũng là [illegible]. Sinh
trai tên VƯƠNG QUAN, học tập nghiệp nho. Con gái đầu là
THÚY KIỀU, thứ là THÚY VÂN, tuổi đều đến lớn ([illegible])
Thúy Kiều thì yểu điệu phong lưu, Thúy Vân thì [illegible]
chăm chỉ. Thúy Kiều tính thích hài hước; Thúy Vân tính
và yên ổn. Hai cô đều thông thi phú. Thúy Kiều cũng rõ
âm luật, rất mê hồ cầm, [vốn [illegible] nghề]. Thường làm
khúc "Bạc mệnh oán" phổ vào hồ cầm, âm vận thê thảm
trong trẻo. Ai nghe cũng rơi lệ [cuối có ghi khúc [illegible] của
khúc nhạc này gồm chừng [illegible] chữ] [illegible] TK
Rồi nói đến KIM TRỌNG, ở cùng làng, nhà giàu, học
hành giỏi, rất đẹp trai, tuổi vừa độ [illegible], muốn kiếm vợ.
Nghe tiếng Kiều giỏi hồ cầm, thông thi phú; ước gặp để
kết duyên; cho nên [illegible] ngộ.]



TẠ TRỌNG HIỆP ghi

# thư mục hoàng xuân hãn

## 1. Sách

Số Năm in

---

**1.1 1942 Danh Từ Khoa Học (Vocabulaire scientifique).**
I. Toán, Lý, Hóa, Cơ, Thiên Văn. [xem bản 1959, dưới đây]
1946 — tái bản 1, bị thiêu hủy trong dịp toàn quốc kháng chiến (19/12/1946).
1948 — tái bản 2, nhà xuất bản Vĩnh Bảo, Sài-gòn
1951 — tái bản 3, nhà xuất bản Minh Tân, Paris
1955 — tái bản 4, nhà xuất bản Minh Tân, Paris
1959 — tái bản 5, nhà xuất bản Trường Thi, Sài-gòn, LIV+197 tr.
[bản này đáng trân trọng đặc biệt: chụp y nguyên bản 1942]

1.2 1949 **Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca**, của Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái. HXH tựa và dẫn.
"Loại văn cổ", nhà xb Sông Nhị, Hà Nội, 2 tập: 108 + 133 tr.
1952 — tái bản 1, nhà xb Sông Nhị in lại, không khác gì bản 1949.
1956 — tái bản 2, nhà xb Trường Thi, Sàigòn. 1 tập, 230 tr.

1.3 1949-1950 **Lý Thường Kiệt** - Lịch sử ngoại giao triều Lý.
"Loại sách xây dựng", nhà xb Sông Nhị, Hà Nội. 2 tập:
1. Năm 1949: tr.1 - tr. 185, phụ 3 bản đồ.
2. Năm 1950: tr. 209 - 471, phụ 3 bản đồ, 5 bức ảnh.
Ghi ở đầu sách: "Tặng tất cả những người hi sinh cho tổ quốc".
1966 — tái bản 1: viện Đại học Vạn Hạnh ấn hành, Sàigòn,
1 tập, 495 tr. - 11 tờ phụ bản.

1995 — tái bản 2: nhà xb Văn Học, Hà Nội, 1 tập, 368 tr.
[có thêm "Lời giới thiệu" tr. 5- của nhà xuất bản]
1996 — tái bản 3: nhà xb Hà Nội, Hà Nội, 1 tập, 513 tr.;
có bài Bạt của Hà Văn Tấn.

Chú ý:

1. Các tái bản trong nước đều là bản xếp chữ mới, làm thành bản mới, đầy lỗi in, bản 1996 thiếu hẳn 2 trang. Các tái bản lại không ghi số trang của bản đầu, khiến khi đọc các trích dẫn sách Lý Thường Kiệt rải rác trong các tập san và sách vở từ 40 năm nay, đành bó tay, không dễ truy tầm nguyên văn.
2. Có 2 bản do tư nhân chụp lại bản đầu, phát hành một cách bán chính thức, vào khoảng 1985. Một bản là do Nguyễn Tiến Hữu (ở Tây Đức), khổ to, bìa đen. Một bản là do Cao Xuân Toàn (Paris), photocopie 100 bản, bìa xanh lá mạ: bản này dựa vào bản riêng của chính tác giả H.X. Hãn, ghi được các sửa chữa của tác giả.

1.4 1950 **Hà Thành Thất Thủ và Hoàng Diệu** (các văn cổ).
Hoàng Xuân Hãn dẫn và chú thích.
"Loại văn cổ", nhà xb Sông Nhị, Hà Nội, 72 tr.

1.5 1951 **Thi Văn Việt Nam, I** (Từ đời Trần đến cuối đời Mạc).
Hoàng Xuân Hãn biên tập và trích dẫn,
Nghiêm Toản chú thích.
"Loại sách học", các lớp trung học,
nhà xb Sông Nhị, Hà Nội, 182 tr. (và mục lục, 1 tr.)

1.6 1951 **Mai Đình Mộng Ký**, của Nguyễn Huy Hổ (1783-1841).
Hoàng Xuân Hãn biên tập và trích dẫn,
Nghiêm Toản chú thích.
"Loại văn cổ", nhà xb Sông Nhị, Hà Nội, 62 tr.
1957 — tái bản1: nhà xb Trường Thi, Sàgòn, 62 tr (và mục lục mới, 1 tr)
Bản này có sửa 18 chữ. Đề là "in lần thứ ba", vì bản đầu đã đăng trong báo Thanh Nghị năm 1943, Nguồn gốc văn Kiều (mục số 4.3.3 và 4.3.4)

1.7 1952 **La Sơn Phu Tử**
Nhà xb Minh Tân, Paris, , 336 tr.
1992 — tái bản: nhà xb Văn Học, Hà Nội

1.8 1953 **Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo**
Nhà xb Minh Tân, Paris , 292 + 40 tr. Hán văn

1993 — tái bản: nhà xb Văn Học, Hà Nội, 284 + 40 tr. Hán văn

1.9 1954 **Chinh Phụ Ngâm**
tủ sách Học sinh, Nhà xb Minh Tân, Paris, 36 tr. khổ bé

1.10 1964 **Bích Câu Kỳ Ngộ**
Hiệu đính và chú giải.
Nhà xb Đại Học, Huế, XXXII + 179 tr.

1.11 1987 **Truyện Song Tinh** của Nguyễn Hữu Hào (1647-1713)
Nhà xb Văn Học, Hà Nội, 227 tr.

1.12 1995 **Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh** của Nguyễn Du
(Chú thích, hiệu đính)
Nhà xb An Tiêm, Paris, 75 tr.

1.13 1971 **Một Vài Kí-Vãng Về Hội Nghị Đà-Lạt**
(trích Tập san Sử Địa số 23 và 24, xem thư mục số 4.6.14)
Nhà xb Sài-Gòn, Sài-Gòn
1987 — tái bản : nhà xb AVAC, Paris, 80 tr.

1.14 1995 **Thiên Tình Sử Hồ Xuân Hương**
Nhà xb Văn Học, Hà Nội, 332 tr. Gồm 3 bài:
1. Nguyễn Biểu, một gương nghĩa liệt và mấy bài thơ văn cuối đời Trần
[xem thư mục số 4.2.3]
2. Chuyện Ỷ Lan, văn Nôm lục bát của Trương Thị Ngọc soạn năm 1759
[Tập san Khoa Học Xã Hội, số 12 (1-1986)
xem thư mục số 4.7.10]
3. Hồ Xuân Hương với Vịnh Hạ Long
[Tập san Khoa Học Xã Hội, số 10-11 (12-1983)
xem thư mục số 4.7.9]
có phần giới thiệu của Hữu Nhuận (tr 5-8).

---

*Chú thích:*
Đây không phải là sách do HxHãn đưa in,
mà là sách ở ngoài, tự ý in.

## 2. Đề tựa sách cho người khác

2.1 195? **Danh Từ Khoa Học** (Vạn Vật Học) của Đào Văn Tiến.

Nhà xb Minh Tân, Paris
Bài Tựa viết năm ?

2.2 1966 **Giọt Thời Gian.** Tập thơ của nữ sĩ Mộng Trung
Nhà xb Phương Nam, Sàigòn

## 3. Trong sách tập thể

3.1 1949 **Hội Nghị Đà Lạt**
Nhà xb Văn Hóa, Hà Nội.
In lại 3 bài đã đăng trong tuần báo Dư Luận năm 1946:
1 bài của Vũ Văn Hiền (về vấn đề kinh tế)
2 bài của Hoàng Xuân Hãn (xem Thư mục, mục 4.4.1 và 4.4.2).

## 4.Báo

### 4.1 Báo Khoa Học (Hà Nội)

#### 4.1.1 Báo Khoa Học (Hà Nội), năm 1942

| | Số báo | Tháng | | Trang |
|---|---|---|---|---|
| 4.1.1. | 1 | 1 | Lời Nói Đầu | 1 |
| | | | Toán học | 9-10 |
| | | | Toán học giải trí | 34-39 |
| 4.1.1.2 | 2 | 2 | Tập Danh Từ Khoa Học | 1-12 |
| 4.1.1.3 | 3 | 3 | Con ong giỏi toán | 11-16 |
| 4.1.1.4 | 4 | 4 | Đại số | 10-12 |
| 4.1.1.5 | 5 | 5 | Máy xem sao | 1-7 |
| | | | Toán pháp giải trí | 46-47 |
| 4.1.1.6 | 6 | 6 | Phép tính dễ | 42-45 |
| | | | Toán pháp giải trí | 46-47 |
| 4.1.1.7 | 7 | 7 | Bài tính kỳ thi ba-sô | 10-13 |
| 4.1.1.8 | 8 | 8 | Cái chày đạp (viết chung với Tạ Quang Bửu) | 8-15 |
| | | | Tính đố vui | 42-46 |
| 4.1.1.9 | 9 | 9 | Quan sát và thí nghiệm | 8-11 |
| | | | Tính đố vui | 44-46 |
| 4.1.1.10 | 10 | 10 | Cô Kiều bị bắt | 5-10 |
| 4.1.1.11 | 11 | 11 | Tính đố vui | 42-45 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 4.1.1.12 | 12 | 12 | Xe đạp | 24-29 |
| | | | Tính đố vui | 43-47 |

**4.1.2 Báo Khoa Học (Hà Nội), năm 1943**

| | Số báo | Tháng | | Trang |
|---|---|---|---|---|
| 4.1.2.1 | 13-14 | 1-2 | Hàn Tín điểm binh | 1-7 |
| | | | Tính đố vui | 49-50 |
| 4.1.2.2 | 15 | 3 | Câu chuyện cô Kiều bị bắt đáp Đào Duy Anh, bài ở báo Thanh Nghị số 27 và Hoàng U Mai, bài ở báo Văn Lang số 27 | 61-66 |
| | | | Đổi năm âm lịch và dương lịch | 77-82 |
| | | | Toán pháp giải trí | 99-103 |
| 4.1.2.3 | 16 | 4 | Ma phương (carré magique) | 108-113 |
| | | | Toán pháp giải trí | 143-150 |
| 4.1.2.4 | 17 | 5 | Ma phương (nối) | 162-169 |
| | | | Toán pháp giải trí | 195-199 |
| 4.1.2.5 | 18 | 6 | Thi toán đời xưa | 208-215 |
| | | | Toán pháp giải trí | 240-247 |
| 4.1.2.6 | 19 | 7 | Đổi ngày Tây lịch và can chi | 249-252 |
| | | | Toán pháp giải trí | 278-288 |
| 4.1.2.7 | 20 | 8 | Đổi ngày Tây lịch và can chi (nối) | 292-299 |
| | | | Bài toán kỳ ba-sô năm nay | 312-314 |
| | | | Toán pháp giải trí | 318-327 |
| 4.1.2.8 | 21 | 9 | Số Pi hay là chu suất | 336-345 |
| | | | Toán pháp giải trí (đố về Kiều) | 361-368 |
| 4.1.2.9 | 22 | 10 | Số Pi hay là chu suất (nối) | 371-377 |
| | | | Toán pháp giải trí | 393-403 |
| 4.1.2.10 | 23 | 11 | Số Pi hay là chu suất (nốiII ) | 421-425 |
| | | | Toán pháp giải trí | 442-448 |
| 4.1.2.11 | 24 | 12 | Số Pi hay là chu suất (nối III) | 453-457 |
| | | | Toán pháp giải trí | 484-488 |

**4.1.3 Báo Khoa Học (Hà Nội), năm 1944**

| | Số báo | Tháng | | Trang |
|---|---|---|---|---|
| 4.1.3.1 | 25-26 | 1-2 | Toán pháp giải trí | 38-45 |
| | | | Tài-xỉu | |
| 4.1.3.2 | 31 | 7 | Lý luận thường và lý luận khoa học | 153-158 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Toán pháp giải trí 176-184 | |
| 4.1.3.3 | 32 | 8 | Phân số liên tục (fractions continues) | 185/1-8 |
| | | | Toán pháp giải trí | 215-224 |
| 4.1.3.4 | 33-34 | 9-10 | Số đặc biệt kỳ thi trong Đại-học: Phần đầu (kỳ Thu), thi Trung-đẳng | 241-246 |
| 4.1.3.5 | 35-36 | 11-12 = | số cuối cùng | |
| | | | Bom bay | 308-317 |
| | | | Toán pháp giải trí | 318-323 |
| | 27-30 | Chưa tìm ra | | |

**4.2 Các báo ra trước báo Thanh Nghị**

| | Số báo | Tháng/Năm | | Trang |
|---|---|---|---|---|
| 4.2.1 | | 1931 | "Trường Vinh" báo Nghệ-Tĩnh | |
| 4.2.2 | 146 | 5/1936 | Quel sera l'avenir de la langue annamite báo La Patrie annamite | |
| 4.2.3 | 2-3 | 6/1941 | Nguyễn Biểu: Một gương nghĩa liệt và mấy bài văn thơ cuối đời Trần. Khai Trí Tiến Đức Tập san | |

**4.3 Báo Thanh Nghị**

| | Số báo | Tháng | | Trang |
|---|---|---|---|---|
| 4.3.1 | 9 | 2/42 | La Sơn Phu Tử | 8-10 |
| 4.3.2 | 13 | 16/3/42 | Nhà toán học Galois | 12-13 |
| 4.3.3 | 29-30-31 | 2/43 | Nguồn gốc văn Kiều (Văn phái Hồng-sơn) | 5-6, 54-55 |
| 4.3.4 | 32 | 1/3 /43 | Nguồn gốc văn Kiều (nối) | 10-12, 24-28 |
| 4.3.5 | 33 | 16/3/43 | Câu chuyện cô Kiều bị bắt | 7-9, 25 |

đáp Đào Duy Anh, bài ở báo Thanh Nghị số 27 và Hoàng U Mai, bài ở báoVăn Lang số 27. Hai vị này phê bình bài tiên khởi của HXH, nhan đề là "Cô Kiều bị bắt cóc vào ngày tháng giờ nào?", đăng báo Khoa Học, số 10 (1/10/1942).

Bài này có in lại ở báo Đoàn Kết,

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | số 344 (1/1983) tr.36-37. | |
| 4.3.6 | 38 | 1/6/43 | Thi toán đời xưa | 4-5, 26 |
| 4.3.7 | 47 | 16/10 /43 | Nguồn gốc văn Kiều (Hát phường vải (1) | 16-23 |
| 4.3.8 | 51-54 | 2/44 | Lịch và lịch đời Lê | 43-48, 57 |
| 4.3.9 | 60 | 1/4/44 | Những vết thương tâm | 14-15 |

**4.4 Báo Dư Luận**

| | Số báo | Tháng | | Trang |
|---|---|---|---|---|
| 4.4.1 | 6 | 6/5/46 | Hội nghị Đà Lạt: Vấn đề chính trị | 17-32 |
| 4.4.2 | 24 | 29/9/46 | Hội nghị Đà Lạt: Vấn đề văn hóa (Hai bài này được in vào tập Hội Nghị Đà Lạt, năm 1949, xem thư mục số 3.1) | 33-48 |
| 4.4.3 | 28 | 1946 | Ngày giờ Quang Trung mất In lại ở La Sơn Phu Tử, trang 156-160 | 5 |

**4.5 Các báo ra trước báo Sử Địa**

| | Số báo | Tháng/năm | | Trang |
|---|---|---|---|---|
| 4.5.1 | XXII | 1953 | Girolamo MAIORICA, ses oeuvres en langue vietnamienne conservées à la Bibliothèque Nationale de Paris Archivum Historicum Societatis Iesu (Roma) | 203-214 |
| 4.5.2 | 10 | 7/1959 | Một văn kiện bằng quốc âm tàng trữ ở Âu châu báo Đại Học (Huế) | 108-119 |
| 4.5.3 | 121 | 15/1/1962 | Liệt sĩ Nguyễn Hiệu báo Bách Khoa, Sàigòn | |
| 4.5.4 | 15 | 8/1966 | Sách Thiền Tông Bản Hạnh báo Vạn Hạnh, Sàigòn | 14-20 |
| 4.5.5 | 2 | 1977 | Lễ Vu-lan với văn-tế cô-hồn Tạp Chí Văn Học, Hà Nội | 117-145 |

(1) Trong bài này ở báo Thanh Nghị số 47, có trích 67 câu bài "Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu", bỏ bớt 31 câu [Cả bài mà HXH dùng gồm 98 câu]. Bản HXH được đưa y nguyên (67 câu) vào sách "Văn tế cổ và kim" (Hà Nội, 1960, trang 23-29)

**4.6 Báo Sử Địa (Sàigòn)**

| | Số | Tháng/năm | | Trang |
|---|---|---|---|---|
| 4.6.1 | 1 | 1/66 | Những lời thề của Lê Lợi (1427,1428) | 3-22 |
| 4.6.2 | 2 | 4-5-6/66 | hững lời thề của Lê Lợi (II) | 11-28 |
| 4.6.3 | 4 | 7-12/66 | Gốc tích các chúa Trịnh và một bức thư nôm của Trịnh Kiểm (1545) | 3-26 |
| 4.6.4 | 6 | 1967 | Vụ Bắc sứ năm Canh thìn (1761) đời Cảnh Hưng với Lê Quý Đôn và bài trình bằng văn nôm (I) | 3-5, 142-162 |
| 4.6.5 | 11 | 7-8-9/68 | Vụ Bắc sứ năm Canh thìn (1761) đời Cảnh Hưng với Lê Quý Đôn và bài trình bằng văn nôm (II) | 193-215 |
| 4.6.6 | 9-10 | 1968 | Việt-Thanh chiến sử theo Ngụy Nguyên, một sử gia Trung-quốc đời Thanh | 3-8, 245-263 |
| 4.6.7 | 13 | 1969 | Bắc hành tùng ký (I) | 3-32, 181-183 |
| 4.6.8 | 14-15 | 1969 | Bắc hành tùng ký (II) | 140-152 |
| 4.6.9 | 16 | 10-11-12/69 | Bắc hành tùng ký (III) | 159-195 |
| 4.6.10 | 17-18 | 1970 | Đồ biểu đối chiếu lịch xưa và công-lịch | 3-16, 198-208 |
| 4.6.11 | 21 | 1971 | Phe chống đảng Tây-sơn ở Bắc và tập Lữ-trung-ngâm (I) | 3-16, 187-209 |
| 4.6.12 | 22 | 1971 | Phe chống đảng Tây-sơn ở Bắc và tập Lữ-trung-ngâm (II) | 3-6, 213-224 |
| 4.6.13 | 25 | 1973 | Phe chống đảng Tây-sơn ở Bắc và tập Lữ-trung-ngâm (III) | 3-32 |
| 4.6.14 | 23-24 | 1971 | Hội nghị Đà Lạt (Hồi kí) | 3-32,210-257 |
| 4.6.15 | 26 | 1974 | Đúng ba trăm năm trước: Đình chiến Trịnh Nguyễn (I) | 5-25,237-247 |
| 4.6.16 | 27-28 | 1974 | Đúng ba trăm năm trước: Đình chiến Trịnh Nguyễn (II) | 3-48, 209-219 |
| 4.6.17 | 29 | 1974 | Quần đảo Hoàng-sa | 7-18 |

**4.7 Tập-san Khoa-học Xã-hội (Paris)**

| | Số | Tháng/năm | | Trang |
|---|---|---|---|---|
| 4.7.1 | 1 | 11/76 | Thực trạng xã hội thời Gia Long qua | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | một vài tư liệu sử học và văn học 5-20 (Trích lục, nguyên cảo dài 49 trang) | |
| 4.7.2 | 3 | 11/77 | Cuộc tiếp sứ Thanh năm 1683 (I) | 5-39, 100 |
| 4.7.3 | 4 | 4/78 | Cuộc tiếp sứ Thanh năm 1683 (II) | 111-151 |
| 4.7.4 | 5 | 12/78 | Văn nôm và chữ nôm đời Trần-Lê. Phái thiền Trúc Lâm Yên Tử (I) (Đã trích đăng trong tạp chí NgônNgữ, số 4, năm 1978) | 1-62 |
| 4.7.5 | 6 | 12/79 | Văn nôm và chữ nôm đời Trần-Lê. Phái thiền Trúc Lâm Yên Tử (II) | 5-38,65 |
| 4.7.6 | 7 | 10/80 | Văn nôm và chữ nôm đời Trần-Lê. Phái thiền Trúc Lâm Yên Tử (III) | 78-112, 113-125 |
| 4.7.7 | 7 | 10/80 | Lời thề Lũng-nhai (đặc san Nguyễn Trãi) | 2-13 |
| 4.7.8 | 9 | 2/82 | Lịch và lịch Việt-nam (đặc san) (phần tiếng Việt: 1-133, Résumé: 134-144) | 1-144 |
| 4.7.9 | 10-11 | 12/83 | Hồ Xuân Hương với Vịnh Hạ Long | 92-149 |
| | | | Tóm tắt tiếng Pháp: Hồ Xuân Hương et la baie de Hạ Long. Histoire sentimentale et oeuvre littéraire de la poétesse | 170-173 |
| 4.7.10 | 12-13 | 1/86 | Chuyện Ỷ Lan (văn nôm lục bát của Trương Thị Ngọc Trong soạn năm 1759), HXH giới thiệu, diễn nghĩa, hiệu đính và chú thích | 48-84 |
| | | | Có bảng từ ngữ cổ | 83-84 |
| 4.7.11 | 13-14 | 1/87 | Kim Vân Kiều án và Nguyễn Văn Thắng | 145-173 |

**4.8 Báo Đoàn Kết (Paris)**

| | Số | Tháng/năm | |
|---|---|---|---|
| 4.8.1 | 183 | 21/2/76 | Khai bút năm Bính Thìn (thơ) |
| 4.8.2 | 193 | 3/7/76 | 3 giờ với giáo sư Hoàng Xuân Hãn (đàm đạo với nhà báo Đan Tâm) |
| 4.8.3 | Xuân Mậu ngọ | 4/2/78 | Nguyễn Công Trứ (tr. 12-13) |
| 4.8.4 | 250-251 | 30/1/79 | Giữ tóc ngồi tù, chuyện Lê Quýnh. |
| 4.8.5 | 253 | 27/2/79 | Chúc tết Kỷ mùi (thơ) |
| 4.8.6 | 262 | 10/5/79 | Nhân phẩm của chúng ta (phát biểu trong cuộc mít tinh 24/2/79 do Hội Người VN tại Pháp tổ chức chống Trung quốc xâm lược) |
| 4.8.7 | 280 | 26/1/80 | Dương Thái hậu - Hoàng hậu hai đời |
| 4.8.8 | 301 | 31/1/81 | Một vài năm Dậu trong quốc sử. |

4.8.9 301 31/1/81 Tiễn đại sứ Võ Văn Sung về nước (thơ)
4.8.10 Xuân Canh Thân 1980 Lê Quý Đôn đi sứ nước Thanh (tr. 24-29)
4.8.11 431 2/1991 Tưởng nhớ Phan Anh (tr. 7-11)

**4.9 Báo Diễn Đàn (Paris)**

4.9.1 1 10/91 Tưởng nhớ bác Hoán (Văn tế)
4.9.2 8 5/92 Viếng bạn Nguyễn Văn Cổn
4.9.3 24 2/93 Cố Điện
4.9.4 27, 28, 29, 30 2, 3, 4, 5/94 Cố Điện

**4.10 Các bài viết khác**

4.10.1 Quelques poème en langue annamite du XVème siècle
Bulletin Général de l'Instruction Publique, Hanoi,
19e année, No. 10, Juin-Aout 1940, pp. 180-185
4.11 Phỏng vấn Hoàng Xuân Hãn
4.11.1 Hội Truyền Bá Quốc Ngữ và Phương Pháp Đánh Vần i tờ
Cynthia Nguyễn Thị Mỹ Huyền
ghi lại cuộc phỏng vấn dịp lễ Giáng Sinh 1981
Tuyển Tập Dòng Việt số1,
tháng 9/1983, Campbell, CA- USA, tr. 117-119
[cho biết là đã viết bài đăng
ở Vietnam Culture Journal, tập 2 (1983),
số 1-2, và tập 3 (1984), số 1]
4.11.2 Chuyện trò với Hoàng Xuân Hãn
do Đỗ Hữu Thạnh dịch bài phỏng vấn bằng tiếng Pháp,
đăng trong báo Bull'Dingue (Paris)
Tạp Chí Sông Hương, Huế, số 37, tháng 4/1989, tr. 66-77
4.11.3 Vietnam, l'histoire, la terre, les hommes
Par Alain Ruscio
Civilisation et Culture, 1989, Ed. l'Harmattan, pp. 61-64
4.11.3 Đi xa với Hoàng Xuân Hãn
Phỏng vấn của Nguyễn Nam Anh
(Văn Học, California, số 108, 4/1995, tr. 48-57)
4.11.4 Giáo sư Hoàng Xuân Hãn nói chuyện
về thân thế và sự nghiệp Hồ Xuân Hương
(Thụy Khuê thực hiện, một phần truyền thanh trên đài RFI
ngày 9 và 16/5/93, đăng toàn bộ trên Hợp Lưu số 13,
tháng 10-11/93, tr 186-196)

4.11.5 Hoàng Xuân Hãn, bước đường nghiên cứu
(Thụy Khuê thực hiện, một phần truyền thanh trên đài RFI
ngày 22 và 29/10/95, đăng toàn bộ trên Hợp Lưu số 29,
tháng 6-7/96,
số đặc biệt tưởng niệm học giả Hoàng Xuân Hãn)

4.11.6 Hoàng Xuân Hãn, chứng nhân lịch sử
(Thụy Khuê thực hiện, một phần truyền thanh trên đài RFI
ngày 7, 14, 21, và 28/4/96, đăng toàn bộ trên Hợp Lưu số 29,
tháng 6-7/96,
số đặc biệt tưởng niệm học giả Hoàng Xuân Hãn)

4.11.7 Hoàng Xuân Hãn, nghiên cứu Kiều
(Thụy Khuê thực hiện, một phần truyền thanh trên đài RFI
ngày 5 và 12/11/95, đăng toàn bộ trên Hợp Lưu số 29,
tháng 6-7/96,
số đặc biệt tưởng niệm học giả Hoàng Xuân Hãn)

4.11.8 Confucianisme permanent et renouveau
par Dinh Trong Hieu et Le Huu Khoa
Approches Asie, No 13, 1996, Ed. Economia, pp. 45-55

**4.12 Bài thuyết trình, tham luận**

4.12.1 Réflexions sur la trêve du Tết au Vietnam
Exposé fait le 20/1/1966 au Centre Catholique
des Intellectuels francais, Paris
France-Asie / Asia, 184 (hiver 1965-1966), pp 253-256

4.12.2 Exposé de Monsieur le
Professeur Hoàng Xuân Hãn
de l'Empire d'Annam au Vietnam indépendant
Réunions du groupe de travail
sur l'histoire de la décolonisation,
le 18 Octobre et 8 Novembre 1982
CNRS, Institut d'Histoire du Temps Présent
(9 pages dactylographiées)

**4.13 Linh tinh: chưa tìm ra chi tiết**

1939-44 Tham luận khoa học, tiếng Pháp:
Bulletin du Conseil des recherches scientifiques en Indochine

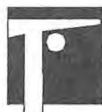
1942-43 Về Đoàn Tử Quang, tuổi già 83 mới đậu hội-thí
cùng khoa (năm canh tí 1900) với Phan Bội Châu

| | |
|---|---|
| | (báo Văn Lang, Sàigòn) |
| trước 12/46 | Về lễ tế Khổng-tử ở Văn-miếu Hà-nội, năm 1946 (báo Dư luận) |
| 1946 | Ngày giờ Quang Trung mất (báo Dư luận, tr. 5, xem Thư mục, mục 4.4.3) |
| sau 12/46 | Hai bài văn nhại, về thời sự ở khu Pháp chiếm.<br>I. Nhại Kiều: "Kiều bị bắt"<br>II. Nhại thơ Yên Đổ: "Lời gái góa"<br>(báo Công Luận, Hà-nội, 1947) |
| 1965(?) | Dịch thơ Thái-hư đại-sư (báo Phổ Thông, Sàigòn của Nguyễn Vỹ) |

---

Bị chú:
Thư mục này còn cần bổ sung. Rất mong có độc giả giúp cho hoàn bị hơn. Những điều đã ghi được, phần lớn là nhờ sự chỉ dẫn của chính tác giả HXH.

*Người ghi:* hậu học TẠ TRỌNG HIỆP



**HOÀNG XUÂN HÃN**

# thơ vịnh dã thự cam tuyền*

*Một lối thênh thang vượt cổng vào,*
*Cam Tuyền dã thự cảnh thanh cao.*
*Lớp tường dọc rọc, nâu xen trắng,*
*Sân sỏi bao quanh, bạc lẫn đào.*
*Gác nấp cây um, chim ríu rít*
*Song nhìn biển thấp, sóng lao xao.*
*Kìa kìa Dã Thự Cam Tuyền thú*
*Thú nhất là đây Việt Điểu Sào.*
(1985)

---

* Hội Văn Hóa GiáoDục Cam Tuyền (Association d'Aubonne, Culture & Education France Vietnam) thành lập ngày 21 tháng 7 năm 1992 với chủ tịch Giáo sư Hoàng Xuân Hãn



**THỤY KHUÊ thực hiện**

# tưởng niệm học giả hoàng xuân hãn



Chương trình Văn Học Nghệ Thuật
trên đài RFI ngày 17/3/1996(1)

*

*Sự ra đi của giáo sư Hoàng Xuân Hãn là một mất mát lớn lao cho nền văn hóa nước nhà. Để tưởng niệm vị học giả bách khoa của thế kỷ này, chúng tôi xin giới thiệu bốn tiếng nói: giáo sư Phan Huy Lê - Viện Sử Học, giáo sư Nguyễn Huệ Chi - Viện Văn Học, giáo sư Ngô Đức Thọ - Viện Hán Nôm từ Hà Nội, điện đàm qua điện thoại viễn liên Paris - Hà Nội, và luật sư Đào Văn Thụy, trong ban chủ trương tạp chí Khoa Học Xã Hội ở Pháp.*

*

**Thụy Khuê:** *Trước hết, xin giáo sư Phan Huy Lê cho biết ảnh hưởng của học giả Hoàng Xuân Hãn trong lãnh vực nghiên cứu sử học. Xin mời giáo sư Phan Huy Lê.*

**Phan Huy Lê:** Được tin giáo sư Hoàng Xuân Hãn từ trần, dù tôi biết giáo sư đã rất cao tuổi, tôi vẫn cảm thấy quá ư đột ngột và thương tiếc vô hạn.

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn là một học giả bách khoa, một nhà bác học trên nhiều lĩnh vực của khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn. Giáo sư là một nhà khoa học lớn, một nhà văn hoá lớn của đất nước. Trong sự nghiệp văn hóa, khoa học to lớn của giáo sư, tôi chỉ xin nói đôi điều về lĩnh vực sử học.

Về mặt này, giáo sư Hoàng Xuân Hãn là một nhà sử học lớn; và đối với tôi, giáo sư là một nhà sử học bậc đàn anh, bậc thầy, đồng thời là một người đồng nghiệp, một người đồng hương.

Tôi vẫn thường gọi giáo sư là bác Hãn, với tấm lòng kính mến và thân thiết. Không có dịp nào sang Pháp mà tôi không đến thăm bác Hãn tại nhà riêng ở Paris. Và bác cũng dành nhiều thì giờ tiếp tôi, trò chuyện tâm tình về tình hình sử học ở trong nước và những kết quả nghiên cứu Việt Nam trên thế giới. Tôi không bao giờ quên được hình ảnh của bác Hãn, một con người sống giữa Paris, gần nửa thế kỷ, mà vẫn giữ trọn phong cách rất Việt Nam, rất Nghệ Tĩnh. Một con người bình dị, rất tình cảm và rất trí tuệ.

Nói về sử học, không có một nhà sử học Việt Nam nào, và cũng không có một nhà Việt Nam học nào trên thế giới lại không biết đến những công trình nghiên cứu sử học có giá trị to lớn của Hoàng Xuân Hãn, mà tiêu biểu nhất là tác phẩm Lý Thường Kiệt, La Sơn Phu Tử, Lịch Và Lịch Việt Nam, cùng với nhiều bài khảo cứu về khởi nghĩa Lam Sơn, về phong trào Tây Sơn và về nhiều vấn đề và nhân vật lịch sử, đã được công bố trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.

Bất cứ một công trình nghiên cứu nào, từ các tác phẩm lớn, đến những bài viết rất ngắn, bác đều có những tìm tòi, khám phá mới về tư liệu; và trên cơ sở đó, cố gắng khôi phục lại sự thực lịch sử, làm sáng rõ nhiều giai đoạn, nhiều sự kiện và nhân vật lịch sử đã từng bị thời gian che phủ hay bị nhận thức sai lầm. Những công trình nghiên cứu sử học của bác Hãn có ảnh hưởng sâu sắc trong giới sử học Việt Nam, nhất là về tinh thần và phương pháp nghiên cứu sử học.

Khi còn là một sinh viên, những năm 1954-56, tại Hà Nội, tôi đã đọc một tác phẩm của Hoàng Xuân Hãn với tấm lòng kính phục. Sau đó, đi vào nghiên cứu lịch sử Việt Nam, tôi nhiều lần đọc lại những tác phẩm của bác, và mỗi lần đọc, đều tìm thấy ở đây, những kết quả nghiên cứu cụ thể và cả những kinh nghiệm, những bài học nghiên cứu rất bổ ích và phong phú.

Có một lần ở Paris, khi trao đổi về con đường nghiên cứu khoa học của bác, tôi có hỏi: "Bác là một nhà toán học, một nhà vật lý nguyên tử, một kỹ sư cầu cống, tại sao bác lại say mê và dành phần lớn tâm sức và cuộc đời của mình vào nghiên cứu lịch sử và văn hóa dân tộc?" Tôi còn giữ được cuộn băng ghi âm này. Bác trả lời rất tâm tình: "Sau khi từ Pháp trở về nước dậy học, tôi tìm đọc lịch sử Việt Nam. Tôi đọc sách Trần Trọng Kim, Lê Thước, tôi

kính trọng tác giả nhưng cảm thấy phương pháp khảo cứu và biên soạn của ta, cần phải được nâng cao, cần phải khoa học hơn, và hiện đại hơn."

Đó là tóm tắt ý trả lời của bác Hãn. Chính suy nghĩ đó cùng với tấm lòng đối với đất nước, đối với lịch sử và văn hóa dân tộc, đã thúc đẩy bác Hãn đi vào nghiên cứu lịch sử, với hoài bão thúc đẩy sự phát triển của sử học, và hiện đại hóa phương pháp nghiên cứu sử học.

Về phương diện này, tôi nghĩ rằng tư duy toán học, cùng với những tri thức uyên bác về khoa học, đã giúp bác Hãn tạo lập cho mình một phong cách, và một phương pháp luận sử học, rất khoa học và hiện đại. Bác coi trọng sử liệu, và dầy công thu thập sử liệu. Mỗi công trình của bác, dù lớn hay nhỏ, đều dựa trên những tư liệu phong phú, được giám định và khai thác công phu, nghiêm túc, làm cho người đọc rất tin cậy, và những kết luận rút ra có sức thuyết phục cao về mặt khoa học.

Cuốc sách Lịch Và Lịch Việt Nam, theo tôi, là một cống hiến có ý nghĩa lớn lao của bác. Trên địa vực này, bác đã vận dụng toán học và máy tính điện tử để lập lại hệ thống lịch Việt Nam, chứng minh một cách có căn cứ rằng: Có những thời kỳ lịch Việt Nam khác với lịch Trung Quốc, và đưa ra những phương pháp, những công thức tính toán và chuyển đổi Âm - Dương lịch một cách chuẩn xác, tiện lợi. Đây chính là cơ sở khoa học mà bác đã đặt nền móng để xây dựng nền lịch học Việt Nam, và theo tôi, đó cũng là một cơ sở không thể thiếu được, để phát triển nền sử học Việt Nam. Vì lịch sử chính là quá trình đời sống xã hội, và những hoạt động của con người diễn ra trong không gian và trong thời gian.

Những thành tựu nghiên cứu sử học của giáo sư Hoàng Xuân Hãn là một di sản vô giá của nền sử học và văn hóa Việt Nam. Bác là lớp người đi đầu trong công cuộc xây dựng nền sử học hiện đại Việt Nam. Tên tuổi, con người, sự nghiệp văn hóa khoa học của bác Hãn, những công trình nghiên cứu sử học cùng với tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm cao đối với dân tộc, động cơ vào mục tiêu nghiên cứu vì chân ký, vì sự thật lịch sử, vì lợi ích của đất nước và của con người, của bác Hoàng Xuân Hãn, mãi mãi là tấm gương sáng cho các trí thức Việt Nam, cho các thế hệ sử gia Việt Nam, hôm nay và cả mai sau.

**Thụy Khuê:** *Xin cảm ơn giáo sư Phan Huy Lê. Luật sư Đào Văn Thụy, anh là một trong những người chủ trương Tạp chí Khoa Học xã Hội ở Paris (từ 1976 đến 1987) - điều mà anh vẫn thường nói trong chỗ thân tình- là để có chỗ cho bác Hãn in bài. Bây giờ xin anh nhắc lại thời kỳ ấy.*

**Đào Văn Thụy:** Tôi đã có dịp được quen và gần gũi giáo sư Hoàng Xuân Hãn từ năm 1976, nhân việc xuất bản tập san Khoa Học Xã Hội mà tôi là thường trực tòa soạn. Được sự đóng góp quý báu của giáo sư, chúng tôi, một số anh em trách nhiệm như các anh Nguyễn Tùng, Tạ Trọng Hiệp, Nguyễn Đình Khánh đã cố gắng vượt mọi khó khăn để ra được tập san, tạo điều kiện

để giáo sư Hoàng Xuân Hãn hoàn tất những công trình nghiên cứu của giáo sư, và khai thác những tài liệu Hán Nôm quý báu mà giáo sư đã khám phá ra từ mấy chục năm trước.

Tập san ra được tất cả 14 số, hầu như số nào giáo sư cũng đóng góp bài. Đây là những công trình rất có giá trị cho kho tàng văn học của nước nhà, và có ích cho những nhà nghiên cứu về sử học và văn học. Tôi chỉ trình bầy ba tài liệu mà tôi cho là quan trọng nhất:

- Bài về Văn Nôm Của Phái Thiền Trúc Lâm Yên Tử. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã trình bầy ở đây một số bài văn Nôm của phái thiền Trúc Lâm Yên Tử, trong đó ba bản làm vào đầu thế kỷ XIV, là những bản Nôm xưa nhất. Nhân dịp này, giáo sư đã giải thích cách cấu tạo của chữ Nôm, sự hình thành và phát triển của chữ Nôm, và đồng thời chỉ cho ta phương pháp đọc chữ Nôm. Đây là một tài liệu căn bản cho các nhà nghiên cứu về Hán Nôm.

- Bài thứ hai chúng ta cần lưu ý Lịch Và Lịch Việt Nam. Đây là số đặc biệt của tập san dành riêng cho cuốn sách của giáo sư Hoàng Xuân Hãn. Bài Lịch và Lịch Việt Nam là một công trình nghiên cứu rất công phu, là một công cụ rất cần thiết cho sử gia, khi cần đối chiếu âm lịch với công lịch, để xác định niên hiệu của một sự kiện lịch sử. Giáo sư cũng đặc biệt lưu ý độc giả về lịch nước ta đã dùng trong hai giai đoạn: Giai đoạn 1080-1300, thời Lý Trần, ta đã dùng lịch đời Tống mà nay chưa rõ. Giai đoạn thứ hai, tức là giai đoạn 1644-1812, triều Lê-Nguyễn, ta đã theo lịch đời Minh mà triều Thanh đã bỏ.

- Bài thứ ba về Hồ Xuân Hương. Giáo sư đã trình bầy thân thế và những tác phẩm thực của Hồ Xuân Hương, dựa trên những căn bản, mà một phần do chính giáo sư khám phá ra, và một phần thì do giáo sư Trần Thanh Mại khám phá ra. Qua đó ta thấy Hồ Xuân Hương là một nhà thơ lỗi lạc, cả về chữ Hán lẫn chữ Nôm. Một khám phá lý thú của giáo sư là quan hệ tình cảm giữa Hồ Xuân Hương với cụ Nguyễn Du. Giáo sư cũng loại ra những bài thơ mà người ta gán ghép cho Hồ Xuân Hương, mà sự thực không phải là của Hồ Xuân Hương.

Những công trình xuất bản nói trên đã xác nhận công lao của giáo sư, một người: thứ nhất đã cứu vãn, bảo tồn và khám phá ra nhiều tài liệu lịch sử, văn học Việt Nam. Thứ hai là chỉnh lý, hiệu đính những tư liệu ấy bằng một phương pháp khoa học chính xác, nghiêm túc, nói có sách, mách có chứng, dựa trên cứ liệu vững vàng.

Sau cùng, qua sự gần gũi giáo sư, tôi thấy mình đã có may mắn, được gặp ở thời nay, một vị hiền triết, nhân cách, mẫu mực, sáng suốt, nhưng giầu lòng khoan dung, tính tình ôn hòa. Một người có một tinh thần dân tộc rất cao, đầy cởi mở.

**Thụy Khuê:** *Xin cảm ơn luật sư Đào Văn Thụy; và bây giờ giáo sư Ngô Đức Thọ, xin anh cho biết ảnh hưởng của học giả Hoàng Xuân Hãn trong công cuộc nghiên cứu Hán Nôm.*

**Ngô Đức Thọ:** Xin chào chị Thụy Khuê, tối 13 tháng 3 vừa rồi, hàng triệu đồng bào trong nước nghe đài truyền hình Việt Nam báo tin buồn giáo sư Hoàng Xuân Hãn qua đời. Trong niềm thương tiếc vô hạn của đất nước, chúng tôi là những người đang làm công việc nghiên cứu khoa học ở Viện Hán Nôm, rất sững sờ; bởi vì từ lâu rồi, giáo sư Hoàng Xuân Hãn là niềm tự hào chung của chúng ta. Qua các anh các chị ở Paris về, và cho đến gần đây thì chúng tôi vẫn biết là giáo sư còn khỏe mạnh và vẫn làm việc như thường, nay giáo sư đã đi vào cõi vĩnh hằng.

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn là một trong những nhà văn hóa lớn của thời đại chúng ta. Sự nghiệp của giáo sư lan tỏa, nó không còn nằm gọn trong một lĩnh vực nào, như là nhà văn học, nhà sử học, ... Bất cứ ở đâu, chúng ta cũng nhìn thấy bóng dáng đóng góp của giáo sư.

Riêng chúng tôi, cũng đang được vinh dự tòng sự vào những công việc bảo vệ nền văn hóa dân tộc, qua cái vốn thư tịch Hán Nôm, thì từ lâu, chúng tôi đã cảm thấy rất gần gụi với giáo sư Hoàng Xuân Hãn. Đấy là cái cảm giác mà tôi xin được thưa thật trong giờ phút thiêng liêng chúng ta tưởng nhớ đến nhà văn hóa:

Chúng tôi hàng ngày phải đọc sách, chị ạ, hàng ngày phải đến kho sách. Trong sự làm việc của chúng tôi, thỉnh thoảng lại dở ra, thấy những cuốn sách được người ta trân trọng ghi lại là: sách của thư viện có cái thì đề là HXH (tức là thư viện Hoàng Xuân Hãn), có cái thì đề hẳn là thư viện Hoàng Xuân Hãn- có nhẽ đó là những bộ phận sách mà trước đây, trước 45 hoặc sau 45, giáo sư đã đưa vào thư viện và bây giờ chúng tôi được diễm phúc đọc. Ví dụ như cuốn Lê Triều Khiếu Vịnh Thi Tập, hoặc là văn bản quyển Việt Điện U Linh, đấy là những bộ sách hết sức quý. Hết sức quý. các anh các chị đều biết rằng: Đây là một trong mấy cuốn sách thuộc vào 117 cuốn sách cổ của nước ta, được đăng ký trong thư mục của Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú đấy. Tôi không bao giờ quên cả, không cần phải dở sổ tay, tôi cũng nhớ những quyển sách ấy. Đại khái là như vậy.

Trong sự quý trong một người đã giữ gìn văn hóa, lịch sử, thì chúng tôi nhìn thấy những cái rất cụ thể của giáo sư Hoàng Xuân Hãn.

Thế còn sự việc trước tác của cụ, thì các anh các chị đều đã biết rất rõ cả rồi, và tôi nghĩ rằng ở trong nước cũng vậy, không phải chỉ những người làm công tác nghiên cứu ngành nào thì mới biết những quyển sách của cụ đâu, mà những người khác nếu họ tự nhận có trách nhiệm nghiên cứu văn hóa nước nhà- thì tôi nghĩ họ biết cả. Họ biết cả.

Cho nên bây giờ, trong lúc tưởng nhớ cụ, một con người lớn lao như thế, mình không thể dùng những ngôn từ thông thường hoặc cách thức tu từ kiểu gì đấy ... Tôi vẫn muốn nghĩ đến cụ là một nhà văn hiến học, cụ thể ra, đây là một chiến sĩ bảo vệ nền văn hoá dân tộc bằng lĩnh vực thư tịch Hán Nôm. Vấn đề thư tịch Hán Nôm, đối với cụ, sự nghiệp ấy rất là rõ ràng. Điều đó là một vinh dự rất lớn của chúng tôi.

Ngày nay, hàng năm, anh em chúng tôi vẫn còn đi về các địa phương, theo chân cụ, những bước mà cụ đã làm từ những năm 30, 40 của thế kỷ này. Mỗi lần chúng tôi đi dập bia ký, chúng tôi vẫn nhớ đến những tấm bia chùa Linh Xứng, bia chùa Diên Khánh, núi Hương Sơn ... Và như chúng tôi chẳng hạn, thì không phải lúc nào nghiên cứu Lý Thường Kiệt mới tìm đọc quyển Lý Thường Kiệt, rất nhiều chuyên đề: Ví dụ như khi tìm kiếm vấn đề địa danh thời Lý Trần thay đổi qua các thời đại; như tôi đang tiến hành chuyên đề nghiên cứu chữ húy Việt Nam, tôi cũng tìm thấy những khải thị có tính chất mở đường, ngay trong Lý Thường Kiệt, hay La Sơn Phu Tử, v.v... Đấy không phải là những quyển sách bình thường thông thường thì khi viết sách, viết báo, chúng ta cũng cố gắng để làm cho tốt, nhưng đạt được tầm cỡ như cụ, rất khó- bởi vì, chúng ta đều biết cái chiều sâu khi đi đến một mức độ nào, thì nó thành chiều cao, và đạt tầm cỡ như cụ thì không phải dễ.

Chúng ta tìm thấy ở trong ấy được rất nhiều điều khác, chứ không phải chỉ ở bản thân những điều mà chuyên đề lớn của cụ đặt ra.

Tôi cảm nhận là như vậy. Như chúng tôi, những quyển sách ấy chúng tôi dùng rất nhiều; thành thử ra tôi nói: gần gụi với cụ Hoàng Xuân Hãn là như vậy. Thậm chí, đôi khi làm cái gì đấy, rồi cũng phải mở cái đoạn ấy để xem, trong này cụ nói thế nào? Cụ nói thế nào? May tìm được cái gì thì ... Không những là không bao giờ có thể có điều gì ... mà không trúng cả. Mà ngược lại, những điều cụ nói rất là tự nhiên. Cụ thường hay dùng chữ: tôi mách cái này, tôi mách cái kia. Thì sự thực, vượt hơn chữ mách rất nhiều. Chính những chữ mách của cụ, thậm chí tạo ra cả một ngành học mới.

Ví dụ tôi đang tòng sự một chuyên môn rất hẹp hòi của tôi: đây là môn textologie, tức là môn văn bản học. Nghiên cứu lý thuyết về văn bản học vào thực tiễn khảo chứng của Việt Nam. Cái này thì chúng ta đã có trong truyền thống lịch sử rất nhiều. Nhưng phải nói rằng, ngay trong truyền thống đó, với tư cách khảo chứng cho nghiêm tức, đầy đủ, thì thậm chí cho đến bây giờ vẫn chưa thực sự bắt đầu.

Mà cái đó thì quý vị đã thấy rõ trong các sách vở của cụ Hoàng Xuân Hãn, ngay từ trong Lý Thường Kiệt, trong La Sơn Phu Tử, ở đâu chúng tôi cũng thấy một sự bắt đầu như vậy. Thực sự thì cụ dậy cho chúng tôi, thế hệ hậu sinh, không phải bằng sự giáo huấn, bằng lời cụ thể, mà chính ra bằng thị phạm chính cái công việc của cụ.

Nhiều cái, hiện bây giờ, chúng tôi nghĩ rằng, chỉ đọc những gì cụ đã làm, thì sẽ thấy phương pháp cụ đã theo, và thấy nhiệm vụ của mình làm được như thế nào, dù muôn một như vậy, theo bước đường của cụ, thì đấy là điều chúng tôi luôn luôn tâm niệm từ lâu.

Được tin cụ qua đời, chúng tôi cảm thấy rất hẫng hụt, từ nay không còn có một bậc như vậy. Đối với nền văn hiến của chúng ta, thật là một tổn thất nặng nề, tuy rằng, cái việc cụ đi xa không thể nào tránh khỏi.

Tưởng niệm cụ thì chúng ta phải nói về nghiên cứu Hán Nôm. Đây là vấn đề học thuật rất lớn mà nghiên cứu chữ Nôm đã là một nửa của vấn đề rồi (nếu không nói về số lượng tuyệt đối). Hãy xét về chữ Nôm, tôi kể chị nghe là: Cho đến độ khoảng những năm đầu của thập niên 70 này, thì các nhà nghiên cứu mà chúng tôi đọc được đều cho rằng: Nói chung, khi viết chữ Nôm, hoặc nghiên cứu chữ Nôm, thì có khi gặp những trường hợp phải giải thích rằng, chữ Nôm, khi viết chữ này, khi viết chữ kia. Quả thật là tình hình chữ Nôm của ta như thế: Đến lúc bấy giờ thì đã đạt được nhận thức là rất quý trong chữ Nôm, nhưng sự giải thích chữ Nôm thì ..!

Nhưng trong tập san Khoa Học Xã Hội của cụ, trong đó có bài Văn Nôm Đời Lê, cụ rất bình lặng để chú giải rất cặn kẽ, rất công phu, mấy bài phú Nôm đời Trần, qua bản in đời Lê. Chỉ riêng một cái khái niệm là,Văn Nôm Đời Lê, thì chúng tôi sực tỉnh ra rất nhiều!

Cụ hoàn toàn không viết những điều như tôi sẽ nói sau đây, nhưng mà chúng tôi rút ra ngay rằng:

À! Như vậy không phải chỉ có một lớp chữ Nôm đồng đại, mà cái tính lịch đại trong chữ Nôm. Riêng tôi, tôi rất là tâm đắc. Chỉ một cái khải thị như vậy, đủ sức giúp cho mình biết: Hóa ra không phải chỉ có một lớp chữ Nôm như thế này, của một thời đại, mà thậm chí, từ đời Trần, đời Lê, có những phát triển. Do đó vấn đề của nó không phải là lúc thế này, lúc thế kia, mà có những từng lớp nhất định. Có được một quan niệm như vậy rồi, thì mỗi người phải tự năng động, tự hiểu thêm, do đó chúng tôi đọc Quốc Âm Thi tập của Nguyễn Trãi thấy sáng ra rất nhiều, đọc ra được những chữ mà trước đây thấy là: hoặc thế này, hoặc thế kia. Có được như thế rồi thì mới đọc được Chỉ Nam Ngọc Âm, một quyển tự điển Nôm cổ v.v... Tôi thấy cái lớn lao, không phải chỉ mấy cái bài phú Nôm đời Trần mà cụ để lại, mà là ở những cái đó. Thì riêng ở những cái đó, cụ đã mở rộng ngành học, mặc dầu ở đây, không có một sự chỉ giáo trực tiếp nào, về tổ chức, về việc thực hiện.

Tôi là một người được mang ơn cụ trong những khải thị như vậy. Tôi xin nhân lúc này, biểu hiện nên sự tri ân đối với cụ. Mặc dầu với những lĩnh giáo như vậy, mình còn phải làm thế nào. Đấy là cả câu chuyện trách nhiệm của chúng tôi đối với nền văn hiến của nước nhà. Tôi cũng muốn qua chị, xin cám ơn các anh các chị, đã tạo điều kiện cho chúng tôi, nhân dịp đau thương này, được bầy tỏ sự nuối tiếc vô cùng, đối với một nhân tài văn hóa, đối với nhà bảo vệ văn hiến dân tộc, là giáo sư Hoàng Xuân Hãn.

**Thụy Khuê:** *Xin cám ơn giáo sư Ngô Đức Thọ, và sau cùng, giáo sư Nguyễn Huệ Chi, xin anh trình bày những khía cạnh về con người Hoàng Xuân Hãn.*

**Nguyễn Huệ Chi:** Cái chết của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn không làm sửng sốt bàng hoàng, vì tính đến nay ông đã 88 tuổi. Nhưng tôi ngẩn ngơ, tiếc xót như mất một vật báu khó lòng tìm lại. Tôi nghĩ, trong hàng ngũ các nhà khoa học Việt Nam, ông là một nhân vật ưu tú của thế kỷ này. Về tuổi tác, nếu nói

một cách hình ảnh thì ông đã "đạp chân" và "chạm đầu" vào hai thập kỷ mở và kết của thế kỷ XX (1908 - 10-3-1996), nên việc ra đi của ông - riêng trong lĩnh vực khoa học nhân văn và xã hội mà nói - vô hình trung cũng giống như một cuộc "bàn giao trách nhiệm" của một thế kỷ sắp dứt, cho những thế hệ sẽ bước tiếp vào thế kỷ tới. Nói thế chắc cũng không có gì quá đáng vì những người tầm vóc như ông, thuộc thế hệ ông, nay đang còn chắc cũng chỉ đếm trên đầu ngón tay.

Muốn hiểu được Hoàng Xuân Hãn - nhà khoa học thì trước hết phải hiểu Hoàng Xuân Hãn - con người. Con người Hoàng Xuân Hãn là một người "hòa nhi bất đồng", một nhân cách trung thực. Ông trực ngôn nhưng ôn tồn, có chính kiến nhưng không gay gắt. Nhìn ai, ông nhìn mặt tốt, mặt hứa hẹn, và bỏ qua mặt khiếm khuyết của họ. Trước năm 1945, nói chuyện với tướng Mordant trong phái De Gaulle ở Đông Dương, ông yêu cầu Mordant muốn cộng sự Việt - Pháp thì Pháp hãy bắt chước Anh trả độc lập cho Việt Nam. Mordant bị chạm mà vẫn không bắt bẻ được ông. Tháng 10 năm 1945, được Chủ tịch lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tiếp, ông cũng cũng thẳng thắn nói hết các vấn đề đang làm mình nghĩ ngợi: vấn đề vận nước, vấn đề phe phái tranh chấp, vấn đề đối xử với trí thức. Ông nói tha thiết khiến Cụ Hồ hai lần thân tình giữ ông lại. Tháng 4 năm 1946, được cử làm Trưởng ban chính trị phái đoàn Việt Nam tại Hội nghị Pháp - Việt Đà Lạt, cùng nhiều người khác, ông hết sức tranh đấu cho tự do và độc lập của dân tộc và cho sự trì hoãn của một cuộc "đối đầu". Nhưng ông còn hiểu thấu tâm huyết, nhiệt tình ái quốc và nỗi ưu tư của các thành viên trong phái đoàn vốn rất khác nhau, từ Nguyễn Tường Tam tức Nhất Linh (trưởng đoàn), Võ Nguyên Giáp (phó trưởng đoàn) đến Bùi Công Trừng, Nguyễn Văn Luyện, Dương Bạch Mai, Nguyễn Mạnh Tường... Hoàng Xuân Hãn quả là một con người sống có chủ kiến, không để "mất" mình vì thiên kiến và cũng không dễ bị lay động trước một ý kiến mà mình không thuận.

Những đặc điểm đó của cá tính, đi vào khoa học, đã làm nên "phong cốt" của ngòi bút của ông. Tôi nghĩ, sở dĩ ông đạt được những công trình xuất sắc hơn người, và "đứng" được mãi, vì trước tiên ông đã thay đổi hẳn phương pháp tư duy khoa học của thế hệ các nhà khảo cứu cũ. Ông không coi sự mô tả các hiện tượng là toàn bộ công việc nghiên cứu, cũng không coi sự suy nghĩ tư biện, sự "bình tán" là mấu chốt giá trị của mỗi công trình. Phải tìm ra được những tài liệu xác chứng, giúp đi vào nơi tung thâm của mọi hiện tượng, đó mới là công việc đáng làm. Cho nên, Hoàng Xuân Hãn đã gần như đem khoa học thực nghiệm vào khoa học xã hội. Từ những tìm tòi, khám phá và khảo chứng tư liệu tỉ công phu, ông rút ra những luận điểm mới mẻ, sắc sảo. Với ông, tài liệu "độc đắc" và ý kiến "khó lòng phản bác" phải quyện chặt vào nhau. Sự trung thực với tư liệu ở Hoàng Xuân Hãn đã dần dần trở thành một phẩm chất đi đầu; vì thế, vào năm 1944, ông sao được bản Nôm cuốn *Song tinh bất dạ cổ* rất quý, do thi sĩ Đông Hồ gửi cho Hội Khai Trí Tiến Đức, ông

phiên âm nhưng để đấy; phải chờ hơn 4 thế kỷ sau, đất nước đã hòa bình, ông mới gửi cả bản phiên âm lẫn bảng Nôm về cho nữ sĩ Mộng Tuyết, quả phụ cố thi sĩ Đông Hồ để bà công bố. Tuy rất quý trọng tài danh nữ sĩ Đoàn Thị Điểm, ông vẫn phải dành vinh dự về người dịch bản *Chinh phụ ngâm* hiện hành cho Phan Huy Ích, vì ông thấy không thể nào khác hơn được. Ông cũng không thể hiểu được vì sao có người lại lấy bản *Lưu Hương Ký* của Viện văn học rồi giữ rịt lấy, không trả lại cho người khác cùng dùng.

Tất nhiên, là một người mang cốt cách Nho phong, khi viết mỗi công trình khoa học, ông đều có gửi gắm vào đó một chút tâm sự. Chẳng hạn, công trình *Lý Thường Kiệt* in ở Hà Nội năm 1949-1950 có đề tặng "tất cả những người hy sinh cho Tổ quốc", có ý nói tuy bấy giờ mình đang sống ở Tề mà lòng vẫn hướng về Sở. Công trình *La Sơn Phu tử* là có ý muốn nêu cao cái nhân cách của Nguyễn Thiếp, một vị Phu tử vui lòng ra làm cố vấn cho Nguyễn Huệ nhưng không phải đi theo Nguyễn Huệ hoàn toàn. Nhân cách ấy, Hoàng Xuân Hãn muốn nêu lên để làm gương cho mình.

Năm 1994, gặp Giáo sư Hoàng Xuân Hãn ở Paris, ông đã chủ động hợp tác với chúng tôi trong công trình *Nguyễn Du toàn tập*, trong đó ông giữ việc khảo đính *Văn chiêu hồn* và *Truyện Kiều*. *Văn Chiêu Hồn* đến nay ông đã hoàn thành trọn vẹn và gửi về cho chúng tôi. Còn *Truyện Kiều* thì nay ông mất đi, tôi chưa biết tính sao. Hy vọng sẽ lại sớm liên hệ được với gia đình bà quả phụ Hoàng Xuân Hãn để có thể tiếp tục những công việc ông còn dang dở.

THỤY KHUÊ *thực hiện*

---

(1) Chúng tôi in toàn bộ các cuộc điện đàm mà trong phần phát thanh có đôi chỗ phải cắt bỏ, vì giới hạn thời gian



**TRẦN VĂN KHÊ**

# thương tiếc giáo sư hoàng xuân hãn



Một người thầy, sau trở thành bạn vong niên.

Tôi biết tên G.S Hoàng Xuân Hãn từ lúc còn là sinh viên Đại học Hà Nội. Lúc ấy, tôi chỉ biết Giáo sư đậu bằng Thạc sĩ toán học, tốt nghiệp trường Bách Khoa Paris, một "đại trí thức" thời bấy giờ...

Về con người trong chánh giới, cũng như về nhà văn hóa lớn của Việt Nam rất có công trong việc nghiên cứu và biên soạn những sách về danh từ khoa học, về văn học lịch sử, chắc có những chánh khách, văn nhân và sử gia sẽ viết lại. Tôi chỉ muốn ghi lại đây công ơn của G.S. Hoàng Xuân Hãn giúp tôi rất nhiều trong việc nghiên cứu âm nhạc, và nhiều thành quả tôi thâu thập được phần lớn nhờ sự dìu dắt, chỉ dạy và gợi ý của Thầy Hãn. Đối với tôi chỉ có danh từ "guru" của Ấn Độ mới có thể chỉ đúng người Thầy như Thầy Hãn, vì chẳng những Thầy trao cho kiến thức mà còn vạch một con đường, một hướng đi, và bằng tấm gương sáng của Thầy dạy cho tôi một cách nhìn đời, nhìn người và xử thế.

Năm 1932, tôi đã ghi đề tài "Âm nhạc truyền thống Việt Nam" để soạn luận án Tiến Sĩ Văn chương tại Đại học Sorbonne Paris. Lúc ấy tôi phải đọc những sách viết bằng chữ Hán, mà Hán học của tôi chưa đủ để làm công việc ấy.

Lúc ấy G.S Hãn đang trọ ở nhà em của G.S là bác sĩ Hoàng Xuân Mẫn. Khi biết tôi soạn luận án Tiến sĩ về âm nhạc truyền thống Việt Nam, G.S rất vui và sẵn lòng, mỗi tuần gặp tôi trong đôi ba tiếng đồng hồ để giúp tôi đỡ mất thì giờ tra từ điển, và hiểu rõ các đoạn lịch sử Việt Nam có liên quan đến âm nhạc.

"Nhứt tự vi sư, bán tự vi sư", người dạy mình nửa chữ cũng là Thầy, huống chi Giáo Sư Hãn chẳng những giảng rành rọt về những chữ khó như "Văn" trong âm nhạc mà cụ Nguyễn Trãi đã dùng, như chữ "Cấu" tên một nhạc cụ trong ban Đại nhạc đời Trần ghi trong quyển *"An Nam Chí lược"* của Lê Tắc, Thầy còn khuyên tôi nên đọc những quyển khác, như *Lê triều Hội điển, Lịch triều hiến chương loại chí, Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hổ, *Công dư tiệp ký* của Vũ Phương Đề, và nhứt là *Bộ Đại Nam hội điển sự lệ;* khi đến quyển thứ 99, Thầy Hãn đã đọc và giảng cho tôi trong gần hai tháng trời để tôi viết thành chương Lễ nhạc cung đình dưới triều Nguyễn.

Nhiều lúc Thầy *giảng cho tôi một chữ mà gợi cho tôi cả một đường hướng nghiên cứu.* Khi bàn đến danh từ dùng trong ca trù như "hát thổng cung Huỳnh, hát dồn đại thạch" Thầy Hãn nói chuyện cho tôi nghe Cung Huỳnh tức là "Hoàng Chung" Đại thạch, mà có nơi cũng gọi là "Đại thực". Tra từ điển, Thầy Hãn nói với tôi "Đại thực" cũng có nghĩa là Á rập: "Anh thử xem nhạc Á Rập có ảnh hưởng chi đến nhạc Việt Nam chăng". Thầy đã gợi ý cho tôi như thế... Nhờ Thầy Hãn chỉ hướng đó mà đến nay tôi có thể giải thích và chứng minh tại sao nước Việt không có sa mạc mà lại có ngâm thơ theo "điệu sa mạc" và về mặt nhạc học có điểm tương đồng giữa "hơi sa mạc" và "maqam Sika" của Á rập và "dastgâh Segâh" của Ba Tư.

Thầy bảo tôi đừng gọi Thầy là Ông, là Thầy nghe nó xa cách quá. Thầy và phu nhân bao lần bảo tôi gọi là Anh, Chị. "Cung kính bất như phụng mạng", tôi gọi Thầy Hãn và Phu nhân là Anh Chị Hãn từ hơn hai chục năm nay. Anh Chị Hãn là những người bạn vong niên đã giúp tôi rất nhiều về mặt tinh thần lẫn vật chất trong công việc nghiên cứu.

Qua những câu chuyện khi gặp Anh Chị tại tư gia, hay những lúc Anh Chị cho cùng đi nghỉ hè tại Dã thự Cam tuyền, tôi vô cùng cảm phục con người *dám lãnh trách nhiệm khó khăn* trong lúc nước Việt Nam còn chập chững trên con đường tìm lại độc lập, đã gặp những chánh khách Việt Pháp để bàn việc nước, và trong những lời khuyên của Anh, lúc nào Anh cũng *đặt quyền lợi đất nước và dân tộc trên tất cả cá nhân hay bè phái.*

Anh đã *giúp ích cho nước nhà từ chuyện lớn đến chuyện nhỏ*. Khi thấy không còn có thể cộng tác mật thiết với một chánh thể hay một chánh quyền, anh quay về dân tộc. Sau khi nội các Trần Trọng Kim từ chức, Anh đi khắp đường phố Hà Nội để cứu vớt những sách tàn giấy cũ bằng chữ Hán bị vứt đi vì dân chúng cho rằng sách chữ Hán đã "lỗi thời", vứt đi vì không biết giá trị của nó. Anh đã cứu rất nhiều tài liệu quí giá về văn học, chánh trị v.v...

Anh lại nêu gương rất rõ việc *học của người mà làm cho mình*. Tây học

đến mức tuyệt cao Thạc sĩ Toán học, tốt nghiệp trường Bách Khoa Paris, anh lại chuyên về Hán Nôm và ngoài việc viết cuốn sách *"Danh từ khoa học"* giúp cho việc dạy khoa học bằng tiếng Việt, Anh còn viết những quyển khác về văn học hay lịch sử các nhân vật Việt Nam.

Anh làm việc *không vì danh hay vì lợi, chỉ vì tình đối với đất nước và dân tộc Việt Nam*. Sưu tầm nghiên cứu, viết sách, viết báo để phổ biến những điều đã thu thập được.

Khi nghĩ rằng con đường Anh đi đúng theo chánh nghĩa, thì không màng đến tiếng thị phi.

Lúc nào cũng như người trượng phu,
*"hành thiên hạ chi đại đạo, lập thiên hạ chi chánh vị,*
*phú quí bất năng dâm, bần tiện bất năng di, oai võ bất năng khuất".*
Không đảng phái, không nịnh bợ, không lòn cúi.

Tôi đã noi gương Anh trong công việc làm cũng như trong cách xử thế.

Trên đời có sanh có tử theo luật vô thường.

Nhưng không sao ngăn được lòng quí thương tiếc mến Anh, một người tuy tuổi cao mà vẫn còn minh mẫn, trí nhớ bao việc xưa còn đầy đủ, còn có thể giúp rất nhiều cho những người nghiên cứu về lịch sử Việt Nam, nhứt là về khoa Hán Nôm...

Xin kính chúc hương hồn Anh tiêu diêu nơi cõi thọ và thân thiết phân ưu cùng tang quyến.

Anh đã tròn sứ mạng làm người, làm dân nước Việt, đã đóng góp rất nhiều trong lĩnh vực chánh trị, khoa học và văn hóa và Anh sẽ sống mãi trong tình kính thương quí mến của dân tộc Việt Nam.

Xin được phép ghi lại đây bài thơ tôi phụng họa bài thơ anh viết để cám ơn các bạn mừng lễ bát tuần của Anh.

Bài thơ của Anh Hoàng Xuân Hãn

### Đáp lời mừng thọ

*Tuổi tác nay vừa chẵn tám mươi*
*Đời ta ngẫm lại lắm khóc cười*
*Thương tâm bốn trận binh đao thảm*
*Mơ mộng nhiều phen vận hội tươi*
*Bọt nước hư danh mình chẳng bợn*
*Gốc nhà cố giữ chí không lười*
*Tri âm chẳng lựa so già trẻ*
*Xin dãi lòng son cảm tạ người*

Phụng họa bài thơ của Anh Hãn, trước để kính mừng thượng thọ của Anh, hôm nay để tưởng nhớ đến người bạn vong niên.

*Mừng chúc anh vừa thọ tám mươi*
*Tuổi tuy chồng chất vẫn vui cười*
*Ruộng văn gieo lắm mầm xinh đẹp*
*Vườn sử trồng nhiều cây tốt tươi*
*Lúc khỏe sưu tầm luôn rất bận*
*Khi đau nghiên cứu vẫn không lười*
*Suốt đời tận tụy vì dân tộc*
*Sống được như anh dễ mấy người.*

Kính họa TRẦN VĂN KHÊ

Thủ bút của bài thơ *Đáp Lời Mừng Thọ*
(Bản sau đây đã được GS Hoàng Xuân Hãn sửa lại,
nhiều chữ khác với bản đầu làm năm 1988

Đáp lời mừng thọ

Tuổi tác nay đã chẵn tám mươi
Đời ta ngẫm lại lắm khóc cười
Thương tâm lửa bỏng binh đao thảm
Mộng mị nhiều phen hận vận trời
Bọt nước hư danh lòng chẳng bận
Vần nhà cố giữ chí không lười
Tri âm chẳng lọ so già trẻ
Xin đáp lòng son cám tạ người

[illegible]



TẠ TRỌNG HIỆP

# tưởng niệm bác hãn: bậc thầy hán nôm



**1. Đọc và học qua tác phẩm của bác**

Mỗi người trong chúng ta đến với bác một cách khác nhau. Riêng tôi là người được bác dẫn vào nghề nghiên cứu Hán Nôm từ 1953 trở đi, tôi bắt đầu biết bác bằng sách của bác.

Khi rời Việt Nam để sang Pháp, cuối năm 1951, năm 18 tuổi, với cái vốn văn hóa đơn sơ nhẹ nhàng như một tờ giấy trắng, tôi nhớ rõ là vài ngày trước hôm tôi xuống tàu (tôi đi tàu thủy), có đến nhà sách Vĩnh Bảo tìm xem có cái gì đáng mua, gọi là để làm hành trang cho chuyến du học của mình không, và có mua mấy cuốn phê bình của nhóm *Chân Trời Mới* (bộ ba tác giả Mác-xít Tam Ích, Thiên Giang, Thê Húc), mấy cuốn tiểu thuyết, truyện ngắn và thơ của Vũ Anh Khanh. Và cuốn *Danh Từ Khoa Học* (bản 1948 của nhà Vĩnh Bảo)! Tôi vẫn chưa hiểu tại sao. Chỉ nhớ rằng hình như mình có linh tính rằng thế nào, ở một lúc trình độ cá nhân sẽ cao hơn, sẽ cần và đủ sức dụng cuốn sách lúc ấy vượt quá khả năng lĩnh hội của mình.

Vậy là tôi đã sang Pháp với hai tâm tình. Một tâm tình sôi nổi, đầy tính văn nghệ cách mạng (văn nghệ và cách mạng), dấu vết của hai năm lớn lên ở Sàigòn (1949-1951), sẽ mờ dần rồi khô héo và chết hẳn, mấy năm sau. Và một tâm tình thiên về lí tính và thực chứng (rationalisme positiviste), lúc ấy còn nằm dưới đáy của vô thức (hay tiềm thức) của tôi.

Tôi đọc cuốn *Danh Từ Khoa Học* ở Pháp, và tôi đã gặp ở đấy (như mọi độc giả của cuốn sách ấy) cả một vũ trụ tư duy khoa học trong đó ngôn ngữ

Việt Nam được sử dụng như một công cụ đầy hiệu nghiệm, đạt đến trình độ trưởng thành và chính xác. Ở đó, cả hai yếu tố Hán và Việt đều được vận dụng và kết hợp rất hợp lí để cấu tạo ra thuật ngữ chuyên môn.

Ai cũng dễ thấy là tác giả bắc được cái cầu nối cái mới với cái cũ: kiêm được cả hai cái có vẻ mâu thuẫn ấy trong một bản lĩnh thống nhất, vững vàng. Trong sự học của ta, không thể chỉ có Tây học. Trong cái vốn cổ của ta, không thể loại bỏ thành phần Hán.

Kết luận với tôi là ghi học Hán ngữ (qua Hoa ngữ) ở trường Sinh ngữ Đông phương. Học đến năm thứ hai, có phần cổ văn, tôi cố mày mò để học thêm Hán Việt, bằng cách tra trong Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh mà nhà Minh Tân cũng vừa chụp in và tái bản ở ngay Paris. tôi đến tận nhà sách (ở số 7, rue Guénégaud) mà mua, thấy cả hai cuốn La Sơn Phu Tử (1952) và Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo, cũng mua luôn, đem về đọc ngấu nghiến, vừa tò mò vừa thích thú. Vì tôi đã biết tên tác giả rồi, qua Danh Từ Khoa Học. Nhưng không ngờ bác có nghiên cứu cả cổ văn.

Rồi tôi say mê tác giả, và nhờ nhà sách của anh Cang (1ter rue de la Huchette, lúc ấy tên là nhà sách Lê Lợi, sau mới đổi tên là nhà sách Việt Nam, khi qua tay ông Đào Khiết) đặt mua tất cả các tác phẩm mang tên Hoàng Xuân Hãn: *Lý Thường Kiệt* (1949-1950), *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca* (1949), *Hà Thành Thất Thủ Và Hoàng Diệu* (1950), *Mai Đình Mộng Ký* và *Thi Văn Việt Nam*, tập I (đều xuất bản năm 1951). Với cuốn này (là cuốn cuối cùng mà bác in được ở Việt Nam trước khi sang ngụ cư ở Pháp) tôi học được một tuyên ngôn, ngắn gọn và tường tận, về phương pháp xử lí bản văn Nôm cổ, như đã áp dụng trong toàn bộ các cuốn khác. Với ngành Hán Nôm, nay tuyên ngôn ấy, nằm trong Lời nói đầu, vẫn còn nguyên giá trị. Nên tôi xin trích vài đoạn cốt yếu (sách ấy nay rất khó kiếm, chưa hề tái bản) để ta hiểu thêm một hoạt động đã thu hút sức lao động học thuật của bác suốt 50 năm vừa qua, đến ngày tạ thế vẫn còn đeo đẳng bền bỉ:

Trích từ sách *Thi Nhân Việt Nam* (1951):

[Sau khi nhắc đến công lao của các vị tiền bối, như Dương Quảng Hàm, Lê Dư, Bùi Kỷ, Nguyễn Văn Tố, nhất là ông này đã tìm cách kiểm soát lời văn đích xác, bác nhận xét:]

Nhưng chưa có ai đã thử tìm tòi, xếp đặt, kiểm soát các văn cũ một cách có qui mô. Vì vậy mà chương trình cũng như sách học về quốc văn chỉ quanh quẩn trong các phạm vi và đề tài hẹp và không chắc chắn ...

Tuy không chuyên môn về văn chương và văn khoa, tôi đã để ý đến sự thiếu thốn ấy từ lâu, và đã có đề cập đến cách cải thiện trong một luận thuyết đăng ở báo La Patrie Annamite vào năm 1935 (nhan đề là: Quel sera l'avenir de la langue annamite?, số báo 146 (2/5/1936) và tiếp theo) ...

Về văn từ thì tôi rất chú trọng để giữ được nguyên cổ văn. Sự ấy rất khó, vì phần lớn các văn đã bị phiên âm thất cách, hoặc còn bản nôm, nhưng đã

bị sao lại nhiều lần. Các người phiên âm hay sao [chép] thường không hiểu tiếng cổ, nên đã tự ý chữa đi.

Tôi đã cố tìm những bản nôm, cũ được chừng nào hay chừng ấy, hoặc tìm nhiều bản gốc khác nhau để so sánh. Tôi đã kê các tiếng cổ thành tự vị, rồi vin vào cách viết nôm, [và] ý trong câu, mà đoán âm và nghĩa. Với sự kinh nghiệm ấy, tôi đã đọc và hiểu nhiều từ ngữ xưa. Rồi tôi vin vào tự dạng, vào âm, vào nghĩa, để tái lập được nguyên thoại.

Ai có đọc sách cổ văn do bác biên tập (không kể các bài đã đăng trong các tạp chí từ 1942 đến khi bác mất), các cuốn kể trên (trước 1953) cũng như các cuốn sau 1953 (*Bích Câu Kỳ Ngộ*, 1964; *Truyện Song Tinh*, 1987; *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh* của Nguyễn Du, 1995) đều có thể thấy là bác đã thực hiện đúng như đã đúc kết đoạn cuối, trích ở trên đây. Và sẽ còn thấy trong bản Kiều di cảo, mà tôi cầu mong là gia đình giao sớm cho một nơi xuất bản đứng đắn trong nước công bố một cách xứng đáng với tài nghệ của hai con người xuất chúng của quê hương Hà Tĩnh: Nguyễn Du và Hoàng Xuân Hãn.

Và không biết có cách nào hợp lí nhất (và có tài nguyên) để công bố các tự vị kê tiếng cổ mà bác đã bỏ ra một công sức phi thường để ghi vào fiches (phiếu), từng tác phẩm cổ văn một, kèm với xuất xứ tỉ mỉ từng câu, mà tôi đã được bác cho xem ít nhiều từ khi tôi được trực tiếp đến học Hán Nôm ở nhà bác, từ cuối 1953.

**2. Học trực tiếp**

Vâng, cuối 1953, bác có nhận dạy chữ Hán cho một vài anh em, chừng 10 người, mỗi tuần một hai buổi tối. Tôi được học bác từ đấy, đúng lúc tôi đang học cổ văn với giáo sư Pháp ở trường Sinh ngữ Đông phương, nhờ vậy đã được bác dậy cách đọc âm Hán Việt, nói nôm na là học chữ Nho như thời còn Hán học ở nước ta. Sau vài tuần, số người thưa dần, rồi bỏ hẳn (vì các anh ấy bận chuyện khác, chuyện chính trị và chuyện nghề nghiệp). Còn lại một mình tôi thôi, kể cũng buồn cho bác vì bác rất ham giảng dạy. Tôi thì cứ bám riết, lại được bác cho mượn sách mà học thêm (như cuốn *Sin Kouo Wen cuả Henri Lamasse*). Mỗi tuần ba bốn buổi tối. Sau sáu tháng, chính bác quyết định dạy tôi đọc chữ Nôm. Không giảng lí luận và phân loại kềnh càng. Mà bắt đầu mở một cuốn Kiều nôm, bác ngồi nghe và nhìn tôi dò dẫm từng chữ một, mỗi lần vài câu. Khi tôi bí, bác mới gỡ cho, và đưa một chuỗi trường hợp đồng loại (ví dụ, ngay chữ trăm ở đầu câu 1: Sao lại dùng lâm mà viết cái từ ngữ mà nay ta đọc là trăm? Vì xưa ta đọc tl-ăm, kl-ăm; và chữ nôm xưa dùng hai chữ cá + lâm mà về sau người ta chỉ giữ lại một âm thôi).

Cứ thế mà tiến nhanh, học một biết mười, đi từ dễ đến khó, từ cái quen thuộc (=truyện Kiều) lan dần sang cái cổ hơn, chưa quen. Cả thảy độ chừng một năm, đi từ chữ Hán đến chữ Nôm, tôi đã tạm đủ sức để đọc dần mấy chục truyện Nôm trong thư viện trường Sinh ngữ Đông phương. Ở nơi này, năm

thứ ba tôi đã đủ sức đọc được trọn vẹn cả một cuốn sách chữ Hán của Trung quốc. Vậy cũng có thể bớt đến "quấy rầy" bác. Và nhân bác vắng nhà, vì suốt thời gian hội nghị Genève bác được phái đoàn Phạm Văn Đồng (trong đoàn có bạn cũ của bác như ông Phan Anh) gọi sang góp ý kiến, thì tôi cũng thừa dịp ấy mà không đến nhà nữa.

**3. Phong cách**

Vỏn vẹn chỉ có một năm học tại nhà bác, tôi đã thấy rõ công phu sâu rộng của bác về chuyên môn Hán Nôm. Qua nội dung các bài mà bác bình giảng, qua sự quan sát về con người học giả Hoàng Xuân Hãn, tôi lại nhận ra tính tình và ít nhiều nét chính kiến của bác: Một nhà giáo giỏi, một tâm hồn trung thực và vui vẻ hài hước, say mê chuyện giáo dục và văn hóa cho dân tộc Việt Nam chứ không thiên vị đảng phái và chủ nghĩa nào, không ưa các áp lực của chuyên chế, vì tính bác là khoan dung đại độ.

Trong con người thầy Hãn, hai mặt khoa học hiện đại và vốn cổ của truyền thống dân tộc, không mâu thuẫn với nhau, mà kết hợp hài hòa, gây nên một bản lĩnh vững chắc để xây dựng và sáng tạo.

TẠ TRỌNG HIỆP
20/3/1996

Thủ bút chữ Nôm bài *Đáp Lời Mừng Thọ*
của GS Hoàng Xuân Hãn

Paris 31/1/88





**ĐẶNG TIẾN**

# bác hãn



Vì ở xa Paris, tôi ít có dịp thân cận với bác Hãn. Những buổi tiếp xúc dài lâu, đôi ba lần, là những năm cùng nghỉ hè với bác tại Dã Thự Cam Tuyền (Manoir d'Aubonne) ở Normandie. Đối với bác, tôi một lòng ngưỡng mộ và mến yêu, là chuyện đương nhiên; nhưng ngược lại, với tôi, dường như bác cũng có chút tình riêng. Không rõ có đúng không, nhưng trong chủ quan, tôi lúc nào cũng mang ơn tri ngộ.

Sở dĩ dè dặt, vì bác là bậc trưởng thượng nhưng độ lượng và hiếu khách, nên ai được tiếp xúc với bác cũng có cảm giác hân hạnh là được ưu đãi, quá cái mức mình mong đợi. Có người cao hứng viết bài tràng giang đại hải ca ngợi bác.

Phần tôi, trong việc nghiên cứu văn học, tôi hết sức trọng vọng bác, vì văn học dựa trên ba điểm chính: sử liệu, văn bản và từ ngữ. Về cả ba mặt này, bác Hãn là bậc thầy không ai chối cãi. Ví dụ về *Truyện Kiều,* suốt một trăm năm nay, chúng ta có mấy chục văn bản, nhưng ai cũng đợi chờ bản Hoàng Xuân Hãn, để biết mặt thật của tác phẩm, và hiểu thêm một số chữ. Ví dụ:

*Dặm hồng bụi cuốn chinh an*
*Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh*

Chắc là Nguyễn Du đã dựa vào *Chinh phụ ngâm:*

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy*
*Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu*

nguyên tác chữ Hán của Đăng Trần Côn:

*Tương cố bất tương kiến / thanh thanh mạch thượng tang.*

Câu thơ nổi tiếng, tôi thuộc từ nhỏ, nhưng không hiểu *ngàn dâu* là gì. Đào Duy Anh giải thích là rừng dâu, dâu là loại cây lớn, bên Tàu; Lê Văn Hoè cũng giảng như vậy. Các tác giả khác thì không giải thích, có lẽ cho là dễ quá. Nhờ lời giải của Hoàng Xuân Hãn, trong *Chinh phụ ngâm bị khảo* và *Bích câu kì ngộ*, tôi mới hiểu *ngàn* đây là *bờ*, do chữ *ngạn* mà ra, ví dụ trong lời nhạc Nguyễn Đức Toàn: *Dâu bờ xanh thắm, nong tằm chín lứa tơ* và đúng với câu chữ Hán của Đặng Trần Côn *mạch thượng tang* (dâu bên đường). Còn chữ *ngàn* nghĩa là rừng, thì do chữ *nguồn (nguyên)* mà ra, không phải ở đây. Tôi đưa ra một ví dụ cụ thể như vậy để thấy rằng những việc rất nhỏ, tương đối đơn giản, mà không ai làm, kể cả Nguyễn Quang Tuân mới đây trong *Chữ nghĩa Truyện Kiều* (1990).

Bác Hãn gốc gác là một nhà giáo, nên suốt đời ưa giảng giải. Lúc nào cũng lớp lang tường tận, có khi tường tận quá mức chờ đợi của người hỏi. Cuốn *Truyện Song Tinh* của Nguyễn Hữu Hào, do bác hiệu đính, được nhà xuất bản Văn Học (Hà Nội) in năm 1987 là một ví dụ "sư phạm": tác phẩm được sáng tác vào khoảng 1700 bằng thơ lục bát khó đọc, bác đã diễn dịch thành văn xuôi, sau khi sửa chữa những chữ chép sai và bổ khuyết những đoạn mất, vì "*nếu không hiệu đính thì có lẽ hậu lai không ai đọc đến Truyện Song Tinh của Nguyễn Hữu Hào*" (tr.42), một trong những tiểu thuyết đầu tiên của nước ta, và có lẽ là tác phẩm đầu tiên khai dòng cho văn học miền Nam.

Bác Hãn là bậc đại khoa, là quan đại thần, là nhà khoa học kỹ thuật ưu tú đã hành nghề cao cấp tại nước ngoài, và sống phần lớn đời mình ở nước ngoài ở mức thượng lưu. Ấy thế mà con người bác vẫn giữ được phong cách đơn giản của người nhà quê Nghệ Tĩnh. Khi tình cờ ai nhắc đến một từ ngữ, một món ăn, một phong tục dưới chân đèo Ngang, là bác trở thành linh động, tha thiết, sôi nổi. Âu đó cũng là truyền thống lâu đời của bậc đại nho Việt Nam từ Nguyễn Trãi đến Nguyễn Khuyến. Không rõ rồi đây truyền thống cao đẹp ấy có còn tiếp nối.

Những kỷ niệm trên đây đưa đến hình ảnh cuối cùng về bác Hãn, một chính khách. Một người có tài năng, học vị như bác dĩ nhiên là được giằng co, níu kéo giữa bao nhiêu biến thiên của lịch sử. Mọi chọn lựa, mọi thái độ đều khó khăn giữa những cái đúng, cái sai nhất thời, tương đối. Bác Hãn là người có ý thức chính trị cao xa và sâu sắc, bác luôn luôn cảnh giác và nhạy bén để giữ cho mình khí tiết và phẩm cách, mà vẫn đóng góp hữu hiệu cho đất nước về mặt này hay mặt khác. Đó là hiền triết của bác. Nhưng nhìn

chung, tạm xem thái độ chính trị của bác được quy định giữa hai trục chính: Tổ quốc và Dân chủ. Tất cả việc làm của bác, từ bài báo, cuốn sách đến cuộc tiếp tân, món quà tặng, đều di chuyển tọa độ giữa hai trục Tổ quốc và Dân chủ.

Việt kiều tại Pháp ít ai gọi bác bằng danh vị, học vị, chỉ gọi giản dị là *Bác Hãn*, chữ bác thân tình đi với tên riêng, chứ không đi với họ. Ấy là lối gọi mộc mạc, dân dã, tự nhiên trong làng mạc Việt Nam, không có sự áp đặt và định chế. Sau này nhất định sẽ có những bài văn tưởng niệm hùng hồn, uyên áo ca ngợi sự nghiệp bác Hãn. Nhưng theo tôi cái vinh dự lớn lao nhất mà cuộc đời trôi dạt đã dành cho danh sĩ Hoàng Xuân Hãn là chữ *Bác*. Bác Hãn. Chữ bác từ những tấm lòng, Chữ bác từ những kính trọng và thương nhớ không nguôi.

ĐẶNG TIẾN

**HOÀNG XUÂN HÃN**

# khai bút năm xấp xỉ chín mươi (*)

*Tám chục may qua sắp chín mươi*
*Sức chừng thêm đuối tính thêm lười*
*Sử nhà bạn cũ ôn không thẹn*
*Vận nước tình sâu mộng sẽ tươi*
*Văn ngữ thời xưa tìm kiếm gốc*
*Tinh hoa thuở mới cố đua người*
*Tuổi cao nhưng trí còn như trẻ*
*Mắt đọc, tay biên, miệng vẫn cười*

HOÀNG XUÂN HÃN
Đầu xuân năn Bính Tý, 19 tháng 2/1996, tại Orsay

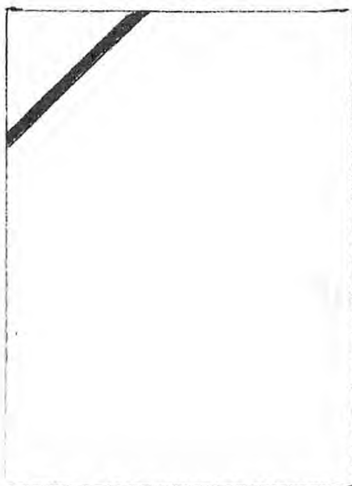
---

(*) Dùng vần trong thơ cảm ơn mừng thọ Tám mươi



PHƯỢNG LINH ĐỖ QUANG TRỊ

# một học trò thầy hãn nhắc lại truyện thầy học



Tôi là học trò thầy Hãn năm 1941-1942. Năm đó, số học sinh ghi danh ban toán bên trường Tây quá đông, nên phải chia một lớp sang bên Bưởi, do đó thầy Hãn phải gánh hai lớp Math I và Math II.

Mặc dầu tôi học toán có thể nói là rất lười, vì đôi khi đầu óc cứ nẩy ra mấy vần, nên cuối cùng tôi quay ra thi triết, nhưng cũng đã biết phần nào về thầy Hãn.

Thầy Hãn được học trò rất kính trọng. Hành vi, cử chỉ thầy hết sức đứng đắn. Nên khi giảng dạy, học trò chăm chú nghe ghi, không có truyện nghịch ngợm, đùa lếu láo. Các thầy khác hiền lành là bị bọn nhất quỉ nhì ma nó trêu trọc. Thầy Nguyễn Mạnh Tường còn bị nói móc mặc dầu các trò rất mê thầy giảng. Thầy Agard hiền lành quá, bị chúng nó làm đủ tội tình. Ngược lại, với thầy Hãn thì tuyệt nhiên không có vậy.

Trong các bạn đồng ban, có vài tên tuổi nhiều người biết như Bùi Điểm, Trung tướng Phạm Xuân Chiểu, BS Nguyễn Tấn Hồng là những người vào Nam sau 54, ở lại Bắc như Tướng Quân Y Nguyễn Sĩ Quốc, anh Nguyễn Đình Nam. Phải kể thêm anh Phạm Thành Vinh, sau 75 vào Nam giữ một vai trò có thế; anh Vinh đã mất rồi.

Nhưng trò nổi danh nhất là anh Vũ Như Canh khóa 37-38, trước năm 1954 anh Canh là khoa trưởng trường Đại học Khoa học Hà Nội, anh Canh khởi vào Bưởi cùng tôi năm 35-36, năm sau nhảy sang lớp đệ tam trường Tây,

năm sau nữa trở lại trường Bưởi học thầy Hãn rồi đi Pháp. Nghĩa là bảy năm trung học, thì anh Canh học có ba năm.

Trong thời 1941-45, Đông Dương bị Nhật xâm lấn, nên người Pháp đổi chính sách đối xử với các nhà trí thức bản xứ, đặt cadre local với lương bổng gần như Tây, vì sợ các nhà trí thức đi với Nhật. Nên báo chí thời ấy có đăng là ông bà Toàn Quyền tiếp khách một số nhân vật Việt Nam như Hoàng Xuân Hãn, Hoàng Đạo Thúy... Chính trong thời gian 41-45 đó, thầy Hãn đã truyền lại được kiến thức cao học của mình cho một số sinh viên ban Cử nhân Toán, sinh viên các trường Đại học Công Chánh, Kiến Trúc...

Sau thời 46-47 tôi vì đời sống lôi kéo nên ít nghĩ đến thầy. Chỉ nghe nói là thầy chăm chú đến Hán học. Một bữa tới tiệm thuốc của quí phu nhân, có thoáng thấy thầy Hãn mặc áo the đen như đồ nhà nho. Rồi tôi nghĩ là thầy muốn lánh sự đời mà chỉ để tâm đến sách nghiên cứu.

Từ đó di cư vào Nam, rồi qua Pháp ít nghe nói đến thầy Hãn. Kíp đến năm 1990, thầy Nguyễn Mạnh Tường được qua Pháp, tôi mới lại được gặp thầy Hãn, bữa thầy Tường diễn thuyết tại đại học Jussieu. Thầy Hãn hỏi tôi làm gì, tôi đáp là đã làm cho Esso tại Sàigòn, thầy lại hỏi làm chân gì, tôi thưa chân phân tích hệ thống và thảo các chương trình an bài về kế toán. Thầy cười bảo thời thầy chỉ có máy tính quay tay.

Sau anh Phạm Trọng Nhân và tôi có tổ chức một bữa cơm thết thầy Tường để thầy được gặp lại một vài học trò cũ. Trong bữa đó có thầy Hãn và quí phu nhân, và ông bà BS Phạm Văn Phán. Sau bữa, thầy Tường có kể là 45 năm mới lại gặp thầy Hãn: Lần trước (thầy Tường) được gặp là tối ngày mồng 9-3-45 (ngày đảo chính Nhật). Tối bữa đó hai thầy Hãn và Tường, luật sư Bùi Tường Chiểu, BS Phạm Văn Phán cùng ăn tại nhà hàng khách sạn Métropole Hà Nội. Bỗng đại bác và tiếng súng nổ, quân đội Nhật xông vào lôi hết Tây Đầm đi, còn trơ lại bốn ông Việt. Trong bốn ông này, nay còn có cụ Tường ở Hà Nội.

Đó là những gì một học trò cũ như tôi nhớ lại về thầy Hoàng Xuân Hãn. Nghĩa thầy trò, dù có học ẩu đi nữa, nghĩ lại tôi vẫn quí thầy.

PHƯỢNG LINH ĐỖ QUANG TRỊ
*Chùa Trúc Lâm*
*Villebon-sur-Yvette*
*24 tháng ba 1996.*



NGHIÊM XUÂN HẢI

# tưởng niệm giáo sư hoàng xuân hãn



Phần lớn những người đã gần gụi giáo sư Hoàng Xuân Hãn, thường gọi ông là bác Hãn, chữ bác viết thường, không cần viết hoa.

Thật vậy, tôi nghĩ, không phải vẽ vời viết hoa, hay qua những lời ca ngợi, những tiểu lễ, đại lễ, huy chương, huấn chương, là thương mến, kính trọng bác Hãn. Vì tất cả những thứ đó đều đi ngược với ý muốn của bác.

Tôi rất may đã được ở bên cạnh bác Hãn nhiều năm, tôi càng thấy rõ tấm gương bác để lại cho chúng ta là chính cuộc đời bác: cách hành xử của bác và những công trình xây dựng văn hóa, cùng tấm lòng của bác đối với đất nước và con người.

Cái gương rõ nhất là bác nói bằng hành động chứ không phải bằng lời. Tôi xin lấy một ví dụ cụ thể, trong đời sống gia đình: Tất cả những người đã gần gụi hai bác, đều biết là bác gái, cũng như bác trai, cả hai để lại cho chúng ta một hình ảnh đẹp về truyền thống Việt Nam: Trọn đời, bác gái gánh vác tất cả những khó khăn vật chất của đời sống, để bác trai rảnh tay, mặc sức đi theo chí nguyện của mình. Bác trai biết và trọng bác gái; cho đến những ngày chót, bác luôn luôn diễn tả điều đó bằng cử chỉ, không bao giờ bác nói bằng lời. Làm được như thế không phải dễ. Và cung cách ấy, từ trong gia đình cho đến cách xử thế ngoài xã hội, bác luôn luông thuyết phục bằng hành động,

chứ không bằng lời nói.

Bác đã quyết định không làm chính trị. Nhưng chính ở đây bác lại để lại một bài học lớn về sự quên mình. Vì lợi ích cấp bách của đất nước, bác bước qua những nguyên tắc lý thuyết tự đặt cho mình và bác đã tham gia chính trị.

Lần đầu và lần duy nhất bác làm chính trị, vì trường hợp tối khẩn, bác thúc đẩy sự thành lập một chính phủ độc lập và đảm trách chức vụ Bộ Trưởng Giáo Dục và Mỹ Thuật của chính phủ Trần Trọng Kim, để tránh tình trạng hỗn loạn, vô chính phủ. Trong vài tháng, bác đã thực hiện việc chuyển ngữ sang tiếng Việt, ngành giáo dục ở Việt Nam; để chứng tỏ cho thế giới biết rằng nước Việt Nam luôn luôn đứng vững. Và nước Việt Nam phải độc lập. Cuốn Danh Từ Khoa Học, tác phẩm mà bác đã nung nấu, tìm tòi, soạn thảo từ hồi còn đi học và hoàn tất năm 1942, đã giữ vai trò chủ động, không thể thiếu được cho nền giáo dục bằng tiếng Việt.

Sự thất bại của chính phủ Trần Trọng Kim có lẽ cũng là sự thất vọng của bác.

Bằng nhân cách của một người trí thức yêu nước, bác đã chọn con đường thích hợp nhất với khả năng của mình để đóng góp cho quốc gia, dân tộc: Con đường văn hóa và giáo dục.

Bác đã nhận thức rất đúng là những đóng góp của bác, sẽ to lớn hơn, nếu bác không làm chính trị. Nhưng sự làm chính trị của bác cũng không giống những người khác: Bác luôn luôn đề phòng những bụi bậm, nhơ nhớp của ân huệ chính quyền.

Sinh thời, bác đã không để cho một người, một đảng phái, hay một chính phủ nào dùng tên bác mà làm chính trị.

Bác luôn luôn sẵn sàng chia sẻ sự hiểu biết của bác cho những ai cần tìm đến đối với bác, điều quan trọng là đối thoại- bác sẵn lòng tiếp đón mọi người, bất cứ ở phương vị nào. Và vì thế, bác đã phải nhận những lời chỉ trích, xuyên tạc, đến từ phía này hay phía khác: Ông Hãn theo Tây, ông Hãn theo Nhật, ông Hãn theo cộng sản, ông Hãn không chiến đấu cho Việt Nam, ông Hãn cổ hủ, lỗi thời, ... của những cá nhân hay các đoàn thể đã không lợi dụng được bác. Nhưng bác không bao giờ đính chính.

Đối với bác, đất nước và dân tộc Việt Nam ở trên tất cả những thế lực cầm quyền. Cuộc đời bác dành riêng cho sự tìm kiếm sự thật lịch sử và xây dựng văn hóa Việt. Bác Hãn tin vào giá trị tối cao của văn hóa và giáo dục. Bác chống đối lại những sự tàn phá, hủy hoại di sản văn hóa dân tộc. Bác biết rằng, sớm hay muộn, người ta cũng sẽ nhìn nhận ra giá trị nguồn gốc của mình. Bác nghĩ rằng vấn đề giáo dục là nền móng cơ bản của một dân tộc, như một mái nhà chỉ đứng vững trên cái nền vững chãi, như cái cây nương sống vào cối rễ của mình. Bác đã hoạt động nhiều cho nền giáo dục nước nhà. Tất cả những sự bất cẩn của những người có trách nhiệm về giáo dục đã làm đau lòng bác.

Bác tin vào sự thật. Bác tin rằng cái Nguồn mới là chính, và chính cái

Nguồn sẽ dẫn đến thắng lợi.

Những câu thơ cuối cùng của bác:

*Tri âm chẳng lọ so già trẻ*
*Xin giãi lòng son cảm tạ người*

chứng tỏ rằng bác đã quý mến và cảm ơn những người hiểu bác. Và ngược lại, chúng ta cũng vậy, chúng ta quý mến và biết ơn bác Hãn trên bước đường tìm hiểu sự thật của bác; và vì thế, chúng ta lại càng thiết tha quan tâm đến việc mà sự thật về bác Hãn được soi rạng.

Vì chỉ có sự thật mới sống mãi với thời gian.

*Phỏng theo bài tưởng niệm Hoàng Xuân Hãn*
*của Nghiêm Xuân Hải đọc tại chùa Trúc Lâm ngày 24/3/96*

---

Chú thích:

Giáo sư Nghiêm Xuân Hải là con rể của bác Hãn. Anh chị Nghiêm Xuân Hải vẫn tiếp tục con đường của bác Hãn trong Hội Văn Hóa Giáo Dục Cam Tuyền, do giáo sư Hoàng Xuân Hãn làm chủ tịch từ năm 1992. Muốn biết thêm về hoạt động của hội, hoặc về di sản văn hóa của bác Hãn, xin liên lạc về:

Hội Văn Hóa Giáo Dục Cam Tuyền
38, rue de Lozère
91400 ORSAY
FRANCE



Gs. NGUYỄN HUỆ CHI

# học giả hoàng xuân hãn



Tôi không ngờ đời mình lại có cái duyên may được gặp ông, một "đại lão học giả" (1) hiện thân của bộ óc bách khoa Việt Nam ở thế kỷ XX này và cũng là chứng nhân của lịch sử trong gần một thế kỷ. Ông rời bỏ đất nước từ năm 1950, nhưng khi gặp ông ở giữa trời Tây, ta vẫn thấy đó là một cốt cách Việt Nam thuần chất, với cái vẻ niềm nở, cởi mở thật đặc biệt, những thoáng hoài niệm về hai chữ "nước non" có gì như đau đáu, với cái cách giao tiếp lấy tình làm trọng mà không bận tâm nhiều đến nghi thức, và cái chất giọng Nghệ Tĩnh, hơi có chút quê mùa không lẫn được vào đâu. Là một "anh chàng nhà quê xứ Nghệ" bước chân đến Paris - như cách gọi đùa của một người bạn ở Pháp, thực tình tôi đã bớt hẳn mặc cảm khi được trò chuyện với ông.

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn sinh ngày 7 tháng giêng năm Mậu Thân, tức 8.3.1908, nhưng trong giấy căn cước của làng lại khai nhầm ra 3.3.1909. Ông người Kẻ Trổ (Bình Lỗ), xã Nhân Thọ, tổng Yên Hồ, huyện La Sơn, phủ Đức Thọ, nay là xã Đức Nhân, Đức Thọ, Hà Tĩnh. Thuở nhỏ ông học chữ Hán và quốc ngữ trong gia đình rồi vào trường Quốc học Vinh học liền trong 8 năm (1918 - 1926), trừ một năm phải chuyển ra Thanh Hóa (1921 - 1922). Đậu đầu Thành chung xong ông ra Hà Nội học Trung học Đông Dương rồi theo thiên hướng sang học chuyên toán ở Lycée Albert Sarrault, học rất giỏi, sau 2 năm thi đỗ Tú tài Tây và được sang Pháp học tiếp. Tại Pháp, ông lần lượt thi đỗ vào nhiều trường khoa học: Normale supérieure d'Ulm, Ecole Polytechnique, Ecole des Ponts et Chaussées, Licence de sciences mathématiques (Sorbone). Trường nào ông học cũng xuất sắc.

Ông thông qua các chứng chỉ Diplome khoa học một cách dễ dàng để cuối cùng giành được bằng Kỹ sư cầu cống. Nhưng trở về nước "thăm dò" nghề nghiệp năm 1934, biết rằng muốn được nhận chức Giám đốc công chính của

Pháp thì phải vào "dân Tây", ông lại trở sang Pháp ngay trong năm đó, tự học thêm nhiều môn, rồi thi đỗ Thạc Sĩ toán học, một trong những người Việt có bằng Thạc Sĩ toán học đầu tiên. Không phải ông thích bằng cấp. Nhưng đây là mảnh bằng có thể giúp ông làm một nghề tự do, *để được làm người Việt Nam*. Hơn nữa, thế hệ "du học" các ông, những Tạ Quang Bửu, Bửu Hội, ngược lên chút nữa là Nguyễn Mạnh Tường, muộn hơn thì Trần Đại Nghĩa... đều là thế đấy. Ra đi từ một đất nước nghèo xác, thất học, họ tự thấy cái gì cũng cần biết, đã biết phải đến nơi đến chốn, nên "cửa" nào có thầy hay, có lý thuyết mới xem ra cần cho đất nước sau này, phải thỉnh giáo cho bằng được. Rồi đây, khi trở lại Pháp vào đầu những năm 50, khi mà câu chuyện "nguyên tử" đang trở thành món hàng nóng bỏng của "chiến tranh lạnh", Hoàng Xuân Hãn lại "xông" vào lĩnh vực này, và chỉ vài ba năm, với tuổi gần "tri thiên mệnh", ông còn giành được bằng kỹ sư nguyên tử ở Saclay (1956).

Lại trở về nước vào năm 1936 ông vừa nhận một chân giáo sư trung học tại trường Bưởi, vừa giảng dạy môn toán ở các trường Đại học Công chính, Nông Lâm, Võ bị, Đại học Hà Nội... mở lúc bấy giờ. Nhưng đấy chỉ mới là công việc truyền đạt kiến thức của một người vừa mới thâu nhận kiến thức xong, và truyền đạt bằng Pháp ngữ. Một nhu cầu khác từ lâu vẫn diễn ra âm ỉ hoặc sôi nổi trong giới trí thức cấp tiến thuở ấy: đó là việc "tiêu hóa" vốn văn hóa Âu Tây để giúp hiện đại hóa văn hóa tư tưởng của nước nhà. Nhu cầu bức xúc tất nhiên lôi cuốn ngay Hoàng Xuân Hãn, bắt ông phải làm một cái gì để góp phần tâm lực của mình. Kế tục công việc xây dựng hệ thống thuật ngữ văn chương học thuật mà Phạm Quỳnh từng bền bỉ, khởi công từ lâu, Hoàng Xuân Hãn một mặt chủ trương tờ *Khoa học* (khác với *Khoa học tạp chí* của Nguyễn Công Tiễu); mặt khác bắt tay soạn cuốn *Danh từ khoa học* nhằm đặt nền móng cho các bộ môn khoa học chính xác. Cuốn sách ra đời đã đem lại một hy vọng to lớn: có thể giảng dạy và nghiên cứu khoa học bằng tiếng Việt trong một tương lai không xa. Sách lập tức đoạt được giải thưởng của Hội Khuyến Học Nam Kỳ trong năm 1943, với ý nghĩa một công trình "mở đường khai lối" (2) cho việc xây dựng khái niệm và thuật ngữ khoa học của Việt Nam.

Bên cạnh tư cách một nhà khoa học tự nhiên, Hoàng Xuân Hãn còn là một học giả uyên thâm về sử học và văn học. Năm 1943, khi thầy trò Trường Bưởi tản cư vào Thanh Hóa để tránh bom Đồng minh oanh tạc phát xít Nhật, ông đã phát hiện 4 tấm bia quan trọng vào đời Lý, có liên quan đến nhân vật Lý Thường Kiệt, và thế là ông liền bắt tay lần tìm lại bằng hết các tài liệu cổ sử của Trung Quốc và Việt Nam, kiên nhẫn vạch ra các đầu mối phức tạp của một thời đại cách chúng ta gần 900 năm, để rồi 6 năm sau cho công bố cuốn *Lý Thường Kiệt* nổi tiếng (1949) (3), đến nay vẫn là một mẫu mực trong việc nghiên cứu nhân vật lịch sử. Cũng vậy, ông đã về tận quê hương nhà thơ Nguyễn Thiếp, người đồng quận và ông tổ bên ngoại của mình, tìm được tập

*Hạnh Am thi cảo* cùng các đạo sắc mang thủ bút của Quang Trung, nhờ đó đã viết nên cuốn *La Sơn Phu tử* (1952) (4) làm sáng rõ khá nhiều điểm về một giai đoạn quan trọng - giai đoạn Lê mạt - Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam. Ông còn sưu tầm được văn bản nôm của 7 bản dịch *Chinh phụ ngâm khúc*, trong đó có văn bản liên quan mật thiết đến tiểu sử và văn nghiệp Phan Huy Ích, và cho ra mắt công trình nghiên cứu so sánh *Chinh phụ ngâm bị khảo* (1953) (5), nêu lên một giả thuyết khá rốt ráo về người dịch bản *Chinh phụ ngâm* hiện hành, làm xao động dư luận học giới cho đến tận bây giờ. Có thể nói, Hoàng Xuân Hãn là một người thực chứ không tư biện. Muốn nói gì ông phải có tài liệu trong tay, và tài liệu ông đã tìm ra là "độc đắc". Vì thế ông chính là nhà học giả đầu tiên kết hợp thật sự thành công phương pháp điều tra điền dã với sự khảo sát thư tịch, vừa coi trọng cách phân tích các thông số chính xác của khoa học thực nghiệm, vừa quan tâm đến những yếu tố ngoài văn bản như tâm lý, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, môi trường xã hội của tác giả và tác phẩm... mà một nhà nghiên cứu có tầm vóc văn hóa rộng lớn không thể không quan tâm, lại vừa ấp ủ trên từng trang viết tấm lòng sâu nặng của một người Việt luôn luôn gắn bó với cội nguồn dân tộc mình. Uy tín xã hội của Hoàng Xuân Hãn đã khiến cho khi Chính phủ Trần Trọng Kim thành lập - một chính phủ - theo Luật sư Phan Anh: "không có ảo vọng gì về người Nhật", trái lại, "đó là sự góp phần thực hiện mục tiêu mà toàn dân vươn tới: độc lập của đất nước" (6) - ông được mời tham gia giữ chức Bộ trưởng Giáo dục và Mỹ thuật và quyền Bộ trưởng Công chánh trong vòng 4 tháng (tháng tư - tháng tám 1945).

Tháng chín 1994, có dịp gặp ông tại ngôi nhà ông ngụ, ở quận 16 Paris, tôi đã chứng kiến hình ảnh nhà học giả ấy trên bàn làm việc của ông. Với mái tóc lơ thơ nhưng chưa bạc bao nhiêu, khuôn mặt tinh anh và đôn hậu, mặc dầu một con mắt đã bị mờ, ông vẫn cúi gập người mài miệt trên những trang bản thảo về *Truyện Kiều*, xung quanh là những tủ sách đầy ăm ắp, một phần trong số đó là các bản chụp, bản sao Hán Nôm quý giá của Việt Nam. Ở tuổi 86 ông vẫn nhanh nhẹn lạ thường, tự làm lấy hầu hết các việc tiếp khách, như đun ấm điện để pha trà, bài trí lại căn phòng để chụp một vài kiểu ảnh, và nhất là chạy đi chạy lại để lục lọi sách vở mang ra cho khách đọc. Tôi có cảm tưởng như sau những động tác hoạt bát ấy, ông vẫn đang phải tự chứng với mình rằng: mình còn dư sức để làm xong những việc học thuật như đã dự liệu, những việc phiên âm, khảo chứng cổ ngữ mà chỉ ở tuổi tôi thôi, thoạt nghe cũng đã thấy lạnh cả người. Ông hăng hái bàn với tôi về các biện pháp dò tìm các tấm bia cổ có thể hiện đang nằm dưới đáy bùn của hồ Tây hay hồ Hoàn Kiếm, và mở thêm các hướng sưu tầm thực địa về thơ văn Lý - Trần. (Thú thật hôm nay, nghĩ đến những việc phá đền Cẩu Nhi, lấn lấp hồ Trúc Bạch của những kẻ hám lợi vô sỉ mà một tờ báo vừa mới nêu lên, giữa sự thờ ơ, phó mặc nếu không nói là mặc nhận của ai ai đấy (Nhất ì (7), nhì im lặng) và anh "trí thức Hà Nội" trong số những bạn lứa như mình thì nhìn trước nhìn sau

rồi thở dài đánh sượt, coi như xong mọi sự, so sánh với tấm lòng nhiệt huyết của ông tôi lại thấy mặt nóng bừng (8). Ông băn khoăn hỏi tôi vì sao Viện Văn Học để mất bản chép tay quý giá *Lưu hương ký*, và liệu tôi có thể xin lập một Hội nghiên cứu Hồ Xuân Hương được hay không? Tất nhiên đó đều là những câu hỏi gay cấn đối với một người 35 năm mãi "lú lẩn" trong thực chứng mà rất lơ mơ về "khái quát hóa", cũng không quen hoạt động xã hội như tôi; cũng gay cấn như khi tôi phải giới thiệu thực trạng các di tích văn hóa Lý - Trần mà mình đã trực tiếp thám sát từ mấy chục năm nay. Ý chừng ông cũng biết người đối thoại với mình có những điều khó nói, nên ông chuyển đề tài, đem tặng tôi một tập thơ đánh máy góp lại từ các bài khai bút hàng năm, mà bài đầu tiên làm vào cái tết năm Ất Mão (1975), như đã đoán trước được vận hội nước nhà sắp tới:

*Hùm đi Mèo lại: điềm lành,*
*Hãy xin nâng chén tỏ tình đồng bang.*
...
*Chúng ta kiều ngụ tha phương,*
*Đồng tâm thắp một nén hương khấn nguyền:*
*Năm này: đại cát nguyên niên.*
(11-2-1975)

Tập thơ gồm phần lớn những bài thơ lục bát, ngôn từ cổ kính phác thực, nhưng đó đây vẫn ánh lên tâm trạng nhạy cảm của một trí thức yêu nước khi theo dõi tin tức nước nhà. Có những câu thật hào hứng:

*Đầu xuân nâng chén quan hà,*
*Đồng thanh ta chúc nước nhà quang vinh.*
(Nguyên đán Bính Thìn - 1976)

Và cũng có những câu nhắc nhở nhẹ nhàng chí lý:

*Chút riêng thêm lượng khoan dung,*
*Giúp người lầm lỡ được cùng góp công.*
(Tết năm Đinh Tỵ - 1977)

Có những câu hỏi được đặt ra vào thời điểm mà dường như ở môi trường "nội địa" chưa dễ mấy người đã cảm thấy thích hợp:
*Bởi đâu chậm sửa sai lầm?*
(Nguyên đán Canh Thân - 1980)

Lại có những câu khuyên dặn thủ thỉ, như cái cách một cụ già phương Đông dặn lại con cháu:

*Đãi người, bớt ý thêm lòng mới NHÂN*
(Nguyên đán Tân Dậu - 1981)

Nhận thấy từ 1981 đến 1990, ngót 10 năm, ông không có bài thơ khai bút nào, tôi có hỏi lý do, ông chỉ cười mà không trả lời. Tôi cũng không gặng hỏi thêm. Từ đó cho đến lúc ra về tôi hầu như chỉ im lặng, còn ông cũng trầm ngâm trên xấp bản thảo *Truyện Kiều* còn gạch xóa dang dở. "*Đường xa nghĩ nỗi sau này...*" hình như cả ông và tôi, mỗi người một cách, đều bận lòng về ý tưởng của câu thơ *Kiều* bất chợt hiện ra ám ảnh (9).

Mãi khi chia tay, tiễn tôi ra tận cổng ngôi nhà nhiều tầng đồ sộ, ân cần chỉ cho tôi đường đi về hướng ga tàu điện ngầm, ông còn đứng nhìn theo tôi một lúc, sau màn mưa chớm lạnh đầu tháng chín ở Paris. Tôi cảm động quay lại nhìn, vẫn thấy bóng dáng ông, với vầng trán trí tuệ ấy, đang đăm đăm đứng lặng. Trên tàu điện, giữa không khí nhộn nhạo của những người lên ga, xuống ga, tôi bỗng nảy ra mấy câu thơ chữ Hán:

**Hạnh ngộ Hoàng tiên sinh**
*Độc công tam thập tải,*
*Kim nhật hạnh tương phùng.*
*Tường kiến khởi tại mục,*
*Nhất ngôn tâm dĩ đồng.*
*Tiếu đàm kim cổ sự*
*Lão thiếu các câu vong.*
*Lâm biệt phân phân vũ,*
*Hồi đầu lẫm lẫm công.*

Tạm dịch:

**Gặp bác Hoàng**
*Đọc ông từ thuở nhỏ,*
*Nay mới được gặp người*
*Ngắm nghía đâu bằng mắt,*
*Hiểu nhau chỉ một lời.*
*Vui bàn duyên kim cổ,*
*Già trẻ quên tuổi đời.*
*Từ giã mưa lất phất,*
*Đăm đăm, một bóng ai*
7-9-1994

Trước khi rời nước Pháp tôi còn kịp gửi đến tặng lại ông bài thơ trên đây. Rồi sau khi về nước chừng dăm tháng, tôi nhận được lá thư thăm hỏi của ông kèm theo bài hồi ký *Ma trường Quốc học*, ghi chép lại một vài kỷ niệm thuở

ông còn học ở Vinh cách nay đã 70 năm có lẻ. Bài hồi ký thật sinh động, như chính ông đang hiện diện, cùng Đặng Thai Mai, tên "hắc quỷ" thủ môn có hạng, Tôn Quang Phiệt, cây bút trào phúng ranh mãnh, và nhiều bạn bè khác, giữa những ngày thơ trẻ đó. Và càng đọc, hình ảnh ông càng hằn lên trong tôi rõ nét, còn hơn cả lúc chia tay. Một con người cường ký biết bao nhiêu! Một người đứng ở giữa thập kỷ cuối thế kỷ XX mà nhìn trở lại người và việc tận những năm đầu thế kỷ sao vẫn thấy rõ ràng, tường tận? Con người ấy đã không nhìn mọi sự bằng đôi mắt thường - đã nhìn bằng đôi mắt của hoài vọng, của linh cảm và của trí nhớ tuyệt vời minh mẫn. Cũng như khi nhìn lại hội nghị Việt - Pháp ở Đà Lạt tháng tư năm 1946 mà mình có tham dự trong phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cũng con người ấy đã khắc tạc lại rõ mồn một cá tính của mỗi một thành viên trong đoàn, trên khuôn mặt đăm chiêu, sôi nổi, giận dữ, lo âu... vì vận nước của họ, từ Nguyễn Tường Tam, Trưởng đoàn, đến Võ Nguyên Giáp, Phó đoàn cho đến Bùi Công Trừng, Dương Bạch Mai, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Văn Luyện, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Mạnh Tường... (10).

Hãy chúc cho bộ óc cường ký của nhà học giả tiếp tục hoạt động vượt qua cái ngưỡng cửa của năm 2000, để chứng kiến những đổi thay hẳn còn lắm bất ngờ / khả quan của vận mệnh dân tộc.

NGUYỄN HUỆ CHI
*Hà Nội 16/11/1995*

---

Chú Thích:

(1) Chữ dùng của Trần Quốc Vượng.

(2) Nguyễn Ngu Í nhắc lại lời tường thuật của Ban chấm giải trong bài Giải thưởng văn chương trên đất Việt thời tiền chiến. Tạp chí Bách Khoa, Sài Gòn, số 152 (1-5-1963); tr. 31.

(3) Nxb Sông Nhị, Hà Nội.

(4) Nxb Minh Tân, Paris.

(5) Nxb Minh Tân, Paris.

(6) Xem Đào Thái Tôn: Hồ Trúc Bạch hôm nay. Văn nghệ số 36 (9-9-1995); tr. 14 - 15 và bài Ở một góc khuất ven hồ Trúc Bạch của một số công dân ở 82, 80, 78, 74 phố Phó Đức Chính, Hà Nội. Văn Nghệ số 39 (30-9-1995); tr. 14.

(7) Ì: tiếng địa phương Nghệ Tĩnh, có nghĩa là ừ.

(8) Luật sư Phan Anh trả lời phỏng vấn nhà sử học Tonnesson năm 1989, in trong hồi ký của Vũ Đình Hòe; in lại trên tạp chí Xưa và nay. Hà Nội, số 8 (18), tháng 8 - 1995; tr. 11.

(9) Sau cuộc gặp gỡ này, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn hiện đang hợp tác với chúng tôi trong công trình Nguyễn Du toàn tập sẽ hoàn thành nay mai.

) Xem Một vài ký vãng về hội nghị Đà Lạt. Tạp chí Sử Địa, Sài Gòn, số 23 - 24 (tháng VI - XII - 1971); tr. 3 - 32; 210 - 257. *(Hợp Lưu đăng lại trong số này - chú thích thêm của tòa soạn HL)*



**THỤY KHUÊ thực hiện**

# nói chuyện với bác hãn



Cũng như mọi người, tôi học bác Hãn từ thuở nhỏ, từ khi mới tập đọc ê a: *"i tờ có móc cả hai, i ngắn có chấm, tờ dài có ngang"*(1). Rồi vào trung học, tôi cũng phải dùng đến cuốn Danh Từ Khoa Học như mọi người. Những chữ khai tâm các môn toán, lý hóa như nguyên tử, tam giác, đại số, phương trình, hàm số, nguyên hàm, v.v... đều do bác mà ra cả. Cuốn Danh Từ Khoa Học theo tôi sang Pháp năm 1962, nay đã vàng, sờn. Lớn lên chút nữa, khoảng đệ tam, đệ nhị, tôi vào thư viện tìm đọc Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo, một phần để biết thêm về Chinh Phụ Ngâm cho chương trình Việt văn, và chắc cũng có ý lòe các bạn là mình kền hơn tụi nó. Những cuốn La Sơn Phu Tử và Lý Thường Kiệt thì mãi đến năm 86, 87 tôi mới tìm đọc, vì lúc đó tôi muốn học thêm sử và văn để viết báo. Năm 80, tôi đi nghe bác nói về Hồ Xuân Hương, ở Paris, trước đó, tôi có được đọc bài Hồ Xuân Hương Với Vịnh Hạ Long, trên báo Khoa Học Xã Hội. Từ ngày ấy, tôi mong có dịp được gặp bác để hỏi

(1) Sau này có chỗ viết *I* tờ có móc cả hai, thành ra vô nghĩa. Bác nói chữ *i* (không viết hoa) mới có móc, còn chữ *I* in, nó đứng thẳng đơ, làm sao có móc được?

bác nhiều điều tôi không biết, mà cũng không biết hỏi ai.

Mùa xuân năm 93, tôi đến thăm bác lần đầu tiên, vì tôi phụ trách chương trình Văn Học Nghệ Thuật bằng tiếng Việt trên đài RFI, cho nên tôi đã có cái cớ để có thể xin gặp bác, mà không ngại. Đây cũng là dịp để tôi thực hiện một chủ đích đã có từ lâu: Giới thiệu với "cả nước" tiếng nói của bác và công trình nghiên cứu của bác. Mục đích của tôi là thông tin - không nhữnng cho giới nghiên cứu, giới đọc sách - mà cho cả những người biết chữ hay không biết chữ, không cứ ở thành thị, mà cả ở những vùng hẻo lánh như Lạng Sơn, Cao Bằng, Ban Mê Thuộc, Pleiku v.v... đều có thể, ít nhiều, biết được những khám phá của bác và công việc bác đang làm.

Sự giản dị và ân cần của bác khiến cho tôi yên tâm làm việc, và mất cái mặc cảm của kẻ đứng trước núi Thái Sơn: Bác chỉ là người cha, người thầy, khoan hòa và độ lượng, sẵn sàng giảng cho mình bất cứ điều gì mình thắc mắc, và mình lợi dụng cái máy thu thanh, phương tiện truyền tin mình có, để phát lại cho hàng triệu người cùng nghe, cùng biết với mình. Từ đó, khi có điều gì không thể hỏi ai, tôi vẫn điện thoại hỏi bác, và lần nào bác cũng ân cần chỉ bảo.

Tháng tám năm 95, tôi sửa soạn một chương trình đặc biệt cho RFI, kỷ niệm 50 năm ngày lễ độc lập, thường được gọi là ngày toàn quốc kháng chiến, 2/9/1945. Lúc ấy, bác còn đang nghỉ hè ở Dã Thự Cam Tuyền trên bờ biển Normandie. Tôi điện thoại xin phỏng vấn bác cho chương trình này. Bác bảo: bác có mặt ở Hà Nội hôm ấy, nhưng bác không tham dự gì, nên không biết gì về ngày này cả. Bác khuyên tôi nên hỏi bà Nguyễn Mạnh Hà. Nhưng tôi cần một người nói tiếng Việt (bà Nguyễn Mạnh Hà là người Pháp), cho nên sau đó tôi mời ông Nguyễn Hữu Đang, trưởng ban tổ chức ngày 2/9/1945, qua sự giúp đỡ của nhà thơ Lê Đạt. Tuy vậy, bác bảo thêm: "Bác sắp về lại Paris, nếu muốn hỏi gì về đường sử học, về đường văn học, thì lúc nào lại bác cũng được." Đấy là lý do đã khiến tôi lại thăm bác nhiều lần sau đó, từ cuối tháng 9 đến cuối tháng 10 năm 95. Bác thường hẹn ngày thứ năm, chiều thứ năm, bắt đầu từ 3 giờ. Giờ ấy, bác vừa nghỉ trưa xong. Từ nhà radio, tôi đi bộ sang bác chừng 10 phút, cùng ở Paris, khu 16.

Trong ba hay bốn buổi chiều, tôi không nhớ rõ nữa, bác đã nói chuyện không ngừng - hoặc chỉ dùng năm, mười phút để uống trà - từ 3 giờ đến 6 giờ chiều. Mình mệt mà không thấy bác mệt. Thường khi vào cuối câu chuyện, nếu bác mệt, thì sau này kiểm lại, có thể về niên đại, bác nhớ lầm độ vài năm (như trường hợp cụ Phạm Quý Thích vào Huế lần đầu, hoặc tên miền đất, trong có thư viện đã lưu trữ bản Kiều chữ Hán xưa nhất, bên Trung Quốc), anh Tạ Trọng Hiệp đã hiệu đính lại.

Còn tất cả các việc khác, mình có thể hỏi bất cứ chuyện gì thì bác cũng trả lời, với trí nhớ phi thường, như một quyển tự điển sống, đúng hơn, một cuốn bách khoa toàn thư về Việt học, mà không cần suy nghĩ hay kiểm chứng lại sách vở bao giờ. Chỗ nào bác chưa nghiên cứu kỹ, thì bác cũng nói cho người

sau biết cách để tìm kiến cho rõ hơn.

Điểm thứ nhì, cũng phi thường không kém, là bác có khả năng vừa phân tích, vừa tổng hợp, và sắp xếp lại trật tự diễn biến, theo một quá trình lo-gích, như ta làm việc theo dàn bài có sẵn, khiến người nghe, dù ở trình độ nào, cũng có thể nắm được toàn bộ vấn đề một cách dễ dàng. Vì thế, trong câu chuyện, tôi tránh cắt đứt mạch suy nghĩ của bác bằng những câu hỏi, chỉ khi nào thật cần, mới hỏi. Ngược lại, bác thấy những chỗ nào mình không nắm vững vấn đề, hoặc không đặt câu hỏi đúng lúc, thì bác tự đặt câu hỏi lấy hộ mình, rồi bác tự trả lời.

Điểm thứ ba, cũng phi thường, là với những chi tiết tản mạn, trải dài trong lịch sử văn học như việc ông Vũ Trinh, Nguyễn Thành(2), hay cụ Phạm Quý Thích đề tựa truyện Kiều; xưa nay, có thể có người khác, ít nhiều cũng đã biết, nhưng chưa ai liên kết được những yếu tố ấy lại, thành một luận cứ chắc chắn, để đi tới kết luận: *truyện Kiều viết trước thời vua Gia Long*, như bác đã minh chứng một cách khoa học và xác đáng.

Điểm thứ tư, tôi thấy phi thường nơi bác, là thái độ của bác đối với những nhân vật lịch sử, cùng chính kiến hay không cùng chính kiến với bác, đi cùng đường hay đi khác đường, bác đều minh xét họ trên bình diện khách quan như nhau: bác kính trọng và công nhận sự thành công của những người đối lập với mình. Điều này, ngay cả ở học giả Trần Trọng Kim, cũng không thấy có, và có lẽ cho đến nay, chưa mấy người Việt Nam đạt được.

Và điểm sau cùng, dù ở chính trường, trong địa hạt giảng dạy, hay trong việc tìm tòi nghiên cứu, bác luôn luôn để ích lợi văn hóa và ích lợi dân tộc lên hàng đầu, trước tất cả những lo lắng khác. Và *ưu tiên trên tất cả là vấn đề đào tạo con người*. Từ lớp vỡ lòng cho đến nấc thang cao nhất ở đại học là con đường nghiên cứu; ở mức độ nào, mọi người đều có thể cần đến bác, hoặc trực tiếp, hoạc gián tiếp qua sách vở. Đó là cách dạy của bác và qua đó, mình hiểu được đức độ và nhân cách của người thầy.

*

Tôi đã làm việc ra sao, với năm cuốn băng cassette, mỗi cuốn dài gần 90 phút?

Về phần phát thanh ở đài RFI, vì giới hạn thời gian của chương trình, tôi bắt buộc phải lựa chọn, chỉ sử dụng những đoạn nòng cốt, và cắt bỏ các chi tiết, rồi đặt câu hỏi cho phù hợp với những đoạn được lựa chọn, và làm công việc gọi là mixer câu hỏi với câu trả lời cho ăn khớp.

Với radio, tôi chia làm hai phần: Phần văn học, phát thanh vào tháng 10, tháng 11 năm 95. Dự định là phần chính trị sẽ phát thanh vào đầu tháng sau. Không ngờ bác mất trước.

---

(2) Có chỗ chép là Nguyễn Lượng

Về phần in trên Hợp Lưu, tôi ghi lại trọn năm cuốn băng theo đúng như cassette. Khi chép lại, chỉ bỏ bớt thì, mà, là,... và những chữ hoặc những câu lặp lại không cần thiết. Tôi giữ nguyên văn nói, để người đọc, nếu là người thân, có thể tìm thấy cách nói chuyện của bác, với những ngôn từ thân quen mà bác thường dùng.

Trong những buổi nói chuyện, hôm đầu sơ ý, tôi dùng pile cũ, nên tiếng nói biến dạng, không thể phát thanh được. Nhưng cassette tôi vẫn sử dụng được như một sử liệu. Những chi tiết của buổi nói chuyện ấy, tôi lựa lọc và xen vào những chỗ thích hợp của các buổi nói chuyện sau, để soi tỏ thêm các vấn đề. Vì là những cuộc nói chuyện cách xa nhau hàng tuần, và trong khi nói chuyện, cũng hay đang từ vấn đề này nhảy sang vấn đề khác, cho nên khi soạn lại, đôi khi tôi phải chuyển một vài đoạn, từ chỗ nọ sang chỗ kia, để có thể phân thành ba phần rõ rệt:

- Phần thứ nhất: *Bước đường nghiêm cứu*, bác nói về hơn nửa thế kỷ tìm tòi và nghiên cứu của mình, từ những bước khởi đầu.
- Phần thứ nhì: *Chứng nhân lịch sử*, bác nói về vai trò của bác trong giai đoạn lịch sử cận đại, bác nhận dịnh những nhân vật lịch sử như Trần Trọng Kim, Bảo Đại, Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm, v.v...
- Phần thứ ba: *Nghiên cứu Kiều*, bác nói về công việc nghiên cứu Kiều của bác từ hơn 50 năm nay.

Tất cả những cassette này tôi trao lại một bản cho gia đình bác, để giữ làm tư liệu, sau này có thể sẽ có dịp dùng đến.

Đây là những tư liệu quý giá. Dường như bác cũng linh cảm thấy là bác không còn đủ thì giờ để viết hồi ký, cho nên khoảng tháng giêng năm 96, khi tôi điện thoại lại hỏi bác một vài điều thắc mắc; sau khi đã ân cần chỉ bảo, bác còn dặn: "Sau Tết, lúc nào rảnh, cô mang máy lại, bác còn một số việc nữa, lại bác kể thêm." Rồi vì quá bận công việc, tôi chưa kịp thăm bác, bác đã mất. Đấy là điều tôi ân hận suốt đời.

Trong trường hợp bình thường, bản thảo những buổi nói chuyện này, phải được bác duyệt lại và sửa chữa những sai lầm - chắc chắn sẽ có - bởi vì bác nói giọng Nghệ, nhiều chữ nghe không rõ, tôi phải đoán, và cũng có chữ không thể nào đoán được - trước khi in lên báo - Nhưng nay bác đã mất rồi. Tôi nhờ anh Tạ Trọng Hiệp đọc lại bản thảo; và chính anh Hiệp đã hiệu đính và viết những chữ Nôm cần thiết cho phần nghiên cứu Kiều của bác.

*

Trong bài Tựa cuốn Danh Từ Khoa Học, mùa xuân năm 1942, bác viết: "*Tôi cũng là mù trong bọn mù, điếc trong làng điếc: nhưng mù phải lần đường, điếc nên dạn súng cho nên không quan ngại khó khăn.*"

Trong bài Tựa cuốn Lý Thường Kiệt, bác viết: "*Những việc tôi kể trong sách hoàn toàn có chứng và được dẫn chứng. Cũng trong các hạng chứng, tôi*

*chỉ để ý đến những chứng chính xác mà thôi."*

Tinh thần khoa học đó, đã là những viên đá đầu tiên xây dựng cho nền nghiên cứu khoa học xã hội của nước nhà.

Trong suốt nửa thế kỷ này, người thầy dạy chúng ta từ hai chữ i tờ, đến những bài tính đố, vẫn còn đấy, như cây đại thụ tỏa bóng mát, che chở cho những kẻ đến sau. Bây giờ, bác mất đi, mỗi chúng ta, ai cũng mồ côi. Cái học của bác, nhân cách của bác, dù ít dù nhiều, cũng đã nuôi nấng đời sống tinh thần của chúng ta trong nhiều thế hệ.

Từ nay, có điều gì không biết, còn ai để hỏi?

*Yên Cơ, miền Nam nước Pháp, 7 tháng 5 - 1996*

**Thụy Khuê**

*

HOÀNG XUÂN HÃN,

# BƯỚC ĐƯỜNG NGHIÊN CỨU

**Thụy Khuê:** *Thưa bác, chắc hẳn ngày nay rất nhiều người muốn biết tại sao giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã bỏ ngành khoa học thuần túy để bước sang ngành nghiên cứu khoa học xã hội.*

**Hoàng Xuân Hãn:** Với câu hỏi này, tôi xin trả lời tóm tắt sự ấy: Vì cuộc chiến tranh giữa Pháp với ta, tôi phải bỏ nghề dạy toán học; cho nên cũng là một cái cớ lớn làm cho tôi có thì giờ quay lại với một ý nguyện vốn có từ xưa. Vì từ khi còn trẻ, tuy đi học các trường Pháp, rồi quay ra đến khoa Toán học; nhưng về đường sử học hay ngôn ngữ học Việt Nam, từ lúc chừng 10 tuổi tôi đã hiểu biết qua sự ấy là vì làng tôi, làng lớn là làng Yên Hồ, thôn Yên Phúc, cách sông Lam, cách núi Hồng độ 3 cây số, chung quanh đấy khoảng đất nào cũng là một khoảng đất lịch sử.

Mà lịch sử đây, có lẽ đã có từ đời nhà Lý, nhà Trần. Nhất là về đời nhà Trần, chính vua Trùng Quang lúc thua ở Bắc, chạy vào miền Nam thì quân Minh đóng ở bên cạnh, ở một ngọn núi gọi là núi Rum; núi Rum cạnh sông Lam Giang, cách nhà tôi chừng 4 cây số. Mở cửa ra, tôi thấy trước nhà có những đám đất người ta gọi là Dâm Mã Chúa, Dâm Mã Tù; thì cũng tò mò hỏi rằng tại sao đây lại có tù, có chúa mới hiểu rằng có nhẽ hồi xưa, triều đình vua Trùng Quang có đóng ở vùng ấy. Thứ hai nữa, trong làng có đền thờ cụ Nguyễn Biểu, ta gọi là Đức Thánh Nghĩa Liệt là một ông tổ trong họ ở

làng Yên Hồ, trong sử có chép chuyện ông Nguyễn Biểu đi sang núi Thành gặp Trương Phụ, để xin nhà Minh lập lại con cháu nhà Trần. Sau vì ông có tiếng là người giỏi, cho nên Trương Phụ tìm cách giết đi, không cho về. Đấy là những nguồn gốc kích thích sự tò mò về sử học làm tôi sau này tha thiết với sử học.

TK: *Về ngành ngôn ngữ học, bác cũng là một trong những người mở đường?*
HXH: Còn về đường ngôn ngữ học, có một việc hơi lạ: lúc 10 tuổi, khi còn đang học chữ Hán, có lúc giở sách trong tủ sách gia đình, thấy những sách không phải là chữ Hán. Hỏi ra thì biết rằng đấy là chữ Nôm, cho nên tôi đã tìm cách đọc chữ Nôm từ lúc ấy. Và đã khám phá ra từ lúc đầu là có những chữ viết một cách và mình đọc một cách rất khác. Nhưng mà có một chữ ở đầu quyển sách, người ta viết như chữ *khóa*, nhưng không đọc được, hỏi cụ tôi thì cụ tôi đoán rằng đọc là *thuở*. Nhưng cụ tôi không giảng được, đó là cái thắc mắc trong đầu tôi lâu lắm, mãi sau này, ở đại học, tôi mới tìm biết ra đấy là những di tích của tiếng Việt từ đời xưa, với chữ Nôm từ đời xưa để lại. Cho nên tôi có một quan niệm về chữ Nôm nó khác với người khác nhiều lắm.

TK: *Thưa bác, bác đã bắt đầu con đường học vấn như thế nào?*
HXH: Đầu tiên tôi học chữ Hán với chữ Quốc ngữ trong gia đình, từ 7 tuổi đến 11 tuổi. Sau đó vào trường tỉnh ở Vinh, bắt đầu học tiếng Pháp khoảng năm 1917. Thời ấy học tiếng Pháp là học tiếng Pháp từ đầu chí cuối, chứ không có lẫn tiếng Việt hay là tiếng Hán. Tiểu học ở tỉnh. Sau 4 năm thi bằng đầu tiên gọi là Enseignement Primaire, tức là bằng tiểu học. Tuy là học tiếng Pháp không, nhưng những dịp nghỉ hè, về quê ở với cha tôi, là người có đậu tú tài những khóa đời xưa, tôi học chữ Hán.

TK: *Xin bác cho biết tên cụ thân sinh ra bác?*
HXH: Cụ tôi tên là Hoàng Xuân Úc. Cụ đậu tú tài rồi nhà nước đổi cách thi đi: vẫn thi bằng chữ Hán nhưng lại có bài thi bằng quốc ngữ, thì cụ không muốn học hay là không muốn thi, nên không thi nữa. Về đường chữ Hán thì tự nhiên là các cụ học một cách uyên thâm lắm. Các cụ như cuốn tự vị, mình muốn hỏi gì về đường chữ nghĩa các cụ cũng giả nhời được. Sau này tôi nghiệm thấy rằng, những người Hán học về sau, cùng trạc tuổi ấy, lúc mình có điều gì thắc mắc, các cụ không thể giả nhời được. Nhờ thế mà tôi học được một phần nào.

Học tiếng Pháp rồi sau vào trường Quốc Học Vinh. Quốc Học nghĩa là dưới Trung học một ít. Hết Quốc Học thi bằng Primaire Supérieure. Sau một năm tự học lấy khóa đầu Trung học Pháp, rồi tôi vào lớp toán ở Lycée Albert Sarraut.

TK: *Thưa bác, bác đã áp dụng phương pháp khoa học Tây phương để khảo*

*sát chữ Nôm như thế nào?*

HXH: Khóa trình học chính thức hoàn toàn bằng tiếng Pháp, bằng phương pháp của Pháp. Nghĩa là học phân tích nhiều. Không học như hồi xưa của mình, học một cách quy nạp: Nghĩa là học đấy để lấy cái làm thí nghiệm để biết về chữ Nho, cách đặt câu chữ Nho. Nhưng cách đặt câu chữ Nho thế nào thì cũng không phân tích ra như học chữ Pháp.

Sau khi học tiếng Pháp và những môn khoa học với Pháp, tôi cũng nhận thấy cách học của mình thời xưa, thiếu phần phân tích. Cho nên khi xét về sử học hay văn học, tôi nghĩ rằng phương pháp phân tích của người Âu Châu sẽ làm cho mình biết sâu hơn, làm việc dễ hơn và có công hiệu hơn. Cho nên, khi sang Pháp học Lycée Saint Louis, sau vào trường Bách Khoa, tuy rất bận với đường học mới, nhưng tôi vẫn ôn lại ít nhiều sự hiểu biết hồi xưa, tuy là không có sách vở, không có thầy.

Mình tự nghĩ lại về những gì đã học về văn chương trong 8, 9 năm hồi bé ở bên nhà. Nhớ lại, thì ra dần dần, không quên cái cũ đã đành song lại thấy rằng, chính hồi xưa học bên nhà, hoặc là các cụ, hoặc là các thầy, nhiều khi họ truyền cho mình những sự sai lầm; lúc ấy mới hiểu được cái sự sai lầm ấy. Cho nên, những ý -không phải là những ý mới, mặc dù đối với anh em, họ cho là mới- mà tôi có về đường văn học, sử học hay ngữ học chính là tinh thần khoa học là một và tinh thần phân tích là hai.

TK: *Thưa bác, bác vào trường Polytechnique năm nào? Sau khi học xong Polytechnique, bác đã học thêm những gì nữa trước khi trở về nước? Và trong điều kiện nào, bác đã soạn cuốn Danh Từ Khoa Học?*

HXH: Tôi vào trường Polytechnique năm 1930. Ra năm 32. Vào học trường Cầu Cống hai năm. Lúc ra là năm 1934, tôi có về bên nhà 3, 4 tháng, gọi là đi du lịch nhưng thực ra về để xem có làm được công việc gì không. Thì chính những bạn cũ, người Pháp, những người cao cấp nhất bên ấy, khuyên tôi nên sang bên này học cái khác, chứ không nên về bên nhà, không làm được công việc gì đâu. Cho nên tôi sang học toán, thi thạc sĩ toán vì thế.

Nhưng ngay khi vào Polytechnique, tôi đã nhận định thấy người mình thiếu về đường khoa học nhiều. Thiếu óc khoa học nhiều. Mà thiếu óc khoa học, phần lớn là vì không có danh từ khoa học. Vì không có danh từ khoa học, nên người thường không thể nói chuyện được về khoa học. Và đến những người có học đi nữa, thì những từ học của Pháp là để học bài học của mình, chứ không thể giảng cho người khác được.

Cho nên lúc ấy tôi đã bắt đầu nghĩ đến làm cuốn danh từ khoa học. Ít ra về phần cơ bản; rồi sau sẽ tiếp tục dần. Đến khi trở về Việt Nam, dậy toán, tôi làm cho xong đi, để in được vào năm 1942-1943. Là vì lúc ấy người Nhật đã đóng ở bên mình rồi, vì tương lai của ta, tôi thấy mình cần phải có tiếng mình để học và dạy ở trung học và đại học. Đã đến lúc mình cần đến tiếng mình. Nói thì có người cho là viển vông, nhưng trong anh em, một nhóm

chừng mười người với nhau, không ai nói với ai, nhưng ai cũng hiểu là đã đến lúc mình cần đến tiếng mình. Rồi y như rằng, hồi bắt đầu chiến tranh với Pháp thì ở ngoài, tuy lên rừng rú, mà chính phủ ở ngoài lúc ấy đã lập đại học bằng tiếng Việt. Vả lại cái sự sử dụng bằng tiếng Việt cho những người làm việc, người công binh, người chiến binh, ... cũng là lúc ấy. Phải nói với nhau bằng tiếng Việt thì họ có một ngôn từ. Đấy!

TK: *Thưa bác, xin bác nói lại trường hợp cụ thể nào đã đưa bác vào con đường nghiên cứu và những kinh nghiệm bản thân của bác, bác đã dùng khoa học trong việc nghiên cứu như thế nào?*

HXH: Lúc bắt đầu chiến tranh ở trong Nam thì đã đánh nhau từ đầu, thì người Pháp đã lập lại các chính quyền ở trong Nam. Không những thế, về đường văn hóa thì các trường đều là trường Pháp hết cả. Nói thực, đầu hết, người Việt ở vùng Nam là Nam Kỳ hồi ấy, thì không thấy cần đến chuyện ấy, nhưng ở ngoài Bắc hoàn toàn cần, phải bắt buộc dùng tiếng Việt. Cho nên những ý đồ của chúng tôi hồi trước rất thích hợp.

Thế còn tôi lúc ở Hà Nội, xẩy ra việc chiến tranh là cuối năm 1946, tháng chạp năm 46- lúc ấy đã sửa soạn về quê; nhưng nghe tin ông Moutet (1) có sang Đông Dương rồi, sắp sửa ra Hà Nội, ai cũng nghĩ rằng sẽ có điều đình với chính phủ cụ Hồ, lúc ấy còn ở Hà Đông. Tôi quay về Hà Nội để nghe đài radio biết tin tức. Chính đêm hôm 19 tháng Chạp năm 1946, xẩy ra chuyện chiến tranh, tôi bị kẹt ở Hà Nội, ở con đường từ trại lính Pháp gần bờ sông, vào trại lính Pháp bên cột cờ. Thành ra bị nghẹt ở đấy, không thể chạy đi được. Sự tôi ở lại là tình cờ.

Người Pháp đối với tôi lúc ấy, có nhẽ họ cũng nghĩ rằng họ đương cần những người có thể làm trung gian điều đình cho cả hai bên được, ngoài buổi đầu thì có thể có sự nguy hiểm, sau họ giữ mình, nhưng họ không bắt buộc mình làm gì. Và không khi nào họ dỗ tôi trở lại làm thầy giáo trường lycée như trước nữa. Trong giấy tờ Bộ Thuộc Địa bên này sau này tôi có nhờ lục xem lúc ấy họ có phê bình gì không- thì tên tôi họ nói bị gạch ở trong sổ giáo sư, tức là họ không dùng nữa. Họ gọi là rayer. *Thành ra một mặt tôi có đủ thì giờ để làm việc khác, vì không phải đi dạy nữa.* Tôi cũng không muốn và họ cũng không bắt buộc tôi.

Trong lúc ấy ... Đầu hết thì tôi cũng nghĩ, ở đấy, về mặt chính trị cũng có ích một phần nào. Bởi vì thực có lúc thư từ của tôi gửi ra ngoài, tôi gửi cho, hồi ấy, phần là giao thiệp với anh Phan Anh, giao thiệp với mấy người bạn rất thân. Cả anh Võ Nguyên Giáp, các anh ấy, lúc ấy, cũng có lúc hỏi ý kiến tôi những cái này, cái kia, tôi cứ giả nhời một cách thẳng thắn.

Thư từ có lúc bị bộ đội Pháp họ ngăn chặn những trẻ con đưa thư đi. Đưa về thì chính người cao cấp Pháp mời tôi lên, ông ấy tên là de Pereyra, nói với

---

(1) Marius Moutet: Bộ Trưởng Bộ Thuộc Địa Pháp trong chính phủ Léon Blum, đến Sàigòn ngày 26/11/1946, ra Hà Nội ngày 2/1/1947

tôi: Il y a un accident technique hier soir (2). Tôi hỏi: chuyện gì đấy? Ông ấy bảo: On a arrêté le garçon qui a sorti votre courrier(3). Ông ấy bảo: Faites attention (4), là vì bấy giờ người militaire responsable (5)những chuyện ấy, tụi militaire nó có thể làm hại ông được. Tôi biết rằng họ cũng đương còn có cái ý muốn dùng mình; nếu có chuyện gì muốn chuyển ra cho ngoài biết, có thể qua mình.

Tôi không nghĩ gì đến chính trị, nhưng có cơ hội làm cái gì thì tôi cũng làm. Trái lại tôi nghĩ đến cái lúc anh em ở ngoài về, nghĩa là thành cái chính phủ của mình rồi, độc lập hay bán độc lập không biết là thế nào, nhưng có một cái trách nhiệm về đường giáo dục, về đường văn hóa, lúc ấy có những công việc gì? Mình phân tích, mình thấy chính người mình thiếu hoàn toàn về mặt ấy. Nếu độc lập, không biết là làm công việc gì cho đặc sắc Việt Nam là một; thứ nữa có một giá trị quốc tế là hai.

Tôi mới nghĩ đến Việt học, học về đường văn hóa Việt Nam. Hồi trước, chỉ một vài người Pháp sang Ecole d'Extrême Orient nghĩ tới. Hoặc là trong Huế có nhóm gọi là Amis du Vieux Huế. Những người tuy rằng về đường học lực cũng không cao đâu, chỉ trung học, đại học thấp thấp, nhưng họ có phương pháp, và lúc ấy họ lại có phương tiện nữa, họ lại có quyền, họ có thể làm những công việc không to lớn nhưng có thể ấn loát, phát hành. Bây giờ có những dấu tích như Bulletin du Vieux Huế hay Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient. Tôi có người bạn là ông Nguyễn Văn Huyên, lúc ấy đã có chân ở trường Bác Cổ. *Mình thấy rằng nếu người mình biết đem cái phương pháp của họ mà xét việc của mình thì có vô số là chuyện.* Tôi cũng có sự mừng vì thế.

Trong những diện khảo sát ấy, về đường sử học thì đã đành rồi, nhưng về ngôn ngữ học, với tiếng Việt, ... Người ngoài mà có muốn để ý đến những việc ấy, họ cũng không có thể bằng mình được, nếu mình có phương pháp làm việc. Tôi lại nhớ đến chuyện chữ Nôm của tôi, mà lúc bé tôi nghĩ tới, tôi thấy rằng về đường chữ Nôm là môn học về ngôn ngữ, về cổ tự học không có ai bằng mình được. Cho nên tôi có ý đề xướng ra những vấn đề ấy, trong những sách tôi soạn hồi ấy, để làm một cái thử thách. Nói là làm một cái mẫu thì không đúng, nhưng làm một cái thử thách để anh em lúc ấy họ có về, họ thấy thế thì họ nghĩ ra. Và sự thực là đúng như thế. Quyển sách tôi viết về Lý Thường Kiệt, thì sau này có người viết về Khởi Nghĩa Lam Sơn, người viết về đánh Mông Cổ, về Nguyễn Huệ, những người đứng đắn cả. Về đường Nôm, đường sử, nghĩa là mấy vấn đề mà tôi khởi công lúc ấy, sau này có người tiếp tục một cách đi sâu.

Điểm thứ hai nữa là tôi nghĩ đến các anh em bạn tôi hay các học trò tôi.

---

(2) Tối hôm qua có một "tai nạn kỹ thuật"

(3) Người ta đã bắt thằng bé đưa thư của ông

(4) Coi chừng

(5) Người nhà binh trách nhiệm

Lúc ấy tôi đã đi dạy cũng được 10 năm ở lycée, mỗi năm có hai lớp terminale về toán, tôi dạy chỉ chuyên toán thôi. Thì có thể nói tôi có 20 lớp, thì có 1000 người mỗi lớp 50 người-. Trong đám học trò cũ đó, nhiều người giỏi lắm. Tôi sợ rằng là lúc mình độc lập rồi, tất cả những học trò ấy có được về hay không, hay là chết chóc, chiến tranh... Nếu mà họ còn để trở về với các bạn hữu khác của họ thì lúc ấy tụi trẻ có thể làm một công việc gì cho xứng đáng với một nước độc lập, nối tiếp văn hóa của mình từ xưa.

Tôi thấy rằng cái văn hóa xưa bị đứt hoàn toàn. Lúc ấy tôi không tin rằng nếu về họ có thể nối lại được... Nếu họ về, họ phải có một cái gì lập tức, có sẵn rồi, hay là đã có người khơi mào ra, rồi, họ tiếp tục thì dễ hơn. Vì thế cho nên, về khoa học, tôi đã viết quyển Danh Từ Khoa Học từ trước (1942), tôi biết là hậu phương hoàn toàn dùng cuốn Danh Từ Khoa Học của tôi để dạy đại học về khoa học.

Đường khoa học thì được tin cụ Nguyễn Văn Tố đã chết (1948) rồi. Ông Dương Quảng Hàm - đấy là những người đại diện về khoa học xã hội đời ấy, hay các ông Lê Dư...- thì ông Dương Quảng Hàm tôi đã nghe tin bị chết ở gần Hà Nội. Tôi nghĩ sau này, học về Việt văn không nên trở lại những cái sai lầm khi trước - tôi biết là sai lầm nhiều-. Vì thế tôi mới nghĩ đến việc lập lại, sửa lại hoàn toàn về đường văn học. Cho nên tôi viết quyển *Thi Văn Việt Nam*, mới ra được từ quãng đầu đời Trần đến đời Mạc, trong cuốn ấy tôi không dùng những báo đời xưa - hồi đó là báo Đông Dương tạp chí hay Nam Phong tạp chí- người ta đã phiên âm từ chữ Nôm, phiên âm lầm hay không lầm thì không ai biết; mà thực ra người ta lầm nhiều vì tôi đã đọc nguyên bản.

Cho nên lúc ấy tôi mới đề xướng ra là phải truy cái gốc của mỗi chữ từ chữ Nôm mà ra. Quyển sách ấy, tôi viết rõ ràng chữ này mình lấy ở đâu ra, hay là từ chữ Nôm ra. Và chữ Nôm mình có thể đọc thế này thế kia, mình phải giải thích cho người ta. Nếu người ta không đồng ý thì người ta phải tìm cách sửa. Nghĩa là về đường ngôn ngữ học, về đường văn học, có chắc chắn hơn, khoa học hơn.

Về đường văn học hay ngữ học, hiện nay họ khảo cứu về chữ Nôm nhiều, họ lại nhờ được học các đại học bên Nga, bên Đông Đức, cho nên họ dùng ngôn ngữ học để áp dụng vào tiếng Việt, qua chữ Nôm, nên nó có kết quả. Tuy chưa phải là mình thích hết cả, nhưng nó đã có cái nền tảng như thế, nhất là nghiên cứu về chữ Nôm. Về chữ Nôm, đấy là một khoa học có mực cao, quốc tế cao. Mà ở trong quốc tế ấy, mình có thể chiếm được phần đầu, vì là tiếng mình thì thế nào mình cũng sành hơn người Nhật, người Tầu, người Úc, người Mỹ, nhiều người nghiên cứu về vấn đề ấy. Hẳn hoi là bây giờ, những người trẻ của mình đi vào ngành ấy, có thể tương đương với quốc tế, không kém. Những ngành khác thì còn kém nhiều. Sau này tôi tiếp được nhiều bài nghiên cứu hay là sách nghiên cứu của các tuổi trẻ, trong đám ấy, như tôi có lần nói với cô, phụ nữ nhiều. Thì có thể nói là cái ấy là cái tôi toại chí nhất trong các việc tôi làm.

TK: *Trên đây là giai đoạn tìm tòi, nghiên cứu ở Việt nam, còn về sau từ năm 1951 bác sang Pháp?*

HXH: Tôi sang với cái cớ là sang để tìm kiếm những cái gì còn lại của văn chương mình hay là ngôn ngữ mình; tôi nghĩ rằng có những người Pháp, người Công Giáo hay các giáo sĩ qua xứ mình lâu, thì chắc cũng có người mang ít nhiều giấy má về bên này. Hơn nữa, người Âu Châu rất trọng và biết giữ cái xưa. Tôi lúc ấy cũng không chắc lắm, nhưng mong rằng sang bên này tìm được những thứ ấy.

Lúc tôi sang đến Pháp thì có hai nơi: Thư viện quốc gia và Thư viện truyền giáo Mission Étrangère; tôi liền đi cả hai nơi. Ở Bibliothèque Nationale tôi gặp một bà chuyên môn giữ sách về Á Đông. Lập tức bà ấy nói với tôi: "Chúng tôi có một đống sách để ở đây hàng trăm năm rồi mà không ai đọc được. Cho nên không làm catalogue (6) được. Nếu ông giúp được thì quý lắm." Tôi bằng lòng. Tôi lục ra thì may mắn là còn giữ được những bản Nôm của mình, về Công Giáo, viết từ thế kỷ XVII. Bây giờ, ở thư viện quốc gia, thư mục về những sách ấy là tôi làm. Sau này, đời ông Diệm, họ có cho microfilm về bên nhà. Bây giờ thì chắc chắn nhà vẫn còn những microfilm ấy.

Thế còn ở Hội Truyền Giáo thì có những thư từ vãng lai của người công giáo Việt Nam với các cố đạo Âu Châu, viết bằng chữ Quốc Ngữ, chữ Nôm hay chữ Hán, cũng được trữ lại. Hàng năm bao nhiêu giấy mực, họ đóng thành quyển sách, gọi volume này, volume kia, trong ấy rất nhiều tài liệu. Tôi cũng chép được nhiều lắm.

Đấy là những cái bổ ích, tôi đợi để in ra. Nhưng rồi tôi biết, sau này họ cũng cho microfilm bên nhà nhiều lắm thành ra tôi không làm nữa. Hình như có một số người trong chính phủ trong Nam, sau này có in, hoặc ở Đà Lạt, hoặc ở Sàigòn.

Vì tôi làm cho Thư viện Quốc gia, mới phát sinh ra những quyển sách của các giáo sĩ dòng Jésuites. (7) Tôi thấy ở trong ấy còn giữ được rất nhiều thư từ hoặc những biên chép, đủ thứ tiếng, tiếng Latin, tiếng Pháp, tiếng Espagnol, tiếng Portugais. Tiếng Việt cũng có một phần của người Việt, vào thế kỷ XVII cả. Tôi chép được một số khá nhiều, có viết một bài đăng báo *Đại Học* (Huế) về chuyện ấy.

Nhưng hồi Pháp sắp ký Hội nghị Genève, tôi sang Rome với những người Jésuites. Hồi ấy tôi làm ở Bibliothèque Jésuite, sau tôi làm ở Bibliothèque ở Vatican, người giám đốc thư viện cũng mời tôi làm cho họ một thư mục của Việt Nam ở đấy. Ở thư viện Vatican tôi tìm ra những sách viết của một nhóm Việt Nam từ Thái Bình đi sang Rome trước 1800, trước thời Gia Long, sau bị Portugal giam cầm, không cho về, thành ra các ông ấy chết bên ấy cả,

---

(6) Thư mục

(7) Dòng Tên

nhưng để sách vở lại, chừng vài chục cuốn. Sách viết tay cả, tên là ông Bỉnh, ông Philippe Bỉnh.

Ngoài ra bên Pháp có Propagande de la Foi (8) cũng còn giữ được vài cuốn sách, về thư từ thì ở đấy không có. Tôi tin rằng ở Espagne (9) hay Portugal (10), trong những monastère (11) chắc là còn có một vài tư liệu từ đời ấy, nhưng vì hồi ấy, tôi không có giấy phép nên tôi không đi được.

Tôi sang đây mấy năm ấy cũng có ích ít nhiều.

TK: *Thưa bác, về những cuốn sách mà bác đã biên khảo như* La Sơn Phu Tử *hay là* Lý Thường Kiệt, *chắc là bác đã có những chủ định trước?*

HXH: Có. Nó cũng nhiều cái sự định trước, như *La Sơn Phu Tử* đấy là người họ tôi mấy đời ngày xưa. Thứ hai nữa, khoảng năm 1938, tôi đi thăm viếng những họ xung quanh làng, tôi biết rằng còn có một ít di tích, cổ tích từ đời ấy để lại. Nếu mà viết về sử, mình viết một cách mà người Pháp cũng không có thể viết bằng như thế được, nếu họ trở lại. Người ngoại quốc cũng không có thể đi sâu được như thế. Vì cái ý muốn thích làm đã đành, nhưng để làm gương cho mấy anh em trẻ thì cũng có đấy. Trong những bài tựa, tôi có nói rõ ràng như thế. Đến cái lúc mà mình phải tự có những cái phương pháp viết về những vấn đề khoa học xã hội, nhiều khi mình không quan tâm đến hoặc có quan tâm đến nhưng một cách nó sai, ví dụ như chuyện Chinh Phụ Ngâm, ai cũng nói rằng của Đoàn Thị Điểm, mà không có ai chịu khó xét có cái lý thực không? Có cái gì trái lại không? Không đâu! Cái đó là mình duy tâm hoàn toàn! Nói Đoàn Thị Điểm vì là người đàn bà, cho nên mình thích thì cứ nói Đoàn Thị Điểm. Đến lúc tôi thấy không phải, đã đành rồi; mà có nhẽ, về tác phẩm Đoàn Thị Điểm, có nhẽ vẫn còn đấy, nhưng không phải là tác phẩm mà mình thường đọc, cho nên tôi viết quyển Chinh Phụ Ngâm.

TK: *Thưa bác, có một điều là cuốn* Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo *bác viết cách đây đã mấy chục năm rồi, bác đã chứng minh rõ ràng như thế, tại sao dư luận quần chúng, số đông, vẫn cứ coi là của Đoàn Thị Điểm? Có gì khó hiểu không, thưa bác?*

HXH: Cũng không khó hiểu lắm đâu. Cái dân mình thực ra duy tâm hết sức. Tuy là về cái marxiste, nó có thể ăn sâu vào chính trị, ăn sâu vào chiến tranh. Nhưng người marxiste của mình cứ nói duy vật, chứ không mấy người duy vật đâu. Tôi nói thực như thế. Duy tâm nhiều lắm, nhiều chuyện lắm nữa. Trong chiến tranh người marxiste chỉ duy vật không thì thế nào cũng thua. Staline nó đánh Đức; đến lúc phải đánh Đức, Staline nó cũng quay lại duy

---

(8) Truyền giáo

(9) Nước Tây Ban Nha

(10) Nước Bồ Đào Nha

(11) Tu viện

tâm. Lúc ấy nó phải đề xướng ra chủ nghĩa quốc gia của Russe. Nói đến chủ nghĩa quốc gia tức là duy tâm rồi. Bên nhà cũng thế. Cụ Hồ mà nói đến sự người mình yêu nước, thương nước, vì nước vì nòi, những chữ ấy là duy tâm cả. Cho nên cái sự duy tâm dân mình rất lớn từ trước tới giờ.

Cái thứ hai nữa là sau này, tôi nói cái này có nhẽ cũng mất lòng một số người, nhưng mà sự thực tôi nghĩ như thế, sau này họ đặt ra một cái gọi là Hội Văn Học, tức là cái nhóm người cầm đầu với lại có quyền thế trong những hội ấy, nếu họ không thay đổi, những người khác, có nghĩ khác cũng không dám nói.

TK: *Hội Nhà Văn ạ?*

HXH: Ừ, Hội Nhà Văn đấy. Chính Hội Nhà Văn bên nhà họ chưa nhận thức. Họ cũng máy móc lắm, ở đấy lại duy vật. Tôi nghĩ như thế, một cớ là như thế, rút cục chắc cũng có cớ khác nữa.

Về đường duy vật thì có đủ chứng cớ rằng Phan Huy Ích dịch cái bản bây giờ. Tìm được thì có anh Xuân (12) tìm lại được một bản có Phan Huy Ích đề tựa rõ ràng đấy. Tôi lại được họ Phan Huy cung cấp cho những tài liệu từ lúc viết đấy (13), cho biết rằng Phan Huy Ích làm cái này. Người ta biết rằng có nhẽ đúng đấy, nhưng mà chưa có đủ những cái về đường chính thức quyết định rằng tác phẩm này là người này viết ra, thì người khác không có thể in ra điều ấy được. Tôi nói ở ngoài thì được. Chứ những người đã có chân ở Hội mà nói như thế không được. Có thể họ nghĩ là về lâu dài rồi cũng phải nhận như thế. Nhưng phải có một cái hội đồng họp lại, rồi bàn, rồi quyết định này kia. Lúc ấy, nó mới thành chính thức. Đấy là cái phần máy móc ở trong sự làm việc của mình.

Sau này, đến chuyện Hồ Xuân Hương thì cô cũng biết rằng là đến bây giờ cũng thế, họ vơ hết cả những thứ gì mà hồi xưa gọi là bất chính thì họ đổ cho Hồ Xuân Hương. Bây giờ chưa ai dám đề xướng ra sự phải xét lại những bài ấy; bài nào không phải là của Hồ Xuân Hương, chắc chắn không phải, phải vứt đi. Mà không ai nghĩ tới. Không ai dám làm những việc ấy. Tôi mong rằng bây giờ, đến lúc cả những người làm văn học quốc tế người ta để ý đến văn chương của mình, và sự giáo dục của mình về đường văn chương; nếu mình không làm rồi người ngoài, người ta cũng nói ra.

Đấy là lối làm việc của mình hiện bây giờ chưa đủ những phương tiện không hẳn là những phương tiện, chưa biết nên gọi là cái gì- chưa có phương pháp khoa học hoàn toàn, đương còn duy tâm nhiều.

TK: *Về cuốn* Lý Thường Kiệt, *bác đã viết cuốn* Lý Thường Kiệt *với một lý do chính trị?*

HXH: Hồi ấy tôi ở lại Hà Nội, có thể nói là người Việt Nam ở nội thành

---

(12) Nhà văn Nguyễn văn Xuân ở Huế, tìm thấy vào khoảng năm 1960

(13) Cuốn sách *Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo* của bác xuất bản năm 1953

còn ít lắm. Người ở ngoài vào trong thành, Pháp họ lại lập lại những trường như hồi trước cả, tôi thấy có nguy cơ về sự học lịch sử. Là một. Cái thứ hai nữa thì tôi cũng muốn kích thích cái lòng người Việt phải biết tự trọng. Tôi có ý so sánh [thời Lý Thường Kiệt] với việc mất Hà Nội - đời Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương-. Cuốn đầu tiên tôi viết là cuốn *Hà Thành Thất Thủ* kể chuyện cụ Hoàng Diệu mất thành Hà Nội, bằng documents hết cả. Lời của tôi thì cũng ít. Tôi đưa ra các bài vè của dân để chế diễu các quan không biết giữ thành, với những bài của Henri Rivière, hoặc của người thông ngôn cho Henri Rivière. Mình đưa ra cho biết rằng lúc mà nước suy thì người giỏi như Hoàng Diệu cũng chẳng làm gì được; mà những người khác yếu hèn thì tự nhiên mất nước là lỗi mình.

Quyển *Hà Thành Thất Thủ* sau này họ cho là vô danh bởi vì tôi không đề tên tôi ở đấy. Sau tiếp đấy là *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca*, cũng nhắc lại sử cũ của mình. Nhưng mà cốt thiết nhất là *Lý Thường Kiệt,* để cốt thấy cái dĩ vãng của mình mà so với hiện tại. Nếu ai đọc bài Tựa *Lý Thường Kiệt*, thì sẽ thấy rằng hồi ấy mà dám viết chững câu ấy, không có mấy người đâu. Quyển sách ấy có thể nói là in - tuy là Pháp ở đấy, công an ở đấy- nhưng mà không có kiểm duyệt. Đấy là cái ý lúc đầu tôi viết vào sử, vào văn là như thế, với ý chính trị nhiều, chứ không phải là không có chính trị. Tuy tôi không làm chính trị theo thói thường.

Rồi chiến tranh kéo dài, 47, 48 đến 51, trong khoảng ấy tôi thấy tương lai, cũng mờ ám. Không biết người Pháp có trở lại như trước không, hay là dân mình lại giành được độc lập. Sự tuyên truyền thì bên nào cũng lớn cả, chứ thực người ở Hà Nội lúc ấy, ngoài lòng tin của mình không kể rồi, nhưng dùng lý trí mà suy xét thì có thể sinh ra nhiều sự khác. Đối với tôi, tôi tin rằng mình sẽ độc lập và người Pháp không thể lấy lại được.

Nhưng cũng sợ mình mà được người Pháp lúc ấy thì phải cần đến người Trung Quốc. Nhất là khí giới của Trung Quốc. Mà qua Trung Quốc là khí giới của Nga, có khi là khí giới của Mỹ. Thì cái tương lai của mình, tôi thấy cái sợ về ngoại xâm phía người Âu Châu, hay Mỹ Châu, nhưng mà cũng sợ sự xâm lấn của người Trung Quốc nữa. Cho nên trong thời kỳ ấy, khi viết cuốn *Lý Thường Kiệt,* tôi nhấn mạnh cái ý là bên Trung Quốc, khi nào, thời đại nào họ đã thống nhất ở Trung Quốc, thế nào họ cũng kiếm cách lấn xuống dưới.

TK: *Bác đã viết cuốn* Lý Thường Kiệt *như thế nào?*

HXH: Quyển *Lý Thường Kiệt* có thể gọi là bất ngờ. Thời Pháp còn đương ở thuộc địa ấy, họ dời trường Bưởi vào Thanh Hóa, tôi phải vào trong ấy một tuần ba ngày để dạy học trò. Trong lúc ấy tôi thấy một vài cái bia xung quanh trường, tôi khám phá ra - từ trước không ai biết đâu, bởi vì rất khó đọc, nhiều người sau này đọc bia thì không mấy người chăm nữa, nhưng tôi khám phá ra- tôi đọc, tôi hiểu cái bia ấy làm ra từ đời Lý Thường Kiệt, bởi vì có chuyện

nói đến Lý Thường Kiệt. Rồi sau tôi lại hỏi thăm một vài vị sư ở trong ấy nữa. Tôi tới các chùa, tôi lại khám phá được ba bốn cái bia trong ấy có nói đến Lý Thường Kiệt.

Rồi tôi lại đến cái chỗ người ta gọi là nhà thờ của Lý Thường Kiệt, rất may lại gặp được một người bạn cũ làm tri phủ, tri huyện ở đấy là đất Hà Trung. Lúc ấy tôi đến thăm chính thức đền thờ của Lý Thường Kiệt, đền này còn giữ được cái bia kể lại sự tích Lý Thường Kiệt từ khi đầu. Và vị sư làm cái bia ấy là một người mà ta gọi không phải là đệ tử mà - là tùy thuộc; vì hồi xưa, vị sư cũng là một người công chức của nhà nước. Có thể nói là một người tùy thuộc của Lý Thường Kiệt. Với những cái ý ấy trong đầu, tôi nghĩ là thế nào tôi cũng viết một quyển sách về Lý Thường Kiệt..

Lúc về Hà Nội, xẩy ra chuyện chiến tranh. Tôi nghĩ đến mình đề cao Lý Thường Kiệt, với sự khảo sát rất chặt chẽ, sẽ là một cái gương cho những anh em sau này. Hai nữa là đương thời, trong bài Tựa, tôi có viết rằng người Việt Nam nào mà không có lòng ngưỡng mộ một vị như Lý Thường Kiệt, cuộc chống ngoại xâm như đời Lý Thường Kiệt. Hồi tôi viết quyển sách, đã có sở kiểm duyệt của Pháp rồi, nhưng chính người Việt Nam làm ở đấy không dám kiểm duyệt, cho nên quyển sách lúc đó mới ra được. Tôi cũng thích lắm là bởi vì từ lúc ấy đến bây giờ cũng không ai viết hơn được nữa. Bởi vì tôi gặp, tôi lại tìm trong sách Hán văn, một vị quan đời nhà Tống, sau Lý Thường Kiệt, nhưng ông này muốn viết sử về nhà Tống thành ra ông ấy chép lại được hết cả những công văn về qua triều đình nhà Tống, có đến 500 cuốn, mà mỗi cuốn nhiều khi có đến gần một nửa về chiến tranh Việt Nam. Thành ra có thể nói rằng đấy là những tư liệu có đầu tiên từ đời nhà Tống trở lại.

TK: *Thưa bác, có thể nói là sau này, những cuốn sử Chống Nguyên Mông của ông Hà Văn Tấn, Khởi Nghĩa Lam Sơn của ông Phan Huy Lê, có chịu ảnh hưởng hoặc đã học được ít nhiều lối làm việc của bác trong Lý Thường Kiệt?*

HXH: Có nhẽ thế. Cái đó thì phải hỏi các ông ấy mới biết. Nhưng mà tôi biết rằng, vì tôi viết Lý Thường Kiệt, cho nên các ông ấy tiếp tục viết một cách cũng như thế. Họ cố tìm lắm đấy. Phần lớn cũng có những cái mới hơn đấy. Về Khởi Nghĩa Lam Sơn thì ông Phan Huy Lê có đi tới nơi những chỗ trong nước mà hồi xưa chống quân Minh đấy. Nhất là về ông Lê Thiện. Ông Lê Thiện, cái chuyện trong dã sử của mình, Hoàng Việt Xuân Thu. Về Hoàng Việt Xuân Thu, trong có vị tướng gọi là Lê Thiện, như thần như thánh, mà trong sử thì không có. Chính ông Phan Huy Lê có về Hà Tĩnh; ông ấy hỏi những người nào trong đời ấy, đền nào có quan hệ đến chuyện đời Lê Lợi không, thì khám phá ra cái họ của ông Lê Thiện có thực.

Lúc mà tôi làm việc hồi xưa, đương còn chiến tranh, không thể đi về từng làng được. Chứ sau này, anh em thấy có phương pháp khoa học, làm việc như thế.

Về đường chống Mông Cổ thì ông Hà Văn Tấn đã tìm đọc những bản dịch

của những người Persan (14) - Ba Tư - về chuyện Mongole, về cái histoire de mongoles, thì cái choix (15) rộng lắm. Tiếng nước nào cũng nói về chuyện ấy. Ông ấy tìm ra những chỗ nào mà họ có nói đến người con của Qubilai (16) là Thoát Hoan, sang đánh bên mình, thua mấy lần. Những cái ấy đưa cái mới về cho sử học ta và cách phân tích của họ. Tôi nghĩ rằng cuốn sách của tôi có ảnh hưởng.

TK: *Trước khi bác viết* Lý Thường Kiệt, *thì cuốn đầu tiên nghiên cứu của bác là cuốn* La Sơn Phu Tử?

HXH: Oui. Đầu tiên là *La Sơn Phu Tử*. Với lại cái chuyện trong gia đình, tôi biết đã lâu rồi. Viết ra sách lúc ấy cũng chưa in được nữa. Bởi vì lúc ấy, nói thực ra, số người để ý tới không nhiều đâu. Sau này sang Pháp, tôi mới in ở nhà Minh Tân ở đây.

TK: *Thưa bác, cuốn* La Sơn Phu Tử *đó, bác đã làm việc như thế nào? Vì ngay từ* La Sơn Phu Tử, *bác đã áp dụng phương thức rất khoa học rồi. Bác đã tìm kiếm tài liệu như thế nào, và làm sao bác kiếm được bút tích của vua Quang Trung? Hiện giờ thì những bút tích đó bác để đâu?*

HXH: Cái chuyện vua Quang Trung là bởi vì tôi nói đấy. Tôi định viết về *La Sơn Phu Tử* thì có hai chỗ là làng ông ấy và chỗ mộ táng ở trên Bùi Phong, tức là chỗ ông ấy làm ruộng đấy. Tôi đi các chỗ ấy. Thăm đến đâu tự nhiên là tôi đi thăm các cụ già, đến những gia đình nào mà hồi xưa có dính líu ít nhiều, hay là có sử sách gì ở trong nhà thì tôi cũng xin xem hết cả. Mà cần thì tôi mua hay là tôi thuê viết. Lúc vào nhà thờ của ông La Sơn Phu Tử, họ biết rằng bà nội tôi là dòng thứ năm, thứ sáu của La Sơn Phu Tử. Tôi cũng có thể là dòng thứ 7, thứ 8 từ La Sơn Phu Tử. Tôi nói với họ chuyện có họ hàng ấy; hồi xưa tôi nhớ chính cha tôi cũng kể chuyện rằng đời La Sơn Phu Tử có về làng để đặt mộ cho ông tổ. Chuyện ấy gần đấy. Cho nên họ tin tôi.

Ông tộc trưởng đã nghèo lắm, không có gì rồi. Nhưng ông ấy nhớ, ông bảo rằng là có cất ở trong nhà một cái ống, có giấy má đời Tây Sơn ở trong.Từ xưa đến giờ họ mở ra có một lần, hồi ông Lê Thước có về thăm, họ cho ông Lê Thước xem. Nhưng hình như họ không cho xem hết, bởi vì là ông Lê Thước có nói tới ở trong *Nam Phong* hồi ấy. Có một ông nữa, ông viết trong *Nam Phong* bằng chữ Hán, về chuyện La Sơn Phu Tử, họ cũng cho xem đấy. Tôi

---

(14) Bản thảo Tập Sử Biên Niên viết bằng chữ Ba Tư của sử gia Fazl Allah Rasiud-Din (1247-1318) (theo Hà Văn Tấn, chương mở đầu về các nguồn sử liệu *Cuộc Kháng Chiến Chống Xâm Lược*

(15) Chọn lựa

(16) Qubilai (Hốt Tất Liệt) là con trai thứ của Tô-Lui, Tô-Lui là con trai út của Thành Cát Tư hãn (Tring Hit Khan)

đang còn nhớ... Hồi ấy ông Lê Thước, các ông không có méthode (17) làm việc. Cái lối làm việc của ông ấy là như có cái thư của triều đình Nguyễn Huệ chứ không phải là thư Nguyễn Huệ- mà ông ấy xé đi một nửa thế này để làm souvenir, ví dụ như thế. Đời xưa các cụ là thế đấy! Thấy cái gì nó hay hay thế, mà không nghĩ rằng thế là làm mất giá trị một cái thư.

Thế rồi họ đưa cho tôi xem, nhất là tôi thấy cái thư Nguyễn Huệ, thực là tôi cũng không dám nói với họ là thư của Nguyễn Huệ. Tôi chỉ hỏi những cái này làm thế nào mà giữ được đến bây giờ. Họ nói rằng, đời vua Gia Long lên, tự nhiên bắt hủy hết bao nhiêu những giấy má gì của đời Nguyễn Huệ; nhất là đời Minh Mạng, có lúc ngặt lắm. Họ giấu cả, không cho ai biết trong nhà có những văn bản về đường Tây Sơn . Rồi họ để đấy, họ quên đi. Sau này, hồi Pháp sang, trường Bác Cổ cũng không ai để ý đến chuyện này, chỉ có mấy người địa phương như ông Lê Thước và một ông cụ nữa, hồi ấy đã viết báo *Nam Phong*, họ có tới thăm, có thấy một phần nhưng không ai nghĩ mà dùng những cái ấy hoàn toàn.

Lúc ấy, tôi biết là những cái ấy rất quý. Tôi nói: Những cái này quý lắm, mà sao ông để thế này thì nó sờn hết cả. Bó thế này rồi nhét vào ống tre thành ra các thư sờn, rách hết . Cho tôi mượn về để tôi sao lại, rồi tôi đóng hòm sơn son, thiếp vàng để vào trong ấy. Họ mừng lắm, nhất là họ rất nghèo, nhà thờ nhỏ xíu thế này, bằng tranh hết cả. Tôi đưa về, thì tôi đầu hết tôi chép -hồi ấy chưa có photocopie- tôi để giấy mỏng sát lên rồi cứ theo nét thế mà đồ lại, để cho khỏi mất chữ, khỏi sót chữ. Chữ thì hơi giông giống chứ không giống hẳn. Đấy là étape (18) đầu hết. Còn cái thơ Nguyễn Huệ thì tôi không nói cho họ đó là thơ Nguyễn Huệ. Thế rồi làm sao? Hồi ấy photo thì cũng hiếm ảnh lắm. Không có máy ảnh mà chụp lại liền lập tức đâu. Tôi để dành riêng đấy, tôi làm nguyên một cái hòm sơn son thiếp vàng, tôi để mấy cái thư ấy, tôi trả lại cho họ. Tôi giữ lại cái thư của Nguyễn Huệ. Bởi vì là lúc ấy tôi thấy sự chiến tranh có thể xẩy ra được, đầu hết là tôi tìm cách nào, ít ra là préserver (19) được cái thư của Nguyễn Huệ. Cũng có lúc tôi nghĩ là tôi gửi vào thư viện của Pháp, thư viện của Ecole Franąaise d'Extrême Orient ở Hà Nội. Nhưng sau rồi nghĩ lại, đánh nhau thì cũng có thể ta lấy ra rồi vứt đi, thành tôi cứ để ở nhà. Rồi lúc tôi phải sang Pháp, tôi mang theo. Đến lúc ở bên nhà, xem chừng chính phủ đã vững vàng rồi, tôi gửi trả lại. Anh Nguyễn Khắc Viện cầm về. Tôi còn nhớ rõ ràng như thế.

TK: *Tức là bây giờ thì ở trong thư viện Hà Nội ạ?*

HXH: Chỉ còn cái thư của Nguyễn Huệ thì để ở thư viện Hà Nội, à không phải thư viện mà là ở Viện Bảo Tàng Lịch Sử Hà Nội. Thế còn những cái thư kia hình như về làng, nó cũng mất cả, không còn. Tôi hỏi nhiều lắm mà không

(17) Phương pháp

(18) giai đoạn

(19) giữ được

người nào giả nhời tôi được là những thư ấy còn hay không? Thì chỉ còn mấy cái fac-similé (20) tôi viết thì còn.

TK: *Thưa bác, trên phương diện sử học bác đánh giá vua Quang Trung như thế nào?*

HXH: Với vua Quang Trung, qua cái truyện La sơn Phu Tử đấy, thì tôi thấy: Quang Trung, ngoài sự ông giỏi về đường võ bị, về đường thao lược, ông tuy là người không có học nhưng biết dùng người có học. Đấy là một đặc điểm của những người mà ta gọi là anh hùng, đời xưa là thế. Ông Lê Lợi cũng thế, cái sự học của ông ấy cũng không cao đâu, nhưng ông biết dùng Nguyễn Trãi. Ông Quang Trung tự nói rằng ông có cái kiến thức của ông là vì mắt thấy tai nghe, tức là không đọc trong sách.

Nhưng ông biết dùng những người như Ngô Thì Nhậm đã đành, mà gần ông nhất là ông Trần Văn Kỷ, một người mà không mấy ai nói tới. Hiện bây giờ bên nhà đã có người viết cuốn sách về Trần Văn Kỷ. Tôi không được biết nhiều nhưng thấy những dấu tích của ông ấy để lại xung quanh Quang Trung thì biết rằng đấy là một người rất giỏi. Quang Trung là thế. Nhưng chỉ tiếc rằng đời làm vua của ông chỉ có 5, 6 năm mà thôi, thành ra chưa có một công việc gì về đường dựng nước. Về đường cứu nước thì ông ấy có, nhưng đường dựng nước thì ông chưa làm được gì. Đến các đời con thì là hư hỏng. Hư hỏng bởi vì trong triều lúc ấy lại tranh giành nhau, người tỵ nạnh cái này, cái kia, người muốn lạm quyền, rồi thì tan nát hết cả.

TK: *Thưa bác, có sự khác biệt giữa một vua Quang Trung dưới mắt sử gia như bác, vừa nhìn với vua Quang Trung với những chiến thắng vĩ đại trong các thông tin đại chúng, để tôn thờ, sùng bái. Cái đó có điều gì đáng nghi ngờ?*

HXH: Về Quang Trung, cái công đánh bạt Tôn Sĩ Nghị ở Thăng Long, cái công ấy rất to. Bởi vì nếu mà Tôn Sĩ Nghị không thua, để cho nhà Lê tiếp tục thì tự nhiên là nhà Lê sẽ ở dưới quyền vua Thanh. Cái đó chắc chắn. Bởi vì họ [quân nhà Thanh] đi là cũng có cái ý đồ như thế rồi, và rồi họ sang thấy người Việt bạc nhược như thế, thì cái sự đuổi họ về ấy, khó lòng lắm. Công ấy rất to. Chứ còn trong anh em [viết sử] sau này thường cứ nói rằng là: Công thống nhất nước Việt Nam là Tây Sơn, tức là Quang Trung, đối với tôi thì tôi không đồng ý. Cái sự Tây Sơn có đánh bại quân Xiêm ở Rạch Gầm, cũng là một sự thực. Đánh bại quân Thanh ở Thăng Long cũng là một sự thực. Nhưng hai cái thắng trận ấy không phải là đồng thời, mà trái lại, có thể nói là cái hồi mà vua Quang Trung ở ngoài Bắc thì Nguyễn Nhạc còn đang chiếm vùng giữa, vùng trong thì lúc ấy nhà Nguyễn đã chiếm cả trong Nam rồi. Không phải là thống nhất. Đấy chỉ là đánh được giặc ở Nam, đánh được giặc ở Bắc. Nếu ông ấy sống lâu nữa, có lẽ sẽ thống nhất; nhưng vì ông chết sớm thành ra không thống nhất được.

---

(20) bản đồ lại

Chứ trái lại, sau này Gia Long thắng trận đấy, bằng cách gì mình cũng không cần bàn, nhưng thực sự là lúc ấy, ông cầm quyền từ trong Nam ra đến ngoài Bắc; không những thế, uy tín ở bên Lào, uy tín ở bên Mên mạnh lắm. Có thể nói là nên coi Gia Long là người thống nhất đất nước; trong khuôn khổ bấy giờ thì Gia Long đúng hơn. Chứ nói cái ý đồ muốn thống nhất thì không những đến đời Tây Sơn mới có ý đồ ấy, như Trịnh Sum (21) đã có ý đồ thống nhất, mới sai Hoàng Ngũ Phúc vào đánh chúa Nguyễn, đuổi chúa Nguyễn vào Quảng Nam; và đấy cũng là vì sự bệnh tật của Hoàng Ngũ Phúc với Nguyễn Nghiễm - hai ông tướng ấy bị ốm cả hai- thành ra trong kia, khí thế của Nguyễn Nhạc với Nguyễn Huệ vẫn còn mạnh. Các ông ấy phải dừng lại ở Quảng Nam. Cái ý đồ muốn thống nhất vẫn có từ trước nhưng phải đến đời Gia Long mới thống nhất.

TK: *Thưa bác, trong cuốn* Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo *bác có nhắc qua đến Ngọc Hân và bài* Ai Tư Vãn (22), *thưa bác,* Ai Tư Vãn *có thể không phải của Ngọc Hân viết ra?*

HXH: Oui, tôi thì tôi không tin là của Ngọc Hân đâu. Bởi vì hồi xưa, người mình, văn là thế, nhất là những người có chức vị cao thì cứ đề rằng cái này do ông này làm... Nhưng thực ra "ông ấy" là có cả những người bên này gọi là "nègre" đấy, chính những người ấy viết, rồi ông ấy đọc. Ví dụ bên này họ nói bài diễn văn của Tổng Thống Mitterand, nhưng chưa chắc cái discours ấy đã do ông Mitterand viết. Bài của Ngọc Hân thì cũng thế. Tuy không có lý gì mà nói rằng Ngọc Hân không có tài. Nhưng theo cái duy tâm (23) ấy, thì nghĩ rằng một người công chúa như Ngọc Hân, không đủ thời gian tập làm văn, học làm văn để viết được một bài như *Ai Tư Vãn*. Đó chỉ là một sentiment(24) thôi. Cụ Lê Dư trước có nói với tôi rằng, bài văn ấy của một ông tên là Nhi, gì ấy, tôi không nhớ rõ.

TK: *Không phải của Phan Huy Ích ạ?*

HXH: Không. Không phải của Phan Huy Ích. Nói thực ra, nếu có chứng cớ gì của Phan Huy Ích, thì cũng có thể tin được. Điều này thì cụ Lê Dư có nói đến tên ông Nhi ấy, nhưng tôi không tìm thấy gốc. Bài văn rất hay, đối với Ngọc Hân, bên mình hay duy tâm, cứ gán cho một cô con gái thì thích hơn. Người ta nói thế mà mình không chối được thì cứ tạm để thế. Tôi thì tôi không tin là thực.

Một cái thí dụ khác, như bài *Trận vong tướng sĩ* ai cũng nói là của ông

(21) Bác Hãn gọi Trịnh Sâm là Trịnh Sum, trong sách bác cũng viết Trịnh Sum

(22) *Ai Tư Vãn*, lời Ngọc Hân khóc vui Quang Trung

(23) Bác Hãn hay dùng chữ *duy tâm*, có chỗ với ý là *chủ quan*, có chỗ với ý là *cảm tính*

24)sentiment nghĩa thông thường là cảm tình, ở đây có thể là cảm tưởng, hoặc ý kiến

Nguyễn Văn Thành, nhưng có phải của ông Nguyễn Văn Thành viết đâu. Ông Nguyễn Văn Thành lúc ấy là một ông tướng đứng đầu, có một nhóm văn sĩ xung quanh. Ông thân với nhóm ấy, trong có Nguyễn Huy Lãng (25) thuộc dòng họ ông Nguyễn Huy Thiều *Cung Oán Ngâm Khúc* đấy, họ Nguyễn Huy ở bên Gia Lâm- rất hay chữ. Tôi gọi là école styliste đấy. Về đường văn thái thì chính nhóm ấy là lớn, với nhóm Tiên Điền, tôi gọi là nhóm Hồng Sơn: Phạm Huy Hổ với *Mai Đình Mộng Ký,* với *Kiều, Hoa Tiên*. Còn nhóm Gia Lâm, thì Nguyễn Huy Lãng viết nhiều lắm, bài *Tây Hồ Tụng* (26), rồi sau Phạm Thái làm bài *Tây Hồ Chiến* (27). Tôi thu thập được một quyển sách nếu có thì giờ tôi in ra- của ông Nguyễn Huy Lãng. Văn ông ấy rất kêu. Có khi trống. Những người trong Vinh, trong Nghệ thì họ chê, nói là văn các ông ấy kêu quá, hay quá, cho nên nhiều khi trống, nghĩ kỹ thì không có nghĩa. Ông Nguyễn Công Trứ ghét cái lối văn ấy, cho nên ông có bài hát, ông nói: Bò vàng liếm lá, caracteriser (28) người làm văn giống như con bò vàng liếm lá cho nó trơn tru. Bài *Trận Vong Chiến Sĩ* rất hay, tôi chắc chắn của ông Nguyễn Huy Lãng bởi vì tôi có preuve (29): Những sách của ông Nguyễn Huy Lãng viết có bài ấy (30).

TK: *Thưa bác, thế còn số phận của Ngọc Hân công chúa thì bác có biết sau ra sao không?*

HXH: À! Về mặt ấy thì nói thực ra tôi cũng không suy xét kỹ lắm. Nhưng mà có một truyện là trong tập văn Phan Huy Ích, có những bài văn tế ở Phù Ninh, về bà chúa ở Phù Ninh. Bà Phù Ninh chính là mẹ của Ngọc Hân công chúa đấy. Thì trong ấy, hình như có hai bài văn tế nữa: bài văn tế mẹ công

---

(25) tức Nguyễn Huy Lượng. Nguyễn Huy Lượng, chưa rõ năm sinh, xuất thân trong một dòng họ lớn ở Phú Thị [...]. Ông là con cả Nguyễn Huy Bá (1721-? [...]. Điều cần chú ý ở đây là Huy Bá lấy con gái út của Siêu Quận Công Nguyễn Gia Châu (1678-1757), húy Thị Tuệ (Siêu Quận Công chính là ông nội nhà thơ lớn Nguyễn Gia Thiều (1741-1798), người làng Liễu Ngạn, tổng Liễu Lâm, đồng phủ Thuận An. Nguyễn Huy Lượng thông thường đọc là Lạng. Nhưng vì sự phát âm tiếng Nghệ của bác, thành Lãng.

(trích Cung Oán Thi của Nguyễn Huy Lượng,
Nguyễn Hữu Sơn phiên âm, chú giải, giới thiệu.
NXB Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội, 1994
Tư liệu của giáo sư Tạ Trọng Hiệp)

(26) thường gọi là *Tụng Tây Hồ Phú* (1801)

(27) *Chiến Tụng Tây Hồ Phú*

(28) ý chỉ

(29) bằng chứng

(30) Trong *Từ Điển Văn Học* (1984), Nguyễn Lộc viết về Nguyễn Huy Lượng, có ghi lại: Nguyễn Văn Thành làm lễ các chiến sĩ tử trận, có bắt ông làm bài văn tế *Trận Vong Tướng Sĩ*

chúa và một bài văn tế Ngọc Hân công chúa cuối cùng chết và chôn ở làng. Có lẽ là trước khi Gia Long về.

Còn một việc nữa là khi ông Nguyễn Thiếp, tức là La Sơn Phu Tử, vào đời Quang Toản, gặp đám tang của Bắc Phương (31) Hoàng Hậu, hay là Hoàng Thái Hậu, tôi cũng không nhớ rõ nữa. Nếu hoàng thái hậu thì đúng hơn. Nhưng chữ Bắc Phương là Bà hoàng hậu ở ngoài Bắc. Vợ Quang Trung mà ở Bắc thì là Ngọc Hân công chúa. Hình như là chết trong đời Quang Toản. Có một thuyết nữa: Đến lúc Gia Long lên, Gia Long lại đưa Ngọc Hân vào trong cung (32). Cái ấy bên nhà bây giờ có thể tra xét được một cách rõ ràng hơn. Phải tới làng, phải suy xét, xem trong làng người ta kể chuyện thế nào, trong gia phả coi có còn gì nữa không? Thì có thể biết được.

---

(31)Có sách khác chép là Bắc Cung.

(Lê Dư) Sở Cuồng ghi: ... [Quang Trung] khi làm lễ tuyên phong rồi, bèn lập bà Ngọc Hân làm Hữu Cung Hoàng Hậu, mới được năm năm, thì chúa Quang Trung thăng hà, chúa Cảnh Thịnh nối ngôi, tôn bà làm Hoàng Thái Hậu, bà có làm bài Ai Tư Vãn, tỏ lòng truy mộ đức Quang Trung, từ điệu rất lâm ly thê thảm, ai xem cũng phải cảm động. Thật đáng là một bài kiệt tác vậy.

(Nữ lưu văn học sử, Sở Cuồng, Đông Phương thư xã xuất bản, 1929
tư liệu của giáo sư Tạ Trọng Hiệp)

(32) Chung cục của Ngọc Hân, theo Sơn Tùng Hoàng Thúc Trâm:

Đến năm Nhâm Tý (1792), vua Quang Trung mất, bài *Ai Tư Vãn* đã tỏ được cả một trời thương biển nhớ của Ngọc Hân đối với chồng:

*Buồn xem hoa, hoa buồn thêm thẹn*
*Cánh hải đường đã quện gió sương!*

Về cái chung cục của Ngọc Hân, như ở phần thứ nhất đã chua, trước giờ nhiều người đã đưa ra nhiều thuyết:

Có thuyết nói, về sau, nhà Tây Sơn bị diệt, vua Gia Long (1802-1819) muốn lấy bà Ngọc Hân, quần thần có người can lại vì cho thế là lấy vợ thừa của nhà Tây Sơn, nhưng vua Gia Long không nghe, cứ lấy và giải thích rằng: Giang sơn thành quách này, cái gì chẳng phải mình lấy lại từ nhà Tây Sơn, lọ là một người đàn bà?

Thuyết hai lại cho rằng sau khi nhà Tây Sơn mất, bà Ngọc Hân cùng hai con, một trai, một gái, phải giả dạng làm vợ một người lái buôn, trốn tránh vào một miền quê ở tỉnh Quảng Ngãi; được ít lâu, tung tích bại lộ, bà và hai con cùng bị triều Nguyễn gia hình bằng lối "tam ban triều điển" (được chọn lấy cái chết trong ba cách: một, thắt cổ bằng tấm lụa; hai, uống chén thuốc độc; ba, tự sát bằng gươm).

Nhưng sự thực không phải thế!

Bà Ngọc Hân mất năm Kỷ Mùi (1799), mà nhà Tây Sơn mãi đến Nhâm Tuất (1802) mới đổ, thế nghĩa là bà chết trước khi Tây Sơn bị diệt vong những ba năm, thì sao còn ở lại để lấy vua Gia Long hay để chịu "tam ban triều điển" được?

Chứng cớ ấy tôi tìm được ở năm bài văn tế, do một yếu nhân đời Tây Sơn là cụ Dụ

*(xem tiếp chú thích trang sau)*

# HOÀNG XUÂN HÃN, CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ

TK: *Song song với việc làm văn học, bác cũng đã có một thời kỳ tham chính. Bác đã có dịp tiếp xúc với các nhân vật lịch sử như Bảo Đại, Trần Trọng Kim, Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm. Xin bác một cái nhìn về những nhân vật này.*

---

Am Phan Huy Ích đứng thảo: một bài cho vua Cảnh Thịnh, một bài cho các con gái vua Quang Trung, một bài cho Phù Ninh từ cung là mẹ đẻ của Ngọc Hân, một bài cho cựu hoàng tông là những người trong tông thất nhà Lê và một bài cho các bà con họ ngoại bên Phù Ninh để đọc trong những tuần tế điện bà Ngọc Hân tức Vũ Hoàng Hậu.

Trong bài "Cựu hoàng tông điện văn" có câu:

*Hẳn non Lam khí vượng đã tàn rồi?*
*Nên vườn lãng cảnh khơi mà vội thế!*

tức là ý nói: Có lẽ cái vượng khí ở Lam Sơn là chỗ phát tích của nhà Lê đến lúc đã tàn vạc, cho nên bây giờ bà Ngọc Hân mới vội chơi cảnh tiên (sớm mất) như thế!

Đến tháng mười một (trung đông) năm Kỷ mùi (1789), triều đình nhà Tây Sơn làm lễ truy tôn miếu hiệu bà là Nhu Ý Trang Thận Trinh Nhất Vũ Hoàng Hậu. Trong bài sách văn truy tôn bằng chữ Hán có câu: "Tố thập tứ niên vi việp đồng thư..." (cuốn sách rực rỡ viết bằng cây bút quản đỏ chép công đức bà trong mười bốn năm).

Như vậy rất đúng với số năm: từ Bính Ngọ (1786) bà lấy đức lệnh Nguyễn Huệ, đến Kỷ Mùi (1799) bà mất, vừa mười bốn năm theo lối tính tuổi của ta xưa.

Nếu bảo những chứng cớ trên còn chưa đủ, vì vua Quang Trung có những hai bà hậu, e rằng Vũ Hoàng Hậu ấy có thể lẫn với bà hậu họ Phạm, là mẹ đẻ của vua Cảnh Thịnh chăng?

Thì cái sử liệu này lại có thể trả lời: Ngoài bài sách văn truy tôn Vũ Hoàng hậu ấy, triều Tây Sơn còn có bài sách văn khác gia tôn miếu hiệu cho bà hậu là mẹ đẻ của vua Cảnh Thịnh, nội dung gọi là "hoàng tỉ" (mẹ đẻ mà đã chết của vua) và tôn hiệu là "Nhân - cung - đoan - tĩnh - trinh - thục - nhu - thuần Vũ hoàng - chính - hậu". Thế là hai người khác nhau hẳn từ miếu hiệu đến tiếng tôn xưng. Vậy xin nhắc lại cho rõ:

Lê Thị Ngọc Hân là "Nhu - ý - trang - thận - trinh - nhất"
Phạm thị là "Nhân - cung - đoan - tĩnh - trinh - thục - nhu - thuần"
Lê thị là "Vũ hoàng hậu"
Phạm thị là "Vũ hoàng chính hậu"

Thế là nay đã thanh toán xong cái sử sự về chung cục của Ngọc Hân.

(trích Quốc Văn đời Tây Sơn, Sơn Tùng Hoàng Thúc Trâm, tr. 80-83.
Vĩnh Bảo, Sàigòn, 1950
Tư liệu của giáo sư Tạ Trọng Hiệp)

HXH: Về phương diện ấy cũng hơi khó nói, nhưng thực ra tôi cũng là người sử học, có óc sử học nhiều, cho nên về các ông ấy, đối với các ông ấy tôi có gặp,người gặp nhiều, người gặp ít, đánh giá ngắn ngủi nhưng cũng có thể đúng một cái khía cạnh nào đấy.

Người đầu tiên mà tôi gặp trong giới chính thức ấy, về đường chính trị, thì tự nhiên là ông Bảo Đại. Ông Bảo Đại tôi biết từ lúc ông đương còn đi học ở bên này. Ông ở gần nhà tôi đây, đường Lombards (1), sau nhà Radio; tôi ở Polytechnique thỉnh thoảng ông Charles, ông ấy gọi dây nói mời tôi lên chơi, gặp để khuyến khích ông Bảo Đại học lúc ấy. Tôi đương còn nhớ, nhiều khi lên ông ấy hỏi một bài toán gì đấy. Tôi giúp ông ấy như thế. Ông ấy rất dễ thương, lúc ấy là một người con giai còn trẻ đẹp, học hành cũng không phải là dốt đâu; qua những câu hỏi tôi biết rằng là người có học cả. Thế rồi, năm 32, ông ấy về bên nhà, nghĩa là họ đưa ông ấy về bên nhà để làm vua, cải cách, rồi đưa các cụ - có năm cụ- đưa về, rồi đưa những ông mới ra làm thượng thư: Ông Phạm Quỳnh ở ngoài Bắc về làm giáo dục. Ông Ngô Đình Diệm đang còn làm tuần phủ trong Phú Yên, đưa về làm Bộ Nội Vụ gì đấy, thì tưởng là có sự cải cách thực. Nhưng thực ra, hồi ấy ông Chatel, ông Pasquier, bên Pháp này thì ông Charles, họ chỉ làm một cách hình thức mà thôi. Giả dối thì cũng không đúng hẳn, nhưng mà người Pháp thì họ hay như thế lắm. Làm cái hình thức, rồi nửa chừng cứ để thế, kết quả là lừa bịp người ta.

Rồi đến năm 34, là hai năm sau, lúc tôi học trường Ponts et Chaussées xong rồi, tôi về. Trước lúc về, tôi có lên thăm ông Charles; ông ấy vẫn ở nhà ông Bảo Đại hồi trước. Tôi hỏi ông Charles có muốn gửi gì về cho Bảo Đại thì tôi cầm về cho. Ông ấy nói có. Ông ấy gửi một gói nho nhỏ như thế này này, tôi biết rằng trong ấy có một cái đồng hồ, tôi đang còn nhớ. Tôi cũng muốn nhân chuyện ấy về qua Huế thăm ông Bảo Đại, có cái quà của ông Charles gửi về thì vào thăm ông. Ông tiếp tôi. Ông ấy ngồi ì không nói một tiếng nào, hay là cứ nói tiếng một. Sau rồi tôi nói với ông: Tôi ở Pháp về, chưa chắc đã ở lại được đâu. Ông hỏi tại sao, tôi cũng nói: Bên này, chính người Pháp nói với tôi: về đây, ông bị đè nén, không có thể làm việc được. Nhưng mà những người thanh niên Việt Nam, nhiều người nhìn vào Ngài,về cải cách này, cải cách kia, thì phải làm cái gì, chứ mà ai cũng để ý tới, nhất là thanh niên Việt Nam. Ông ấy chỉ giả nhời tôi một câu, lúc ấy ông chỉ nói: *Làm thì làm với ai? Làm với ai?* Tôi cũng nói qua là hiện bây giờ họ có đưa ông Phạm Quỳnh, ông Ngô Đình Diệm về đấy. Ông ấy cũng cười. Ông cười. Ông ấy lắc đầu, rồi thôi. Ông không nói câu nào nữa cả.

Thế là câu chuyện xong xuôi, rồi tôi ra về.

Sau, đến lúc tôi đi dạy, lúc ấy tôi làm xong quyển *Danh Từ Khoa Học,*

---

(1) Rue des Lombards, Paris 4e, trung tâm Paris, có lẽ gần trường Polytechnique (Paris 5e) hơn là gần nhà bác ở Paris 16e, nhưng đây cũng có thể là nhà cũ của bác, bên bờ sông Seine, gần trung tâm Paris.

khoảng năm 1942, 43 gì đó; tôi vào chấm thi bachot (2) ở Huế, nhân tiện tôi lên thăm ông ấy, đưa cho ông cuốn sách của tôi mới in ra. Tôi nói: Tôi có cuốn này, biếu Ngài, để Ngài xem. Thấy bộ ông ấy buồn lắm. Trông ông ấy buồn lắm và ông ấy không dám nói một cái gì hết cả. Mà hồi ấy, người Nhật đã ở đấy nhiều rồi đấy. Ông ấy chỉ cám ơn, thế thôi.

Rồi đến lúc đảo chính Nhật, một hôm tôi ở Hà Nội, nghe tin radio biết rằng ông ấy giao cho ông Phạm Quỳnh liên lạc với người Nhật để đổi mới gì gì đấy. Đợi mãi hơn một tuần không thấy có tin gì mới hết cả. Chúng tôi nóng ruột. Nhiều người nóng ruột lắm. Chính ở Bắc, anh em có mượn một người đi vào Huế dò tin tức, tôi đang ngồi chờ, người ta đi xe đạp từ Hà Nội về Huế, lúc ấy tầu hỏa bị đứt đoạn, đi lại khó lòng lắm. Đến lúc trở về đây thì cũng chỉ biết tin vừa vừa thôi, rằng hình như ông ấy giao cho Phạm Quỳnh, nhưng Phạm Quỳnh không làm gì cả. Rồi bây giờ ông nói: để ông ấy lấy chính quyền lại để làm cái gì. Lúc ấy anh em cũng mong đợi đấy. Lập tức tôi tiếp được thư ở trong Huế ra, mời tôi vào để hỏi ý kiến, và mượn tôi giao lại hai thư, một cái cho Phan Anh, một cái cho Vũ Văn Hiền, nói rằng ông Bảo Đại muốn gặp để hỏi ý kiến. Rồi sau cùng được biết là ông Hoàng Trọng Phu với các quan trường khác như ông Vi Văn Định cũng được mời, nhưng ông Vi Văn Định không đi. Chúng tôi, ba người và hai ông quan nữa đi vào (3). Ông Bảo Đại hỏi ý kiến chúng tôi, thì người nào cũng nói rằng mời cụ Ngô Đình Diệm, vì ông Ngô Đình Diệm, là người của Nhật nó tin cậy từ trước. Ông muốn việc gì thì ông Diệm có thể giúp ông được.

Bây giờ tôi nói sang chuyện ông Diệm. Ông Diệm tôi có gặp năm 43, hồi tôi mới đưa quyển sách cho ông Bảo Đại. Hồi ấy, tôi vào chấm thi đấy, tôi có gặp một người bà con, rất thân với ông Diệm, có thể nói là thư ký riêng của ông Diệm. Ông Diệm hồi ấy, viết cái gì hay nói cái gì thì cũng cậu này làm cho cả. Cậu ta có đậu bachot, người đứng đắn và nhiều chính kiến lắm. Cậu ta nói với tôi: Cụ Diệm muốn gặp - gọi tôi bằng chú- chú lắm. Làm thế nào để cháu tìm cách đưa chú tới gặp cụ Diệm mà tụi Tây nó không biết. Thế rồi một tối, cậu ta đến dắt tôi đi qua mấy cái vườn, rồi qua hàng rào, sang nhà ông ta. Ngồi đợi, tôi còn nhớ có cái đèn manchon sáng, không có điện tuy là ở Huế. Ông cụ này một chốc xuống, mặc khăn áo chỉnh tề, khăn đóng, tôi còn nhớ, mặt trắng, người tăng tướng thì không tăng tướng nhưng người nho nhã lắm. Ông xuống ngồi với tôi một giờ rưỡi đồng hồ, chỉ hỏi một câu thôi: Chào ông, hay cám ơn gì đó. Rồi thì ngồi, tôi ngượng quá, không thấy ông hỏi một cái gì cả, rồi tôi phải gợi câu hỏi để ông ấy giả nhời, mà ông ấy giả nhời thì cũng lại là vẩn vủi. Thôi tôi chán hết sức. Tôi nói rằng từ trước đến giờ mình

---

(2) Tiếng nói lái của chữ baccalauréat, thi tú tài

(3) Theo Phạm Khắc Hòe *"Từ Triều Đình Huế Đến Chiến Khu Việt Bắc"*, trang 26, thì ngày 27 tháng 3, Hoàng Trọng Phu, Trần Văn Thông, Hoàng Xuân Hãn, Vũ Văn Hiền và Phan Anh, từ Hà Nội vào Huế.

nghe về đường réputation (4) người ta nói rằng ông ... gì lắm, sao mà ông ấy như thế? Sau tôi hỏi cháu tôi, thì cháu tôi nói: Cụ Diệm ở đây ai cũng trọng cả, chứ mà tính cụ ấy như thế đấy: kín lắm! Thế tôi hỏi: Đã mời tôi tới thì cũng phải hỏi cái gì cho nó có câu chuyện chứ? Không! cái cảm tưởng của tôi đối với ông Diệm là thế: Một người như người đi tu, mà nhiều khi lại đần độn là khác nữa.

Trở lại chuyện ông Bảo Đại hỏi chúng tôi thì ai cũng nói là nên mời ông Ngô Đình Diệm, thì biết lúc ấy Phạm Khắc Hòe nhờ ông Yokohama, nhắn ông Ngô Đình Diệm về để hỏi ý kiến mà không thấy ông về. Nhưng mà bấy giờ ai cũng nói rằng nên mời ông về để làm thủ tướng chứ không phải là về để hỏi ý kiến thì ông nên về. Đầu hết cũng không thấy giả nhời gì cả.

TK: *Thưa bác, giai đoạn (5) này trong cuốn* "Một Cơn Gió Bụi" *của cụ Trần Trọng Kim, có nói là ông Diệm bị Nhật ngăn cản, không cho về. Điều đó có đúng không ạ?*

HXH: Đúng đấy, nhưng khoan đã, để rồi tôi nói rõ.

Thế rồi đợi thì ông Bảo Đại bảo rằng: Phan Anh với Hiền, họ xin về Hà Nội cả. Họ nói chúng tôi về để hỏi ý kiến anh em trẻ Thanh Nghị, về bàn với nhóm Thanh Nghị. Ông Bảo Đại - cứ gọi tôi bằng Hãn- nói: Hãn ở đây với tôi để đợi cụ Diệm về.

Rồi tự nhiên tôi thấy bà Trần Trọng Kim và người con gái Trần Trọng Kim ở Hà Nội, vào Huế, đến tìm nhà tôi. Tôi hỏi: Cụ đi đâu? Cụ nói: Tôi đi Bangkok. Bởi vì cụ Trần Trọng Kim lúc ấy bị giữ ở Bangkok, không hẳn là bị giữ, mà là Nhật nó cho ở Bangkok. Cụ nói là bây giờ chưa hòa bình, nhưng Pháp không còn ở đây nữa thì Nhật nó cho chúng tôi cái vé tầu đi Bangkok, đưa cụ Kim về, vì cụ ốm nặng lắm. Trong lúc ấy thì tự nhiên tôi thấy cụ Trần Trọng Kim cũng về đến Huế, đi với một người Nhật đưa đến nhà, chỗ tôi trọ. Tôi ngạc nhiên: Tôi vừa gặp cụ bà mà sao lại gặp cụ ông? Cụ ông nói: Cụ cũng không biết là cụ bà về đây. Hỏi cụ bà bây giờ ở đâu, tôi chỉ cho cái nhà

---

(4) Tiếng tăm, danh tiếng

(5) Một số sự kiện lịch sử:

10/3/1945: Pháp đầu hàng Nhật. Bộ tư lệnh quân đội Nhật ra thông cáo ủng hộ việc tranh đấu giành độc lập của các dân tộc Đông Dương.

11/3/1945: Viện Cơ Mật của triều đình Huế tuyên bố bãi bỏ hiệp ước bảo hộ 1884. Việt Nam khôi phục chủ quyền.

17/3/1945: Vua Bảo Đại ra dụ số 1: Từ nay đích thân cầm quyền, theo nguyên tắc Dân Vi Qúy.

17/3/1945: Yokohama là Đại sứ Nhật, được cử làm quyền Khâm Sứ, thay Khâm Sứ Pháp tại Huế.

17/4/1945: Vua Bảo Đại ủy nhiệm học giả Trần Trọng Kim lập nội các độc lập đầu tiên của Việt Nam.

ở đấy. Cụ ông mừng quá, rồi vợ chồng gặp nói chuyện. Cái apparence (6) bên ngoài thì như thế; sau này tôi biết rằng Nhật nó dàn xếp cả.

À, cụ Kim cũng cho biết rằng cụ nhận được cái giấy của ông Bảo Đại, mời cụ về để hỏi ý kiến; cũng nhân tiện để có thể về thăm bà con và ở lại Việt Nam, cho nên cụ cũng nhận về, chứ cụ nói với tôi như thế này này: "Cái thằng Bảo Đại nó ngốc lắm, gặp nó làm gì!" Cụ nói với tôi rõ ràng như thế.

Tôi nói: "Mình nghe tiếng thì thế, mà sự thực chưa chắc đã thế đâu. Cụ có thì giờ thì cụ cứ gặp đi, rồi cụ hãy nói sau". Cụ bảo: "Thế nào tôi cũng phải ở lại đây vài ngày, nhất là vợ tôi đã tới đây. Tôi sẽ gặp." Cụ giả nhời cho Phạm Khắc Hòe rằng cụ sẽ nhận lời gặp. Rồi cụ ra về với cụ bà và người con gái.

Sự thực thì Nhật nó nắm chuyện này ở trong tay, nó biết cả. Chính họ mời cụ Kim về, họ đưa máy bay về Saigon, rồi đưa máy bay ra Tourane. Trong khi ấy, cụ bà cũng xin đi thăm cụ ông ở Bangkok thực. Vì có cơ hội ấy nên Nhật cho cái vé tầu đi; về tới Huế cùng đúng một ngày như thế, chứ không phải là ngẫu nhiên mà gặp hẳn. Chuyện gia đình của cụ Kim như thế là tạm ổn.

Bây giờ nói đến chuyện cụ ông. Cụ ông, ngay sáng hôm sau thì Phạm Khắc Hòe đưa vào thăm ông Bảo Đại. Ở nhà, tôi đợi. Tôi còn nhớ ông Bảo Đại cho tôi ở đằng sau cung nhà vua. Có một khoảng đất rất rộng, trong đó có một cái camp d'aviation (7). Tây nó đổi ra thành cái vườn thí nghiệm của Sở Canh Nông. Trong có một cái nhà. Hồi xưa chắc là chủ Sở Canh Nông, người Pháp, ở đấy. Sau này thì họ làm nhà khách. Tôi được ở đấy. Tôi đợi cụ Kim ở trong cung đi ra xem thế nào. Đến lúc ra, cụ gặp tôi, cụ bảo: "Lạ lắm!"

- Chuyện gì lạ?

- Tôi vào gặp ông Bảo Đại, nghĩa là ông ấy biết hết cả các chuyện chứ không phải là ngốc như người ta nói. Cụ Kim nói với tôi thế.

Thấy cụ có cái sympathie lạ lắm. Nhưng cụ cũng nói với tôi, hồi ấy, cụ bị áp huyết cao, sợ không có thể ở lại được. Cụ xin phép về Bắc, rồi có chuyện gì cần lắm thì cụ vào. Nhưng ông Bảo Đại nói là cụ cứ ở lại đây. Đợi ông Diệm về xem thế nào. Từ ông Bảo Đại cho đến hết cả những người về Huế như chúng tôi, ai cũng ngờ là ông Diệm được ông Bảo Đại mời, sẽ về. Nhưng cụ Kim lại nói: Ông Bảo Đại nói thế nhưng chính cụ Kim gặp ông Diệm ở Saigon; về đấy thì tụi Nhật nó đưa tới ở Đại Nam Công Ty, thấy ông Diệm còn ngồi đấy. Ông Diệm hỏi cụ Kim: "Cụ đi đâu đấy?". Cụ bảo: " Tôi về Huế vì có giấy của ông Bảo Đại mời về để hỏi ý kiến." Rồi cụ Kim hỏi lại: "Ông không nhận được giấy ông Bảo Đại mời sao?" Ông ấy bảo: Không. Không ai mời cả. Chứ không phải mời mà ông ấy không về. Ông lấy làm ngạc nhiên và có ý không bằng lòng: Sao mời cụ Kim và các người khác mà không mời ông ấy!

Ở Huế thì ông Yokohama, lúc ấy đã được nommé Conseiller Supérieur,

---

(6) Apparence: Vẻ

(7) Trại không quân hay bãi máy bay

như Ambassdeur với cái rang (8) là Conseiller ông Bảo Đại. Ông Bảo Đại hỏi ông Yokohama việc ấy thế nào? Ông Yokohama nói có chuyển thư cho ông Diệm, nhờ binh đội Nhật chuyển cho ông Diệm, nhưng không thể biết gì hơn nữa.

Rồi đến cái thư thứ hai mời về làm thủ tướng, chúng tôi cũng đưa cho bộ đội Nhật nhờ họ chuyển cho. Không biết ông Diệm trả lời thế nào. Nhưng được hai ngày thì có thư trả lời: Nhà binh Nhật đến nói: Ông Diệm nhờ họ trả lời rằng, ông ốm, ông đau, không về được. Thế thôi.

Lúc ấy ông Bảo Đại cuống lên, bảo mình đã có một cái dụ số 1 để lập nội các, mà rồi bây giờ Ngô Đình Diệm không về thì làm thế nào? Nhất định ông ấy níu lấy cụ Kim: Bây giờ có cụ ở đây, và cụ là người nhiều tuổi hơn cả. Cụ lại có tiếng từ trước đến giờ, ai cũng trọng cụ, cụ tạm lập cho cái nội các. Cụ do dự; sau rồi cụ hỏi ý tôi. Lúc ấy các anh kia đi vắng cả, chỉ có mình tôi và cụ ở Huế. Tôi khuyên cụ: "Cái chuyện bất đắc dĩ thì cụ cũng phải nhận chứ không thể bỏ rơi như thế. Hai nữa ông Bảo Đại có nói: Cụ cũng như mấy người quốc gia, các anh cứ đòi độc lập; bây giờ Nhật nó cho các anh độc lập thì cứ tuyên bố độc lập, rồi sau này nó ủng hộ. Mình không làm cái gì thì rồi nó coi mình ra cái gì, ra sao?" Đến lúc cụ nể, và hai nữa vì cái thế không thể từ chối được, cụ nói: "Thế để cụ chịu khó lập cái nội các."

TK: *Thưa bác, công việc thành lập nội các diễn biến ra sao?*

HXH: Đến lúc lập nội các, định đặt những ai, ai ... thì vấn đề đặt ra là thì giờ. Mời chúng tôi vào ngày 1 Avril [1945] (9) mà đến lúc bấy giờ đã gần ba tuần rồi, gần đến 20 Avril mà cũng không có nội các gì cả. Cụ Kim bàn với tôi: Bây giờ mà hỏi ý kiến từng người một, cái thì giờ người ta trả lời, lại có người nhận, người không, kéo chưa biết đến lúc nào. Bây giờ dùng một cách d'urgence (10) gọi là ông Bảo Đại lập nội các, có những tên này, tên này. Rồi ai từ thì lúc ấy từ sau.

TK: *Thưa bác ai là người trách nhiệm những tên có trong danh sách nội các?*

HXH: Thực ra cụ Kim với tôi trách nhiệm những tên có trong nội các tôi chọn. Trong đám những người tôi quen, và với cái ý là người Nam, người Bắc, người lương, người công giáo, không kể dân Tây, dân Ta, không lấy những người cũ, đời xưa. Những ý ấy thì ông Bảo Đại thích lắm, đúng ý của ông ấy

---

(8) hàng, chức

(9) Khẩn cấp

(10) Theo Phạm Khắc Hòe là ngày 27 tháng 3 (sđd)

hết cả. Nội các (11) có ông Lưu Văn Lang hồi ấy tôi suggérer (12) - ông Lưu Văn Lang làm Bộ Công Chính-. Ông Lưu Văn Lang dân Tây, người Việt dân Tây cũng không nề hà gì cả. Cho nên Trần Văn Chương, dân Tây, ở Bộ Ngoại Giao. Docteur Anh ở Bộ Y Tế, hình như cũng dân Pháp. Còn ông Lưu Văn Lang dân Pháp thì tôi biết. Chỉ có một mình ông ấy từ chối, không về, vì ông ấy nói nhiều tuổi rồi. Sự thực thì ông ấy cũng nhiều tuổi.

TK: *Thưa bác, về cuốn* Từ Triều Đình Huế Đến Chiến Khu Việt Bắc, *của ông Phạm Khắc Hòe, thì theo bác, bác đánh giá như thế nào? Tin được bao nhiêu phần trăm?*

HXH: Đúng thì phần lớn là đúng đấy. Nhưng mà chuyện ông Hòe ở trên chiến khu, từ 46 đến 54 mới về. Đầu hết thì làm với cụ Bùi Bằng Đoàn, sau ông ấy làm với Bộ Nội Vụ thì phải.

Phạm Khắc Hòe là một người có thể nói vào thời kỳ ấy rất hợp. Ông ta là lối quan lại thời xưa, nhưng mà có học trường Droit Hà Nội, thành ra có đủ các phương diện về đường tiếng Việt cũng như tiếng Pháp, văn Việt cũng như văn Pháp. Sự làm việc của các quan hồi xưa, các quan giỏi đấy, hay sự làm việc của những hạng Commis de Résidence (13), Résidence Supérieure(14), thì ông ấy rất thạo, và là người thích làm việc. Phải nói ông là người, nếu mà không có thì cũng phải tìm những người như thế mà làm việc. Trong quyển sách ông viết, có thể nói mình tin được phần lớn. Nhưng chuyện ông ấy ở lâu với chiến khu, trong chiến khu, đi lại giao thiệp mật thiết với những cán bộ rất lớn, cấp cao của Việt Minh hồi ấy, đám người marxiste, cho nên tự nhiên là nó cũng có biến đổi đi, rồi có lý luận không đúng, chứ không phải không đâu.

Nhưng phải biết rằng nếu không có ông Hòe hồi ấy, thì Triều Đình Huế và nhất là gia đình của ông Bảo Đại, chưa chắc đã toàn đâu. Có thể nói là ông

---

(11) Nội các Trần Trọng Kim:

| | |
|---|---|
| Tổng Lý Nội Các: | Trần Trọng Kim |
| Bộ Trưởng Ngoại Giao: | Trần Văn Chương |
| Bộ Trưởng Tiếp Tế: | Nguyễn Hữu Thi |
| Bộ Trưởng Thanh Niên: | Phan Anh |
| Bộ Trưởng Tài Chánh | Vũ Văn Hiền |
| Bộ Trưởng Nội Vụ: | Trần Đình Nam |
| Bộ Trưởng Y Tế, Cứu Tế: | Vũ Ngọc Anh |
| Bộ Trưởng Tư Pháp: | Trịnh Đình Thảo |
| Bộ Trưởng Kinh Tế: | Hồ Tá Khanh |
| Bộ Trưởng Giáo Dục Và Mỹ Thuật: | Hoàng Xuân Hãn |
| Bộ Trưởng Công Chính: | Lưu Văn Lang |

(12) Gợi ý

(13) Tham tá

(14) Tòa khâm sứ (tham tá tòa khâm sứ)

ấy cứu được ông Bảo Đại, với các gia đình hoàng phái, những người Huế, với lại cái sự hòa giải... Cụ Hồ thì tuy rằng là không có cái sự là cụ phá hay là giết những người ấy, thì chắc không có đâu, nhưng mà cụ ở xa lắm. Địa phương mà không có một người tại chỗ như Hòe, chưa chắc đã yên. Dân ở trong đó, lúc ấy nó nổi lên cũng không ai ngăn được đâu. Hòe có cái công ấy lớn lắm.

TK: *Thưa bác, những chữ* Dân Vi Quý *của ông Bảo Đại theo ý bác, do ai nghĩ ra?*

HXH: Cái dụ đầu tiên của ông Bảo Đại viết ra, gọi là *Dụ số 1* hồi ấy chúng tôi chưa vào hết cả đâu nhé- có chữ *Dân Vi Quý*. Cho nên ông ấy lấy quyền lại, lập một cái nội các riêng. Với những người của dân, bởi là *"Dân Vi Quý"*. Chữ *Dân Vi Quý* là ở trong sách Mạnh Tử. Không phải là người ta không biết đâu. Chính cụ Bùi Quang Chiêu với cái nhóm gọi là constitutioniste ở Saigon đó, lập tờ báo Tribune Indochinoise, cái exergue (15) họ viết hai bên, có chữ *Dân Vi Quý*. Tôi đương còn nhớ như thế. Nhưng mà ông Hòe, sau này trong quyển sách ông viết ra, ông nói *Dân Vi Quý* là ý Nho, thì cụ Trần Trọng Kim là một người Nho, đấy là cụ Kim xui. Hoàn toàn không đúng đâu. Bởi vì cụ Trần Trọng Kim hồi ấy cũng chưa về (16). Thế sau rồi ông ấy lại nói thêm rằng vì ông Trần Trọng Kim ... Với Yokohama là người Nhật Bổn, thì tự nhiên có những ý Tầu hồi xưa là *Dân Vi Quý*. Nhưng cái đó cũng hoàn toàn sai. Yokohama là một người Tây, Nhật nhưng mà Tây hoàn toàn, vợ cũng là một người Suisse, không có một tí culture chinoise (17) nào hết cả. Chúng tôi, trái lại, lúc nghe cái dụ đầu tiên là *Dân Vi Quý*, thì ai cũng nói cái này có lẽ Phạm Khắc Hòe xui ông Bảo Đại viết. Nhưng Hòe nói không. Hòe không có ý ấy. Phạm Khắc Hòe, một buổi sáng đi vào chầu vua, thì thấy trên bàn giấy đặt chữ *Dân Vi Quý*. Rồi ông Bảo Đại gọi Hòe nói - gọi là thầy, ông Bảo Đại hồi xưa đối với các quan cũ, cứ gọi là thầy-: "Thầy thảo cho một cái chiếu với cái idée *Dân Vi Quý*."

Sau này, riêng tôi thì tôi nghĩ, lúc mà Hòe đã chối rằng không phải Hòe đưa cái chữ ấy ra, thì tôi đoán là cụ Lê Nhữ Lâm; đó là ông thầy học, dậy chữ Hán cho ông Bảo Đại hồi xưa. Cụ Lê Nhữ Lâm lúc về Huế không giao thiệp với ông Bảo Đại nhiều, nhưng trong lúc ấy ông Bảo Đại có thể hỏi ý ông thầy dạy mình.

Đối với Hòe thì tôi xin giả nhời như thế.

TK: *Thưa bác, còn những việc gì về ông Bảo Đại mà ít người biết đến, xin*

---

(15) Tên tờ báo

(16) Trong Phạm Khắc Hòe *"Từ Triều Đình Huế Đến Chiến Khu Việt Bắc"*, in lần thứ ba 1987, có sửa chữa và bổ sung, Phạm Khắc Hòe đưa ra hai giả thuyết: Cụ Lê Nhữ Lâm và Yokohama (trang 23), không thấy nhắc đến tên cụ Kim. Vậy có thể bác Hãn đã đọc bản in đầu tiên của ông Hòe.

(17) Văn hóa Trung quốc

*bác kể thêm.*

HXH: Tôi cũng nói thêm một tí nữa về ông Bảo Đại, bởi vì có những cái mà chưa chắc tôi đã có thì giờ viết kịp mémoire hết cả, nên tôi nói ra đây vài điều, không mấy người biết đâu.

Tôi làm việc ít lâu ở đấy thì Yokohama là một ông rất là đứng đắn, nghĩa là có chuyện gì mình hỏi thì ông ấy giả nhời, ông ấy khuyên, chứ không khi nào mà ông ấy bảo mình làm việc này hay làm việc kia. Chuyện thực là thế.

Chuyện thứ hai nữa là cụ Kim làm việc ít lâu thì cụ ốm, tension lên rất cao. Cụ cứ xin thôi. Ông Bảo Đại lo lắm. Ông ấy nói: "Ông Kim thôi thì bây giờ làm thế nào?" Vì ông Bảo Đại quen tôi như bạn hồi xưa đấy. Nhiều cái thì ông cứ hỏi riêng tôi chứ không phải là chuyện vua tôi gì cả. Thế rồi có một hôm, ông gọi tôi, ông nói: "Hãn giúp cho việc này. Cụ Kim thì nhất định cụ thôi đấy. Cụ ốm, cụ cũng phải về đấy. Thì có ai thay được?" Và bấy giờ, độ tháng 6 [1945]. Tôi nhìn xung quanh đấy. Lúc tôi vào Huế, trước lúc lập nội các, tôi có gặp Phạm Quỳnh, gặp Huỳnh Thúc Kháng, gặp Ngô Đình Khôi... Những người về chính trị là có tiếng ở Huế, tôi gặp nhiều lắm. Trước khi lập nội các thì tôi cũng gặp nói chuyện, ý kiến chính trị cho vui chứ không có ý gì riêng. Nhưng tôi thấy cái nhóm Ngô Đình Khôi, anh ruột Ngô Đình Diệm, họ chống Bảo Đại lắm. Sau này thì tôi biết rằng họ chống Bảo Đại là vì Ngô Đình Diệm đã có một sự giao kèo với Cường Để rồi. Cho nên tôi nghĩ cũng không thể gọi Ngô Đình Khôi thay được. Nhưng có Trần Văn Chương. Trần Văn Chương, lúc ấy có con rể là Ngô Đình Nhu. Mà Chương là một người... buồn cười lắm. Có thể nói rằng là biết làm việc, trung thành, thực thà, nhưng không nghĩ xa gì cả. Ông ta thích làm nội các lúc ấy, thích làm thủ tướng; nhất là bà Chương, với những cái bề ngoài ấy là bà Chương thích lắm. Tôi nói với Bảo Đại: Có chuyện gì thì cứ gọi ông Chương làm thủ tướng, ông ấy bằng lòng liền đấy. Mà bên Ngô Đình họ cũng phải nể ông Chương, vì có con rể là Ngô Đình Nhu, họ không phá đâu. Thế còn dân, bây giờ họ còn đang nghĩ đến chuyện Nhật thua, thì không có gì ngại lắm. Ông Bảo Đại nói với tôi: "Thế Hãn viết cho cái giấy đề Trần Văn Chương, rồi dưới có những người nào, người nào có thể dùng được." Tôi viết cái giấy ấy. Ông Bảo Đại để cái giấy ấy trong cung, rồi có người khác thấy, tưởng là ông Trần Văn Chương giành quyền của ông Kim (18). Sự thực cái đó là ý kiến tôi.

Có một chuyện nữa làm cho người ta hiểu rõ hơn vai trò của ông Ngô Đình Diệm sau này. Sau khi vào làm nội các được hai tháng, lúc ấy vào khoảng tháng 6, có tin là ông Vũ Văn An (19) ở bên Nhật Bổn, gặp ông Cường Để, về qua Huế, muốn tới thăm cụ Kim với chúng tôi. Vũ Văn An sau này không ai biết nữa, chứ hồi xưa là một nhân vật lớn ở Hà Nội, là một người tân tiến, Tây, giầu có, muốn làm viện trưởng viện dân biểu, như Phạm Lê Bổng, hạng

---

(18) Trần Trọng Kim (sđd) trang 88.

(19) Theo Hồi Ký Nguyễn Xuân Chữ, trong bài tựa của Pierre Huard, Vũ Văn An bị Việt Minh giết năm 1946 (trang 18)

như thế, intriguant (20) lắm. Thân Tây lắm. Nhưng ông ấy xoay chiều thì cũng chóng lắm. Lúc Nhật sang, ông thân Nhật; rồi ông liên lạc với Cường Để. Lúc ông sắp sửa tới Huế, có một người Consul (21) Nhật quen tôi, họ sang gặp tôi, họ nói: "Ông Vũ Văn An về thì binh đội Nhật ở đây không bằng lòng đâu. Nếu ông có nói chuyện gì, cũng đừng để ý lắm." Họ dặn tôi như thế.

Đến lúc Vũ Văn An về gặp chúng tôi, xin rằng muốn đưa Cường Để về Huế, với lại xin ông Bảo Đại dành cho ông Cường Để một chức phận gì tối cao. Ông ấy lại đưa một cái giấy ra cho chúng tôi xem, nói rằng ông Diệm, vì có một sự giao kết với ông Cường Để, cho nên đã không thể nào giúp ông Bảo Đại lúc trước được. Cái giấy ấy, tôi có xem. Tôi biết rõ ràng lắm. Trong cái giấy ký "chúng tôi cam đoan ủng hộ Đức Cường Để", dưới có chữ ký tên 5 người, đứng đầu là ông Ngô Đình Diệm. Tức là ông Ngô Đình Diệm đứng đầu đảng Cường Để hồi ấy. Thứ hai ông Vũ Văn An. Thứ ba ông đốc Chữ. Thứ tư ông đốc Toàn. Ngày trước là những người có tiếng lắm. Thứ năm là một ông tôi ngạc nhiên hơn- ông này (22) là người hơi marxiste, tôi quên tên; hồi trước hình như có viết báo *Le Travail* ở Hà Nội, một tờ báo gọi là socialiste nhưng thực ra là communiste à grand dessein, lúc ấy bên Tây gọi là Mặt Trận Xã Hội ở Tây, nó cho cái báo ấy ra; ông Giáp, ông Đặng Thai Mai có viết. Có năm người ấy ủng hộ Cường Để. Lúc ấy chúng tôi mới hiểu tại sao ông Diệm, khi trước mời, Nhật nó không chuyển thư vì nó biết ông Diệm ủng hộ ông Cường Để, và nếu ông về thì sợ ông ấy với ông Bảo Đại không ăn ý với nhau. Lúc ông Vũ Văn An về Huế, Nhật cũng sắp thua rồi, cho nên Vũ Văn An muốn ông Cường Để về nước. Cụ Kim có nói với ông Bảo Đại, ông Bảo Đại nói: "Về thì ông có tước vương hồi xưa, mình cứ để tước vương cho ông, và giao cho ông như là một người tối cao cố vấn, bên kia có tối cao cố vấn Nhật thì bên này mình cũng có tối cao cố vấn Việt." Nhưng rồi chiến tranh gấp lắm, rồi không có suite gì cả.

Nhưng sau này, lúc Nhật thua rồi, Pháp trở lại, ông tướng coi hết cả quân đội Nhật ở Việt Nam, gọi là ông Thổ Kiều, Nhật thì gọi là Tsuchi Hashi (23), tụi Tây đưa về Đông Dương để xử là phạm nhân chiến tranh. Nhưng ông này khôn lắm, ông có đủ giấy má, có những hiệu lệnh của ông là ông che chở cho Pháp nhiều lắm, cho nên được trắng án. Được trắng án rồi ông xin với người Pháp rằng là để cho ông hiệu triệu, xin với chính phủ Hồ Chí Minh cho

---

(20) Mưu mô

(21) Lãnh sự

(22) Trong Hồi Ký của Nguyễn Xuân Chữ (Văn Hóa, 1996), bài Tựa của Pierre Huard, có nói đến đảng Việt Nam Phục Quốc Hội, do Cường Để lãnh đạo. Cường Để trở thành chủ tịch danh dự của Ủy ban Cứu Quốc mà thành viên gồm có các ông: Nguyễn Xuân Chữ, Ngô Đình Diệm, Vũ Đình Dy, Vũ Văn An và Lê Toàn. Người thứ năm mà bác Hãn không nhớ tên ở đây; nhưng ở đoạn sau bác nhớ lại là Vũ Đình Dy, bị giết năm 1945 (vẫn theo Pierre Huard).

(23) Ông Tsuchi Hashi Yuitsu, Tổng Tư Lệnh quân đội Nhật ở Việt Nam

những người Nhật theo Việt Minh trở về Sàigòn, Hà Nội để ông đưa về Nhật. Những người ấy, hồi trước là dưới quyền ông, và ông có trách nhiệm với họ. Ông Tsuchi Yuitsu tới tìm tôi ở Hà Nội, và nhờ giúp cho cái việc bắn tin ra ngoài kháng chiến. Tôi nói ông cứ mượn cái radio militaire của Pháp rồi ông cứ gọi trực tiếp với cụ Hồ. Về sau hình như cũng có kết quả, ông có đưa một số người về. Ông gặp tôi nhiều lần lắm ở Hà Nội, ông kể chuyện, từ trước, về chính trị của Nhật, ông cho biết rằng là chính ông phản đối lại chuyện Cường Để về Việt Nam. Bởi vì ông có trách nhiệm giữ ở bên Đông Dương cho yên ổn. Nếu người Mỹ họ đổ bộ vào thì để cho binh đội Nhật rảnh tay chống lại quân Mỹ, chứ họ không muốn có chuyện gì lôi thôi hết cả. Cho nên sợ ông Cường Để về thì sẽ chống lại Pháp, sẽ gây ra khó khăn cho Nhật Bổn. Nhật Bổn giải giáp người Pháp, nhưng không muốn kiếm chuyện gì với người Pháp cả.

Cho nên chuyện Cường Để không về là vì thế. Ngô Đình Diệm không lên là vì thế. Sau Tsuchi Yuitsu cho tôi biết thế.

TK: *Thưa bác, bây giờ xin bác nói về ông Hồ Chí Minh, và xin bác nói tại sao từ cái sự đoàn kết (tuy là gượng ép) sau hiệp định sơ bộ mùng 6 tháng 3, rồi hội nghị Đà Lạt, đoàn kết Quốc Gia - Việt Minh, lại đi đến sự tan rã, đổ vỡ, và bắn giết nhau. Chuyện ấy có thể tránh được không?*

HXH: Có thể tránh được hết cả. Nói thực ra là như thế, chuyện ấy, lúc ở Đà Lạt về thì bên Việt Minh họ hiểu là bên Quốc Dân Đảng, cũng có những người tha thiết với nước Việt, chứ không phải họ theo Tầu. Nhưng trong những chuyện ấy, có một số người hồi trước dính với VNQDĐ xưa, chạy sang Tầu, rồi họ trở về. Nhưng có một hạng, sau này có óc chính trị chống Cộng sản chứ không phải là VNQDĐ không chống cộng sản-. Cộng sản lúc ấy có nhiệm vụ là làm thế nào giành độc lập, nếu có nội loạn thì thế nào cũng mất. Giữa hai điều ấy, họ cũng biết là điều kia là một sự khổ tâm, nhưng họ chọn con đường ấy. Nói thực ra trong giai đoạn vừa rồi, giải phóng đất nước, thì với một cường quốc như Pháp, không thể có sự chia rẽ trong nước mà độc lập được. Tôi nghĩ rằng chuyện họ chống lại Quốc Dân Đảng mà đi đến chỗ giết nhau, một mặt là bất đắc dĩ. Việc thứ hai là chính những người Quốc Dân Đảng, lúc ấy cũng ngoan cố lắm; họ định dựa vào Tầu mà diệt tụi marxiste đi. Họ không hiểu thời thế lắm. Những người như Nguyễn Tường Tam thì anh hiểu thời thế lắm đấy. Anh ta có nói với chúng tôi hồi ở Đà Lạt: "Tôi thì tôi rút lui, tôi không làm chính trị." Cái thứ hai nữa là anh nói: "Có lên đây thì chúng tôi mới biết là những người, mà người ta cho là bán nước, thì chính những người ấy quan tâm đến đất nước lắm." Có ý nói Võ Nguyên Giáp và những người Cộng sản ở trong hội nghị. Tôi thấy đó là một chuyện rất khổ tâm. Nhưng với thời thế lúc ấy, Pháp lợi dụng sự chia rẽ ấy mà xúi bên này đánh bên kia. Rút cục chuyện ấy cũng không tránh khỏi đâu! Nếu không có người Tầu về thì không có chuyện gì cả. Nhưng có Tầu về, gây ra phong trào

hai đảng đánh nhau.

TK: *Thưa bác, về sự tan vỡ của Hội Nghị Đà Lạt, trong cuốn sách của bác, bác cũng có nói một phần là Pháp bắt Phạm Ngọc Thạch. Có phải như thế không ạ?*

HXH: Không phải đâu. Đó là kể một chuyện chứ không phải là cớ. Sự thật, sau lúc chiến tranh mà Pháp nhờ Đồng Minh, thắng Đức, ông de Gaulle có một cao vọng hết sức là lập lại nước Pháp như hồi trước. Ông lại có nói là ông hơn cả tụi Anh, tụi Anh có quân mạnh nhưng không biết làm chính trị, chứ ông ấy làm chính trị và lập lại khối Pháp như hồi xưa. Ông cho d'-Argenlieu sang bên nhà là chuyện có lập tâm sẵn cả. Sau đến lúc d'Argenlieu đã gây ra chiến tranh với Hồ Chí Minh rồi, thì d'Argenlieu có chuyện gì là hỏi ý kiến de Gaulle cả. Cái ấy là vì ông de Gaulle không thấy chính trị đã đổi đi nhiều rồi. Cái thứ hai nữa là ông ấy, với óc của người thuộc địa đời xưa, không biết là trong thế giới đã biến đổi. Tôi thấy lỗi là chính ở những người với cái óc của ông de Gaulle hồi ấy.

TK: *Thưa bác, bây giờ nhìn lại, với con mắt sử gia, thì bác đánh giá ông Hồ Chí Minh như thế nào? Về công cuộc giải phóng đất nước và đưa đất nước đến tình trạng sau này như vậy?*

HXH: Xét về Hồ Chí Minh thì phải có lâu năm sau này thì xét nó mới không thiên lệch. Hiện bây giờ thì cái sự người ta oán nhiều lắm. Oán ấy là oán Đảng Cộng Sản, những người có óc marxiste hồi ấy, chuyện đầu hết là tranh giành, chém giết những người bên những đảng quốc gia. Đấy là một cái họ trách. Cái thứ hai là lúc Cải Cách Ruộng Đất, gọi là trong nước có người giầu, người nghèo, chênh lệch. Cái thứ ba: phương pháp của marxiste, lúc ấy họ chỉ có một chiều, nghĩa là sự thật chỉ có một mà thôi. Không có sự thật thứ hai. Không được nói trái nhau. Nghĩa là họ không lý luận như người thường, cho nên sự oán với sự ghét nhiều lắm. Nhưng mà nói cái kết quả tức thì nước mình bây giờ mà có độc lập, có thống nhất, thì cái ấy là cái công của Hồ Chí Minh to lắm. Dẫu là người ta dùng một chính sách gì, Cộng sản hay Quốc gia, thì cái công ấy sau này đối với người viết sử, người ta xét lại không khác gì đời Lê Lợi, mà rồi quân Minh phải về. Lúc ấy đời Lê Lợi cũng nhiều đám chứ không phải chỉ mình đám Lam Sơn mà thôi. Đám Lam Sơn, đám Đông Triều: những đám lớn đấy. Đám Đông Triều, đám Lam Sơn, đám Tuyên Quang ... bốn năm đám không có cộng tác direct thế này mà giành nhau, nhưng mà cũng là ganh tỵ nhau để giải phóng đất nước. Rồi đám thuộc Trần, muốn cứu vớt con cháu nhà Trần mà cũng đánh như Trần Giản Định, Trần Trùng Quang gì đấy. Những đám ấy có thể nói với đám Lam Sơn cũng là trái nhau hết cả. Nhưng sau này người ta quên. Người ta nhớ đám Lam Sơn vì chính nhờ đám Lam Sơn mà đất nước được giải phóng. Cho nên tôi nghĩ không nên xét vội từ bây giờ. Về lâu, về dài sau mới nghĩ đến sự có công của

một người nào.

Riêng về ông Hồ Chí Minh thì tôi chỉ gặp có một lần, gặp thực là nói chuyện tay đôi lâu với nhau. Tôi có kể chuyện trong Hội Nghị Đà Lạt đấy. Hồi sau thì tôi không có thì giờ nữa. Mà xét chung, những sự nghị luận của ông, lời nói của ông với sự làm nữa, thì đừng có thiên về... nhiều người cho là cái sự ông nói một cách hiền lành là ông ấy giả dối. Chuyện ấy nó không phải như thế hẳn đâu. Tự nhiên một người chính trị họ có cái cách nói của một người chính trị. Người ta dấu diếm cái ý của người ta một phần nào, nhưng mình phải hiểu.

Một chuyện tôi nghĩ sâu sắc là Hồ Chí Minh là một người Nghệ, là con cháu những người về đường Cần Vương, hồi Cần Vương với ông Phan Đình Phùng, Cao Thắng, ... các ông nghĩa khí rất cao, dân tình ai cũng theo cả. Đến lúc thua chỉ một cái đồn, hai người Pháp với độ một trăm người lính Tập, nhưng nó có súng, nó bắn các ông ấy tan hết cả. Ông Hồ Chí Minh, cũng như tất cả những người ái quốc trong vùng Nghệ Tĩnh lúc ấy biết rằng không có súng không làm được gì cả. Cho nên cái đời chính trị của ông Hồ Chí Minh, từ lúc sang Pháp, rồi đi với cụ Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, rồi ra hội nghị Versailles gì đấy. Ông Hồ Chí Minh hồi ấy đương có cái ảo tưởng là có thể với cái chính trị mới, với cái tinh thần mới của quốc tế, có thể thoát ra một cách khác. Ông ấy không có cái chí như Gandhi bảo rằng là cứ hòa bình, kiên nhẫn, rồi cũng có lúc được độc lập. Nhưng thực ra, với Gandhi, với những ông ấy... cũng may vì có chiến tranh thế giới cho nên các ông ấy mới được độc lập, không phải là tự các ông ấy mà gỡ ra được. Nói thực như thế.

Về ông Hồ Chí Minh, lúc ở bên này ông ấy thấy rằng tất cả các nước trên thế giới không có thể dựa vào nước nào được hết cả mà có khí giới. Cái óc của ông ấy là óc khí giới. Từ năm 23, ông đã nghĩ đến. Lúc ấy chỉ có Đảng Cộng Sản, vì chính sách của họ, có thể giúp được khí giới. Cho nên ông ấy đi với tụi Nga hồi ấy.

Đến lúc đi với Borodine về Quảng Đông là ông ấy về với một ý đồ. Nếu có khí giới mà trình độ tổ chức người trong nước thấp, cũng không có thể làm gì được. Cốt cái tổ chức ở bên trong chứ không phải tổ chức ở bên ngoài. Cho nên ông ấy kêu gọi những người trẻ tuổi lúc ấy. Nhất là chuyện đám ma cụ Phan Chu Trinh vừa xẩy ra, thanh niên lúc ấy, những người tốt phần nhiều bị đuổi ra khỏi trường, không được đi học nữa. Người ta sang Quảng Đông học trường của ông Hồ Chí Minh. Dần dần ông ấy lập ra mấy đảng, trước là để quen với cách tổ chức. Rồi thì ông ấy lập ra Đảng Cộng Sản, cốt làm thế nào để bên Moscou, bên Staline nó tin, nó mới cho tiền, nó mới cho súng ống. Cho nên ông ấy lập ra Đảng Cộng Sản Việt Nam. Cái óc nationaliste của ông ấy là mình thấy ở trong đấy rồi. Nhiều khi không phải vì vô tình mà ông ấy lập ra Đảng Cộng Sản Việt Nam. Lập vào khoảng tháng 3 năm 1930 thì đến tháng 7, tháng 8 năm 1930, cái hạng thanh niên mà ông ấy gọi, từ trong nước ra, rồi thì chuyển sang bên Moscou, học về marxiste. Ở bên này, những hạng

ấy được Staline cho về Quảng Châu, lập một đảng khác là Đảng Cộng Sản Đông Dương, chứ nó không cho từ Việt Nam nữa. Bởi vì Việt Nam tức là nationaliste, thì nó xóa và nó đẩy ông Hồ Chí Minh ra ngoài. Ông Hồ Chí Minh từ trước đến giờ có vào cái Đảng Cộng Sản Đông Dương đâu? Không có. Cái chuyện đó cũng không can hệ lắm, nhưng nó chứng tỏ, trong tinh thần thì đấy là một người nationaliste, nhưng mà họ dùng cái marxiste, rồi ở lâu với marxiste thì họ thấy có nhiều sự tốt ở trong đảng, nhất là đường tổ chức, đối với Việt Nam là rất mới.

Đối với cái tuổi chúng tôi, thì tôi kinh nghiệm rằng: lúc đầu tiên Việt Minh mới lên, ở Hà Nội khi nào họp một cái gì thì tôi thấy họ có tổ chức, có phương pháp có nhẽ là đơn sơ người thanh niên Việt Nam thường chỉ nói miệng nhiều, chứ không có phương pháp, làm lung tung- nhưng họ ngăn nắp lắm. Xong buổi họp biên chép rõ ràng những ý kiến đưa ra. Tôi thấy khác cái cách Việt Nam làm việc nhiều lắm. Tôi hiểu cái sự vì phương pháp mà họ theo.

Sau, đến lúc đánh thì tự nhiên mà trụ được quân đội của Pháp, có máy bay, có xe tăng... mà mình tay không mà trụ được lâu thế, nhờ cái statégie của mình, strategie (24) của Á Châu lâu đời, dùng du kích mà đánh thì cái nào mình mạnh, có chắc được, mình mới đánh. Những lối như thế là stratégie của mình cả.

Được cái người Pháp khinh địch, khinh mình, cho nên không dè họ thua. Nhưng đến lúc Điện Biên Phủ, thì nói thực, lúc ấy không có súng ống tối tân không đời nào mà đánh được Pháp. Pháp lúc ấy được Mỹ giúp ghê lắm rồi, về súng ống ghê rồi. Chỉ có bom nguyên tử họ không giúp, hay là 100 máy bay họ không giúp một lần, họ chỉ giúp lẻ tẻ thôi. Hồ Chí Minh, lúc ấy tụi Tàu đặt vấn đề ra, nếu không theo nó, không nghe nó về mặt chính trị, nó không cho súng ống thì cũng chết. Cho nên nó đưa những tụi cải cách ruộng đất ở bên Tầu vừa xong, nó đưa sang, nó cầm một vài ông - gọi là Bộ Trưởng lúc ấy- những người lúc ấy không phụ thuộc Hồ Chí Minh. Sự cải cách gọi là địa phương nhưng mà lên đến huyện, lên đến tỉnh đã có người Tàu điều khiển cả rồi. Thành ông kia là phải nuốt chuyện ấy để mà nó giúp cho súng ống. Họ cũng biết là được Điện Biên Phủ thì mới có chuyện gì chứ thua Điện Biên Phủ thì lúc ấy thua hoàn toàn.

TK: *Thưa bác, riêng về chuyện chống Pháp cho tới năm 54 thì nhiều người đồng ý, nhưng sau 54, việc đánh miền Nam bằng võ lực thì sao ạ?*

HXH: Cái chuyện ấy vì họ đã thề rằng thống nhất thì tự nhiên họ phải đi đến thống nhất. Nhưng mà có đi đến nơi không thì đấy lại là chuyện khác. Chuyện ấy chắc là cũng có từ hồi cụ Hồ đương còn, họ đã có ý định rồi, chứ không phải không, họ quấy ở trong Nam cho người Mỹ không có thể làm ăn gì được. Họ cũng mong rằng người Mỹ không có lợi gì nhiều để ở lại trong

(24) chiến lược

Nam. Nhưng sự thực thì trong hội nghị Genève, tụi Mỹ không ký gì cả, và nó cũng bảo Bửu Lộc đừng ký gì. Nhưng vẫn có một stratégie chung: chia đôi nước, và trong Nam lập một nội các có thể thương lượng được với ngoài Bắc, có sự cân bằng và hai bên không đánh nhau nữa. Rồi sau này thì có nhẽ là sẽ kéo dài như Triều Tiên bây giờ mà cũng có thể là hợp nhất như Đức bây giờ. Chắc ông Hồ cũng nghĩ đến những chuyện ấy hết cả đấy. Nhưng mà rồi cốt phần lớn là lỗi ở Mỹ hiểu lầm về chuyện thế giới, về tinh thần người Việt. Hiểu lầm rồi cuối cùng nó thấy cũng tốn của tốn công mà ai cũng phản đối cả, chả có lợi lộc gì rồi nó cũng phải rút lui.

Lúc ở Genève, tôi cũng có sang bên ấy. Tôi sang là chuyện đầu đuôi như thế này: Chuyện lúc nãy tôi có nói với cô là tôi cũng muốn nói qua cho người sau hiểu là tại sao tôi lại sang bên kia (Hội Nghị Genève), lúc ấy có thể nói tôi là người không hợp tác với chính phủ thuộc địa, tại sao tôi lại sang ở bên này rồi ở luôn đến bây giờ. Tôi đi, vì lúc ấy Pháp thấy rằng đối với Bảo Đại, với những chính phủ dưới quyền Bảo Đại, phải nhả hết cả những gì hồi trước, không chịu cho chính phủ Hồ Chí Minh. Tức thì là đã nhận độc lập, đã nhận thống nhất hết cả rồi, lúc ấy Pháp đánh nhau làm gì nữa? Có lợi gì nữa? Chỉ có người nào chống Cộng sản thực, muốn diệt Cộng sản để bên Pháp này, Cộng sản khỏi lên. Đấy là vì nước Pháp ở bên này mà đánh Cộng sản ở bên kia. Cho đến lúc thấy thiệt hại nhiều quá, dừng được chiến tranh thì dừng, cho nên Pháp phải nhận Hội Nghị Genève là vì thế.

Lúc Hội Nghị Genève, nước Việt Nam, dân Việt Nam có một cơ hội, có một tương lai độc lập, thống nhất mà không theo hẳn Cộng sản Nga, Cộng sản ... đâu đấy. Cho nên cả hai bên - tuy Bửu Lộc vẫn nói là theo Mỹ mà không ký- dân tình người ta mừng lắm. Chưa bao giờ yên ổn như thế.

Tôi có sang Genève. Chính tôi gặp ông Bảo Đại ở Paris đây. Ông Bảo Đại có nói với tôi: "Này, Hãn cứ sang nói chuyện và nghe người ta bàn, có cái ý gì mình có thể dùng được thì về nói cho tôi nghe." Tôi sang Genève. Về tôi cũng nói chuyện với ông ấy ở dưới Thorens, ông ấy có cái château, gần Nice, gần Monaco gì đấy. Nhưng sau tôi cũng biết rằng những chuyện tôi nói, tụi Pháp cũng biết hết cả. Pháp thì họ cũng bằng lòng lắm. Bởi vì qua chuyện tôi kể lại đây, thì ở ngoài (Bắc)cũng ôn hòa lắm. Chia đôi đất nước thì phải chia đôi nhưng họ cũng mong rằng ở trong Nam có một chính phủ hợp tác với ngoài Bắc, ít nhất là trong giai đoạn hai năm trước lúc trưng cầu ý kiến, phải hợp tác với nhau. Mà hợp tác với nhau tốt thì chưa biết thế nào được, nghĩa là cứ phải điều đình. Có cơ hòa bình, điều đình là thế. Tôi về nói chuyện với ông Bảo Đại, ông ấy thích, ông ấy vui lắm và tụi Tây nó nghe, nó cũng bằng lòng lắm.

Nhưng Tây muốn lập một nội các ở trong Nam với tính cách hòa hoãn, hòa nhã, hòa bình với ngoài Bắc: không có thể làm được. Hồi ấy, họ có ý định là ông Trần Văn Hữu sẽ làm thủ tướng trong Nam, thay Bửu Lộc, vì Bửu Lộc từ chức rồi. Ông Bảo Đại chắc cũng thế. Nhưng Pháp bị Mỹ kè bên cạnh, với

Ngô Đình Luyện, Ngô Đình Nhu. Nhất là Ngô Đình Luyện ở bên này, chắc là nó cho tiền nhiều lắm, với lại nó xui ông Ngô Đình Diệm, ông Ngô Đình Diệm có viết cho ông Bảo Đại một cái thư bốn năm trương, nghĩa là lạy lục khú lụ không thể tưởng tượng được, để xin được làm thủ tướng ở trong ấy. Cái thư ấy tôi có được đọc.

Rồi lúc đưa Ngô Đình Diệm lên thì tự nhiên Bảo Đại không về được nữa. Bị chặn ở đây.

Rồi lúc sau, đánh nhau, đánh mãi không được. Chính người Việt Nam,- ở vùng Huế thì cũng vừa vừa thôi- từ Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định vào trong, có thể nói là họ có công rất lớn trong cuộc chiến tranh này bởi vì họ chịu đánh nhau từ đầu chí cuối, họ có được nghỉ chút nào đâu?

Bộ đội quốc gia của các tướng ở trong ấy, đánh cũng chênh lệch hết sức. Nhưng lòng ái quốc của người mình nhiều. Các ông tướng ấy, không sâu lắm, họ phải sống thì họ ra binh, con cái của họ, họ cho đi học ở ngoài cả, chứ có mấy người con các ông tướng ấy chết ở bên nhà đâu? Nói thực là như thế. Thành ra không thể giữ được. Cuối cùng những người bên marxiste họ được. Năm 73, lúc có sự hòa hoãn hai bên, nếu ông Thiệu lúc ấy biết điều thì cũng đương còn một giai đoạn hay được đấy. Nhưng hồi đó, ông Thiệu nghe Mỹ quá, cho nên không biết cách hòa hoãn. Rồi xẩy ra chuyện 75 thì dẫu nói thế nào nữa cũng là nước của mình, độc lập và thống nhất. Cái công ấy của Việt Minh từ đầu. Đối với một người chỉ có óc lịch sử không, sau này phán xét, tôi nghĩ không thể nghĩ cách khác được đâu.

TK: *Thưa bác, về phần những nhân vật lịch sử, bác đã nhận định về Bảo Đại, Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm rồi, bây giờ xin bác một cái nhìn về ông Trần Trọng Kim và Nguyễn Tường Tam.*

HXH: Về chuyện sau này đấy hả?

TK: *Vâng.*

HXH: Nói thực ra thì bác cũng không có nhận xét gì khác bác đã viết đấy, về Nguyễn Tường Tam; thực ra thì trước bác không biết một tý nào đâu, chỉ có đi Đà Lạt rồi lúc ấy mới gặp ông ta, rồi nói chuyện với ông ta ... Nhưng mà cái cảm tưởng mà bác đối với Nguyễn Tường Tam, đấy là một người văn học chứ không phải là một người chính trị, mà chính ông cũng nói với bác là: "Chuyện chính trị rồi để các anh em, chứ tôi, tôi trở về với văn học." Thì tôi thấy anh ta ra đứng đầu Quốc Dân Đảng là một cái chuyện có thể nói là ngẫu nhiên. Vì lúc ấy, cái thời thế đưa anh ta vào đấy rồi, anh ta chấp nhận điều ấy. Trong cái chí của ông ta không phải là thế đâu. Cho nên đến đời sau rồi ông ta tự tử, đấy là ông ta là người có khí khái. Ông ta là một người văn học có tài.

Vào lúc ấy là cái lúc mà xã hội mình đã phải thay đổi nhiều, cho nên ông ấy ra báo *Phong Hóa*, rồi sau *Ngày Nay*. Những tờ báo ấy, thì cái tên như

*Phong Hóa*, không phải ông ấy đặt ra đâu. Thực ra là có một tờ báo, người ta xin được phép ra, là *Phong Hóa,* rồi thì ông ấy mua lại cái titre ấy, nhân chuyện ấy rồi ông ra báo. Lúc ấy là phải tranh đấu với mật thám nhiều lắm thành ra khó khăn lắm. Nhưng nó có hiệu quả rất lớn đương thời ấy, có thể nói những người thủ cựu quá, họ cũng sợ cái báo *Phong Hóa*, mà rồi nhất là phụ nữ, thanh niên thì lúc ấy vì *Phong Hóa* mà thay đổi nhiều lắm.

Thế còn cụ Kim thì bác biết từ lúc bác học ở bên này về, 36 đấy. Thì chính cụ tới tìm bác, muốn kéo bác về đường Việt học. Cụ cũng biết rằng bác biết chữ Nho, và thích về đường Việt học cho nên cụ kéo vào ban văn học của hội Khai Trí Tiến Đức. Cụ là một người có thể nói rằng ở Việt Nam, thời kỳ ấy, không mấy người có mức học cao như cụ về đường sử học. Cái ấy thì chắc chắn.

Cái lòng, sự ái quốc của cụ cũng như là những nhà nho cũ hồi xưa. Hai nữa, cụ có cái kinh nghiệm ở Pháp cũng nhiều, vả lại cụ có vào hội Tam Điểm (25) đấy, nó có cái cellule gọi là Cellule Conficius (26) thì trong ấy có một số người Việt Nam. Thì tự nhiên là cụ được sự che chở của người Pháp có nhân quyền, cho nên cụ nói hay làm cái gì, cụ cũng không sợ mật thám như những người khác. Cụ làm việc gì thì cụ cứ coi mình như một người độc lập, mình cứ nói nó cũng không thể bắt giam mình được. Position (27) của cụ như thế. Mà cũng vì thế cho nên lúc cuối cùng, Decoux định bắt nhiều người đấy, thì Decoux nó đã bắt cụ về hưu rồi. Vì cụ có chân trong Tam Điểm, mà Decoux hồi ấy là theo Pétain, nó đuổi những người nào trong hội Tam Điểm đang làm việc cho nhà nước.

Lúc ấy nó bắt nhiều người lắm. Ông Trần Văn Lai đã bị bắt, thì tụi Nhật cho biết tin là mật thám Tây sắp sửa bắt cụ Kim với cụ Dương Bá Trạc. Cho nên nó tới nhà, nói với các cụ là có một hôtel của Nhật là Đại Nam Công Ty, tiếng Nhật gọi là Đại Nam Ku Si, thì Nhật có đề nghị các cụ vào hôtel đó mấy đêm, để tụi Pháp nó có tới thì không có ở nhà. Rồi đến lúc nó nhốt ở trong ấy thì cụ khó chịu lắm, cụ đòi về nhà. Sau nó bảo: cụ mà về thế nào cũng bị bắt. Rồi sau thì cụ và cụ Dương Bá Trạc nói với nhau là: Mình từ trước tới giờ chủ trương chuyện chống Pháp, thì nó bắt mình bây giờ là cũng có lý, mà nó bắt thật thì..., chi mình cứ..., bây giờ tụi Nhật nó bảo nó đưa các cụ đi ra ngoài thì cứ nhận rồi xem thế nào. Cho nên hai người nhận lời tụi Nhật đưa đi sang Singapour, chứ cũng không sang Nhật được. Mà cũng không gặp ai hết cả từ khi đi, đến đấy chỉ có hai cụ với nhau. Cụ buồn quá, cụ mới dịch thơ Đường, rồi sau cụ in Đường Thi, của cụ hai cuốn đấy. Cụ Dương Bá Trạc lại bị bệnh, chắc là bị cancer bên Singapour rồi chết ở bên ấy. Sau mang gio về.

Sau này với ông Bảo Đại, thì đầu hết cụ chống lắm. Chống ông Bảo Đại. Nói chuyện với tôi, cụ bảo: Vì có tôi cũng được mời vào Huế cho nên cụ mới

---

(25) Franc-maçon

(26) Cellule Conficius: nhóm Khổng Tử

(27) Cương vị

ở lại. Cụ hỏi tôi thì tôi cũng nói cụ nên gặp ông Bảo Đại, rồi thì có ý gì cụ nói sau, chứ cụ đừng có nói trước. Cụ cứ bảo: "Bảo Đại là một cái anh chỉ biết ăn chơi, không hiểu cái gì cả." Cụ cứ nói như thế. Sau cụ vào thăm ông Bảo Đại thì cụ ngồi đến 2, 3 giờ đồng hồ cơ. Lúc ra thì trái lại, lại thấy cụ nói: "Nó thông minh lắm chứ không phải như tôi tưởng." Ông Bảo Đại thì tự nhiên ông ấy là người có duyên lắm, nói chuyện rất dễ dàng mà hiểu biết lắm. Cái điều lớn nhất của ông Bảo Đại là ông nói với cụ Kim cũng như nói với tôi là: "Từ trước đến giờ, các anh muốn nước Việt Nam độc lập, bây giờ có cơ hội thì lại chối, mình không chịu độc lập, thế rồi sau này nói thế nào?" Vì cái câu ấy mới convaincre (28) được cụ.

Cụ thì người thực thà lắm. Không phải là người chính trị như người khác đâu. Chính trị cái lối quân tử đời xưa, còn ngây thơ là chuyện khác nữa. Ngây thơ đến nỗi mà sau này cụ còn nghĩ: "Như cụ Hồ Chí Minh cứ đánh Tây cho được độc lập đi, xong rồi thì chuyền cho tụi Quốc Dân Đảng nó làm việc..." (cười). Sự ngây thơ của cụ là cái chuyện như thế.

TK: *Xin bác nói về vai trò của chính phủ Trần Trọng Kim mà bác có ở trong ấy.*

HXH: Cái vai trò thì lúc mà làm chính phủ, chúng tôi cũng bàn với nhau nhiều lắm, bởi vì, tôi nói thực, cụ Kim lúc mà nhận lời rồi. Đầu hết cụ không nhận đâu. Ai cũng khuyên là mời Ngô Đình Diệm vào. Ngô Đình Diệm được Nhật nó che chở từ trước, mà cũng nhiều người ở Huế họ theo. Hai nữa là làm việc lúc bấy giờ mà có Nhật nó bằng lòng thì mới làm việc được. Chứ không, nếu mà nó phá thì cũng khó làm. Cho nên cụ nói với ông Bảo Đại rằng là cụ không có thể nhận được. "Đối với tôi, đối với Hãn này, cụ vào nói với ông Bảo Đại thế, cứ đưa Ngô Đình Diệm về rồi thì Ngô Đình Diệm lấy người của ông ta để làm việc." Nhưng sau ông Ngô Đình Diệm không về; sau thì biết rằng....

Mà tôi biết, tôi có được thấy, Ngô Đình Diệm với năm người là ông Lê Toàn, ông Nguyễn Xuân Chữ, ông Vũ Văn An, ông Vũ Đình Dy. Năm người ấy có một lời thề với nhau để ủng hộ ông Cường Để. Tụi Nhật nó cũng biết và ai lúc ấy cũng biết là có cái nhóm thề với ông Cường Để. Thì vì thế cho nên Nhật lúc ấy có hai phe: Một phe chính trị và một phe quân đội. Phe chính trị thì ủng hộ Cường Để. Nhưng phe quân đội muốn Đông Dương yên, chứ rối loạn lúc Mỹ nó đổ bộ vào thì quân đội Nhật ít quá, không có thể chống nổi. Cho nên nó bảo rằng Ngô Đình Diệm mà về, đưa Cường Để về, thì thế nào cũng có sự tư thù tư oán, ghét Tây, với những chuyện này kia, thì rồi lung tung cả.

Cho nên cái giấy mời của Bảo Đại nhờ quân đội Nhật chuyển cho Ngô Đình Diệm, nó dìm đi. Ngô Đình Diệm không nhận được. Lúc cụ Trần Trọng Kim ở Bangkok đi về qua Sàigòn, có gặp Ngô Đình Diệm. Gặp nhau ở café

---

(28) Thuyết phục

ngồi nói chuyện thì Ngô Đình Diệm nói: "Tôi không nhận được giấy mời gì cả." Ông ấy lấy làm tức là chuyện khác nữa: Ai cũng mời cả mà tại sao ông ấy không được mời. Nhưng thực ra ông ấy không có giấy mời.

Thế rồi cụ Kim về Huế. Về Huế thì chắc cũng có nói với ông Bảo Đại, là ông Diệm không nhận được giấy mời, mà ai cũng khuyên rằng là mời ông ấy để làm thủ tướng chứ không phải là để hỏi ý kiến. Thì lúc ấy ông Bảo Đại lại viết lá thư thứ hai nữa, nói là gọi ông Ngô Đình Diệm về lập chính phủ. Nói rõ ràng như thế. Đưa cho bộ đội Nhật chuyển cho ông Diệm. Thì lần này Nhật nó không thể ngăn cản được, nó phải chuyển thư ấy cho ông Ngô Đình Diệm. Nhưng mà lúc nhận được thư ấy, với những điều kiện như thế, thì thực là ông ấy có lời thề với Cường Để, không thể về với Bảo Đại được, cho nên ông ấy từ chối.

Bảo Đại lúc ấy nói với cụ Kim: "Ông Diệm không về được thì phải nhờ cụ chứ không có ai nữa." Thì lúc ấy cụ mới định. Cụ bàn với tôi, với ông Bảo Đại nữa, thì cũng nói sự thực ra: Lập một cái chính phủ cho là mấy tháng thế nào Nhật cũng thua, nhưng mà Mỹ nó sẽ vào đây, nó giải giáp Nhật, thì lúc ấy mình phải có một chính phủ légal, chính thức, và trong nước có tổ chức hẳn hòi là một nước thực, thì lúc ấy tụi Mỹ nó mới kính trọng mình, nó mới để cho mình độc lập. Nếu mà lúc nó vào, xáo trộn cả, nó đặt quân đội cai trị thì cũng không được. Cho nên vì thế nói là lập cái chính phủ. Dẫu thế nào chăng nữa thì cứ phải nhận. Thì cụ Kim nhận. Dù biết là nhận chỉ mấy tháng mà thôi.

TK: *Sau này bác sang Pháp, vì sao bác phải ra đi?*

HXH: Vì một lý do chính trị nên năm 1951 tôi phải bỏ Hà Nội sang đây. Nói thực ra, nếu tôi ở lại Hà Nội thì tôi bị bắt rồi. Nên tôi phải chạy lúc ấy. Chạy sang Pháp chứ không phải chạy ra hậu phương. Bởi vì chạy ra hậu phương không dễ đâu (cười). Chạy sang Pháp dễ hơn.

TK: *Xin bác nói rõ hơn một chút về lý do chính trị đã khiến bác sang đây.*

HXH: Lúc ấy đã có hiệp ước ở Hạ Long rồi thì tự nhiên ông Bảo Đại -là người bạn của tôi từ hồi trước, khi tôi còn học ở bên này- ông Bảo Đại tin tôi nhiều, ông ấy muốn gặp tôi nhưng Pháp không cho gặp. Rồi sau, những người Thủ Tướng của ông, cũng có người muốn kéo tôi ra để họ có uy thế. Nhưng cũng có người ghét tôi, định bắt tôi bởi vì tôi không theo.

Bây giờ tôi có thể nói rõ được chuyện ấy. Nguyên do là ông Nguyễn Hữu Trí, hình như hồi ấy là Quốc Dân Đảng, là bạn thân của tôi hồi trước, lúc ấy là Tổng Trấn ngoài Bắc. Một hôm ông Trí gọi dây nói cho tôi bảo: "Nó sắp bắt anh đấy. Tôi cho anh giấy, đi liền đi, cho anh passeport (29) sang Pháp."

TK: *Thưa bác, hồi ấy phe muốn bắt bác là phe nào?*

---

(29) Thẻ thông hành, hộ chiếu

HXH: Nói thực ra, hồi ấy là ông Tâm muốn bắt tôi. Ông Nguyễn Văn Tâm chứ không ai khác. Có thực hay không thì tôi cũng không biết được. Nhưng ông Tâm lúc ấy là một người làm nhiều chuyện ẩu lắm. Tôi muốn tránh. Vì không biết thế nào thành tôi ra đi.

Chuyện buồn cười là tôi lên máy bay thì lại đúng máy bay của ông de Lattre về Paris. Mà xung quanh ông de Lattre thì họ cũng biết tôi đi cùng máy bay. Ông de Lattre có sai người lại hỏi, ông muốn gặp tôi. Tôi có nói chuyện với ông de Lattre một lúc. Đối với binh đội, những người tướng thì cũng có nhiều người là bạn học của tôi ở trường Polytechnique. Còn những ông cao như de Lattre thì không, nhưng họ cũng biết tiếng tôi, họ biết tôi không hợp tác. Trong lúc Đức chiếm bên này, thì họ trọng những người không hợp tác.

Cho nên đối với tôi, nhiều người cũng trọng. Họ muốn mình hợp tác, nhưng mình không hợp tác, thì không phải là họ chê mình, mà họ muốn biết ý kiến của mình, cho nên tôi cũng gặp họ nhiều lần. Tuy về chuyện chính trị, cũng không có kết quả gì lúc ấy cả. Chính sách của Pháp chưa hiểu rõ vấn đề. Bên trên, từ ông de Gaulle cũng không hiểu.

Rồi sau đến năm 1954, lúc chính phủ cụ Hồ về Hà Nội, người Pháp rút lui. Thì hồi ấy Ngô Đình Diệm không [chỗ này mất vài chữ không nghe rõ] tuy Nhu rất thân với tôi; nhưng chính là Nhu lại không muốn tôi về trong Nam. Mà ngoài Bắc, trái lại, họ lại muốn tôi về trong Nam (cười).

TK: *Thưa bác, tại sao lại có chuyện ông Ngô Đình Nhu không muốn bác về trong Nam mà ...*

HXH: Bởi vì Nhu biết tôi, tôi không đồng ý với ông ta. Hồi ở bên này tôi rất thân với Nhu, với Luyện. Ở với nhau hàng tháng, hàng năm. Nhưng ý kiến bất đồng nhiều lắm. Hai nữa là tôi gặp ông Diệm trước rồi, trong lúc ông ấy chưa bị Tây nó bắt (nó dọa bắt rồi ông ấy trốn được) tôi có gặp ông ấy, tôi thấy người không có thể làm việc được. Cho nên nếu mà có mời tôi, thì tôi cũng không đời nào bằng lòng.

TK: *Thưa bác, thế còn việc nữa là lúc bác sang Pháp, bác sang để gặp vua Bảo Đại, thế rồi...*

HXH: Không phải. Ông Bảo Đại lúc ấy cũng không ở bên này. Chuyện gặp ông Bảo Đại thì thế này: Lúc hội nghị Genève, 54, tôi sang đây 51 cơ, chứ không phải ...

TK: *Xin bác để cháu nói hết câu hỏi. Thưa bác, lúc bác sang đây, dù có gặp hay không gặp ông Bảo Đại, nhưng sau này khi ông Bảo Đại nhờ ông Ngô Đình Diệm ra lập chính phủ, ông Bảo Đại có đề nghị gì với bác hay không?*

HXH: Cũng không đúng hẳn như thế. Nhưng có chuyện can hệ hơn nữa mà không mấy người biết: Ông Bảo Đại lúc đầu hết ở Vịnh Hạ Long, khi ông

ấy ký với ông Bollaert (30) hiệp ước Vịnh Hạ Long (31), ông ấy không hỏi ý kiến gì những người cũ. Nhưng riêng tôi, thì tôi viết thư cho ông ấy nhiều lắm, mượn người này người kia đưa, khuyên là ông phải cẩn thận, chuyện đằng Cousseau với đằng Faugère, hai người chính là công an của Pháp, trình độ thấp chứ không phải cao đâu, quyến dụ thì ông phải cẩn thận.

Tôi biết ông ấy cũng đủ thông minh để không đi với tụi nhỏ ấy đâu, có thể đi với tụi cao hơn, chứ không phải tụi ấy. Nhưng tính ông Bảo Đại không chịu khổ được. Ở Hồng Kông tụi nó giữ compte của ông, nó không cho tiền tiêu thì ông không thể ở được. Có lẽ vì vật chất cho nên ông ấy níu lại - tôi đoán thế, tôi cũng không chắc lắm-, ông buông, ông thả, ông cứ do dự. Tây nó cho là do dự, nhưng thật ý thì không phải là do dự đâu, ông cố ý làm như thế. Cho nên, một mặt ông ấy cứ cho người về làm việc: ông Xuân (32), ông Hữu (33); nói là với trách nhiệm của ông ấy thì cũng không đúng, với danh dự thì đúng hơn, của ông Bảo Đại, người Quốc Trưởng; các ông kia chỉ là Thủ Tướng trong nước. Trong lúc ấy thì ông Bảo Đại cố làm sao cho mấy ông làm việc trong nước, phải yêu cầu Pháp, dần dần phải ký cho Việt Nam chuyện thống nhất và độc lập như hồi trước chính phủ chung của cụ Hồ - với ông làm cố vấn- đã yêu cầu như thế. Phải làm sao cho đạt được chuyện ấy trên giấy má, ông biết cũng chẳng ăn thua gì, nhưng cứ phải có giấy má trước đã, rồi sự thực thế nào thì không biết.

Trở lại lúc trước khi ký hiệp ước Hạ Long, ông Bảo Đại định là cụ Kim với ông sẽ lập một chính phủ ở bên nhà. Người Pháp họ lừa ông và cả cụ Kim nữa. Ông ấy nói với họ: "Trước lúc tôi bằng lòng nhận lời, thì tôi phải cho cụ Kim về để mời một số người sang đây họp, rồi chúng tôi sẽ bàn." Thì Cousseau với Faugère nói: "Được, cụ cứ cho cụ Kim về." Về đến Sàigòn, cụ Kim viết một cái thư ra cho tôi nói rằng: "Muốn mời ông sang bên kia nhưng mà

---

(30) Emile Bollaert, thuộc đảng xã hội Pháp, được cử sang làm Cao Ủy, thay d'-Aegenlieu

(31) Một số dữ kiện lịch sử:

7/1/48 Bollaert hội đàm với Bảo Đại ở Genève.

12/1/48 Kết liễu cuộc hội đàm Bảo Đại-Bollaert tại Genève. Sẽ còn họp nữa tại Vịnh Hạ Long.

30/1/48 Bollaert tuyên bố tại Sàigòn: Pháp không điều đình với Hồ Chí Minh nữa.

5/3/48 Bảo Đại từ Genève trở về Hồng Kông.

2/6/48 Chính phủ Nguyễn Văn Xuân thành lập.

5/6/48 Công bố bản tuyên ngôn Việt-Pháp trên chiến hạm Duguay Trouin, gọi là hiệp ước Vịnh Hạ Long, thừa nhận nguyên tắc độc lập và thống nhất: "Pháp long trọng thừa nhận Việt Nam độc lập và thống nhất. Việt Nam tuyên bố gia nhập khối Liên Hiệp Pháp"

(32) Nguyễn Văn Xuân, Trung Tướng, cựu sinh viên trường Polytechnique, khóa 1912

(33) Trần Văn Hữu

tụi Pháp nó không cho, mà nó sắp đẩy tôi lên Phnom Penh." Sự thực là thế. Tây nó ngăn. Cụ Kim về, nó đẩy lên Phnom Penh, nó để ông Bảo Đại trơ một mình. Sau với một số người như ông Nguyễn Tường Tam, Ông Xuân, một số người mặt trận Nam Kỳ, sang lập cái [*nghe không rõ*]. Sau ông biết rằng những chuyện ông làm đấy thì trong nước không chấp nhận. Chỉ có một số người lưu vong chấp nhận. Cho nên ông cứ trù trừ. Một mặt thì Tây nó vẫn để cho ông compte ông tiêu tiền.

Tính ông Bảo Đại là thế. Sau này Tây nó oán lắm chứ không phải nó thích ông Bảo Đại đâu. Nhất là de Lattre, nhiều khi nó ghét lắm. Tôi cũng biết nhiều người Pháp oán lắm. Rồi thì ông ấy biết là không làm gì được. Nhưng hồi Pháp sắp ký Hội nghị Genève, lúc ấy, chính tôi còn ở Rome. Khi tôi ở bên ấy thì nghe tin phái đoàn Việt Nam đã tới Genève để dự hội nghị, trong có Phan Anh. Tôi lập tức viết thư cho Phan Anh, mừng và hỏi thăm. Phan Anh viết thư trả lời cho tôi ở Paris lập tức, nói là mời anh sang bên này với một số bạn ở đây, ông Hiền, ông Hà Nguyễn Mạnh Hà -, các ông ấy mời sang. Tôi trở về Paris và sang Genève.

*[Câu chuyện đến đây thì máy cassette hết pile. Lần sau lại bác, rất tiếc là tôi đã không hỏi tiếp về chuyện này, và nói sang chuyện khác]*

## HOÀNG XUÂN HÃN, NGHIÊN CỨU KIỀU

TK: *Thưa bác, xin bác nói về công việc nghiên cứu Kiều của bác từ 50 năm nay.*

HXH: Công việc nghiên cứu Kiều của tôi là từ lúc đầu. Tôi về bên nhà năm 1936, thì độ 37, 38, tôi đã nghĩ đến tìm kiếm tài liệu. Nhưng đến năm 1945, tôi mới thực sự bắt đầu làm việc. Tôi đương còn nhớ, hôm đầu tiên đánh nhau ở Hà Nội, người ta bắt tôi vào trong Hỏa Lò. Tôi có nói với họ: Tôi có thể mang bản Kiều vào để làm việc được không? Họ để tôi mang vào. Tức thì là khi ấy tôi đã có bản Kiều rồi. Rồi từ lúc ấy đến bây giờ, tôi vẫn tiếp tục công việc. Mà công việc của tôi không phải để chú thích Kiều như phần lớn họ làm từ trước đến giờ, nghĩa là người ta nghĩ đến chuyện giảng Kiều hơn là nghiên cứu Kiều.

Nghiên cứu của mình trước đây là giảng nghĩa, tức là công việc của một thầy giáo tiểu học, trung học, cũng như đại học. Ở trình độ nào thì cũng thầy ấy giảng, giảng một ngày một sâu lên, nhưng cũng là giảng học cả. Vậy nghiên cứu Kiều là nghĩa thế nào? Mình ở thế kỷ này, cách lúc cụ Nguyễn Du viết đã gần 200 năm, thì vấn đề nghiên cứu cốt thiết nhất là bản Kiều hiện

bây giờ mình đọc, có phải là lời của cụ Nguyễn Du viết ra như thế cả không? Hay là đã bị sửa chữa nhiều bởi vì cái tục của người Việt Nam ta, cũng như người Tầu, là không có nguyên bản khi nào cả. Một bản ra thì rồi ai đọc, thích thế nào, chữa thế ấy, đến lúc viết lại hay đưa ra khắc, thì khắc lời của người đã chữa rồi chứ không phải là của nguyên bản.

Nước mình là một nước hủy hoại văn bản hết sức, vì khí hậu, vì chiến tranh, vì lòng người không biết trọng cái xưa. Chỉ còn cách là tìm được bản nào xưa nhất, đó là việc đầu tiên.

Cái thứ hai là so sánh với bản gốc, nguyên truyện của Trung Quốc; nếu cái bản xưa gần bản chính của Trung Quốc chừng nào thì là xưa chừng ấy.

Cái thứ ba là những tục truyền gì ở xung quanh con người Nguyễn Du, về làng nước, bạn bè: tôi để ý về những chuyện ấy.

Cái thứ tư nữa là có bản Nôm mà không biết đọc bản Nôm, nhiều khi đọc sai, mất nghĩa hoặc không có nghĩa gì. Vì chữ Nôm, tôi nghiên cứu nhiều, tôi cũng quen lắm, thành ra tôi đoán được nhiều cái hồi trước không đọc được hoặc đọc sai.

Cuối cùng tôi thấy trong những bản còn lại, có một bản hội đủ điều kiện để mình tái lập phần lớn văn Kiều đời xưa, có thể nói là nguyên lời Nguyễn Du, chứ không phải là nguyên bản bởi vì nguyên bản không tìm ra được nữa.

Tôi so sánh văn bên trong, những lời, những chữ bên trong, những tiểu từ, có một vài chỗ, chứ không nhiều đâu, gần với bản chính - truyện Tàu-, thì mình thấy rõ ràng là người viết bản ấy, có bản chữ Nho bên cạnh để họ dịch thẳng ra tiếng Việt. Sau này, họ thấy như thế thì không ổn, hay bởi vì trái với thời thượng, hay là vì gì đấy, thì họ chữa lại cho êm tai hơn.

Sau nữa, cụ Nguyễn Du tuy ở Bắc nhiều - mẹ người Bắc- nhưng cái gốc Nghệ cũng không khỏi được. Cho nên tiếng Nghệ instinctivement (1) tự nhiên cụ viết ra; nhiều khi cụ viết ra những tiếng dùng ở Nghệ chứ ở Bắc người ta ít dùng lắm. Tuy phần lớn văn Kiều là tiếng Bắc đấy, nhưng có những tiếng như thế; tôi là người Nghệ An tôi thấy rõ chuyện ấy hơn người khác nhiều. Thế đến gia đình, có những chuyện, có nhẽ trong gia đình họ Nguyễn ở Tiên Điền, họ nói một cách khác ở ngoài, thì ở trong ấy mình thấy, sau này ra ngoài họ chữa thành tiếng thông dụng của mọi nơi.

Thêm một chuyện - có thể nói là can hệ lắm- là hồi ấy (năm 42, 43) tôi nghỉ hè ở quê được 3, 4 tuần, thành ra tôi vào Tiên Điền. Họ cụ Nguyễn Du, lúc ấy chỉ còn một người tai mắt là ông nghè Nguyễn Mai, gọi là ông nghè Mai, trước là bạn học với cha tôi, cho nên cha tôi vào thăm thì nhân dịp ấy tôi vào theo. Tôi nói chuyện lâu lắm, tôi hỏi thì biết rằng từ trước đến giờ, người ta vào đấy tìm ông Nguyễn Mai nhiều, hoặc là tìm bạn cũ, hoặc nói là tìm bản cũ của cụ Nguyễn Du. Cái lối các cụ ngày xưa, người ta hỏi cái gì thì trả lời chóng vánh cho khỏi lôi thôi, thì cụ cứ ừ hết cả. Thành ra cụ có cho người này bản này, người kia bản kia, người nào cũng tưởng là bản của cụ

(1) tự nhiên, thuộc về bản năng

Nguyễn Du cả. Mà sự thực không phải thế. Nhưng mà có một bản tôi gọi là bản Tiên Điền thì đúng hơn.

Trong Tiên Điền, có một bản cũ, không biết là chép lại từ đời nào. Bản ấy, xét ra - tôi không có trong tay hiện giờ, nhưng tôi có một vài mẫu- hơi giống bản của ông Đào Nguyên Phổ đưa về Bắc rồi ông Kiều Oánh Mậu in ra gọi là *Đoạn Trường Tân Thanh*. Bản *Đoạn Trường Tân Thanh* ấy là bản gần nguyên bản- đấy, nhưng cũng không phải là bản gần nhất đâu. Tôi có bản gần hơn.

TK: *Bác nói lại tên cụ đưa văn bản* Đoạn Trường Tân Thanh *về Bắc.*

HXH: Cụ tên là Đào Nguyên Phổ, người ở Thái Bình, thân sinh ra ông Đào Trinh Nhất. Cụ đậu hoàng giáp cuối đời Thành Thái, khoảng 1899. Những người nghiên cứu về Kiều đều biết cụ. Cụ đưa bản ấy về Bắc cho ông Kiều Oánh Mậu. Không biết ông Kiều Oánh Mậu có thêm thắt gì không. Bây giờ có bản Nôm gọi là bản Kiều Oánh Mậu, đề là *Đoạn Trường Tân Thanh*, chứ không phải *Kim Vân Kiều*.

Ngoài ra, trong các bản viết, bản in mà tôi thu thập lại được thì phải nói rằng không có bản in nào xưa hơn cuối đời Tự Đức cả, tức là khoảng 1870. Thế còn bản viết thì cũng có bản chép lại sau, cũng có bản xưa, có thể là xưa hơn bản in, nhưng cũng không lấy gì làm chắc. Nhưng tôi cốt dựa vào sự truyền bá truyện Kiều ở trong nước ta. Xét về cách truyền bá ở Bắc, ở Trung, ở Nam; rồi so sánh ba sự truyền bá ấy với thời gian truyền bá để xét chỗ khác nhau và khám phá ra những cái người ta thêm vào. Trong các bản, có một bản ở trong Nam thấy đương còn những dấu vết hoàn toàn đời Gia Long. Không có đời Minh Mạng. Thì mình chắc chắn bản ấy người ta sao lại một bản từ đời Gia Long.

TK: *Bản này bác khám phá ra hồi nào ạ?*

HXH: Từ hồi đầu trước, khoảng 42-43, tôi đã thấy rồi. Nhưng không ai để ý tới vì bản ấy có nhiều sai lầm, nhưng qua cái sai lầm một cách giản dị mà mình lại chữa được một cách chắc chắn. Còn những bản khác, người ta sửa lại mà sửa một cách khôn ngoan, thì không thể đoán được, hoặc là có thể đoán được nhưng mà khó đoán lắm.

TK: *Thưa bác, đấy là một bản chép tay?*

HXH: Hiện bây giờ có bản in, nhưng in sai rất nhiều, cho nên không mấy người để ý tới. Nhiều khi người ta cho là bản một người dốt chép lại, không ai để ý. Nhưng sự thực bản ấy là bản quý nhất. Tôi chắc chắn với sự suy xét ấy, tôi thấy không những là về mặt niên đại, về chữ húy của mình, chỉ có húy đời Gia Long, không húy đời Minh Mạng, thì biết rằng bản viết người ta theo đó để mà sao lại, chắc chắn đầu đời Gia Long. Nhưng bây giờ lại từ đó muốn suy ra niên đại cụ Nguyễn Du viết Kiều vào khoảng nào? Chỗ này thì không

có cách khảo sát dễ dàng đâu. Đến gia phả ở Tiên Điền cũng nói rằng khi cụ Nguyễn Du đi sứ, có mang truyện Kiều về, cho nên cụ viết quyển Kiều tiếng Việt. Cái ấy là lầm. Chắc chắn là lầm. Bởi vì cụ Nguyễn Du đi sứ vào khoảng 1814, 1815 (2). Tại sao mà biết là lầm?

Vì tôi thấy rằng bản ở Huế còn lại, rồi sau ông Đào Nguyên Phổ mang về Bắc, ông Kiều Oánh Mậu in ra gọi là *Đoạn Trường Tân Thanh*, trong bản ấy có những lời phê bình của hai người là ông Vũ Trinh* và ông Nguyễn Thành, hai người bạn của cụ Nguyễn Du. Nhưng hai người bạn ấy, chỉ có thể là bạn trong cái đời trốn tránh Tây Sơn. Sự phê bình có phần chắc là đời Tây Sơn, trước đời Gia Long nữa. Cái thứ hai nữa là ông Vũ Trinh sống lâu, nhưng ông ấy đã bị tội trong đời Gia Long rồi, bị tội vì Nguyễn Văn Thành, ông ấy là thầy dậy học con Nguyễn Văn Thành, rồi người con Nguyễn Văn Thành bị xử tử, ông ấy bị đầy vào Quảng Nam, không được về quê cho đến đời Minh Mạng mới được tha về.

Nhưng ông Nguyễn Thành, trái lại, chết đời Gia Long, trong một trận đánh giặc. Về đời Gia Long, người ta nổi loạn chống lại nhà Nguyễn bởi vì muốn phục hồi con cháu nhà Lê, cho nên rất nhiều loạn. Ông Nguyễn Thành là tri phủ, hình như tri phủ Yên Trường, tức là vùng Ninh Bình bây giờ, bị chết vào độ 1807 thì phải, nếu tôi nhớ không lầm. Vì có sự phê bình của các ông ấy thì biết rằng truyện Kiều được viết đầu đời Gia Long hoặc trước đời Gia Long. Tôi chắc cũng không phải đời Gia Long, bởi vì đời Gia Long, cụ Nguyễn Du đã bị gọi ra làm quan, tri phủ Thường Tín (3) hay tri phủ gì ở ngoài Bắc. Lúc đã ra làm quan rồi thì không có thì giờ ngồi viết Kiều.

Còn một chứng nữa, rất lớn, cũng không mấy người để ý tới: Cụ Phạm Quý Thích, người đề thơ đầu tiên về Kiều, còn để lại nhiều tập thơ. Có một tập cụ kể chuyện đi từ Bắc vào Huế, vì vua Gia Long mời cụ ra. Lần đầu vào Huế, cụ làm thơ vịnh những xứ sở đã đi qua.

---

(2) Cụ Nguyễn Du đi sứ sang Tàu 1813-1814

* Vũ Trinh (1759 -1828), vợ là con gái Nguyễn Khản (Nguyễn Khản là anh cùng cha khác mẹ với Nguyễn Du). Ông làm quan dưới thời nhà Lê. Khi Lê Chiêu Thống chạy sang Trung Quốc, Vũ Trinh theo không kịp, liền về ẩn náu ở Hồ Sơn (thuộc Nam Hà ngày nay) dạy học. Năm Gia Long thứ nhất ông được triệu ra làm quan. 1809, được cử đi sứ triều Thanh. Năm 1816, vì bênh vực học trò là Nguyễn Văn Thuyên, con Nguyễn Văn Thành, Thuyên bị tố cáo làm thơ phản nghịch, Vũ Trinh bị đày vào Quảng Nam. 12 năm sau được ân xá, trở về nhà vài ngày thì mất (Theo Lại Nguyên Ân, Bùi Văn Trọng Cường. Từ Điển Văn Học Việt Nam. Nxb Giáo Dục, Hà Nội 1995)

(3) Cụ Nguyễn Du sinh ngày 3/1/1766(?), mất ngày 16/9/1820. Mùa thu năm 1802, cụ được bổ tri huyện Phù Dung, tháng 11 đổi là tri phủ Thường Tín, năm sau lại được cử lên cửa Nam Quan tiếp sứ thần Trung Quốc. 1805 được thăng hàm Đông Các Điện Học Sĩ. 1807 được cử làm giám khảo trường thi hương Hải Dương. 1809 được bổ cai bạ Hòa Bình. 1813 thăng Cần Chánh Điện Học Sĩ và được cử làm Chánh Sứ đi Trung Quốc (theo Nguyễn Lộc, Từ Điển Văn Học).

Khi cụ tới Quảng Trị, chỗ gọi là Liên Hồ (Hồ Sen), cách độ một ngày thì tới Huế, cụ làm một bài thơ gọi là *Đề Từ Quyển Kiều, Đoạn Trường Tân Thanh (4)* đấy. "Giai nhân bất thị đáo Tiền Đường!" Do đấy thì biết rằng cụ có bản Nôm Kiều ở trong tay năm ấy, tôi nhớ như đầu đời Gia Long, năm 1805-1806*quãng ấy. Rồi cụ mang đi đường để đọc, từ ngoài Bắc vào Huế, hồi xưa đi đến gần 15 ngày, phần nhiều các cụ đi cáng, đoạn nào có thể đi thuyền được thì đi thuyền, phần lớn đi bộ chóng hơn, cụ đi cáng. Cụ nằm trong cáng đọc quyển Kiều, chắc đến Quảng Trị đọc xong, cụ làm bài thơ Đề từ quyển Kiều ấy. Cho nên mình biết rằng quyển Kiều có trước đời ấy khá lâu, trước khi cụ Nguyễn Du đi sứ về. Những cớ ấy là chứng chắc chắn quyển Kiều làm từ trước.

Chuyện thứ hai nữa, theo lời truyền tụng chính ở xứ Nghệ, hồi nhỏ các cụ tôi kể chuyện lại là lúc cụ đương hàn vi, cụ viết truyện Kiều, họ kể rằng cụ chỉ viết một đêm là xong. Viết xong rồi, sáng dậy cụ bạc đầu. Chuyện bạc đầu thì sự thực có nhẽ cụ bạc đầu lúc 30 tuổi. Trong thơ, cụ có chừng 20 bài thơ luôn luôn nói chuyện bạc đầu. Cái ấy thì chắc chắn.

Hơn nữa, trong Kiều có mấy câu đầu, ít người để ý tới:

*Trăm năm trong cõi người ta*
*Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*

Hai câu ấy có thể nói gần như là hai câu sáo, không kể; nhưng câu dưới:

*Trải qua một cuộc bể dâu*
*Những điều trông thấy đã đau đớn lòng*

sau này có bản chữa lại là *mà* đau đớn lòng. Thực ra là *đã* đau đớn lòng. Hai câu ấy, cụ nói rằng: Trải qua *một* cuộc bể dâu, *một* chứ không phải *hai* hay *nhiều* cuộc bể dâu đâu nhé! Những điều cụ trông thấy *đã* đau đớn lòng.

---

(4) Bài thơ của cụ Phạm Quý Thích (1760-1825), chính cụ Phạm Quý Thích dịch ra quốc âm:

| | |
|---|---|
| *Giai nhân bất thị náo Tiền Đường* | *Giọt nước Tiền Đường chẳng rửa oan* |
| *Bán thế yên hoa trái vị thường* | *Phong ba chưa trắng nợ hồng nhan* |
| *Ngọc điện khỉ ưng mai thủy quốc* | *Lòng tơ còn vướng chàng Kim Trọng* |
| *Băng tâm tự khả đối Kim lang* | *Gót ngọc khôn đành giấc thủy quan* |
| *Đoạn trường mộng lý căn duyên liễu* | *Nửa gối đoạn trường tan giấc điệp* |
| *Bạc mệnh cầm chung oán hận trường* | *Một dây bạc mệnh dứt cầm loan* |
| *Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy* | *Cho hay những kẻ tài tình lắm* |
| *Tâm thanh đáo để vị thùy thương.* | *Trời bắt làm gương để thế gian* |

(theo Truyện Thúy Kiều, Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim hiệu đính, Tân Việt)

* Cụ Phạm Qúy Thích vào Huế năm 1811 (Từ Điển Văn Học Việt Nam, Lại Nguyên Ân, Bùi Văn Trọng Cường)

Trong truyện Tàu, không có chuyện bể dâu gì cả. Không có sự thay đổi gì cả. Đó là một histoire sociale (5) bên Trung Quốc, đời nhà Minh. Lúc ấy dân tình khổ vì các quan chia nhau ra Tây xưởng, Đông xưởng, tụi hoạn quan nó... có thể nói là anh nào cũng ăn đút lót, từ trên chí dưới, bịa ra những tội lỗi cho dân để lấy tiền. Hồi ấy là thế cả. Không phải là cuộc bể dâu. Đời nhà Minh vẫn êm thắm, không có gì cả.

Vậy cuộc bể dâu ấy là gì? Tức là Tây Sơn phá Trịnh với Lê và cụ, *tức là cái họ của cụ* không biết bao nhiêu người làm quan đầu triều hết cả - thượng thư đầu triều hay là đương còn trẻ, văn học rất nổi tiếng, trong họ của cụ có hàng chục người như thế-. Một cuộc bể dâu mà Tây Sơn đánh đổ Lê Trịnh là làm đổ hết cả họ về mọi mặt ở Tiên Điền. Cho nên những điều trông thấy đấy làm cụ đau đớn lòng. Theo đấy, với những lẽ suy khác thì nghĩ rằng cụ viết đời Tây Sơn chứ không phải đời Gia Long. Đấy là về thời gian viết.

TK: *Thưa bác, Cụ Nguyễn Du đã viết truyện Kiều như thế nào? Cụ viết theo nguyên bản, hay từ nguyên bản cụ phóng tác ra một truyện khác?*

HXH: Cụ có một bản chữ Hán, cụ đọc rồi cụ cảm, vì truyện không phải là giống nhưng mà gợi ý suy đồi của họ Nguyễn Tiên Điền sau cuộc bể dâu ấy. Cụ cảm cho nên cụ bắt đầu kể lại chuyện ấy cho cụ, chứ không phải là cho người khác. Cho cụ, bởi vì cụ là nhà thơ, cuối đời Trịnh, đầu Nguyễn là thời kỳ văn quốc ngữ (quốc âm, chữ Nôm), văn Việt Nam cực kỳ thịnh. Có những người sau này nói rằng vì Tây Sơn, lúc ấy văn Việt Nam mới nổi lên. Không đúng đâu. Tiếng quốc ngữ được nổi lên có nhẽ từ thế kỷ XVII, cho đến đời Minh Mạng. Quãng ấy là quãng thịnh nhất. Sau Minh Mạng cũng đã non đi rồi. Cho nên những bài như *Cung Oán Ngâm Khúc, Chinh Phụ Ngâm,* với những văn của Nguyễn Huy Lãng, bài *Tây Hồ phú*, ... vào cái khoảng đời ấy hết cả. Lúc ấy có thể nói có một trường phái điêu luyện về đường văn thái, văn kêu, văn hay ... Cụ Nguyễn Du là vào cái phái ấy. Một bên tâm tình cụ bị cảm xúc, một bên văn tiếng Việt lúc ấy rất nổi, cho nên nhân dịp ấy, cụ viết ra quốc ngữ. Viết cũng không phải như người khác kể chuyện, mà là sự kể chuyện của người văn thơ rất hay. Cho nên người nào đọc cũng thấy một cạnh khía làm cho mình cảm động hết cả, từ đàn bà, trẻ em, đến người học cao sâu.

Thế còn ai mang quyển sách ấy về? Theo tôi, trong ấy có hai người. *Một là anh ruột cụ Nguyễn Du là Nguyễn Đề (6),* theo Tây Sơn từ lúc đầu. Ngô Thì Nhậm đưa ra thì cụ nhận liền, giúp các công văn từ lúc đầu giao thiệp với nhà

---

(5) truyện xã hội

(6) Nguyễn Đề còn có tên là Nguyễn Nễ, trước làm quan với nhà Lê, sau giúp Tây Sơn, ở Bắc Thành từ năm 1790 đến khoảng năm 1784 thì đượcc lệnh vào Phú Xuân. Lúc này, Nguyễn Du ở Thái Bình, quê vợ. Đi sứ nhà Thanh lần thứ nhất (1789-1790). Đi sứ nhà Thanh lần thứ nhì (1795-1796) (trích Thơ chữ Hán Nguyễn Du, Lê Thước và Trương Chính biên soạn xxb Văn Học, Hà Nội, 1965)

Thanh, rồi cụ được đi sứ sang Thanh. Lúc về, cụ mang theo quyển Kiều vào khoảng đầu đời Quang Trung, 1792-93. *Hai là người anh rể của cụ Nguyễn Du, tên là Đoàn Nguyễn Tuấn* (7), con ông Đoàn Nguyễn Thục, người Quỳnh Lôi, hồi ấy ở phủ Thái Bình. Cụ Nguyễn Du là con rể cụ Đoàn Nguyễn Thục. Cụ này cũng đậu tiến sĩ, làm quan đến thượng thư đời Lê Trịnh, có nhiều con, trong những người con ấy, có Đoàn Nguyễn Tuấn hiệu là Hải Ông, cũng theo Tây Sơn từ lúc đầu với Nguyễn Đề và Ngô Thì Nhậm, rồi cũng đi sứ về. Cụ Nguyễn Du, thời kỳ ấy còn ít tuổi nhưng đã hiểu biết rồi, và lúc ở nhà người anh là ông Nguyễn Đề, ở Hà Nội, không làm gì, chính lúc ấy gian díu với Hồ Xuân Hương (8). Rồi ít lâu, cụ ra mặt không bằng lòng với Tây Sơn thì cụ cũng sợ liên lụy đến người anh, cho nên cụ về quê, ở nhà người anh rể ở Thái Bình khá lâu, cụ làm những bài thơ chữ Hán. Trong *Bắc Hành Tạp Lục* vừa có thơ đi sứ, nhưng có một đoạn, nhiều bài viết ở Bắc Kỳ trong thời gian lưu lạc ở nhà quê. Người anh rể, Đoàn Nguyễn Tuấn, cũng có thể mang quyển Kiều chữ Hán về, rồi cụ thấy quyển Kiều ấy ở nhà người anh rể mà viết ra.

TK: *Thưa bác, xin bác nói về quyển Kiều chữ Hán.*

HXH: Truyện Kiều chữ Hán thì gốc tích bây giờ cũng biết rõ ràng. Trong Minh sử, đời Gia Tĩnh, có Từ Hải thực, một người giặc, và Hồ Tôn Hiến, ông quan dẹp giặc. Ta cũng biết rõ rằng Từ Hải là người bất kham, không chịu lệnh triều đình, muốn chiếm một vùng ở dọc biển hoặc các hải đảo để tự trị, tự do. Muốn làm thế thì phải gian díu với một tụi giặc thực, giặc bể, người Nhật Bổn, vào cướp đất Trung Quốc. Từ Hải có lúc cũng trốn, vì mang tiếng là giặc, vào đi tu thành thầy tu. Nhưng thầy tu vẫn đi chơi. Đi chơi cô đầu, gặp Kiều ở nhà cô đầu, tên là Mã Kiều vì tưởng là con gái họ Mã. Rồi Từ Hải lấy người ấy. Trong sử chép rõ ràng là Hồ Tôn Hiến được lệnh đi dẹp đám Từ Hải-Vương Trực. Vương Trực làm chủ, còn Từ Hải chỉ là một tay phụ mà thôi-. Muốn dẹp bọn này, Hồ Tôn Hiến dùng kế đàn bà tức là dùng Kiều. Nhưng tên Kiều thì trong sử không nói tới. Trong sử chỉ nói là dùng người đàn bà. Đến lúc Từ Hải đã chịu thần phục nhà vua thì quân Hồ Tôn Hiến lại lừa, đánh úp, Từ Hải nhẩy xuống biển tự tử. Nói là tự tử với *hai* người vợ cùng nhảy xuống biển. *Hai* người vợ chứ không phải *một* đâu. Sự thực là thế, cuối cùng Kiều cũng tự tử với Từ Hải chứ không như chuyện trong tiểu thuyết. Rồi cái tiếng Kiều đời ấy chắc là to lắm, cho nên nhiều người đặt ra chuyện. Trước truyện Kiều, có một hai truyện ngắn, có thể nói là đoản thiên tiểu thuyết, về một người con gái Bắc Kinh, bị Tú Bà bắt cóc, nhận làm con gái gọi là Mã Kiều. Rồi Từ Hải lấy Mã Kiều. Cuối cùng thì tự tử với Từ Hải.

---

(7) 1790, Đoàn Nguyễn Tuấn được cử sang sứ bộ của vua Quang Trung giả, sang triều kiến Càn Long, cùng với Phan Huy Ích và Vũ Huy Tấn (Từ Điển Văn Học, Phạm Tú Châu)

(8) 1792-1795, trai 27-30 tuổi và gái chừng 19-20 tuổi (Hồ Xuân Hương Với Vịnh Hạ Long, Hoàng Xuân Hãn, Tập san Khoa Học Xã Hội, số 10-11, trang 120)

Đến Thanh Tâm Tài Nhân, người viết truyện dài quãng cuối nhà Minh, đầu nhà Thanh, khoảng đầu thế kỷ XVII. Viết xong giao cho Thánh Thán. Thánh Thán là một văn sĩ giỏi mà lại biết phê bình, biết khắc ván để hoàn thành tiểu thuyết mà bán. Cho nên họ gọi là bản *Thánh Thán** là vì thế. Về Thanh Tâm Tài Nhân, hình như Thanh Tâm Tài Nhân có đề tựa và viết những chuyện khác nữa.

Đó cũng là những chuyện thực hết cả.

Bản Kiều ấy, tung bán khắp nơi rồi cũng bị sửa chữa. Tầu cũng như ta, có nhiều người đọc rồi sửa chữa lại văn. Hiện giờ có đến ba, bốn bản khắc. Mắt tôi được thấy bản Thánh Thán là một bản. Một bản tôi thấy ở Bristish Museum, văn hơi khác. Cách đây độ mươi năm, có người thấy ở trong thư viện, một thành phố rất nhỏ, thuộc đất nhượng địa cũ cho Đức, tôi không nhớ tên, gần Shantung, trong đó có nhiều tiểu thuyết cuối đời Minh, đầu đời Thanh, họ lấy ra và in ra. Nhà in ở Bắc, tên gọi là Xuân Phong*, bản ay tôi cũng mua được ở Paris đây. và bên Nga, bên gì họ dùng bản ấy hết cả.

TK: *Thưa bác, về văn học thì cuốn tiểu thuyết của Thanh Tâm Tài Nhân có giá trị như thế nào?*

HXH: Đối với tôi, đối với người bây giờ thì có giá trị to. Vì người Tầu khi xưa viết tiểu thuyết, họ đi vào sự tỉ mỉ đương thời rất lớn. Cho nên qua một quyển tiểu thuyết là có thể biết rõ phong tục cả một đời. Họ viết kỹ càng cũng như Balzac. Mình thì mình quý. Nhưng với các nhà nho, hay người Tàu hiện giờ, những người có học thì chê viết tỉ mỉ dông dài. Trong ấy cũng có thơ nhiều lắm, thỉnh thoảng xen lẫn vận văn. Thơ không phải là lối thơ cử nghiệp. Nên những người học về lối cử nghiệp cho là thơ trong ấy non. Nhưng phải hiểu rằng người ta cốt viết cho dân gian. Thành ra quyển sách ấy là một roman populaire (9), nghĩa là viết gần như bạch thoại. Thơ nói. Chứ không phải là văn. Cái giá trị, đối với mình, về nội dung, tôi cho là rất quý.

Còn về đường văn thái thì tùy, đứng về phương diện một người học cử nghiệp hay là phương diện văn học dân gian, người cho là hay, người cho là dở. Người Trung Quốc hiện giờ thì họ cho là tầm thường, vì văn trong ấy tầm thường. Cho nên họ ngạc nhiên tại sao Việt Nam, lại lấy quyển roman Tầu

---

* Bản Thánh Thán này, nhà xuất bản có đề trên bìa là *"Kim Vân Kiều truyện, Thánh Thán ngoại thư"*, khiến ta có thể hiểu lầm là sách này có qua tay Thánh Thán giới thiệu. (Chú thích: giáo sư Tạ Trọng Hiệp)

* Nhà xuất bản Xuân Phong Văn Nghệ ở Thẩm Dương (phía bắc Đại Liên), mấy năm gần đây có xuất bản những cuốn sách cuối đời Minh, đầu đời Thanh, còn lưu trữ ở thành phố Đại Liên, thuộc tỉnh Liêu Ninh. Vùng này thuộc ảnh hưởng của Nhật từ đầu thế kỷ XX. Thư viện này rất phong phú, do công ty xe lửa Nam Mãn Châu thiết lập. Một công ty hoạt động kinh tế, nhưng đồng thời có những hoạt động văn hóa (chú thích: giáo sư Tạ Trọng Hiệp)

(9) tiểu thuyết bình dân

không phải hay nhất, dịch ra để làm một thứ như là quốc túy. Trong commentaire (10) của Tầu, nhiều người nói như thế.

TK: *Thưa bác, cụ Nguyễn Du đã làm việc như thế nào, cụ đã viết theo nguyên văn hay là cụ thêm bớt đi?*

HXH: Cụ Nguyễn Du có quyển ấy rồi thì cụ cứ theo trong truyện Tầu như thế nào thì cụ kể như thế. Không thêm tí nào. Nhưng cụ bỏ những cái dông dài. Là một người cử nghiệp chứ không phải là người viết roman, tự nhiên những cái dông dài, có khi thô nữa, như những đoạn chém giết nhau nhiều, hay đoạn Kiều trả thù, cụ bỏ hết chỉ nói lại một hai câu mà thôi. Trong Kiều kể rõ người kia chặt đầu thế nào, chém chân người ta thế nào, róc thịt, đọc ghê tởm lắm.

Nhưng nói thực ra, đọc roman, nó cho mình biết phong tục, cách sống đời ấy thế nào. Chẳng hạn đoạn Tú Bà dạy Kiều tiếp khách, nguyên văn nói tỉ mỉ lắm, thô tục thì không đúng, bởi vì tiếng Tầu cũng như tiếng ta, có thể nói lóng một vài chuyện thô tục... nhưng đọc cũng đủ hiểu là thời ấy, về môn ấy, người ta biết như thế nào. Nhưng những cái ấy cụ không nói, chỉ một hai chữ thôi. Có người Việt Nam sau này phụ họa chú thích Kiều, tự nhiên là phải lấy quyển Tàu ra rồi kể lại những chỗ tỉ mỉ ấy.

Hay là chuyện Thúc Sinh chuộc Kiều về. Người con gái giang hồ ở nhà điếm mà người con giai muốn chuộc ra, khó lắm, gọi là hồi lương, phải làm nhiều démarche (11) lắm. Tự nhiên là phải mà cả nhiều với chủ nhà điếm, phải xin quan, phải gì gì ... trong chuyện chữ Hán họ cho chi tiết rất nhiều. Ví như người nào làm trung gian, người trung gian làm thế nào, đi thế nào, nói thế nào, ba bốn trương. Trong truyện Cụ Nguyễn Du, những cái ấy không còn nữa. Nhưng có vài chi tiết, cụ lấy trong Kiều, viết ra y như thế, rồi những bản Nôm sau này, người ta bỏ đi. Bởi vì lúc đời cụ Nguyễn Du, nói như thế không phạm với tập tục, nhưng từ đời Gia Long trở lại đây, thì có nhiều ý tưởng, tập tục đã đổi đi cho nên họ phải bỏ. Nhờ thế mà mình nhận thấy rằng *cái bản còn giữ nguyên vẹn những chi tiết của cụ Nguyễn Du, thì bản ấy là bản đầu tiên, ít ra gần với lời cụ Nguyễn Du* hơn cả.

Như trên tôi đã nói, cụ Nguyễn Du dẫu thế nào cũng là người Hà Tĩnh, tuy mẹ là người Bắc Ninh, ở ngoài Bắc nhiều, nói tiếng Bắc, nhưng thỉnh thoảng vẫn có những tiếng Nghệ, từ xưa đến bây giờ vẫn còn giữ như thế. Những tiếng dùng ở trong Nghệ thì cho là thường, mà ra tỉnh thì cho là sỗ sàng. Thí dụ hiện bây giờ trong tôi nói mặc kệ là rất thường, nhưng ở ngoài Bắc mà nói mặc kệ, thì cho là người không lịch sự. Có nhiều tiếng như thế. Trong cái bản tôi cho là xưa nhất, đương còn giữ được những lời ấy, còn những bản kia người ta đã bỏ đi rồi.

Bây giờ quyển Kiều đến tay cụ Phạm Qúy Thích bằng cách gì? Thì đấy là

(10) phê bình

(11) vận động, chạy chọt

một vấn đề mình đặt ra. Tôi suy nghĩ không tìm thấy chứng cớ gì, có lẽ cụ Nguyễn Du thảo ra bản Kiều, đầu tiên đưa cho anh em thân thiết lắm mới được đọc, như các ông Vũ Trinh, Nguyễn Quýnh, vào hạng tử đệ những người làm quan đời nhà Lê, với Nguyễn Du là bạn ngang hàng với nhau. Những người bạn chống Tây Sơn, lại gần gụi nhau, trao tay nhau đọc. Rồi thấy hay thì người này chuyền người kia, đến tai cụ Phạm Quý Thích, cụ đọc.

Đời ấy một người như Phạm Quý Thích, văn học rất cao lại trọng về khoa cử, đọc một bản Nôm mà cụ thích như thế, thì lúc ấy có ảnh hưởng rất lớn.

TK: *Thưa bác, rồi việc in ấn ra sao?*

HXH: Tôi chắc cũng chưa in liền đâu, sau rồi đến tay những con buôn sách, những người ở Liễu Tràng, mấy làng khắc ván, họ thấy có văn gì hay thì khắc rồi bán, chắc cũng chẳng hỏi tác giả là ai, hay cũng không có tên tác giả ... Lúc ấy có nhiều nhà khắc bán, đầu tiên có nhẽ đương còn bản cũ, nhưng đến người thứ hai, tái khắc lại, thì chỉ lấy bản mới, rồi một trương thế này, họ lật ngửa ra, họ dán vào ván gỗ mít - phần nhiều ngày xưa là gỗ hồng, những gỗ không mục- để họ khắc lại. Chính người in lại, nhiều khi lại chữa một vài chữ. Đối với các cụ, nhất là một áng văn hay như quyển Kiều, nhiều cụ nói là: "Ừ câu này hay thực, nhưng tiếc rằng có chữ này không ổn" thì chữa lại.

Cứ thế rồi dần dần tam sao thất bản đi. Cuối cùng, lúc tôi có dịp xét những bản in ấy, thì có chừng độ năm, sáu bản in đời Tự Đức, có nhiều chữ khác nhau. So sánh thì thấy là tuy khác nhau nhưng cũng có bản a, bản b, bản c, ... là cùng một gốc mà ra, vì có sai một chữ mà cùng sai như nhau. Có bản thì chữa nhưng chữa hơi khác. So sánh với những bản Huế - lúc cụ Nguyễn Du vào làm quan đời Gia Long thì tự nhiên cụ mang bản Kiều vào Huế-. Các cụ trong Huế được đọc, thích lắm, nhất là các vua, vua Minh Mạng thấy bảo là mê truyện Kiều lắm. Các con vua Minh Mạng giành nhau, mỗi nhà có một bản Kiều mà nhiều khi các bản khác nhau, là vì ông nào thích thế nào thì chữa như thế. Tôi nhờ người ta chép lại thì chỉ có bản viết tay thôi, chứ không có bản in ở trong Huế. Những bản viết tay ấy, khác nhau và nhiều khi buồn cười lắm: Mình thấy ông hoàng này có độ học cao hơn, những cái chữa cao hơn; có ông muốn bông đùa cho vui thì chữa một cách chợt nhả, không hay ho gì cả. Nhưng có một bản ông Đào Nguyên Phổ thấy được, thì bản ấy rất hay mà lại có những lời phê bình của các ông Vũ Trinh, Nguyễn Thành, lại có một ít chú thích thì không biết là cụ Nguyễn Du viết ra hay là của những người nho học khác, chú thích những điển tích ấy.

Rồi ông Đào Nguyên Phổ mang về Hà Nội, lúc ấy ở Hà Nôi, gặp phong trào thờ phụng quyển Kiều một cách đặc biệt lắm. Vào khoảng 1906-1907, ông Lê Hoan, gốc khơi nhà võ, mang tiếng là đánh Đề Thám, cho nên sĩ phu ghét lắm. Ông ấy đưa giám binh đi đánh Đề Thám vùng Bắc Ninh, nhờ thế được làm Tổng Đốc Hà Nội. Ông ấy muốn chuộc tội ấy, ít ra để cho những sĩ phu có thể phục ông ấy một cái gì, nên ông có ý đưa quyển Kiều ra làm một

cuộc thi về Kiều.

Ông ấy rao ra những người học giỏi, muốn thi thì cho xuống thuyền, mỗi người một thuyền đi xuống sông Nhuệ thì phải. Ở trong thuyền mấy ngày phải làm 20 bài thơ vịnh Kiều, thơ chữ hoặc thơ Nôm cũng được, với một bài tựa gì đó. Lúc ấy sôi nổi ở Bắc, cuộc thi thơ Kiều của ông Lê Hoan. Chính ông Lê Hoan cũng mời những người văn học giỏi ra chấm thi, trong đó có cụ Tam Nguyên Yên Đổ. Ông Chu Mạnh Trinh, một người đậu đình nguyên rất trẻ, khoảng 1885-1886, rất giỏi văn, trúng giải, cho nên những bài của ông rất nổi tiếng, ai cũng truyền tụng cả.

Lại nói đến cụ Tam Nguyên Yên Đổ phải mời ra chấm thi, thì cụ tức lắm. Hồi trước ông Hoàng Cao Khải cũng ép cụ Nguyễn Khuyến làm nhiều việc cụ không thích. Đến ông Lê Hoan ép ra, cụ tức hơn nữa, cho nên cụ có bài thơ Vịnh Kiều, chắc cô cũng biết đấy:

*Thằng bán tơ kia giở giói ra*
*Làm cho bận đến cụ Viên già (12)*

cụ nói thằng bán tơ là thằng xỏ lá, là ông Lê Hoan, giở giói cái chuyện thi thơ ra làm bận đến cụ.

Trở về bài thơ ông Chu Mạnh Trinh với các bài thơ khác, được giải, thì lúc ấy có hiệu Quảng Văn Đình, cũng là những người thợ khắc, có hàng sách ở Hàng Gai, lại có những thợ khắc ở Liễu Tràng, khắc những bài ấy với truyện Kiều, cho nên bây giờ đương còn có những édition (13) vào thời ấy (1906-1907), những bản khắc rất tốt, nhất là lại có mấy bài thơ của ông Chu

---

(12) Nguyễn Khuyến (1835-1909)

**Kiều bán mình**

*Thằng bán tơ kia giở giói ra*
*Làm cho bận đến cụ Viên già*
*Muốn êm phải biện ba trăm lạng*
*Khéo xếp nên liều một chiếc thoa*
*Nổi tiếng mượn màu son phấn mẹ*
*Đem thân chuộc lấy tội tình cha.*
*Có tiền việc ấy mà xong nhỉ?*
*Đời trước làm quan cũng thế a?*

(trích Thơ Văn Nguyễn Khuyến, Văn Học 1979)

(13) bản

Mạnh Trinh (14). Nhưng những bản ấy là những bản các cụ đã chữa nhiều rồi, thành ra dùng thế nhưng cũng thất thực. Bản của ông Kiều Oánh Mậu, in lại bản ông Đào Nguyên Phổ đưa từ Huế về, thì hơn hẳn các bản khác và hơn những bản ở ngoài Bắc nhiều. Thấy có chính xác mà giống văn xưa hơn. Nhưng cái tội là ông Kiều Oánh Mậu cũng không nói rõ là bản ông Đào Nguyên Phổ mang về như thế nào, và ông Kiều Oánh Mậu chữa như thế nào. Không nói cho nên mình bây giờ hơi lỡ đỡ.

Hiện bấy giờ, người ta xuất bản nhiều quyển Kiều bằng quốc ngữ. Có người đưa những bản, nói rằng lấy ở trong Tiên Điền ra. Mà trong Tiên Điền, con cháu cụ Nguyễn Du thì không có người nào xuất sắc, học hành gì cả. Trên tôi đã nói, trong họ có ông Nguyễn Mai, đậu tiến sĩ vào đời Duy Tân, đầu thế kỷ XX, sau ông ấy không làm quan, thì ở nhà. Ai đến Hà Tĩnh, vào Tiên Điền cũng tìm gặp ông Nghè Mai hỏi tin tức, với sách vở về cụ Nguyễn Du. Ông ấy tiếp mọi người thì ông ấy nói đưa đẩy. Lời các cụ hồi trước, mình chỉ tin được phần nào mà thôi, không có sự thực, vì các cụ không có óc thiết thực, không có óc khoa học, hai nữa cũng không thấy cái mục đích phải nói thực làm gì.

Cho nên có bản gọi là *Ông Phán Sàigòn*, là một người interprète. Hồi xưa, interprète (15) là người trong Nam ra cả. Bởi vì trong ấy học chữ Tây trước ngoài Bắc. Một ông phán Sàigòn ra làm tòa sứ Hà Tĩnh, cũng mời ông Nguyễn Mai lên, xin một bản. Ông Nguyễn Mai nói thế nào không biết, chứ sách của ông (phán) này in ra, gọi là *Kim Túy Tình Từ* là quyển sách về cái tình giữa Kim là Kim Trọng, với Túy là Thúy Kiều. Không phải là *Kim Vân Kiều*. Ông ấy nói rằng có đến làng Tiên Điền, thì cụ Nguyễn Mai cho ông ấy nguyên bản của cụ Nguyễn Du, viết ra quốc ngữ, lúc ấy nhiều người tin như thế. Nhưng bây giờ tôi xét lại thì không phải đâu. Cũng gần như bản của ông Đào Nguyên Phổ, có khác một đôi tí thôi. Vì thế cho nên tôi không biết rằng bản của Kiều Oánh Mậu có đúng hẳn bản trong Huế không? Bởi vì hơi khác bản quốc ngữ gọi là *Kim Túy Tình Từ*.

Sau nữa tôi lại nhờ nhiều người chép những bản có trong Huế. Có bản

---

(14) Chu Mạnh Trinh (1862-1905)

**Tổng vịnh truyện Kiều**

*Cuốn ngỏ rèm xuân trải mấy sương*
*Sắc tài chi lắm để làm gương*
*Công cha bao quản liều thân thiếp*
*Sự nước xui nên phụ với chàng*
*Cung oán nỉ non đàn bạc mệnh*
*Duyên may run rủi lưới Tiền Đường*
*Hai bên vẹn cả tình cùng hiếu*
*Đem bấc đồng cân đáng mấy vàng.*

Thanh Tâm Tài Nhân thi tập
(theo Dương Quảng Hàm, Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển)

(15)thông ngôn

của con Tuy Lý Vương, bản ấy chữa hoàn toàn lại, chữa nhiều câu buồn cười lắm, thêm vào đoạn Thúc Sinh bị Hoạn Thư ghen, các ông hoàng thích chí thành ra các ông bịa đặt ra những lối như thế. *Cho nên mình chỉ dùng để so sánh mà suy ra chứ không có thể dùng được bản nào chắc chắn cả.*

Riêng tôi, vì tôi nghĩ đến truyện Kiều đã lâu lắm rồi, cho nên tôi đã có ý tìm kiếm hẳn ở trong Tiên Điền, coi thử có dấu tích gì về cụ Nguyễn Du với quyển Kiều không. Chuyện đầu tiên tôi đã nói là cụ bạc tóc rất sớm, mà người ta kể cụ viết truyện Kiều trong một đêm, rồi hôm sau dậy, tóc bạc hết. Chuyện ấy hoang đường. Nhưng có những chuyện khác, vì tôi đã đọc trong những bản cũ có một vài điều thắc mắc, cho nên tôi hỏi ông Nguyễn Mai, hồi ấy tôi gặp ông Nguyễn Mai nhiều lần.

Trong Kiều, thường thì nói:

*Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao*

nhưng bản tôi đọc mà tôi cho là xưa nhất thì không đúng như thế, mà viết là trượng nghĩa:

*Mà lòng trượng nghĩa khinh tài xiết bao*

Tôi mới đặt câu hỏi cho cụ Nguyễn Mai, đặt một cách đột ngột: *"Ở trong họ cụ, nói trọng nghĩa khinh tài hay trượng nghĩa khinh tài?"* Thì cụ nghĩ một chốc, rồi cụ nói: "Trong họ hồi trước thì nói trượng nghĩa khinh tài". Tại sao? Bởi vì người chú cụ Nguyễn Du tên là Nguyễn Trọng. Cho nên họ kiêng chữ trọng, đọc ra chữ trượng. Mà chữ Hán cũng nói *trượng nghĩa, trượng nghĩa* cũng như trọng nghĩa.

Bản mà tôi thấy *trượng nghĩa khinh tài* ấy, thì chắc là nguyên văn ngay từ lúc đầu cụ Nguyễn Du viết ra, rồi sau người ta chữa chữ *trượng* ra *trọng*. Một vài điểm nho nhỏ như thế nhưng tôi khám phá ra nhiều cái lắm. Có lúc tôi hỏi cụ Nguyễn Mai về đoạn Sở Khanh tán Kiều, Kiều mắc lừa đấy, thì cụ có nghe người trong họ nói gì về đoạn này không? Cụ nói có. Trong họ nói: "Trước cụ Nguyễn Du viết khác, rồi các cụ ngoài Bắc chữa lại. Cụ Nguyễn Du viết có bốn câu, các cụ chữa lại sáu câu". Lúc ấy tôi cũng không đếm số câu gì, sau về tôi khảo lại, thấy thực như thế. Đoạn ấy bắt đầu bằng những câu (16):

*Giá đành trong nguyệt trên mây*
*Hoa sao hoa khéo đọa đày bấy hoa*

đấy là những câu mà các bản quốc ngữ in ra và các bản khắc cũng thế. Nhưng hồi xưa không phải thế, hồi xưa cụ Nguyễn Du viết là:

---

(16) *Giá đành trong nguyệt trên mây*
*Hoa sao hoa khéo đọa đầy bấy hoa*
*Nổi gan riêng giận trời già*
*Lòng này ai tỏ cho ta hởi lòng?*
*Thuyền quyên ví biết anh hùng*
*Ra tay tháo cũi, sổ lồng như chơi!*
(bản Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim)

*Quế trong trăng, hạnh trên mây*
*Hoa sao hoa khéo đọa đầy bấy hoa*

-hạnh là cây hạnh, hoa hạnh cũng như hoa quế-, rồi dưới thêm hai câu nữa, tất cả chỉ có bốn câu. Còn những bản sau các cụ développer (17) thành sáu câu.

Lời cụ Nguyễn Mai nói về đoạn ấy phù hợp với bản tôi cho là xưa nhất. Trong bản xưa nhất ấy, người ta viết bốn câu, nhưng mà người ta bảo: Có bản chữa lại là sáu câu. Thì biết rằng, người đưa ra khắc đấy, hình như là về đời Tự Đức, cũng đã biết những version (18) khác đi nhiều rồi đấy.

Mà cũng rất có thể là cụ Nguyễn Du đưa vào Huế, trong thời kỳ đầu làm quan ở Quảng Bình, rồi sau được vào Huế làm tham tri bộ Lễ, sau khi đi sứ về, thì trong cả thời gian ấy, chính cụ Nguyễn Du cũng có thể chữa bản mình viết khi đầu. Thành ra có những variante (19) đối với bản đầu. Những cái khác nhau đấy, có bản hay hơn bản khác, nhưng không biết được thời đại, bởi vì đều chép tay, không đề thời đại gì cả. Cho nên mình cũng có thể nghĩ rằng: Cái bản đầu đương còn thế này, sau cụ Nguyễn Du chữa một vài câu, nên nó ra thế này. Cho đến cái bản cuối cùng người ta còn lại là bản của Kiều Oánh Mậu in ra, gọi là *Đoạn Trường Tân Thanh.* Mà lúc ấy có nhẽ cụ Nguyễn Du đặt tên truyện là Đoạn *Trường Tân Thanh* thực đấy chứ không phải là *Kim Vân Kiều* đâu. *Kim Vân Kiều* là tên của sách Tầu. Rồi sau những người khắc khác, trở lại cái tên cũ của người Tầu và để là *Kim Vân Kiều Truyện.* Sau thì gọi là *Tân Thanh* chứ không nói là *Đoạn Trường Tân Thanh* nữa. Ông Phạm Quý Thích cũng nói:

*Tân Thanh đáo để vị thùy thương*

Cụ Nguyễn Thắng trong *Kim Vân Kiều Án,* phần nhiều cũng viết chữ *Tân Thanh.* Về *Kim Vân Kiều Án* của Nguyễn Thắng, ông ấy cũng đậu tiến sĩ cùng tên với Nguyễn Khuyến (tên xưa của cụ Nguyễn Khuyến là Nguyễn Thắng), ông ấy bị tội rồi bị án tù đời Minh Mạng. Ông ấy viết *Kim Vân Kiều Án* bây giờ đang còn bản in đầu đời Tự Đức (1840). Có thể nói rằng, về những bản in khắc ván mà có nói đến truyện Kiều, *Kim Vân Kiều Án* là bản đầu tiên. Ông ấy dùng nhiều câu ở trong Kiều và nhất là trong ấy, ông ấy gọi cụ Nguyễn Du là Hầu Đông Các chứ không nói là Hầu Cần Chánh, cái titre (20) Cần Chánh là vua Gia Long cho, Cần Chánh Học Sĩ để mà đi sứ. Lúc đi sứ, người ta thường cho một cái titre cao hơn titre thường, nhưng ra ngoài người ta chỉ biết chức Hầu Đông Các.

TK: *Thưa bác, công việc của bác là bác sửa cho đúng với bản bác cho là cổ nhất, tức là phần lớn những câu sai mà dở thì bác sửa lại cho đúng, còn*

---

(17) mở ra, thêm vào
(18) bản
(19) dị bản
(20) chức

*những câu ngày trước người ta đã sửa lại cho nó hay hơn, thì bác có sửa lại không?*

HXH: Không. Bởi vì mình không chắc chắn nguyên là thế nào cả. Cái mà sau này có sửa hay hơn, hay là đối với mình hiện đại thì cho là hay hơn, thì cũng phải nói rằng: Sau người ta chữa ra thế. Ví dụ như:

*Dưới cầu nước chẩy trong veo*
*Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*

bây giờ là *bóng chiều thướt tha*. Cái cảnh ấy, đối với mình bây giờ thấy hay lắm, vì lá liễu dài như tơ, coi như nó thướt tha như cái áo dài, hay là tóc dài của người đàn bà. Nhưng mà thực không phải là *thướt tha* đâu. Những bản cũ là *tha ra*, là tiếng cổ, tra trong tự vị như Genibrel là có cả. Lúc xưa trong văn cổ đời Minh Mạng tôi cũng gặp những chữ như *tha ra. Tha ra* có ý là không rơi thẳng xuống mà rơi xiên. Rồi sau chắc là các cụ thấy tha ra không quen đọc, không quen nói nữa, rồi đổi ra *thướt tha,* hay hơn. Những chữ ấy thì mình cũng vẫn để là *thướt tha*, nhưng đề rằng bản cổ viết là *tha ra* chứ không phải *thướt tha.*

Một mặt nữa, bây giờ có một bản Nôm, mình đọc thế nào? Cái đó là cả một vấn đề. Phiên âm rồi in ra quốc ngữ. Làm thế nào in không có faute typographique (21) tức là người xếp chữ không được nhầm. Nhưng mà mình đọc chữ Nôm có đúng hay không, đấy lại là việc khác.

Về những bản in ra bằng quốc ngữ, đầu tiên, thì đời Trương Vĩnh Ký in đầu tiên, khoảng 1875, vào đời Tự Đức. Hồi ấy Abel des Michels cũng lấy bản Trương Vĩnh Ký rồi khắc ra. Abel des Michels mới lập Ecole des Langues Orientales ở bên này. Nhưng rồi sau bên ta không còn bản in chữ quốc ngữ xưa nào từ đời Trương Vĩnh Ký nữa; hình như khoảng một nghìn tám trăm tám mấy cũng có tái bản lại bản hồi xưa. Rồi từ khi ông Lê Hoan đề xướng ra thi Kiều, thì lúc ấy Kiều dân gian hóa, nhiều người đọc. Lúc ấy người ta cũng bắt đầu biết đọc quốc ngữ rồi. Một bản phiên âm mà mình biết, là một người Tây ở ngoài Bắc, tên là Nordemann, Nordemann có in một loạt sách phiên âm ra chữ quốc ngữ với mục đích để dậy chữ quốc ngữ. Sau rồi những nhà Xuân Lan, nhà ... , rất nhiều nhà in ra.

Bấy giờ không biết có đến mấy trăm hay hàng nghìn bản Kiều in ra như thế. Nhưng mà có những chữ đọc sai từ lúc đầu, bây giờ vẫn cứ đọc sai như thế, bởi vì không hiểu mà người sau cũng không biết chữ Nôm hay là cũng không dám đọc chữ Nôm. Tôi lấy một vài thí dụ như có bản Nôm xưa viết rằng:

*Một đôi nghiêng nước nghiêng thành*

rồi cũng:

*Sắc đành đòi một, tài đành họa hai*

thành ra mất nghĩa nhiều lắm. Đầu hết không phải là *một đôi nghiêng nước nghiêng thành* mà là *một hai nghiêng nước nghiêng thành*. Nhưng với

(21) in lỗi, in sai

người ít học, thì giữa *một hai* và *một đôi*, nghe *một đôi* hay hơn nhiều, không hiểu là: *một hai nghiêng nước nghiêng thành* là do đối với người đẹp có câu chữ Hán: *nhất tiếu khuynh nhân quốc, tái tiếu khuynh nhân thành*. Một nụ cười làm nghiêng nước, một nụ cười nữa làm nghiêng thành. Cho nên họ dùng *một hai* là thế. Không biết điển ấy thì không thể dùng *một hai* được, cho nên đổi ra một đôi thì nó hợp lý hơn vì cô Kiều với cô Vân. Đến câu dưới:

*Sắc đành đòi một tài đành họa hai*

chữ *đành* thì có thể hiểu được, tuy rằng không mấy người tìm kiếm nghĩa chữ *đành* đâu. Chữ *đành* là tiếng cổ, hồi xưa dùng chữ *đành* nghĩa là *ắt là, hẳn là:* Sắc thì hẳn là chỉ có một, tài thì họa là có hai người như thế. Chữ *đòi một* không thấy có nghĩa ở đấy. Đấy là những cái cas (22)tôi gọi là mình đọc, mình thắc mắc, rồi mình tìm. Thì chỉ tìm trong Kiều, chỗ khác, tôi thấy cái chữ *đòi* ấy, chữ Nôm viết chữ *đội* [ 隊 ] thường đọc là *đòi*.

Trong tiếng *đòi,* tiếng xưa và tiếng nay cũng có nhiều nghĩa lắm, như *đòi phen* là *nhiều phen, từng phen,* sụt sùi *đòi cơn* là *nhiều cơn, từng cơn*. Còn *tôi đòi* là *đầy tớ*, người *đòi* đấy là người *tớ, đòi* đây là *theo.* Chữ đòi có nhiều nghĩa như thế, thì với những nghĩa ấy, ở đây có nghĩa gì không? Chữ *theo* cũng không phải, mà chữ *nhiều* cũng không phải, thì chắc là có nghĩa khác nữa. Nếu đọc kỹ một tí, thì thấy một câu tả Mã Giám Sinh: *Mày râu nhẵn,* rồi dưới chữ *nhẵn* là chữ *đội* ấy, rồi mới *áo quần bảnh bao.*

TK: *Không phải là mày râu nhẵn nhụi ạ?*

HXH: Ấy! Khoan đã! chữ Nôm thì cứ viết chữ *đội* ấy, thế thì mình interpréter*, mình đọc thế nào? Tự nhiên, đấy là nhờ chữ *nhẵn* cho nên ai cũng chắc là *nhẵn nhụi*. Nhưng tại sao chữ Nôm lại viết *đội? Nhụi* có thể viết cái chữ có âm đọc gần như *nhụi* nữa. Lúc ấy, tôi người Nghệ, tôi biết tại sao cụ viết chữ *đội* ấy.

Đội ấy là để ghi từ *trụi,* không phải *nhụi* đâu. *Trụi* như trụi lông: không có một tí lông nào hết cả. Mà tại sao *đội* lại đọc *trụi?* Bởi vì chữ *đội* ấy có hai âm, một âm đọc nó biến ra chữ *trụy* 墜 là rơi xuống: trụy lạc. Trụy lạc viết chữ *đội* hết. Thường họ có thêm bộ *thổ* [ 土 ] ở dưới nữa, để chỉ nó rơi xuống đất, nhưng viết một mình thế cũng là *trụy* rồi. Từ chữ *trụy* ấy, ra chữ *trụi*, có khi là *trọi*: *Đầu trọc trụi* hay là *đầu trọc trọi.*

À! Lúc ấy mình mới quay lại đây, mới thấy rõ ràng là: Mày râu thì nhẵn nhụi rồi, nói quen là *nhẵn nhụi* chứ không nói là *nhẵn trụi* như ở trong Nghệ và *sắc đành trọi một, tài đành họa hai. Trọi một* là độc nhất, *trọi* là chữ *độc*, hồi xưa mình học *độc* là *trọi.* Sắc là độc nhất, tài đành họa hai. Thế mới sáng nghĩa chữ ấy.

Phải biết chữ Nôm, phải hiểu tiếng Việt, phải hiểu tiếng cổ, nhiều khi lại tiếng địa phương là chuyện khác nữa, thì lúc ấy mới hiểu thấu được những

---

(22) trường hợp

* interpréter: đoán

chữ ấy. Bởi vì một người như cụ Nguyễn Du, không viết những câu mà nói rằng là viết cho qua chuyện đi, ta hiểu thế nào cũng được cả. Không phải thế. Cụ viết một cách chính xác lắm. Chỉ là mình đọc không đúng mà thôi.

Đấy là một cái ví dụ, từ trước đến giờ không ai chữa, và có thể nói là dễ chữa. Có những câu khác, lúc viết rồi người ta chép lại sai, người khác lại sai nữa. Cuối cùng không biết đọc thế nào cả. Thí dụ, bản in bây giờ viết:

*Nằm tròn như cuội trong mây*

có người viết:

*Năm tròn như cuội trong mây*

Đấy là lúc Kim Trọng nói chuyện với Kiều, kể công mình ngồi đợi mãi, bữa nay mới được gặp cô, còn tôi thì:

*Trần trần một phận ấp cây đã liều.*

Tôi cũng đã nghĩ về câu ấy nhiều lắm. Tìm xem viết thế, đọc thế nào cho đúng? Cụ Nguyễn Du nguyên viết thế nào?

Thì phải xét cái tự dạng cách viết chữ Nôm là một, phải biết cách viết chữ Nôm rồi mới đoán tại sao người ta đọc sai, bởi vì viết gần giống một chữ nào đó. Thì tôi mới khám phá ra chữ *nằm* [ 𦣰 ] chính là chữ *vuông* [ 方毛 ].

*Nằm* đọc sai từ âm gần là *năm*, chữ *năm* có chữ *ngũ* [ 五 ], bên chữ *nam* [ 南 ], thế chữ *nam* viết tháu [ [illegible] ] trông giống như chữ *phương* [ 方 ] là *vuông* . Chữ *ngũ* nó cũng gần giống như chữ *bông* [ 毛 ], bên phải, ghi âm *vuông*.

Theo tôi thì nguyên vốn là chữ *vuông*, vì dưới là chữ *tròn*, thì đấy là *vuông tròn.*

Còn chữ thứ ba là chữ *như,* người ta viết chữ *như* [ 如 ] là chữ *nữ* [ 女 ] bên chữ *khẩu* [ 口 ], thì đọc là *nhờ.* Vậy phải đọc là: *vuông tròn nhờ,* rồi *gửi* [ 改 ] là chữ *cậy* [ 忌 ]. Viết gần như nhau, có khi họ thêm chữ *tâm* [ 忄忌 ]. Có khi không cần.

*Vuông tròn nhờ cậy khung mây*

tôi tái lập lại như thế. Lúc đó Kim trọng nói với Kiều: "Nếu mà cô với tôi thành vợ chồng vuông tròn, cái ấy là nhờ cậy trên trời" (tức là khung mây). Thế còn tôi: *trần trần một phận ấp cây đã liều.*

Chuyện bên Trung Quốc, có người một hôm thấy con thỏ đâm đầu vào cái cây rồi nó chết. Ông ấy bắt được, rồi ông ta tưởng con thỏ nào cũng đâm đầu vào cây chết, cho nên ông ấy ôm cây đợi thỏ đâm đầu vào để ông ấy bắt. Ý nói cái anh ngốc mà đợi. Kim Trọng ý muốn nói: "Tôi là thằng ngốc đợi cô."

Đấy là phải đoán cái Nôm cũ thế nào, nó sai thế nào, mà bây giờ nó thành ra thế này, người ta đọc sai thế này. Thì tự nhiên có một phần duy tâm trong ấy nhiều lắm, suy nghĩ và suy đoán nhiều chứ không tránh khỏi duy tâm đâu.

Một thí dụ nữa, thí dụ rất lớn mà người ta rất lầm là chữ *treo* với chữ *gieo.* Chữ Nôm hồi xưa khi nào chữ *treo* thì là *tleo* thì ta phải viết là lờ [ -/- ], chữ *liêu* [ 撩 ] thủ xóc là cái tay, bên này là chữ *liêu*, có âm lờ đấy, cho nên

phải đọc là *tleo* tức là *treo*.

Thế còn *gieo*, viết quốc ngữ bây giờ là *gi* thì nó vào cái họ *gi-ch* như *trời, trăng*, viết là *gi* nhưng có chỗ khác viết là *ch*, như tôi nói lúc nãy là *gieo* với *gi*.

*Gieo* thì người ta viết bằng chữ *chiêu* [ 招 ], thủ xóc là thủ bên tay, rồi bên cạnh là chữ *chiêu, chiêu* là *vời*, viết chữ ấy thì nhất định phải đọc là *gieo* chứ không thể nào đọc *treo* được. Trong Kiều khi nào cái nghĩa rõ ràng là *gieo* như

*Vàng gieo ngấn nước cây lồng bóng sân*

thì chữ *gieo* người ta viết đúng là chữ *chiêu* [ 招 ].

Còn lúc mà họ tra tấn bố con họ Vương: *treo ngược dây oan* là nó buộc vào chân nó treo lên tường thì thật là chữ *treo*, họ viết chữ *liêu* [ 撩 ].

Với một vài thí dụ lượm trong ấy thì mình thấy rõ rằng chữ Nôm, cụ Nguyễn Du viết rất đúng, mà hết thẩy các sách Nôm khác viết cũng đúng. Rồi thì nhập vào một câu: Lúc Kiều đi tảo mộ về, rồi nằm nghỉ:

*Mặt trời gác núi chiêng đà thu không*
*Mảnh gương chênh chếch dòm song*
*Vàng gieo ngấn nước cây lồng bóng sân*

chữ *gieo* này viết *chiêu* [ 招 ].

*Hải đường rả ngọn đông lân*
*Giọt sương [......] nặng, cành xuân la đà*

thì các bản quốc ngữ viết câu ấy là:

*Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà*

Mà trong bản Nôm, chữ *gieo* đây với chữ gieo cách trên hai câu viết khác nhau, chữ trên viết *chiêu*, chữ này viết *liêu*. Thì phải đọc là *treo* chứ không thể đọc là *gieo* được. Đọc cho đúng Nôm ấy là:

*Vàng gieo ngấn nước cây lồng bóng sân*
*Hải đường rả ngọn đông lân*
*Giọt sương treo nặng cành xuân la đà*

Cành xuân là cái cành non, mới đâm ra, thì những sương ban đêm rơi xuống rồi đọng từng hạt, tùng hạt ở trên cành, như là treo những hạt ngọc ấy trên cây, thì lúc ấy cái cành mới cong xuống thế này, nó la đà xuống. Chứ mà hạt sương gieo nặng, thì chỉ có một hạt sương nó rơi xuống, đúng cái cành ấy, thì cành có nhún xuống rồi nó bật lên chứ không có gì cả. Hình ảnh này không đúng tí nào và nó cũng không đúng ý của cụ. Phải đọc và phải biết đọc Nôm cho thật đúng.

Hồi xưa các cụ đọc thế mà thôi, vui tai thì đọc nhưng không để ý. Rồi sau những người có Tây học, phiên âm ra để in thành sách, thì họ lại không biết đọc Nôm lắm nữa. Cho nên cái phần khảo cứu là cần về chỗ ấy nữa. Thì cái công việc ấy, tôi cốt làm, đây tôi đưa cô xem để cô biết qua việc tôi làm.

TK: *Thưa bác, bộ sách hiện giờ bác biên khảo có chừng bao nhiêu tập?*

HXH: Cái đó là tùy hết cả. Bởi vì công việc của tôi làm, đầu hết là công

việc kế toán. Tôi lấy tám bản Kiều đời Tự Đức, là đời xưa, tôi so sánh từng chữ một. Trong một chữ ấy, tám cuốn ấy viết như nhau hay là khác nhau thì khác như thế nào? Nếu in những cuốn ấy ra thì cũng là một cuốn lớn rồi. Tôi nghĩ rằng cũng không cần làm những cuốn như thế nữa. Chỉ làm cái kết quả mà tôi xét đoán ấy. In ra thì cũng thành cái bản Kiều, tôi gọi là bản *Kiều Tầm Nguyên*, tìm cái gốc. Rồi những chữ mà nó khác bây giờ thì tôi sẽ chú thích rằng tôi lấy ở đâu, hay là vì cái chữ Nôm tôi đọc là thế nào, hoặc chữ Nôm tôi đoán là thế nào. Thì cũng chỉ như những bản Kiều khác, chứ không có gì khác lắm. Nhưng cái bản chất công việc tôi làm, không phải là để chú thích, không cần phải chú thích, ví dụ như: *Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu,* thì tự nhiên người chú thích phải tìm cái điển tích chàng Tiêu là thế nào để giảng câu ấy. Đấy là chuyện kể lại chuyện đời xưa. Tôi cũng không cần thấy nữa. Nhưng khi gặp một trường hợp như thế, thì cũng phải nói qua một tí: chữ Tiêu ấy nó lạ lắm, đối với những người đọc, họ nghi ngờ chưa chắc chữ Tiêu ấy đọc đã đúng, thì mình phải nói thực ra là có một điển tích chàng Tiêu, chữ Tiêu ấy là thế. Thành ra là cũng có một phần nào chú thích, nhưng không phải là chú thích một sự thường.

TK: *Thưa bác, thế thì công trình của bác làm sắp xong chưa ạ?*

HXH: Phần chú thích như thế thì tôi làm rồi. Bây giờ phải viết ra, tôi dùng ordinateur rồi tôi sẽ đánh thôi. Nhưng mà vì nhiều công việc quá, bữa nay cô tới mà chốc nữa lại có người gọi, nhờ cái chuyện gì. Nhiều khi tôi không biết nên làm cái nào trước, cái nào sau. Như quyển Kiều của tôi, nó 50 năm rồi, nó cứ nằm thế, không có khi nào có một thời gian khá dài để viết ra thành quyển sách cả. Cho nên tôi có đâu hai cái hòm lớn thế này, những cái tôi đã viết về Kiều, về chuyện ấy. Mà viết bây giờ tôi đọc cũng không được nữa. Mực nó đã nhờn đi, nhiều khi đã 40, 50 năm rồi, mờ đi cả rồi, mắt lại kém nữa. Vì thế tôi cũng muốn làm sao, ít nữa in ra cái cơ bản để cho những người khác tiếp tục.

TK: *Thưa bác, tất cả công trình bác làm, bác tính bao giờ cho in? Và sau này, tủ sách của bác hay những công trình của bác, bác dự liệu sẽ để lại cho ai?*

HXH: Cái sự nghiệp của tôi, tự nhiên vì tôi không có cương vị gì, sự in ấy cũng khó lắm đấy. Công việc tôi, từ 54, ít ra cũng từ 45, hồi tôi đương còn in được, đương còn ở nhà, anh em giúp đỡ nhau. Đến năm 51, tôi sang bên Pháp thì tự nhiên đối với bên nhà thì mình đứt chân, mà đối với bên này tôi không muốn tìm cách vào trong các cơ quan Pháp để có phương tiện in. Cho nên sách tôi soạn, chỉ có Saigon in một ít trong báo *Sử Địa*, rồi sau bên này báo *Tập san Khoa Học Xã Hội* in ra. Còn báo *Minh Tân* thì chính tôi với Bích (23) bỏ tiền ra in lấy, mới in được; hồi sau không có nữa vì không có phương tiện.

(23) Ông Nguyễn Ngọc Bích, bạn bác Hãn

Như truyện Kiều này thì thế nào tôi cũng phải đánh máy cho xong, để mà nếu không in được lúc tôi còn sống, thì lúc tôi mất rồi cũng có những cái để người ta in.

Còn về chuyện những bản in mới, hiện giờ trong ba bốn năm nay, bên nhà họ cũng để ý đến những cái tôi viết hồi trước. Vả lại trong tư tưởng chung thì có nhẽ không trách những người chạy ra ngoài. Nói đúng thì như thế. Người ở trong nước, tự nhiên là ấn loát dễ dàng hơn chứ. Người đã chạy ra ngoài rồi mà bây giờ lại muốn in sách để về trong nước, thì cũng có sự không tốt cho một số người ở bên nhà. Cho nên cũng không ai nghĩ đến tôi, nghĩ đến chuyện tôi làm.

Nhưng mấy năm nay, chắc in ra bán được, thành ra họ giành nhau in, chẳng hỏi ý kiến tôi gì hết. Sách cũ của tôi bây giờ bên nhà họ cho in nhiều lắm. Nhiều khi những bài tôi viết trong báo cũng in lại. Tôi mới nhậ được một vài số báo đây. Bài họ bịa ra hết cả, nghĩa là chuyện họ nói là tôi hợp tác, cái đó không đúng đâu. Nhưng thôi, cái đó tôi cũng cho là tốt, in ra cho người khác đọc là hay.

Tương lai, hiện giờ có một nhóm muốn in tuyển tập những bài tôi viết hồi trước. Họ hỏi ý kiến tôi. Sự ấn loát cũng không khó lắm đâu, nhất là bây giờ làm composition électronique, in sách đẹp lắm. Nhận được sách bên nhà thì tôi cũng không phản đối chuyện in bừa như thế. Tiếc là nếu họ cho tôi biết, tôi chữa lại vài chỗ tôi lầm.

TK: *Thưa bác, thế còn tủ sách của bác?*

HXH: Tủ sách tôi cũng còn phức tạp lắm. Cái gọi là quý thì tôi đã gửi về bên nhà một ít rồi. Còn những sách người Pháp viết, hay gì đấy, hồi trước tôi cũng định làm một thư viện để lúc mà bên nhà có thư viện như Bibliothèque Nationale, hay thư viện bên Nhật, bên Mỹ ... thì bên mình cũng có như thế. Nhưng nói thực ra thì Pháp hồi trước, về ngành thư viện, có Ecole Franąaise d'Extrême Orient đấy, họ cũng trữ nhiều sách lắm và sau này họ cũng chuyển lại giả cho mình. Phần quý thì họ làm microfilm đưa về đây. Một vài cái về Chàm, về Thượng thì họ cũng có ý khác, nhiều khi họ không để lại cho mình, họ mang về đây, nhất là những Chàm, Miên, họ đưa về đây cả. Phần ấy, tôi không có. Nhưng sau này, họ giúp cho bên nhà bằng microfilm.

Chuyện tôi sang bên này tìm được những sách cũ, thật quý, thì tôi cũng mách cho, làm thư mục cho các thư viện, về sách Việt Nam. Sau này tôi thấy có kết quả tốt là bên nhà xin microfilm của thư viện Bibliothèque Nationale, của Bibliothèque Vatican, của British Museum. Còn một ít sách của tôi, tự nhiên tôi muốn cho bên nhà hết cả đấy, nhưng phương tiện đưa về bên nhà khó lắm. Bên nhà, ai cũng muốn xin cả. Nhưng không ai nghĩ đến làm thế nào đưa về đâu. Nhiều khi tôi cho rồi cũng mất, không biết vào tay ai. Thành ra bây giờ cũng đương còn lộn xộn lắm.

Nếu mà có gì thì tự nhiên là sách tôi đóng hòm lại, rồi tôi dặn người nhà

cho bên ấy, nhưng có phương tiện mới đưa được chứ không cũng mất hết.

THỤY KHUÊ *thực hiện*



**HOÀNG XUÂN HÃN**

# chúc tết năm ất mão

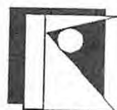
Hậu quả của các cuộc ngoại xâm trong 100 năm nay, PHÁP, NHẬT, TRUNG, MĨ, là Nước ta lại bị chia thành hai phần, NAM và BẮC, tranh đấu lẫn nhau như thời xưa NGUYỄN TRỊNH. Nhưng lòng dân cả hai phần muốn non sông nhất thống đang đẩy thời-cuộc biến-chuyển rất mạnh. Những tin tức dồn dập hình như đang báo năm nay sẽ có sự thay đổi thuận-lợi cho thống-nhất và hòa-bình. Vì vậy, Tết năm nay, tôi cao-hứng, lần đầu viết mấy vần thơ CHÚC TẾT

*HÙM đi MÈO lại: điềm lành*
*Hãy xin nâng chén tỏ tình Đồng-bang*
*Chúc nhau PHÚC LỘC THỌ KHANG*
*Chúc cho ĐẤT NƯỚC trở sang thái-bình*
*Chúc cho NHÀ vượng NGƯỜI VINH*
*Chúc cho NAM BẮC một tình yêu thương*
*Chúng ta kiều-ngụ tha-phương*
*Đồng tâm thắp một nén hương khẩn nguyển:*
*Năm này "ĐẠI CÁT NGUYÊN NIÊN"*

Paris ngày 11 tháng 2 năm 1975
Nguyên-đán năm Ất-Mão



Hoàng Xuân Hãn



**HOÀNG XUÂN HÃN**

# một vài kí vãng về hội nghị đà lạt



*LTS: Bài viết này đã đăng trên tập san* Sử Địa, *số đặc khảo về Đà Lạt, Xuân Nhâm Tý (số 23-24 - Tháng 3 đến tháng 12 năm 1971), xuất bản tại Sàigòn. Bài viết khá dài (64 trang) với rất nhiều chứng liệu lịch sử quan trọng và thú vị. Rất tiếc* Hợp Lưu *không thể đăng trọn một lần, vì cần dành nhiều trang cho những bài viết khác, về bác, của các cây bút trong và ngoài nước.*

*Số sau, chúng tôi sẽ đăng tiếp.*

HỢP LƯU

*

Lời nói đầu: Sử Địa số này tôi kể chuyện Hội nghị Đà Lạt mà tôi có dự. Tôi đã khuyên nên nhờ ai còn giữ được các tài liệu chính thức về vụ ấy, vì riêng tôi, thì hồi quân Pháp chiếm lại Hà Nội, những tài liệu đầy đủ ấy đã bị mất. Tôi cũng đã khuyên nên đăng lại những bài lược trình về các buổi tranh luận về những vấn đề chính trị, tài chính, vũ bị, và văn hóa mà Vũ Văn Hiền, một bạn khác và tôi đã viết trong tạp chí *Dư Luận* xuất bản năm 1946, rồi sau được góp lại xuất bản thành sách nhỏ. Nay, báo và sách tôi đều không có nữa. Chuyện mới xảy ra cách một phần tư thế kỉ, mà tài liệu ở nước nhà không còn. Ở Paris hẳn có, nhưng chưa có phương tiện tìm tòi.

May sao, trong những quyển sổ tay của tôi, tôi còn thấy ghi lại một số sự kiện, riêng, chung về hành trình đi dự hội nghị nầy. Tôi cũng chiều ý Sử Địa một phần nào, bằng sẽ kể một vài mẩu chuyện và một vài đại ý về việc nầy,

để độc giả ngày nay và ngày sau còn cảm thông với những người đương sự trong giai đoạn cực kì gian nan cho vận mệnh nước nhà trong buổi tái sinh của dân Việt. Kí vãng là chép chuyện xưa liên hệ đến mình. Vậy tôi xin lỗi sẽ nói nhiều về cá nhân tôi.

*

Đêm mồng 9 tháng 3 năm 1945, chế độ thuộc địa Pháp bị hủy. Ngày 15 tháng 8, đế quốc quân phiệt Nhật đầu hàng. Từ khi chính quyền thực dân tan, dân Việt thấy rằng tương lai mình sẽ do các cường quốc chiến thắng đã đành, nhưng nhất là do thái độ và năng lực của mình trước. Vì vậy, tuy trong nội bộ có chính biến, nhưng quốc dân đều một lòng xiết chặt chung quanh những kẻ cầm quyền, để đợi những biến cố tầy trời sắp giồn giập tới.

Tuy chính quyền *Pháp mới* loan báo sắp phái tướng Leclerc sang tái phục và đô đốc D'Argenlieu sang quản trị Đông Dương, nhưng dân Việt vẫn mong rằng Mĩ và Trung sẽ cản chế độ thực dân tái lập. Phải đợi đến sau ngày 12 tháng 9, quân Anh vũ trang người Pháp ở Sàigòn, rồi sau ngày 21, tàu Anh chở quân viễn chinh Pháp đổ bộ lên đất Nam bộ, thì dân Việt mới thấy cái họa mất nước lần thứ hai. Ngoài một số người vong bản hoặc bị phỉnh phờ theo hùa lập ra nước *Nam kì tự trị*, nhân dân đã quyết chống nạn ngoại xâm, tuy trong nội bộ có sự đảng tranh, nó đã đem lại nhiều thảm kịch tai hại. Ngày 19 tháng 11, mặt trận *Việt minh*, đảng *Quốc dân* và nhóm *Đồng minh* cam kết liên hiệp để đối phó với thời cơ.

Trong khi ấy, quân đội viễn chinh và Chính phủ Pháp đã thi hành những giai đoạn từng thấy hơn sáu mươi năm về trước để chiếm đoạt toàn lãnh thổ Việt Nam: chiếm Nam phần, dỗ Miên, Lào điều đình với Trung Quốc để tìm cớ đem quân ra Bắc. Ngày 28 tháng 2 năm 1946, *thỏa hiệp Trung Pháp* được kí, nhận quân đội Pháp ra Bắc thế quân đội Trung, đặt Hải Phòng làm hải cảng tự do cho hàng hóa Trung quốc. Bấy giờ những hiện tượng Jean Dupuis, Francis Garnier ngày xưa lù lù tái hiện. Không đủ vũ lực chống lại, kẻ cầm quyền chỉ có cách điều đình. Với sự đoàn kết tất cả nhân dân thì may gì sẽ giữ được những điều kiện tối thiểu của một nước.

Sau khi Nhật hoàng chịu đầu hàng, quốc trưởng *Bảo Đại* và chính phủ *Trần Trọng Kim* đánh điện tín cho các quốc trưởng bốn nước có thể liên quan với vận mệnh Việt Nam, bày tỏ thái độ toàn quốc sẽ cương quyết chống thực dân Pháp trở lại chinh phục nước mình. Tuy lời kêu gọi ấy không có một tiếng trổi nào, nhưng muốn tỏ sự toàn dân đoàn kết, chính phủ đã mời cựu hoàng ra Hà Nội làm cố vấn, rồi lại để đi sang Trung quốc. Cũng vì lẽ ấy, ngày mồng 6 tháng giêng (1946), toàn dân bầu cử quốc hội, có dành 70 ghế cho các nhóm Quốc dân và Đồng minh. Ngày mồng 2 tháng 3, họp hội nghị toàn quốc, và ngày hôm sau thành lập chính phủ chính thức *"đoàn kết kháng chiến"*, có *Hồ Chí Minh* chủ tịch, *Nguyễn Hải Thần* phó chủ tịch, *Huỳnh Thúc Kháng* bộ

trưởng Nội Vụ, *Nguyễn Tường Tam* bộ trưởng bộ Ngoại Giao, và *Phan Anh* bộ trưởng bộ Quốc Phòng. Tuy thực lực vũ trang phần lớn trong tay quân trưởng *Võ Nguyên Giáp*, nhưng sự thành lập một chính phủ dung hòa mọi xu hướng chính trị đã tăng uy thế của vị chủ tịch đang điều đình rất gắt gao với phái viên Pháp là *Sainteny*. Chủ soái quân đội viễn chinh Pháp, tướng *Leclerc* muốn đổ bộ gấp rút lên đất Bắc, đã ép chính nhân Pháp phải nhận phần tối thiểu: *tên nước Việt Nam và phẩm giá tự do*.

Ngày mồng 6 tháng 3, Hồ Chí Minh và Sainteny kí một hiệp ước giữa Việt Nam và Pháp, mang xưng hiệu *Hiệp định sơ bộ mồng 6 tháng 3*. Hai bên giao hẹn rằng:

"*1.— Chính phủ Pháp nhìn nhận nước Cộng hòa Việt Nam là một nước tự do có chính phủ riêng, có quốc hội riêng, có quân đội riêng và có tài chánh riêng, nhập phần Liên bang Đông dương và Liên hiệp Pháp. Về điều thống nhất ba "KỲ", thì chính phủ Pháp cam đoan sẽ chấp nhận sự quyết định của những dân tộc sẽ được trưng cầu ý kiến.*

"*2.— Chính phủ Việt Nam tuyên bố sẵn sàng đón một cách thân thiện quân đội Pháp, khi, theo đúng những liên hiệp quốc tế, quân đội nầy thay thế quân đội Trung Hoa. Một khế ước phụ tiếp vào Hiệp định sơ bộ nầy sẽ định những cách thức theo đó những tác động thay thế sẽ cử hành.*

"*3.— Những điều khoản đề xuất trên đây sẽ được thi hành lập tức. Liền sau khi trao đổi chữ kí, mỗi một bên giao kết sẽ thi thố những sự cần thiết để ngừng chiến lập tức, để cầm bộ đội mình đóng tại chỗ hiện có, để gây nên bầu không khí thuận lợi, cần thiết cho sự mở lập tức những cuộc đàm phán thân thiện và chân thành. Những cuộc đàm phán ấy hướng nhất về:*

a) *Những liên lạc ngoại giao giữa Việt Nam và các nước ngoài.*

b) *Điều lệ tương lai của Liên bang Đông dương.*

c) *Quyền lợi kinh tế và văn hóa Pháp ở Việt Nam.*

*Hà Nội, hoặc Sàigòn, hoặc Paris có thể được chọn làm nơi trụ sở cho cuộc đàm phán.*"

*KHẾ ƯỚC PHỤ*

*Giữa hai bên kí kết đã chỉ định trong Hiệp ước sơ bộ, đã giao hẹn những điều sau:*

*1.— Binh lực thay thế sẽ gồm:*

a) *một vạn người Việt Nam, với cán bộ Việt Nam, dưới quyền những binh quyền Việt Nam.*

b) *mười lăm nghìn Pháp, kể cả binh lực Pháp hiện ở trên lãnh thổ Việt Nam ở phía bắc vĩ tuyến 16. Những phần tử ấy phải chỉ gồm những người Pháp gốc chính quốc, trừ ra những bộ đội canh giữ tù binh Nhật.*

"*Toàn bộ các binh lực ấy sẽ đặt dưới Thượng đẳng Chỉ huy Pháp có đại biểu Việt Nam hộ trợ. Sự tiến, sự đóng và sự dùng những binh lực ấy sẽ định*

*trong một cuộc đàm phán Tham mưu giữa những đại diện chỉ huy Pháp và Việt Nam; cuộc đàm phán ấy sẽ nhóm lập tức sau khi có những đơn vị quân Pháp đổ bộ.*

*"Những ủy ban hỗn hợp sẽ được đặt ra tại các cấp để bảo nhậm, với tinh thần hợp tác, sự liên lạc giữa quân đội Pháp và quân đội Việt Nam.*

2.— *"Những phần tử binh lực thay thế Pháp sẽ chia làm ba hạng:*

a) *Những đơn vị có trách nhiệm bảo đảm sự canh giữ tù binh Nhật bản. Những đơn vị này sẽ được hồi hương liền sau khi nhiệm vụ không còn có lí do, vì tù binh Nhật bản đã được thải đi; trong mọi trường hợp phải rút sau không quá mười tháng.*

b) *Những đơn vị có trách nhiệm bảo đảm, với hợp tác của quân đội Việt Nam, giữ gìn trật tự và an toàn lãnh thổ Việt Nam. Những đơn vị này sẽ được thay thế, mỗi năm một phần năm, bởi binh đội Việt Nam. Vậy sự thay thế ấy sẽ hoàn thành trong thời hạn năm năm.*

c) *Những đơn vị có trách nhiệm phòng thủ các căn cứ Hải quân và Không quân. Thời hạn nhiệm vụ giao cho các đơn vị ấy sẽ định trong những cuộc đàm phán sau.*

3.— *Trong những địa điểm có quân đội Pháp và Việt Nam đóng đồn, những khu đóng trại có giới hạn rõ ràng sẽ chỉ định dành cho các quân đội ấy.*

4.— *Chính phủ Pháp cam đoan không dùng tù binh Nhật Bản về việc binh.*

*Làm tại Hà Nội ngày mồng 6 tháng 3 1946*
*Kí: SAINTENY*
*Kí: HỒ CHÍ MINH*
*VŨ HỒNG KHANH*

Lấy tình cảm mà phán, hầu hết quốc dân đã thất vọng vì hai ước nguyện ĐỘC LẬP và THỐNG NHẤT có một thời gian tưởng đã đạt, nay bị tiêu tan. Nhưng những nhà đương sự phải đối phó với thật tế; mà thật tế là trong khi điều đình, chính phủ Trung quốc đã cho phép quân Pháp năm trước chạy sang Vân Nam khi quân Nhật tấn công, được vũ trang trở lại chiếm vùng Tây Bắc; và sáng ngày mồng 6 tháng 3, các tàu chở quân đội Pháp đã vào Cửa Cấm và vừa đối pháo với một tiểu đội Trung quân, trái với sự thỏa thuận của tướng để quân Pháp đổ bộ lên Hải Phòng. Trước thái độ hững hờ của các cường quốc, biết binh lực mình còn non nớt không thể công nhiên đương đầu với cơ khí của Anh, Mĩ mà quân Pháp được trang bị, chính phủ Liên Hiệp Kháng Chiến chỉ có hai đường: một là chống lại bằng vũ lực nhưng rồi phải bỏ các đô thị để kháng chiến một cách anh dũng nhưng tối tăm như các tiền bối Trương Công Định, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám; hai là chịu lép đương thời để được Pháp và quốc tế nhìn nhận có nước Việt Nam, rồi tựa vào dư luận dân Pháp và dân hoàn cầu và nhất là sự đồng tâm kiên quyết không chịu nô lệ của quốc dân, để tái lập dần dần sự hoàn toàn độc lập.

Thật ra, bấy giờ còn có một con đường thứ ba là lợi dụng sự kiện có mặt

quân đội Trung quốc mà chống quân Pháp đổ bộ. Đó là một kế mà một phần tử tướng và chính khách Trung Hoa xui ngầm một số người Việt Nam yêu nước. Nguyên là, hơn 60 năm về trước, Pháp đã lấy vũ lực ép triều nhà Thanh phải để Pháp làm chủ trên đất Việt Nam. Nay Trung quốc có thể giành lại thế lực ở đây với Pháp. Chính vì vậy tướng Trương Phát Khuê trấn thủ Quảng Tây đã che chở những chí sĩ Việt lưu ngụ ở đó và đã giúp lập nên những nghĩa hội để khôi phục Việt Nam. Trong hồi đại chiến ở châu Âu còn nồng, tổng thống Mĩ, F. Roosevelt hình như đã tán thành ý ấy, nhưng bấy giờ, năm 1946, Mĩ phải gờm thế lực Nga bành trướng ở Đông Âu, sợ cách mạng cộng sản ở Pháp, sợ quân Trung Cộng thắng quân Quốc Dân ở Mãn Châu. Vì vậy, Mĩ nuông chiều Pháp, và ép các sư đoàn tinh nhuệ nhất Trung quân đang đóng ở Việt Nam phải chở lên miền bắc Bắc Kinh. Chung qui những sự họ xui ngầm, hay là quấy rối Pháp ở Việt Nam chỉ có kết quả là tăng cái giá mà ngoại giao khôn khéo của Pháp (tuy dân chúng nghèo nàn vì bị chiếm đóng, nhưng tư bản vẫn giàu) phải giả trong khi mà cả để quân đội Trung Hoa chịu rút về. Giá bằng vàng nén, theo tướng Salan, nhân viên Pháp quan trọng trong mọi việc điều đình (Mémoires, I trang 355).

Chắc rằng những lãnh tụ Việt Nam "thân Hoa" đã cân nhắc lợi hại con đường nầy, cho nên vẫn ủng hộ chính phủ "Liên Hiệp Kháng Chiến". Nhưng phần lớn người đồng chí không tán thành. Đó là nguồn gốc sự nồi da nấu thịt sau nầy sẽ diễn dưới sự tán thành và thỏa mãn của quân Pháp. Vậy sau ngày 6 tháng 3, Vũ Hồng Khanh, phó chủ tịch ủy ban quân sự thường cùng chủ tịch Võ Nguyên Giáp đi điều đình với quân nhân Pháp, và bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Tường Tam tiếp xúc với đại diện các ngoại bang, nhất là yêu cầu tổng thống Mĩ nhìn nhận Việt Nam là nước tự do, rồi cầm đầu phái đoàn đi dự *Hội nghị Đà Lạt.*

*

Vì sao có Hội nghị nầy? Muốn hiểu những sự sẽ ra trong những tháng sau, ta phải biết có sự xung khắc giữa hai vai chính trùm người Pháp ở Đông Dương: tướng cầm quân, Leclerc, có trách nhiệm chiếm lại lãnh thổ thuộc địa cũ; và đô đốc chính trị, D'Argenlieu, được giao quyền tái lập cai trị thực dân. Hiệp định sơ bộ nhờ lập trường của Leclerc mới có: nhận những điều kiện rộng rãi về danh từ để quân đội mình có thể đổ bộ lên Bắc bộ vào đầu tháng 6 mà không phải chiến tranh với một chính phủ ẩn nấp vào rừng. Còn D'Argenlieu thì vừa là một đô đốc thủy sư, vừa là một thầy tu đạo Cơ Đốc, rất bảo thủ về chính trị lại muốn theo gương các đô đốc chinh phục Đông Dương ngày xưa. Vì vậy những điều Leclerc đã nhận thì D'Argenlieu chống, nhất là việc trưng cầu dân ý về thống nhất ba kì. Hồ Chí Minh đã thấy sự mâu thuẫn ấy, cho nên đã gắng để cố nài đòi họp hội nghị ở Paris. Nhưng D'-Argenlieu thì muốn họp ở Đông Dương để đặt những sự điều đình vào nội bộ

địa phương mà thôi. Lấy cớ ở Pháp chưa có quốc hội chính thức, chính phủ Pháp chưa chịu mở hội nghị điều đình. Nhưng sợ trong khi chờ, Cao ủy Pháp lấn dần tư thế của ta, chính phủ Việt Nam đã đề nghị, và Pháp đã chấp thuận, một phái đoàn quốc hội sang thăm nước Pháp, và một phái đoàn khác bắt đầu điều đình với Pháp những điểm đã nêu rõ trong Hiệp định sơ bộ mồng 6 tháng 3. Pháp muốn hội nghị nầy nhóm ở nơi cô quạnh, ngoài áp lực của dân chúng: Đà lạt. Hội nghị lại chỉ có tính cách soạn sửa cho cuộc điều đình chính thức tại Pháp. Vì vậy nó đã mang tên *Hội nghị trù bị Đà Lạt.*

*

Sau những ngày chính phủ Trần TRọng Kim từ chức, cách mạng tháng 8 nổi dậy và chính phủ dân chủ cộng hòa thành lập, tôi được bỏ quên, yên phận sửa soạn thi hành sự dạy và viết sách môn toán học bằng tiếng Việt, và nỗ lực cứu vớt những sách tàn giấy cũ mà bấy giờ nhân dân đã lỗi thời, đưa bán làm hồ, làm giấy lộn khắp đường Hà Nội. Thình lình, một hôm, một học trò cũ Đại học mà đã thành một nhân viên quan trọng trong chính phủ, tới thăm ở thư trai xã Hoàng Mai. Sứ giả tươi cười nói: "...Riêng tôi muốn tới thăm thầy đã lâu. Nay chính phủ định lập một ủy ban soạn sửa giao thiệp với nước ngoài, bắt đầu với Trung quốc. Các anh đã nghĩ đến thầy..."

Tuy không lấy sự mời nầy làm lạ, nhưng tôi rất e ngại vì nội bộ bấy giờ đang rất lục đục: đảng Quốc Dân và nhóm Đồng Minh bất hòa với mặt trận Việt Minh, và quân nhân Trung quốc bênh vực các phe trên chống chính phủ lâm thời. Tôi đã trả lời rằng nếu tôi xét sự tham dự có ích thì tôi không từ nan, nhưng muốn ngoại giao có kết quả hay thì phải dàn xếp cho chóng êm đã. Ngày ấy là ngày 18 tháng 11 (1945). Tuy dưới áp lực Tiêu Văn, quân nhân chính trị của đạo quân Quảng Tây, các đảng phái đã bắt đầu liên lạc nhưng sự đả kích nhau ngoài phố chưa yên. Tôi tự hỏi vì sao mà "Các anh đã nghĩ đến tôi?" và sực nhớ đến một câu chuyện liên quan đến mình xẩy ra hơn một tháng trước.

Nguyên là, từ khi quân đội Trung quốc vào đóng ở Bắc phần Đông dương, những phần tử lánh uy quyền Pháp trên đất Trung Quốc lục tục trở về. Trước sự cách mạng đã nắm chính quyền trong nước, mà phần tử nầy không được dự, nếu kẻ cầm quyền không khôn khéo, thì không sao tránh được sự bất hòa biến thành đảng tranh. Mà chính phủ và quân đội Trung hoa bấy giờ tự nhiên nuông tìm ý ủng hộ những người ý tưởng gần mình và thế lực cũng phải nhờ mình. Một việc đảo chánh gây ra bởi quân đội Trung quốc rất có thể xảy ra. Đó là lẽ cốt yếu của sự kình thị và công kích giữa đảng phái. Mà nếu kình thị khuếch trương thành đại loạn thì nước Việt Nam *không còn hi vọng gì* sống lại nữa. Thế mà trong khoảng đầu tháng 10, nó đang khuếch trương. Tôi tới tìm vị cựu hoàng, bấy giờ đã thành *cố vấn Vĩnh Thụy*, tỏ sự hoang mang, rồi nói rằng: "Ngài có lúc mang tiếng chỉ giữ hư vị. Nay giữ chân cố vấn chính phủ, chính là lúc có thể bày tỏ vị ấy không hư".

Cố vấn hỏi: "Vậy nên nói gì?" Tôi bàn nên khuyên chính phủ dàn xếp một cách ổn thỏa và chính đáng với những người yêu nước thuộc những đảng khác để cùng đối phó với thời cơ cực kì gian nan. Thế rồi ngày 13 tháng 10, Cố vấn cho hay rằng: "Cụ Hồ sẽ tiếp Hãn vào ba giờ chiều".

Tuy không biết hẳn đó là ý muốn của chủ tịch, hay cố vấn đã bịa ra sự tôi xin gặp, đến giờ tôi cứ tới dinh Chủ tịch. Lúc đến nơi, gặp một đại tá Mĩ cũng tới; nghe nói là để gỡ một đại diện bí mật Pháp, Sainteny, bị giữ vì cắm cờ Pháp trên xe đi diễu ngoài phố. Chủ tịch tiếp tôi hơn một giờ. Hai lần xin cáo biệt, nhưng cụ giữ lại. Ban đầu bình phẩm về chính quyền. Tôi có nói: "Nay ta chưa độc lập, đang cần dư luận ngoại bang bênh vực. Nếu tỏ ra bất lực, hoặc có thái độ độc tài, thì khó lòng họ giúp mình". Cụ bảo rằng ủy ban địa phương làm bậy, chứ chính phủ không có ý chuyên quyền. Cụ hỏi đi hỏi lại: "Thế ra họ nói chính phủ cộng sản, thực chăng?" Tôi đáp: "Cụ nghe vậy, thì có thật". Cụ nói: "Còn nói chính phủ độc tài, thì có đâu. Trong nội các có nhiều người không phải ở trong mặt trận Việt Minh..."

Cụ lại phân trần lâu việc bài xích hạng trí thức. Cụ nói chính phủ không làm điều ấy; nhưng có người làm thì chính phủ phải nhận lỗi. Rồi tôi nói sang chuyện đảng tranh làm dân chúng hoang mang. Chủ tịch rất chăm chú nghe, cặp mắt sáng trương to như rót vào mặt tôi. Cụ hỏi: "Trí thức theo cụ Nguyễn Hải Thần nhiều phải không? Ông giao thiệp rộng chắc biết". Trong trả lời, tôi có nói: "Hình như khi ở nước ngoài các cụ đã trù tính việc chung. Nay đều về, lại thấy các cụ chia rẽ, cho nên họ hoang mang. Nếu các cụ Nguyễn Hải Thần chỉ kéo bè đảng mà thôi, thì chắc họ không theo. Cụ Nguyễn có gặp tôi, tôi đã thưa rằng người trí thức chân chính không tìm địa vị. Các cụ già cứ hòa hiệp với nhau, rồi thì hạng trẻ như chúng tôi theo. Các cụ có cần gọi ra quét đường, họ cũng nhận".

Nét mặt không di chuyển, Chủ tịch đặt câu hỏi thẳng: "Đối với ông, thì cụ Nguyễn là thế nào?" Tôi đáp: "Tôi không được biết rõ. Nhưng cảnh huống bây giờ thì tuy là bậc cách mệnh lão thành nhưng trở về chậm nước, cụ phải ép vào thế non,... xem ra thế nào!" Cụ hỏi gặn: "Thế nào?" Tôi nói: "Thế nào... tôi không tiện nói, chỉ có thể nói thế cụ Nguyễn không được thuận. Tuy nhiên, làm cách mạng trong bốn mươi năm nay, cụ ấy có thanh thế. Vả hạng trí thức ai cũng sẵn sàng làm việc nước, mà bị chính phủ đem lòng ngờ vực, thì họ có đi theo cụ Nguyễn, cũng là người ái quốc, đó cũng không nên lấy làm lạ!"

Trong lúc nói chuyện, có người mang bát thuốc sắc cho Chủ tịch uống, lại có người mang giấy lại lấy chữ kí, một thanh niên ngồi đàng xa túc trực luôn luôn. Tôi đứng dậy xin về mấy lần. Chủ tịch vẫn giữ lại. Cuối cùng, cụ lại hỏi thẳng một cách cụ thể rằng: "Tôi có hai chuyện muốn hỏi ông. Ông cứ trả lời thật... Câu đầu là đối với cụ Nguyễn Hải Thần nên làm thế nào?" Tôi đáp: "Nếu cụ Nguyễn có thể làm dễ cho sự ngoại giao, thì nên dùng cụ. Tuy không nên cải tổ hấp tấp ra dáng sợ áp lực, nhưng nên cải tổ chính phủ

để hợp tác. Sự hợp tác phải thành thật, đừng để có cảm tưởng lấy danh mà thôi" Không động nét mặt một mảy may, Chủ tịch hỏi tiếp: "Vấn đề thứ hai là ông cho biết một câu sát kết về Chính phủ" Tôi phải lựa lời để đáp cho khách quan. Đại ý ở trong những câu nầy: "Trước khi thẩm kết về Chính phủ, xin nói về mặt trận Việt Minh. Chủ trương mặt trận là chống Pháp và Nhật. Chống Pháp là chí nguyện tất nhiên chung cho cả nước. Chống Nhật cũng là tất nhiên cho cách mạng và thuận với Đồng Minh đang thuận với độc lập Việt Nam. Vậy cái khẩu hiệu ấy là hợp. Nhưng trong hành động, sau ngày Nhật diệt chính quyền thực dân Pháp và tuyên bố để Việt Nam tự chủ vận mệnh của mình. Tự nhiên rằng người cách mạng chống Nhật không thể ra công khai nhận lấy chủ quyền chủ nước. Con thuyền bị buộc đã được cắt dây. Nước tự hào có lịch sử vẻ vang, gồm hăm lăm triệu người; há lại để thuyền trôi không lái. Cả Nhật Pháp và Đồng Minh sẽ đánh giá lòng yêu chuộng độc lập của dân ta ra sao. Vì vậy đã có Chính phủ Trần Trọng Kim. Chỉ tiếc rằng Mặt trận không làm dễ cho Chính phủ công khai quản lí việc dân và dự bị sự giao tiếp khi quân Nhật tất phải đầu hàng. Dẫu sao, sau khi Nhật đầu hàng, Mặt trận ra nắm chính quyền là hợp lẽ và có thể lợi cho độc lập được nhìn nhận. Nghĩ như vậy, Chính phủ Trần Trọng Kim đã có tác động cuối cùng là khuyên cựu hoàng mời các nhà cách mệnh ra chính thức lập chính phủ, nhưng thiếu sự chuẩn bị, sự ấy không thể thành. Kết quả là những sự tổn thất về vật chất và tinh thần trong khi cướp chính quyền và không thể lợi dụng sự hoang mang của quân nhân Nhật khi được lệnh phải đầu hàng. Nói về Chính phủ thì chủ trương đại thế chính trị hợp lẽ, nhưng hành động hình như tưởng đã thành công cho nên sợ chia trách nhiệm và chính quyền. Chắc riêng Chủ tịch hiểu rằng đường đi đến độc lập và thống nhất còn dài và khó, nhưng đại đa số còn lầm tưởng gần xong".

Chủ tịch cảm ơn và thêm: "Hôm nay, ông cho tôi biết được nhiều điều" Tôi đứng dậy, từ giã, xuống lầu, cảm động vì đã có dịp tỏ nhiều lời tâm huyết, vì thấy vận mệnh của dân nước đè trên vai một vị cách mệnh thâm niên gầy ốm, nhưng tinh thần tinh anh, mặc tĩnh, thâm trầm và cử chỉ ôn tồn, gãy gọn và kiên quyết. Không biết cảm tưởng Chủ tịch đối với cá nhân tôi và những trực ngôn tôi ra sao. Có lẽ không ai biết. Dẫu sao hơn tháng sau Cụ nhận hợp tác của các phái đối phương, và riêng đối với tôi, "các anh đã nghĩ đến". Thật ra thời thế cấp bách phải đi đến thế. Rồi bầu Quốc hội (mồng 1 tháng Giêng 1946), lập Chính phủ chính thức (mồng 3 tháng 3), kí Hiệp định sơ bộ với Pháp (mồng 6 tháng 3), đón Leclerc tới Hà Nội (18 tháng 3), gặp D'-Argenlieu ở vịnh Hạ Long (24 tháng 3), gửi một phái bộ sang thăm Pháp và một phái đoàn lên Đà Lạt bắt đầu tranh biện về những chi tiết thực hiện Hiệp định sơ bộ (16 tháng 4 lên đường). Phạm Văn Đồng cầm đầu phái bộ Paris, Nguyễn Tường Tam cầm đầu phái đoàn Đà Lạt. Tôi được sai dự phái đoàn nầy. Lần này tôi nhận lệnh vì có nhiều triệu chứng tỏ rằng Cao ủy D'-Argenlieu đang phá Hiệp định kia, bắt đầu phá điều trưng cầu dân ý về

Thống nhất ba kì.

*

Quả vậy, ngày 12 tháng 3 (1946), cơ quan tối cao mà chính sách thực dân đã tái lập ở Sàigòn, là Hội đồng tư vấn Nam kì, đã nhóm họp dưới quyền ủy viên Pháp *Cédille*. Bác sĩ *Nguyễn Văn Thinh* đặt một đề nghị sửa soạn lập xứ *Nam kì tự trị*. Lời đề nghị dịch ra tiếng Việt theo báo *Tân Việt* (Sàigòn, số 36, ngày 13 tháng 3, 1946, nghĩa là đúng một tuần sau ngày kí Hiệp định sơ bộ) như sau:

*—Nghĩ vì trong bản tuyên ngôn ngày 24-3-1945, chính phủ Pháp nhìn nhận một cách chánh thức nền tự trị của mỗi xứ trong Liên bang Đông Dương, nghĩa là có xứ Nam kì;*

*—Nghĩ vì bản sơ ước Pháp Việt vừa kí kết ngày 6-3-46 ở Hà Nội không nói rõ rằng bản sơ ước chỉ áp dụng riêng cho hai xứ Bắc và Trung kì, và tiếng VIỆT NAM dùng trong bản sơ ước có thể cho người ta hiểu lầm là có xứ Nam kỳ trong đó, vì từ trước đến giờ, tiếng "VIỆT NAM" vẫn dùng để chỉ cả ba kỳ: Bắc, Trung, Nam;*

*—Nghĩ vì bản sơ ước ấy có nói qua sự mở một cuộc trưng cầu dân ý ở Nam kỳ, mà Hội đồng tư vấn Nam kỳ chưa được hỏi ý kiến; nghĩ vì dân chúng Nam kì rất xôn xao bất bình vì những lời trong bản sơ ước ấy còn mờ ám, nó có thể làm người ta tưởng lầm rằng quyền của dân chúng Pháp Việt ở Nam kỳ không còn nữa;*

*—Nghĩ vì xứ Nam kỳ, đã 6 tháng nay, bị tàn phá vì sự đô hộ của Việt Minh, nên nay không thể cực lực phản đối sự gia nhập vào Khối Việt Nam, mà xứ Nam kỳ sẽ phải đưa về cho những kẻ sát nhơn rồi sự tuyên truyền, sự hăm dọa của chúng sẽ làm cho sai cả cuộc trưng cầu dân ý;*

*Cho nên chúng tôi mong rằng:*

1.— *Vị đại diện của nước Pháp ở Đông Dương sẽ công bố chánh thức rằng bản sơ ước 6-3-46 sẽ để cho xứ Nam kỳ hoàn toàn tự trị.*

2.— *Theo đúng với quyền dân tự định đoạt, xứ Nam kỳ phải được tự do định lấy những điều kiện về chính trị, không được cưỡng bách, bất cứ do lệnh ai.*

3.— *Sự trưng cầu dân ý sẽ không tránh khỏi mờ ám, lộn xộn nếu các điều kiện cần yếu về trật tự và yên ổn chưa được lập lại đàng hoàng trong xứ, để có thể xét tánh danh hạnh kiểm của những người bỏ thăm, mà trong cuộc loạn lạc vừa qua, giấy tờ và sổ bộ đã bị đốt phá đi mất nhiều.*

*Và cần phải có phương sách đảm bảo sự tự do, sự kín đáo của lá thăm và sự thành thật trong khi dọ ý kiến dân.*

*Kí tên:*
*Béziat, Clogne, Bazé, Nguyễn Văn Thinh,*
*Trần Tấn Phát, Trần Thiện Vàng,*

*Nguyễn Tấn Cường, Lê Văn Định.*

Báo *Tân Việt* còn ghi rằng: "Bản đề nghị đọc xong, ông Cédile, chủ tịch, xin hội đồng bỏ thăm. Kết cục bản đề nghị của ông Thinh được đa số tán đồng với 9 thăm chống 1".

Tám tháng sau, thấy mình bị thực dân lừa gạt, đã đem bánh vẽ đưa mình làm việc phi nghĩa, Nguyễn Văn Thinh đành tự tử, nhưng trước khi họp hội nghị Đà Lạt, cái đề nghị trên đã báo hiệu cho mọi người biết thái độ của thực dân. Tôi đã tự hỏi đi Đà Lạt còn có ích gì nữa chăng, hay chỉ có thực lực mới ép thực dân tôn trọng Hiệp định vừa mới kí. Sự đoàn kết cũng là một phần thực lực; phái đoàn có Nguyễn Tường Tam, Võ Nguyên Giáp, sự có mặt của những người không đảng phái càng tỏ sự đoàn kết thêm. Vả chăng thái độ phá hoại Hiệp định sơ bộ có lẽ chỉ là thái độ thực dân, còn dân Pháp, trí thức Pháp, quân nhân Pháp vừa trải qua sự giải phóng đất nước Pháp một cách đau thương thấm thía, lẽ nào lại không thông cảm với lòng ham muốn độc lập thống nhất của dân Việt Nam. Riêng cá nhân tôi, đã từng có sự quan hệ với các bạn Pháp, hoặc chức trách Pháp, và đã có nhiều lần bày tỏ ý kiến nguyện vọng dân tộc mình. Gần đấy, khi bạn đồng môn *Nguyễn Ngọc Bích* bị bắt ở bung điền, tôi đã viết bức thư ngỏ, đăng ở báo LA REPUBLIQUE tại Hà Nội, giải thích cho các sĩ quan Pháp cũng học đồng môn, cái lẽ vì sao họ phải đương đầu với toàn dân Việt trong sạch, kể cả những kẻ hầu như đã Pháp hóa như bạn Bích. Vậy bấy giờ, tôi nhận đi Đà Lạt; vì có dịp công nhiên bày tỏ cho Pháp và cho mọi người rõ sự đòi độc lập thống nhất không phải như thực dân lầm tưởng chỉ là khẩu hiệu của "bọn cách mạng quấy rối mà thôi".

Vả chăng hồi trước cuộc đảo chánh Nhật ở Đông Dương, tôi đã có dịp gần phe "Kháng địch Pháp" tại Đông Dương và đã có dịp tỏ nguyện vọng dân tộc mình cho họ biết.

Trong hồi làm giáo sư Toán học, tuy tôi không làm chính trị, nhưng cũng không hề giấu ý kiến về chính trị và thời thế, khi có dịp bày tỏ ý mình. Cũng nhờ vậy, mà đã tránh được mọi cạm bẫy hư danh chính trị. Khi quân Nhật đến đóng tại Đông dương, chính khách Pháp tại đây đã để ý đến tôi và một số bạn hữu. Đối với chính quyền, thì sự giao thiệp chỉ có tính cách hình thức mà thôi, như sự đô đốc Decoux, toàn quyền Đông dương, thỉnh thoảng mời, riêng rẽ hay cùng "nhân sĩ" khác để lòa mắt người Nhật và nhân dân ta. Sự giao tế ấy nhã nhặn nhưng vô bổ. Trái lại trong nhóm người Pháp chống Pétain, có kẻ đã lân la dò ý kiến về tương lai khối Đông dương; có lẽ là hậu quả tuyên ngôn của *De Gaulle* tại *Brazaville* đổi chế độ thuộc địa ra chế độ Liên hiệp Pháp, vào tháng giêng 1944. Từ đó, cựu tiết chế quân đội thuộc địa ở Đông dương nhiều lần mời tôi tới nhà hoặc lại nhà tôi, trò chuyện về chính sách hiện thời và tương lai ở xứ ta. Cựu tiết chế, tướng Mordant, đã vì không đồng ý kiến với toàn quyền Decoux, nên đã từ chức, để cầm đầu nhóm

Kháng địch sửa soạn đón quân Đồng minh tới giải phóng Đông dương. Đô đốc Decoux cũng biết sự ấy, nhưng đối với quân Nhật thì phải có thái độ ẫm ờ.

Mordant đã đưa kín cho tôi đọc bản tuyên ngôn Brazaville, và đề nghị với tôi, nếu bằng lòng, thì sẽ tổ chức đưa tôi và một nhân sĩ cao tuổi ra ngoài nước để bàn tính tương lai xứ Đông Dương. Sau khi bàn luận với một nhóm bạn bè, chúng tôi đã nhận định rằng: bấy giờ, nước Anh là một nước sức và thế mạnh hơn Pháp nhiều, mà cũng đã hứa độc lập cho Ấn Độ và Miến Điện, thì Việt Nam không thể không đòi lời hứa độc lập. Sau khi tôi đã trao lại ý ấy cho tướng Mordant, tướng sửng sốt bảo rằng: "Không bao giờ có sự ấy được!"

Tôi ôn tồn trả lời: "Vì ông hỏi ý kiến nhân dân Việt Nam đối với tương lai họ, thì tôi đã nói thật; chứ tôi không sợ rằng tương lai gần của "chúng ta" chưa biết ra sao..."

Tướng nói: "Chúng ta sẽ được giải phóng. Nước Pháp vẫn chủ quyền. Quân Nhật có làm trò gì được nữa".

Tôi tiếp lời: "Bây giờ, Pháp còn chủ quyền ở đây thì một lời hứa ấy sẽ kéo lại hoàn toàn thiện cảm của nhân dân Việt Nam. Nếu người ngoài, gần hay xa, có ác ý đối với Pháp ở đây, họ cũng phải dè dặt vì đã không có cớ thì sợ nhân dân Việt Nam sẽ ủng hộ Pháp. Chứ không, ví bằng sau nầy một nước thứ ba tặng cho chúng tôi độc lập, thì chúng tôi sẽ không đáng độc lập nếu không can đảm nhận món quà ấy. Mà tôi sợ rằng độc lập trong trường hợp ấy không lợi cho nước ông, và chưa chắc đã lợi cho chúng tôi bằng cách độc lập với sự thỏa thuận của các ông tự bây giờ".

Trong trả lời trên, tôi đã ngụ ý đến hai việc đang phát hiện: tin Cường Để lập đảng trong nước và sắp được đưa về, và sự toàn quyền Decoux mời riêng nhiều người Việt và bảo rằng đừng tin tuyên truyền Anh và Mĩ và phải coi chừng ảnh hưởng đế quốc chúng. Không hiểu tướng Mordant nghĩ tới Nhật hay Anh Mĩ. Tướng liền đáp: "Nếu vậy, chúng tôi dẽ đem quân chinh phục lại Đông Dương".

Tôi còn nhớ rõ câu bực tức ông nói cuối cùng: "Muốn đặt một khối chóp thăng bằng mà lại đặt đầu nhọn ở dưới!".

Từ đó ông lại kính nể tôi. Một hôm ông hỏi tôi: "Tôi muốn bảo những người chức trách thay thế người cộng sự An Nam, vì chúng phần nhiều chỉ biết tùy hứng, ton hót và tham nhũng. Nhưng lấy đâu ra những người tốt và trong?" Tôi trả lời: "Hư hèn thường gây ra bởi nô lệ. Còn những người tốt và trong có nhiều ở ngục thất. Chính phủ biết cả đó..." Tôi hơi mỉm cười, chắc ông nhớ lại một câu chuyện cũ tôi đã nói, ông nối lời: "Các người ấy ở Sơn La và Côn Lôn, có phải không?"

Vào cuối năm 1944, phái Kháng địch đã ngầm làm chủ ở phủ Toàn quyền, Đô đốc Decoux chỉ giữ hư vị để lòa mắt người Nhật. Tướng Mordant cho tôi biết rằng phủ Toàn quyền sẽ lập một hội đồng cố vấn tối cao gọi là Hội đồng Đông Dương và tôi sẽ được mời tham dự. Ông lại cho hay rằng chắc

không phải là hư vị. Đáp một lời tôi hỏi, ông nói rằng sự chọn tôi không phải tự ý ông và tôi tùy ý nhận hay không. Vài ngày sau, Khâm Sứ Bắc kì mời tôi để ý Toàn quyền. Lần nầy, chính thức tôi nói mong chính phủ Pháp đổi hẳn chính sách đối với các nước Đông Dương thì những người mới như tôi mới hợp tác về chánh trị được.

Hơn một năm sau, người Việt và người Pháp sắp gặp mặt nhau trở lại để bàn định tương lai của nước Việt Nam, nhưng lần nầy địa vị ngang nhau: sứ giả đối phương của hai nước. Tôi sẽ có ít nhiều ảnh hưởng đến kết quả Hội nghị. Mong vậy, tôi nhận tham dự phái đoàn đi Đà Lạt.

*

Phái đoàn Đà Lạt gồm 12 đại biểu, 12 cố vấn.

Ngoài trưởng đoàn Nguyễn Tường Tam và phó trưởng đoàn Võ Nguyên Giáp, các đại biểu là Trịnh Văn Bính, Cù Huy Cận, Hoàng Xuân Hãn, Vũ Văn Hiền, Vũ Hồng Khanh, Trần Đăng Khoa, Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Luyện, Phạm Ngọc Thạch, Bùi Công Trừng và Nguyễn Mạnh Tường.

Cố vấn là: Tạ Quang Bửu, Kha Vạng Cân, Kiều Quang Cung, Đinh Văn Hớn, Phạm Khắc Hòe, Nguyễn Văn Huyên, Hồ Đắc Liên, Phan Văn Phác, Nguyễn Văn Tình, Nguyễn Duy Thanh, Nguyễn Tường Thụy và Hồ Hữu Tường.

Trong khi chọn lọc ủy viên, chắc chính phủ đã chú ý chọn những nhân vật có tiếng ở miền Nam về chuyên môn và chính trị. Trong các nhân viên giúp việc cho phái đoàn có: Trần Văn Tuyên về nội vụ và lễ nghi, Võ Hữu Thu về văn phòng, Duông về vô tuyến truyền tin, một sĩ quan bảo vệ Võ Nguyên Giáp. (Tôi chỉ ghi tên và quên họ).

Từ ngày 19 tháng 3, Bộ Ngoại Giao đã lập ban nghiên cứu Hiệp định Sơ bộ, để định nghĩa những chữ dùng trong đó và lập những bảng kê một chương trình yêu sách tối đa, còn mực tối thiểu thì sẽ có Hội nghị Paris sau nầy và chính phủ định đoạt. Đại khái, ủy ban đề nghị rằng:

*Nước tự do* là một nước có đủ các cơ quan tự chủ để sinh tồn và bảo vệ; chỉ ràng buộc bởi những hiệp ước với các xứ Liên bang Đông dương và Pháp.

*Liên bang* sẽ tạo thành bởi những dây liên lạc định rõ ràng: liên hiệp quan thuế, hiệp ước tiền tệ, hiệp định vận tải, bưu điện, công tác có ích chung, hoặc có nhận thì yêu cầu nguyên tắc lập theo dân số ở trong các xứ Liên bang.

*Liên hiệp Pháp* là liên hiệp về văn hóa, kinh tế và về ngoại giao với nước ngoài Liên hiệp. Sẽ yêu cầu có đại sứ ở đâu cần, nhất là ở PARIS có đại biểu đặc biệt, nhưng Việt Nam cam kết không kí hiệp ước gì với nước ngoài làm trái quyền lợi Pháp.

Được tin sáng ngày 16 tháng tư sẽ có máy bay Pháp đưa đi Đà lạt. Ngày 15, soạn sửa va li: vài bộ áo rét, một ít vật dụng. Chiều, bốn giờ, Chính phủ

họp phái bộ để dặn dò.

Cụ Chủ tịch dặn phải trù bị mọi việc cho thận trọng, vì hội nghị nầy sẽ có ảnh hưởng lớn về sau. Nguyên tắc Chính phủ đặt ra là:

1.— Hết sức đoàn kết từ ý kiến đến hành động;

2.— Hết sức cẩn thận;

3.— Giữ bí mật;

4.— Trước lúc tuyên ngôn gì với đại biểu Pháp, phải thảo luận trước;

5.— Sau khi thảo luận với đại biểu Pháp một vấn đề gì, lúc về phải cùng nhau kiểm thảo lại để xem lẽ mình thắng hay bại ở chỗ nào;

6.— Mỗi khi thảo luận, nên chia ra làm ba nhóm: xung phong, hậu thuẫn và trừ bị. Cụ Chủ Tịch nói: "Phải có người đấm, người xoa".

7.— Mình chỉ xướng ra những vấn đề quan trọng. Ngoài ra, để đại biểu Pháp đặt đề ra;

8.— Khi gặp vấn đề gì hai bên chưa thỏa thuận với nhau, thì để tách nó ra; chứ đừng nói để hỏi ý kiến chính phủ, vì nếu làm vậy thì sẽ thất chính phủ vào việc đàm phán nầy (ý là hội nghị nầy chỉ là sơ bộ; ta dự là để tùy ý D'-Argenlieu, chứ chính phủ chỉ tham dự chính thức vào hội nghị sẽ nhóm tại Pháp).

Cụ phó chủ tịch (1) can thiệp vào, hỏi: "Về vấn đề Nam bộ thì nghĩ thế nào?" Theo bút kí của tôi chép liền lúc bấy giờ thì Chủ tịch trả lời: "Không nên nêu vấn đề đình chiến". Có lẽ bấy giờ Cụ đã nghĩ rằng sự tác chiến tiếp tục ở miền Nam là hậu thuẫn cho Hội nghị chăng? Trái với ý trên, trong khi hội đàm, vấn đề đình chiến ta sẽ nêu ra và sự tranh thủ rất là gay gắt mà phái đoàn Pháp nhất định không chịu nhận bàn.

Cụ Huỳnh lại dặn: "Về hòa ước Trung Pháp, ta đừng tỏ ý kiến gì".

Cụ Hồ nối lời dặn. Về Hiệp định sơ bộ, đại để phải giữ những lập trường sau nầy:

1.— *Nước tự do* (Etat libre).— Phải nói rõ trình độ tự do; nhất là về lãnh thổ, phải có thống nhất toàn chỉnh.

2.—*Liên bang* (Fédération).— Liên bang Đông Dương chỉ có về mặt kinh tế mà thôi. Nhất định không nhận Chính phủ Liên bang.

3.— *Liên hiệp* (Union).— Nhận tự do liên hiệp với Pháp, nhưng quyền hạn và nhiệm vụ của Việt Nam phải định rõ. Việt Nam phải được quyền thảo luận và biểu quyết trong sự định đoạt ở Liên hiệp. Về ngoại giao ta phải có tối thiểu: là ngoại giao độc lập với các nước lớn ANH, MĨ, TRUNG, NGA và các nước láng giềng XIÊM, ẤN, PHI LUẬT TÂN. Pháp phải giới thiệu nước ta vào ONU.

Về tài chánh, phải có ngân hàng, tiền tệ;

Về kinh tế thì chủ quyền kinh tế phải thuộc nhà nước;

Về quân sự thì không chịu quân sự liên bang. Phải định rõ số lượng quân Pháp, nhiệm vụ, các địa điểm đóng quân và thời gian đóng quân.

Kết luận, Chủ tịch dặn: "Cần căn cứ vào Hiệp định sơ bộ để đi đến cộng

tác thực thà với Pháp".

Nguyễn Tường Tam trả lời thay cho phái đoàn: "Xin cảm ơn Chính phủ đã đề cử chúng tôi đàm phán. Xin hứa sẽ làm tròn nhiệm vụ và yêu cầu chính phủ điều khiển nhân dân ủng hộ phái đoàn, và yêu cầu các đảng phái đoàn kết".

Phó trưởng đoàn, Võ Nguyên Giáp, cũng biểu đồng ý rồi thêm rằng: "Về việc các đại biểu đoàn kết với nhau, thì không đáng lo. Còn về phần đảng phái đoàn kết thì hai đảng phái đã quyết nghị thống nhất bộ đội".

Cuối cùng, cụ Huỳnh Thúc Kháng tuyên bố: "Khi nào anh em muốn được ủng hộ, thì tôi có thể họp đông dân chúng được liền".

Sau hơn sáu tháng đảng tranh, thấy bây giờ ai cũng đồng lòng nghĩ đến tổ quốc trước hết, tôi rất cảm động và nghe như đang sống một phút thiêng liêng, và nhớ lại lúc nhận cùng cụ Trần Trọng Kim họp chính phủ tự lập đầu tiên để tìm phương phục sinh cho dân nước.

*

Năm giờ rưỡi sáng ngày 16 tháng tư, phái đoàn hội tụ ở phủ Bắc bộ, trước khi lên đường. Cụ Chủ tịch, cụ Huỳnh và một vài bạn thân nhân viên phái đoàn tới tiễn chân. Một chi tiết đặc biệt: Chính phủ phát cho mỗi nhân viên một món tiền, 20 tờ bạc một trăm. Tuy rằng ăn ở tại Đà Lạt đã được Cao Ủy Pháp mời, nhưng số tiền ấy giữ để phòng có sự bất trắc. Nếu không cần tới thì lúc về lại nộp lại cho chính phủ. Không khí thật có vẻ gia đình, y như đàn con được cha chú tiễn chân khi sắp trẩy.

Ra đến trường bay Gia Lâm, thấy *Phái đoàn thân thiện* đi Paris đang sắp sửa lên máy bay. Các máy bay bấy giờ là do chính phủ Pháp cho mượn. Chúng tôi lên một chiếc Junker là tàu bay chở binh của Đức mà Pháp đã tịch thu. Thứ tàu ấy có ba động cơ, thân vuông, lại hay hỏng máy, cho nên bấy giờ được đặt tên chế diễu là cái *quan tài bay*. Trong lòng tàu trang bị cực sơ sài, chỉ có hai cái ghế dài hai bên như trong chiếc xe đò ở bên ta. Bay thì không quá ba nghìn thước và tốc độ chỉ chừng 200 kí lô mét mỗi giờ.

Chúng tôi lục tục lên tàu, một người có vẻ khác mọi người là vị sĩ quan ngồi kèm Võ Nguyên Giáp, mặc binh phục mầu vàng, mang nhãn hiệu sao vàng ở mũ và khẩu tiểu liên làm phồng to cái bao da áp đùi. Mỗi người chỉ đem đi một cái va li nhỏ. Võ Nguyên Giáp có cái cặp da căng bởi giấy tờ. Đặc biệt nữa là có cái hòm to dài rất nặng; đó là cái máy vô tuyến điện thu phát tin tức mà kĩ sư Tình phụ trách mang theo.

Mặt trời đã cao, trời nửa nắng nửa mây. Tám giờ kém hai mươi, máy bay tôi ngồi bắt đầu chuyển máy. Mười lăm phút sau máy bay lìa đất, lượn nửa vòng sang bên sông Nhuệ rồi bay về hướng Nam. Đấy là lần đầu tiên, tất cả chúng tôi được nhìn "đất nước" của ta từ trên không trung. Ai nấy đều quay đầu nhìn qua những cửa sổ nhỏ: phong cảnh thật là tuyệt đẹp: đồng vàng,

sông đỏ, làng mạc xanh thắm. Trông xa ở chân trời núi non lam nhạt. Lòng yêu nước càng nồng và sực nghĩ thấy nỗi lo mất nước càng mạnh. Phút chốc hình non sông đã biến; máy bay đang vượt dặm trên từng mây trắng trải mênh mông. Một giờ sau, ngoài khung cửa kính, thấy le te mấy hòn đảo, lốm đốm bóng thuyền rải rắc trên nền nước xanh. Lấy chừng giờ bay, đoán đang lướt trên cửa Biện là một cửa bể và thương phụ có tiếng đời xưa ở chỗ ranh giới hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An. Máy bay vẫn giữ hướng Nam, lục địa xa dần về phía phải. Chín giờ băm bảy phút, máy bay vòng vào phía đất. Giáp nước xanh; từ từ hiện rõ một cái thành vuông; đường sá, sông ngòi, nhà cửa trông rõ và xinh như vẽ. Đó là tỉnh thành Hà Tĩnh, tỉnh quê của Cù Huy Cận, Phạm Khắc Hòe và tôi. Cố rán nhìn về phía Bắc: đây là núi Hồng Lĩnh, xa hơn nữa hình như thấy vết sông Lam. Các làng chúng tôi xúm xít ở đâu về phía ấy. Rồi máy bay lên cao trở lại, vượt núi Truông Bát, vào đất anh dũng Hương Khê, chỗ nghĩa quân của Phan Đình Phùng đã đánh mấy trận cuối cùng với kẻ ngoại xâm.

Máy bay vẫn ỳ ạch gắng lên cao, chui qua truông Mụ Già đến địa phận Cam Môn, Cam Cát. Núi rừng mù mịt một mầu xanh thẳm, thỉnh thoảng hiện ra mấy lườn núi đá đen sì, vạch trên nền xám. Sông ngòi vô tận, quanh co chia rìa như đường sống lá cây.

Mười giờ năm mươi, đã thấy sông Khóng phía xa, và con đường quan lộ thẳng ro. Máy bay sà xuống thấp, lướt trên đồng ruộng ướt, rải rác nhà chòi, qua sông rồi vòng trở lại hạ cánh trên một bãi cỏ rộng: sân bay PAKSE. Mười một giờ năm phút. Bay mất ba giờ, vượt được sáu trăm năm mươi cây số. Thế mà máy đã hết hơi, phải dừng lại nghỉ.

*

Chúng tôi xuống duỗi chân. Bên cạnh sân bay, có quán bán thực phẩm cho lính Pháp. Chúng tôi mua bánh mì và cá hộp để ăn trưa. Một giờ mười lăm, lại lục tục trở lên ngồi trên ghế sắt trong tàu, đợi khi tàu cất cánh. Nhưng phi công tới bảo phải đi xuống vì động cơ giữa chết, đang phải gọi máy bay khác tự Sàigòn lên đón. Quan binh chức trách Pháp tới sân bay đem tất cả phái đoàn về nghỉ đêm tạm ở nhà khách của tỉnh Paksé.

Chúng tôi rủ nhau đi dạo trên đường phố. Dọc sông, đường khá rộng, nhà cửa sạch sẽ. Trông sang bên kia sông Khóng, thấy có hai quả núi; một quả đầu bằng như núi Ngự Bình. Nhân dân phần nhiều ngồi xổm trước cửa, lố mắt nhìn lũ Việt Nam nầy, lang thang trên mặt đường, ăn bận âu phục lịch sự; lại có một võ quan mũ mang nhãn hiệu tròn nền đỏ, sao vàng, bao súng áp đùi, kè kè bên cạnh một chàng trán rộng mắt sắc, xách kệ nệ một cặp sách kếch xù! Tôi đi chậm lại, lẻ một mình ở sau để quan sát dễ dàng. Có người dân đứng lấp ló trong cửa nhìn ra, xem ra dáng người Việt. Tôi vờ hỏi thăm đường, rồi nhân hỏi thăm tình trạng người Việt bên ấy, nhất là tin tức những

"*thanh niên tiền tuyến*" ngày trước đã phái sang Lào nhiều. Người kia cho biết rằng người Việt đã phải chạy sang Xiêm đến hai phần ba, nhưng ở lại còn đông. Sự buôn bán vẫn ở tay người Việt quê Bắc bộ, hoặc quê Vinh và Bình, Trị, Thiên.

Một bọn lính Pháp từ trong một tiệm rượu thất thểu đi ra, chuyện trò như cãi cọ, tiến gần đến phía sau tôi. Tôi để ý nghe. Một người nói: "Cho hai quả lựu đạn thì hết điều đình! — *Deux grenades dedans et finies les négociations*" Tôi cố trấn tĩnh nhưng quay lại thấy có đứa mang đủ vũ khí ở người. Tôi sợ chúng có thể làm càn, nhất là nếu chúng chạm trán với viên võ quan Việt quốc quân. Tôi cố ý đi chậm lại để nghe thêm. Một tên lính khác nói: "Phải buộc tất cả chúng nó vào cột bắn. — *Il faut les mettre tous au poteau*". Tôi lanh ý, muốn kìm chúng lại, để các nhân viên, nhất là viên đại úy và Võ Nguyên Giáp, đi cách xa. Bấy giờ chúng tiến đến ngang tầm tôi. Tôi vẫn thản nhiên đi lẫn với chúng. Tôi quay đầu lại tên vừa nói câu trên và nhẹ nhàng hỏi: "Anh nói vậy là nói cho tôi à? — *Vous dites cela pour moi?*" Người ấy trả lời: "Nếu anh là Việt Minh thì ừ! — *Si vous êtes Vietminh, oui!* Anh có phải là Việt Minh không? — - *Est ce que vous êtes Vietminh?*"

Tôi nhận thấy nó không xưng mình bằng "mầy", và xem bọn lính này rất trẻ, mặc mũi tuy ngang tàng như con trai trẻ tinh nghịch, nhưng không có tinh thần ác như một số lính mũ đỏ đã thấy ở trên đường Hà Nội. Tôi bèn trả lời: "Việt Minh là một đảng chính trị. Đây là người của chính phủ Việt Nam, mà chính phủ Việt Nam đã kí một hiệp ước hòa bình với chính phủ Pháp".

Một người lính khác hỏi: "Các anh đi đâu?" Tôi đáp: "Chúng tôi đi Đà Lạt để bàn luận chi tiết về Hiệp Định ấy. Chúng tôi dừng lại đây vì máy bay hỏng động cơ".

Một người thứ ba nói: "À! Chúng nó đi hội đàm với phái đoàn Pháp tại Đà Lạt".

Tôi đã đứng lại trong khi nói chuyện với bọn lính nầy. Chúng đứng xúm xung quanh. Các nhân viên Phái đoàn đã đi xa không ai nhìn lại sau, nên không biết chuyện. Tôi lại bước đi rất chậm và tiếp tục nói chuyện một cách hồn nhiên. Tôi nói: "Chúng ta giết nhau thì thật là ngu — *C'est idiot de nous entretuer*". Một người lính Pháp nói: "Chúng tôi vừa bị tập kích khoảng giữa Savanakhet và... (tôi không nghe rõ). Một xe bị bắn".

Tôi phải lựa lời để làm quên câu chuyện: "Đó chắc là có sự hiểu lầm. Chúng tôi sẽ bàn về chuyện đình chiến... Nầy! các anh có mặt ở Paris ngày Paris được giải phóng không?" Phần lớn trả lời rằng có. Tôi nói tiếp: "Các anh khi ấy nghe sung sướng nhỉ! Đã vậy thì các anh hiểu rằng bây giờ đánh người Việt Nam là vô lí — *Vous comprenez alors qu'il est absurde de faire la guerre aux Vietnamiens*" Chúng đều im. Bấy giờ coi bộ chúng hơi thắc mắc. Tôi nhân đó, chào rồi tháo vòng vây. Chúng rẽ ra để tôi đi về chỗ nhà trọ.

Ấy là một cái nhà gạch nhỏ, mà hồi trước Công sứ Pháp dành cho những khách Pháp đi qua Paksé phải trú lại ban đêm. Chung quanh có vườn nhỏ và

có tường thấp. Trong nhà thì trống không, không cửa đóng. Nhà binh Pháp cho mượn ghế bố và chăn. Nhân rỗi chúng tôi họp bàn sửa soạn công việc mọi người phải làm khi đến Đà Lạt và chia trách nhiệm tổ chức: *Hòe* coi bí thư, *Thu* thường thư, *Tuyên* nội vụ và điển lễ. *Khoa liên lạc địa phương có Hòe giúp (Hòe trước có làm quản đạo Đà Lạt và Khoa làm kĩ sư vùng nầy), Cận* điều tra, *Tình* và *Thanh* việc liên lạc xa bằng vô tuyến điện. *Mạnh Tường* và *Huyên* là phát ngôn nhân. *Tam, Giáp, Hãn, Hiền, Trừng* dự tiểu ban thảo những tuyên ngôn. Riêng tôi được giao công việc liên lạc thường trực.

Lại dự bị khi tới thì đặt vòng hoa ở nghĩa địa ta, Hòe sẽ hỏi chương trình Pháp đề nghị và định rằng khi gặp Phái đoàn Pháp, nếu D'Argenlieu diễn thuyết thì Tam sẽ trả lời vắn tắt mà thôi.

Giời gần tối, Giáp lại nằm trên ghế bố cạnh Mạnh Tường và tôi, trông ra vẻ rất tư lự, chắc vì việc chính trị và quân sự chung, nhưng có lẽ cũng vì câu chuyện tụi lính ban chiều mà tôi đã kể lại. Còn Mạnh Tường thì vẫn tươi cười đùa bỡn như ngày thường. Giáp kể chuyện Chiến khu, và nói: "Phong cảnh chiến khu rất đẹp. Đời sống ở đó say sưa. Lúc về, thế nào tôi cũng sẽ đưa các anh lên thăm chiến khu". Tôi không nhớ câu chuyện dây dưa thế nào mà Tường nói bông rằng: "Anh Giáp phải lấy vợ". Giáp cũng đùa rằng: "Nhờ các anh kén cho". Tường nói buột ra tên một cô Phụ nữ Cứu quốc có tiếng đang thời. Giáp coi vẻ ngạc nhiên, chỉ cười nhạt. Rồi Tường lại nói về tướng số. Cuối cùng Tường nói: "Nghe nói Hãn có lá số tốt, nhưng bị thiếu mất một ngôi sao". Tôi không thể giữ miệng, liền nói đùa: "Một ngôi sao vàng!" Tường im lặng. Giáp cười nửa miệng. Tôi phải đỡ lời: "Đó là nói đùa cho vui. Chúng ta đều đang lo cho số mệnh nước".

Lần nầy là lần đầu tôi biết cá nhân Võ Nguyên Giáp. Trái với tiếng đồn là người róng riết, Giáp đã tỏ thái độ nhã nhặn, có tình cảm nhiều, nhưng ý tưởng thì rất cương quyết. Trong hơn ba tuần ở cùng nhau, làm việc cùng nhau xa không khí sôi nổi ở thành thị dưới đồng bằng, tôi đã nhìn thấy rõ cái bản lệnh đặc biệt của nhà cách mệnh trẻ tuổi nầy.

Giời tối đã lâu, có lính tới gác ở ngoài và viên đại úy Pháp tới thăm; ngồi ghế vải nói chuyện nhàn đàm đến khuya mới về. Rạng ngày, ông ta lại đến thăm, hỏi ngủ có ngon giấc không, và cho biết rằng tối hôm qua có tụi lính nhảy dù qua đây chực tới hành hung Phái đoàn, cho nên ông ta phải đem lính tới canh và ngồi lại khuya như thế. Ông ta nói: "cả đêm tôi ngủ không yên".

Đợi cả buổi sáng ngày 17 mà không thấy máy bay tới. Chúng tôi bàn tính việc điều đình. Quá trưa mới ra phi trường.

Một giờ chiều, máy bay lại cất cánh, rồi tiến thẳng hướng Đông Nam, cũng một Junker, nhưng nghe nói tàu này chỉ bay được 165 cây số mỗi giờ. Trông xuống đất, chỉ thấy mông mênh rừng thẳm xám xanh, thỉnh thoảng có vạch đường cong queo sắc bạc bởi dòng nước của sông ngòi. Một lúc gặp bức tường mây trắng xóa. Tàu lắc lư gắng vượt lên cao. Trong tàu ai cũng nôn nao. Muốn nói chuyện phải ghé miệng vào tai mà nói lớn. Hết rừng rậm đến

rừng khô, rồi đến cao nguyên cỏ bụi. Máy bay bắt mối được một ngọn sông chảy từ Bắc xuống Nam. Rồi thấy có hồ dài, có đường quanh co. Tàu đâm đầu xuống một quả núi cây, rồi trượt trên một bãi cỏ dốc. Đó là sân bay Liên Khang gần phía Nam Đà Lạt. Đồng hồ chỉ bốn giờ mười lăm.

Mấy người của chính quyền Pháp chực đó, đón Phái bộ. Hai ba phóng viên báo tiến tới phỏng vấn đoàn trưởng. Trong đó có một cô gái Việt, người đẫy đà, mặc áo dài chấm gót, màu sặc sỡ, bó sát thân. Trông mặt mày vẽ phấn tô son ghê tởm. Chúng tôi suốt một năm nay đã sống trong không khí hồi hộp và trong trẻo, chỉ thấy những kẻ tranh giành độc lập cho xứ sở; mà phút chốc đứng trước cảnh tượng một cô gái Việt theo hùa người Pháp, thì thấy tự xấu hổ cho người mình. Cù Huy Cận đi cạnh tôi, nói nhỏ với tôi rằng: "Việt gian no béo thật!" Rồi đi sau cô. Thấy mình cô vặn vẹo chồng chềnh trên đôi giày cao gót bước trên bãi cỏ, nhà thi sĩ vui đùa nhắc lại bài thơ *Le Bateau ivre* (con thuyền say sóng) của thi nhân Pháp Rimbaud.

Ô tô nhà binh Pháp đưa về Đà Lạt cách sân bay ba mươi cây số. Dọc đường nhận thấy đường và các cầu không bị hư hỏng. Phái đoàn được đưa về khách sạn Langbian, dựng trên đồi cao ngoảnh mặt xuống hồ, trừ đoàn trưởng sẽ ở phòng đặc biệt tại khách sạn sang hơn, là khách sạn Hoa Viên (Hotel du Parc). Bấy giờ khách sạn mới mở lại, các phòng trống không, thiếu hết mọi đồ dùng. Trời khá lạnh. Thay quần áo ấm rồi xuống họp ở phòng khách, nghe ngóng tin tức.

*

Thoạt tiên, những tin Pháp cho biết đều báo hiệu nhiều sự không hay. Một viên công sứ cũ, phụ trách đón tiếp, cho hay rằng đã dành riêng hai phòng lịch sự nhất ở khách sạn Hoa Viên cho hai chủ tịch Phái đoàn: Nguyễn Tường Tam và Max André, và một phóng viên Pháp nói: "Ngày mai, trước khi Phái đoàn đi chào Cao Ủy, tôi xin phép chụp tấm ảnh".

Bấy giờ mới biết rằng Pháp đã thay thế đoàn trưởng và họ đã đặt chương trình hành động mà không hỏi ý mình. Phái đoàn mình có Bộ trưởng Ngoại giao cầm đầu, thì tất nhiên phái đoàn Pháp ít ra cũng có Cao Ủy Pháp chủ tịch. Trái lại họ đã định hạ Phái đoàn mình vào hàng đại biểu địa phương trong xứ Đông Dương và đã đặt Cao Ủy trùm lên trên hai Phái bộ. Sự tranh thủ đầu tiên của Phái bộ ta là giữ vững lập trường quốc tế ngang hàng với Pháp trong khi điều đình, nghĩa là khi chưa qui định tổ chức Liên bang và Liên hiệp. Còn Chính quyền Pháp thì vẫn coi người Việt là đàn trẻ "chơi trò độc lập". Họ cố ý đánh đòn tâm lí đầu tiên hoặc để thử tinh thần chống cự của dân ta, hoặc để làm át thế và ức chế lòng tin tưởng của ta.

Quả như vậy. Sáng ngày sau, 18 tháng tư, Chính quyền Pháp tới khách sạn đòi trục xuất *Tạ Quang Bửu* và một người tên *Chi* lên để giúp Trần Đăng Khoa trong sự giao thiệp với người địa phương. Họ lấy cớ rằng các người ấy

không có tên trong sổ dự định trước. Đối với Bửu thì họ nhận để ở lại, tuy họ sợ có liên lạc với quân đội kháng chiến ở vùng nầy. Còn đối với Chi, thì nhất định họ đem đi. Thế mới biết thám tử của họ ở Hà Nội đã cho họ biết rõ nhiệm vụ từng phái viên ta. Tôi còn nhớ rằng trong khi họp bàn đến Hội nghị Đà Lạt và các vấn đề khác ở trong ban *Kiến Thiết*, Võ Nguyên Giáp một hôm ra hiệu cho tôi cùng đi ra ngoài phòng; rồi bảo tôi rằng: "Hôm nay, anh đừng nói gì về những việc quan trọng, vì có kẻ rình nghe" Tôi rất ngạc nhiên và trả lời: "Ở đây chỉ có người trong Chính phủ và người được chính phủ đã chọn" Giáp bảo thật tôi rằng: "Có bác sĩ kia, Pháp đã cho lọt vào Đồng Minh Hội. Chúng tôi biết chắc rằng những chuyện bàn ban ngày trước mặt anh ta, thì tối phòng Nhì quân đội Pháp đã biết" Tôi im, nhưng cũng chưa tin chắc hoàn toàn. Chuyện trục xuất nầy chứng tỏ Pháp có tay trong. Rồi sau nầy, sau ngày chiến tranh Pháp Việt bùng nổ ở Hà Nội, vào tháng Chạp, quả nhiên bác sĩ kia được huy chương và cất làm trưởng Hội đồng An dân, nhưng rồi bị ám sát mấy tuần sau.

Đại diện Pháp tới bảo: mười giờ, hai phái đoàn sẽ đi chào đô đốc D'-Argenlieu rồi mười một giờ họp toàn thể đại hội. Ta không bằng lòng. Thế là khi chưa bắt đầu hội nghị, hai bên đã cãi găng. Ta nói: "Ông Tam sẽ lên thăm ông Đô đốc". Đại biểu Pháp đáp: "Thì để cả ông Max André cùng tới một lần".

Ý bên Pháp muốn coi Đô đốc là chủ trùm cả hai phái, mà ta chỉ nhận Đô đốc là trưởng đoàn Pháp mà thôi. Nhưng cũng phải tìm cách hòa giải, bèn đề nghị: "Ông Tam sẽ tới thăm Đô đốc, rồi đô đốc sẽ cho biết rằng vì bận việc nên sẽ giao quyền cho ông Max André cầm đầu phái đoàn Pháp. Trong thông cáo sẽ có lời sau nầy: *M. TAM a eu une première entrvue l'Amiral D'ARGENLIEU. Les Deux chefs de délégations ont arrêté en commun le programme de travail des deux délégations. Monsieur l'Amiral a présenté à M. TAM son remplacant, M. Max ANDRÉ, à la tête de délégation francaise — Ông Tam đã hội kiến lần đầu với Đô đốc D'Argenlieu. Hai trưởng đoàn đã định chương trình công tác cho hai phái đoàn. Ông Đô đốc đã giới thiệu với ông Tam người thay thế mình, ông Max André, cầm đầu phái đoàn Pháp*".

Bên Pháp tạm nhận đề nghị, nhưng yêu cầu tất cả Phái đoàn ta sẽ tới liền sau đó, vì "Champagne sẵn sàng rồi!"

Trong khi bàn luận lôi thôi, Pignon, phái viên chính trị của Đô đốc, tới nói chuyện với Nguyễn Tường Tam. Theo lời Tam báo cáo thì Pignon đã cho hay rằng: Đô đốc nhất định phải giữ danh hiệu Cao Ủy, nhưng trong thông cáo có thể xưng là Đô đốc Trưởng đoàn Pháp và Cao Ủy Pháp. Còn về thông cáo thì cả hai bên đều bằng lòng mới tuyên, nếu không thì thôi. Pignon lại cho hay rằng Đô đốc mời ăn cơm trưa.

Sự cãi cọ gay go cả buổi sáng làm không khí khá căng thẳng, vì phủ Cao ủy đã cho các nhà báo biết trước chương trình mà họ đã tự định cho công việc sáng nay. Các phóng viên Pháp và Mĩ cứ kèo nèo hỏi tại sao không thấy

họp toàn thể hội đồng như đã định. Ta chỉ trả lời rằng chưa có dự định gì.

Lúc 12 giờ rưỡi, thấy có tuyên ngôn của Cao Ủy trách (2). Lời rằng:

"Theo tục lệ quốc tế, Cao Ủy Pháp, đại diện chính phủ Cộng Hòa, đã đợi ông Nguyễn Tường Tam bộ trưởng bộ Ngoại giao, trưởng Phái đoàn của chính phủ Cộng Hòa Việt Nam, lúc 10 giờ 45 phút. Ngoài sự yêu cầu về điển lễ, sự tiếp kiến nầy đáng lẽ là dịp để giới thiệu cho ông ấy ông MAX ANDRÉ, là phó chủ tịch hội đồng quận hạt quận Seine, đại diện bộ Ngoại Giao và bộ Binh, đã được chọn để làm chủ tịch phái bộ Pháp. Phái đoàn của Cộng Hòa Việt Nam cũng đáng lẽ được dẫn yết bởi chủ tịch đoàn.

"Bây giờ là 11 giờ 45 phút, các nhân viên Phái đoàn Pháp đã hội họp để đón tiếp các đồng liêu họ ở Hội phòng.

"Nếu tình trạng nầy kéo dài, thì chỉ tổn hại cho công tác của Hội nghị. Vậy, Cao Ủy ngỏ cùng Bộ trưởng Ngoại giao Cộng Hòa Việt Nam, một lần nữa, ý nguyện tiếp ông liền bây giờ để gây nên một hoà khí thuận lợi cần thiết."

Ta giả lời rằng sở dĩ có sự so le là vì Phái đoàn Pháp không dự định gì trước với Phái đoàn Việt Nam. Nhưng trưởng đoàn Nguyễn Tường Tam sẽ lên thăm Đô đốc, lấy nguyên tắc đoàn trưởng thăm đoàn trưởng. Rồi một giờ chiều, D'Argenlieu tiếp Nguyễn Tường Tam và giới thiệu Max André, và cũng nhận nguyên tắc trong hội nghị không cái ai làm chủ cả hai bên, và trong các buổi họp, mỗi bên lần lượt chủ tọa.

Một giờ rưỡi, Đô đốc mời ăn ở dinh Cao Ủy. Đô đốc đọc diễn văn; Nguyễn Tường Tam trả lời vắn tắt nhưng đầy đủ. Bữa ăn xong, hai phái đoàn trò chuyện rất vui vẻ, như là đã không xẩy ra chuyện giằng-co gì. Rồi phát lời tuyên ngôn chung đầu tiên. Rằng:

"Sau khi nhiều chậm trễ trong sự thi hành chương trình Hội nghị trù bị, gây nên bởi máy bay hỏng ở PAKSÉ, ông Nguyễn Tường Tam, bộ trưởng bộ Ngoại Giao chính phủ Việt Nam, trưởng phái đoàn Việt Nam, đã tới nhã kiến Đô đốc D'Argenlieu, Cao Ủy nước Pháp, đại diện nước Pháp ở Đông Dương, trưởng phái đoàn Pháp.

"Cuộc đàm thoại đã triển khai một cách cảm thông và thân thiện tột bậc. Đô đốc đã thết một tiệc, trong bữa ấy hai phái đoàn đã gặp nhau. Cuối tiệc, Đô đốc đã mở lời để chào Phái đoàn Việt Nam, tỏ tiếc rằng chủ tịch Hồ Chí Minh không thể dự buổi khai mạc công tác; rồi giải thích tầm quan trọng mà Chính phủ Pháp đặt vào Hội Nghị Đà Lạt, lại giải rõ ý nghĩa các chữ Liên Bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp. Đô đốc cũng đã tuyên bố rằng sự tiếp dẫn tốt đẹp những công tác ở đây sẽ ảnh hưởng đến những kết quả tốt đẹp cho Hội nghị chính thức ở Paris. Trong khi tặng lời chúc cho hai Phái đoàn, Đô đốc đề xướng nâng cốc rượu chúc mừng chủ tịch Hồ Chí Minh và nước Dân Chủ Cộng Hòa Việt Nam.

"Ông Nguyễn Tường Tam cảm ơn trưởng Phái đoàn Pháp và tuyên bố rằng nhiệm vụ độc nhất của Phái đoàn Việt Nam là trù bị cho Hội nghị chính

thức Paris. Ông không muốn dự đoán những bàn luận sau nầy, vì đó là mục đích công tác của hai Phái đoàn; nhưng ông chắc rằng định ý của Phái đoàn Việt Nam, cũng như Phái đoàn Pháp, là đem hết tâm nguyện ra làm việc để lợi cho hai nước, nước Pháp và nước Việt Nam tự do trong khối Liên Hiệp Pháp theo đúng tinh nghĩa của Hiệp Ước mồng 6 tháng 3 năm 1946. Ông bèn nâng cốc rượu, biểu dương vinh dự của hai Phái đoàn, chúc Đô đốc mạnh khỏe và Hội nghị Đà Lạt thành công.

"Sau khi chuyện trò, những đại biểu hai Phái đoàn họp lại để bàn soạn lễ khai mạc Hội nghị. Theo lời ông Max André đề nghị, lễ nầy sẽ cử với trưởng đaòn Việt Nam làm chủ tọa. Đã định rằng mỗi một Phái đoàn sẽ sửa soạn trong hôm nay cái sổ kê những ủy ban sắp nhóm và những vấn đề mà mình thấy cần nêu ra.

Một Toàn Thể Đại Hội sẽ nhóm ngày mai, 19 tháng tư, vào chín giờ sáng ở trường Lycée Yersin. Hai Phái đoàn nhắm mục đích xáp lại những đề nghị của hai bên và điều hiệp lại".

Thông cáo trên tóm tắt đủ những sự kiện xẩy ra ngày đầu mà Phái đoàn ta phải chạm trán với Chính quyền Pháp ở Đông Dương và với Phái đoàn Pháp. Đô đốc D'Argenlieu là một người rất rắn rõi, độc đoán, bảo thủ, tự cao, nhưng cũng rất là nhã nhặn. Trong việc tiếp xúc với phái đoàn Việt Nam, ông bị chống lại. Chắc ông đã tức tối lắm, nhưng không hề để lộ sự giận trong khi tiếp Phái đoàn. Trái lại, tôi có cảm tưởng rằng ông đã hiểu rằng "tụi trẻ con" nầy không dễ ức chế; cho nên câu đầu ông nói trong buổi tiệc, là: "*La France prend au sérieux le Vietnam*", nghĩa là nước Pháp quan tâm đến nước Việt Nam, với ý rằng coi đó là một nước thật, chứ không phải là một sự đùa trẻ con. Nhưng liền sau đó, ông đã nhấn mạnh vào chế độ chính trị của Liên Bang Đông Dương.

Còn Phái đoàn Việt Nam, trong bữa tiệc cũng vẫn tranh đấu. Phái đoàn đã dự định rằng trưởng đoàn sẽ trả lời Đô đốc bằng tiếng Việt để tỏ ý chí độc lập của dân tộc. Khi Nguyễn Tường Tam đứng dậy đáp lời, biết rằng tâm lí Việt vẫn găng, những người Pháp trong tiệc bắt đầu hơi khó chịu. Nhưng liền sau, Nguyễn Mạnh Tường đứng dậy ở cuối bàn, nét mặt tươi cười, dịch lời trưởng đoàn ra tiếng Pháp, một cách chải chuốt, thanh nhã, hùng hồn, thì ai nấy cũng quay nhìn với vẻ ngạc nhiên và thích thú. Không khí khác hẳn. Một phái viên Pháp khen nức nở, quay hỏi tôi dịch giả là ai. Sau khi tôi cho biết đó là một tiến sĩ văn khoa và luật khoa, ông ta bảo đùa với tôi rằng: "Ông ấy Pháp hơn người Pháp, như hầu hết các anh. Chắc điều đình sẽ không khó" Tôi đã trả lời: "Với các ông thì chắc không khó, nhưng với Chính quyền Pháp thì không biết sẽ ra sao".

Chiều hôm ấy, còn dư thời giờ; một số phái viên đi du lịch thăm cảnh đập nước và nhà thủy điện Angkroet. Chính quyền để ba ôtô cho Phái đoàn dùng. Đường sá xấu. Dọc đường nhiều nhà đóng cửa. Ít thấy bóng đàn ông. Chúng tôi có dừng lại thăm làng Nghệ Tĩnh mà chính Phạm Khắc Hòe đã lập, khi

làm quản đạo tại đây. Làng vắng tanh, chỉ còn một ít đàn bà trẻ con.

Tối, kiểm điểm lại công việc hôm đầu, thấy Phái đoàn mình đã làm trọn nghĩa vụ không hao tổn quốc thể, đã biết cương quyết và hòa nhã. Tuy những sự vật tranh đấu không quan trọng về công tác điều đình, nhưng về đại thể, Phái đoàn đã tỏ rõ thái độ của một nước tự do không chịu nhận một điều gì mà mình không cùng dự định đoạt.

*(Xem tiếp kỳ sau)*

HOÀNG XUÂN HÃN

---

Chú thích

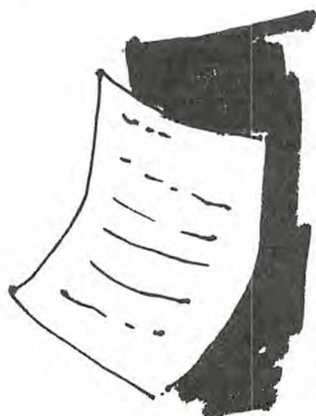
(1) Thực ra phó chủ tịch là Nguyễn Hải Thần, nhưng cụ Nguyễn đã tự bỏ chức vị để rút lui.

(2) Nguyên Pháp văn là: Selon les usages internationaux, le Haut Commissaire de France, Représentant du Gouvernement de la République, attendait M. Nguyễn Tường Tam, Ministre des Affaires étrangères, Président de la Délégation du Gouvernement de la République du Vietnam à 10 heures 45. Outre les exigences du Protocole, cette visite devait permettre de lui présenter M. Max André, vice président du conseil général de la Seine, Délégué du Ministère des affaires étrangères et du Ministère des Armées, choisi pour exercer la présidence de la Délégation francaise. La délégation de la République du Vietnam devait être pareillement introduite par son Président. Il est actuellement 11 heures 45, les membres de la Délégation francaise se sont réunis pour accueillir leurs collègues dans la salle de conférence.

Cette situation ne pouvant se prolonger qu'au détriment des travaux de la Conférence, le Haut Commissaire exprime au Ministre des Affaires étrangères de la République du Vietnam, une fois encore, le désir de recevoir dès maintenant sa visite, afin de créer le climat favorable indispensable.

# T

# thư học giả hoàng xuân hãn gửi nhà văn ngô thế vinh



LTS: *Tiểu thuyết* Vòng Đai Xanh *của Ngô Thế Vinh xuất bản tại Sàigòn năm 1973 và cuốn sách được gửi tặng giáo sư Hoàng Xuân Hãn lúc đó ở Paris. Tuy rất ít đọc tiểu thuyết nhưng ông đã rất chú ý tới nội dung chủ đề của cuốn sách. Sau đây là bức thư riêng GS Hoàng Xuân Hãn gửi cho tác giả VĐX qua tập san* Sử Địa.

*Với sự đồng ý của nhà văn Ngô Thế Vinh, tòa soạn* Hợp Lưu *cho phổ biến nội dung bức thư trong số báo chủ đề này như một bút tích của GS Hoàng Xuân Hãn đồng thời cũng là để ghi lại chi tiết trao đổi giữa GS HXH và Giáo sư người Mỹ tới thăm ông khi đề cập tới vấn đề Người Thượng và Tây Nguyên*

**Hợp Lưu**

*

PARIS ngày 15 tháng 3 năm 1971
Kính gửi ông NGÔ THẾ VINH

Thưa ông

Tôi đã nhận tập tiểu-thuyết VÒNG ĐAI XANH mà ông đã gửi cho tôi. Tôi rất cảm ơn, nhất là hình như tôi chưa từng có nhịp(1) quen ông, thế mà ông đã nghĩ đến tôi trong khi chọn độc-giả biệt-đãi.

Tôi không dám chắc, nhưng tôi nghĩ rằng ông đã chờ đợi ở tôi một kẻ có thể thông-cảm tâm-tình và ý-thức ông đối với vấn đề TÂY NGUYÊN và cử-

chỉ ngoại-nhân đế-quốc trong vấn đề ấy. Quả đúng như thế. Tuy rất ít đọc tiểu-thuyết, nhưng tôi đã đọc sách ông đến cùng mà không khi nào không chú ý. Ấy vì tôi mặc-tưởng đó không phải chỉ là một tiểu-thuyết, mà chính là một thiên phóng-sự trá-hình, hoặc là một thiên phóng-sự được tiểu-thuyết hóa. Một điều tôi mong được ông cho hay là các sự-kiện và biến-cố trong sách có hoàn-toàn thật không, và những nhân vật MỸ, VIỆT quả có không và tên thật là gì? Nếu không ngại lộ bí-mật nhà nghề và nếu có nhịp (1), thì xin ông cho biết những điều ấy.

Riêng tôi, ở PARIS, cách đây chừng dăm năm, một giáo-sư li-học (2) Mỹ, đã từng qua dạy ở SÀIGÒN, đã lại thăm tôi trên đường về Mỹ. Ông ta là một người phái chiến (3), gay-gắt với ta về mọi phương diện, nhưng có lòng thẳng-thắn, muốn nghe ý-kiến mọi người tuy là họ trái mình. Tôi đã quên tên ông ấy, nhưng tôi còn nhớ rằng ông ấy tới nhà tôi lúc 10 giờ khuya, trao đổi ý-kiến khắc-khe đến 1 giờ sáng. Lúc sắp đứng dậy ra về, ông ấy bảo: "Dẫu sao, người VIETNAM không có quyền áp bức người THƯỢNG". Tôi không xiết ngạc-nhiên khi nghe câu ấy, nhất là từ trước hai bên không hề nói đến chuyện người THƯỢNG. Nay đọc sách ông, tôi mới hiểu hết nghĩa câu người Mỹ ấy. Vì ngạc-nhiên nên tôi cảm thấy khó chịu, tôi đã bỏ thái-độ rất nhã-nhặn mà tôi đã giữ từ đầu. Tôi đã trả lời ông ta rằng: "Khi đã biết người Mỹ đã đối với dân-tộc INDIEN da đỏ thế nào, thì tôi lấy làm ngạc-nhiên khi nghe ông dạy chúng tôi cách cư-xử công-bằng với người THƯỢNG ở nước tôi". Ông ta không biết nói gì, hơi bẽ mặt với một sinh-viên VIỆT là người đã dẫn ông tới thăm tôi và nhất là đối với bà vợ trẻ cùng đi với ông ta. Ông ta phải cười gượng làm lành. Mong ông ta gẫm nghĩ kĩ bài học mà ông đã nhận trong khi ông muốn đi dạy người.

Nhân đọc sách ông, tôi có nhịp (1) nhắc lại câu chuyện cá-nhân ấy; tưởng nó cũng thêm vào hồ sơ của ông đối với câu chuyện phỏng-vấn hay điều-tra về TÂY NGUYÊN.

Một lần nữa tôi xin cảm ơn ông và xin chúc ông gặp mọi sự tốt lành và may mắn.

Hoàng Xuân Hãn

HOÀNG XUÂN HÃN
58 av. Th. Gautier Paris 16

T.B. Vì không có địa chỉ ông, cho nên tôi nhờ tạp-chí SỬ ĐỊA chuyển thư.

---

(1) *Nhịp*: *dịp* (chúng tôi không rõ có phải lối phát âm theo giọng Nghệ chăng?).

(2) *Li học*: Nhà văn Ngô Thế Vinh và tòa soạn không rõ là môn học gì. Rất mong độc giả chỉ giáo.

(3) *Phái chiến*: phe Diều Hâu, đối lập với phe Phản Chiến.



**HOÀNG XUÂN HÃN**

# tết năm canh dậu

*CANH THÂN đông đã qua rồi*
*Này năm TÂN DẬU tiết trời sang xuân*
*Âm dương khí vận xoay vần*
*Ấm dần tan bớt, dương lần tỏa thêm*
*Âm dương giao tiếp êm đềm*
*Thế mà Nhân-loại vẫn hiềm ghét nhau*
*Đói trông thế-cuộc hoàn-cầu*
*Gờm NGA, MỸ bỗng ra mầu hăm-de*
*Đôi bên đấu khẩu không dè*
*Đống bom nguyên-tử gầm-ghè tung lên*
*Vì không hãm nổi cơn điên*
*E rằng Nhân-loại sẽ tuyền ra tro!*

*Hay đâu TẠO HÓA dở trò*
*Sinh sinh hóa hóa qua lò HỒNG-QUÂN*

*Lo xa thôi lại nghĩ gần*
*Chúng ta dân VIỆT thêm phần khó riêng*
*Những mong chữa lệch phò nghiêng*
*Không may gặp phải láng-giềng đa-đoan*

*Chúc nhau xiết cánh kết đoàn*
*Nâng cao kinh tế, giữ toàn biên-cương*
*Chúc nhau mở rộng lòng thương*
*Đối người lỡ bước giúp đường tái sinh*
*HIẾN CHƯƠNG vạch lối rành-rành*
*Chúc đem ứng-dụng đinh-ninh như lời*
*Chúc cho sáng-ý mọi người*
*Có cơ phát-biểu, ấy thời ích chung*
*Chúc nhau cảm dạ nhau cùng*
*Đãi người, bớt ý thêm lòng mới NHÂN*
*Nay vừa gặp tiết Dương-Xuân*
*Chúc nhau HẠNH PHÚC nhiều phần tăng thêm*
*Đời tư mọi vẻ êm đềm*
*Đời công thành-tựu như niềm ước mong*

Nguyên đán tết năm Tân Dậu 5/2/1981
HOÀNG XUÂN HÃN



Phần thơ truyện
và các mục thường xuyên của
HỢP LƯU



TRẦN LONG HỒ

# mưa như mưa năm xưa



Trời đang nắng đẹp, bỗng dưng mưa sầm sập kéo tới. Thời tiết thật bất thường, nhưng chính vì sự khác thường đó mà tôi đã gặp lại người đàn bà ấy.

Tôi đã nghe tiếng nói của bà, không phải, đúng hơn là tiếng kêu thất thanh của bà khi cơn mưa bất chợt phủ chụp xuống khu chung cư. Tiếng kêu hoảng hốt của bà, gọi giật đứa con gái đang chơi trên sân cỏ. Tiếng kêu chính thật như âm vang tự những ngày xa xưa. Tôi đã nhìn thấy bà bên kia những hàng xe đậu ngổn ngang. Tôi đã thấy lại dáng dấp bà sau những năm dài lao đao trong cuộc sống và trơn trợt trên đường đời. Bà chạy bay trong mưa, lướt thướt trên cỏ, dáng bà không khác hơn hai mươi lăm năm trước. Mái tóc của bà đen nhánh, mượt mà, xổ tung ra, lất phất trong mưa vẫn là tóc của ngày xưa cũ.

Hôm đó, có phải là một kỳ ngộ như hai mươi lăm năm về trước. Tôi đang ngồi ngoài hàng hiên, một chiều thu có nắng. Cơn mưa kéo về vội vã khiến cho mọi người đều ngỡ ngàng. Có kẻ hốt hoảng, bỏ cuộc chơi ngoài sân cỏ. Trong số người đó có bà.

Tôi nghe tiếng bà kêu thảng thốt:

— Xuân, chạy nhanh lên con, mưa... mưa tới...

Một bé gái chừng sáu tuổi đang ném banh với những đứa bạn cùng xóm. Đứa bé đã biết mưa rồi nhưng không hề sợ hãi. Trái lại, nó thích thú chơi ném banh dưới mưa nên ở lì trên sân cỏ. Đến khi nghe tiếng người đàn bà gọi, nó la lớn trả lời:

— Dạ, dạ...

Đứa bé quay đầu nhìn người đàn bà nhưng vẫn cố xoay người bắt trái banh. Thế là, nó té lăn trên sân cỏ.

Người đàn bà kêu lên, giọng lo lắng:

— Xuân con, sao vậy?

Đứa bé không trả lời. Nó ôm chân, ngồi khóc trên cỏ. Thế là mưa tha hồ phủ chụp xuống hai người.

Tôi nhảy qua lang cang hàng hiên, chạy vội đến. Tôi hành động nhanh quá nhưng tôi cũng biết rằng, tôi đang làm gì. Giọng nói người đàn bà ấy quen lắm.

Đứa bé gái đang kêu khóc. Người đàn bà đó vừa kêu la. Hai âm thanh đều biểu lộ sự đau khổ. Nhân vật chính là đứa bé. Kẻ bị đau đớn là đứa bé. Nhưng tôi đến không vì đứa bé. Tôi đến vì giọng nói của người đàn bà kia. Cái giọng nói là động lực thúc dục tôi hành động. Không ai biết được điều đó, trừ tôi. Có ai thấy được chuyện này, sẽ khen tôi can đảm và tốt bụng. Có ai, biết nguồn cơn câu chuyện sẽ bảo tôi là thằng lếu láo. Mặc kệ, tôi không cần ai thấy và ai biết. Tôi cần biết người đàn bà có giọng nói quen thuộc ấy là ai.

Mưa đổ sầm sập, trút nước hối hả khi tôi chạy bay trên sân cỏ. Tôi ướt đầm đìa như đứa bé và người đàn bà kia. Đứa bé vẫn khóc và người đàn bà cứ la. Bà không biết phải làm gì để giúp đứa bé. Tôi biết phải làm sao.

Tôi nâng đứa bé lên nhưng tôi không nhìn vào cái cổ chân sưng vù của nó. Tôi không trực tiếp nhìn vào chỗ nào cả. Tôi chỉ liếc và đó là chuyện mưu tính của tôi. Không thể lầm được, tôi nhận ra ngay người đàn bà đó. Tôi run rẩy muốn ngã quị xuống, không phải vì sự đau đớn của đứa bé, mà vì... Tôi mũi lòng, bật khóc.

Người đàn bà này là Hương, kẻ tội đồ đã giết đời một người, không nhận ra tôi. Bà nhìn đứa bé, hỏi nhỏ, giọng an ủi:

— Xuân có sao không con?

Đứa bé kêu lên:

— Con đau quá.

Hương lẩm bẩm hỏi:

— Con đứng dậy được không?

Xuân trả lời:

— Dạ được.

Đứa bé nói xong, vùng vẫy ra khỏi tay tôi. Nó cà nhắc từng bước về phía Hương. Hai người cùng nhìn về phía tôi. Thấy tôi khóc, Hương vỗ về:

— Chắc cháu nó không bị gẫy chân đâu.

Xuân cũng khuyên lơn:

— Con bị trẹo chân thôi mà. Ông đừng khóc, con không sao đâu.

Tôi nín. Hai nhân vật chính không cảm thấy đau đớn nữa, tại sao tôi phải sầu khổ như vậy. Nào ai biết, tôi đau đã quá nửa đời rồi. Bà là Hương nên bà vẫn ác như ngày nào. Bà đâu biết nỗi đau của kẻ khác. Kẻ đã bị bà hành hạ

tận tình, vùi dập không thương tiếc.

Hương ôm đứa nhỏ vào lòng, hỏi nhỏ:

— Chân con có bị gãy không?

Đứa bé can đảm lắm. Ít nhất phải can đảm hơn tôi. Nó cắn răng, đáp:

— Con bị trẹo chân thôi mà. Con đi được.

Xuân nói xong, bước đi ngay. Nhưng nó chưa kịp đi được bước nào đã lăn đùng ra trên cỏ, ôm chân kêu khóc. Hương hoảng hốt kêu cứu:

— Ông làm ơn giúp giùm.

Thế thì Hương đâu có khác ngày xưa. Mọi khi Hương kiêu ngạo nhưng lúc túng cùng thì bà trông dễ thương lắm. Giúp, đương nhiên tôi sẵn sàng. Tôi lúc nào cũng tình nguyện làm kẻ nô lệ cho Hương mãn đời, mãn kiếp. Tôi ứng chiến trong mọi trường hợp, mọi lúc vì Hương.

— Được, để tôi bồng cháu vô nhà.

— Dạ, cám ơn ông... nhưng sao...

Hương ngập ngừng. Tôi hồi hộp. Hương ấp úng:

— Ơ, ơ... ông...

Tim tôi muốn ngừng đập. Bà đừng ơ..ơ...có được không. Tôi bồng Xuân lên. Đứa bé nhẹ bổng nhưng chân tôi muốn khụy xuống. Hương tằng hắng một tiếng rồi nói, tỉnh bơ:

— Không có gì, xin ông cảm phiền ẵm giùm nó vô nhà.

Giọng Hương tỉnh táo quá đến độ đáng ghét. Tại sao Hương vẫn giữ kiểu kiêu kỳ lạc hậu ấy. Thời gian qua, bể dâu lắm trò thay đổi, mà Hương cứ khư khư ôm giữ thứ xưa cũ, chán phèo. Tôi muốn liệng đứa nhỏ xuống cỏ, quay lưng trở về bên hàng hiên. Về với chốn yên lành trong lãng quên ngày cũ.

— Không có gì, xin ông cảm phiền ẵm giùm nó vô nhà.

Tỉnh quá, Hương tỉnh đến độ không thể tha thứ được. Nhưng không tha thì tôi làm gì. Liệng Xuân xuống cỏ, lủi thủi đi về nhà, quá ra tôi muốn làm một tên thua cuộc.

Tôi cắn răng cho bật máu, ậm ừ hỏi lại:

— Nhà bà ở đâu?

— Nhà tôi ở phía bên kia chung cư, cách đây hai dãy.

Tôi trố mắt hỏi:

— Cách hai dãy chung cư?

— Dạ, đúng vậy.

Tôi hỏi hai dãy chung cư mà bà vẫn không hiểu gì cả. Hai dãy chung cư không có nghĩa là hai dãy chung cư. Hai dãy chung cư có nghĩa là đến độ hai dãy chung cư sao. Bà vẫn cố tình chậm hiểu như dạo nào. Hai dãy chung cư tức là khoảng cách hai dãy chung cư. Tức là khoãng cách xa đến như vậy đó. Tức là, bà không thể trả lời, dạ đúng vậy. Biết không. Bà chậm hiểu thật, nhưng tại sao, muôn đời bà là kẻ chiến thắng. Tôi không hiểu được.

— Vậy bà đi trước, tôi theo sau.

Hương ngập ngừng:

— Tôi phải đi trước... rồi ông theo sau.

Thiệt tình, tôi không thể chịu nổi. Mưa rơi như thế này, lạnh bỏ mẹ. Bà biết đường, đi trước hướng dẫn cho nhanh. Tôi theo sau, làm gì kệ cha tôi. Đường mưa, bà đi có nhanh hay chậm tôi vẫn theo mà. Cả đời tôi vẫn bám bà. Sống, tôi truy lùng bà. Chết, tôi cũng hiện hồn theo bà. Bà chạy đâu cho thoát. Sá gì chuyện mưa, tôi có chết trong mưa cũng cam lòng. Tôi sẽ hóa thành hạt mưa rơi vỡ trên mặt bà, thân thể bà, ướt trên người bà, ướt tận những nơi mà bà che giấu kỹ nhất. Trời dung rủi cho tôi gặp bà ở đây. Số phận bà, cuối cùng cũng không thoát khỏi tay tôi.

Hương thấy tôi ngậm câm, có vẻ xiu lòng:

— Vậy thì tôi đi trước, ông theo sau, nhớ... trời mưa, đừng trợt té.

Tội nghiệp, Hương có khi nào để ý đến tôi đâu. Tôi có làm mưa rơi vỡ trên mặt bà thì bà cũng không biết. Bà sá gì cái thân còm cỏi, ốm o này. Bà sợ tôi té làm trẹo luôn cái chân kia của con bé. Tôi biết hết. Tôi cũng muốn bẻ cái chân kia của đứa bé cho lặt lìa. Cho nó không thể đi được. Thân bà ốm o, tơ liễu như vậy, sức đâu mà bồng nó nổi. Bà phải nhờ tôi. Bà sẽ dẫn đường đi trước để tôi theo sau.

Hương lầm lũi đi trước. Bà không dám nhìn lại phía sau, tôi biết. Thú thật, tôi cũng không muốn bà quay lại. Chỉ nghe cái giọng của bà mà tôi đã muốn xỉu, huống hồ phải thấy mặt, nhìn đôi mắt, và chiêm ngưỡng nụ cười bà. Tôi mà đứng tim, sẽ té, và con bé này sẽ bị trẹo luôn cái cổ chân kia. Thế thì, tốt nhất bà cứ đi trước, đừng quay lại.

Trời bỗng dưng tạnh mưa. Nước không rơi nữa. Nắng lên vội vã. Cả ba người, khi không, ướt loi ngoi đi dưới nắng chiều.

Hương mặc áo trắng, quần cũng trắng như bộ áo dài trắng ngày xưa. Mưa làm quần áo bà ướt. Tôi đã mong ước làm mưa rơi trên mặt bà, quần áo bà. Bây giờ, tôi là nước mưa trên quần áo trắng mong manh của bà. Trời ơi, hơn hai mươi lăm năm rồi sao bà vẫn duyên dáng như ngày xưa. Bà điêu ngoa và thân thể mà cũng ác độc không kém. Bà vẫn là kẻ chiến thắng, tôi khiêm nhường mà thú thật như vậy. Còn tôi, vẫn là kẻ chiến bại.

Không nghe tôi nói gì, Hương hỏi vói ra sau:

— Ông còn đi theo không?

Phải chi, hai mươi lăm năm trước bà hỏi tôi câu này, có lẽ đời tôi đã đổi khác và chắc chắn, bà không còn kiêu hãnh tận ngày nay.

— Tôi đây.

— Hình như...

Bà muốn nói gì nói phứt ra cho rồi. Bà có gan thì nói ra điều gì bà đang suy nghĩ trong đầu.

— Tôi thấy giọng ông quen quá.

Giọng nói của Hương thật nhẹ nhưng sức chấn động mãnh liệt quá. Tôi cảm thấy lùng bùng hai lỗ tai. Tôi im lặng. Một lát sau, Hương nói nữa:

— Hình như tôi có gặp ông ở đâu.

Tôi giật mình suýt thả rơi đứa bé xuống đất. Còn hình như gì nữa. Bà đã gặp tôi đến độ chán chê. Chẳng qua bà vẫn tươi đẹp như ngày nào. Còn tôi, gầy gò, hư hao tấm thân, tàn phai diện mạo nên bà nhận không ra. Hay bà giả bộ ngây thơ để che giấu sự xảo quyệt cố hữu của bà.

Tôi bậm môi, bật tiếng:

— Tôi cũng thấy bà quen lắm. Tôi nghĩ rằng, mình đã có quen với nhau.

Hương im lặng một lúc, rồi nói:

— Tôi nhận ra rồi, anh là Tân phải không?

Tôi hoảng hốt, thót cả người, khụy chân xuống thềm nhà. Cũng may con bé không té mà Hương cũng không hay.

Hương nói lảng sang chuyện khác, nhanh chóng và tự nhiên:

— Còn hai tầng lầu nữa.

Tôi thở hắt ra, hỏi lại:

— Hai tầng lầu?

— Dạ, hai tầng.

Bà nói tỉnh bơ vì bà đâu có bồng đứa nhỏ. Khu chung cư này không có thang máy. Hai tầng có nghĩa là bốn mươi nấc cầu thang, là khoảng cách có một chiều cao đáng kể lắm. Bây giờ, đứa nhỏ trở nên nặng nề lắm.

Hương dừng lại, dựa vào tường, nhưng vẫn không quay lại:

— Nếu ông mệt, xin ông nghỉ một chút.

Hương vừa dứt lời thì tôi đã khụy chân, ngồi gập người xuống. Tôi mệt lắm, thú thật như vậy, chứ không phải vì tôi vâng lời bà đâu. Bà đừng tưởng rằng bà còn phong độ để sai khiến người khác.

Đứa bé còn nằm trên đùi tôi. Nó rên rỉ:

— Con đau quá.

Hương quay lại, bước xuống một nấc thang. Tôi cảm thấy hồi hộp, tim đập thình thịch trong lồng ngực. Hương ngồi xuống, chỉ cách mấy gang tay. Trời ơi, tôi ngửi phải hương tóc quái ác của ngày nào.

— Con đau lắm phải không? Con ráng chịu một chút nữa thôi.

Hương thủ thỉ, nói như rên. Tôi cảm thấy choáng váng, không biết làm gì đành hỏi bừa:

— Đứa bé đây là con bà?

— Không phải, nó là cháu ngoại của tôi.

Ngu thật, tôi quá ngớ ngẩn. Ngày bà bỏ tôi đi lấy chồng thì bà phải đẻ ngay. Bà đẻ tức thì, con bà phải cỡ hai mươi bốn tuổi. Bà đâu có chịu để muộn màng ra đứa nhỏ này.

— Thế thì...

— Ông muốn hỏi tới chồng tôi chứ gì?

Hương ơi, bà quỉ quyệt thật. Tại sao bà biết tôi muốn hỏi thăm chồng bà. Nhưng bà giỏi lắm. Lúc nào tôi cũng muốn biết chồng bà ra sao. Ngày đêm, tôi đều trù cho hắn chết.

— Chồng tôi bị bệnh chết rồi.

Hay thật, tôi không ngờ sự trù ẻo của tôi lại có hiệu quả như vậy. Phải chi sự cầu nguyện của tôi cũng linh nghiệm thì đời tôi đâu đến nông nỗi này và bây giờ, bà cũng không thể đứng phơi phới ra đó.

— Tội nghiệp, tôi đâu ngờ số phận chồng bà hẩm hiu như vậy?

— Không sao, lúc nào tôi cũng thương chồng tôi. Ông ấy chết cũng mãn nguyện.

Hương độc ác thật. Bà đâu cần nói câu đó. Bà biết tôi giả bộ buồn nhưng trong lòng tôi vui sướng lắm chứ gì.

— Ông ấy chết là hết rồi. Ông đâu còn biết mãn nguyện hay buồn rầu. Chẳng qua bà tự bày đặt nói ra như vậy.

Hương mỉm cười:

— Người đã đi đâu còn biết gì, chỉ có người ở lại mới chịu sầu khổ mà thôi. Tôi nói chồng tôi mãn nguyện vì lúc nào tôi cũng thương ông ấy.

Hương nói mà không nghiệm lại chuyện đời mình. Bà đã không ngó ngàng gì đến tôi. Bà bỏ đi lấy chồng, vui sướng một mình. Chỉ có người ở lại là tôi, sống khổ hơn chết. Tôi đã vui với chút đời thừa, sống với niềm mơ ước đã vĩnh viễn không thành. Còn bây giờ, chồng bà chết rồi, bà có quyền chọn một người khác.

— Bây giờ bà ở với đứa cháu ngoại này. Thế thì con gái bà đâu?

— Tôi bảo lãnh cho hai mẹ con nó sang đây. Trên giấy tờ tụi nó là hai chị em. Chồng nó tức cha cháu Xuân còn ở Việt Nam.

— Vậy thì bà giao cháu cho con gái có phải khỏe không.

Hương nhìn tôi, ánh mắt sắc lạnh. Trời ơi, sao bà vẫn không khác ngày xưa. Bà đã nhìn tôi một lần, trọn đời sau tôi còn lao đao, lận đận. Bây giờ, bà lại nhìn tôi. Những ngày tàn còn lại của đời tôi sẽ ra sao.

— Con gái tôi đi lấy chồng khác rồi.

Tôi biết, bà ở vậy nuôi cháu ngoại có thích thú gì đâu. Nó lớn lên một chút, sẽ đi lấy chồng, bỏ bà bơ vơ, trơ trọi trên đời. Bà còn nghĩ ngợi xa xôi làm gì. Lấy ai cũng vậy. Lấy tôi phứt cho rồi.

— Bây giờ, nếu ông cảm thấy khỏe nhờ ông giúp giùm, cõng cháu lên lầu.

Hương nói như phán truyền. Bà đừng tưởng tôi ngu như ngày xưa. Tôi đã dại dột theo đuổi bà, đó là một điều ngu xuẩn.

Nghĩ như vậy nhưng tôi cũng gò lưng cõng đứa nhỏ, nối gót Hương lên lầu. Quần áo bà vẫn còn ướt. Sau lưng bà cũng như trước mặt. Chỗ nào cũng độc ác như nhau.

Bốn mươi nấc thang lầu. Con đường dài và nặng nhọc thật. Hương đi khoan thai như thuở biết làm dáng ở trường. Bà đi thong thả bởi vì bà đâu có mang ai nặng nề. Còn tôi, tại sao tôi phải cõng đứa cháu ngoại bà. Nó trẹo chân thì mặc kệ nó. Tôi đâu phải là người gây thương tích cho nó. Bây giờ không phải tôi cỡi lưng cọp mà cọp đã cỡi lưng tôi. Mắc mớ gì mà tôi phải cưu mang gánh nặng này. Cũng tại vì bà. Tất cả mọi sự khổ đau của đời tôi cũng do bà mà ra.

Hương đi trước, hỏi vọng ra sau:

— Tôi biết ông mệt lắm, xin ông giúp cho trót. Tôi cám ơn ông rất nhiều.

Giỏi lắm, Hương à! Bà không cần phải nói cám ơn. Chuyện tôi cần không phải ở hai chữ cám ơn. Chuyện tôi cần thì tôi đã nói với bà tận ngày xa xưa đó. Nhưng bà chẳng chịu nghe vào tai, không thèm để ý tới.

Cuối cùng tôi cũng leo lên hết bốn mươi nấc cầu thang. Hương nhỏ nhẹ nói:

— Tới rồi, cám ơn ông nhiều lắm.

Hương ơi, kiểu cách của bà đâu khác gì lúc xưa. Bà nói cám ơn là lúc bà muốn đuổi tôi đi. Thà bà chửi tôi là tên khốn nạn, ít ra tôi cũng thấy được sự xúc động trong lòng bà. Đằng này, bà chỉ lạnh lùng nói cám ơn. Hai chữ ấy, người ta thường dùng tại xứ Mỹ này nhiều hơn bất cứ chữ nào khác. Họ nói hai chữ ấy một cách vô thức, vô hồn hay để biểu lộ kiểu cách lịch sự bề rộng mà thiếu chiều sâu. Tôi biết quá mà. Tôi không dại gì mà bỏ đi.

— Để tôi cõng cháu vào trong.

Hương im lặng mở cửa. Bà lựa chìa khóa hoài mà không đúng. Bà loay hoay mở ổ khóa hoài mà không được. Bà lúng túng vì không đuổi được tôi. Bà lầm, tôi không tự ái dỏm như ngày xưa, không giận hờn bậy bạ. Thời gian dạy cho tôi một chữ, lì.

Cuối cùng, Hương cũng mở toang cánh cửa, rước tôi vào. Đâu dễ gì vào nhà bà. Ngày xưa bà từng xua chó cắn tôi. Cha bà liệng cái ba toong, suýt chút nữa tôi đã hui nhị tì. Mẹ bà chửi tui điếc ráy. Thằng em trai bà hăm chém tôi. Đứa em gái bà đòi tạt nước sôi vào mặt tôi. Cả nhà bà ghét tôi thậm tệ. Tôi không đếm xỉa gì đến họ. Tôi chỉ sợ có một mình bà.

— Dạ, mời ông ngồi.

— Tôi đứng cũng được.

— Nhờ ông để cháu lên cái ghế sô pha này. Cám ơn ông nhiều lắm.

Bà lại cám ơn tôi. Tôi biết, bà đừng hòng đuổi tôi.

— Đứa nhỏ còn đau nhiều lắm. Bà có dầu nóng và băng cứu thương không?

— Dạ, dầu nóng thì có mà băng thì không.

— Không sao, tôi xé áo làm băng cũng được.

— Đừng, đừng...

Hương ơi, đừng sợ. Bà có sợ thì tôi cũng kiếm cách cởi áo và nằm vạ tại đây. Tôi biết, bà khôn lắm. Nhất là kinh nghiệm đối phó với tôi, chắc bà còn nhớ. Xé áo làm băng cứu thương chỉ là cái cớ. Cởi quần, cởi áo là chuyện tôi muốn làm.

— Chai dầu đây. Ông lấy cái khăn này làm băng cứu thương đi.

— Cũng được.

Hương làm tôi mất hứng. Hình như bà ghét tôi từ tiền kiếp và thù tôi cho đến lúc lâm chung. Tắt thở, họa may bà mới hết oán tôi. Tại sao? Tôi không biết.

Tôi thoa dầu, băng bó cho đứa nhỏ. Tôi làm chậm rãi đến đâu đi nữa thì công việc phải xong.

— Tôi lạnh quá, cảm phiền bà cho tôi hong khô cái áo một chút.

— ...

Bà im lặng. Tôi bồng, tôi cõng đứa cháu ngoại bà mệt ngất ngư. Về đến nhà, bà cám ơn suông rồi tìm cách tống khứ tôi cho lẹ. Tôi đâu có ngu mà làm không công. Ngày xưa tôi làm công chùa cho bà quá nhiều. Cuối cùng bà cũng bỏ tôi. Bây giờ tôi đâu có dại. Tôi phải hỏi bà trả công cho đến nơi.

— Bà cho tôi mượn cái bàn ủi cũng được.

— Dạ, cái bàn ủi hư rồi.

— Vậy để tôi cởi áo, phơi lên ghế. Bà cho mượn cái quạt máy, thổi một chút là khô liền.

— Dạ, tôi không có quạt máy.

— Vậy lúc nực nội thì bà làm gì, chẳng lẽ bà...

— Dạ, khu tôi có máy điều hòa không khí.

— Thôi được, để tôi ngồi nghỉ mệt một chút.

Hương đứng tần ngần đó. Bà không biết phải làm gì sao. Bà thay quần áo khác cho rồi. Bà cứ mặc bộ đồ trắng mỏng dính, đứng tênh hênh ở đó hoài làm tôi ứa gan. Tôi nổi cơn giận bất tử thì bà đừng có trách.

Hương bước lại gần hơn, ngồi xuống cái ghế đối diện với tôi:

— Anh Tân.

Tôi giật nẩy người. Hương nói tiếp:

— Em biết anh đã nhận ra em rồi.

Tôi lặng thinh. Tôi ngậm câm như đã từng làm. Hương nói nhỏ nhẹ:

— Em biết anh còn nhớ chuyện ngày xưa. Nhưng bây giờ, chúng ta đều già hết rồi. Em có cháu ngoại còn anh đã có gia đình.

Tôi nhìn Hương trân trối:

— Làm sao Hương biết?

— Dạ, em biết anh ở gần đây. Anh có vợ, hai con.

Tôi ngạc nhiên quá sức:

— Hương biết từ lúc nào?

— Dạ, gần ba tháng rồi.

— Sao tôi không biết gì cả?

— Tại anh vô tâm quá thôi.

— Trời ơi, tôi mà vô tâm. Tôi có tâm quá xá đến nỗi muốn khùng, muốn điên. Bao nhiêu năm nay, tôi chỉ ước mơ gặp lại em. Tại sao em gặp tôi mà chẳng nói một lời nào? Em còn tiếc một câu chào, tiếng hỏi hay sao? Bây giờ em muốn tôi làm gì?

— Hương đâu muốn anh làm gì. Hương chỉ muốn anh trở về với vợ con anh.

— Không được.

— Tại sao lại không được?

— Vợ con tôi bỏ tôi rồi.

— Vợ con anh bỏ về phía bên ngoại. Anh chỉ cần tìm đến, năn nỉ thì họ sẽ trở về.

— Không được. Tôi không thương vợ tôi mà vợ tôi cũng không thương tôi. Các con tôi ghét bỏ tôi.

— Anh yêu thương họ thì họ sẽ thương yêu anh.

— Em có chắc như vậy không?

Hương gật đầu. Tôi hỏi tới:

— Tôi không tin. Tôi yêu Hương quá đổi mà Hương có bao giờ ngó ngàng đến tôi đâu.

— Chuyện của anh và Hương là chuyện khác. Chuyện đó đã xưa cũ, quá lâu rồi.

Tôi nằn nì:

— Tôi không nói chuyện xưa nữa. Tôi muốn nói chuyện bây giờ.

— Anh muốn nói chuyện gì?

— Chồng Hương đã chết. Vợ con tôi cũng bỏ đi. Chúng ta cần có nhau. Tôi cần Hương, làm ơn đừng bỏ tôi.

— Không được. Vợ con anh đang chờ đợi anh.

Tôi đứng dậy, bước tới. Hương thối lui ra sau. Đứa nhỏ khóc ré lên. Tôi gầm gừ như con thú bị thương nặng, đã cùng đường:

— Hương, tôi không thể mất em một lần nữa.

— Không được, tôi không thương anh một chút nào. Anh đứng lại.

— Không ai cản được tôi đâu.

— Anh đứng lại. Tôi không thương anh gì cả. Anh đừng hòng, đừng mơ tưởng.

Tôi tiến tới. Hương thét lớn:

— Tôi gọi cảnh sát.

Hương nhấc điện thoại lên. Bây giờ tôi thấy quá rõ rồi. Hương nhìn tôi, sắc lạnh.

Thế là xong. Tôi quay lưng, xô cửa, bước ra ngoài.

Ngoài trời, mưa đã rơi tự lúc nào.

Tôi đi lang thang ngoài bãi đậu xe. Mưa ngậm ngùi, tiếc nuối. Tôi vẫn muốn làm mưa dù mưa vỡ ngàn lần mà không xoay chuyển được gì. Mưa đã rơi trên hai mươi lăm năm rồi, tôi biết, có được gì đâu. Tôi có ngoắc, có vẫy mỏi mòn cũng không làm em quay lại. Tôi có chạy lòng vòng, què chân, bại xụi cũng không bắt được em. Mưa hôm nay, vẫn vậy. Mưa nghìn đời, cũng thế. Em vẫn là em kiêu ngạo ngày nào. Tôi vẫn là tôi nghìn thu bại trận.

Còn một lọ thuốc ngủ đầy ắp. Còn một lon bia chưa mở. Tôi lên xe, không biết đi đâu. Mưa trước mặt nhạt nhòa. Hình như có tiếng chuông chùa vọng lại. Xin cho tôi lần chót làm giọt mưa vỡ nốt trên mặt người.

T. L. HỒ



**NGUYỄN MẠNH TRINH**

# hai mươi năm thơ

*Chiều đỏ máu từ lời tiễn biệt*
*vẫy cánh tay vời cuốn bước sang*
*dốc quá vãng cỏ ngái bóng nguyệt*
*hạt mơ hồ mầm nẩy hoang mang*

*Ta biển lận bán rao hạnh phúc*
*chữ nghĩa dửng không hóa trò chơi*
*gió thời thế réo sôi đáy vực*
*rã nhang tàn mắt nháy tàn hơi*

*Hai mươi năm chuyến tàu vô tận*
*đích đến còn chỉ một sải tay*
*ga ven đường còi hú địa chấn*
*những toa không lũ lượt họp bầy*

*Ta khổ dòn bánh thánh cựu ước*
*lưỡi đâu còn biết vị cay chua*
*em, sao dấu nỗi vui có được*
*hân hoan anh cùng với lọc lừa*

*Chiều nhỉ thầm giọt nắng thống hối*
*qua một ngày, cánh cửa đóng rồi*
*dấu nhăn vạch những nếp vời vợi*
*dưới chân mày mắt liếc cũng thôi*

*Ta tân tòng một tà áo trắng*
*em khổ tu ngực nhịp sau xưa*
*vòng xe lăn một nốt nhạc lặng*
*xót xa còn à ợi võng đưa*

*Gào khản hơi thế giới câm điếc*
*lời tỏ tình rất lạ - dửng dưng*
*đỏ đen hai máu dòng tận tuyệt*
*yêu em là hiểu nghĩa bao dung*

*Ta phác thảo nụ cười mê hoặc*
*em hiển linh lốc ngọn nến khuya*
*màu lông nõn hoa văn dấu khắc*
*thịt da đành sông núi cách chia*

*Hai mươi năm những lời độc thoại*
*vách dựng đứng dấu ấn mê cuồng*
*ngựa trận còn nhớ nhung trăng dãi*
*bờ lau hoang than thở đêm suông*

*Ta dương bản nhớ đêm âm bản*
*sáng ngọn đèn soi những dặm trường*
*trăng nụ cười rất là bình thản*
*vết lở trầm dấu tích tang thương*

*Bài song lang em ca đã cũ*
*tàng trứng cá màu nắng đã phai*
*người trước ghé gác chân nằn ngủ*
*sao ta còn ngơ ngác chốn ngoài*

*Ta kẻ lạ ôm vùi bia mộ*
*đi lạc về đâu mấy ngã đường*
*nỗi buồn riêng trăm năm sóng vỗ*
*quỳnh hương đành cất ủ giếng sương*

*Mặt nạ đây bóng trời bát ngát*
*hai mươi năm vạn cổ nhạt nhòa*
*đêm bỗng dưng co thành góc chật*
*đi về đâu chốn đã ngùi xa*

*Ta nhựa nguyên rừng vào tháng hạ*
*cành cây thành ngọn đuốc đợi chờ*
*bước giong nhau, có chi vội vã*
*thú thật em, anh kẻ dại khờ*

*Hai mươi năm góc chiều đợi tối*
*soi mặt gương để tưởng dáng trời*
*ngờ ngợ chữ nghĩa như dây trói*
*mũi viết cào da thịt dấu roi*

*Ta hốt hoảng kiếm tìm vô vọng*
*cuốn kinh thư giấy trắng hàng hàng*
*đời tầm thường loay hoay trừ cộng*
*cuộc khởi đầu có đủ hành trang?*

*Và hai mươi năm đêm vẫn thức*
*một vầng trăng mọc tận xứ người*
*sương hạt hạt rụng rơi thành mực*
*của nỗi buồn Đường, Tống hong phơi...*

*Ta loạn tâm hú gào hiu quạnh*
*thơ đâu cần nắng dội bình minh*
*kẻ tầm thường bỗng dưng phong thánh*
*gánh trên vai gió bão một mình...*

NGUYỄN MẠNH TRINH

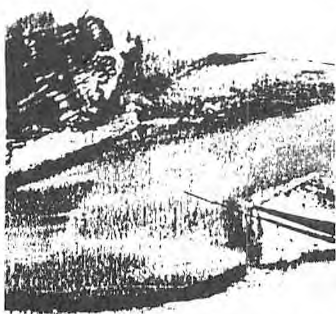


PHẠM TRUNG KHÂU

# bông hồng cài áo riêng ai



*...mỗi năm con thắp đèn trời...*



Câu chuyện rất đơn giản nếu một sớm ta đi uống cà phê, tán hươu nai với bạn bè về chuyện tiền nong, giá cả, thói đời, những chuyện tình ái lặt vặt. Hoặc nhìn cuộc sống bằng thái độ bất cần, khinh bạc hay tính toán, lo toan ích kỷ.

Riêng Khản đến với chú Sáu, chủ quán cà phê, sáng hôm nay, ngoài cái tình kết nghĩa sơ giao, Khản còn muốn tìm xem cách sinh sống của De Sam - do chú Sáu mới giới thiệu - người bạn nhỏ có cái tên rất lạ, sống ở vùng nông thôn sâu, nơi Quát, bạn Khản đang ở.

Chú Sáu người Tàu lai, xuề xòa trong cái áo trắng cụt tay và cái quần lở trùm tới gối. Chú nói:

- Chút xíu nó đến, ít khi trễ lắm. Tôi lấy tiền nó hoài cũng đâm ngại. Thỉnh thoảng tôi bớt nhưng vợ tôi nó hay, lại nổi "tam bành" lên cằn nhằn dữ lắm. Tôi cũng chưa khá giả. Vả lại, lạ gì tính mấy con mẹ đàn bà mà chú. - Chợt chú ngưng ngang, lấm lét nhìn vào buồng, hình như có tiếng guốc khua lẹt đẹt bên trong.

Quán chiếm ngay giữa chợ quê, chú cho là điều may mắn, buôn bán thứ gì cũng được, nhưng có cái phải hứng trọn mọi phiền toái của con người gây ra. Tiếng ồn ào, lời tục tĩu, thói lừa đảo vô tình tấp vào nhà như rác rến của con nước lụt. Chú lắc đầu tiếp:

- "Thì tại môn tiền náo" mà! - Nói xong, chú nâng cái áo lên rồi lấy hai tay xoa xoa cái bụng phề phệ và đi vào. Ý chừng hơi bẽn lẽn vì lỡ nói một câu chữ không đúng lúc mà lại nói với Khản bạn của thầy giáo Quát.

Chú Sáu cho biết De Sam thường sáu giờ đã có ở quán.

Toàn cảnh, quán không lớn, bề ngang độ bốn thước, bề dài chừng mười thước. Chú mở thông thống ra phía sau sông. Trong quán để năm cái bàn cho khách ngồi uống nước. Còn lại lối đi và quầy pha cà phê.

Dưới ánh đèn điện ắc-quy lờ mờ có một cái truyền hình nhỏ, màu đỏ. Kề bên, một đầu máy trò chơi điện tử được liên nối bằng nhiều sợi dây.

Chú Sáu để ly cà phê trước mặt Khản, ngồi đối diện:

- Tui sống được cũng nhờ nó - Chú chỉ vào cái truyền hình. Tụi trẻ con mê dữ lắm. Mỗi ngày kiếm tiềm cơm cá khỏe ru. Nhưng gì thì gì mình vẫn thua mấy thằng Nhật. Nó khôn thấy mẹ. Nó bán đầu máy cái rất rẻ, nhưng tới băng lại bán mắc vô cùng. Vài tháng lại ra băng mới, tôi theo muốn hụt hơi.

Khản nói:

- Nhật mà chú, tính toán khôn lắm.

Đương nói chuyện, Khản nghe:

- Chú Sáu, mở máy đi.

Trước mắt Khản là một thằng bé cỡ mười hai, mười ba tuổi. Khuôn mặt nhỏ như con chuột nhắt, ngay khóe miệng có một nốt ruồi to bằng đầu đũa. Đầu cạo trọc lốc.

Đặc biệt, lưng đang cõng một thằng nữa gần bằng nó. Đầu cũng trọc. Chỉ khác nhau là thằng nầy hai chân bại liệt. Cho nên, khi thằng dưới cử động thì hai chân cậu trên đong đưa một cách kỳ dị. Giờ không cần ai giải thích Khản cũng hiểu tại sao người ta gọi tụi nó là De Sam.

Chú Sáu nháy mắt với Khản, rồi đứng lên hỏi:

- De Sam lớn chơi gì nè?

Thằng em trên lưng nói hớt.

- "Băng chiến đấu".

Chú Sáu kẹp dây điện vào bình.

De lớn móc trong túi ra một gói thuốc lá đen. Nó đốt hai điếu. Một nó, một thằng trên lưng.

Chú Sáu đưa hai hộp điều khiển cho tụi nó và mở máy.

Trên màn ảnh một vùng ánh sáng chói chang bừng lên với đầy đủ màu sắc được chắt lọc tinh vi. Từ đó vẳng lên một điệu nhạc sắc đanh, thôi thúc con người hăng say chiến đấu. Một khung cảnh thành phố đổ vỡ hiện ra. Trên cao có một sợi dây thòng lơ lửng và hai chú lính nhỏ cỡ búp tay lăm lăm khẩu tiểu liên cực nhanh, ôm theo đó tuột xuống... Đó là hai chiến sĩ do De lớn và De nhỏ điều khiển.

Vừa đến đất, hai chiến sĩ đã nã tiểu liên rồi. Đạn năm tia tuôn ra chằng chịt, cùng với tiếng nhạc kích động tạo thành một cuộc chiến đấu ác liệt.

Thằng De lớn hô:

- De nhỏ mầy bảo vệ phía sau. Còn tao tấn công phía trước!

Chướng ngại vật đầu tiên là những tên lính quyết tử của địch. Chúng xông

bừa bãi vào hai chiến sĩ của De lớn và nhỏ, nhưng lần lượt ngã gục dưới làn đạn chuyên nghiệp của hai chú De.

Một ổ đại bác sừng sững chặn đường, nã những viên đạn khổng lồ. De lớn la:

- Nhảy lên!

Đồng thời với tiếng la De lớn bấm nút, chiến sĩ nó nhảy lên cao tránh được quả đạn. Còn chiến sĩ của De nhỏ né không kịp, nó bị một phát vào bụng ngã ngửa ra sau chết không kịp ngáp.

- Mẹ nó. Chết một quân rồi - De lớn cằn nhằn.

- Vậy chớ tao bấm không kịp mà. - De nhỏ nói.

Thằng dưới xốc lại thằng trên rồi hai anh em chơi tiếp.

Một chiếc trực thăng cỡ nửa cườm tay bay tới, tiếng phành phạch nghe nhức óc. Hai cánh xoay tít đến chóng mặt. Nó từ từ đáp xuống và phía dưới bụng một cánh cửa nhỏ há ra. Hàng loạt tên địch lao xuống tận diệt chiến sĩ của hai chú De.

De lớn lại la:

- Mầy núp, sát vào hầm bắn chiếc máy bay mau. Còn tao diệt tụi lính.

Bây giờ mới thấy tài nghệ hai chú De.

Chiến sĩ của hai chú nhảy chồm lên, nằm sát xuống, né bên này, quay bên kia nã đạn liên hồi.

Cặp chân liệt đong đưa liên hồi, khuỷu tay De nhỏ bám cổ De lớn. Bàn tay bám hộp điều khiển như bám chặt cây súng thật.

Chợt một thằng địch từ phía sau bắn tới. De nhỏ la lên:

- Mọp xuống, mọp xuống anh De. Nó bắn lên kìa. Mọp xuống không chết bây giờ!

Nhưng thằng De lớn không sợ chết. Nó bỏ nút bấm cho thằng chiến sĩ ăn cả băng đạn.

Còn nó, vừa lấy tay quất đen đẹt vào mông thằng De nhỏ trên lưng mình vừa la.

- Mọp nè, mầy đui hả. Mọp cái con...

Ra, trong lúc quá say mê điều khiển trận đánh, thằng De nhỏ la lên để làm rớt điếu thuốc trên cái đầu trọc lóc của thằng lớn. Khói cùng mùi da cháy khen khét. Thằng anh lắc đầu lia lịa. Thằng em lính quýnh lấy bàn tay dập tàn thuốc, không ngờ lại làm lửa bắn ra tung tóe.

Thằng dưới lại quất vào mông thằng trên.

- Mầy làm cái gì vậy. Rát quá. Mọp nè, mọp nè.

Thằng nhỏ mếu máo:

- Vậy chớ tao không thấy mà.

Trên cái truyền hình, hai chiến sĩ gan dạ của hai chú De nằm chết sững vì không có ai điều khiển. Cũng từ đó điệu nhạc khựng lại với những tiếng "tứng từng tưng" lặp đi, lặp lại mãi.

Phía ngoài chợt có tiếng gọi lớn.

- De Sam, nước đá về kìa!

Trời sáng bạch.

Chợ vào giờ cao điểm. Tiếng ồn ào inh tai.

Bị lóa mắt bởi ánh sáng của cái tivi từ nãy tới giờ nhưng Khản vẫn gọi liền chú Sáu, trả tiền nước và bước theo hai chú De.

Nhà của hai đứa là một cái chòi, cất sát đường đi, nền đất, lợp lá cạnh bến tàu.

Khi Khản tới, De nhỏ đương ngồi trên bộ ván xoài. Còn hai ghe nước đá đậu sát cầu tàu. Ngay chiếc ghe lớn, một cô gái cỡ mười sáu, mười bảy đang cuốn tấm vải bạt phủ ở trên lên, rồi lấy cái móc, móc từng cây nước đá cho De lớn vác.

Khản châm điếu thuốc, bước vào nhà. De nhỏ đang cắt móng chân bằng con dao díp. Ngẩng lên thấy Khản nó chưng hửng hỏi:

- Chú kiếm ai?

Khản cười mỉm rồi cho biết là chẳng kiếm ai, chỉ ngồi nhờ để chờ đò về, xem Quát bạn mình có về không. Đó là cái lý.

Thằng nhỏ, chống hai tay lết vào trong góc nhường chỗ cho Khản.

Khản đốt cho nó điếu thuốc, nó nhìn Khản hỏi:

- Phải hồi sáng chú ở quán chú Sáu không?

Khản trả lời rồi hỏi lại:

- Sao cháu còn nhỏ mà hút thuốc nhiều quá vậy?

De nhỏ cười khì khì:

- Ở nhà một mình buồn quá, hút bậy chơi chú ơi. Thằng lớn nó cứ bỏ cháu đi hoài.

- Rồi ai nấu cơm cho cháu ăn.

- Nó chớ ai chú. Nó nấu nồi cơm ăn từ sáng tới chiều. De nhỏ lấy tay chỉ nồi cơm, rồi tiếp - Ở nhà một mình buồn thấy mẹ!

- Ba má cháu mất năm ngoái phải không?

- Ông bà với thằng De lớn đi chở nước đá, qua sông ghe bị chìm. Chỉ có thằng De lớn đeo được cái thùng mủ nên sống. Còn ông bà "ngủm củ đeo". Nên bây giờ, mấy ghe nước đá quen mới cho nó vác đó chớ. Nó nhỏ con vác cứ rớt hoài người ta cũng chán.

Nói xong nó cười khì khì, đưa hàm răng vàng xỉn vì khói thuốc ra.

Nhìn cái lư hương trên bàn thờ. Khản hỏi:

- De lớn vác nước đá cả ngày. Cháu ở một mình?

- Riết rồi quen chú ơi. Hôm nay, nó lại đi thổi cuốc sáng đêm. Cháu ở nhà buồn thấy mẹ. Mà mấy ngày nay nước ngập nền nhà. Trùng hổ nó bò đặt mặt đất. Nó muốn bò lên cả bộ ngựa nầy ăn thịt cháu nữa. Thấy ghê chết mẹ!

- Thổi cuốc là làm sao?

- Là thổi bắt con cuốc đó. Cháu cũng chẳng biết làm sao. Nhưng mỗi đêm nó bắt mười mấy, hai mươi con là thường.

- Tại sao anh em cháu lại cạo đầu hết.

- Nó nói láo chú ơi. Nó nói cạo đầu để vái cháu khỏi liệt hai chân. Nhưng hổng phải vậy. Nó hà tiện đặng có tiền chơi trò điện tử với mua gạo nấu cơm ăn. Nó mua một cái kéo, một bàn bào, lưỡi bào, rồi nó cạo đầu cháu, cạo đầu nó. Đỡ tốn lắm.

- Còn thổi cuốc thì đêm nào nó cũng đi? - Khản hỏi.

- Đâu có chú, tới mùa nước rong nước nổi mới thổi được. Cái nầy chú hỏi nó đó. Nó nói thổi đặng kiếm thêm tiền.

Ghe nước đá vơi gần phân nửa. Cô gái đương khệ nệ, đỡ cây nước đá cho thằng De lớn vác. Vai của nó lệch sang một bên. Tảng nước đá gần bằng người nó. Khản ước lượng nó vác tới cây thứ mười chín, hai mươi là ít.

*

- Tới đó chú đừng hút thuốc nghen.

Khản ngồi giữa xuồng, án cho ánh sáng cái đèn bóng nhỏ khỏi rọi ra sau. De lớn bơi lái.

Tiếng mái dầm khuya lụp cụp khiến Khản buồn man mác, nhớ lại ngày còn nhỏ cùng cha đi vớt bợn lát ở ruộng lúa.

Xa xa, một dãy núi màu nâu đen ẩn hiện trong bóng sương mờ. Con trăng non, mới tối đã đi gần đến đỉnh đầu. Nó như chiếc thuyền trắng làm bằng chất lân tinh, đang phủ thứ ánh sáng lạnh tái xuống trái đất, làm mọi vật hư ảo. Phía tây, thỉnh thoảng trời chớp lên vài lượt.

Sao ken dày đặc.

Những đốm sáng diệu kỳ, có một thời nào đã quyến rũ tuổi thơ của Khản. Sao đòn cân mọc phương Nam, cán hơi lệch xuống thành một góc chừng bốn mươi lăm độ đang gánh giùm loài người những bể khổ đau đè trên trái đất. Rồi sao thập tự với bốn nhánh rõ ràng. Cạnh đó, sao gàu hình chữ V, sao cày hình số 5 đang đứng bất động trên trời. Ông thần nông hôm nay mãi dạo dãy Ngân Hà cùng với Ngưu Lang, chắc hai ông đắm say nhan sắc Chức Nữ nên quên cả việc tát nước, cày ruộng.

De lớn tránh tảng lục bình, cho xuồng theo con rạch nhỏ ra gò cây dông. Đâu đó có tiếng con cá lóc táp mồi sồn sộn.

Thằng De lớn xin điếu thuốc phà một hơi rồi nói:

- Gò cây dông là cái đốm đen lớn trước mặt mình đó chú. Coi gần vậy chớ còn xa lắm. Độ tàn hai điếu thuốc nữa mới tới.

- Sao cháu không tìm những gò gần đây mà phải tới gò cây dông.

- Cháu ớn cái gò ấy lắm. Nhưng được cái, nơi ấy có nhiều cuốc vì chẳng ai dám lại gần vào lúc ban đêm.

- Sao vậy?

- Ở gò đó có cái mả trời trồng. Người ta kể, hồi trước có ông gì đó tối ngày rượu chè be bét, tới khi hết tiền lại về khảo cha mẹ. Bà mẹ hết tiền cho. Nhưng ông ta không tin cứ cho bà giấu. Nên ông ta xách búa rượt chém. Rượt

tới gò nầy, bà mẹ đuối sức té nhào - De lớn ngưng một lát rồi tiếp - Lúc đó trời giữa trưa, bỗng nhiên u ám và có một cầu vồng bảy sắc úp chụp xuống mặt đất. Người ta kể, trong cầu vồng đó có hai con vạc bay qua, cất tiếng kêu rất não nùng. Người con đang đưa búa định chém bỗng nghe tiếng vạc đứng trơ ra không nhúc nhích được. Người ta lại nói, vì ông bất hiếu nên bị trời trồng. Người mẹ được cứu sống nhưng sau đó cũng chết vì thương nhớ con. Còn người con chịu đói khát đến chết, không thể nào chôn được vì chân ông ta đã mọc rễ xuống đất. Để răn đời, người ta đắp đất xung quanh làm mả chôn đứng ông. Lâu ngày cái mả được mối đắp thêm, giờ nó trở thành một khối đất cạnh cây dông. Ở chỗ đó chú! Ghê lắm. Chính mắt cháu thấy, thỉnh thoảng có những tia sáng như máu xẹt lên trời.

- Bữa nay có chú, cháu mới dám lại gò nầy phải không?

- Ở đây có nhiều cuốc, nhưng đi một mình cháu sợ, sợ nhất là ông rằn.

- Ông rằn là gì?

- Nó là rắn mái gầm, cắn nằm tại chỗ đó chú. Người ta cứ gọi tên ông. Ai cũng sợ. Mùa nước rong, nước nổi, ông thường lên những gò cao vắng vẻ để bắt mồi. Mùa nầy cuốc thay lông nên chậm chạp, thường làm mồi cho nó.

Khản hỏi câu khác:

- Cháu mê trò chơi điện tử lắm phải không?

- Chơi hoài cũng chán, nhưng thằng De nhỏ nó mê dữ lắm. Chân nó bị liệt đâu có đi đâu được. Cho nên ngày nào cháu cũng cõng cho nó chơi sớm, để nước đá về cháu còn đi vác mướn nữa.

- Vác vậy tiền đủ sống không?

- Mùa nắng thì đủ, còn mùa mưa nước đá ế. Có nhiều lúc hai thằng nhịn đói đến hai ba ngày là thường. Cháu phải kiếm việc làm thêm.

Câu chuyện lòng dòng của thằng De Sam đã đưa chiếc xuồng đến nơi lúc nào không hay. Mũi xuồng dũi vào một ổ mối to dị thường. Khản định bước xuống nhưng thằng De lớn đưa tay ngăn:

- Khoan chú, để cháu rọi xem đã - Nói xong nó lấy cái đèn pin soi xung quanh. Rồi bắt đầu giăng lưới.

Ngồi một mình, Khản mỉm cười nhớ lại lời thằng De lớn kể về chuyện người bị trời trồng. Truyền thuyết hoang đường này có quá lâu rồi, tưởng nó đã rụng xuống hư vô. Không ngờ hôm nay Khản bắt gặp tại nơi thôn dã nầy.

Khản nhìn cái gò. Nó giống như một người đang cầm búa sắp chém xuống. Có lẽ vì hình dáng như thế cho nên người dân ở đây bịa ra chuyện đó để răn đời. Khản lại chăm chú nhìn và thật kỳ lạ là cái gò chợt động đậy, Khản càng nhìn nó lại càng lay chuyển dữ dội. Rồi bỗng dưng nó bựt nứt ra năm sáu mảnh và một người khổng lồ từ trong đó đứng lên. Người ấy tay lăm lăm cái búa to, sáng lóa, đưa tay ngoắc Khản và hét lên.

- Lại đây, cho tao chém một búa.

- Tại sao ngươi chém ta - Khản hỏi.

- Thượng đế tao cũng chém.

- Tại sao ngươi đòi chém thượng đế?
- Vì thượng đế cũng không công bằng. Xử tội mà không cho tao cách gì biện minh cả.
- Ngươi đã chém mẹ, giờ lại định chém ta ư?
- Hả! Ngươi nói gì? Ta chém mẹ ta ư? - Người khổng lồ nghe nhắc tới đó như đỉa phải vôi, buông búa xuống và hai tay ôm lấy mặt. Hắn nức nở khóc và nói. Có đời nào con giết mẹ bao giờ. Hỡi Thượng đế! Hàng ngàn năm nay rồi, có lẽ nào án xử chưa xong. Thằng kia, lúc nãy thằng ngồi trước mũi xuồng của ngươi cũng đã xử ta. Lúc đó ta say, khi say ta là con vật. Ta chỉ muốn dọa mẹ lấy tiền mua rượu uống để trốn thói đời đen bạc thôi mà. Đó là lỗi lầm duy nhất của ta. Hàng ngàn năm rồi ta dở sống, dở chết trong miệng thế gian. Sao nỡ xua ta đi mãi một mình với nỗi oan khiên. Đừng bỏ ta đi. Hãy nói giùm với người đời, kẻ giết mẹ ta lẫn ta là bia miệng thế gian. Hãy nhớ lấy, bia miệng thế gian. Hãy cứu ta với. Hãy cứu ta với!

Nói đến đây nước mắt hắn rơi lã chã hòa với sông nước chảy lai láng. Hắn lại ôm mặt nghẹn ngào gọi: "Mẹ ơi! Ngàn năm rồi mẹ ơi! Con khổ lắm. Hãy cứu con với mẹ ơi!" Và hắn gục xuống, những nét hung tợn phút chốc biến mất, gương mặt chợt hiền hòa như trẻ con và những mảnh vỡ khi nãy từ từ khép chặt hắn lại thành cái gò mối đứng dưới cây dông đồng.

Lưới giăng xong.

- Chú đừng hút thuốc - De lớn lại dặn Khản - Giống này đánh hơi giỏi. Cũng đừng nóng vì những con đầu tiên là những con cuốc chúa, nó lớn và khôn lắm.

Khản nói:

- Chú vừa mới nói chuyện với ông bị trời trồng nè.
- Chú nói chơi làm cháu ớn da gà. Ổng có mẹ mà ổng chém, thì chú nói chuyện với ổng làm gì.
- Không chú nói thật. Chuyện đó không đơn giản như cháu hiểu đâu.
- Chú cứ giỡn hoài - De lớn nói - Thôi để cháu thổi.

Khản và De lớn vẫn ngồi trên xuồng, mỗi người phủ tấm mũ đen tiệp với lùm cây. Xong đâu đấy, De lớn lấy đồ nghề. Dụng cụ thổi cuốc hình tròn, như ống tiêu, cụt cỡ chừng nửa tấc. Nó bắt đầu đưa lên môi.

Mặt ruộng liền sông lớn, đầy ánh thủy ngân anh ánh. Nước chở một nỗi buồn bàng bạc lan rộng mệnh mông mút tầm mắt người nhìn.

Theo làn hơi của De lớn, tiếng "cuốc, cuốc, oa, oa" nhanh hơn vang lên thúc giục, nôn nả như nỗi đớn đau đầy nước mắt.

Những tiếng kêu, nó được nhả ra cùng từng giọt máu và theo đó thành quách, đền đài, lăng tẩm rêu phong thời hưng thịnh của một vương triều vây quanh hồn Khản.

Đang lội bì bõm ngược dòng thời gian, bỗng De lớn nắm tay Khản giựt giựt. Miệng nó vẫn thổi, tay chỉ về bụi lát đang động đậy. De lớn rút tiếng "tu, oa" nức nở cuối cùng, thế là một bóng đen như một hồn ma bay thốc vào lưới.

De lớn bước lại gỡ, rồi buộc chân nó đưa cho Khản.

Một con, hai con, ba con, càng lúc càng nhiều.

Trời gần sáng, Khản lấy đèn pin rọi vào những con cuốc bắt được. Con đầu tiên lớn nhất, bộ lông xanh thật đẹp với cái ức trắng vương giả, khoác cái mũ hoàng đế vàng tươi màu của sự cao sang tột đỉnh. Giờ bị trói chân nằm dưới khoang thuyền.

Qua ánh sáng của ngọn đèn pin, hai mắt con cuốc ánh lên sắc lửa kỳ lạ hình như nó muốn chối từ lòng thương cảm nhỏ nhoi của Khản dành cho nó. Đôi mắt nó nhuốm đầy vẻ chán chường, khinh bạc hình như nó muốn nói:

*"Biến hóa lẽ huyền vi*
*Ta tột đỉnh quyền uy*
*Cũng ngã vực hư vô*
*Thân hơn chi hạt bụi*
*Gọi: "Quốc, quốc, gia, gia"*
*Ta gọi nước, gọi nhà*
*Gọi chi họa ngôi báu*
*Biến hóa lẽ huyền vi".*

Và từ trong đôi mắt đó, bỗng ứa ra hai giọt nước. Hai giọt nước chảy xuống bỗng chốc biến thành hai chùm lông trắng phếu viền phía dưới vành mi mắt của con cuốc và nó chợt vùng vẫy kịch liệt.

Đột nhiên, một mối thương cảm kỳ lạ, thôi thúc mãnh liệt buộc Khản mở chùm dây trói, thảy cả bọn lên trời. Được thả, những con cuốc hoảng hốt đập cánh bay tán loạn. Thoáng chút, chúng mất dạng trong những lùm cây.

De lớn kinh ngạc nhìn Khản. Khản vỗ vai anh bạn nhỏ.

- Về nhà chú sẽ trả tiền cho cháu gấp hai - Lẳng lặng không nói tiếng nào. Nó cuốn lưới, xin Khản một điếu thuốc rồi bơi xuồng về. Không biết nó có giận không. Riêng Khản lòng thấy ngùi ngùi vì có một đêm sống cùng những oan hồn người xưa cũ.

Đến nhà, trời sáng bạch. Khản bước vào trước và thấy trên bộ ngựa xoài trống không. Thằng De nhỏ đang ôm chân bộ ngựa.

Hai cái chân liệt của nó trắng bợt như mủ nhựa tái sinh có lẽ vì bị ngâm nước quá lâu. Còn xung quanh nó, vô số những con trùng hổ to, dài nhằng đang bò lúc nhúc trên nền nhà, bò vào bếp nấu ăn, bò lên chân bàn thờ, bò đầy ngạch cửa.

De lớn xách đèn và lưới đi sau. Khi thấy thằng em ngồi bệt dưới đất, nó hoảng hốt ẵm em lên và cằn nhằn:

- Mầy làm cái gì vậy. Tao đã dặn rồi. Tao đi vắng thì nằm nghỉ. Đừng bò tới bò lui nó té mà mầy cãi tao. Mầy kỳ quá!

Thằng De nhỏ rươm rướm nước mắt.

- Tao đu lên ngựa không được. Chớ tao muốn ở đây làm gì. Mấy tiếng đồng

hồ bị nước ngập, chân tao tê cứng rồi nè.

- Vậy chớ mầy bò ra ngoài làm chi.

Thằng De nhỏ vẫn thút thít:

- Tao nằm chiêm bao thấy ba với má về kêu tao đi ra tỉnh chơi. Tao chạy theo, ai ngờ nó té xuống, chớ tao muốn đâu!

Thằng De lớn lấy đồ thay cho em. Khi nó lột cái quần ướt của thằng em ra để thay quần khác thì ở kế ngay bộ phận sinh dục teo héo của thằng De nhỏ rớt ra năm sáu con trùng hổ. De lớn lấy tay bốc liệng xuống đất.

- Mầy cứ đi hoài, một mình tao ở nhà buồn muốn chết - De nhỏ nói.

- Không đi làm sao có tiền, mà thôi tao không đi ban đêm nữa đâu - De lớn vừa nói, vừa đưa tay xoa xoa, bóp bóp cái chân trắng bệch, què quặt của đứa em.

Qua lỗ thủng trên vách, ánh sáng tràn vào nhà. Thằng De lớn gục đầu nhìn đôi chân thằng em và khóc. Những giọt nước mắt rơi lả tả xuống chiếu.

Chợt phía dưới cầu tầu, có tiếng gọi lớn:

- De Sam nước đá về kìa.

Khẩn vội cho tay vào túi quần móc lấy cái gì mà mình cũng không biết. Những ngón tay gầy khô của anh đụng nhằm một vật hình như nó là gói thuốc.

- Chú cất đi - De lớn nói - Tôi không đi thổi cuốc nữa! - Nó bước nhanh về phía cầu tàu.

Phương Đông. Mặt trời lên. Một vùng ánh sáng chói chang như một bông hồng rực thắm cài trên ngực áo buổi bình minh.

Khẩn vuốt mặt, thẩn thờ nhìn.

PHẠM TRUNG KHÂU



NGUYỄN TÔN NHAN

# mùi thiên nhiên

*Một nụ hoa thược dược*
*Chứa đựng cả càn khôn*
*Long lanh giọt sương nước*
*Mà dồn dập sóng cồn*

*Làm sao mà giải được*
*Ý nghĩa của mất còn*
*Trăng mọc sau hay trước*
*Nắng nhạt hay mưa tuôn*

*Trăng mọc ở đầu non*
*Mơ đến giờ nguyệt tận*
*Bèo giạt dưới mưa tuôn*
*Tử sinh vòng lẩn quẩn*

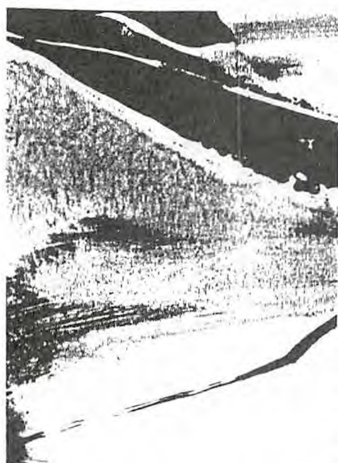
*Cành hoa đưa hương phấn*
*Ngào ngạt mùi thiên nhiên*

NGUYỄN TÔN NHAN



HỒ MINH DŨNG

# người ăn mày trên phố bolsa



Hồi còn ở Việt Nam, một người bạn qua trước, viết thư về thăm và tả lại cuộc sống ở Mỹ, tôi đọc đi đọc lại nhiều lần rồi đâm ra nghi ngờ, mất niềm tin vào người bạn xưa nay chơi thân và rất tốt với tôi. Mười điều bạn viết, tôi chỉ tin ba bốn điều.

Đó là những ngày gia đình tôi đang chuẩn bị để đi Mỹ, các con tôi, có đứa còn vương vấn tình cảm chưa dứt khoát, vợ tôi vì thương cha già mẹ yếu, không nở bỏ đi, rơi vào trạng thái lưng chừng. Dĩ nhiên lá thư của bạn tôi dấu kín, sợ gây ảnh hưởng không tốt với vợ con. Trong những ngày ấy, chúng tôi đi thăm bạn bè và những người quen biết, có người mừng cho chúng tôi sắp thoát khỏi cảnh đọa đày. Có người không ý kiến, theo tôi, lúc ấy, không nói gì tức là họ không muốn cho chúng tôi sung sướng hơn. Cũng có người bạo miệng nói thẳng rằng, qua Mỹ lúc nầy, trâu chậm uống nước đục, mà nước đục không phải nơi quê mình, nguồn nước quê người ô nhiễm nặng, khó nuốt.

Họ không nói gì cụ thể, chỉ ví von chừng ấy, thế là tôi đâm giận, và từ đó không lui tới nữa. Người đời thường không thích những con kỳ đà cản mũi, tôi cũng thế, nhưng để bảo vệ cho giấc mơ cực kỳ huy hoàng của mình, những con kỳ đà ấy lại biến thành bầy cá sấu đáng ghét.

Bạn tôi không nằm trong danh sách bầy cá sấu cản mũi đó, vì tôi không dám nghĩ khác cho một người bạn đã từng sống và hiểu nhau lâu năm. Cho nên, một buổi chiều, tôi tranh thủ, phóng xe qua Bình Quới, ra quán nước

bên bờ sông, ngồi dưới gốc cây già, uống cà phê và đem lá thư bạn ra đọc lại, thử xem trong cảnh tịch mịch nầy, khi tâm hồn tĩnh lặng, có giúp gì thêm cho tôi hiểu được ý bạn muốn nhắn nhủ không. Cuối cùng, tôi vẫn không tin nhiều điều bạn viết trong thư.

Ở một xã hội văn minh hiện đại như thế, bạn nói ra đường là gặp ăn mày. Ở một đất nước giàu sang, kỹ nghệ chế biến thực phẩm chú trọng hàng đầu như thế, mà bạn nói, ăn gì cũng không ngon, nhạt phèo. Hình ảnh những người tị nạn mới qua đi ngơ ngáo, lạc lõng đầy đường, những cảnh vợ bỏ chồng, con cái bỏ cha mẹ, những người chết không lo nổi đám tang, thân nhân kêu gào khan cổ trên hệ thống truyền thanh, truyền hình. Làm sao tôi tin được! Bạn tôi nằm mơ chăng?

Đừng tin những gì bọn chúng nhân danh, toàn là những mỹ từ đãi bôi, lừa bịp,đã sàn lọc bắt chước qua sách vở, phim ảnh cả thế giới gom lại đây. Nghe lời chúng, tức là bỏ tiền vào túi kẻ vô lại. Bọn chúng là ai? Đại bịp cỡ nào mà bạn dùng đến hai chữ "vô lại"? Bạn tôi xốc nổi, đau quá hóa cuồng chăng?

Sông Sàigòn khi chảy ngang qua bán đảo Bình Quới, sau chiến tranh, đã trở thành một dòng sông chuyên chở nỗi niềm của những người còn trẻ tuổi, đang thời mới yêu nhau. Chỉ có một mình tôi già. Đám trẻ tưởng tôi đến để thu nhận một vài hình ảnh của quê hương yêu dấu trước khi đi xa. Nhưng không, tôi đến vì những điều đã nói trên. Không phải ai sắp đến ngày biệt ly cũng buồn!

Bên hông quán nầy là một ô đất màu nâu, trên ấy có nhiều ngôi mộ của các cha, các thầy dòng chết trong khu dưỡng lão bị sập chìm xuống sông năm nào. Những nấm mộ nằm trơ trọi, lặng lẽ, không có một cọng cỏ mọc, là nơi cho phép tôi nghĩ cặn kẽ về đời mình. Tôi đang sống, lại sắÔp đến thiên đàng hạ giới, sự may mắn chỉ có mình tôi. Quá đà, tôi tự hứa sau nầy, qua Mỹ rồi, sẽ gửi tiền về làm những việc thiện, như những người giàu đã từng làm để quân bình số phận, chén nước đầy quá thì tràn, có khi biến tràn thành đổ.

Cầm lá thư bạn trong tay, cho đến khi con nước lên chạm phải gốc cây, tôi xếp thư và thả trôi theo dòng nước. Lá thư gió thổi ra giữa dòng chạy vù về phía cư xá Thanh Đa. Nhìn xa như một cánh bướm lướt bay trên dòng nước biếc. Tôi làm việc nầy, như trong chuyện văn chương tuổi thơ, thả chiếc thuyền giấy trôi về chân trời vô định.

Qua Mỹ rồi, bạn từ San Jose về thăm, tôi đem chuyện cũ ra kể, bạn cho tôi thần kinh bất ổn nặng, nếu không muốn nói tôi đã trở thành ngốc nghếch. Rồi hỏi tôi bây giờ đã tin chưa. Tôi chỉ biết nhìn bạn cười. Bạn cũng cười. Cả hai đều rơm rớm nước mắt. Bạn tôi, có một cuộc đời không vui, dường như bao nhiêu những điều rủi ro trên đời nầy bạn đều xê vai vào gánh. Bạn qua Mỹ một mình, vợ chết, các con ở hộ khẩu với bà ngoại không được đi theo. Hôm bạn đi, đám con đứng trên hành lang sân thượng phi trường khóc thét lên một lượt. Nếu không người giữ lại, có thể một hay hai trong những đứa con tuyệt vọng vì xa cha ấy, lao đầu xuống sân rồi. Thế mà bạn chẳng bao giờ

nhắc đến chuyện buồn. Hay là bạn đã trút hết trong bức thư viết cho tôi?

Đất Mỹ, một thời, là nơi nhiều người mơ ước, có thể đánh đổi tất cả, kể cả sinh mạng mình. Hồi còn trong trại giam, những năm về sau, chúng tôi, sở dĩ được sống sót là nhờ vào niềm hy vọng ấy, khi thân xác mòn, sức lực kiệt, chúng tôi đã được một liều thuốc mong manh- ấy cứu lấy.

Đất Mỹ có gì mà mang tính quyết định thế? Tự do chăng? Riêng bản thân tôi, Mỹ là nơi chốn quá đỗi thần thánh, không phải chỉ là đất hứa như người ta thường nói thôi, mà còn gieo vào tâm trí tôi biết bao nhiêu điều kỳ lạ, tựa hồ như vườn địa đàng trong Cựu Ước, khi chàng Adam chưa nghe lời vợ ăn trái Chúa cấm. Dĩ nhiên là ngoài hai chữ tự do ra, tôi còn rất nhiều điều khác nữa. Có những buổi chiều, ngồi trong căn nhà tranh chật chội đầy bụi bặm ở khu nghĩa trang mới giải tỏa, tưởng tượng ra biết bao điều ở Mỹ, cứu vớt cho đời mình những năm về già. Tuổi già, buồn bã biết bao! Nhưng trên đất Mỹ có nhiều điều kiện để cho con người không biết mình già.

Đi qua một hành lang của bệnh viện miễn phí, từ những hệ thống máy vi tính tân kỳ bên trong, có thể chữa lành tức khắc tất cả mọi thứ bệnh. Một người Việt Nam bao năm cùng cực, mang trong phủ tạng hằng trăm thứ bệnh như tôi, còn mong gì hơn thế.

Vào trong một siêu thị, ngươi có thể ăn bất cứ thứ gì vào bụng, miễn là đừng bỏ túi thì thôi. Như thế, về nhà, ngươi cần gì nấu nướng cho phiền toái.

Những nơi truyền bá tin lành, cuối tuần, sẽ có những chiếc xe buýt đậu sẵn ở khắp mọi công viên để đón ngươi đến tiệc tùng chung vui với họ trong ân tình của Thượng Đế ban phát xuống không riêng ai. Tiệc tùng xong, mỗi người được tặng một gói quà lớn rất giá trị, nếu dùng không hết có thể để dành đó sau nầy gửi về cho thân nhân bên nhà.

Nếu khi còn ở trong nước, ngươi mơ một đĩa cơm sườn, có vài lát dưa leo, vài cọng xà lách, sang hơn thì có thêm một hai quả trứng chiên hay một tô phở bò đặc biệt ngon gấp mấy lần cỡ phở của nhà văn Nguyễn Tuân thì ở đây không thiếu, ngươi chỉ mất công ghé vào bất cứ tiệm ăn có bản hiệu tiếng Việt nào, thoáng mắt qua nhìn da dẻ ngươi, là chủ nhân biết ngươi vừa thoát qua cơn hoạn nạn, bạn trả tiền hay không cũr g chẳng sao. Phát họa như thế, ngươi đã thấy rằng, trên trần gian nầy có ai sung sướng bằng ngươi.

Xưa, trong chế độ quân chủ, quyền bất khả xâm, chỉ có tầng lớp vua chúa, hoàng tộc. Nay, quyền ấy thuộc về ngươi.

Nếu một cảnh sát sở tại tính tình nóng nảy có thể tát tai một cụ già trên sáu mươi vì nghi ngờ có uống rượu lái xe, hay một người bản xứ nào chửi vào mặt rằng đồ ăn hại, thì đó là lời đồn đãi ác ý, hay không phải họ nhắm vào mình. Có thể là một dân tộc thiểu số khác hoặc vì gian truân quá mà tâm hồn mình sinh ra nhiều ảo ảnh chăng?

*

Bạn tôi không thể sống ở San Jose được, đi bang lạnh. Trước khi đi, bạn về quận Cam ở lại với tôi mấy hôm. Trông bạn, độ nầy gầy ốm, mặt mày bơ

phờ ốm o, tôi đâm ra lo lắng, hoang mang. Trên những con đường tôi qua lại hàng ngày, từ dưới lòng đất nhú lên những chồi non, nhìn kỹ, không phải là cây mà gai. Vầng trăng ánh sáng ấm áp ngọt ngào treo hằng đêm bên ngoài cửa sổ, thì ra là một tấm bảng hiệu của một tiệm bán đồ trang trí trong nhà. Bên kia đường, rừng cây lúc nào cũng xanh tươi, những hàng bông giấy đủ màu dịu dàng leo lên bờ rào, tôi đâu ngờ đó là một nghĩa trang buồn bã. Trong ấy, không thiếu gì xương thịt của người cùng chủng tộc với tôi, biến thành bụi tro nằm ở những chỗ khiêm tốn nhất. Họ chết lâu rồi, máu vẫn còn chảy trong dòng đời lạc lõng!

Buổi chiều trước khi chia tay, bạn tôi soạn hành lý trong chiếc ba lô nhỏ cho tôi xem. Tất cả "gia tài" của bạn qua Mỹ hơn ba năm không có gì, ngoài mấy bộ quần áo, hai thanh kim loại hình tròn dùng để mài dao, mấy quyển tự điển, một tập an-bum đựng ảnh và một cái hộp bằng nhựa đựng nắm tro của người vợ. Chia cho các con một nửa, một nửa anh mang theo. Xương cốt vợ anh màu xám, rất mịn.

Hình ảnh của bạn giữ không nhiều, chỉ mấy cái mờ nhạt. Vợ đứng chụp chung với anh bên bờ hồ Than Thở ở Đà Lạt, dưới gốc cây thông rũ lá, mặt nước hồ phía sau lóng lánh trời chiều và mây xuống rất thấp, có những đám mây gọn ghẽ nằm trên lưng ngựa đang gặm cỏ bên đồi. Một tấm khác, anh đứng với một người da đen hiền từ, bên cạnh một chiếc xe hơi bị tông móp méo. Đó là người hàng xóm tốt bụng, gọi anh chụp chung tấm hình để chia sẻ với ông trong cơn hoạn nạn bất ngờ.

Tôi hỏi qua bang lạnh làm gì, bạn trả lời:

"Thịt heo, hay bò trong hai thứ ấy, làm gì cũng được, miễn là có tiền."

Tôi biết rất nhiều người Việt sau nầy qua bang lạnh làm công việc nặng nề ấy, nhưng chỉ tuổi trẻ, không ngờ bạn tuổi tác đã cao lại đi. Bạn nói thêm:

"Mình chỉ làm thời gian kiếm ít tiền thôi, rồi trở lại Cali. Nếu sức lực còn thì ráng vài năm, về thăm nước một chuyến."

Anh còn đàn con bên đó, về thăm là phải. Tôi mới qua chân đi trên đất còn lảo đảo, lòng cũng thấp thỏm, muốn về. Trước nôn nóng ra đi, nay lại nôn nóng về. Lòng nổi trôi trăm mối mâu thuẫn.

Bạn đi rồi, tôi càng buồn. Tất cả những gì ngày trước tôi nghĩ, từ từ ra khỏi lòng tôi. Trong những ngày ấy, tôi lại gặp một người ăn mày trên phố Bolsa.

*

Tôi gặp người hành khất nầy cả thảy ba lần ở ba địa điểm khác nhau, một lần trước hiên khu thương xá Phước Lộc Thọ phồn vinh, một lần bên cạnh chợ Tân Mai ế ẩm và một lần ở sở trợ cấp xã hội đường Valnut, Santa Ana, nơi hàng ngày có rất nhiều người, đủ mọi sắc dân, không nhà, thiếu ăn đến đây xin tiểu bang trợ cấp hoặc để được những bữa ăn do các tổ chức từ thiện

mang đến. Anh là một người lộ diện ăn mày thật sự, không hề ngụy trang hay che dấu dưới bất cứ một hình thức nào.

Người Iran, Irắc đi kiếm ăn, mặc quần áo như tín đồ hành hương, tay kè kè quyển thánh kinh chép cả mấy vạn lời răn của vị giáo chủ tự nhận con Trời. Người Ấn Độ kiếm ăn trang phục dáng dấp đạo mạo như đạo sĩ, không quên nâng ống tiêu lên thổi khúc nhạc huyền bí mà cha ông họ đã thổi cho loài rắn nghe. Còn anh không có gì. Không mang theo một mảy may gì gọi là nền văn hóa đặc trưng của dân tộc mình.

Cũng như những người đói đi kiếm ăn khác bên nhà, anh chỉ có chiếc nón lá sờn cũ, đặt ngay trước mặt và miệng liên tục thốt ra một câu duy nhất bằng tiếng Việt rõ ràng "Cho xin một đồng!". Không dài lời, không van vỉ, không có những cử chỉ để khêu gợi lòng trắc ẩn của người khác. Anh ăn mặc sạch sẽ, không rách rưới, tóc tai chải chuốt đàng hoàng. Ngồi tựa thẳng lưng vào vách, đưa đôi mắt gần như mù lòa nhìn đăm chiêu phía trước. Mỗi lần ai cho, nhiều hay ít, anh đều cúi đầu trang trọng cám ơn. Ruồi nhặng thường thích bâu vào những người khốn khổ, nhưng chúng không đến với anh. Đó là điểm khác biệt của người kiếm ăn ở xứ sở văn minh nầy.

Dân Mỹ chánh hiệu cũng có người nghèo, khánh tận, mới ra khỏi nhà tù, hậu quả của nghiện ngập xì ke ma túy, cờ bạc, đi xin ăn. Họ thường đứng ở các ngã tư, ngã ba đèn đỏ, mang tấm bảng không nhà, đói (đôi khi có thêm cần việc làm) trên ngực, để mong sự giúp đỡ của người khác. Và người khác, khi bất đắÔc dĩ phải tuân theo luật lệ giao thông, ngừng lại, cho hay không cho, chẳng bao giờ họ nghĩ điều không tốt về người ấy. Họ cũng chẳng tin cho người nghèo là tích trữ nhân đức lại đời sau như người Á Đông. Nhưng sự dửng dưng nầy cũng là món quà tinh thần cao quý rất cần cho người xấu số, gieo cho họ một niềm tin vào số phận con người mà Tạo Hóa sinh ra, sự may rủi có thể đến với bất cứ ai.

Khoa học hiện đại đã khám phá ra rất nhiều điều bí ẩn, chứng tỏ vũ trụ không ngừng chuyển động, không ngừng xoay vần. Một vì sao ở cách xa mặt đất hàng tỷ năm ánh sáng vừa mới sinh ra hôm qua. Một ngọn hồng tảo nhỏ nhoi ở dưới đáy biển sâu mới đổi màu hôm ki .

Còn anh, người Việt Nam lại khác, tức là có nhiều điều mà người viết văn không thể bỏ qua được. Và, tôi cũng viết lại những điều nầy ra, cho câu chuyện thêm phần chi tiết, để tạm gọi được là một truyện ngắn. Tôi đã tìm cách nói chuyện với anh khá lâu bên vệ cỏ của sở xã hội quận Cam, lúc đó tôi cũng đến để xin phiếu mua thực phẩm, sau khi hết hạn trợ cấp.

Nguyễn Văn Tần, 42 tuổi, sinh quán tại làng Lương Viện, quận Phú Vang, cách thành phố Huế khoảng mười mấy cây số về phía Đông. Mồ côi cha mẹ từ thuở ấu thơ, cũng đã hành nghề nầy ở quê nhà trên mười năm quanh chung cư Nguyễn Thiện Thuật, Bàn Cờ. Lý lịch của anh tóm tắt chỉ chừng ấy, còn anh qua Mỹ bằng cách nào và vì sao phải tiếp tục đi ăn xin, anh không nhắc đến. Tôi cũng không muốn anh nói ra, cũng như độc giả chắc

cũng không ai muốn biết đến điều (không vui) nầy làm gì.

Cảnh sát sở tại vì lời tố cáo của những chủ hàng quán có anh ngồi gần gây trở ngại cho họ buôn bán, đã mời anh về đồn, nhưng khi đối diện với một con người hầu như không sức đề kháng, họ chỉ hỏi anh mấy câu, y như nhân viên trong sở di trú hỏi khi làm thẻ xanh, anh trả lời đúng ý họ, rồi thôi. Không phạm luật pháp, không theo kẻ người Mỹ chống, không phản bội nước Mỹ dù bất cứ tình huống nào. Đủ rồi.

Đó thời kỳ những cơn chấn động tiếp theo của trận động đất gây thiệt hại nặng nề về sinh mạng cũng như vật chất ở Los. Loài người, bản năng, thương yêu nhau lúc có hoạn nạn. Mà họ cũng chẳng dại gì, đem cái sức lực mạnh bạo và tứ chi to lớn của mình để "đình" một người tị nạn gầy yếu cho mang tiếng kỳ thị, vũ phu. Ngày nay, máy chụp ảnh, quay phim của thông tín viên đã thay "lưới trời lồng lộng" rình rập ở mọi nơi.

Sau nầy, có những người Việt thấy anh, sợ người ngoại quốc đánh giá toàn bộ dân tộc mình lại tố cáo, nhưng cảnh sát cũng lờ đi. Dù không chính thức phúc đáp bằng văn thư, nhưng họ cũng ngầm cho điều ấy không chính đáng, có thể gây rắc rối về sau. Chẳng ai muốn đem thân ngồi đầu đường xó chợ làm gì.

Những người cầm bảng ở nơi chỉ dẫn an toàn giao thông, chỉ đứng trong vài giờ khi lưu lượng xe cộ cao điểm trong ngày, còn anh từ sáng tới tối. Trước khi về, còn dọn dẹp sạch sẽ quanh chỗ ngồi đàng hoàng, chứng tỏ anh là một con người không phải liều mạng, biết điều phải trái, và chọn việc làm nầy không chỉ nhất thời. Tự lực cánh sinh, không nhờ đến sự trợ cấp của xã hội, điều mà sau nầy, họ cho là tai vạ, đang tìm mọi cách để triệt tiêu.

Làm xấu hổ đến giống nòi, anh Tần cũng hiểu điều đó, cho nên những ngày lễ lạc của nước nhà hay là có biểu tình chống vi phạm nhân quyền, đi bộ cho quyền tỵ nạn, chống chính phủ Mỹ đặt quan hệ ngoại giao, hay những ngày tết nhất, kỷ niệm đại tang ba mươi tháng tư, anh đều nằm ở nhà.

Nhà đây, là một góc ga ra của một biệt thự bị ngân hàng tịch thu treo bảng bán đã lâu chưa có người mua. May chung quanh xóm, toàn là người mũi cao, tóc quắn, nên không ai gọi cảnh sát đến. Lâu lâu, những người lối xóm, đem những đĩa giấy đựng đầy cơm thịt còn nóng hổi cho anh ăn. Ăn không hết anh đem bỏ ngoài lề đường cho mèo hoang đến ăn. Người Mỹ không bao giờ cho người nghèo bằng những thức ăn thừa của mình. Còn anh cho mèo những thức ăn thừa của anh. Những con mèo ấy cũng biết ơn anh. Mùa đông, trời buốt căm căm, có con mèo vào nằm bên anh.

Những hôm nghe báo, đài loan tải có những người Việt Nam đâm chém, giết nhau vì cướp của, dành giật đàn bà, con gái, quyền lợi tư túi, tranh chấp hội hè, kinh doanh, băng đảng, anh cũng có mặt nơi hành nghề, nhưng người ta lấy làm lạ chiếc nón của anh lật ấp xuống. Và anh ngồi như bất động, hai tai chỏng ngược lên trời, không phải anh nghe ngóng về nguồn tin ấy, mà anh nghe giữa khoảng không gian có những âm thanh là lạ, buồn xé ruột, như

những cánh ruồi đang vùng vẫy trong mạng nhện.

"Thế mà có người đánh tôi?"

Anh Tần bật nói ra như để trút nỗi đau còn lưu lại trong lòng. Tôi hỏi:

"Ai?"

"Bị đánh bất ngờ, tôi gục liền, nên không nhìn rõ. Có lẽ, họ ghét tôi, hay cũng đi ăn xin như tôi, tranh dành đất sống. Hay là để ăn cắp tiền tôi xin được trong nón. Ngày hôm ấy, tôi vềợ hai tay không."

Tôi muốn hỏi thêm xem có ai cứu anh lúc đó không, thì anh nói qua chuyện khác, coi như việc đánh mình là điều không thể tránh khỏi.

"Ai cũng tưởng tôi mù, nhưng tôi mù thật thì đã có tiền bệnh ăn rồi, cần gì phải làm chướng tai gai mắt người khác. Tôi vẫn thấy, nhưng không được rõ, hồi ở bên trại tỵ nạn Mã Lai, tôi ra suối bắt cua cá để ăn thêm đỡ đói, bị cảnh sát lấy cần câu chọc vào mắt tôi, tưởng mù, may còn thấy... mờ mờ."

Tôi lại hỏi anh một câu theo thói quen mỗi khi gặp người cùng nước:

"Cũng muốn về thăm quê một chuyến, phải không?"

"Phải, trước sau cũng về một chuyến."

"Anh còn thân nhân bên nhà không?"

"Chẳng còn ai nữa, nhưng cũng muốn về thăm một chuyến."

"Bao giờ thì về?"

"Đáng lý ra, tôi về năm ngoái rồi. Nhưng nhận được thư một người bạn cho biết là không nên về, tôi về có thể bị giết chết hay hành hung tức khắc."

"Thật không?"

"Thật. Tập đoàn Cái Bang vừa thành lập ở trong nước. Mới làm lễ xuất quân ở hồ nước cạnh Nhà Thờ Hầm gần trường đua Phú Thọ. Họ ra thông cáo, nghiêm cấm mọi người Việt Nam ra hải ngoại không được lợi dụng danh nghĩa nầy để làm giàu trên xương máu đồng hương."

Cảm giác như anh nói đùa, tôi cười:

"Cũng biết sợ, mà sợ chết à?"

Anh khẽ cười:

"Trời, bộ điên sao không sợ chết."

"Thế mà tôi vẫn tin rằng khi con người khổ quá thì không còn sợ gì nữa, kể cả chết."

"Thế là lầm to, lưỡi hái tử thần ghê gớm lắm, đừng coi thường nhé. Người giàu, lưỡi hái cắt. Người nghèo, lưỡi hái cứa. Cứa đau gấp ngàn!"

Tôi trở lại câu chuyện còn bỏ dở:

"Chúng dọa đó thôi, anh sợ vô cớ như thế thì biết bao giờ mới được về thăm quê hương?"

"Không dọa đâu, thật đấy chứ. Thằng bạn tôi còn sao nguyên văn điều lệ, tôn chỉ gửi qua. Mình không dại làm con vật tế thần, trong giai đoạn quỷ, người trà trộn. Thôi, chờ vài năm nữa, thi vô quốc tịch Mỹ đậu hẳn hay. Chính thức người Mỹ rồi, khó chết. Nếu "đen" lắm chết, chết sướng."

Nói xong, anh cười, đôi mắt híp lại chỉ còn một vệt như vết thương chưa

lành miệng. Nét mặt anh, lúc ấy là thể nhão đang đốt trên hỏa lò. Anh rủ tôi nán ở lại đây để ăn bữa cơm bố thí, chiều thứ sáu hằng tuần, trên bãi cỏ nầy thường có những chiếc xe chở thức ăn đến để cho người nghèo.

Nếu gặp người Việt bác ái đem đến, tức thì bữa ăn đó biến thành bữa tiệyc ngon, vì ngoài thức ăn còn tình nghĩa mặn nồng. Anh nói, hai năm nay, không có thứ sáu nào mà vắng anh đây, không phải vì anh không có tiền để ăn cơm, nhưng đến đây, vẫn thấy vui, thế giới của người nghèo huyên náo, đậm đà, bộc bạch, và an toàn hơn nhiều.

Một lần nữa, tôi không tin anh, cho đó là những lời bông đùa để che dấu sự bất hạnh của mình. Khi còn ở trong nước tôi đa nghi, bởi vì tôi chưa trông thấy tận mắt. Nay, trông thấy tận mắt, tôi đa nghi vì nơi mình đang sống có quá nhiều điều, ngoài sức tưởng tượng khá phong phú của tôi.

*

Bạn tôi đi làm thịt heo ở thị trấn Waterloo, bang Iowa một thời gian, rồi theo một người quen qua làm nghề đánh cá ở đảo Hạ Uy Di, bạn đến phi trường Denver rồi đi thẳng, không về Cali. Từ nơi mới đến, bạn viết thư thăm.

Đây là lá thư tôi tin lời bạn viết. Tin cả mười phần. Là, biển ở Mỹ nầy hiền hơn bất cứ biển nào trên mặt đất. Đi đánh cá, từng chuyến, năm mười ngày ở với đại dương mênh mông thật sung sướng và yên ổn tâm hồn.

Biển lúc nào cũng trong vắt, chiều sâu không ám ảnh, lại cho anh nhìn thấy một thế giới sinh vật hiền hòa, thân thiện với nhau. Những san hô sống đến mấy ngàn năm, những cánh sao biển óng ánh lân tinh vừa chu du khắp bốn bể về, những chú nghêu sò và rong rêu đồng ca Thánh Vịnh, những chị lăng quăng vũ khúc Nghê Thường. Ngoài khơi, là nơi bạn nhìn về cố hương gần nhất. Bạn là Địch Nhân Kiệt đời Đường tái sinh, chỉ vào đám mây trắng kia mà nói: quê nhà ta ở dưới đó...

Không hiểu vì nguyên do gì, bạn gửi cái ba lô nhờ tôi giữ hộ, trong ấy có mấy lá thư viết cho con chưa gửi và cả hài cốt của vợ. Những ngày ở ngoài biển khơi với chồng, tro cốt của người đàn bà ấy trở nên xanh biếc, lóng lánh, có những đường vân trong suốt như tóc mới mọc.

Tôi muốn gặp bạn, để kể cho bạn nghe về câu chuyện người ăn mày trên phố Bolsa, nhưng lâu quá không thấy bạn về. Thư từ cũng không. Cứ mỗilần biển động mạnh, sấm chớp vang trời, lòng tôi lại nhói lên.

HỒ MINH DŨNG
*Phục sinh, 1996*



**BÙI VĨNH PHÚC**

# ấn tượng

*Chiều bay gió. Thênh thang lũ biển sẫm*
*Hạ chớm mùa. Lá phơ phất triền cao*
*Bầy hải âu, cánh đập ngang trời rộng*
*Vút mái hồn dăm ngọn phi lao.*

*Nắng và biển và mùi tóc em trộn lẫn*
*Cỏ miệt mài một lớp xanh non*
*Mặt trời lóa gươm. Cánh buồm thở gió*
*Anh thở em thơm trái hạ vàng.*

*Mái ngói đỏ, những ngôi nhà ngất ngây mùi biển*
*Ngực căng phồng những vạt nắng nồng say*
*Con đồi soải, em duỗi chân trên cỏ*
*Áo mùa Xuân, hơi thở mùa Xuân.*

*Những con chim bay vùi trong kỷ niệm*
*Tiếng hát em thơ dại một mùi hươn ;*
*Mùi thơm của tóc ấm, của cỏ mềm*
*Và mùi thơm một đường môi ướt nắng*
*Mùa Hạ lẫn mùa Xuân ủ say trong cánh tay anh.*

*Biển và sóng và mùi hạnh phúc*
*Tràn lấp đầy trong cảm giác anh*
*Trong trái tim anh một lũ ong vo ve làm mật*
*Để rụng trên môi ai những giọt hạ vàng.*

*Đêm long lanh sáng. Những tàng cây giấu cất hạnh phúc*
*Căn nhà gỗ như một chiếc kén*
*Và ngoài trời kia một bầy gió lang thang*
*Em mang nắng, lũ gió sớm, mặt trời, và mùi biển mặn*
*Trên thân thể ngát hương như một trái chín vàng.*

*Hạnh phúc nở thơm như một đóa hoa kỳ bí*
*Đêm sáng long lanh. Những trái cây. Những bụi cỏ mềm*
*Những lượn sóng bập bềnh*
*Rượt đuổi vào cảm giác, rượt đuổi vào những giấc mơ*
*Tiếng hát em ngọt ngào thiết tha trong tối*
*Mùi hương thơ dại như một bài thơ.*

BÙI VĨNH PHÚC
(5/5/96)



**TRẦN TẤN QUANG HUY**

# tuổi thơ vạn dặm



*..."Mẹ bỏ tôi đi đường xa vạn dặm"...*
(câu hát)

Tôi choàng tỉnh, vùng ngồi dậy trong nỗi sợ hãi kinh hoàng, mồ hôi rịn ra ở chân tóc, ướt đầm trán và chảy ròng ròng xuống ngực. Miệng tôi đắng ngắt, hơi thở khô, nóng, đặc nghẹt thán khí. Tôi chợt nhận ra căn phòng mình ở nóng như một chiếc hầm phòng không. Chắc là tôi đã quên mở cửa sổ và ngủ thiếp đi ngay từ khi ở bệnh viện trở về. Thật là một giấc mơ kinh hoàng! Tôi mò mẫm về phía công tắc đèn. "Tách". Mẹ kiếp! Lại mất điện. Tôi lần đến bên cửa sổ, bật chốt và xô mạnh. Cùng với chút ánh sáng mờ mờ, một luồng khí đêm dìu dịu ùa vào phòng. Trời còn trăng nhưng đầy mây. Những đám mây đen mỏng, loãng, bay vùn vụt phía dưới, lúc lúc lại che lấp vầng trăng, làm cho luồng sáng của nó trở nên kỳ dị. Trước mắt tôi, chiếc cửa sổ của căn nhà đối diện mở toang, phía bên trong là một khoảng không tăm tối. Dưới sân kia, một chiếc giát giường cũ nát ai đó vứt giữa lối đi, trên một vũng nước lênh láng ánh trăng. Tôi cố hít thật sâu làn khí đêm mát mẻ và định thần lại. Phải, có lẽ nỗi ám ảnh đã sinh ra từ cái thông báo của Bộ Y Tế gởi các bệnh viện "Một căn bệnh lạ mới xuất hiện, nguyên nhân chưa xác định. Bệnh nhân có hội chứng suy hô hấp kèm những cơn co giật. Tỷ lệ tử vong cao, đặc biệt ở trẻ em". (Ghi chú: Cần làm công tác thống kê gửi lên Bộ). Một thông báo tệ hại, tôi tự nhủ, một thông báo không đúng lúc!...

*

Nó là sinh vật duy nhất trong căn buồng đó. Căn buồng tầng hai, rộng 16

mét vuông, có hai cửa sổ, một cửa chính lúc nào cũng đóng. Phía gần mép cửa là một lỗ thủng có thể nhòm ra ngoài. Nguyên trước ở đó là một ổ khóa, nay đã hỏng. Một cửa sổ không có chấn song, nửa dưới che bằng cái giát giường cũ. Không khí buổi chiều mùa hè thường ùa vào phòng qua phần trên của ô cửa sổ, ngàn ngạt mùi lá sấu úa khô. Căn phòng rất tối, vì trước khi đi làm, mẹ nó đã cẩn thận cắt cầu dao điện đóng ở một nơi rất cao trên tường. Nhưng ngồi lâu nhìn mọi vật cũng rõ.

Nó ngồi trong những luồng sáng xuyên qua khe hẹp của những chiếc nan giát giường chơi tỷ mẩn một mình. Đồ chơi gồm vài chiếc bút bi hết mực, thước kẻ, tẩy, một chiếc thìa con, những viên thuốc bọc đường. Tóm lại, bất kỳ thứ gì nó mò được. Đối với nó, chúng trở thành người, ngựa và thuyền. Hai thứ sau này, nó cũng chỉ được nhìn có một lần trong cuốn sách ngày xưa bố nó mang về, rồi sau mẹ nó xé ra bọc thuốc lá. Thỉnh thoảng, nó ngước nhìn lên phần trên ô cửa sổ. Trong khoảng trời xanh bằng nửa cái chăn dạ, vài ba cánh diều trắng nhỏ xíu chấp chới bay. Một mảnh trăng non mỏng và trong như thể sắp tan vào trong lòng trời xanh thẫm. Chơi chán nó lê lại gần cửa chính, ghé mắt nhòm qua lỗ thủng và đợi. Ngoài kia là ban công, cũng là lối đi, phía dưới là ngõ, bể nước và nhá xí tập thể. Nó đã vào đó một lần, hồi còn rất bé. Mẹ đau bụng bế nó vào theo. Trong ấy tối, hôi hám, có những bậc leo lên rất cao. Trên mảng tường sau lưng, gián đậu đặc như một tấm thảm, râu khua liên hồi thành những tiếng sột soạt. Rất nhiều lần trong những giấc ngủ sau này, nó lại gặp tiếng khua râu của đàn gián.

Đợi mãi, vẫn chẳng có ai về, nó bèn lấy bọn thuyền và ngựa luồn qua lỗ thủng thả ra ngoài. Có lần, lúc bố mẹ nó còn ở chung một nhà, mẹ nó nhìn thấy mắng: "Ngu thế. Vứt hết lấy gì mà chơi!". Bố nó đi sau, nhặt lại, mang vào nhà bảo: "Không phải, chắc con nó muốn ra ngoài". Mẹ nó bĩu môi: "Hấp, giống bố như lột". Nói xong, nhìn bố nó cười.

Mẹ là thợ may ở xí nghiệp giày da xuất khẩu. Bố nó làm gì không biết, thấy hay viết lách. Ai hỏi, mẹ mó bảo: "Vô công rồi nghề". Khi chập chững biết đi, nó thấy trong căn phòng xảy ra một cuộc cách mạng nhỏ. Giường được tháo ra xếp ngoài ban công. Bố nó lại làm mấy chiếc giá gỗ đóng vào tường, để cả gương, lược, bát, đĩa, dao, phích vào đó. Mẹ nó ngồi dưới đất, tay giữ chặt nó, ngước lên bảo: "Cao nữa vào". Bố nó lấy một cái giát giường, đóng đinh bốn góc che nửa dưới cửa sổ. "Thay cho hoa sắt, vừa khéo" - bố nó nghiêng đầu cười.

Mẹ nó làm ca sáng, dậy rất sớm, bắc bếp, thổi cơm cho vào cặp lồng rồi vội vã đi. Bố nó dậy sau, rửa mặt cho nó rồi lấy cơm nhai nát, đút cho nó ăn. Nó ăn chậm, cơm ngậm ư ứ trong mồm. Miệng bố nó hè ra theo nhịp từng thìa cơm. Bố nó giục: "Nhanh lên con, chậm giờ bố rồi". Nó không nuốt, mắt nhìn ra cửa. Bố bế nó xuống đầu đường. Sáng nào ở đó cũng có một ông béo dắt hai con béc giê ra ỉa. Hai con chó giỡn nhau lăn cả xuống cống. Ông béo luôn miệng gọi: "Vích, vích!". Được ra ngoài nhìn thấy chó, tự nhiên nó ăn

nhanh hơn...

Buổi chiều mẹ nó về. Nó đang đứng giạng chân cái co, cái duỗi. Bố nó vỗ tay reo: “Mẹ xem, con bắt chước khéo chưa kìa!”. Mẹ nó khoặm mặt: “Bố con ra ngoài tưởng học khôn được gì, hóa ra... hay hớm nhỉ?”. Nói xong vứt xoạch cái túi xách vào góc nhà. Mặt mẹ nó nằng nặng. Lát sau, cô Thu ngó vào hỏi: “Về rồi à?”. Cô Thu làm công nhân nhà máy thuốc lá, cạnh xí nghiệp mẹ nó. Cô ở cùng khu tập thể, hơn tuổi mẹ nhưng chưa chồng. Hồi trẻ, cô là thanh niên xung phong. Cô cũng làm ca, lúc rỗi vẫn sang nhà nó chơi, thường nằm lăn ra sàn, gác hai chân lên tường, ôm nó vào lòng và kể chuyện. Chuyện cô Thu chẳng có đầu cuối gì nhưng đều buồn cười. Ví dụ: cô kể “Ngày xưa ở Trường Sơn tiểu đội cô mười người, sau chết ba còn bảy. Có những cô, cứ tối lại vạch tí nhau ra sờ...” Mẹ nó bảo: “Khiếp quá! Chị kể chuyện ấy, nó bé đã hiểu gì?”. Nó chẳng hiểu gì thật, nhưng nó thấy quý cô Thu. Giọng cô khàn khàn... Mẹ nó than thở: “Chị Thu ơi! Bọn em sắp thất nghiệp rồi! Giày xuất sang Tây không hiểu sao bị trả về hết. Cuối tháng này nghỉ việc”. Cô Thu vênh mặt, giọng bất cần “Sợ quái gì, không xuất giày thì xuất người, thân ai nấy lo. Đời mà! Cuối năm tao đi Liên Xô” Mẹ nó khẩn khoản: “Chị cho em theo với!”. Cô Thu bảo “Được thôi! Nhưng cô hỏi thử chú ấy xem”. Mẹ nó đáp “Nhà em kể gì!”

Cuối năm ấy mẹ nó cùng cô Thu đi xuất khẩu lao động ở Liên Xô. Nhà còn lại hai bố con. Nó bị nhốt nhiều hơn, bố nó suốt ngày đi đâu đó. Thỉnh thoảng mẹ nó viết thư về, đựng trong những chiếc phong bì thơm và đẹp. Bố nó đọc cho nghe. Nó không hiểu mấy, chỉ lõm bõm mấy chữ “xa xa... lạnh lắm...”. Cuối mỗi bức thư bao giờ cũng có câu: “Bồng ở nhà với bố ngoan con nhé! Bao giờ mẹ về sẽ có nhiều quà dành riêng cho con...”. Nó chỉ vào những dấu đen trên phong bì hỏi “Đây la gì hả bố?”. “Là chữ - A đây, chữ O đây, đây là số 1, 2, 3, 4,...”. Bố dạy nó đếm đến mười.

Khi bố đi vắng, nó ngồi một mình mang đồ chơi ra đếm “Một này, hai này, thuyền này, ngựa này...”. Số đồ chơi ít ỏi chẳng bao giờ đếm được đến mười. Tất cả đã bị nó bắt làm tù binh. Bố nó vẫn chưa về, nó bò ra cửa, nhòm qua lỗ thủng. Đầu tiên, nó thấy khoảng ban công hẹp và mát. Một con gián to tướng đang làm cuộc du hành thảnh thơi theo chiều dọc ban công, hai chiếc râu khẽ gật gù. Dưới ngõ chang chang nắng và vắng vẻ lạ lùng. Ngoài phố vọng vào tiếng rao “Ai kê... ê”. Nghe rất xa xôi. Có tiếng ai đó sập mạnh cửa, rồi yên lặng hoàn toàn. Bố vẫn chưa về. Nó lấy đống đồ chơi thả dần ra ngoài “bốn, ba, hai, một...”. Trong lòng bàn tay nhỏ xíu của nó là một khoảng trống không. Nó quay vào căn phòng tối tăm và mát mẻ, chỉ có tiếng đồng hồ đang rắc vào khoảng vắng từng hạt thời gian. Nó nhúng bàn tay vào vết ánh sáng xiên qua cửa sổ. Một thẻo nắng mỏng và nhẹ rưng rưng đọng trong lòng bàn tay của nó. Bóng của bàn tay in trên nền nhà thành hình chiếc lá. Trong luồng sáng cơ man là những hạt bụi đang nhảy múa. Nó lẩm bẩm đếm “Một này, hai này... mười này”. Vẫn còn cơ man là bụi... Đúng lúc ấy bố nó về, mặt hầy

đỏ, dáng đi hoạt bát hơn mọi khi. Thấy nó quỳ bên những luồng sáng, môi mấp máy như người đang cầu nguyện bèn hỏi "Bồng làm gì thế con?", nó đáp "Con đang đếm nhiều quá..." "Đếm bụi à?". "Vâng" - Nó vẫn không ngoái đầu lại, "Đếm bụi, đếm bụi...", bố nó ngân nga, trên môi đọng một nụ cười ngô nghê "Cát bụi lại về cát bụi. Kể làm gì, kể làm gì!". Rồi bố nó đặt một thếp giấy mới vào bàn, lục lọi rất lâu để tìm một chiếc bút bi còn mực và ngồi viết. Nó bò quanh rồi áp má vào chân bố. Ống chân bố gầy và dài, lưa thưa mấy sợi lông đen. Nó áp môi vào thấy ram ráp, dễ chịu. Nếu mẹ nó trông thấy, chắc phải rên lên "Ghê tởm!". Bố nó thò tay trái xuống se sẽ xoa đầu nó. Bàn tay thoang thoảng mùi mực. Nó mong bố viết cho xong, nhưng hầu như chẳng bao giờ nó đợi được. Nó thường thiếp đi trong gầm bàn, đầu tựa vào chân bố. Đôi lúc bố nó đột nhiên ngừng viết, quẳng bút, cúi xuống bế thốc nó lên cao quá đầu. Nó cười thét lên vì thích thú và hãi hùng. Trên cao nó nhìn qua phần trên của ô cửa sổ, thấy phố xá với dòng người đi lại bất tận. Nó giật áo bố "Bố hát đi!". "Ừ, hát!". Rồi hai bố con cùng hát bài của nó. Hát rằng:

*"Bé bé Bồng xinh*
*Hai má phùng phình*
*Mẹ đi cất vó*
*Bố con ngồi chầu.*
*Mẹ mang con bống*
*Cho bé Bồng chơi*
*Bao giờ bống lớn*
*Bé Bồng thả bống ra sông*
*Bồng Bồng Bồng Bang..."*

Rồi bố lấy chiếu, trải lên sàn, tắt đèn. Hai bố con nằm cạnh nhau, xung quanh là bóng tối đầy bí hiểm và thú vị. Bố nó bắt đầu kể "Ngày xửa, ngày xưa... có một cậu bé ở vương quốc xa lạ được bà tiên tặng cho một đôi hài bảy dặm...". Nó thiêm thiếp ngủ. Nó mơ thấy một đàn cò trắng, chân con nào cũng đeo một đôi hài nhỏ xíu đang vỗ cánh bay qua sông về phía mặt trời rực đỏ...

Mấy tháng sau, mẹ đột ngột về, không báo trước, đầu phi dê, son phấn nhưng trông mệt mỏi như vừa đi gánh nước, gương mặt đọng vẻ ngơ ngác hốt hoảng. Mẹ nó lục tìm trong túi du lịch lấy cái gói nhỏ, trong có bọc kẹo và táo, cho nó ăn. Cô Thu đi qua, ngó vào hỏi "Ơ, về rồi à?". "Vâng". Rồi mẹ nó kể lể: "Bọn nó tống dân lao động lên máy bay bằng dùi cui. Sân bat Mát lộn xộn kinh khủng. Em may về được, bọn bạn rớt lại hết nhưng đồ đạc chẳng còn gì, đến quà cho con cũng chẳng có. Em phải gói bữa sáng trên máy bay làm quà cho con". Cô Thu nhăn mặt: "Tháng trước bảo về với chị lại không nghe". Mẹ nó thở dài: "Em cứ nghĩ: Thôi, cố được tý nào hay tý ấy, không

ngờ tay trắng lại hoàn trắng tay". Cô Thu chép miệng: "Rõ chán thân cò lặn lội bờ sông, tép riu chẳng được, tay không mà về". Nói rồi tụt xoạt cái quần nó xuống để xi đái. Bố nó lẩm bẩm: "Cái cò đi đón cơn giông, hạt mưa sắc sắc không không địu về...". Cô Thu vỗ vai mẹ nó: "Chú ấy nói phải đấy! Tiếc làm gì em ơi! Bây giờ đã tay không mình phải nhanh nhẹn sắc sảo như dao pha mới được. Mai ra phố Nguyễn Công Trứ đánh quả thuốc lá với chị".

Mẹ nó đi với cô Thu được một dạo, hôm nào cũng từ sáng tới khuya, đêm về lại ngồi đếm tiền, người rạc đi, mũi nhọn ra. Mẹ nó làm đầu mới, mua một chiếc nhẫn vàng đeo vào ngón giữa nhưng người lúc nào cũng nhơm nhớp mồ hôi. Mẹ nó mua cho nó một bộ quần áo mới, bắt mặc thử ngay rồi ngắm và khen: "Đồ xịn có khác!". Bố nó đi về như một chiếc bóng. Cứ thế được nửa năm, mọi sự tưởng như không có gì thay đổi.

Một tối, bố nó lấy quần áo, bỏ vào túi dết rồi kéo nó vào lòng, vuốt tóc nó, dặn dò: "Bồng nầy, bố sắp phải đi xa, đi rất xa. Con sẽ trở thành người đàn ông của gia đình, cố ngoan và nhớ giúp mẹ nhé!". "Cốt nhất phải biết sống một mình con ạ, đấy là vì nỗi cô đơn đàn ông, cái đó con chưa hiểu. Phụ nữ chỉ cô đơn khi không có tình yêu, còn lại là những buồn lo thường nhật, nó đánh hỏng nỗi cô đơn. Cả điều ấy nữa, con cũng chưa hiểu được". Bố nâng cằm nó lên, nhìn sâu vào mắt nó và nói: "Bố đi, nhé!".

Như linh cảm thấy điều chẳng lành, một nỗi hãi hùng tê buốt ùa vào lòng nó, nó òa khóc, níu lấy chân bố, nức nở: "Bố đừng đi!". "Ừ". Giọng bố nó nghèn nghẹn. Bố nó thẫn thờ xếp túi vào góc nhà, cởi quần áo rồi lấy hai chiếc màn ra mắc. Bố gọi nó vào và ôm lấy nó. Nó thiếp vào một giấc ngủ trập trùng...

Sáng hôm sau, lúc tỉnh dậy, bố nó đã đi rồi. Nó không khóc cũng chẳng hỏi gì mẹ, chỉ lén nhìn ra cửa. Nó biết, bố nó sẽ chẳng bao giờ về nữa...

Nhưng bố nó lại về, đi cùng một cô. Đầu cô ấy cũng phi dê. Nó ngó xuống dưới ngõ, thấy cô ngồi ghếch lên yên xe đạp. Thỉnh thoảng lại liếc lên trên nhà rồi rút thuốc lá ra hút. Mẹ nó dằn giọng: "Lần sau về, anh đừng có mà rước đồ ấy theo!". Bố nó bảo: "Đừng, em!". Bố bóc kẹo cho nó ăn, kẹo đắng ngăn ngắt.

Rồi mẹ nó đi nhiều hơn, tối về, không thấy ngồi đếm tiền, đôi khi lại hay lẩm bẩm một mình. Có sáng tỉnh dậy nó thấy một người đàn ông đứng giữa nhà tập thể dục. Bụng ông béo. Ông ta cúi gập người, ghé sát mặt nó, mắt lăn tăn cười, mấy sợi lông tơ lún phún quanh mép giật giật: "Thế nào, cậu cả, dậy rồi à?". Nó né người, tránh xa khuôn mặt ấy rồi lùi lũi đi ra đống đồ chơi lấy những chiếc bút cũ thả qua lỗ cửa. Người đàn ông gật gù khen: "Thằng này khá! Bé đã có cốt cách, còn tiến xa!". Mẹ nó đang ghé sát gương, tay tháo những chiếc lô nhôm cuộn tóc, ngoái lại: "Hâm thì có!". Người đàn ông nháy mắt: "Đêm qua cu cậu ngủ say ghê!". Mẹ nó đỏ mặt.

Đã lâu rồi người đàn ông không thấy lại. Những đêm mất điện, mẹ nó không ngủ, trăn trở quạt luôn tay rồi sờ soạng lau mồ hôi cho nó, chốc chốc

lại thở dài.

Buổi tối cô Thu sang nhà. Cô vừa gội đầu xong, đứng trước gương soi, nét mặt có vẻ tức giận. Cô Thu bảo mẹ nó: "Tao vừa tống khứ lão già nhà tao đi rồi!". "Sao thế chị?". Mẹ nó hỏi. Cô Thu kể: "Thằng bạn lão đến chơi, lão đi vắng còn tao đang gội đầu. Thằng cha sấn đến giở giọng ỡm ờ. Tao lộn tiết, văng luôn. "Này, đừng có thấy hiền mà bành đít thổi sáo!". Vừa lúc ấy lão về, đã không nói gì lại nhăn răng ra cười. Rồi khúc khích kéo nhau đi như hai thằng cu rủ nhau đi nhà thổ".

- Thì em đã bảo chị, cái cảnh "già nhân ngãi non vợ chồng" rồi cũng chẳng ra sao.

Cô Thu nhìn mẹ nó rất lâu, ngao ngán:

- Ừ, nhưng vợ chồng như vợ chồng cô thì... còn thằng cha vẫn đến đây sao rồi, lâu tôi không gặp?

- Biến rồi, vợ dọa đưa ra tổ chức!

- Đời mà - Cô Thu cười, giọng cười the thé trong cổ.

- Với lại em cũng chả thiết - giọng mẹ nó rầu rầu. Có lẽ đợt này em thôi không đi thuốc lá nữa chị ạ. Cá (*) nó đuổi đêm, đuổi ngày, được đồng nào cống nó hết. Em định làm chõ xôi, luộc thêm mấy bắp ngô bán buổi sáng, mẹ con nhặt nhạnh nuôi nhau.

- Có mà bán cho ma! Cô xem cái phố này có mồm nào là mồm ăn xôi, ăn ngô của cô không? Bây giờ không phải ăn cơm thì người ta ăn phở. Không khéo rồi lại "buôn kẹo bán đường". Đời nghiệt lắm em ơi! Cô Thu lại the thé cười, cười xong thì lau nước mắt.

Bố nó lại đến, đến một mình. Cửa khóa, mẹ nó đi đong gạo chưa về. Trời mưa to quá, gió hắt những hạt mưa ướt át lẫn với lá rụng qua ô cửa sổ vào nhà. Từ lỗ khóa, nó thấy bố đứng chờ bên ngoài, người ướt sũng, nước từ ống quần chảy xuống đọng thành vũng trên sàn gỗ. Bố nó hỏi: "Nhà có dột không con?" Nó đáp: "Có, vẫn hai chỗ ấy, con hứng vào chậu rồi". Bố nó bảo: "Cửa sổ con đóng chưa?" Nó thì thào: "Chưa, hay con bắc ghế trèo lên đóng nhé". Bố nó hoảng hốt "Đừng", rồi bố nó quỳ xuống ghé mắt vào lỗ thủng. Bố nó bảo: "Con đứng xa xa ra, bố nhìn con không rõ". Nó dịch ra xa phía gần cửa sổ. Bố nó nhìn rất lâu rồi lẩm bẩm: "Tối quá". Nó thấy mắt bố hoe hoe đỏ. Khi bố nó đi rồi, nó lại gần áp mãi môi vào lỗ thủng, nước dãi chảy ướt dầm cửa. Mẹ nó về bắt gặp, gắt: "Có điên không thì bảo". "Bố về", giọng nó nghẹn ngào. Mẹ nó không đáp lẳng lặng vào nhà, lát sau lén thở dài. Tối hôm ấy mẹ nó giặt lâu hơn mọi ngày, thỉnh thoảng mẹ lại lấy mu bàn tay quệt mắt. Lúc mẹ lên, nó vội nằm xuống chiếu, giả vờ ngủ. Mẹ sờ người nó khắp lượt, thì thầm giọng như ngạt mũi "Con tôi đầm đìa mồ hôi thế này". Rồi mẹ nó khẽ nằm xuống cạnh, nhè nhẹ quạt. Má mẹ áp vào trán nó, nước mắt mẹ âm ấm. Nó chợt thấy mằn mặn ở môi. Trái tim nhỏ bé như muốn vỡ tung vì một cảm xúc mà nó không hiểu nổi, vừa ngọt ngào, vừa cay đắng...

Hôm nay bố nó lại tới. Bố mang cho nó một đôi giày trắng rất đẹp. Nó

hỏi: "Bố ơi, đây có phải đôi hài bảy dặm không hả bố?". "Ừ". Bố nó đáp "Với những đứa bé ngoan, trong giấc ngủ đôi giày này sẽ biến thành đôi hài bảy dặm và đưa nó vào xứ sở của những giấc mơ...". Mẹ nó bảo khẽ: "Anh chỉ giỏi nhồi nhét vào đầu con những điều viển vông!". Mặt bố nó bối rối như người có lỗi. Tự nhiên nó cảm thấy xấu hổ và trở nên ít nói. Nó ngồi lẳng lặng mân mê đôi giày. Mẹ nó mắng: "Thằng này lắm chứng lạ, suốt ngày luôn mồm nhắc bố, thế mà khi gặp lại im như thóc...". Bên ngoài cửa sổ, mây đen kéo về cuồn cuộn.

Bây giờ gian phòng lại vắng tênh. Nó ngồi bên đôi giày và nhìn ra ngoài. Mẹ nó đi đâu đó lâu lắm. Trời vừa mưa xong. Dạo này rất hay mưa về chiều và khi tạnh, trên ô vuông cửa sổ bầu trời bao giờ cũng xao xuyến một màu xanh tha thiết lạ lùng. Nó đợi mãi, đợi mãi... mà màn đêm vẫn chưa buông xuống. Ngoài kia là khoảng không vời vợi. Nó kéo đôi giày lại gần và xỏ vào hai chân. Đôi giày vừa như in. Những bước chân của nó thật nhẹ nhàng, nhẹ nhàng như có cánh. Nó bắc chiếc ghế đẩu mà bố thường ngồi viết vào sát cửa sổ rồi trèo lên và ngó ra ngoài. Từng làn gió mát mơn man tóc nó. Những đám lá cây đóng mướt nước mưa khẽ ru trong gió. Mảng tường ngôi nhà đối diện bừng lên trong ánh chiều hồng rực. Trên bầu trời xanh thăm thẳm, một đàn cò trắng nối đuôi nhau bay miết về phương xa. Nó đu lên chiếc giát giường rồi nhoài hẳn người ra ngoài và cảm thấy chiếc giát giường phập phồng bay như một cánh buồm lớn. Và nó đã bước cái bước đầu tiên bằng đôi chân bé bỏng của nó vào khoảng thinh không bao la mà nó chưa hề biết...

*

Tôi làm nghề thầy thuốc, sống cô độc trong một căn hộ tầng hai. Những buổi sáng sớm sau phiên trực về nhà, tôi thường đứng bên cửa sổ cố hít thở một chút khí trời và lơ đãng ngó sang ngôi nhà trước mặt với chiếc cửa sổ quái dị che bằng một cái giát giường cũ. Trong khi làm động tác thư dãn, tôi cố đoán xem ai là người đang sống trong căn nhà đó.

Và một buổi sáng âm u, nhưng giọt mưa 'âm thâm và giá lạnh báo hiệu mùa thu đến sớm, tôi nhìn thấy một người đàn ông và một người đàn bà đi sau chiếc quan tài trắng, nhỏ từ ngôi nhà đi ra. Họ không mặc đồ tang, quần áo nát nhàu. Người đàn bà rũ rượi hai bàn tay bám riết lấy chiếc quan tài, kéo lết theo cỗ xe tang. Người đàn ông cao gầy đi bên cạnh với những bước chân của kẻ mộng du. Tôi nhìn mãi theo bóng họ xuôi về cuối con đường cho đến khi màn mưa thu xóa nhòa tất cả...

Đêm ấy một cơn ác mộng ập về. Tôi nhìn thấy mình đứng bên một con đường đất heo hút trong buổi chiều ảm đạm. Tôi không biết tôi là ai, tại sao tôi lại đứng nơi đây? Xung quanh tôi hiu quạnh, không một bóng người. Hai bên đường là những thửa ruộng vừa gặt xâm xấp nước lẫn với chân rạ lởm chởm. Phía xa, những chú diều hâu to lớn lạ lùng, lượn vòng, chốc chốc lại sà

xuống mặt ruộng, Chúng dang rộng đôi cánh và khỏa xuống nước. Máu dính từ những đôi cánh của chúng tan ra như những đám khói nhỏ và loang mãi ra xa...

Tôi bỗng giật mình nhận ra, phía cuối con đường xuất hiện một đoàn người mặc đồ tang bằng vải xô gai trắng đẩy những chiếc xe goòng, trông như những chiếc xe đổ rác. Họ đi nối đuôi nhau thành một dòng im lặng. Trên mỗi xe đều đặt một chiếc quan tài nhỏ, màu trắng. Tia sáng buổi chiều còn sót lại hừng lên rọi vào đoàn người làm tôi thấy rõ những khuôn mặt của họ. Những khuôn mặt khủng khiếp. Phía dưới chiếc mũ bằng vải xô lòa xòa, thay cho mặt mũi là những múi thịt láng bóng ử đỏ tật nguyền.

Trong không gian, cùng với tiếng rít não nề của gió, thoảng qua tiếng thì thào điều khiển của đoàn người như phát ra từ một cái miệng mà không có chiếc răng nào còn nguyên vẹn: "Đưa chúng vào khu E"...

TRẦN TẤN QUANG HUY
*Tháng 5-94*

---

*Cá:* Công an (tiếng lóng)- Chú thích của tòa soạn



**HOÀI KHANH**

# thơ, đất và chiêm bao

*Đêm kia bỗng một đóa hồng*
*Nở ra giữa cõi vô cùng tịch nhiên*
*Đêm kia tôi mộng bình yên*
*Làm sương rơi rụng trên miền vô thanh*
*Làm trăng cho gió lay cành*
*Làm mưa cho nắng tan tành cơn khô*
*Làm sông cho bến xa bờ*
*Làm người cho lệ hoen mờ mắt ai*
*Làm hoa cho bướm lạc loài*
*Làm thơ cho đất nhớ hoài chiêm bao*

HOÀI KHANH



HOÀNG XUÂN SƠN

# mộ vàng hoa

*Dấp nước lên đôi môi*
*khô*
*em chút mỹ hóa ơ thờ việt nam*
*từ tôi lụn bại nghi tàm*
*tội danh hằn một vết chàm khó phai*
*hỏi tên anh*
*gọi tên người*
*câu giăng*
*bóng sáng*
*khung rời*
*cự ly*
*sản hằng còn một chút*
*ghi*
*vịn câu thơ đứng giữa lì lợm đau*
*thà rằng thà rằng mất nhau*
*miếng cơm âm phủ chén sầu dương gian*
*rày em*
*nội, ngoại mơ màng*
*xế trăng nguyên kỷ*
*nọ vàng hoa râm.*

HOÀNG XUÂN SƠN
tháng ba chính sáu



**ĐỖ QUANG NGHĨA**

# huệ



Thiếu phụ có cái tên rất hợp người, hợp tính: Huệ. Huệ dáng cao và trắng xanh. Huệ mắt đen và sâu. Huệ cười, đôi mắt dài buồn thẳm. Huệ miệng nhỏ. Huệ nhút nhát. Huệ nói gì với ai không quen thân, viền môi trên run run. Huệ hai con và Huệ mang họ Richter.

Tôi biết những điều đó qua biết bao buổi chiều hè lặng lẽ ngắm Huệ từ bàn làm việc kê bên cửa sổ. Huệ ngồi, lưng lúi cúi, chẳng có ai vẫn ý tứ khép tà váy kẹp vào đầu gối. Bàn tay Huệ luồn giữa xanh rau, nhìn không rõ ngón. Tôi không biết Huệ trồng đủ thứ lẩm cẩm ấy nhiều đến thế làm gì. Từ xa nhìn, tôi chỉ nhận rõ giàn bầu và đám hành mùi, còn có rau gì tim tím như tía tô; và một buổi chiều kia, tôi thấy Huệ đứng vươn người, hai tay nâng một quả bầu con, giống bầu nộm. Hai đứa nhỏ, ở tuổi đi Kindergarten (1) háo hức ngước nhìn mẹ, trông không giống mẹ chút nào. Hình như, chúng chỉ thừa hưởng ở mẹ tính bẽn lẽn, ít nói. Biết bao chiều, tôi muốn gọi chúng qua cửa sổ, nhưng nhìn hai đứa trẻ tha thẩn chơi với nhau, lặng lẽ như mấy đứa trẻ nhà nghèo ở Việt Nam, tôi lại không dám. Tôi sợ chúng hoảng hốt. Tôi sợ mẹ chúng ngờ vực. Tôi sợ tôi không còn có những buổi chiều như vậy, ở đây.

Ở đây tôi thật cô đơn, Trước khi nước Đức thống nhất, tôi là một sinh viên Kinh tế - Chính trị học của Đại học Humboldt, Đông Đức. Trước đó nữa thì tôi là một cậu chàng dân ngoại ô, mê toán đến mức chẳng biết gì hơn về các bạn gái trong lớp ngoài một cái tên. Thi đại học, tôi đủ điểm đi nước ngoài. Bố mẹ tôi, vốn chỉ kỹ sư loàng xoàng ở Viện Giống Cây Trồng, chẳng đủ lực tác động cho tôi việc phân ngành. Tôi rút cục bị ngành chọn. Và nếu không

có sự biến vĩ đại dẫn tới việc thống nhất nước Đức, tôi sẽ về Việt Nam với mảnh bằng Kinh tế - Chính trị học Xã hội Chủ nghĩa. Còn làm ở đâu, không biết. Khi tôi quyết định không trở về, tôi đã im lặng khá lâu. Tôi sợ bố mẹ tôi khổ sở. Có thể hình dung trước cái cảnh phòng lai tạo nơi bố mẹ làm sẽ xôn xao thế nào khi có tin con ông Giảng chạy sang Tây Đức xin tỵ nạn chính trị. Thằng em tôi cũng có thể bị làm khó dễ khi thi đại học. Nhưng Việt Nam thời mở cửa, mọi giá trị đảo nháo nhào. Tôi hoàn toàn ngạc nhiên khi nhận thư bố. Bố tôi viết, giọng hết sức bình tĩnh, rằng ở đâu cũng phải ăn phải làm; rằng tôi không phải băn khoăn nếu sự chọn lựa của tôi phù hợp với riêng tôi; rằng tôi còn trẻ, nên cố lo học lại. "Tại vì bố nghĩ cái bằng Kinh tế - Chính trị học của con sẽ mất hết giá trị trong một thể chế xã hội không phải là Xã hội chủ nghĩa." Thằng em tôi gửi kèm theo thư bố một mẩu ngắn: "Anh có về cũng chẳng xin nổi việc đâu. Anh chị bạn em học xong đại học toán phải xoay ra học vi tính với lại tiếng Anh mới xin việc nổi. Em năm nay cũng không thi đại học, vì học xong chẳng biết làm gì." "...Bố mẹ đã có lời với bác Ái, nhờ bác xin cho em vào học nghề ở sân bay. Xa nhà một tý nhưng còn cơ kiếm sống. Như thế, bố mẹ còn kịp thấy em tự lập được khi bố mẹ về hưu. Cũng chẳng còn mấy nỗi...".

Tôi kịp làm theo lời bố dặn trong mấy năm sau đó, bằng việc trở lại trường xin học lại. Một nghề mới hoàn toàn, phù hợp với tạng mê toán của tôi. Học ngày, cày đêm trong quán để có được mảnh bằng thật sự, không phải loại bằng "xoa đầu" như đám lưu học sinh chúng tôi trước đây thường tự giễu. Rồi bổ khắp nơi tìm việc. Cuối cùng tôi dạt về đây, thuê nhà gần một hãng nhỏ đã nhận tôi vào làm. Không phải như một kỹ sư mà là một nhân viên vào dữ liệu cho máy tính; lương dư thuê một căn hộ nhỏ, đủ ăn, đủ gửi về giúp bố mẹ, nuôi em, nhưng để tìm một người đàn bà cho riêng mình thì không đủ.

Ở đây, tôi gặp Huệ lần đầu. Trong một cửa hàng rau quả nhỏ giữa làng. Huệ vào, nhỏ nhẹ một tiếng "Halo" đúng lúc tôi đang loay hoay tìm mấy Pfennig lẻ. Ấn tượng đầu tiên của tôi về thiếu phụ: quá trắng nếu là người Thái, quá thanh thoát nếu là người Triều Tiên; và mắt ấy không thể là mắt gái Trung Hoa được. Nhưng chẳng hiểu sao tôi không hề nghĩ thiếu phụ là người Việt. Cảm giác cô đơn giữa xứ người của tôi quá mạnh. Tôi chẳng bao giờ hi vọng vào một gặp gỡ ngẫu nhiên nào với giống Tiên Rồng ở cái xứ phóng xe ban đêm vô ý là đè chết thỏ này.

Hóa ra tôi ở sát nhà thiếu phụ. Cách có thửa vườn. Buổi chiều đi dạo, ngang qua cánh cổng có tấm biển đề Richter, chẳng có ý nghĩ nào lóe lên. Chỉ tới lúc ngồi bên bàn làm việc, nhìn ra, thấy thiếu phụ đang cùng hai đứa nhỏ tưới rau mới ngỡ ngàng. Thiếu phụ đẹp quá, dịu dàng quá, và mong manh, và thật trẻ. Vẻ ấy thật dễ làm mềm lòng.

Tôi biết thiếu phụ là người Việt vào khoảng hai tuần sau. Bà chủ cửa hàng rau quả, gặp tôi bao bận đều một mực lịch sự và kiệm lời, hôm ấy đường đột hỏi: "Ông đến từ Nhật Bản ư?" Vẫn biết với cái kính chồm chổm trên mũi,

với gương mặt có phần hơi bụ bẫm, rất dễ bị nhầm là người Nhật hay Tàu, tôi vẫn tự dưng như bị kích động: "Bà nhầm. Tôi từ Việt Nam tới đây". Chẳng hiểu giọng của tôi có gì khác mọi lần mà bà chủ quán lúng túng, hất đầu vội vã về phía cửa ra vào: "Xin lỗi ông, tôi không có ý tò mò. Tôi hỏi vì bà Richter đây cũng là người Á và cũng đến từ Việt Nam. Tôi nghĩ là ông và bà ấy chưa quen nhau". - "Thưa bà Richter, ông đây là đồng hương với bà đấy!".

Huệ đứng, hai tay vịn vào thành chiếc xe đẩy trẻ em, mắt mở to, môi cứ run lên. Tôi chưa bao giờ gặp một người đàn bà nào cảm động đến lạ lùng như thế. Huệ lắp bắp bằng tiếng Việt với người đàn bà chủ quán: "Dạ, cảm ơn bà!" Giọng Nam bộ nghe nôn nao, mềm lả...

Từ cửa hàng ra, tôi đi cùng Huệ đến Kindergarten đón hai đứa nhỏ. Hai đứa bé lạ lẫm nhìn. Khi tôi hỏi: "Các cháu có biết nói tiếng Việt không? Cả hai đứa đồng thanh: "Không" - cũng bằng tiếng Việt làm tôi phì cười. Huệ cũng cười nhẹ, giọng âu yếm và buồn:

- Các cháu không rành tiếng Việt mình thật đó anh. Em ít nói quá; hồi nào tới giờ cũng không nghĩ ra việc dạy các cháu. Với lại ông bà nội cháu cứ bảo là các cháu sẽ ở đây cả đời, nói tiếng Việt với em rồi không rành tiếng Đức thì học hành cũng sẽ khó. Tới hồi chúng đi nhà trẻ, chúng chỉ nói toàn tiếng Đức không à!"

Hóa ra trước đó Huệ cũng có biết tôi thuê nhà ở bên cạnh, nhưng không biết rõ phòng tôi ở mé nào. Huệ không biết bao nhiêu chiều đã làm lòng tôi dịu đi trong nỗi buồn nhớ xa xôi vì vẻ dịu dàng của mình khi nói với con, vì động tác khép tà váy kín đáo lúc ngồi, ngay cả khi chỉ có một mình. Thời sinh viên, tôi mê vẻ ngổ ngáo, mê những bắp đùi căng ra dưới ống quần soọc bò ngắn tới "Lim", "như Tây" của mấy cô bạn học. Giờ, càng ngày tôi càng yêu vẻ dịu dàng kín đáo của người đàn bà Việt Nam. Như mẹ tôi. Càng thế, tôi càng hoang mang vì chẳng làm sao gặp được một người như thế. Hình như, đàn bà nhà mình sang đây tỵ nạn là tìm cách rũ bỏ tất cả những gì đã cũ. Mà đúng là vậy, vì đã dám đi là họ đã phải tợn tạo hơn người. Vả không thể thích nghi được với cuộc sống trợn trạo lúc ban đầu ở xứ người, cái lúc phải lăn lưng làm chui trong quán để kiếm sống, cái lúc phải tính đường ở lại bằng cách kiếm một tấm chồng Tây (già).

Huệ trở thành bà Richter không phải vì thế. Hơn mười năm ở xứ này, dáng dấp ấy, tính tình ấy làm Huệ được biết bao người mê. Người được lòng Huệ nhất ngày trước là một chàng phiên dịch cho lao động xuất khẩu, ở một thành phố khác nơi Huệ ở, hơn Huệ sáu tuổi và nói với Huệ rằng chưa gặp được ai đáng yêu như Huệ. Nhưng đúng vào lúc Huệ dừng sự lực chọn ở anh ta thì Huệ biết anh ta đã có vợ con ở Hà Nội và đang sống với một cô cùng đội. Chàng phiên dịch gặp Huệ, nói rất thẳng thừng:

- Nếu em bằng lòng, anh sẽ bỏ Kim để sống với em. Nhưng còn vợ anh... Em hiểu cho, anh chịu ơn cô ấy. Vả lại...

- Thôi khỏi, anh Khánh à, với người anh chịu ơn..., và chắc là có yêu ngày

xưa..., anh còn thế, nữa là...

Huệ kể cho tôi, miệng cười mà mắt buồn thăm thẳm. "Sau đó em không cho anh ta đưa ra Bahnhof, một mình lên tàu đi từ Dresden về Potsdam. Tàu đêm, toa chỉ có mình em, mà lúc ấy em không thấy sợ". Huệ cười: "Chứ hồi ấy anh biết rồi, mới thống nhất, Đông Đức cũng loạn thấy mồ. Tàu chạy trong đêm, những thành phố, những làng mạc, những khoảng sáng, những vũng tối... Mà lúc ấy em không có buồn chút xíu nào. Chỉ thấy bụng dạ cứ rỗng ra. Chỉ muốn ngủ lịm đi...".

Mùa hè năm ấy thật là đẹp. Nắng ôn đới rực rỡ cho tới 9 giờ đêm. Nhiều buổi chiều, chồng Huệ mời tôi sang vườn nhà Huệ ngồi chơi. Lần nào khi tôi về Huệ cũng đưa tôi một túi ni-lon, bên trong lúc thì có quả bầu, lúc thì nhánh rau mùi hay vài ba lá tía tô còn bám đầy đất. Tôi độc thân, chẳng biết làm gì với các thứ gia vị ấy. Huệ bảo "Em chưa có bằng lái xe, chẳng kiếm được việc làm, với lại các cháu còn nhỏ xíu à, chỉ gởi được ở Kindergarten có nửa ngày. Luẩn quẩn với các cháu, em buồn, bày ra trồng đủ thứ. Tiền hạt giống không đó anh. Có lúc, nấu ăn, em cho đủ thứ gia vị mình vào, chẳng món gì ra món gì. Mà chồng em đâu có rành dân Việt mình nấu nướng ra sao, cứ khen schmeckt gut hoài à."

Chồng Huệ, vẫn theo dõi câu chuyện của chúng tôi, khi thấy tôi ngần ngại từ chối thì mau mắn thúc:

- Huệ nấu ăn ngon lắm. Nếu mày ngại nấu thì thứ bảy sang nhà tao, Huệ sẽ nấu món ăn Việt Nam - Schmeckt gut!

Anh ta rất cởi mở. Nhưng Huệ chỉ mến chồng. Huệ kể:

- Hồi em gặp Peter, em cũng nghĩ nhiều lắm, anh. Peter kém tuổi em đó. Mà cứ lăn vào. Em bảo em muốn lấy chồng Việt. Em bảo em già hơn Peter. Mà Peter cứ bảo em trẻ, trẻ con, Kinder (2).

Huệ cười, âu sầu: "Đàn bà Việt, chẳng mấy ai lại thích lấy chồng Tây nếu gặp được một người đàn ông Việt hợp với mình. Được nói bằng miệng chứ không phải nói bằng tay mà anh. Mà điều số em khổ. Gặp ai họ cũng bảo yêu, nhưng rồi ai cũng chỉ tính chuyện ăn ở với em như bồ bịch. Chỉ có hồi em quen với mấy anh sinh viên, kiểu như anh đó, thì không. Có anh mến em thật. Nhưng em dân lao động, ít học, em nghĩ nói chuyện lâu chắc chắc các ảnh không thích. Thành thử quen nhau, em cũng quý mấy ảnh mà không dám bắt quen lại khi chia tay. Ngoại em bảo mắt em như vầy thì may ra thoát cảnh làm lẻ đó anh. Nghe sảng hồn luôn".

Huệ cười. Huệ cười, mắt chẳng có ánh nào vui. Tôi biết cảnh nhà Huệ, cả cảnh đời trước đó của Huệ nữa. Ba Huệ là bác sỹ quân y, sau giải phóng phải đi cải tạo mất mấy năm. Huệ chẳng thể học lên, phải đi làm ở hãng bột giặt Visso. "Ông trưởng phòng hành chánh rút em lên làm văn thư, rồi cho vào nhóm ca khúc chính trị, mà em đâu có biết hát từ hồi nào tới giờ. Sau mới khổ vì ổng o bế em. Em không chịu, làm om lên. Em cũng liều lắm nghe. Có đợt tuyển lao động xuất khẩu, ông giám đốc cho em vào danh sách luôn,

cũng là để êm chuyện ông trưởng phòng. Ông vậy là cũng tốt lắm đó anh. Chớ hồi đó, em về kể lại chuyện ông trưởng phòng, má em cứ run lên vì sợ em bị các ổng hành...

Tôi còn nghe Huệ kể loáng thoáng vì sao Huệ lấy anh chồng Đức. "Tây họ ba trợn hơn mình, anh. Peter hồi gặp em đã có con riêng với cô bồ nào đó. Peter không giấu em. Em nghĩ thà vậy còn hơn mấy ông nhà mình cứ toàn tính dối em, lần hồi em biết thì lại trắng trợn hứa bỏ cô nọ cô kia để sống với em, hay lừa vợ lừa con ở nhà."

Giọng nam của Huệ, mỗi câu lại ngắt bằng tiếng *anh* dịu dàng, nghe nao cả dạ. Hôm Huệ kể tôi nghe chuyện đó, chúng tôi cũng đang ngồi ngoài vườn. Chồng Huệ nằm xoài trên ghế, mê mải nghe Rock, và uống bia. Mấy đứa trẻ khi đó đã quý tôi lắm, thỉnh thoảng cãi nhau lại la ỏm tỏi: "Bình, komm hier-her." (3) Tôi muốn nắm lấy những ngón tay Huệ, những ngón tay, mảnh như một đài hoa huệ xứ Bắc của tôi; tôi muốn nhìn vào đôi mắt đen, sâu, âu sầu kia; tôi muốn Huệ im đi; tôi muốn Huệ không chỉ coi tôi như một người bạn tâm tình. Tôi, một thằng con trai ba mươi tuổi, ngày chín tiếng ở hãng, chiều về chỉ quanh quẩn trong phòng làm việc hay sang nhà Huệ. Chẳng lẽ chỉ vì muốn được chuyện trò bằng tiếng Việt.

Có lần, đi dạo với mấy mẹ con Huệ, tự dưng tôi đâm lúng túng trước ánh nhìn của dân làng. Chúng tôi giống một cặp vợ chồng nhiều hơn là một đôi bạn, nếu như những đứa trẻ có gương mặt Á hơn.

Tôi muốn được chở che người đàn bà xứ sở của tôi. Tôi yêu Huệ. Tôi yêu những đứa trẻ con Huệ. Tôi muốn sống cùng Huệ và chúng. Và có thể là chúng tôi sẽ có thêm một đứa trẻ nữa. Chúng tôi sẽ nói với nhau bằng tiếng Việt ở nhà, những đứa trẻ sẽ học tiếng Việt. Huệ sẽ không còn cô đơn, không còn hoang mang sống, không còn phải cảm động đến luống cuống mỗi khi được gặp một người đồng hương, được nói tiếng Việt.

Tôi muốn. Nhưng không dám... Chồng Huệ vô tư và tốt thế. Với cả Huệ và tôi. Mà tôi thì không thể mang lại cho Huệ và hai đứa trẻ một cuộc sống đủ đầy bằng cuộc sống anh ta đã đặt Huệ vào. Với Huệ, tôi không có gì cả ngoài tình dân Việt xa quê.

Những buổi chiều hè ngồi uống trà bên nhà Huệ, hoặc trong bếp, hoặc ngoài vườn đã dần trở thành một sự khó nhọc. Có cảm giác một cái gì u uất đang vây bủa chúng tôi, và những người ở quanh thì không hề cảm thấy. Mà bầu trời xứ này mới rộng làm sao, nắng nữa, trong óng, ấm áp, đến tận chín giờ tối vẫn còn trải những vệt sáng dịu dàng trên cỏ. Trong ánh trời ấy, trước Huệ, trước chồng con Huệ, tôi không còn thấy tự do. Ít nhất là để theo đuổi những ý nghĩ của riêng mình.

Tôi đã âm thầm tìm chỗ làm mới. Trước ngày chuyển vùng, tôi qua từ giã Huệ. Huệ lặng ngắt, mặt tái, môi run. Mãi mới bật ra lời, giọng đuối hơi, rất tội: "Có lẽ vậy mà hơn, anh". Không! Huệ không vô tư như tôi đã tưởng Huệ như thế khi nghĩ về tôi.

Bây giờ, tôi đã ở cách xa Huệ. Nhưng ở xứ này, khoảng cách bốn năm trăm cây số ấy chạy Autobahn cũng chẳng bao lâu. Tuy thế, tôi không đến thăm Huệ. Chúng tôi không gặp nhau. Không cả viết cho nhau dù chỉ là một tấm bưu thiếp.

Nhưng những buổi chiều, từ hãng trở về, ngồi ăn một mình, tôi bất giác buông rơi tờ báo. Tôi nhớ Huệ và hai đứa trẻ. Và có lần đi trên phố, thoáng hiện một dáng hình mảnh mai với mái tóc đen thẳng đặc chủng Á Châu, tim tôi chợt thót lại. Hình như, tôi ích kỷ khi im lặng. Hình như, không phải tôi muốn giữ cho Huệ sự bình ổn. Hình như, tôi tìm cách giữ điều đó cho chính tôi. Khi tôi không nói với Huệ rằng tôi yêu Huệ. Khi không để cho Huệ biết rằng, trong đời, Huệ đã gặp một người yêu Huệ thật sự. Một người đàn ông Việt Nam. Như Huệ đã từng mong mỏi trong một thời con gái tha hương.

Huệ dịu dàng và cô đơn của tôi. Nếu bây giờ tôi nói điều ấy, em có còn lặng im không?

ĐỖ QUANG NGHĨA
*Limburg, Đức*

---

Chú thích:

(1) *Kindergarten:* vườn trẻ

(2) *Halo*: lời chào thông thường

3. *Komm hoerher*: lại đây



**ĐỖ KH.**

# tuyên ngôn

*Nghệ thuật bao giờ cũng tiên phong*
*Cũng như tương lai bao giờ cũng ở phía trước*
*Không có nghệ thuật nào giỏi đi giật lùi*
*Chúng tôi làm thơ cho những thế kỷ và truyền thống tới*
*Nước nóng là một phát minh mới cho nhân loại*
*Nhưng chỉ được đánh giá đúng tầm quan trọng*
*Kể từ khi có thêm bồn tắm hai chỗ ngồi*

ĐỖ KH.

THƯỜNG QUÁN

# bolsa

(Chia tay và cảm tạ tất cả)

*Đến khi tôi giấc ngủ say*
*bao người đã thoát đi*
*trong các anh?*

*cánh cửa mở*
*vòng tròn ngồi*
*những tiếng nói rỉ rê lan man ngoài lề này*
*chốc lát*

*giòng nước* được *rửa mặt*
*rơi trở vào căn phòng*
*sách vở* được *vây bọc*
*bóng tối*

*âm nhạc*

*từ bãi carpark*
*dưới đường*
*hay ở bảy nấc thang*

*khúc rhapsody*
*lộ thiên*
*phông phanh*

*cả ở nơi hụt một nhịp*
*một người từng té ngã, bày nguyên ngực*
*gió, cánh tay vung mạnh*

*điên dại, rách rưới, tinh nhịch*
*gã nhạc trưởng*
*cười hóm hỉnh*

*trên cao*

THƯỜNG QUÁN
19.1.96)



**VŨ HUY QUANG**

# vài ý kiến nhỏ về một đề tài lớn: dịch thuật



Tạp chí "Văn Học Nước Ngoài", số 1-96 của Hội Nhà Văn VN đã ra mắt trong dịp Tết Bính Tý - Lại đã có Tạp chí KHXH số 26, 4/96 cũng đã có một bài quan trọng của tác giả Hồ Lê về vấn đề dịch thuật, đáp ứng đúng thời điểm của văn học Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỷ 21 là thâu tóm, giao thoa các vẻ đẹp của văn học thế giới đến với người Việt.

Tuy đã có nhiều tác phẩm dựa từ tiếng nước ngoài một cách vượt bực (trên 500 cuốn trong 15 năm - so với trước kia, thời gian trong chiến tranh là 20 cuốn) (1), những ai quan tâm đến việc dịch thuật, đều có chung nhận định là không thấm thía gì với vườn hoa văn học thế giới mà các dịch giả VN nỗ lực đem lại; và hệ thống dịch không chuyên nhất và chưa có đường hướng rõ ràng trong việc phiên âm hay để nguyên nhân danh, địa danh.

- Vấn đề đầu, chúng ta nghĩ sao về 500 tác phẩm ấy, có bao nhiêu thuộc về 100 quyển tiểu thuyết hay nhất thế giới đã được dịch ra? Bao nhiêu hệ tư tưởng của Hi Lạp, La Mã đã được dịch ra? Bao nhiêu các tác phẩm nền tảng của các trường phái văn học được dịch ra? Bao nhiêu các tác phẩm đương đại tiêu biểu đã được chuyển đến cho độc giả VN một cách thỏa đáng, lưu loát?

Các câu hỏi này, sẽ để thời gian trả lời, tuần tự nhi tiến, vì không một cơ quan nào, một nhóm nào, một nhà xuất bản nào đảm đương được nổi, nếu

không đủ thời gian, nhân lực, vật lực, tài lực và nghệ thuật quản trị.

- Vấn đề sau, chúng tôi xin có vài ý kiến nhỏ.

Một số cựu chiến binh Mỹ gọi người Việt Nam là "*The Nam*", ẩn ý rằng chữ Việt phát âm khó, gọi tắt là "NAM" cho Mỹ hóa. Tuy nhiên, chính thức trên văn kiện, Truyền hình, Truyền thanh... người Việt Nam vẫn là "Vietnamese", theo quy ước ngữ pháp đúng đắn của ngôn ngữ Mỹ. Chữ "*The Nam*", vẫn bị coi là tiếng lóng của một nhóm người.

Nước Ireland ("Ai-rơ-len", nếu muốn phiên âm) đã được phiên ra thành Ailen (2), khi loan tin nhà thơ xứ này được Nobel, Seamus Heaney. Có sót không, khi tên nhân vật giữ nguyên, tên nước lại phiên âm? Điều này, có thể nhận ra lúc tên tác giả này để nguyên, tên tác giả khác phiên âm... trong cùng một số báo.

Chữ viết là ký hiệu. Mỗi dân tộc, mỗi địa phương có một cách phát âm riêng. Mẫu tự tiếng Việt đã La Mã hóa, không thiếu chữ I-R-E-L-A-N-D, sao phải đổi ra Ailen? Người Việt phát âm được đủ mọi âm sắc. Chả phải chỉ Ireland, mà còn Irish, nếu muốn. Nếu người Pháp, người Mỹ vẫn viết Mexico, người Pháp đọc Mexican (người Mễ), người Mỹ đọc Mexicanos, nhưng phát âm vẫn đọc Mêhicô. Giao ước phát âm khác với giao ước ký hiệu: Tính Don Juan (đọc Pháp: Đông-Giăng, có ý nói hay tán tỉnh phụ nữ), nhưng người Anh - Mỹ đọc đúng hơn Đon - Huăng. Tuy nhiên vẫn viết giống nhau, dẫu rằng tùy địa phương, phát âm một chữ khác nhau.

Nếu Việt hóa, tỉnh San Pedro ở Mỹ, chính người Mỹ còn cãi lý về phát âm, chúng ta phiên âm là Pê Đờ Rô, hay Pi Đờ Rô... cho nhất thống? Sao bằng cứ viết nguyên San Pedro... Rồi chờ cho đến khi đại chúng quyết định, chúng ta cùng phát âm theo hàng trăm triệu người Mỹ khác, (Sau bài hát của Madonna, là Pêdrô?).

Lấy chữ, mượn tiếng của các dân tộc khác, chỉ gia tăng từ mới cho văn hóa mình. James Clavell không dùng General-in-chief khi nói mình. James Clavell không dùng General-in-chief khi nói vị soái tướng của Mặc phủ, mà vẫn lấy tên truyện là Shògun.

Giữ nguyên tên nhân vật tiểu thuyết có cái lợi là... bớt sống sượng, kích thích trí tò mò, làm quen với các ký hiệu chữ đã được quốc tế hóa là khác.

*

Chả cần Napôlêông Bonapáctơ, mà cứ Napoleon Bonaparte; hay Pát tơ mà cứ Pasteur... lại làm người đọc thêm quen với các ký hiệu của chữ, các biểu tượng của văn chương. Và biết đâu, càng thú vị hơn...

Tiêu biểu, là các tên nhân vật trong dịch phẩm "Đồi Gió Hú" (Withering Heights - E. Bronte) của dịch giả Dương Tường) (3).

Heathcliff là tên một nhân vật chính, làm người đọc mường tượng ra sự cứng cỏi, sừng sững của vách đá bờ biển (cliff) - để đối chọi với tính èo uột

của bọn thỏ rừng, bạc nhược ở các tên Hareton, Linton, Hindley... (4) Khi dịch giả nhất định "Việt hóa" thành Hetclif chả hạn, thì vừa rối mắt (phiên âm ư? Việt âm ư?) vừa che khuất ẩn ý nghệ thuật đặt tên nhân vật trong nguyên tác.

Chắc chắn Việt hóa là tốt: như vậy lời văn lưu loát. Nhưng Việt hóa văn phong, tránh sống sượng văn nghĩa... lại còn phải hiểu ý văn bản gốc lẫn tư tưởng tác giả. Thường là phần dẫn nhập không đủ, thành thử độc giả khó thưởng thức trọn vẹn danh tác.

Mối tình trong "Đồi Gió Hú" không phải là Tuyết Hồng Lệ Sử, Đồi Thông Hai Mộ, Trà Hoa Nữ... nếu độc giả không phân biệt được Romantic (lãng mạn, tĩnh từ) là một biểu tượng của đèn cầy, hoa, nữ trang, cơm tây rượu chát... khác với Romanticism (trường phái văn học lãng mạn, danh từ) chủ trương tự do cá nhân triệt để, tháo gỡ đạo đức gò bó, cuồng nộ thiên nhiên, hoang dại - mà trong đó thiên nhiên với đầy những đặc tính lạnh lùng, đơn độc, tàn khốc... hóa hiện thành người. Trường phái này ngược với quan niệm lãng mạn cổ điển (*Buồn trông cửa bể chiều hôm*) mà tâm tình con người đem gán cho thiên nhiên (*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*).

"*Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang / tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng*", sự thi vị của "cây liễu buồn" chỉ trong lãng mạn (Romantic) cổ điển, ai dám bảo cây liễu buồn, cây liễu yếu ớt? Gió bão không đánh ngã nó nổi! Đó là một sinh vật đơn độc, dai dẳng, hoang dã, ích kỷ... và biết đâu, cả khốc liệt - trong nhãn quan các cây bút của trường phái văn học lãng mạn, biết đâu đã chả hóa hình thành Heathcliff và Catherine - qua thấu thị cõi nhân sinh dục giới của Emily Bronte?

*

Văn học là bộ môn khoa học, có thứ lớp, trình độ, phát triển như các bộ môn khoa học khác. Ký hiệu của nó là chữ viết ngày càng quốc tế hóa, tinh vi, chuẩn xác... là điều rõ ràng trong lãnh vực phiên dịch. Tuy đồng văn, độc âm... nhưng người Việt đã có chữ viết La Mã hóa, có thể viết thành những từ đa âm như người Nhật được, khác với người Tàu phải dùng phép phiên thiết (phụ âm đầu của chữ thứ nhất ghép với phụ âm cuối của chữ thứ hai) khi dịch danh từ Phật học của Ấn Độ (đa âm) ra chữ Trung quốc. Họ có thêm 35 ngàn từ! Nhưng chúng ta có thể có vô biên từ mới đã có sẵn, một khi người Việt phát âm được đủ giọng, chữ viết đã sẵn La Mã hóa! Nếu cứ Việt hóa bằng cách phiên âm, chúng ta đối phó ra sao với những từ kép, từ nối, từ ghép... nhiều như rừng - trong khi chúng ta đang làm mai một cả đến dấu nối? Dấu chấm sau chữ?

Hay cứ phiên âm DNA là Đi.En.Ê; mtDNA là Em.Ti.Đi.En.Ê? Hay cứ phiên âm theo Trung Quốc, Seiko Matsuda phải là Thạch Điền Trung Tử?

*

Sida, Aids, hay liệt kháng chỉ là quy ước tùy trường hợp. Việt kiều ở Pháp cứ dùng Platon thay vì Plato đối với người Việt ở mỹ (Cũng vậy, Luân Đôn, Londres, London...) nhưng nếu viết Luy XIV, hay Volte (6) thì ông vua Pháp và ông nhà văn đã được vẽ rắn thêm chân!

Shakespeare có thể đọc nhầm (Sa két pia), nhưng viết nguyên vị đâu có sống sượng khi so với Sếch pia hay Thạch Sĩ Bia? Người Pháp, Mỹ, Nhật đâu có viết sai tên (Pháp hóa, Mỹ hóa, Nhật hóa) Nguyễn Du, Quang Trung, Tuệ Trung Thượng Sĩ, Hà Nội, Điện Biên Phủ? Có thể họ sót dấu ngã, dấu nặng... nhưng họ không hề viết khác đi: Văn hóa nhân loại là của chung, họ truy cứu ngược lại được, và chúng ta cũng truy cứu được!

Còn nếu Louis de Broglie (7), chúng ta có phiên âm (đúng) là Lu-y đờ Brơi... thì vẫn khổ cho cả người Pháp lẫn người Việt trong việc nhận mặt chữ rồi truy tên gốc của khoa học gia này.

Trong đặc điểm mà phó giáo sư Hồ Lê nhận định (TC KHXH, 26, tr. 65) có điểm cuối "Việt hóa một cách toàn diện tất cả những yếu tố tiếp nhận", làm người đọc có thể băn khoăn Việt hóa là chuyển thành chữ Việt hay ý nghĩa Việt?

Nếu chỉ thành chữ, thì Việt khác Trung quốc, tuy cùng là đơn âm nhưng Việt ngữ đã La Mã hóa, ta không cần theo phép phiên thiết mà Hoa ngữ đã dùng khi phiên âm từ Ấn ngữ. Nếu chúng ta dùng chữ ghép (như giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã làm với danh từ khoa học) và cả chữ có dấu nối (như đã dùng từ những thập niên trước kia) thì việc Việt hóa và phi Việt hóa không phải đặt ra.

Với tư tưởng và ký hiệu chữ viết toàn thế giới đang tiến bằng đôi hia bảy dặm, dịch thuật là đem tính thấy, nhận xét đặc tính thấy của các nền văn hóa, tính thấy ấy ở khắp nơi, trong mọi không gian, thời gian chứ không trụ vào một chủ trương nào cả.

Để bị trói trong "có" và "không" là tự giới hạn tầm nhìn, mức hấp thụ văn hóa thế giới, khác gì ngắm trăng qua kẽ vách.

Phó giáo sư Hồ Lê nêu các trường hợp của Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của... Quả thật thời ấy Việt hóa là cốt cho bước đầu du nhập với dân Việt, cho độc giả dễ nghe dễ hiểu: Cái thời mà người da trắng được coi như thần linh, các ông Tây bà Đầm. Thời xưa khác, thời nay khác.

Nay thì trình độ, dân trí đã khác. Chúng ta nhìn toàn thể thế giới. Việc hiện tại là chúng ta cứ dùng chữ cũ đã quen, chữ mới thu nhập nguyên vẹn: Bắc Kinh vẫn là Bắc Kinh, Tokyo rất nên thay dần cho Đông Kinh, và Buenos-Aires thì nên để nguyên là Buenos-Aires...

*

Trước ngưỡng cửa của vườn hoa văn học thế giới mà nền dịch thuật Việt

Nam đang muốn mở toang ra, chúng tôi tin rằng các dịch giả được quý trọng hơn bao giờ hết. Các dịch giả không bị bạc bẽo - họ vừa được thấu hiểu thêm sự thâm thúy của hai ngôn ngữ, mở mang kiến thức, sâu sắc hơn trong việc thưởng ngoạn danh phẩm... lại vừa tự hào về tinh thần phục vụ với đồng bào: Sự rung động của dịch giả trước văn phẩm nước ngoài đã được hết lòng hết dạ chuyển tới độc giả qua dịch phẩm. Độc giả thầm cám ơn họ hơn bao giờ hết.

Chắc hẳn như vậy đủ vượt lên bất cứ định nghĩa, bất cứ khẩu hiệu nào về dịch thuật.

Trong việc dịch thuật, tin hết vào khẩu hiệu, thà đừng có khẩu hiệu nào còn hơn. Ấy là chúng tôi mượn ý của "Tận tín thư bất như vô thư" vậy.

VŨ HUY QUANG

*3/96*

*(Sau dịp về Việt Nam, Tết Bính Tý)*

---

*Cước chú:*

(1) Thúy Toàn, VHNG, số 1, 1996 - Tr. 238

(2) VHNG, số 1, trang bìa

(3) Dương Tường, *Đồi Gió Hú*, n.x.b. VH, 1986

(4) Camille Paglia, Sexual Personae, Vintage books, 1991, tr. 447

(5) mtDNA, yếu tố di truyền chỉ ở trong phái nữ, truyền từ đời này qua đời khác, bà ngoại, mẹ, con gái, cháu gái... mới được công bố ở Mỹ, hạ bán niên 1995

(6) *Đỏ và đen*, Tuấn Đô dịch, n.x.b. VH, 1986

(7) Nhà vật lý người Pháp, thế kỷ 19



**LUÂN HOÁN**

# bất ngờ

*Thấy em thay áo, tình cờ*
*lòng khi không mọc bài thơ phiêu bồng*
*Không tim, không phổi bên trong*
*chỉ loi nhoi cái nọc lòng thanh xuân*
*giữa sông trăng, bỗng lừng khừng*
*cắm sào vọc gió nghìn trùng thổi qua*
*long lanh rớt giọt sương già*
*thanh tân địa phủ trổ hoa vô thường*

# hỏi

*nhớ xưa hồi mới lên mười*
*chiều chiều mưa tạt thềm mời tắm mưa*
*chạy ra ngõ rợp tàu dừa*
*vuốt đầu vuốt mặt thì vừa gặp em*
*tóc tơ đã ướt chèm nhèm*
*hai bàn tay bụm cái thềm tinh hoa*
*em lên sáu, bảy, thôi mà*
*sao hai con mắt tôi đà xốn xang*
*mười năm sau, trở về làng*
*mưa, chiều, tôi núp dưới hàng keo xanh*
*em không tắm nữa, đã đành*
*cõi xưa, nhìn trộm, để dành cho ai?*

LUÂN HÓAN



**TRẦN SA**

# xâm thực

*Nàng nhẩn nha nhấm nháp*
*một đọt lá nâu hồng mền mỏng*
*tôi sẵn sàng tặng*
*cho đôi môi tôi đã âu yếm ví như bông hồng*
*cho những chiếc răng óng ánh như hạt trai*
*cho hơi thở thơm mùi bắp non mới luộc chín*

*Nhẹ nhàng, nàng nhâm nhi thêm một đọt nữa*
*một đọt lá nâu hồng, một chiếc lá non non,*
*rồi một chiếc xanh xanh nữa*
*vì yêu nàng, tôi sẵn sàng tặng*
*những chiếc lá tươi mươi đang yêu mặt trời này*
*vị của chúng hẳn phải ngòn ngọt, hoặc chua dịu, man mát*
*bởi nàng đang cười*
*mắt lấp lánh như nắng*

*Ban đầu tôi có hơi rùng mình*
*rồi nhột nhạt, một cách hạnh phúc, tôi cười rũ*
*môi răng nàng hồn nhiên tham lam*
*nhẩn nha nhấm nháp nhâm nhi*
*tất cả, từng đọt, từng chiếc, từng cánh lá...*

*Ôi đau, khi nàng cắn vào đóa hoa!*
*nước mắt tôi bắt đầu ứa ra*
*khi những hạt ngọc trai bóng ngà đã ngập sâu vào quả*
*tôi trần truồng trụi lá*
*Cong oằn, rên rỉ, van xin*

*Cuối cùng tôi kinh hoảng rú lên*
*ôi tự do của tôi, không gian của linh hồn tôi!*
*sự cô đơn của tôi, khoảng trống cho trí óc tôi!*
*đang sắp sửa bị nàng nghiến sạch!*

TRẦN SA



AN PHÚ VANG

# lạy trời em đừng khóc

*Em thút thít rồi em òa lên khóc*
*bỏ mà đi anh kiếm muốn hụt hơi*
*Nếu về ngoại, gởi anh mùi hương tóc*
*để những khi buồn anh đỡ nhớ thôi*
*Em bỏ đi đâu mình anh ngồi nhậu*
*Mới vài lon đã thấy ngất ngư rồi*
*Nhà vắng quá khi ngồi trong bóng tối*
*Chỉ có nỗi buồn bè bạn anh thôi*
*Em thút thít nếu em òa lên khóc*
*Thôi đừng đi em nhé đến ngồi đây*
*để cho anh hôn mùi hương của tóc*
*là lạ ngày xưa anh ngất ngây say*
*Thôi em nhé bao buồn vui cuộc sống*
*Cũng vì anh em đã nặng đôi tay*
*Đã trở mình nghe cơn mưa vọng động*
*Đã thở dài và lệ ướt đôi vai*
*Em thút thít, lạy trời em đừng khóc...*
11/90

# tạ ơn trăng

*xa xưa khi ngủ trên rừng*
*poncho mái lạnh giữa vùng lá đen*
*có thằng nhớ phố thân quen*
*trôi về trong giấc ngủ miền đạn bom*
*đôi khi thao thức mỗi mòn*
*niềm yêu dấu gọi mai còn ngẩn ngơ*
*trở về trăng rớt vào thơ*
*Nửa đời sót lại đôi tờ trong nhau*
*tạ ơn trăng của ngày đầu*
*Và ơn trăng nửa đời sau quê người*
*đêm còn vàng tỏa trong tôi*
*cho dầu hiu hắt ngủ ngồi mái hiên*
*tạ ơn trăng của đôi miền*
cho nhau đời sống giữa buồn phiền quanh
1/7/93
AN PHÚ VANG



**TRẦN MỘNG TÚ**

# hồn em giờ rất lạ

*anh trốn vào trong em*
*len qua từng tĩnh mạch*
*theo máu ghé vào tim*
*em, chao đi một nhịp*

*anh hòa tan trong máu*
*như suối chia muôn nơi*
*dòng nào lạc qua phổi*
*cho em thở bồi hồi*

*anh lang thang khắp nẻo*
*dừng lại ở buồng gan*
*em lọc tình trong đục*
*hỏi anh có bàng hoàng*

*lòng em bao nhiêu đoạn*
*anh chưa biết ngắn dài*
*sao vội vàng buộc lại*
*để cho em rối bời*

*anh lan qua tứ chi*
*như nhựa cây cho lộc*
*em thong dong giữa đời*
*có anh che bóng lá*

*trên những ngón tay em*
*anh cho thơ tứ tuyệt*
*trên vầng trán thanh xuân*
*anh cho em nhật nguyệt*

*Hồn em giờ rất lạ*
*một chiếc bình đầy anh*

TRẦN MỘNG TÚ



HUỲNH HỮU ỦY

# con đường mở rộng của một nền nghệ thuật việt nam hiện đại (*)



*Viện Smithsonian, một cơ quan văn hóa có thẩm quyền vào loại hàng đầu của Mỹ, với sự cộng tác của tổ chức Dự án Nghệ thuật Đông Dương (Indochina Arts Project), đang tiến hành một cuộc triển lãm mỹ thuật Việt Nam hiện đại. Dự án triển lãm rất lớn, sẽ di chuyển quanh nước Mỹ trong vòng 3 năm, dưới tên gọi* "Từ hai đầu đại dương xa cách: Mỹ thuật Việt Nam đương đại trên đất Mỹ và từ trong nước". *Trước đây, vào năm 1961, Viện Smithsonian đã từng tổ chức một cuộc triển lãm lớn về văn hóa và mỹ thuật Việt Nam; đây là lần thứ nhì Viện thực hiện một cuộc triển lãm khác, rất qui mô và khá quan trọng. Sau 5 năm chuẩn bị về mọi mặt, cuộc triển lãm đã được khai mạc vào trung tuần tháng 9, 1995 vừa qua tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn, rồi sẽ lưu động qua nhiều tiểu bang, trưng bày tại các nhà bảo tàng nhiều nơi trên nước Mỹ.*

*Đối với nhân dân Hoa Kỳ, mỹ thuật Việt Nam vẫn còn rất xa lạ, chính vì vậy tiếng nói của các nhà nghệ sĩ tạo hình Việt Nam vào dịp này thực là hữu ích và cần thiết, để tạo chiếc cầu nối giữa hai nền văn hóa và nhân dân hai nước.*

*Mặc dù chưa trưng bày được những tác phẩm chọn lọc kỹ lưỡng nhất, cũng*

*chưa phải là những tác phẩm điển hình nhất để giới thiệu về nền nghệ thuật Việt Nam đương đại, cuộc triển lãm này cũng khá thành công khi giới thiệu với công chúng Hoa Kỳ đôi nét tổng thể về nền nghệ thuật Việt Nam hiện đại. Nhân dịp này, qua sự khảo sát các tác phẩm, xem xét, đối chiếu tác giả và các khuynh hướng nghệ thuật, chúng tôi thử phác vẽ một cái nhìn tổng quan về nền nghệ thuật Việt Nam hiện đại, hành trình đã trải qua và đích điểm sẽ tới.*

**H.H.U.**

*

Có thể xác định ngay một cách dễ dàng: khởi điểm của nền nghệ thuật Việt Nam hiện đại là sự ra đời của Trường Mỹ Thuật Đông Dương (Ecole des Beaux Arts de l'Indochine) ở Hà Nội năm 1925. Họa sĩ Victor Tardieu, bạn đồng môn của hai nhà danh họa Rouault và Matisse, là người có rất nhiều công lao trong việc xây dựng nên ngôi trường này. Trường Mỹ Thuật Đông Dương đã mở ra một kỷ nguyên mới cho nền mỹ thuật Việt Nam, đưa ra một phương pháp khoa học trong cách tạo hình chuẩn xác của hội họa Âu Châu đến với nghệ sĩ Việt Nam mà căn bản là kiến thức về giải phẫu cơ thể học (anatomie) và lối nhìn viễn cận (perspective), đã làm đảo lộn toàn bộ cách nhìn và quan niệm của nghệ sĩ. Trường Mỹ Thuật Đông Dương xuất hiện kịp thời, đã đặt nền móng cho một nền nghệ thuật mới, tách hẳn ra khỏi những ảnh hưởng của nghệ thuật Trung Quốc và tạo nên một vẻ mặt riêng cho nghệ thuật Việt Nam.

Điều rất đặc sắc trong đường lối của V. Tardieu là chỉ đưa lại cho các nghệ sĩ trẻ Việt Nam một phương pháp tạo hình vững chắc và khoa học, nhưng đó chỉ là vấn đề kỹ thuật, còn cái cốt lõi vẫn phải là giữ cho được một truyền thống sâu sắc của dân tộc. Trường rất thành công trong việc triển khai, đào bới sâu hơn vào một vài ngành nghề truyền thống mà trước đây chỉ mới dừng ngang mức mỹ nghệ, thì nay đã bay bổng trên đôi cánh nghệ thuật trước những chân trời vô hạn. Những thành tựu của nghệ thuật sơn mài và tranh lụa trong các cuộc triển lãm của trường Mỹ Thuật Hà Nội năm 1928, triển lãm Mỹ Thuật Quốc Tế tại điện Vincennes (Pháp) năm 1931, Salon des Artistes Francais năm 1933 tại Paris và rất đặc biệt là với phòng triển lãm "Salon Unique 1943" ở Hà Nội, thì phải nói rằng nền nghệ thuật mới đã biến chuyển hết sức nhanh, tạo được một tiếng nói riêng, xây dựng được một khái niệm về sơn mài và lụa riêng biệt của Việt Nam, khác hẳn với các nước Viễn Đông và hẳn nhiên không còn bị lầm lẫn với Trung Hoa như trước đây nữa.

Trường Mỹ Thuật Đông Dương đã đào tạo liên tục nhiều thế hệ nghệ sĩ, cho đến năm 1945 mới phải ngừng hoạt động vì một biến cố chính trị đột khởi là cuộc Cách Mạng Tháng Tám dưới lá cờ giải phóng dân tộc của những người Cộng Sản Việt Nam.

Tình hình chính trị sau năm 1945 đầy bất ổn, cuộc chiến tranh Việt-Pháp

kéo dài ác liệt đến chín năm. Mãi cho đến năm 1954, hiệp định Genève được ký kết, đất nước bị chia cắt, SàiGòn trở thành đầu não văn hóa của miền Nam tự do. Trong khi ấy, Hà Nội là thủ đô của miền Bắc, một trong những thành trì của các nước Xã Hội Chủ Nghĩa. Hai chế độ chính trị, với hai chính phủ đối lập quản lý hai vùng riêng biệt. Tình hình ấy đã đưa đến hai nền nghệ thuật hoàn toàn khác biệt: nghệ thuật của miền nam tràn đầy tự do và cá tính sáng tạo, thì ngược lại, nghệ thuật của miền Bắc chỉ là khí cụ của chế độ chính trị, là phương tiện tuyên truyền , tất cả đều bị áp đặt dưới một đường lối chỉ huy thống nhất của nhà nước.

## HAI TRUNG TÂM MỸ THUẬT SAIGON VÀ HUẾ

Về mặt địa lý, Saigon có nhiều lợi thế trên một ngã tư quốc tế, là điểm gặp gỡ giữa Đông phương và Tây phương, nằm trên bao lơn mở ra Thái Bình Dương mênh mông. Đặc điểm địa lý ấy đã góp phần tạo nên tính cách văn hóa của Saigon.

Nền nghệ thuật tạo hình của Saigon đã phát triển trong tất cả cái thuận lợi ấy, tiếp cận được với nhiều cái mới, sử dụng được ngôn ngữ tạo hình phổ biến của loài người, phát biểu được rất chững chạc những suy nghĩ riêng của mình, từ chỗ còn non yếu đã đi tới trên những bước chân trưởng thành vững chắc.

Một cách cơ bản, bất kỳ nơi đâu cũng thế, trung tâm nuôi dưỡng và phát huy nền nghệ thuật tạo hình phải là một Trường Mỹ Thuật Quốc Gia với điều kiện đào tạo chính quy cao nhất. Đây là nơi định chuẩn, rèn luyện và cung cấp nền tảng cho bất kỳ người nghệ sĩ tạo hình nào trong tương lai. Trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định, hậu thân của Trường Mỹ Thuật Đông Dương trước đây, ra đời trong chính mục tiêu ấy vào tháng 12 năm 1954. Và khởi điểm từ đó rồi kéo dài cho mãi đến 20 năm sau, Trường Mỹ Thuật Gia Định đã đóng giữ một vai trò rất quan trọng trong việc rèn luyện nhiều thế hệ nghệ sĩ của đất nước, để phát huy một nền nghệ thuật quốc gia tươi đẹp.

Ông Lê Văn Đệ, một họa sĩ với tài năng đặc biệt, trước đây đã đạt được nhiều danh vọng trong nước cũng như ở nước ngoài, đặc biệt là những công trình mỹ thuật của ông tại Vatican khoảng năm 1936-1937, là thực hiện và chỉ đạo một số công trình trang trí trong điện Vatican, một công việc rạng rỡ như Raphael, Michelangelo đã từng làm, là một vinh dự cực kỳ đặc biệt, lần đầu tiên được giao cho một nghệ sĩ Á Đông, và lần này, Lê Văn Đệ lại có vinh dự được chính phủ miền Nam ủy thác làm giám đốc Trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định, với trách nhiệm nghiên cứu để xây dựng một chương trình đào tạo nghệ sĩ với tiêu chuẩn cao nhất mà các trường Mỹ Thuật quốc gia lớn trên thế giới vẫn thường theo đuổi.

Trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định được tổ chức theo căn bản của Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội cũ, Trường Quốc Gia Cao Đẳng Paris, Viện Mỹ Thuật Roma và Viện Đại Học Mỹ Thuật Tokyo. Căn bản chính của trường là bảo tồn dân tộc tính và sắc thái mỹ thuật thuần túy Việt Nam với mục tiêu phục hưng và phát triển nền mỹ thuật cổ truyền nước nhà trong mọi lãnh vực, vừa phù hợp với bản tính dân tộc, cũng vừa hòa nhịp với những tính chất đặc biệt của thời đại mới. Với chương trình huấn luyện, đào tạo theo một qui cũ ngày càng vững chắc, cho đến năm 1975, Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định đã thực sự đóng giữ vai trò vẻ vang của nó, tiếp tục đảm nhận công tác chuyên môn của Trường Mỹ Thuật Đông Dương để lại dở dang trước đây, rồi trên cơ sở đó đã cung cấp được rất nhiều nghệ sĩ tài ba cho đất nước.

Cũng cần nhắc đến Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế thành lập sau Trường Gia Định vài năm, nhưng mục tiêu, phương pháp rèn luyện thì cũng chỉ là một, vì đây là hai nhánh rẽ của một giòng sông lớn, đã cùng nhau hợp sức mà tài bồi một nền nghệ thuật chung rất phong phú và đẹp đẽ. Cựu kinh thần bí và thơ mộng, một trung tâm văn hóa cổ kính và truyền thống của đất nước quả thật rất thích hợp với việc thiết lập một trường mỹ thuật. Năm 1957, Trường Mỹ Thuật Huế được thành hình. Họa sĩ Tôn Thất Đào, một trong những cây bút tài hoa của lớp Mỹ Thuật Đông Dương trước đây, nguyên là giám đốc Viện Bảo Tàng Khải Định, được đề cử làm giám đốc đầu tiên của Trường. Các vị giám đốc kế nhiệm, hoặc xuất thân cũng từ trường Mỹ Thuật Đông Dương như Lê Yên, hoặc trở về từ Âu Châu như Mai Lan Phương, Vĩnh Phối, đã tiếp tục góp phần phát triển nền giáo dục mỹ thuật ở miền Trung đất nước. Hai trường Mỹ Thuật Gia Định và Huế đã hợp lại thành một trong các sinh hoạt, để tạo nên một vẻ mặt mới của nền nghệ thuật Việt Nam hiện đại.

Trong bầu không khí đầy hứng khởi lúc bấy giờ sau những ngày dài khắc nghiệt của cuộc chiến tranh Pháp-Việt, mọi người đều nô nức trong việc góp phần kiến tạo một xã hội mới tốt đẹp và dân chủ, một dòng chảy mạnh mẽ của nghệ thuật tạo hình cũng như đang tuôn trào đầy hào hứng.

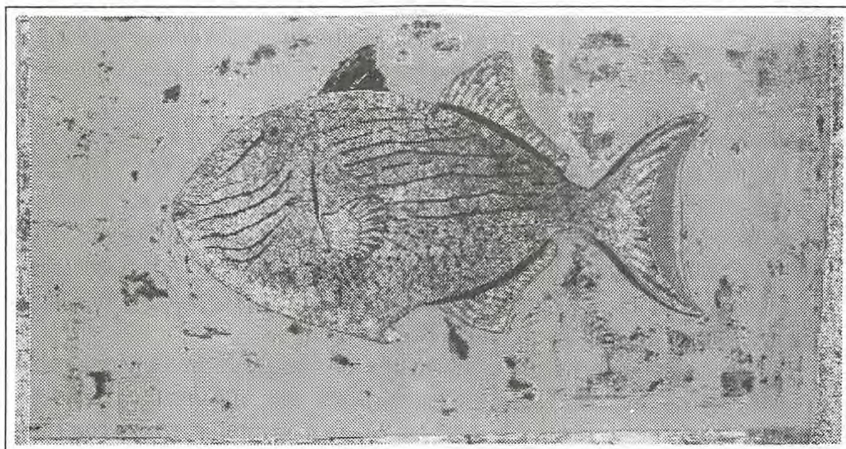
Vào thời kỳ này, cần đặc biệt nhấn mạnh đến hoạt động mở đường cho một nền nghệ thuật hiện đại của nhóm *Sáng Tạo* và *Người Việt Tự Do*, điển hình là Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Duy Thanh, cạnh đó là Tạ Ty, họa sĩ độc lập, tự nhận là theo trường phái lập thể và trừu tượng, họ di cư từ miền Bắc vào Nam, mang trong mình một giòng máu tự do, kết hợp với những thuận lợi của hoàn cảnh, họ bước vào cuộc canh tân ngôn ngữ hội họa ngày càng mở rộng. Các họa sĩ và điêu khắc gia vừa trở về từ Âu Châu cũng góp phần mạnh mẽ trong việc xây dựng một nền nghệ thuật phong phú, đa dạng. Giữa thời điểm ấy, một sự kiện nổi bật đáng kể, là cuộc triển lãm quốc tế năm 1962, được mệnh danh là *Đệ Nhất Triển Lãm Mỹ Thuật Quốc Tế tại Saigon*, với sự tham dự của gần 20 quốc gia trên thế giới. Trong lúc bộ môn hội họa phát

triển, việc tổ chức một cuộc triển lãm mỹ thuật quốc tế như thế thật hết sức hợp thời và hữu ích. Với sự thôi thúc của thời đại cùng những tấm lòng nồng nhiệt của nghệ sĩ, hình như Saigon lúc bấy giờ đang nôn nao muốn tiến đến gần với các trung tâm nghệ thuật lớn như Venise, Sao-Paulo và Paris.

Khoảng giữa thập niên 60 và từ những năm 70, các nghệ sĩ trẻ đã nô nức và hăm hở tiến đến với tiếng nói mới mẻ của thời đại, phải kể đến những khuôn mặt quy tụ chung quanh nhóm nghệ thuật tiền phong của Saigon là *Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam.*

Hội họa hiện đại Saigon phát triển mạnh mẽ trong ngôn ngữ chung của nền hội họa khắp thế giới. Những trường phái nghệ thuật lớn đều trở thành nơi thử thách, từ lập thể (cubisme), dã thú (fauvisme), biểu hiện (expresionnisme) đến siêu thực (surréalisme), trừu tượng (abstrait), vô hình dung (non-figuratif), tân hiện thực (Néo-Réalisme). Nghệ thuật hiện đại với ngôn ngữ mới mẻ nhất là một tiếng gọi mãnh liệt đối với tuổi trẻ. Nhãn quan truyền thống cần phải được thay thế bằng một cái nhìn khác để có thể thích ứng với thế giới mới, một thế giới đã đổi thay rất nhiều vì nền khoa học hiện đại với những phát minh tối tân đã tràn ngập khắp nơi. Những bậc thầy về hội họa thế giới đến với tuổi trẻ làm nghệ thuật Việt Nam: Gauguin, Matisse, Van Gogh, Picasso, Miro, Chagall, Mondrian, Modigliani, Dufy, Kandinsky, Klee, Braque, Jackson Pollock... Thế giới đường nét và màu sắc nở rộ tưng bừng trong nhiều bút pháp, hai đường lối gây nhiều ảnh hưởng lớn nhất trong thời kỳ này là Modigliani và Paul Klee, dù rằng rất khác biệt nhau nhưng lại chính là hai điểm nối kết lớn của nền hội họa mới.

Nghệ sĩ Việt Nam sử dụng ngôn ngữ nghệ thuật của thế giới để phát lộ tất cả sâu thẳm nhất của tâm hồn dân tộc, chia sẻ với đời sống nghệ thuật khắp nơi, với Âu Châu, Mỹ Châu, Úc Châu và các nước Á Châu khác... Bút pháp nghệ thuật bùng vỡ theo nhiều lối riêng biệt của những trường phái nhưng thực chất chỉ là một, có lẽ phải nói như Picasso "không hề có môn phái, mà



*Nguyên Khai: Con Cá, sơn mài, side 24"X40"*

chỉ có họa phẩm thôi." Vấn đề là tác phẩm, là những tấm tranh có đáng tồn tại hay không. Và tác phẩm nghệ thuật, như thế, chắc chắn sẽ là biểu lộ tinh tuyền và trong sáng những nhu cầu, khát vọng cao cả nhất của thời đại, là đối thoại giữa con người với nhau, giữa con người và lịch sử, giữa con người và vũ trụ chung quanh.

Sau năm 1975, cũng như mọi hoạt động văn nghệ khác, tình hình nghệ thuật tạo hình Saigon đã gặp nhiều bế tắc. Nhưng đến một thời điểm mới, nương vào những biến chuyển mới, đặc biệt là nhờ ở quyết định "cởi trói" đối với giới văn nghệ, một lớp nghệ sĩ trẻ kế tục đang khao khát một cái gì đẹp đẽ của cuộc sống sáng tạo thực sự xuất hiện, những người này đang đi tiếp con đường mà *Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam* trước đây đã đi qua.

## NGHỆ THUẬT MIỀN BẮC VỚI THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Nhiều họa sĩ đi theo cuộc kháng chiến chống Pháp và lúc chiến tranh chấm dứt, họ trở về, tụ tập và sinh hoạt chung quanh trung tâm văn hóa Hà Nội. Sách lược và mục tiêu đấu tranh đã vạch sẵn của nhà cầm quyền miền Bắc đòi hỏi các nghệ sĩ phải tiến lên trong cùng một hướng duy nhất. Những tiếp thu qua Trường Mỹ Thuật Đông Dương trước đây với bút pháp hiện thực và ấn tượng còn được chấp nhận, bổ sung vào đó rất mạnh mẽ là đường lối *nghệ thuật xã hội chủ nghĩa* đến từ Trung Quốc qua các tranh khắc gỗ, rồi từ Liên Xô và các nước Đông Âu với hội họa sơn dầu, với điêu khắc hoành tráng (monumental sculpture) và các kỹ thuật đồ họa khác (graphics). Đó chỉ là một thứ nghệ thuật tuyên truyền với những nội dung chính trị rõ nét. Đối tượng của họ là những người lao động và chiến sĩ trong những lời cổ vũ đập tan đế quốc, tiến lên một xã hội cộng sản đại đồng. Nghệ thuật chỉ còn là những bảng màu mạnh mẽ của lòng căm thù, sự oán giận, vẻ khắc khổ của cuộc đời lao động và chiến đấu, dù đầy nồng nhiệt nhưng thực chất thì lại ẩn dấu ở bên trong một màu xám xịt rất buồn thảm. Tuy vậy, phải công nhận là có nhiều ghi chép rất tài tình và cảm động về hình ảnh chiến đấu và lao động xây dựng giữa hai cuộc chiến tranh triền miên và tàn khốc chống Pháp và chống Mỹ vừa qua.

Mặc dù những nhược điểm ấy đã đưa nền nghệ thuật này đến những suy đồi tầm trọng, nghệ thuật Hà Nội lại có được một điểm mạnh hết sức đặc biệt, phù hợp với ngọn cờ xã hội chủ nghĩa, các nghệ sĩ biết vận dụng và khai thác vốn nghệ thuật truyền thống của dân tộc, nghệ thuật dân gian của văn hóa làng xã như tranh khắc gỗ, mỹ thuật cổ ở các đình làng, với chạm trổ, điêu khắc, kiến trúc nơi các đình chùa chùa, miếu vũ, đã tạo nên một nét riêng rất đẹp của giòng mỹ thuật Hà Nội.

Chung sống giữa một trung tâm văn hóa lớn mà gốc rễ ăn sâu trong lịch sử ít lắm đã trên mười thế kỷ, ở nơi đây mỗi góc phố, mỗi con đường, từng mái nhà đều có tiếng nói lặng lẽ, thầm kín và sâu đậm, những nghệ sĩ của Hà

Nội cổ kính, rêu phong, cả đến cũ kỹ quả đã được nuôi dưỡng bằng một giòng sữa với đặc chất riêng biệt kỳ lạ. Đất nước như một chiếc nôi với bao nhiêu tặng vật thiêng liêng mang đến cho từng mỗi tâm hồn. Vấn đề chỉ còn là sự tiếp nhận của người thừa kế, biết chắt lọc, thẩm thấu, rồi phát lộ như thế nào giữa bao nhiêu mối tương quan chằng chịt sống động của thời đại mới. Những người nghệ sĩ của Hà Nội, giữa một chế độ chính trị chuyên chính và khắc nghiệt, biết lách qua những cấm kỵ đương thời, dựa vào nền tảng truyền thống rồi kết hợp với hiện đại, họ biết gõ cửa vào thế giới nội tâm của mình, để tạo nên một bản sắc cho nền nghệ thuật đương đại.

Cũng may, lịch sử bao giờ cũng có những lối thoát của nó. Sau những bế tắc, thông lộ đã mở. Trong tình hình đổi mới của đất nước, nhiều tù túng đã được tháo gỡ. Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa từ mấy chục năm qua là một ám ảnh đè nặng lên nhiều thế hệ nghệ sĩ, ngày nay gần như công nhiên đã được nhìn nhận là không mấy hữu ích. Người nghệ sĩ được phục hồi vị trí của họ trong thế giới thực sự của cái đẹp. Nhưng vượt qua được nhà tù của thói quen và nọa tính của chính mình cũng không phải là điều dễ dàng. Những người nghệ sĩ ấy cũng sẽ còn phải trải qua nhiều trăn trở trước tình hình mới để đạt đến chất và thể thực sự của một nền nghệ thuật hiện đại. Cuộc triển lãm Mỹ Thuật Toàn Quốc năm 1990, với hơn 2000 tác phẩm từ khắp mọi miền đất nước gửi về tham dự, dù còn sơ lược và non yếu, cũng là dấu hiệu báo trước những mùa hoa sẽ nở rộ. Biến đổi và sống thực trong từng mỗi bản thân nghệ sĩ sẽ góp phần biến đổi nền nghệ thuật đã chìm đắm và trì trệ trong bóng đêm của quá khứ. Như đánh giá của họa sĩ Trần Lưu Hậu, chủ tịch hội đồng nghệ thuật Triển lãm Mỹ Thuật Toàn Quốc 1990: "Khi sự sáng tạo được giải phóng, nhân cách nghệ sĩ được coi trọng, bản lĩnh nghệ thuật được trau dồi, thì nghệ thuật của chúng ta sẽ phát triển mạnh mẽ, phong phú, muôn màu muôn vẻ. Trong quỹ đạo tư tưởng và thẩm mỹ đứng đắn, hãy trả lại cho nghệ thuật đời sống tự nhiên vốn có của nó, nó sẽ điều chỉnh, cái gì là nghệ thuật sẽ tồn tại và cái gì phi nghệ thuật sẽ tự nó mất đi." (**) Chúng ta có thể xem đánh giá ấy là một lời tự thú đối với quá khứ, nhưng cùng lúc cũng tiềm ẩn nhiều hy vọng đối với ngày mai.

## MỘT CUỘC HỌP MẶT
## TỪ NHIỀU KHUYNH HƯỚNG NGHỆ THUẬT

Trong phòng tranh này, có lẽ chúng ta gần như bắt gặp hầu hết các khuynh hướng chủ yếu của nền nghệ thuật hiện đại Việt Nam, từ cả ba trung tâm văn hóa lớn Hà Nội, Huế, Saigon, từ những họa sĩ xuất thân từ Trường Mỹ Thuật Đông Dương với *Nguyễn Gia Trí, Trần Văn Cẩn, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Tư Nghiêm*, đến các nghệ sĩ được đào tạo trong một quan niệm và cách nhìn rất giản dị, chất phác của Hà Nội như *Trần Huy Oanh, Đặng Quý Khoa, Hoàng Nam Thái, Trần Nguyên Đán*. Một số họa sĩ khác trở về từ tuyến

đầu của cuộc chiến, rồi bắt tay hoạt động mạnh trở lại với hội họa như *Nguyễn Thanh Châu, Lê Thanh Trừ*. Vài họa sĩ khác khá tài hoa được đào tạo từ Trường Mỹ Thuật Gia Định như *Trương Thị Thịnh, Nguyễn Thị Hợp*, xa hơn chút nữa: từ *Trường Trang Trí Gia Định như Nguyễn Trí Minh. Đáng chú ý là khuynh hướng rất mới mẻ của Saigon trước đây với các khuôn mặt trong nhóm Nhóm Họa Sĩ Trẻ Việt Nam* như *Đinh Cường, Nguyên Khai, Nguyễn Lâm, Hồ Thành Đức, Rừng (Nguyễn Tuấn Khanh)*. Và càng đáng chú ý hơn nữa là khuynh hướng muốn canh tân ngôn ngữ nghệ thuật của những nghệ sĩ trẻ tuổi hơn. Có thể họ còn phải đối đầu nhiều điều trước mắt như vấn đề kỹ thuật hay tu chứng tâm linh. Nhưng rất rõ ràng, là khi đất nước đổi mới trong nhiều điều kiện thuận lợi như hiện nay, họ cũng khao khát làm một cái gì thực mới mẻ, vượt ra khỏi những chật chội, tù hãm từ bao nhiêu năm tháng đằng đẵng trước đây, với những tiêu chuẩn lệch lạc, vớ vẩn giữa lằn ranh nghệ thuật và chính trị, có thể kể đến *Nguyễn Duy Ninh, Trần Trung Tín, Phạm Đại, Đặng Xuân Hòa, Đinh Ý Nhi*. Cuộc triển lãm này còn không quên đến cả cây bút sắt *Bửu Chỉ*. Anh là một thanh niên trí thức tả khuynh ở Huế. Tự học hội họa và sử dụng hội họa như một vũ khí đấu tranh trực diện với kẻ thù. Bộ sưu tập những nét vẽ rắn rỏi, mạnh khỏe bằng bút sắt và mực tàu của Bửu Chỉ trước năm 1975, ngày nay, ít nhiều cũng đã trở thành những khắc họa sâu sắc về một phần đời sống của dân tộc trong những năm tháng chiến tranh vừa qua. Đó là *chứng tích (Testimony)* về một thời kỳ máu lửa, giông bão và tận cùng của nỗi đau khổ mà một dân tộc nhược tiểu phải gánh chịu trên trái đất này.

*Trần Văn Cẩn* là một nét đặc trưng của lớp nghệ sĩ được đào tạo từ Trường Mỹ Thuật Đông Dương. Hầu như toàn bộ tác phẩm của ông đều nhằm vào mục tiêu phục vụ chế độ, bởi đơn giản chỉ vì ông là một ủy viên nghệ thuật của chế độ Hà Nội, tuy vậy ở những bức tranh thoát được gọng kềm chính trị thì quả là đẹp, từ sơn dầu đến khắc gỗ, sơn mài trên gỗ, đó là một thứ nghệ thuật điều hòa, chừng mực và quân bình. Ba bức *Người đàn bà gội đầu, So dây đàn* và *Học Tập* đều đạt được một vẻ đẹp riêng rất Việt Nam, nằm lưng chừng giữa thế giới cổ điển và hiện đại, đạt được một sự chững chạc mới mẻ nhưng vẫn nhịp nhàng với cái cổ kính truyền thống.

*Bùi Xuân Phái* thuộc thế hệ cuối của Trường Mỹ Thuật Đông Dương, là một tài năng lớn của hội họa Việt Nam. Ông mê hội họa một cách lạ lùng, gần như chẳng bao giờ rời cây bút vẽ. Vẽ, vẽ và vẽ. Lúc nào cũng vẽ, miệt mài vẽ. Ông vẽ tự nhiên, giản dị, thoải mái, ngồi đâu vẽ đó, cả đến trước giờ lâm chung cũng còn quệch quạc vẽ.

Có thể thấy rất rõ: Bùi Xuân Phái gần gũi với *Trường phái Paris* (Ecole de Paris), ông là một họa sĩ hậu ấn tượng (post-impressionniste), thỉnh thoảng cũng có vẻ chơi cả tranh trừu tượng.

Ông vẽ nhiều đề tài, nhưng chủ yếu là vẽ những khu phố Hà Nội cũ kỹ, với rêu phong và tường vôi loang lổ. Ông gắn liền rất thân thiết với đề tài này,

vẽ hàng ngàn bức tranh về phố, vẽ nhiều đến độ chẳng còn nhớ đã vẽ bao nhiêu bức nữa. Phố cổ Hà Nội vốn tự nó đã chứa đựng một vẻ gì rất hội họa, thì Bùi Xuân Phái đã rút tỉa từ đó rồi dựng lại một thế giới về Hà Nội đầy những dấu ấn riêng của ông. Một nửa thế kỷ sống với hội họa của Bùi Xuân Phái gần như là một thời gian toàn phần và chủ yếu cho đề tài này. Những mảng đề tài khác của ông là sân khấu chèo, những vùng nông thôn miền Bắc với các ngõ xóm, các chân dung, khỏa thân, những ký họa erotic..., ở đâu Bùi Xuân Phái cũng nhìn bằng con mắt phát hiện mới mẻ, độc đáo của riêng mình.

Giữa những người nghệ sĩ xã hội chủ nghĩa của miền Bắc, Bùi Xuân Phái có vẻ như là một kẻ lạc đường, bơ vơ và xa lạ. Nhưng thực hết sức là an ủi, vào những ngày cuối đời ông, ông đã được vinh danh. Ông vô cùng mê hội họa, hội họa cũng không xua đuổi ông: ông là một mảng tạo hình đặc biệt, tài hoa, thanh nhã, đạt được cái thô mộc bậc thầy của nền nghệ thuật Việt Nam hiện đại.

Nền nghệ thuật được truyền thụ từ Trường Mỹ Thuật Đông Dương vẫn tiếp tục nối dài qua các trung tâm Hà Nội, Huế, Saigon. Cho nên có thể khẳng định: Thường thì nếu không có những háo hức tìm kiếm nhịp điệu, hình thái mới để biểu lộ những nội dung mới, các nghệ sĩ chỉ biết ghi chép theo thủ pháp ấn tượng, và chỉ đi tìm cái đẹp nơi sinh hoạt bình thường chung quanh, với những đề tài phong cảnh, hay những phong tục tập quán mang tính xã hội.

Vậy nên, chúng ta sẽ gặp thấy *Đỗ Kỳ Hoàng* ở Huế, thường chuyên về sơn mài, hay bột màu trên giấy (*gouache on paper*), vẽ những thành quách cổ kính ở Huế, hay cảnh sống của người dân chài quanh một làng ven biển.

Hay nơi tranh lụa của *Thanh Châu*, người họa sĩ xuất thân từ Hà Nội, sau khi rời trường mỹ thuật, anh vượt Trường Sơn vào chiến trường Nam bộ, theo sát các đơn vị chiến đấu mà ghi chép. Thực hết sức gian khổ, hiểm nghèo, đối diện với cái chết trong từng mỗi giây phút, nhưng đó chỉ là cái giá của đời sống chứ chưa phải là giá của nghệ thuật. Bức lụa *Trái quả quê hương* (Homeland fruit) là một ghi chép của thời hòa bình cũng vậy, chỉ là cách nhìn cũ nối dài.

Trên các tranh bột màu trên giấy hay màu nước trên lụa (*Watercolor on silk*) của các nghệ sĩ Hà Nội như *Trần Nguyên Đán, Trần Huy Oánh, Đặng Quý Khoa, Hoàng Nam Thái*, hay có vẻ phóng túng hơn một chút ở *Ngô Quang Nam* thì cũng chỉ ở trong chừng mực của thói quen định sẵn. Đó là những sinh hoạt miền núi, cảnh mùa Xuân ở vùng Tây Bắc, những ngôi chùa cổ, sinh hoạt đồng áng. Cũng thế, nơi *Hoàng Đăng* ở Đà Nẵng — một thành phố sát cạnh Huế — dù tỏ ra có đôi chút táo bạo, muốn phá vỡ cách nhìn cũ, có học tập cái đẹp hoang dại và ngây thơ nơi nghệ thuật Tây Nguyên, như khi anh ghi chép cảnh tượng một lễ hội đâm trâu (*Buffalo Killing Festival, bột màu trên giấy*), hay cảnh một góc khu chợ bán cá (*A corner of the fish market*),

thì chúng ta thấy rằng tầng lớp nghệ sĩ này dường như vẫn muốn dừng chân nơi căn nhà nghệ thuật của các thế hệ trước, cách đây đã nửa thế kỷ. Tuy nhiên cũng chẳng hề gì nếu tác phẩm của họ mang lại được hạnh phúc của cái đẹp thực sự, như trường hợp Lê Thanh Trừ. Tranh khắc thạch cao (plaster cut) và sơn mài của anh là một thế giới được lọc lựa hồn nhiên, ngây thơ, mang nhiều chất tượng trưng và nhiều nét nhẹ nhàng của hội họa ấn tượng. Như một thứ Henri Rousseau của các rừng tràm Nam bộ, của những xóm cư dân nhỏ sống trên các vùng kênh rạch ngập nước quanh năm Vàm Cỏ Tây, Đồng Tháp Mười, Sông Tiền, Sông Hậu. Có những thứ giản dị, chất phác mà thực là tài tình và nghệ thuật, đấy chính là trường hợp Lê Thanh Trừ. Thực rất là đáng tiếc, vì ở đây chúng ta chỉ được xem hai tấm tranh của anh là *Gia Định xưa (The old Gia Dinh)* và *Rừng U Minh (U Minh Forest)*, chưa đủ để có thể hình dung về thế giới đầy yêu mến và rất thơ mộng của anh.

Trong cuộc họp mặt nghệ thuật này, các họa sĩ của nhóm *Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam* trước đây đã góp nhiều màu sắc và đường nét đặc biệt.

Từ nhiều năm trước, có lẽ cũng đã trên dưới ba mươi năm, *Đinh Cường* đã dựng nên một vũ trụ đầy chất thơ, kết hợp rung cảm với bút pháp độc đáo của một tư duy riêng biệt. Bước vào hội họa, Đinh Cường đã tự hiến mình ngay cho thế giới trừu tượng. Rồi sau một thời gian dài theo đuổi những giấc mơ trôi nổi giữa nền nghệ thuật này, Đinh Cường lại chuyển hướng để trở về với nghệ thuật tượng hình, với những hình ảnh quen thuộc giữa Nội thành Huế, với núi rừng Đà Lạt, Di Linh, Đơn Dương, với nỗi ám ảnh đất đá rêu phong, tường thành cũ, lau lách đìu hiu, dáng ngựa trắng, những con chim lạ..., tất cả đã hòa hợp cùng nhau để tạo nên một thế giới tịch lặng và thơ mộng vô song.

Thế giới của *Rừng* thì lại đập vào mắt người xem một cách vô cùng dữ dội, đẩy ta trở lại đối mặt với những gốc rễ nền tảng nguyên thủy. Những gốc rễ ăn sâu vào trái đất của nhục dục mà đâm chồi, nẩy nụ những cành lá xanh tươi siêu hình. Là một thế giới hung bạo đến cùng cực, bày ra những âm sắc đầy nhiệt đới tính. Là cái đẹp nơi vẻ sơ khai và dã thú của một thứ nghệ thuật totémisme, của một thứ điêu khắc da đen, hay cũng rất gần với một thứ điêu khắc da đỏ. Và cho đến nay, tranh Rừng vẫn còn phảng phất cảm quan và bút pháp cũ. Ba bức *Những người đàn bà đợi chồng (Waiting for Husbands), Hai đứa trẻ khốn khó (Poor children)* và *Người đàn ông xanh (Man in blue)* vẫn còn mang nặng chất hoang dại thơ mộng mà Rừng đã theo đuổi trong nhiều thập niên qua.

Trong khi ấy, tranh *Hồ Thành Đức* thì lại nhuốm đầy vẻ bi thảm. Cái thơ mộng luôn hiện ra dưới một hình thái buồn thảm, cô quạnh và phần nào hơi tan vỡ, nứt rạn. Với hội họa miền Nam trước năm 1975, tranh Hồ Thanh Đức khá đặc biệt với kỹ thuật dán giấy (collage) của anh. Và về sau này, với tình huống mới, Hồ Thành Đức đã làm nhiều tranh sơn mài, dù có vui tươi hơn

và đã ánh lên nhiều niềm hy vọng mới, nhưng dù là với chất liệu nào thì cũng luôn tỏa ra khắp nơi một nỗi buồn bã, trống trải, tan rã, những đau đớn và gãy đổ của một thời đại chia cách phân hóa.

Tranh *Nguyên Khai* thì đầy chất thần thoại, lúc nào cũng kiều diễm và trang nhã. Đấy là thơ được dựng lại bằng sắc màu trên nền vải, rất quý phái như phong cách từ ba thập niên qua. Giá đèn cắm nến cầu kỳ của một thế kỷ xưa, bình hoa sang trọng, ngựa tung bờm, chim ca hát, mặt trăng lưỡi liềm, những mái nhà chạm trổ điêu luyện, tất cả đều trầm xuống dưới một thứ ánh sáng kín đáo chiếu khắp trên toàn thể. Những thiếu nữ luôn luôn thướt tha trong tấm áo choàng khoác trùm bên ngoài, đang uyển chuyển với một bản luân vũ hay một dạ khúc giữa lòng đêm tối. Và chiếc đàn lục huyền cầm của Nguyên Khai là một khối thể rất chặt chẽ, chắc đã là một ký hiệu rất đặc biệt, góp không ít vào việc xây dựng một thế giới riêng của mình.

*Nguyễn Lâm* thì khác hẳn với các bạn đồng thời của anh. Mặc dù trải qua nhiều thời kỳ, tranh của anh biến chuyển rất ít. Vào những năm đầu của thập niên 60, anh thường sử dụng hai màu vàng, cam chen lẫn trên tấm nền sâu tối của màu đen, để mô tả thế giới của những người lao động nghèo khổ. Chuyển qua một thời khác, cũng chỉ là gam màu u tối, màu vàng và cam đã trở thành hồng và lục pha xám để rạng chiếu mờ ảo trên những cảnh bán trừu tượng. Và đến ngày nay, anh vẫn chậm chạp di động giữa những màu sắc thăm thẳm và u tối ấy, anh lại nắm được thêm một lợi thế mới là chất liệu sơn mài, rất phù hợp với thế giới ẩn mật của anh. Hai bức *Cấu trúc I (The Structure I)* và *Cấu trúc II (The Structure II)* trông rất bí ẩn, tạo được nhiều ảo giác về chiều sâu với một bố cục bề mặt khá chặt chẽ.

Giữa các tác phẩm của những họa sĩ trong nhóm *Hội Họa Sĩ Trẻ* trước đây bày trong cuộc triển lãm này, bức *Tỳ Bà* của Đỗ Quang Em đã nổi bật rất mạnh vì một không khí cực thực rất thơ mộng và huyền hoặc. Chiếc đàn tỳ bà và cái áo dài để trên chiếc chõng tre chiếm khoảng chừng một phần ba không gian tấm tranh, tất cả còn lại là khoảng trống. Khoảng trống và sự vật đều rất sống động dưới ánh sáng đang rạng chiếu. Dưới công phu chi li của cây cọ Đỗ Quang Em, thế giới tầm thường chung quanh đã trở nên bí ẩn, có hồn và lên tiếng bằng thứ ngôn ngữ tĩnh lặng của mình; sự vật nói chuyện mà những không gian trống vắng càng nói chuyện nhiều hơn.

Trong cùng khuynh hướng của Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam, có thể xếp *Uyên Huy* cạnh những nghệ sĩ vừa được đề cập, mặc dù anh thuộc lớp trẻ hơn, tốt nghiệp Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Saigon năm 1971. Nghệ thuật của anh phảng phất nhiều điều mà những người đồng thời của anh đang sống và tìm kiếm. Ở đây là đôi chút siêu thực, pha với trừu tượng, bán trừu tượng, để nói về cái đẹp giữa mộng và thực, giữa cuộc đời và huyền thoại trùm lấp lên nhau. Các độc bản *(monoprint) Cá, Ngựa* đưa chúng ta vào cách nhìn và những giấc mơ hư ảo của anh.

Chúng ta vừa nhìn qua một vài khuynh hướng nghệ thuật trong phòng

triển lãm này, nhưng những khuynh hướng ấy dường như đều đã định hình. Điều chúng ta hy vọng thuộc về tương lai, chứ không phải chỉ là quá khứ đã xảy ra. Nghệ thuật của đất nước nằm trong tay những họa sĩ trẻ, chúng ta đề cập đến các khuôn mặt *Nguyễn Duy Ninh, Phạm Đại* ở Huế, và *Trần Trung Tín* xuất thân ở Hà Nội và hiện đang sinh hoạt ở Saigon. Đây chỉ là vài nét đặc trưng, bởi vì sau một thời gian dài đầy khó khăn và bế tắc sau năm 1975, một lực lượng khá lớn đang hình thành, đầy nhiệt tình, bén nhạy và năng nổ, họ đang tiến về phía trước, đến với cái đẹp, cái mới lạ không chút ngập ngừng và hồ nghi. Nơi cả ba nghệ sĩ trẻ này, chúng ta đều thấy có một điểm chung: họ đề cập đến một thế giới tan vỡ, những ám ảnh bi thảm, đằng sau đó là thấp thoáng của ánh sáng.

*Phạm Đại* sử dụng thủ pháp của Picasso trong Guernica, ngôn ngữ biểu hiện này thực là thích hợp để mô tả về một thế giới tan nát cần được xây dựng lại *(Đàn chim ác*, mực tàu trên giấy và *Những con thú và mặt trời vỡ*, mực tàu trên giấy). Ở *Trần Trung Tín*, cách nhìn của anh dữ dội hơn nhiều, gợi cho chúng ta nhớ đến Soutine và Edward Munch. Một không khí u ám đầy nỗi kinh hoàng, đó chính là hình ảnh của một đứa bé đang sống trong những hồi tưởng đầy sợ hãi của nhiều cơn ác mộng dày vò. Những thủ ấn họa (monoprint) đầy chất siêu thực của *Nguyễn Duy Ninh* tươi sáng hơn, nhưng rõ ràng là cũng hàm chứa những ray rức của một tâm hồn đầy chiều sâu tư tưởng, giữa một thế giới tịch mịch và trầm lắng. Thông điệp của những người nghệ sĩ trẻ Việt Nam gửi đến cho cuộc đời và thế giới, chính là những kêu đòi đổi mới và tái xây dựng trong yêu thương, hòa hợp và hy vọng.

## MỘT VẬN HỘI MỚI GIỮA NGHỆ THUẬT THẾ GIỚI

Năm 1954 đã đưa nghệ thuật Việt Nam chuyển biến qua một giai đoạn mới, thì năm 1975 càng thúc đẩy nền nghệ thuật tạo hình Việt Nam đến những gặp gỡ chẳng ai ngờ nổi. Số mệnh của dân tộc hình như đã hàm chứa một chất phiêu lãng để dung hóa, hòa hợp và đóng góp. Những cuộc khai quật ở Thanh Hóa và Óc Eo trước đây đã cho chúng ta thấy từ những thời kỳ rất cổ xưa giữa Việt Nam và Tây Phương đã có những trao đổi hữu ích, và đi xa hơn nữa, chúng ta còn có thể tỉ giảo để truy nguyên về những vết tích của người Việt cổ ở Nam Dương, Úc Châu và cả đến Nam Mỹ. Đúng vào thời điểm 1975, cả hơn một triệu người bất chấp biển cả gian nguy, bập bềnh đạp lên sóng dữ để chinh phục cuộc sống mới. Và giữa những đợt di dân hiểm trở ấy, rồi định cư trên đất mới, một thế hệ nghệ sĩ mới đã hình thành khi tiếp thu trực tiếp nền văn hóa nghệ thuật hiện đại nhất của thế giới, mà trung tâm của nó ngày nay chính là New York, để thay những trung tâm Rome, Paris huy hoàng trước đây nay đã trở nên cổ điển giữa một nền văn hóa lục địa cũ kỹ.

Trước khi đề cập đến các nghệ sĩ trẻ hấp thụ văn hóa đương thời trên đất

Mỹ, có lẽ cũng nên nhắc lại đôi chút tầng lớp nghệ sĩ trước đó, chính là các khuôn mặt Đinh Cường, Hồ Thành Đức, Nguyên Khai vừa được kể đến. Hình như họ chỉ muốn đóng góp vào cuộc sống năng động đa văn hóa nơi đây những giá trị cố hữu tiềm tàng trong hành trang mang theo, họ đã ổn định và không còn chạy theo đuổi bắt những điều mới mẻ nữa. Nghệ thuật của họ hiện nay chỉ còn là nỗi u uẩn về những điều mất mát, lòng hoài cổ, vẻ tao nhã và tinh tế của chất thơ bằng màu sắc. Đó là cái đẹp rạng rỡ trên tạo hình của một con cá bằng chất liệu sơn mài của Nguyên Khai, thực hết sức giản dị, chẳng có chút cầu kỳ nào mà vẫn đạt tới cái cao nhã, sang trọng nhất, ánh lên trong một nguyên liệu quý mang đến từ Châu Á. Vẻ thanh nhã ấy cũng bàng bạc trên tĩnh vật hoa (still life, sơn dầu) của Nguyên Khai, đơn giản mà hết sức thanh tú và đầy rung cảm. Hay một không khí siêu thực nơi tranh Đinh Cường, với hình ảnh đứa bé ngồi cạnh cái bàn, trên mặt bàn là hai con cá, tất cả đều chìm ẩn vào trong một màu xanh sậm của biển, thoáng một vài chấm đỏ đây đó rất ấm cúng *(Đứa trẻ và cá, Boy with fish, sơn dầu)*. Hoặc đằng sau mấy chấn song trên bức tường xám sẩm hiện lên hai khuôn mặt và bàn tay, bức tường ấy của Đinh Cường *(The wall, sơn dầu)* muốn nói gì với chúng ta hay chỉ gợi lên một dấu hỏi, và đằng sau dấu hỏi ấy mỗi người sẽ tự đi tìm cho mình một cách lý giải. Hay là một mặt nạ đầy vẻ biểu cảm trên sân khấu tuồng cổ hiện ra dưới một chiều sâu ấm cúng trên tranh Hồ Thành Đức, *(Ông vua trên sân khấu hát bội, King at the theatre, sơn mài)*. Đó cũng là trường hợp của Ngô Bảo, anh sử dụng cái lợi thế của chất liệu và kỹ thuật sơn mài, với màu son lạ lùng chẳng thể tìm được ở bất kỳ chất liệu hội họa nào khác, màu trắng rất quý phái của vỏ trứng tựa như men ngà pha xanh hay nâu của những bình gốm cổ rạn nứt qua thời gian, và những lá vàng rực rỡ, óng ả nhưng vẫn rất hòa hợp với tất cả cái sâu lắng bên trong. Trên tấm nền của những chất màu kiểu cách như vậy, anh vẽ lại hình ảnh con ngựa và em bé bắt nguồn từ những đường nét của chữ tượng hình phương Đông cổ đại. Lợi dụng những ký hiệu có sẵn, là một trong những tư duy tạo hình trừu tượng sơ thủy của nhân loại, Ngô Bảo cũng đã xây dựng được một con đường riêng, dù nhỏ hẹp nhưng cũng là độc đáo.

Trường hợp Nguyễn Trọng Khôi cũng là điển hình. Học tập phương pháp của những bậc thầy cổ điển, cộng thêm vào đấy là một vài kỹ thuật mới như chuyển biến ánh sáng trở thành âm bản trong nhiếp ảnh, rồi sử dụng tất cả những kỹ thuật ấy để tạo thành bút pháp của mình. Thế giới của Nguyễn Trọng Khôi luôn luôn được xây dựng vững chắc từ cuộc đời thực, nhưng anh đã nhào trộn hiện thực theo một cách nhìn và những kinh nghiệm thơ mộng riêng, để rồi sáng tạo nên một vũ trụ siêu thực mới ấm áp, trữ tình, kỳ bí. Nhưng để nói cho chính xác hơn thì không phải chỉ là *siêu hiện thực* mà có thể gọi đó là một thứ *hiện thực mới*, hay càng đúng hơn nữa là *hiện thực huyền ảo*, bởi vì tất cả đều là thực nhưng cái thực đã được lọc lựa và sắp xếp lại để trở thành một sự thật mới, vượt lên trên cái thực bên ngoài của cuộc đời và

thiên nhiên. Nơi hai bức tranh *Cánh đồng* và *Đêm tối* bày trong kỳ triển lãm này, cái vẻ rất thực mà hư ảo ấy dường như muốn dẫn chúng ta đến những giấc mơ kỳ lạ nào đó, tươi đẹp, bình dị, mà vĩnh cửu. Giữa cảnh đồng ruộng chín vàng mênh mông, anh đặt một cái bàn, trên chiếc bàn ấy là quyển sách đang mở ra, cái kiếng lúp, mấy dụng cụ đo đạc, anh muốn nói đến ánh sáng trí tuệ và khoa học phải xâm nhập, soi chiếu vào đời sống nông nghiệp của đất nước đang cần phát triển. Ý tưởng giản dị, nhưng chính nhờ cách bố cục sự vật rồi ghi nhận bằng một con mắt riêng, anh đã biến cuộc sống đời thường trở thành thơ. Hay cảnh tượng giữa lòng đêm tối dày đặc nơi một góc nào đó trong cuộc đời, dưới ánh sáng của một ngọn đèn hiu hắt, các nhân vật hiện ra: một bà cụ già, một thiếu nữ, bà mẹ trẻ và đứa con nằm trong chiếc võng, tất cả đều bình lặng và hạnh phúc. Bố cục bức tranh tạo thành một bài thơ siêu thực, nhưng tất cả lại đập vào mắt chúng ta một cách vô cùng hiện thực, chính là nhờ ở cách tiếp thị ánh sáng. Hội họa dạy cho chúng ta biết nhìn đúng sự vật, điều ấy trước đây Monet đã từng làm khi nhìn Luân Đôn qua một màu sương mù đỏ thắm, và ngày nay, giữa lòng nền hội họa Việt Nam đương đại, Nguyễn Trọng Khôi và những người bạn của anh như Nguyễn Trung, Nguyễn Phước, Nghiêu Đề, Hồ Hữu Thủ (hơi đáng tiếc là các họa sĩ này không có tranh tham dự vào cuộc triễn lãm) lại chỉ cho chúng ta một cách nhìn mới, tinh tuyền và trong suốt, nhờ vậy cái đẹp đã nhập vào trong tất cả những ngóc ngách sâu thẳm nhất của cuộc đời, làm tươi đẹp cuộc sống đến chừng nào.

Hãy đề cập tiếp về các nghệ sĩ mới, trẻ trung nhất, đã lớn lên và phát triển nghệ thuật của mình trên đất đai văn hóa rộng lớn, mênh mông và hiện đại của Hợp Chủng Quốc Mỹ. Giữa bầu không khí tự do, hình như họ chẳng còn chút chi ràng buộc nữa. Họ bức phá mọi thứ và đã đi đến những phương thức phát biểu hoàn toàn mới. Đối với họ, ngay cả đến thứ nghệ thuật trừu tượng biểu hiện hay hội họa hành động của Jackson Pollock một thời nào đã từng được xem là đã đảo lộn tất cả, triệt phá tất cả để giải phóng nghệ thuật ra khỏi những lối mòn tù hãm truyền thống của bao nhiêu thế kỷ, thì ngày nay hình như cũng đã trở thành cổ điển rồi.

Chúng ta có thể gặp những nét mới mẻ ấy ở các tác giả *Phấn Nguyễn Barker, Trần Kim, Nguyễn Việt, Lý Tín, Bùi Văn Hoàng*. Họ dùng bất kỳ chất liệu nào miễn là thấy thuận tiện và thích hợp với điều họ muốn mô tả, về thế giới họ cần đạt đến. Những khung gỗ, thanh sắt, thép, đồng, vỏ sò, dây kẽm gai, trục đồng hồ, giấy vàng mã, nhữnng vòng khoen kim loại, acrylique, sơn dầu và vải bố. Như Lý Tín, nơi hai bức *Day 1, No. 11* và *Day 2, No. 12*, chung quanh hai tấm sơn dầu trừu tượng vốn cũng đã có thể gợi ý về ánh sáng, về ngày, đối lập với đêm, với bóng tối, anh đã ghép thêm vào một số chất liệu khác càng gợi sâu thêm ý tưởng của chủ đề, là một trong những phạm trù cơ bản của tư duy.

*Phấn Nguyễn Barker*, với nguyên liệu hỗn hợp, tạo được một không khí

rất avant-garde. Tác phẩm được trưng bày là một trong loạt tác phẩm *Màu trắng khăn tang*, dựng nên không khí của một mái nhà tranh vách đất với khung cửa sổ nghèo nàn, đơn giản nhưng thực thâm thúy và đầy cảm xúc.

Tác phẩm của *Trần Kim* với các mảng gỗ và thép, những đường uốn lượn của các thanh kim khí, đưa chúng ta đến những hòa hợp cấu trúc tân kỳ, biểu lộ hình bóng của một đời sống phát triển công nghiệp cao, trong ấy có chút gì phi nhân tính, hay đúng hơn đó là một thứ biểu hiện mới để tìm về một thế giới mới, những khắc khoải siêu hình mới sau bao nhiêu tan vỡ, băng hoại thực khó lòng cứu vãn. Mặc dù rời khỏi đất nước đã lâu, gần như đã sống hai phần ba cuộc đời ở Mỹ, Trần Kim vẫn luôn luôn muốn giữ được tâm hồn và tính cách Việt Nam trong những biểu lộ hiện đại của mình. Phát biểu về tác phẩm *Tâm hồn đang lành vết (Healing Soul), anh nói: "Là một nghệ sĩ người Mỹ gốc Á châu, tôi đặc biệt chú tâm vào tiếng nói riêng biệt của mình. Những đường cong mềm mại như nước này làm tôi nhớ đến nước, một yếu tố rất quan trọng trong văn hóa của người Việt" (in trong vựng tập triển lãm).*

Đời sống hiện đại đã phát triển trên một tốc độ chóng mặt. Những nhà cao tầng chất ngất, những xa lộ vùn vụt, khoa học kỹ thuật phát triển dữ dội với cực điểm của máy móc và điện toán. Nhưng sự phát triển ấy đã đưa con người đến chỗ lạc loài và cô đơn khi đối diện với chính mình, ngay chính trong thế giới mình đã xây dựng nên. Chia sẻ và chìm đắm trong thế giới ấy hơn 20 năm nay, *Nguyễn Việt* đã tìm được một lối thoát khi dựng nên vũ trụ trừu tượng của mình, mới nhìn thì tưởng như xám ngắt và hoang tàn nhưng càng tiến sâu vào thì càng bắt gặp những nhịp đập thiết tha, mơ mộng và thân yêu. Bằng phương tiện kỹ thuật in ấn học hỏi nơi đây là Etching (khắc trên bảng kẽm) và Embossing (in hình nổi), và pha trộn với nhiều kỹ thuật khác nữa, anh tạo lại thế giới của những hoài cảm, bắt nhịp với đất đai quê nhà trong trí tưởng. Nơi cả ba bức *Gió cuốn (Dancing Wind)*, *Tháo chạy (Flight)*, và *Cây sồi và chiếc thuyền (The Oath and the Boat)* đều thế, tất cả đều là nỗi lòng đối với quê cũ. Về một chiếc thuyền đậu ven sông với cây đa bến cũ. Những đồng ruộng bát ngát xanh tươi và đất đai thắm đỏ trong trí nhớ, khi anh quan sát trên những chuyến bay ngày trước, rồi sông lạch, kinh đào, nhà cửa..., tất cả những thứ ấy đã trở về trong một tổng thể là vũ khúc của gió, mà ngay chính cơn gió ấy cũng được ghi nhận thành hình bóng của hai người yêu nhau. Rồi cả đến những chiếc thuyền thúng nơi một vùng duyên hải nào đó anh đã gặp năm xưa cũng ẩn hiện trở lại, với những ám ảnh ngày anh rời bỏ quê nhà, những chiếc thuyền thúng ấy cũng đã bay lên, chuyên chở cuộc hành trình gian khổ đi về đất mới.

Nghệ thuật của thời đại Nguyễn Việt nhiều lúc đã trở thành tiếng gầm rú bất an của một hệ thần kinh không chế ngự được, nhưng ở Nguyễn Việt chúng ta thấy là một cái gì rất thanh bình và ổn định. Hình như anh đã vượt qua tất cả mọi thứ ác mộng, để đi tới một màu xanh rất hạnh phúc. Chính là màu xanh mà một phi hành gia khi bay vào vũ trụ đã nhìn thấy khi hướng về

trái đất, thấy mọi người đang nắm tay nhau cùng đi tới, đi tới trong những chiều kích mới của vũ trụ.

Trong phòng triển lãm này, chúng ta còn cần đặc biệt lưu ý đến mấy nét phác họa trở lại về những công trình to lớn mà nhà khoa học cũng là nghệ sĩ Ngô Việt đã thực hiện rất nhiều nơi trên thế giới, trên những bình nguyên mênh mông phía Bắc nước Mỹ và nhiều thành phố kỹ nghệ ở Âu Châu.

Sự phát triển của khoa học kỹ thuật và kỹ nghệ xâm nhập và lan tràn khắp nơi trên địa cầu, một mặt đã nâng cao con người đứng dậy rất hùng vĩ trước thiên nhiên nhưng mặt khác lại tàn phá trái đất đến cùng cực. Thiên nhiên bị ô nhiễm, bầu khí quyển dày đặc những khí độc, các tầng nước xanh biếc thơ mộng đã trở thành cạm bẫy độc hại với nhiều chất than và phosphor. Thiên nhiên cần phải được cứu vãn! Ngô Việt là một trong những người đề ra cấp thời biện pháp cứu vãn trái đất, làm sạch trái đất, bằng một phương pháp khoa học giản đơn nhưng có hiệu quả cao, nhưng còn hết sức đáng kể ở chỗ biện pháp ấy đã hiện ra trong một hình thái mỹ học đẹp đẽ, mang lại quân bình cho tâm hồn con người trong một thế giới đã bị đảo lộn quá nhiều.

Ngô Việt xây dựng những vườn nước bằng những mô hình kiến trúc giản đơn nhưng đầy sáng tạo, ở đây đã hiện ra một vẻ hài hòa giữa kiến trúc và điêu khắc hiện đại. Trên mặt các hồ nước, ông nuôi trồng một lớp bèo hoa dâu (duckweed), những cây bèo này phát triển rất nhanh, có khả năng lọc nước, nghĩa là hút những chất độc trong nước do sinh hoạt kỹ nghệ thải ra, biến nước ấy trở lại trong lành như nguyên thủy. Nắm vững đặc tính sinh học của giống bèo này, Ngô Việt biến chúng thành công cụ lọc nước, vừa sẽ là thực phẩm gia súc có chất lượng cao. Nhưng vấn đề quan trọng cần nhấn mạnh, không phải chỉ là nước trong lành và bèo nuôi gia súc mà chính là màu diệp lục tố bát ngát góp phần bổ túc vào kiến trúc hiện đại, để dựng nên những công trình nghệ thuật to lớn đến với đại chúng. Chúng ta nhớ đến hồ bông súng của Monet thời nghệ thuật ấn tượng đã mang lại sự tươi mát biết bao cho con người vào nửa sau thế kỷ 19, nhưng ảnh hưởng nhân văn của hồ bông súng ấy thì cũng chỉ là chừng mực, và ngày nay, những mặt hồ xanh biếc của Ngô Việt càng vĩ đại chừng nào khi góp phần cứu vãn thế giới, thông qua khoa học và nghệ thuật cuối thế kỷ XX. Khoa học và nghệ thuật ở đây hòa hợp thực tuyệt hảo. Ngô Việt đã biến khoa học thành nghệ thuật, rồi biến nghệ thuật thành chính sự sống của con người. Ông đã thực hiện một cuộc cách mạng xanh trên những hồ nước mênh mông, làm được công việc của một nghệ sĩ và một nhà tư tưởng lớn, kêu gọi con người trở về với thiên nhiên, giúp chúng ta tìm lại một tương quan thực sự, thân thiết và đầy lòng yêu mến giữa con người và thiên nhiên, tức cũng là một cách trở về với bản tính tự nhiên của chính mình. Cũng có một điều đáng nói thêm, có thể những suy nghĩ của Ngô Việt đã bắt nguồn từ hình ảnh những ao hồ nhỏ bé thời tuổi thơ nơi đất mẹ, rồi do điều kiện nghiên cứu trên một đất đai lớn của khoa học và nghệ thuật hiện đại, ông đã biến những kinh nghiệm thời ấu thơ trở thành

một tiếng gọi lớn, góp phần cứu lấy nhân loại trước ngưỡng cửa thế kỷ mới. Ở đây, cái đẹp đã cứu vãn con người, cứu vãn thế giới như Dostoievski đã từng lên tiếng, nhưng không phải chỉ trong ý nghĩa trừu tượng và siêu hình nữa, mà đã là hiện thực sống động và cụ thể nhất trong sinh hoạt thường nhật của con người.

Chúng ta vừa đi qua một vài mấu chốt chính yếu của con đường phát triển nền nghệ thuật Việt Nam hiện đại. Trong bốn thập niên qua, chín muồi trong phương pháp khoa học cơ bản rất hữu ích của Trường Mỹ Thuật Đông Dương, rồi từ đó những thế hệ mới đã bức phá tất cả ràng buộc cũ , phát triển rất mạnh mẽ rồi định hình một tiếng nói riêng của mình. Ngày nay, nền nghệ thuật ấy lại đang nắm được vận hội trong tay để tiếp giao và đối thoại với khắp nơi trên địa cầu, đã có những khuôn mặt nổi bật ở Âu Châu, Châu Úc và Châu Mỹ, không phải chỉ là học hỏi, nghiên cứu và đi tìm, mà còn có tiếng nói đóng góp tích cực của mình, cuộc triển lãm đang bày ra đây chính là một tỉ dụ điển hình vậy.

## VÀI GÓC CẠNH HIỆN THỰC VIỆT NAM QUA ỐNG KÍNH NHIẾP ẢNH

Ngoài những tác phẩm hội họa đa dạng, biểu lộ nhiều khuynh hướng của nền nghệ thuật Việt Nam đương đại, chúng ta còn có dịp thưởng lãm một vài tác phẩm nhiếp ảnh của hai nhiếp ảnh gia trong nước *Lê Minh Trương, Lê Vượng*, và hai nhiếp ảnh gia *Phạm Thị Hạnh Và Trần Hiền* đang sinh sống tại Mỹ. Những tác phẩm nhiếp ảnh này không nhằm chú ý khai thác những tính cách đặc biệt do nền nhiếp ảnh hiện đại mang lại, mà hoàn toàn ngược lại, đó chỉ là ghi chép thực thà một vài hình ảnh đây đó về một đất nước đang phục sinh, sau một cuộc chiến khốc liệt kéo dài quá lâu.

Ở đây không có những nhịp điệu của hội họa và thi ca vốn thường được khai thác dưới ống kính nhiếp ảnh. Ở đây cũng không có cái thanh nhã và cao quý của cảnh sắc, đất nước và con người thuộc về một nền văn hóa truyền thống.

*Lê Minh Trương* ghi lại một hai góc cạnh của cuộc sống hiền hòa của đồng bào Nam bộ, những thiếu nữ gắn bó với sông nước trên một chiếc thuyền nhỏ, hai người đàn ông đang sống cuộc đời lao động thô sơ nơi đồng ruộng, đang chăm sóc múc nước tưới tắm những luống hoa màu trong từng buổi sáng sớm hay chiều tà. Những người lao động ấy sống cuộc đời giản dị, nghèo nàn nhưng thực là hạnh phúc.

Cũng ghi chép những cảnh đời lao động, nhưng *Lê Vượng* phát triển đề tài theo một hướng khác, có vẻ công nghiệp hơn, là hình ảnh công trường bên các hầm mỏ. Đất nước còn nghèo nàn, khốn khó, chật vật, nên chiến đấu trên mặt trận sản xuất là đang góp phần xây dựng một nền móng vững chắc cho ngày mai sẽ đến.

Hai nhiếp ảnh gia đang sống cuộc đời lưu vong người Mỹ gốc Việt ghi nhận một vài cảnh tượng có tính thời sự và thâm trầm hơn.

*Phạm Thị Hạnh* mang lại cho chúng ta hình bóng chân thực của những kỷ niệm xưa cũ, có thể đó là những thời hạnh phúc xanh đã mất. Rất cụ thể, đó là những bức ảnh gia đình thời trước, có nhân vật trong những tấm hình ấy nay đã ra người thiên cổ, có bức ảnh trong số ấy nay đã trở thành ảnh thờ, nhà nhiếp ảnh ghép những tấm ảnh lại trong một bố cục cân xứng tối thiểu, tạo ra một tác phẩm mới, chứa đựng bề dày của hoài niệm, của những nỗi mất mát và tiếc nhớ. Trưởng thành ở Hoa Kỳ, hấp thụ nền văn hóa mới, Phạm Thị Hạnh đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội.Khi hồi tưởng lại thuở thiếu thời ở quê nhà, cô càng muốn đặt thành vấn đề lớn, vấn đề phụ nữ bình quyền, phái tính và quyền lực.

Và *Trần Đức Hiền* thì lại khai thác được một khía cạnh rất đặc biệt của thời sự Việt-Mỹ. Cuộc chiến tranh tàn ác và dữ dội qua đi, một trong những hậu quả ngoài lề còn để lại là những đứa trẻ mang hai giòng máu và những bà mẹ Việt Nam của chúng. Trách nhiệm của cả hai dân tộc đối với những đứa con ấy là một vấn đề phải được đặt ra, vì thâm tình, cốt nhục, mà cả vì vấn đề lương tâm và nhân đạo. Trần Đức Hiền ghi nhận cảnh một đám trẻ lai đang tụ tập, có thể chúng đang sửa soạn cho một chuyến ra đi về quê nội mà chúng chưa từng bao giờ biết tới. Một hình ảnh khác: một phụ nữ Việt cầm chiếc ảnh một cựu quân nhân Mỹ đã từng tham chiến ở Việt Nam, và hai bức ảnh mới chụp của hai đứa con lai. Tấm hình người cựu quân nhân Mỹ đã vàng ố, cũ kỹ nhưng đó là chiếc hộ chiếu hữu ích cho cuộc lên đường.

Tác phẩm của *Phạm Thị Hạnh* và *Trần Đức Hiền* là những ghi chép sống động về một loại thời sự rất đặc biệt trong liên hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ: nhức nhối và cay đắng nhưng cũng thực vừa đầy thương cảm. Chỉ có một con đường thực sự để đến với nhau, là cùng chia sẻ, hàn gắn và xây dựng trong hòa bình.

Các nhà nhiếp ảnh đã góp được một tiếng nói sâu sắc, đầy lòng tử tế và rất nhân bản vào cuộc triển lãm này, tạo thêm nhiều vẻ phong phú để giới thiệu đôi nét về nền nghệ thuật Việt Nam.

HUỲNH HỮU ỦY

---

(*) Trong bài viết này, có một số điểm chúng tôi đã trình bày trong bài viết dài 64 trang *Nghệ thuật tạo hình Sàigòn trước năm 1975*, in trên tạp chí *Hợp Lưu*, số 10 tháng 4-5, 1993, đặc biệt về Hội họa Việt Nam hiện đại, ở đây chúng tôi đã không ngại phải lập lại một lần nữa, để giúp độc giả, qua đó, có thể có một cái nhìn tổng quan về vấn đề, và về sau nếu muốn triển khai hay đào sâu thêm vào thì vẫn dễ dàng hơn.

(**) Trích lời giới thiệu của họa sĩ Trần Lưu Hậu, Chủ tịch Hội Đồng Nghệ Thuật Triển Lãm Mỹ Thật toàn quốc 1990. In trong vựng tập Triển Lãm *Mỹ Thuật Toàn Quốc 1990*, Hội Nghệ Sĩ Tạo Hình Việt Nam xb.



**CHARLES SIMIC (*)**
**PHAN NHIÊN HẠO** *dịch*

# dưa hấu

*Những ông Phật xanh*
*Đứng trên cây trái*
*Chúng tôi ăn nụ cười*
*Rồi phun ra những chiếc răng*

# vương quốc của những giấc mơ

*Ở trang đầu cuốn sách giấc mơ tôi*
*Luôn luôn là buổi tối*
*Trong một đất nước bị chiếm đóng*
*Những giờ trước giới nghiêm*
*Tỉnh lẻ nhỏ*
*Các ngôi nhà không đèn*
*Với nhà kho cháy rụi*

*Tôi đứng ở góc phố*
*Nơi mà lẽ ra tôi không nên*
*Một mình không áo khoác*
*Tôi đi ra để tìm*
*Một con chó đen đáp lại tiếng huýt sáo*
*Tôi có chiếc mặt nạ Halloween*
*Mà tôi chẳng dám đeo*

# từ thế giới không tận

*Chúng tôi quá nghèo tôi phải dành chỗ miếng mồi trong bẫy chuột. Một mình trong hầm rượu, nghe tiếng chúng đi lại bên trên, trằn trọc rồi đi vào giấc ngủ. "Những ngày này ảm đen và ma qủy" lũ chuột thì thầm gặm nhấm tai tôi. Năm tháng trôi qua. Mẹ tôi vẫn mặc chiếc áo cổ lông mèo sờn rách mà bà vuốt ve hoài cho đến khi những đốm lửa của chúng thắp sáng tầng hầm*

*

*Phiến đá là một tấm gương phản chiếu nghèo nàn. Chẳng có gì ngoài những vệt mờ nhạt. Sự mờ nhạt của chính bạn hay sự mờ nhạt của đá, ai sẽ lên tiếng đây? Trong tĩnh mịch trái tim bạn kêu lên như một con dế than.*

CHARLES SIMIC

---

* Charles Simic sinh năm1938 ở Nam Tư và ký ức của đệ nhị thế chiến vẫn còn ám ảnh ông mãi. Nhập cư vào Hoa Kỳ cùng gia đình năm 1949. Phục vụ trong quân đội rồi tốt nghiệp từ New York University. Thơ Charles Simic khởi hứng từ những cánh rừng đen thẳm của văn chương dân gian; sự đơn giản bề ngoài của chúng cho phép ông tập trung vào sự vật, diễn đạt hình ảnh các giấc mơvà giăng bẫy cho nhận thức. Ông tự tạo một thế giới riêng biệt, "nơi các phép lạ khả hữu, sự tình cờ ngự trị, và các ẩn dụ mang tính logic tối thượng". Kỹ thuật siêu thực của ông đòi hỏi "ý nghĩa là một chức năng của các liên hệ gần". "Một vị thiên thần sẽ thích thú đồng hành cùng một con lợn hơn là một vị thánh đang cầu nguyện". Thiên thần và lợn, sự tưởng tượng và đồng dạng mà Simic đặt cạnh nhau một cách kinh ngạc đề nghị một cách nhìn mới cho hiện thực.

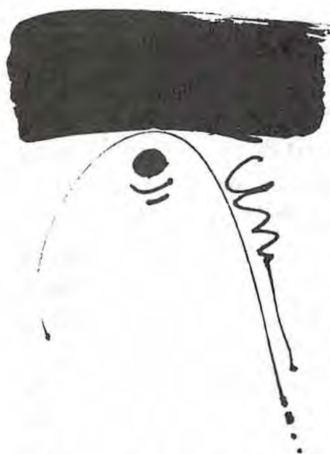
Charles Simic đoạt giải Pulitzer năm 1990.

Những bài thơ chúng tôi chuyển sang Việt ngữ ở trên được J.D. McClatchy tuyển chọn trong "The Vintage Book of Contemporary American Poetry" - Vintage Book, New York 1990.



NGUYỄN HỮU LÊ

# "nhân vật người kể chuyện" trong "bụi và rác" của nguyễn xuân hoàng



"Bụi và rác" của Nguyễn Xuân Hoàng ra mắt bạn đọc cách đây bốn năm. Bối cảnh của những sự kiện trong cốt truyện cũng đã xẩy ra ngót hơn hai mươi năm. Điều đó có nghĩa là, dù muộn, tiếp xúc với "Bụi và rác" của tác giả trong thời điểm hiện nay, tôi được thêm một dịp nghiệm lại khả năng vượt thời gian của một tác phẩm văn chương.

Tôi đọc như một kẻ nhàn hưởng hơn là một người phê bình, nghĩa là cố gạt ra ngoài những công thức, những phạm trù kinh viện, cốt sao có thể chia sẻ hồn nhiên với người trong cuộc.

Điều thú vị là khi đọc đến những dòng cuối, lại có sẵn một bài phê bình tác phẩm này của Phạm Công Thiện dưới nhan đề: "Đôi chút nhàn tưởng về nghệ thuật viết tiểu thuyết". Chữ nghĩa hoài vọng và tình yêu tuyệt vọng trong tiểu thuyết của Marguerite Duras và của Nguyễn Xuân Hoàng." Thật may mắn chả khác gì "buồn ngủ lại gặp chiếu manh". Và tôi lại cũng chăm chú đọc và cố hiểu theo cách hiểu có thể của tôi bài phê bình ngắn này.

Tuy nhiên tôi đã hoang mang và thiếu tự tin ở mình thực sự sau khi đọc bài "giải mã" này. Tôi đành kiểm tra lại cách đọc của mình, nghiền ngẫm "Bụi và rác" chậm và kỹ hơn.

Kết quả của những lần đọc sau không giúp tôi được gì nhiều.

Điều an ủi tôi là, tình cờ cùng dịp này có bài phê bình bài "thơ con cóc" của Nguyễn Ngọc Tuấn đăng trên Hợp Lưu. Tôi chia sẻ tâm đắc với tác giả bài phê bình này qua câu chuyện ngụ ngôn "sờ voi". Những điều tôi sắp viết ra may lắm chỉ là một dịp làm sinh động thêm ý nghĩa của triết lý "sờ voi" kể trên chăng?

Nếu tôi hiểu không nhầm thì trong tập đầu tiên, cuốn tiểu thuyết này có một tên khác: "Người đi trên mây" (xem Phạm Công Thiện, Bụi và rác trang 251) và đến phần hai, bản tôi có lại có tên là "Bụi và rác". Rất tiếc là tôi không có trong tay "Người đi trên mây" nên bài viết này chủ yếu dành riêng cho "Bụi và rác" như là một tác phẩm trọn vẹn. Riêng tôi, tôi không tin rằng câu chuyện tình yêu thơ mộng của nhân vật trong truyện lại là "linh hồn" của cuốn tiểu thuyết này. Có thể ý tưởng về tình yêu mà Phạm Công Thiện phân tích trong lời bạt chủ yếu dành cho một phần, phần đã ra mắt bạn đọc gần mười năm về trước chăng?

Theo ý tôi, cách đặt tên "Người đi trên mây" tập đầu của tác giả thực ra chỉ là cách diễn đạt khả năng phân thân của tác giả và nhân vật người kể chuyện trong nghệ thuật viết văn xuôi hiện đại. Điều này đã được Phạm Công Thiện diễn giải theo cách hiểu của ông: "Trước hết, đôi điểm di động và bất động trên mây: Thăng, người tình đàn ông, tạm gọi là nhân vật chính trong người đi trên mây, tình cờ gặp Uyên, đồng thời đâu đó tình cờ gặp Quỳnh, rồi cũng có những liên hệ tình cảm nào đó với Quỳnh. Trước khi tình cờ gặp Uyên, tình cờ gặp Quỳnh, Thăng cũng đã tình cờ gặp Lan và cũng có những liên hệ tình cảm nào đó với Lan, rồi lấy Lan làm vợ, đẻ ra hai con, rồi trong tình trạng ly thân, rồi ly dị với Lan thì Thăng đi trên mây với Uyên và với Quỳnh. Sau cùng, Thăng phải "tạm" quyết định giữa sự mâu thuẫn cùng cực trong cái hiểu và trong cái không hiểu: "Tôi hiểu tôi phải làm gì" (Thăng tự nói thế nơi trang 247 của Người đi trên mây) và Thăng đã chọn lựa Quỳnh và "dứt khoát" với Uyên: "Tôi hiểu rằng tôi sẽ chia tay Uyên mãi mãi (247) có hẳn là chia tay mãi mãi?" (sách đã dẫn. Trang 253).

Không nghi ngờ gì nữa những chuyện tình này đã chiếm một số lượng trang không nhỏ và cũng không nghi ngờ gì nữa tác giả đã có ý thức "phân thân" với nhân vật người kể chuyện của mình như một phương tiện nghệ thuật để chọn "giọng điệu" trần thuật thích hợp. Tuy nhiên, theo tôi hiểu, tất cả đó mới chỉ là tiểu tiết.

Sự lựa chọn của tác giả "vị trí" của người trần thuật với "ngôi" kể xác định, trong bối cảnh được xác định thường nhằm mục đích tăng cường tính xác tín của nội dung được trần thuật trong độc giả. Từ đó người đọc bị rủ rê nhập vào cuộc chơi chữ nghĩa và bị "thôi miên" trong trận đồ bát quái của các tình tiết hư cấu mà cứ tin như thật. Nguyễn Xuân Hoàng đã làm được điều đó. Ông đã hóa thân thành công trong nhân vật phân thân, nhân vật "người kể chuyện" của mình. Chuyện xẩy ra ở Sài gòn và một số tỉnh phía Nam trước và sau biến cố lịch sử đẫm máu và nước mắt 1975. Trên bối cảnh đó, "người

kể chuyện" vừa là nhân chứng vừa là nạn nhân. Nhân vật người kể chuyện được xác định là một giáo sư dạy triết ở một trường trung học. Một trí thức nhạy cảm biết đánh giá những biến cố xung quanh mình bằng một nhãn quan không định kiến. Nhân vật phân thân và tác giả vì thế không có một khoảng cách, một độ chênh lệch đáng kể như trong các trường hợp nhập vai khác. Xác định được giọng điệu và điểm nhìn của người kể chuyện thích hợp là ưu điểm dễ thấy đầu tiên của cuốn tiểu thuyết này.

Từ điểm xuất phát đó, "người kể chuyện" bắt đầu nghiền ngẫm phân tích chính mình những người ruột thịt, bạn bè, nhưng người không quen, trước bước ngoặt mang màu sắc định mệnh mới: miền Nam Việt Nam rơi vào tay cộng sản.

Trong suốt mạch kể, trừ một vài đoạn tác giả trực tiếp tham gia bình luận đánh giá, phần lớn còn lại đều do nhân vật người kể chuyện đảm trách. Người xưng tôi khi thì kể lại thật thà các biến cố, khi thì phân tích so sánh như một triết gia, khi thì hồi ức nuối tiếc như một người đa cảm, khi thì bất lực như một tên vô tích sự. Xác định vị trí trần thuật ở ngôi thứ nhất, nhân vật tôi chỉ có thể mổ xẻ kinh nghiệm tâm lý và kinh nghiệm xã hội của mình và của người khác thông qua những biến cố được quan sát từ bên ngoài. Trong trường hợp này, tác giả đứng trước một thử thách nghề nghiệp: tác giả không thể có điều kiện thâm nhập phân tích từ bên trong những nhân vật khác ngoài nhân vật "tôi". Tác giả đã tự tước đi khả năng cùng một lúc có thể hóa thân vào nhiều nhân vật khác nhau để biết hết hiểu hết. Bù vào đó "nhân vật kể ngôi thứ nhất" có sức cuốn hút của lối kể khách quan, của cách tự mổ xẻ chứng minh, của cách sử dụng chi tiết bên ngoài để làm bật nổi tính cách, tâm lý bên trong của nhân vật. Ngoài nhân vật "tôi" ra hầu hết tính cách các nhân vật còn lại của "Bụi và rác" đều được khái quát hóa, cá tính hóa qua những cách diễn đạt khẩu ngữ, cách mô tả hành động, ngoại hình hoặc mượn lời bình của nhân vật trung gian. Đa số các trường hợp đó, cách quan sát từ bên ngoài của Nguyễn Xuân Hoàng tỏ ra tinh tế và "chở" được ý đồ nghệ thuật của tác giả.

*

Nếu tiếp cận "Bụi và rác" ở cấp độ khái quát, thì toàn bộ câu chuyện hướng tới nỗ lực phơi bày trước độ giả ý nghĩa nạn nhân của con người và xã hội miền Nam sau ngày "giải phóng".

Ý đồ này "nhân vật người kể chuyện" không giấu diếm. Nhưng điều đó không quan trọng, cái quan trọng là làm sao để ý đồ đó đồng thời là ý nghĩa khách quan của hình tượng nghệ thuật. Làm sao để bạn đọc không "giải mã nhầm" sang những giả định thẩm mỹ khác. Bởi vì "Bụi và rác" vẫn có thể được tiếp nhận từ góc độ một câu chuyện tình tay ba, hoặc từ góc độ một nhân vật đa cảm lãng tử, lúc nào cũng như "người đi trên mây".

Nỗ lực của "nhân vật người kể chuyện" ngay từ đầu đã phác họa chân

dung một “Sài Gòn hấp hối”. Để phân tích con người như là nạn nhân của bạo lực tàn khốc, nhiều trang viết đã đặc tả về sự hủy diệt ghê gớm của đạn bom, cảnh những người dân nghèo khốn trong xóm Mã Lạng tơi bời trong lửa khói, những loạt AK nổ bất thần trong đêm v.v... Người dân miền Nam hiểu rằng tai họa đang ập xuống đầu họ. Tuy vậy sự tàn bạo của đạn bom chưa thấm vào đâu so với sự tàn bạo của những thủ đoạn đểu cáng nhân danh “cái mới”, nhân danh ý thức hệ. Nhưng để nhận thức được đích thực tai họa đó như thế nào không phải là đơn giản. Họ chưa có một tí kinh nghiệm nào về những người cộng sản ngoài những thông tin một chiều của cơ quan truyền thông của chính quyền Sàigòn trước đây. Nhân vật “tôi” trong “Bụi và rác” cũng vậy. Một linh cảm mơ hồ về tai họa được vỡ ra dần dần qua những ngày “sống chung” với chính quyền “Cách mạng”. Theo tôi, cái thần thaí đặc biệt tah2nh công của tác phẩm là tâm trạng thường xuyên bị bức bách, ức chế của con người nạn nhân, nhân vật “tôi”; từ đây soi sáng lên những số phận khác, bi đát theo những kiểu khác nhau. Không khí tù hãm, bức bách này là một kinh nghiệm xã hội mới lạ của người dân phía Nam. “Nhân vật người kể chuyện” mang tên Thăng mỗi ngày mỗi vỡ ra những cạm bẫy vô hình đang rình rập anh hàng ngày. Từ ánh mắt của cô học trò di cư mang tên Nhị Hà, đến dáng dấp và “cách phát âm từng chữ từng tiếng chậm rãi nhẹ nhàng” của Hiên (hiệu trưởng. Trang 34), đến câu than phiền bâng quơ của Mười Tân “rất tiếc, rất tiếc” (trang 52) đều có ý nghĩa dự báo những trang đời đen tối đang đợi nhân vật “tôi” ở phía trước. Những ví dụ tương tự như thế, độc giả có thể bắt gặp trên từng trang viết, từng số phận khác nhau trong “Bụi và rác”.

Nhưng, hình như vấn đề không chỉ dừng lại ở đó. Xét từ góc độ “nạn nhân”, ranh giới định mệnh nghiệt ngã không chỉ khoanh vùng ở những con người thuộc chế độ cũ. Đây cũng là một cách nhìn có chiều sâu triết lý của “nhân vật người kể chuyện” cách nhìn này có ý nghĩa “dự báo” nhiều hơn là “phát giác”. Nhân vật Mười Tân, nhà cách mạng hãnh tiến, xét trong thời điểm đó vẫn đang là gặp thời (dù có một vài nhược điểm theo như nhận xét của các đồng chí” của ông). Ông đi đâu cũng được những kẻ hoặc là ngây thơ cả tin, hoặc là xu thời tung hô ve vãn. Ông tự tin trong tư thế của một kẻ nhân danh đạo đức, chính nghĩa để “khai sáng” và “răn dạy” bọn “cặn bã xã hội”. Nhưng, dưới cách phân tích nghiền ngẫm triết lý của người kể chuyện, Mười Tân chỉ là một chân dung biếm họa. Ông là nạn nhân của một niềm tin mù quáng mang sắc thái tín ngưỡng. Cách kiêu ngạo tự phụ của ông chỉ là lối hành xử của những kẻ ngộ nhận, hẹp hòi thiển cận về tri thức nhưng lại nắm quá nhiều quyền lực trong tay. Đó cũng là bi kịch của ông cũng như ý thức hệ và cơ chế mà ông tôn thờ. Ông chỉ là nạn nhân của cái chủ nghĩa mà ông bị thôi miên. Con người riêng tư của ông đã bị cắt xén đến mức thảm hại cho con người “công cộng”. Khác với những “đồng chí” lưu manh của ông, Mười Tân không biết “phân thân”, không dùng “mặt nạ” và vì thế lần lượt bị các

"đồng chí" em út tép riu của mình "vượt mặt". Các nhân vật đồng dạng ở tầm nhỏ hơn Mười Tân như Ba Trương Phi, Tư Long, hiệu trưởng Lê Hiên lại còn chịu số phận bi đát hơn. Họ bị các đồng chí của mình sau ngày "vinh quang" "thanh trừng nội bộ", và khi kịp mở mắt ra thì tất cả chỉ còn là quá khứ. Điều đáng chú ý là "nhân vật người kể chuyện" ít dùng "lý thuyết" suông, hoặc những ngôn từ mang sắc màu chính thống của phía này hoặc phía kia. Bình thản quan sát để so sánh kinh nghiệm tâm lý của chính mình với tha nhân. Chỉ trong những trường hợp thật cần thiết trong một không khí thích hợp cho phép triết lý, nhân vật "tôi" mới giải bày: "Nhìn Ba Trương Phi tôi nhớ Tư Long và càng nhớ Tư Long tôi càng nhớ Mười Tân. Thật là kỳ lạ cứ cái gì người ta càng cố quên thì lại càng bị bắt nhớ. Tôi không muốn giữ trong đầu tôi cái hình ảnh Mười Tân chút nào. Đối với tôi, những ngày tháng qua đã quá chật chội trong kí ức tôi. Tôi đã sống được với một người con gái mà tôi vẫn nghĩ là tôi yêu cô ta và cô ta cũng yêu tôi. Cô đã cho tôi một đứa con. Nhưng cô cũng đưa đến cho tôi một người bà con "khủng khiếp". Ai nói với tôi ông Mười Tân là lá chắn che cho tôi khỏi tù tội? Ai nói với tôi rằng Mười Tân là thần hộ mạng đưa tôi ra khỏi những cơn nguy biến của chế độ mới? Chủ nghĩa mà Mười Tân theo đuổi, tranh đấu đổ máu để mà xây dựng, chắc chắn Mười Tân sẽ không bao giờ để yên cho ai làm hư nó, chống lại nó. Mười Tân lên án tôn giáo, Mười Tân đang tôn thờ một tôn giáo khác. Cứ cầu nguyện đi Phật Chúa có đem gạo đến không? Phải lao động thì mới có vinh quang. Nhưng Mười Tân cũng đưa ra một thứ giáo điều mới: kinh thánh Mac - Lenin. Chống lại một giáo điều bằng cách đưa ra một giáo điều khác, Mười Tân có biết rằng ông đang đi trong vòng tròn hay không?" (Trang 163). Cho đến hôm nay những lời cảnh tỉnh đó của tác giả vẫn còn nguyên ý nghĩa thời sự của nó.

Như trên đã nói, xác định vị trí trần thuật của "nhân vật người kể chuyện" trên một mức độ nào đó có thể coi như là sự phân thân giữa "thân phận xã hội" của nhân vật "tôi" và tác giả. Phân thân giỏi thì đánh được tâm lý "cả tin" của người đọc trong trò chơi chữ nghĩa. Nhưng khi đã vào cuộc rồi thì vai trò hóa thân vào nhân vật của chủ thể sáng tạo mới thực sự quyết định số phận thành bại của cuộc chơi. Những nhân vật phân thân của Nguyễn Huy Thiệp chẳng hạn trong Con gái thủy thần, trong Thương nhớ đồng quê, Những bài học nông thôn v.v... (đa số ở ngôi nhân vật người kể chuyện) là những tính cách chất phác và bao dung đến mức có vẻ dại khờ của con người nông thôn so với kinh nghiệm tâm lý của văn minh đô thị. Tuy nhiên, cái sâu sắc bất ngờ tạo nên đặc tính riêng của nhân vật người kể chuyện của Thiệp là đằng sau cái vẻ khờ dại thua thiệt đó là sự hóa thân thần tình của tác giả trong các hành động có ý nghĩa triết lý cao, mang nội hàm văn hóa trội vượt ra khỏi tầm của nhân vật phân thân: Đó là sự "phản tỉnh" trong ông Diêu (nhân vật thợ săn) là hành động vứt bỏ cái cặp da kế toán xuống sông (Con gái thủy thần). Tâm trạng cô đơn của nhân vật "tôi" sau khi phát giác ra là

không có thủy thần, không có thần tượng. Những nhận xét sắc sảo chứa trong vỏ bọc ngây ngô của những người nông thôn khi nói về văn minh đô thị trong các truyện ngắn khác. Đó đích thị là dấu ấn của chính tác giả nhằm nâng cao về tầm của triết lý trong nhân vật phân thân.

Trong Bụi và rác của Nguyễn Xuân Hoàng cũng cho thấy điều đó. Sự hóa thân của tác giả chính là cái sắc sảo trong cách nhìn, cách lựa chọn chi tiết trong quan sát cách phân tích mổ xẻ người khác. Đó là sự nắm bắt thần thái của cái ác chẳng hạn đã có mầm ngay trong cái nhân danh đạo đức. Phát hiện ra cái nhà tù vô hình cũng đáng sợ không kém gì cái nhà tù hữu hình. Đó chính là vai trò hóa thân của tác giả trong hoạt động sáng tạo. Nói cách khác, cái mặt nạ "giả trang" lẩn thẩn của "người đi trên mây" không giấu nổi một thằng người khác, thằng người "ranh mãnh" trong cách quan sát như "moi cả ruột gan" của kẻ khác ra. Từ cuộc đối thoại tay tư trong cái vỏ bọc của quan hệ huyết thống giữa Mười Tân, Quỳnh, Tuấn và nhân vật xưng "tôi", chân dung chính trị và nhân cách của các bên lần lượt được bày ra rõ mồn một. Mười Tân có giọng điệu kẻ cả và thói quen quy chụp: "Tại sao xin nghỉ dạy?" "Em có biết là thái độ xin nghỉ việc của thằng Thăng trong tình hình củng cố và xây dựng chính quyền cách mạng là một thái độ mang ý nghĩa phản kháng chế độ hay không?" "Chẳng lẽ anh phải nói là chính ac1c em cũng nên đi học tập cho thông suốt đường lối chính sách của Nhà nước." (Tr.49-51). Tuấn, hạng trí thức lưu manh, cơ hội đến không biết thẹn: "Chắc mày dạy cái môn triết lý bá láp này cũng hơn mười năm rồi phải không?" "Duy tâm! Duy tâm! Hỏng hết!" (Với Thăng) "Hừ! Buôn bán! Chế độ này không có chỗ cho cái bọn con buôn cân thừa bán thiếu đâu..." (Với Quỳnh) Cách lăng xăng trong hành xử của Tuấn trước mặt Mười Tân vừa muốn tỏ "lập trường" cách mạng với "bề trên" vừa nhằm lòe, trộ "kẻ dưới" thật đáng khinh bỉ. Và cách trả đũa sắc lạnh của Quỳnh chỉ một "mũi tên" mà nhằm hai đích: Hạ bệ nhân cách của Tuấn và vừa thách thức Mười Tân "Chớ anh quên cái bọn con buôn cân thừa bán thiếu kia lâu nay nuôi anh ăn học nên người như thế này à? Chớ anh tưởng ba đang được tự do như anh với tôi, với anh Thăng à?" "Buôn bán là tội lỗi à? Cả thế giới này đều là tội lỗi hết trơn hết trọi sao? Còn mấy người trong sạch sống với ai?". (Tr. 49-51). Những ví dụ tương như thế trong cách lột tả bộ mặt thật của những tên công an canh tù kiểu Sáu Phận, những tên công an quản lý hộ khẩu như tên Hòe, là những mẫu người đã bị thú tính hóa vì những ham muốn vật chất tầm thường... là những trang viết thành công.

Tuy nhiên cũng cần nói thêm rằng, ngay cả trong cái "ranh mãnh" thông minh của tác giả tôi vẫn thấy một khoảng trống thiếu vắng trong nhận thức về những con người thuộc "chiến tuyến bên kia" không thể bù đắp được nếu chỉ dừng lại ở cách quan sát từ bên ngoài. Vấn đề ở đây không chỉ là ở sự hạn chế tầm nhìn do chỗ đứng trần thuật của nhân vật người kể chuyện. Chỗ khác nhau căn bản giữa Nguyễn Xuân Hoàng nói riêng và những cây bút thành

danh của miền Nam nói chung so với những cây bút "đằng ngoài" như Lê Lựu, Bảo Ninh, Nguyễn Huy Thiệp, v.v... theo tôi chủ yếu vẫn là mức độ dữ dội trong cách mổ xẻ cái mặt trái, cái bất toàn của con người. Một bên có cái đau đớn lột xác khi chợt nhận ra cái ác, cái tha hóa chẳng phải đâu xa lạ mà chính là những ngộ nhận đắng cay nhân danh ý thức hệ, nhân danh đạo đức mà chính mình đã một thời tôn thờ. Dù trả giá đớn đau, nhưng đây là một sự tự lột xác, sự tự soi sáng từ bên trong. Bên khác chỉ là phản xạ tư vệ của một bảng giá trị phù hợp với tiến bộ xã hội nhưng lại đang bị một bảng giá trị lỗi thời khác nhân danh "Cánh mạng" để cưỡng bức đồng hóa. Dù sắc sảo thì đây cũng chỉ là cách quan sát từ bên ngoài, từ kinh nghiệm gián tiếp của người "ngoài cuộc". Nói một cách giản dị là cuộc sống, kinh nghiệm xã hội của các tác giả "đằng trong" dù sao cũng "lành" hơn, ít rắc rối hơn.

Hai mươi năm lẻ trôi đi, bình thản nhìn lại, đánh giá lại các sự kiện lịch sử càng vỡ ra cái tính chất phi lý, phi nhân của cuộc chiến tranh ý thức hệ. Những giá trị mới hôm nào ngỡ là vĩnh cửu thì hôm nay đã trở nên lỗi thời. Hướng tới con đường vận động về phía trước không ngừng của những giá trị nhân văn, văn hóa, nhà sáng tác nghệ thuật có cá tính, bằng trực giác của mình thường đưa ra được những chứng cớ đàng ngờ về tính tuyệt đối hợp lý của các bảng giá trị tinh thần đang thống trị thời đại mình. Giữa không khí trầm mặc uy nghiêm của văn chương cung đình trung thế kỷ Việt Nam, tiếng chửi ngang tàng: "Chém cha cái kiếp lấy chồng chung" của nhữ thi sĩ họ Hồ mang ý nghĩa dự báo sự ra đời một bảng định giá khác của một thời đại khác. Tương tự như thế ý nghĩa xét lại có trong "Nỗi buồn chiến tranh" "Gió dại" (Bảo Ninh) "Thời xa vắng" (Lê Lựu), truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài v.v... (được đặt tên là văn học phản kháng) thực chất chỉ là một mắt xích trong cuộc đấu tranh liên tục giữa những giá trị nhân văn, văn hóa và những thế lực (dù nhân danh giá trị) đang tha hóa, đang thú tính hóa con người. Các mặt đối lập đó không phải là những lát cắt siêu hình mà có ngay trong mỗi con người. Cuộc chiến tranh ý thức hệ sớm muộn rồi cũng sẽ kết thúc, nhưng cuộc đấu tranh với các xu hướng tha hóa trong mỗi con người sẽ là đề tài vô tận của các thế hệ mai sau. Cách đặt vấn đề bi quan về tương lai văn học hải ngoại vì thế sẽ không có cơ sở thực tế nếu chỉ nhìn vào sự phai màu dần dần của xung đột ý thức hệ. Và ngay cả trong cách nhìn về xung đột ý thức hệ, cách đánh giá quá khứ cũng sẽ thay đổi. Bên cạnh Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Thế Uyên, Khánh Trường, Trần Vũ... những tù nhân lương tâm như Phan Nhật Nam, Trần Doãn Nho... cũng lần lượt chọn cho mình một điểm tựa nhân văn khi nhìn về quá khứ. Tương lai lạc quan hay bi quan của văn học không chỉ phụ thuộc vào tình thế, càng không phải phụ thuộc vào đề tài. Ngay cả khi giả định cái bất toàn của con người rồi sẽ được khắc phục đến mức lý tưởng thì rồi con người đến lượt nó lại phải đối mặt với cái phi lý vĩnh cửu của kiếp người trong cái vũ trụ vô chung vô thủy này.

NGUYỄN HỮU LÊ



**LÊ THÁNH THƯ**

# ăn khuya

• Tặng Đoàn D. Hiệp

*Em ạ*
*đường soi khoắc khuya đom đóm*
*mộng lẫn vào đâu đi đâu*
*quẫn mái nghèo lệch gió*
*rẻo vườn thất lộc*
*đom đóm về*
*vẽ lửa sân hoang*
*đêm căng chỉ ngang nhà*
*em dập dềnh*
*rách lụa*

*Mộng thánh thần*
*rầm rập khói nhang*
*bết mặt người ăn khuya*
*tay em thơm thảo*
*khuấy buồn mê*
        *ngõ nhà*
                *lập lòe*
*đom đóm vẫy cờ ma*
*em lụa là*
        *ăn dầm hết một đêm*

LÊ THÁNH THƯ



**HUỲNH LIỄU NGẠN**

# bích thủy

*ngàn mây đó cũng một màu cỏ nội*
*má em hồng hay trắng cũng bằng không*
*anh vẫn thế vẫn đâu sông cuối chợ*
*thương cuộc đời phút chốc đã hư không*

*ngàn mây đó em nhớ nhìn cho kỹ*
*bay bên này rồi chuyển hóa bên kia*
*một lần ngó xanh trời cao đất rộng*
*thì sá chi em bỏ cuộc chia lìa*

*sáng chiều tối anh qua về mỗi bữa*
*con chó nhìn sủa lại mấy bâng quơ*
*một khoảng cách đã nghìn phương bủa rộng*
*một tiếng đời rớt lại giữa cơn mơ*

*thì cũng thế em má hồng môi đỏ*
*thì ngàn mây nội cỏ cũngh hai bờ*
*thì anh về nghe chiều lên trước ngõ*
*thì trăm năm dâu bể cũng bằng thừa*

HUỲNH LIỄU NGẠN

**ĐẶNG HIỀN**

# đôi dòng

*Con sông chảy đôi dòng xuôi ngược*
*lời yêu thương đoán được bao giờ*
*khung tranh cũ giấu từng nhát chém*
*ta với người ngỡ một giấc mơ*

*Con sông chảy mắt buồn đứng lại*
*vết oan cừu gãy vụn giấc mơ*
*như mưa nắng xa mùa cách trở*
*chuyện có không rồi cũng tình cờ*

*Quên đi nhé, gió chừng nói khẽ*
*hạt cát xuôi nằm ghé bên cồn*
*đêm, bóng tối lên từng ngách lạ*
*thay áo đời đắp một hồn nhiên*

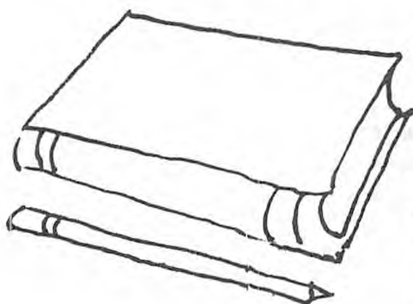
*Mùa sau khác đất trời vẫn thế*
*chỉ chúng mình đành đổi cuộc chơi*
*quanh quẩn nhớ tuổi đời đã lỡ*
*lời yêu thương sông chảy đôi dòng*

ĐẶNG HIỀN



**KIM THI**

# ngày... tháng...



*Số này, tòa soạn dành ưu tiên nhiều trang cho các bài viết về cố học giả Hoàng Xuân Hãn. Tuy nhiên chúng tôi vẫn cố thu vén để phần sáng tác thơ truyện và các mục thường xuyên được duy trì với chất lượng tốt. Rất mong độc giả cảm thông khi thấy đất của Kim Thi bị thu hẹp.*

*

*Ngày 15 tháng 4, 1996*

Về bệnh tình và cái chết của nhà thơ Phan Nhự Thức, Kim Thi đã đề cập trong hai số báo 27 ,28. Kỳ này, Kim Thi đăng lại bài điếu văn của nhà văn Cung Tích Biền, như một nén tâm hương của bằng hữu trong, ngoài nước gửi đến hương hồn người quá cố.

*

Hôm nay ngày mùng Bốn tháng Chạp năm Ất Hợi, 1996, nơi đây, huyện Bình Chánh, thành phố Sàigòn, nhà thơ Phan Nhự Thức - tức Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1941, nguyên Chủ tịch Hội đồng tỉnh Quãng Ngãi, nguyên sáng lập viên Quãng Ngãi Nghĩa Thục - an nghỉ; chúng tôi là vợ con, anh chị em ruột, chú bác cô dì nội ngoại, cùng các văn thi hữu(1), các bạn bè thân thiết nhất, những đại diện thân hữu trong và ngoài nước, xin được nghiêng

mình tiễn đưa anh về Cõi Nghìn Thu. Trong những ngày cuối đông gió lạnh và nắng se lòng này , Thức ơi, chúng tôi khó thể cầm giọt nước mắt, khó kìm nỗi lòng, đành có đôi lời kể lể trước ánh nến lung linh. gọi rằng rót tơ lòng trước giờ bái biệt anh.

I.

Hỡi ơi, nhớ xưa:

Một Nguyễn Văn Minh, người con nguyên quán xứ Quảng sông Thu, thiếu thời thông minh từ tốn, học hành nghiêm túc, trong gia đình được tiếng hiếu để, ngoài xã hội đã nhiều công đóng góp, dù đã nghe kẻ trí thường nói: "Phùng thời, danh vọng phi nhân nghĩa"(2).

Một Phan Như Thức, người thơ lập thân nơi Ấn Sơn, Thiên Bút, bình sinh tài hoa thanh nhã, văn hay chữ tốt; làm nghệ thuật như là khát vọng, đam mê thi ca suốt một thời; dù đã biết tiền nhân từng dạy: "Lập thân, tối hạ thị văn chương"(3).

Anh làm giáo sư, anh là sĩ quan cấp úy, nhưng tính tình hòa nhã chân thật; sống hết lòng vì bạn bè anh em.

Anh là nghị viên, anh làm chủ tịch nhưng nhân thân thanh liêm trong sạch; tìm mọi cách giúp dân nghèo kẻ khó.

Từng xuống đường đấu tranh đòi hòa bình, chống chính phủ. Đã vào nghị trường tranh luận tự do báo chí, nhân quyền.

Cùng nhà báo Chu Tử(*), Cung Tích Biền, Trần Ngọc Tấn (*), Nguyễn Liệu, Nguyễn Cao Can, anh lập Quãng Ngãi Nghĩa Thục, dạy miễn phí cho học sinh nghèo. Học trò có người bác sĩ, kỹ sư, thành danh đây đó, nào ai quên "trường cũ thầy xưa".

Cùng nhà văn Vương Thanh(*), Hà Nguyên Thạch, Đinh Hoàng Sa(*), Khắc Minh, Lê Văn Nghĩa(*), anh hình thành tạp chí *Trước Mặt*, làm văn chương có chủ đích lớn lao. Nay văn hữu kẻ còn người mất, lưu lạc xứ người, hẳn vẫn nhớ "một thời vang bóng".

II

Trong định mệnh có nguồn điên đảo,
Chốn nhân tình lắm mạch sầu thương!

Thời thế đổi thay, đang giáo sư anh hóa thành đốn củi nơi rừng sâu thú dữ.

Đời bùng cơn gió bụi, hôm kia Chủ Tịch nay rủng rỉnh đi tù, chỗ gọi rằng cải tạo.

Sống tuy quẫn mà lòng thanh sạch; nơi lao lung vẫn giữ gìn chữ Sĩ. Chúng ta nào có nhục!

Vui với thơ, anh nghèo hơn bần cố; rách tận cùng mà trọn vẹn thủy chung. Kẻ giàu mấy khi vinh?

"*Trước Mặt*"(4) chúng ta còn uy còn lực,
"*Sau Lưng Các Người*"*(5), phải nghĩa phải nhân.*

Minh ơi, anh sống có chủ đích mà số phần không cho anh tới đích.

Thức ơi, anh giàu lương tri mà hoàn cảnh kìm chân anh mọi phía.

Anh quanh quẩn nợ nần cơ cực, suốt đời chẳng một mái nhà. Anh đắn đo với chữ nghĩa, nhiều năm chưa in được tập thơ.

Nào ai ngờ, đất Bình Chánh là nơi anh cô đơn dựng lều tranh vách lá; giữa thành phố phồn hoa, đêm đêm anh đốt đèn(6) nghe dế kêu lá rụng.

Ai đã biết, đêm An Sương anh trăn trở cuối đời, trôi nổi niềm đau, thương cha nhớ mẹ(7). Thôi thế thì thôi, đành nước chảy hoa trôi.

III

Thức ơi Thức,

Cuộc trăm năm lẻ sinh ký tử qui, sao anh vội ra đi, bỏ lại người bạn đường đã tảo tần tháng năm gian khó cùng anh. Vinh quang nơi đâu? Sao nở để nơi đây gánh nặng trên đôi vai người vợ hiền.

Dù sớm muộn cũng hóa thành cát bụi, sao anh sớm ẩn mình, để lại đứa con thân yêu vừa lên tám, từ nay không cha đùm bọc. Sống khôn thác thiêng, mong anh phù hộ hạnh phúc đường dài con trẻ.

Hôm nay, nơi này,
Ta cạn một chung, để nhớ buổi *Hồ Trường(**)*
Ngâm câu thơ, thương nhớ *Hành Phương Nam((**)*
Tâm hóa thạch, lệ thành mây bay mãi,
Nơi cuối trời con én đã thôi bay...
Hôm nay, nơi này, hỡi ôi!
Đặt một cành hoa,
Ném một nắm đất,
Đốt khói nhang cúi đầu nước mắt,
Chúng tôi tiễn anh đi.
Mai kia mộ chí sẽ vàng,
Thức ơi, hãy thong dong cõi nghìn thu...
Bái biệt.
CUNG TÍCH BIỀN
(Viết tại Lầu Hoàng Mai, 4 giờ sáng
Sàigòn đêm 23.1.1996.)

---

*Ghi chú:*

(I): Tang lễ Phan Nhự Thức có trên 100 nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ tới tham dự và tiễn đưa tận nghĩa trang Bình Hưng Hòa. Ngoài điếu văn này do nhà thơ Hà Nguyên Thạch đọc trước linh cữu Phan Nhự Thức, có bài thi điếu của nhà thơ Trần Tuấn Kiệt và một bài thơ của Trung-niên-thi-sĩ-Bùi-Giáng.

(2) Theo thời, danh vọng thường làm hỏng nhân cách.

(3) Lập thân bằng con đường văn chương là hạ sách, oan nghiệp lắm mới bước vào!
(*) Đã qua đời.
(4 + 5) Tên hai tờ báo Thức trực tiếp cộng tác.
(6) Gần đây nhà PNT mới có điện, câu nhờ.
(7) Một tháng trước khi mất, PNT viết trên giường bệnh một tập hồi ký về gia đình, cha mẹ, mồ mã, anh em, ông bà.
(**) Hai bài thơ PNT thường cao hứng ngâm lúc say cùng anh em.

*Ngày 22 tháng 4, 1996*

Kim Thi đến dự buổi khai mạc một phòng tranh, nghe lóm được cuộc đối thoại sau đây.

Khách thưởng ngoạn: - Thưa họa sĩ, ông vẽ cái gì vậy?

Họa sĩ: - Không biết!

- Ông không biết thực ư?
- Thực.
- Trời đất!
- Bà thấy bức tranh thế nào?
- Đẹp!
- Bà thấy cái hoa nở ngoài hành lang kia chứ?
- Vâng!
- Đẹp nhỉ?
- Vâng!
- Bà biết tại sao không?
- Tại sao?... Ồ, hoa nào lại chả đẹp.
- Nhưng tại sao chứ?
- À... à... Thì tại vì nó... đẹp!
- Tại vì nó đẹp. Vậy đấy. Tự thân cái đẹp là đẹp. Không giải thích được. Và không cần giải thích. Xem tranh, ngày xưa, khách thưởng ngoạn thường dùng lý trí, kiến thức để phân tích, tìm kiếm "ý nghĩa" của tác phẩm. Ông Picasso vẽ *Guernica* để phản đối cuộc tàn sát đẫm máu bằng oanh tạc cơ của Phát-xít Đức ở Tây Ban Nha đấy. Ông Goya vẽ *Mười Ba Tháng Năm* để vạch trần với nhân loại sự bạo tàn của thực dân Pháp đấy. Đó là những tác phẩm vĩ đại, ngoài tính nghệ thuật, chúng còn mang chức năng của những bản cáo trạng, nhằm tố cáo mọi thảm kịch phi nhân do con người gây ra, và là những thông điệp gọi kêu lương tâm nhân loại. Ông Picasso có lý. Ông Goya có lý. Khách thưởng ngoạn xúc động trước những "chứng từ" hùng hồn ấy cũng có lý. Nghệ thuật, ngoài nhiệm vụ tôn vinh cái đẹp, nó còn là vũ khí, là phương tiện hữu hiệu để xiểng dương điều thiện và nguyền rủa sự ác. Người nghệ sĩ, trên bình diện nào đó, là chất xúc tác, là lực đẩy để con người hoàn chỉnh nhân cách làm người (Eo ôi! Qua tiếp xúc hàng ngày với các đấng văn nghệ sĩ trong mọi lĩnh vực, rất nhiều khi Kim Thi rất lấy làm ngờ cho cái sứ mạng cao quý

và vĩ đại ông họa sĩ kia vừa "tán"! Nhưng thôi, cứ tạm tin lời ông ta đi, cho cuộc đời thêm tí ý nghĩa, để mà còn tiếp tục sống được với đời!). Nhưng ngày nay, với phương tiện truyền thông hiện đại, với kỹ thuật bắt hình, thu ảnh thần kỳ, người ta thừa khả năng ghi lại những "chứng liệu lịch sử" ấy một cách "đầy tính thuyết phục" hơn nhiều. Người sinh viên trẻ dùng thân thể nhỏ bé của mình chặn bước tiến của khối sắt khổng lồ với nòng đại bác đen ngòm trước quãng trường Thiên An Môn; Viên gạch đầu tiên rụng xuống từ bức tường ô nhục Bá Linh... lập tức đến với thế giới chỉ trong vòng một hai phút sau khi biến cố xảy ra, trung thực và nóng hổi, đến nghe rõ tiếng ì ầm của vòng xích xe tăng nghiến trên mặt lộ, tiếng búa chát chúa chạm vào bê-tông, chẳng khác gì chúng ta có mặt tại chỗ. Cho nên hội họa không cần thiết đóng vai trò chứng nhân nữa. Nói cách khác, người họa sĩ được trả về với chức năng nguyên thủy của mình, là tạo ra cái đẹp, để dâng tặng cho đời. Như bông hoa kia, nở, để đẹp.

Nghe mẫu đối thoại trên, Kim Thi nghĩ: thằng cha họa sĩ này mồm mép gớm. Nhưng mà, hình như hắn nói đúng. Tranh hắn đẹp thật, nhìn sướng mắt lắm, dù chẳng ai hiểu hắn muốn vẽ cái gì (chính hắn còn không hiểu nữa kia mà!).

Kim Thi, ngoài chuyện đồng ý với lý luận "huề vốn" hắn vừa thao diễn, còn thầm khâm phục sự thành thật hiếm có ở hắn. Đa phần các ông họa sĩ vẽ tranh vô hình thể (thường được gọi trừu tượng, siêu thực) vẫn cố mặc cho tác phẩm của mình những ý đồ ghê gớm, đầy tính văn chương, thơ ca, triết học, với những cái nhan, những lời giải thích cao siêu rối mù. Hù nhau vừa thôi. Lại còn các ông phê bình nữa, nếu giỏi tán, mặc sức tán hưu tán vượn. Để rồi người thưởng ngoạn, vô hình trung trở thành những kẻ "toa rập" với họ. Kim Thi e rằng đến chín mươi chín phẩy chín phần trăm kẻ xem tranh đều không "tiếp thu" gì được bao nhiêu "ý nghĩa" của tác phẩm, nhưng chẳng lẽ lại thú thật điều ấy? Nhỡ bị chê dốt thì sao?

Rút cục, trắng ra cho xong chuyện: chỉ là trò lòe nhau, lừa nhau theo chuyển động vòng tròn! Họa sĩ lừa khách thưởng ngoạn, khách thưởng ngoạn lừa chính mình và lừa họa sĩ...

Tại sao không thưởng thức tranh như người yêu hoa ngắm hoa?

*

Tuy nhiên nói thế không có nghĩa phủ nhận sạch trơn tư duy sáng tạo của người nghệ sĩ. Vâng, đành rằng hắn không hiểu hắn đã, đang và sẽ vẽ cái gì. Vâng, rất nhiều khi thành công hay thất bại của tác phẩm phát sinh từ "mặc khải" nào đó. Nhưng một tác phẩm hình thành, trở nên bất tử (hay ít nhất cũng tạo ấn tượng ở người xem) dứt khoát phải được tạo tác từ bàn tay của một nghệ sĩ có tài năng cộng với óc sáng tạo dũng mãnh. Tài năng, là cái trời cho. Sáng tạo, là quá trình hàm dưỡng, huân tập, rút tỉa, tìm kiếm, khai phá

bền bỉ và liên tục. Không phải một sớm một chiều bỗng cầm lấy cây cọ, nhúng vào sơn, vẩy lên khung bố, là lập tức tác phẩm ra đời. Kim Thi cũng hành nghề vẽ. Kim Thi hiểu sâu xa rằng trước khi "vẽ như bôi", vẽ như "ném sơn", vẽ như "trẻ con", người nghệ sĩ không thể không đi qua con đường "hiện thực". Muốn "bẻ" bàn tay ấy, muốn làm méo mó khuôn mặt kia, trước tiên, hắn phải biết vẽ bàn tay đúng như bàn tay, khuôn mặt đúng như khuôn mặt, trái cam trái táo cho ra trái cam trái táo. Hãy nhìn những tác phẩm đầu đời của Van Gogh, của Picasso, của Matisse, của Chagal, của hầu hết những thiên tài lớn trong thế giới tạo hình, họ vẽ cũng "hiện thực" ra gì ấy chứ! Nhưng chúng ta đã biết ở các giai đoạn sau trong quá trình sáng tạo của họ, các họa sĩ ấy "đạp phá" tối đa, thế mà người xem vẫn không cảm thấy "chướng". Tại sao? Tại vì họ làm được dễ dàng những cái cơ bản nhất của hội họa, để rồi dựa vào cơ bản đó họ kéo lệnh hiện thực một cách có ý thức, hầu tìm kiếm, kiến tạo những không gian mới, những thổ ngơi lạ. Sự thành công của họ là kết quả của một quá trình làm việc bền bỉ, đắm say và liên tục. Nó không bao giờ và không thể nào từ trời rơi xuống! Nó khác lắm với "những con đường tắt" mà một số họa sĩ của ta (và cả của người) thường hay lạm dụng.

Ngày Sàigòn mới "giải phóng", theo "pháp lệnh" của nhà nước, mọi họa sĩ phải phục vụ quần chúng bằng con đường "hiện thực chủ nghĩa". Nói nôm na, các họa sĩ phải vẽ "có hình thể" và có chủ đề xây dựng. Một cuộc triển lãm theo khuynh hướng ấy được tổ chức qui mô cho giới làm hội họa cả trong Nam ngoài Bắc. Kết quả: rất nhiều họa sĩ đã... chới với. Kim Thi còn nhớ một bức tranh của một họa sĩ trước đó khá nổi tiếng ở miền Nam. Ông vẽ cảnh sản xuất trong nhà máy cơ khí, với nhiều công nhân nam nữ đang "lao động". Khổ nỗi, họa sĩ này vẽ tay chân không được, thành ra tất cả tay chân của nam nữ công nhân đều bị ông... "thủ tiêu" hết, bằng cách dấu sau một cổ máy, hoặc bị một vật dụng nào đó che khuất. Ngắm bức tranh, Kim Thi vừa bực mình vừa tội nghiệp tác giả. Đấy là hậu quả của phương pháp học hành, sáng tạo "đốt giai đoạn" mà đa phần các họa sĩ Việt Nam thường vấp phải. Đấy cũng là lý do giải thích tại sao rất nhiều họa sĩ của ta mãi dậm chân tại chỗ. Không thể tiến và không làm cách nào tiến nổi. Ba mươi năm trước họ đã vẽ như vậy, ngày nay họ vẫn vẽ như vậy, và có lẽ vài chục năm nữa, cho đến khi về với hư vô, họ rồi cũng sẽ vẽ như vậy! Bởi chưng, muốn tìm kiếm, muốn "đập phá", nào phải chuyện dễ, khi mà nội lực, từ tư duy đến tay nghề, đều non yếu quá đỗi! Họ nổi tiếng không vì thực tại, mà chỉ nhờ sự đánh bóng của bạn bè, phe nhóm văn nghệ!

Kim Thi hiểu rằng tài năng của mình không ghê gớm gì. Nhưng khi đứng trước một công trình sáng tạo mới mẻ, Kim Thi đủ lương thiện và sáng suốt để hiểu, muốn tạo tác được những cái ấy chắc chắn không phải chuyện may rủi. Từng cầm cọ, Kim Thi hiểu hơn người "ngoại đạo" rằng vuông màu ấy, nhát sơn kia, vệt sáng nọ, tưởng chừng như... chơi, như đùa bỡn. "Vậy mà

không phải vậy". Họa sĩ phải sắp xếp cách nào, kết hợp ra sao, để tạo nên một tổng thể hài hòa, đầy hấp lực, có sức tác động sâu xa đến cảm quan người thưởng ngoạn. Chuyện ấy, dứt khoát không bao giờ là trò chơi, trò đùa bỡn.

Hội họa vô hình thể, vì thế, chẳng bao giờ khai sinh từ những bàn tay non yếu. Nó là kết quả của một chặng đường dài đầy cam go, đi từ cái "hữu" đến cái "vô", bằng một ý chí sáng tạo mãnh liệt, và một tài năng vượt trội hơn người.

Tuy nhiên, đã từng có bạc giả tiêu như bạc thật. Điều này nào chỉ có trong hội họa. Nó hiện diện ở mọi ngành nghề, mọi lãnh vực. Vấn đề là làm thế nào phân biệt được cái "thật" và cái "giả".

Đến đây chúng ta lại phải cầu cứu đến cái Đẹp.

Vâng, suy cho rốt ráo, cái Đẹp là cái không thể che dấu và lừa mị được. Đứng trước một công trình sáng tạo, ta không hiểu gì hết, kẻ làm ra nó không hiểu gì hết, kẻ thưởng ngoạn không hiểu gì hết, nhưng Kim Thi tin một cách chắc chắn, không ai có thể phủ nhận rằng nó Đẹp, nếu thực sự nó Đẹp.

Đẹp, không cần giải thích. Bông hoa nở, và đẹp, trong mắt nhìn của ta, cần gì giải thích? Tại sao phải giải thích?

Đừng bao giờ nói với họa sĩ: "hãy giải thích hộ tôi, anh vẽ cái gì".

*Ngày 12 tháng 5 năm 1996*

Kim Thi hoàn toàn dị ứng với những phương tiện hiện đại. Cho đến bây giờ, sau mười năm sống trên đất Mỹ, từng đổi năm ba chiếc xe, từng một mình lái xuyên bang, vượt những đoạn đường dài trên vài nghìn dặm, thế mà, cái *bigi*, hoặc chỗ thêm nhớt, thay dầu, Kim Thi thật tình không biết nó nằm... nơi mô trong cái rừng sắt thép dây nhợ rối bòng bong dưới cốp xe! Một lần, vào chợ mua sắm trở ra, thấy một ngài phú lít đang tí toáy ghi số xe của Kim Thi để ... lập biên bản. Ngạc nhiên, hỏi, thì được chỉ cho thấy bốn cái vỏ xe mòn hết răng. Ngài phú lít giải thích: như thế sẽ rất nguy hiểm cho bản thân "you", nói riêng, người sử dụng đường sá, nói chung (bấy giờ Kim Thi mới hiểu bánh xe mòn răng thì... sẽ nổ, nổ thì nhiều khả năng đi tàu suốt và làm nhiều người khác cùng đi tàu suốt!). Cũng có nghĩa, theo luật, Kim thi đã vi phạm luật giao thông!

Riêng "nghề" tay trái của Kim Thi: làm báo, ắt không thể thiếu một giàn computer. Một cái computer, đối với người làm báo bây giờ, là cả một cơ sở in ấn ngày xưa. Nó tiện lợi, nhanh gọn, nó giải quyết được bao nhiêu khâu rắc rối. Thế nhưng với Kim Thi, nó cũng là một "vấn đề" gây đau khổ không ít. Chỉ vì trong cái đầu chật hẹp u tối mà lắm đa đoan của Kim Thi, phần dành cho phương tiện hiện đại này chỉ chiếm một vị trí rất đỗi khiêm nhường, tương đương với cấp bậc i tờ trên con đường học vấn thấp cao hàng nghìn bậc. Nói trắng ra, Kim Thi chỉ biết vỏn vẹn vài động tác, đủ để mở máy , đánh chữ và lay-out một trang sách, một cột báo, một hàng chữ nhan đề... Ngoài ra, hoàn toà mù mịt. Cho nên nhỡ gặp phải trở ngại kỹ thuật, là mặt này xanh

xám ngay, phải rối rít bốc điện thoại kêu cứu người này kẻ nọ, như kẻ lội sông sắp chết chìm!

Ôi chao, phương tiện hiện đại nhiều lúc nó làm Kim Thi khổ sở quá chừng. (Tiện đây, xin có lời muôn vàn xin lỗi bà chị Hoàng Bắc và vài văn hữu đã từng thư cho Kim Thi, nhờ lấy hộ ra đĩa những truyện ngắn của mình từng đi trên *Hợp Lưu*! Do sự dốt, một phần Kim Thi đã bấm nhầm những cái nút mắc toi mắc dịch nào đó trên keyboat, làm cho bài vở cũ trở nên... "trắng xóa một màu không!". Một phần lười scan virus những cái đĩa các văn hữu khác trên thế giới gửi về, khiến hai lần những "con vi khuẩn" trời đánh "ăn" hết chữ nghĩa trong máy, đến nỗi hai mươi mấy số HL cũ và linh tinh những cái tạp lục của Kim Thi, nào là tạp bút, tạp văn, truyện ngắn, truyện dài, thơ thẩn làm nhảm..., chỉ một đêm, hè nhau đồng loạt đi vào hư vô!)

Từ lâu, vài ông bạn kỹ sư computer, nhóm sinh viên *Bách Việt*, vốn có quan hệ với Kim Thi, đề nghị nên đưa tờ *Hợp Lưu* vào hệ thống internet, và mở một cái hộp thư bằng e-mail để, thứ nhất, quảng bá rộng rãi tờ tạp chí, thứ hai, nhận bài vở của các văn hữu ở xa dễ dàng, tiện lợi, nhanh chóng. Kim Thi nghe, bùi tai lắm, nhưng rồi nghĩ đến khả năng máy móc i tờ của mình, đâm rét, bèn từ chối.

Mãi đến số *Hợp Lưu* vừa rồi, một phần thấy thiên hạ "lên lưới" ì xéo. Từ báo lá cải, lá đa, lá tre, lá mít, đến báo dzăng chương, nghệ thuật, chính chị chính em... rủ nhau tung hoành trên cái màn ảnh tí tẹo cứ như đại hội quần hùng Hoa Sơn luận kiếm. Một phần bị anh em "o ép" quá, Kim Thi thực tình cũng cảm thấy sốt ruột, đành liều chấp nhận.

Hóa ra, tiện lợi thật!

Số đặc biệt này, về cố học giả Hoàng Xuân Hãn, nếu không nhờ e-mail, có lẽ không trình làng đúng chu kỳ được. Bài vở nhiều, lại của những vị từ quốc gia khác, và cần phải cập nhật, sửa đổi liên tục. Thư đi tin lại bằng đường bưu điện, biết bao giờ mới giải quyết ổn thỏa mọi chuyện, mà nếu dùng điện thoại viễn liên, e trả bill mờ người!

Cho nên, cuối cùng, dù dị ứng đến bao nhiêu, Kim Thi vẫn không thể không vỗ tay hoan hô kỹ thuật hiện đại.

Nhân tiện, xin "hồ hởi phấn khởi" quảng cáo với độc giả và văn hữu: vị nào đang dùng e-mai, từ nay hãy liên lạc, gửi bài cho *Hợp Lưu* bằng phương tiện này, dạng VNI.DOC, hay bất cứ dạng gì cũng OK tuốt (chỉ hơn khổ cho Kim Thi, lại phải sang ra đĩa, chạy nhờ các cao thủ chuyển hộ).

Và muốn đọc... miễn phí chút ít bài vở của *Hợp Lưu* (nhưng nhớ đừng quên mua báo hộ, kẻo không, đóng cửa sớm!), hãy vào Internet.

Địa chỉ của cả hai thứ trên (có ở bìa hai hay quảng cáo ở trang 254 số này) như sau:

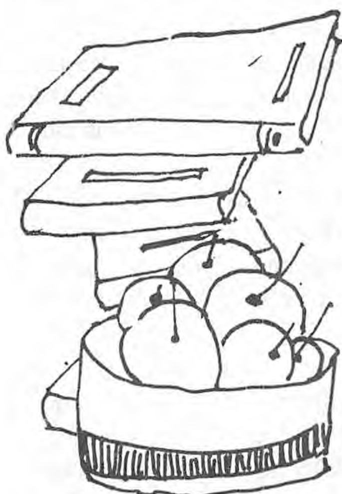
- Internet: http://www.vweb.net/hopluu/
- e-mail: tshopluu@aol.com, hoặc: tshopluu@vweb.net

KIM THI



**PHAN TẤN HẢI**

# sinh hoạt văn học nghệ thuật



## NHÀ VĂN, NHÀ BÁO CLAUDE MAURIAC QUA ĐỜI

Claude Mauriac - con trai của nhà văn Fran135ois Mauriac - một trong những nhà văn kiêm nhà báo nổi tiếng của Pháp trong những thập niên qua, đã qua đời tại Paris, hưởng thọ 81 tuổi.

Claude Mauriac là tác giả của nhiều cuốn tiểu thuyết, tiểu sử, hồi ký về các nhân vật lịch sử, đồng thời được coi là một nhà báo lỗi lạc của Pháp, qua những bài phóng sự sống động và đặc sắc.

Claude Mauriac từng làm việc dưới quyền của tướng De Gaulle khi nước Pháp được giải phóng. Từ 1944 đến 1949, trở thành bí thư của nhà lãnh đạo này. Ông giúp De Gaulle ghi nhận được nhiều biến cố quan trọng, nhiều nhân vật độc đáo ở một thời kỳ đầy sôi động của lịch sử nước Pháp và thế giới, sau đệ nhị thế chiến.

Claude Mauriac được trao tặng giải thưởng văn chương Médicis, qua tác phẩm *Le Diner en ville* (Ăn tối trong thành phố) vào năm 1959.

Ở lãnh vực báo chí, Claude được xem là một quan sát viên tinh tường, từng gặp gỡ rất nhiều nhân vật quan trọng và ghi nhận được những lời tuyên bố cũng như các hoạt động của họ. Sau này, với những tư liệu đó, ông ghi lại thành bộ nhật ký 10 tập, đặt tên chung là: *Le Temps Immobile* (Thời gian bất động).

Năm 1985, Claude Mauriac viết về thân phụ của ông, nhà văn Francois Mauriac, Viện sĩ Viện Hàn Lâm Pháp. Tác phẩm mang tựa đề *Francois Mauriac, sa vie son oeuvre* (Francois Mauriac, cuộc đời, tác phẩm)

# 250 NĂM NGÀY SINH CỦA HỌA SĨ GOYA TẠI TÂY BAN NHA

Một cuộc trưng bày được xem là đầy đủ nhất về các tác phẩm của danh họa Goya tại Viện bảo tàng Nghệ Thuật Prado ở thủ đô Madrid vừa được khai mạc, dưới sự chủ tọa của Quốc vương Juan Carlos và Hoàng hậu Sofia. Cuộc triển lãm đánh dấu sự khởi đầu - trên toàn lãnh thổ vương quốc Tây Ban Nha - các buổi lễ kỷ niệm 250 ngày sinh của danh họa này.

Bộ Văn Hóa và Bộ Du Lịch Tây Ban Nha đã cùng cho thành lập một công ty có tầm cỡ quốc gia, được đặt tên vắn là "Goya-96", để có thể phụ trách và và quảng cáo khắp thế giới lễ kỷ niệm trọng đại này.

Công ty vừa được thành lập trên đã đầu tư đến hơn 5 triệu đô la (với sự tài trợ thêm của Ngân hàng Tây Ban Nha "Argentaria") để yểm trợ cho 18 cuộc triển lãm, 5 khóa hội thảo, thực hiện một cuốn phim tài liệu, một vỡ ca vũ, một nhạc kịch với mục đích chính là ca ngợi các nét đặc biệt trong cuộc đời của danh họa Goya.

Cuộc triển lãm tại Viện bảo tàng Prado sẽ kéo dài đến cuối tháng 6 năm 1996. Vé vào cửa là 8 đô la/người. Vì sợ cảnh chen lấn và nhất là đối với khách du lịch ngoại quốc có thể không mua được vé, nên Viện bảo tàng đã quyết định cho đặt mua vé trước bằng điện thoại và thanh toán bằng thẻ tín dụng. Chỉ trong ngày đầu, khi quyết định trên được ban hành, đã có đến 4,000 cú điện thoại xin order vé, từ bên kia Đại Tây Dương, là... Hoa Kỳ!

Nhiều công ty du lịch Tây Ban Nha đã tổ chức những cuộc du lịch "tổng hợp", bao gồm đi thăm nơi sinh trưởng, nơi ngụ cư của Goya, thưởng thức các chương trình biểu diễn nghệ thuật sinh tiền Goya thường thích, ẩm thực tại các nhà hàng cổ *Mesones*, ở Madrid, nơi Goya hay đến ăn, hoặc dự các cuộc đấu bò cổ điển mà ngày nay thường được gọi là *Goyesca Corrida* (Đấu bò theo lối Goya), vì còn giữ lại nhiều nét tiêu biểu Goya từng ghi lại trong các bức tranh của ông.

Cuộc triển lãm tại Viện bảo tàng Nghệ thuật Prado được giới yêu nghệ thuật đặc biệt chú ý, vì sẽ được bổ sung bởi 30 tác phẩm của danh họa Goya do nhiều viện bảo tàng trên khắp thế giới gửi về, trong đó có những họa phẩm lần đầu tiên "hồi hương", kể từ hơn hai trăm năm nay. Tại đây cũng có mặt những tác phẩm nổi tiếng nhất của Goya như "Maja Nude", "The Sleepe of Reason", "The third of May" (mô tả cảnh tàn bạo trong các năm chiến tranh thời Napoléon). Ngoài ra, còn có các phẩm Pinturas Negras (Tranh đen), là những tác phẩm cuối cùng của Goya.

Các cuộc trưng bày khác liên quan đến Goya, trong năm kỷ niệm 250 ngày sinh của đại danh họa này tại Tây Ban Nha, có thể kể đến như:

- "Goya and Picasso" tại Trung Tâm Nghệ Thuật Hoàng Hậu Sofia, Madrid.
- "Goya: Models and Tapestries" tại hoàng cung, Madris.

- "Goya on Papers" tại Thư Viện Quốc Gia.
- "Senelfeder and Goya" tại Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật ở San Fernando...

Họa sĩ Goya - tên đầy đủ là Francisco José de Goya - chào đời cách đây 250, tại thành phố Zaragoza, Tây Ban Nha. Ông là một trong các danh họa lỗi lạc nhất của nhân loại, nói chung, và Tây Ban Nha, nói riêng.

## MƯỜI LĂM HỌA SĨ VIỆT NAM TẠI ĐẠI HỌC LONG BEACH

Một triển lãm hội họa do Hội Sinh Viên Việt Nam (Vietnamese Student Association) tổ chức tại California State University Long Beach đã được khai mạc vào lúc 1 giờ trưa ngày 13 tháng 4 năm 1994.

Những họa sĩ góp mặt trong triển lãm này thuộc nhiều thế hệ, trường phái, nơi chốn xuất thân. Tất cả đang sinh sống tại Los Angeles và Orange County, gồm có: Ngô Bảo, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Đồng, Nguyên Khai, Khánh Trường, Hồ Thành Đức, Bé Ký, Hoàng Vũ, Nguyễn Việt, Ann Phong, Hồ Anh, Lệ Chi, Lân Hoàng Vũ, Darlenne Nguyen-Ely.

Khách tham dự hầu hết đều chọn lọc. Đó là các giáo sư hội họa, các sinh viên đang theo học ngành này, và những người yêu mến, quan tâm thực sự đến bộ môn nghệ thuật tạo hình. Cảm tưởng chung của quan khách trong buổi khai mạc là cuộc triển lãm đã đạt đến một tiêu chuẩn nghệ thuật tương đối, dù trung thực mà nói, do tính cách "đại trà" của phòng tranh, sự chênh lệch trong tay nghề, đường lối sáng tác, nội lực tư duy... khá rõ nét.

Nghệ thuật tạo hình VN tại hải ngoại - riêng tại Hoa Kỳ - trong nửa năm nay hình như đang bắt đầu phục sinh, với những cuộc triển lãm liên tiếp được mở ra, tại nhiều nơi. Tháng trước, ngoài phòng tranh tập thể tại Seattle, họa sĩ Đinh Cường cũng có cho riêng mình một triển lãm (trong qui mô nhỏ) tại San Jose. Rất tiếc khi chúng tôi nhận được tin này thì báo đã lên khuôn nên không giới thiệu kịp.

Chúng tôi hy vọng với đà bung nở hiện nay, tranh VN sẽ có cơ hội đến với giới thưởng ngoạn nhiều hơn, và người xem tranh, mua tranh cũng sẽ tăng theo tỷ lệ thuận. Đành rằng trọng tâm của nghệ thuật không phải là tiền bạc. Nhưng... có thực mới vực được đạo. Xem tranh là một cách khích lệ, mua tranh là một cách giúp đỡ phương tiện để người nghệ sĩ tiếp tục công việc họ đã chọn.

## MỘT PHÒNG TRANH THƯỜNG TRỰC SẮP KHAI SINH

Thành phố Garden Groe thuộc quận Cam có một khu phố cổ rất đẹp. Khu phố này nằm trên đường Main. Diện tích mặt đường không rộng, được lát gạch đỏ, hai bên vỉa hè là những cửa tiệm trưng bày đồ cổ, quán cà phê

bán lộ thiên, nhà hàng Mễ Tây Cơ... Khách phương xa tình cờ ghé qua khu phố này hẳn không khỏi ngạc nhiên vì cảnh quang chung. Người ta sẽ có cảm tưởng đang dạo chơi giữa lòng một xóm nhỏ nào đó giữa Paris.

Từ nhiều năm nay những anh chị em hiện đang theo đuổi bộ môn nghệ thuật tạo hình ngụ cư ở quận Cam và các vùng phụ cận vẫn thầm thì với nhau: nếu có được một gallery tại nơi này thì quả là.. hết ý!

Ước mơ đó, trong tháng qua, được họa sĩ Khánh Trường, cùng các bạn trẻ trong tổ chức Sinh Viên Bách Việt ráo riết biến thành hiện thực. Diện tích mặt bằng đã thuê, giấy phép đã có, phần trang trí và hệ thống đèn đang thực hiện, tranh tượng cũng ê hề... Nếu không có gì trở ngại, đầu tháng 7 năm 1996 gallery này sẽ mở rộng cửa đón tiếp khách yêu nghệ thuật.

Chung quanh gallery có ba mặt bằng lộ thiên được che nắng bằng những mái lều bằng vải sọc. Các văn nghệ sĩ, những khách hàng quen thuộc của các quán cà phê trong thành phố, nếu muốn tìm một nơi bù khú chuyện "trên trời dưới đất" vào bất cứ giờ nào trong ngày, nhất là hai ngày nghỉ cuối tuần, giữa một không khí thanh tao, nhẹ nhàng, đượm đầy chất "văn nghệ", thì có lẽ không nơi nào bằng nơi này. Cà phê, báng ngọt, thuốc lá... "tự phục vụ", giá cả cũng "tự ấn định" trong tinh thần trách nhiệm chung (dĩ nhiên rẻ như... cho, chỉ từ 50 cent đến một tỉ, tuỳ hỉ. Chỉ việc tự rót, tự bưng ra bàn và tự tay bỏ tiền vào một thùng... phước sương). "Điều lệ" đầu tiên Họa sĩ Khánh Trường và các bạn trẻ đề ra trong "nội quy điều hành" là không cần kiếm lời, chỉ mong có đủ lợi tức trả tiền nhà cùng các phí khoản linh tinh, để gallery có thể tồn tại dài lâu, hầu tạo điều kiện cho các họa sĩ có chỗ trình làng những sáng tác của mình, mà từ bao lâu nay, mỗi khi hoàn tất xong đều phải chịu chung một số phận hẩm hiu: vào nằm im ngủ trong... garage!

Ngoài chỗ trưng bày tranh tượng, gallery cũng sẽ là nơi sinh hoạt của các hoạt động văn học nghệ thuật khác: ra mắt sách; trình diễn ca khúc nhẹ; đọc, ngâm thơ; thuyết trình những đề tài liên quan đến các bộ môn liên hệ...

*Hợp Lưu* tất nhiên sẽ hỗ trợ hết lòng cho việc làm tốt đẹp này trong giới hạn khả hữu. Ví dụ: phổ biến... chùa "trường kỳ kháng chiến" mọi tin tức liên quan đến hoạt động của gallery.

## THỰC TẠI VƯỢT XA
## CHỦ NGHĨA HIỆN THỰC HUYỀN ẢO

Nhóm bắt cóc, những người yêu cầu nhà văn từng thắng giải Nobel Gabriel Garcia Marquez lên nắm quyền Tổng Thống, bây giờ lại muốn tiểu thuyết gia này làm việc kiểu như một kế toán viên công cộng.

Cảnh sát Colombia cho biết, những tên bắt cóc người em của cựu Tổng Thống Cesar Gaviria hôm 2.4 đã đưa ra yêu cầu trên trong một bản văn phổ biến ngày 9.5.

Họ muốn nhà văn giải Nobel phải kiểm sát vấn đề tài chánh của Garivia

và xác nhận rằng không có "mức tăng không chính đáng" trong tài sản trong suốt thời kỳ nắm quyền Tổng Thống 1990-1994.

Nhóm bắt cóc hứa sẽ trả tự do nạn nhân nếu tiểu thuyết gia lừng danh thế giới, tác giả "Trăm Năm Hiu Quạnh" có thể bảo đảm được sự lương thiện của viên cựu Tổng Thống.

Garivia, người đang làm việc với nhiệm vụ trưởng Tổ Chức Các Nước Châu Mỹ (OAS) tại Washington, tuần trước đã thuận theo yêu cầu của nhóm bắt cóc để tiết lộ đầy đủ các thu nhập của ông.

Garcia Marquez chưa có trả lời tức khắc nào về đòi hỏi mới của nhóm bắt cóc kiến trúc sư Juan Carlos Garivia. Ông trước đó đã thẳng thừng từ chối yêu cầu nắm quyền Tổng Thống.

Nhóm bắt cóc, những người tự nhận trong nhóm bí mật "Vinh Quang Cho Colombia," đã yêu cầu nhà văn Marquez nắm quyền Tổng Thống vì cho là cuộc vận động bầu cử 1994 của đương kim Tổng Thống Ernesto Samper được tài trợ bởi các trùm ma túy. Vị Tổng Thống Colombia này vẫn đang bị nhiều nhóm buộc phải từ chức.

Garcia Marquez, một cựu đồng minh của Samper, tuyên bố trong cuộc phỏng vấn tuần trước rằng hoàn cảnh của Colombia, một đất nước đang rối tung trong các khủng hoảng chính trị, đã trở thành cực kỳ dị thường đến vượt xa các cách viết tiểu thuyết riêng của ông, thường được gọi là "chủ nghĩa hiện thực huyền ảo."

Điều bi hài là, cuốn sách mới nhất của Garcia Marquez là công trình phi-hư-cấu về một chuỗi những vụ bắt cóc được thực hiện theo lệnh của cố trùm ma túy Pablo Escobar của hệ thống ma túy lừng danh Medellin.

## HOA LỤC ĐÓNG CỬA 1,038 BÁO NĂM 1995

Trung Quốc đã đóng cửa 38 nhật báo trong năm ngoái và thu hồi giấy phép hơn 1,000 báo và tập san lưu hành nội bộ kể từ 1994 trong một chiến dịch càn quét toàn quốc để thanh trừng kỹ nghệ truyền thông.

Một học giả Hoa Lục nói rằng những lý do chính là việc điều hành không hợp lệ hoặc quản trị dở, mặc dù các bản tường trình ngoài nước cho là vì lý do chính trị bởi những tay giáo điều muốn hồi phục việc kiểm soát tư tưởng.

Trong suốt hai năm qua, có 1/6 các báo và tập san lưu hành nội bộ đã bị dẹp tiệm hoặc vì đi lệch ngoài đường lối hoặc vì thua lỗ. "Hơn 1,000 tờ lưu hành nội bộ đã bị đóng vì phạm luật báo chí hoặc vì lỗ," theo giáo sư Wu, Chủ Tịch Trung Tâm Nghiên Cứu Tin Đài Loan, Hồng Kông và Macao tại Vũ Hán Đại Học, trước cử tọa Hồng Kông.

Theo Wu, trong năm ngoái thì có 2,300 báo và tạp chí lưu hành phổ biến và 6,000 tờ lưu hành nội bộ trên toàn Hoa Lục.

Theo ông, hiện đang có mâu thuẫn giữa quyền lợi báo và đường lối nhà nước: muốn có đông độc giả thì dễ vi phạm tới các luật và chính sách.

# NHÀ THƠ PALESTINE VỀ NƯỚC SAU 26 NĂM LƯU VONG

Cư trú trong một phòng khách sạn khiêm tốn hôm 7.5 ở West Bank, nhà thơ Mahmoud Darwish không có vẻ gì khác những du khách khác tới thị trấn này.

Nhưng sau 26 năm lưu vong, người mà dân Palestine mệnh danh là nhà thơ dân tộc của họ đã cảm thấy như mình đang trở về nhà.

Trong nhiều ngày, ông Darwish, một người Ả Rập-Do Thái 54 tuổi, đã trở lại quê hương Galilee, thăm vùng West Bank và Jerusalem. Nhà thơ của nỗi ly tán Palestine người từng một lần viết bài "Quê Hương Tôi Là Chiếc Va-li" đã bắt đầu cởi bỏ những năm của hành lý cảm xúc.

Ông nói về chuyến đi, "Tôi trở về để làm một trẻ nhỏ. Tôi sờ chạm vào cây và đá, và cảm thấy như là tôi chưa từng bỏ đi. Thời gian đã ngưng lại, và chu kỳ đã khép xong."

Ông Darwish được cho phép một chuyến thăm Do Thái ngắn ngày để tham dự một phim tài liệu về tác giả Ả Rập-Do Thái Emile Habibi, nhưng khi tới thì Habibi lại vừa chết. Thay vì đoàn tụ với người đàn anh văn nghệ, Darwish đã đọc điếu văn trong tang lễ Habibi.

Chính phủ Do Thái đã cất bỏ một lệnh cấm nhiều năm, cho phép Darwish bốn ngày ở Do Thái và một thời hạn vô hạn định ở vùng tự trị Palestine ở West Bank. Ông đã thăm gia đình ông ở làng Judeida, thuộc Galilee, trở lại Haifa nơi ông từng sống và biên tập cho một nhật báo, và đọc thơ ông cho hàng ngàn thính giả Palestine.

Darwish đã rời bỏ Do Thái năm 1970 sau khi liên tục bị tù vì điều mà Do Thái gọi là tham dự các hoạt động lật đổ trong các nhóm quốc gia Hồi. Ông đã sống một thập niên ở Beirut và gia nhập Tổ Chức Giải Phóng Palestine (PLO), phục vụ vài năm trong ủy ban điều hành PLO. Sau khi sống ở Paris 10 năm, ông đã dọn về Amman, Jordan, từ nhiều tháng trước.

Ông đã xuất bản hơn hai chục cuốn sách, và được dân Palestine yêu mến vì những dòng thơ chính trị gợi lên một lịch sử chung của họ. Trong một bài thơ về lưu vong, ông viết:

*Chúng ta vẫn đi như những người khác nhưng lại không có lối về*
*Chúng ta chỉ có một đất nước của chữ nghĩa.*

Nhưng những dòng thơ đôi khi cay đắng của ông tố giác Do Thái, ca ngợi những người ném đá trong cuộc nổi dậy Palestine và chỉ trích hòa ước của PLO với Do Thái đã làm họ dè dặt trong việc để nhà thơ nhiều ảnh hưởng này trở về Do Thái. Darwish gọi chuyến đi này là một bước nhảy, và nói rằng bây giờ ông muốn tái xin quyền công dân Do Thái để có thể trở lại Galilee.

Yêu cầu này phản ánh những nghịch lý trong đời Darwish. Một người dân tộc chủ nghĩa từng giúp soạn thảo Tuyên Ngôn Độc Lập Palestine và được

PLO chuẩn nhận năm 1988, bây giờ ông quyết định xin thẻ chứng minh nhân dân Do Thái mới để có thể về sống trong quê hương.

Darwish nói, "Đối với người Ả Rập trong quốc gia Do Thái thì luôn luôn có một dằng co giữa căn cước và quốc tịch. Tôi nhận bất kỳ giấy tờ nào có thể cho tôi quyền cư trú ở đây."

Ông kể lại, "Hàng ngàn người đứng đầy trong sân bóng tròn, và mang biểu ngữ viết, 'Chúng tôi yêu mến ông, xin ở lại với chúng tôi.' Tôi đã khóc. Tôi cảm thấy tội lỗi, và là lần đầu tiên tôi xin lỗi đã bỏ ra đi. Trong bài diễn văn, tôi đã nói, 'Tôi rất tiếc đã rời bỏ đồng bào. Tôi sẽ không bao giờ ra đi nữa.' Tôi đã không quên dân tôi, tôi đã viết về nơi này và thảm kịch của dân tôi, nhưng cậu trẻ nhỏ trong tôi cảm thấy rằng phải trở về quê hương."

Darwish đã thăm mộ cha, người chết bảy năm trước mà ông không được về dự tang lễ. Darwish đi tới phố biển Acre, nơi dân chúng tràn ra đường đón mừng ông.

Darwish tâm sự, "Tôi nghĩ là tôi bị quên lãng, nhưng tôi khám phá ra dân chúng vẫn yêu mến tôi và biết tới các bài thơ của tôi. Đất nước này tuyệt đẹp. Khi tôi ra đi thì mới 27 tuổi, và bây giờ tôi nhìn lại với một đôi mắt và quả tim mới mẻ."

Trong lúc này, Darwish cho là dân Palestine phải rời bỏ cái can đảm giả tạo của những năm kháng chiến.

"Chúng ta người Palestine rất là cần chuyển từ một hình ảnh anh hùng sang một đời sống bình thường, đơn giản. Cuộc du hành tập thể đã chấm dứt, chính nghĩa Palestine đã hoàn tất. Chúng ta đã hiến tặng hàng ngàn thánh tử đạo với mục tiêu để được sống bình thường. Chúng ta phải sống con người hơn, để cày luống đất, để trồng hoa."

## QUAY PHIM BỘ THỦY HỬ

Những chuyến quay phim ngoài trời bộ Thủy Hử, một trong Tứ Đại Danh Thư của Trung Hoa, đã khởi sự mới đây trong Khu Tự Trị Guanxi Zhuang và dự kiến sẽ hoàn tất vào cuối năm nay. Bộ phim truyền hình dài 41 tập. Ba bộ phim trước là Hồng Lâu Mộng, Tây Du Ký, và Tam Quốc Chí.

Thủy Hử được viết từ thời nhà Minh (1368-1644) và liên hệ tới một nhóm giang hồ thảo khấu trong vùng Liangshanbo, phía Tây Quảng Đông. Truyện phóng tác phần lớn dựa theo cuộc đời thực của Tống Giang, người sống trong triều đại nhà Tống (960-1279). Có hơn 300 diễn viên trong phim bộ truyền hình mới này.

---

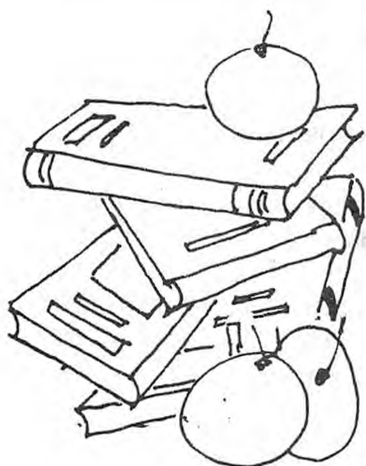
Trong phần *Tin Văn Học* số *Hợp Lưu* trước, tiểu sử Hoàng Xuân Hãn được viết theo bản tin Chữ Bá Anh, nhưng nguyên gốc là do Thụy Khuê thực hiện cho đài RFI. Những dòng ghi chú này được viết để tránh ngộ nhận về xuất xứ.

PHAN TẤN HẢI



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

# giới thiệu sách mới



**NHỮNG NGÀY XA XƯA ẤY**, hồi ký Thu Tâm. Bìa Khánh Trường. Thế Kỷ xuất bản. Giá 10MK. Địa chỉ NXB: 11022 Acacia Parway #A, Garden Grove, CA 92640. USA.

Tác giả, thuở thanh xuân, là người yêu của nhà sử học CS nổi tiếng: Trần Huy Liệu. Cuốn sách kể lại cuộc tình say đắm nhưng sớm chia tan, không phải vì sự ghen tuông của người vợ cả ông Liệu, cũng không phải do áp lực gia đình hay xã hội, mà do... "nghị quyết" của đảng CS Việt Nam!

Ngoài hồi ký của bà Thu Tâm, cuốn sách có thêm phần Phụ Lục, gồm các tài liệu do chính ông Trần Huy Liệu viết và được xuất bản trong nước, cũng như những tài liệu do nhà văn Nguyễn Vỹ (giám đốc kiêm chủ bút tạp chí *Phổ Thông*) đã công bố ở miền Nam trong những năm 1969-1970.

Nhiều người thắc mắc tại sao một tập hồi ký vô hại như thế lại không được nhà nước VN cho phép xuất bản? Câu hỏi sẽ được trả lời qua những trang viết của bà Thu Tâm.

**TÔI CHIM NGỦ ĐẬU CÀNH XANH**, thơ Nguyễn Nam An. Nhân Văn xuất bản. Giá 12MK. Địa chỉ Nxb: Nhân Văn Publishing. P.O.Box 53658, San Jose, CA 95153. USA.

Thơ Nguyễn Nam An thành thật, giản dị, "hiền khô", như chính một câu

thơ của tác giả tự biểu tỏ:

*Trèo lên cây dừa năm xưa ngày trở về con phố*

*Bài thơ "Giấc Đá" đăng Tuổi Ngọc hiền khô như nhịp banh bóng rổ sân trường.*

Có lẽ nhờ thế thơ Nguyễn Nam An dễ tạo ấn tượng.

Trên một vài số HL, độc giả cũng đã từng đọc thơ Nguyễn Nam An, dưới bút hiệu khác: An Phú Vang.

**NĂM NGƯỜI ĐÀN BÀ VÀ BỐN NGƯỜI ĐÀN ÔNG**, tập truyện ngắn của nhiều tác giả. Bìa Văn Sáng. Nhà xuất bản Thanh Niên (Việt Nam). Giá 20.000$VN. Không ghi địa chỉ nhà xuất bản.

Đọc tựa sách, chúng ta sẽ lầm đây là nhan đề một tác phẩm nào đó của một trong các tác giả góp mặt, dùng làm tựa chung cho tác phẩm. Sự thật, chỉ có nghĩa: cuốn sách là một tập hợp các sáng tác của năm nhà văn nữ và bốn nhà văn nam có tên theo thứ tự: Phan Thị Vàng Anh, Võ Thị Xuân Hà, Võ Thị Hảo, Nguyễn Thị Thu Huệ, Trần Thị Trường, Phan Triều Hải, Ngô Tự Lập, Hồ Anh Thái, Nguyễn Quang Thiều.

Một số truyện ngắn trong *Năm Người Đàn Bà Và Bốn Người Đàn Ông* từng xuất hiện trên HL: Phan Thị Vàng Anh: *Hoài Cổ, Đất Đỏ*; Võ Thị Xuân Hà: *Đàn Sẻ Ri Bay Ngang Rừng*; Võ Thị Hảo: *Vườn Yêu*; Nguyễn Thị Thu Huệ: *Phù Thủy*; Nguyễn Quang Thiều: *Hai Người Đàn Bà Xóm Trại*...

Nhìn chung, tập truyện được chọn lọc kỹ. Nên tìm đọc.

**MÙA XƯA**, tập truyện ngắn, thơ và tiểu luận của Nhất Chính. Bìa Khánh Trường. Tác giả xuất bản. Địa chỉ liên lạc: 2762 W. Parkdale Dr., Anaheim, CA 92801. USA. Giá 12MK.

Nhất Chính, nguyên quân nhân thuộc binh chủng Không Quân miền Nam VN trước 1975. Vượt biển và định cư tại California, Hoa Kỳ năm 1980.

Tác phẩm đúc kết các sáng tác trải dài trong vài thập niên qua, từ quê nhà đến quê người.

Văn chương Nhất Chính bình dị, trong sáng, đậm tình quê.

**QUẢ BÓNG TUỔI THƠ**, tập truyện thiếu nhi của Ngọc Thủy. Cơ sở Văn Hóa Đông Phương xuất bản. Địa chỉ liên lạc: 334N. 3rd St. San Jose, CA 95112. Ấn phí 5MK.

Trong thế giới chữ nghĩa hải ngoại, sách báo dành cho thiếu nhi rất hiếm. Có lẽ do các em sống trên xứ người, học hành và giao tiếp chỉ thuần bằng ngôn ngữ bản địa, nên vốn liếng tiếng mẹ đẻ của các em hầu như không có, hoặc nếu có, chỉ lỏm bỏm tiếng được tiếng mất, nửa ta nửa người, chứ không thể đọc chữ (Việt). Họa hoằn lắm có vài em đọc được (nhờ giáo dục gia đình), nhưng cũng chỉ để "cho biết", thật sự các em không thích thú lắm.

Vì vậy, việc viết và xuất bản sách thiếu nhi là hành động can đảm rất lớn

của người cầm bút.

Tòa soạn HL trân trọng giới thiệu tác phẩm này đến mọi gia đình VN, với ước mong các bậc cha mẹ mỗi ngày nhín chút ít thì giờ cùng "đọc" với các em. Đó là một hình thức duy trì tiếng mẹ đẻ hữu hiểu, và cũng là một cách khích lệ dành cho các tác giả sáng tác truyện tuổi thơ.

**TRUYỆN NGẮN ĐƯỢC GIẢI**, bìa Thành Chương. Nhà xuất bản Văn Học (Việt Nam). Giá 18.000$VN. Không ghi địa chỉ nhà xuất bản.

Cuộc thi do báo Văn Nghệ tổ chức. Thành phần ban giám khảo: Hữu Thỉnh, Bùi Hiển, Nguyễn Khải, Anh Đức, Ma Văn Kháng, Đỗ Chu, Nguyễn Khắc Trường.

Tác phẩm gồm nhiều truyện ngắn có phẩm chất tốt.

**VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ**, biên khảo của Đỗ Văn Gia. Nhà xuất bản Văn Gia. Giá 28MK. Liên lạc: Nxb Văn Gia, 10451 Bolsa Ave., # 207. Westminster, CA 92683.

Thuở sinh thời giáo sư Đỗ Văn Gia có ý định in những bài giảng về văn học Việt Nam ông đã biên soạn và giảng dạy tại Đại học Cornel.

Khi ông từ trần, gia đình cố hoàn thành ý nguyện đó. Nhờ vậy, công trình biên khảo này mới có cơ hội đến tay độc giả.

Tác phẩm chia làm ba phần.

Phần I: Văn Học dân gian, gồm các chương: ca dao, tục ngữ, truyện thần thoại, truyện cổ tích và truyện cười.

Phần II: Văn học cổ điển.

Phần III: Văn học hiện đại, gồm thơ và tiểu thuyết hiện đại.

Tác phẩm là một tư liệu bổ ích cho những ai muốn tìm biết khái quát, và tương đối đầy đủ, sự hình thành và phát triển của Văn học Việt Nam.

**CHẠNH LÒNG TIẾNG THƠ RƠI**, thơ Vĩnh Hảo. Chiêu Hà xuất bản. Giá 6MK. Liên lạc: Chiêu Hà Publisher. P.O.Box 2303, North Hill, CA 91393. USA.

Gồm gần 70 bài thơ, viết cho mình, cho "em", cho "dân tộc thống khổ quê hương tôi". Lời thơ man mác, giản dị, một chút phong vị đạo, một chút "đời thường", một chút tinh nghịch nhẹ nhàng, ngoại trừ bài thơ dài ở cuối tập: "Hai Mươi Năm Mộng" tác giả viết nhân kỷ niệm ngày 30 tháng 4 năm 1975, nói lên tâm trạng ê chề của một người sống lưu vong trên xứ lạ, nghĩ về quê hương, nghĩ về chủ nghĩa CS cùng những tha hóa của nó, nghĩ về những mất còn...

**MARIE SẾN**, tiểu thuyết Phạm Thị Hoài. Bìa Đinh Cường. Thanh Văn xuất bản. Giá 10MK. Liên lạc: nhà xuất bản Văn Nghệ.

Dữ dội. Thông minh. Tinh luyện trong ngôn ngữ. Trí tuệ, sâu sắc trong

tư duy. Giữa bối cảnh trì trệ và làng nhàng của văn học VN vài năm qua, tiểu thuyết *Marie Sến* của nhà văn Phạm Thị Hoài, dù chỉ trên 150 trang, đã vược trội hẳn lên, xứng đáng đứng chung với những tác phẩm viết bằng Việt ngữ xuất sắc từ xưa đến nay.

Giáng Châu trân trọng giới thiệu tác phẩm này đến độc giả Hợp Lưu.

**SÔNG NÚI NGƯỜI THƠM NỖI NHỚ NHÀ**, thơ Du Tử Lê. Bìa Võ Thành Đông. Tủ sách Văn Học Nhân Chứng xuất bản. Giá 12MK. Liên lạc: Tel: (714)638-2258.

Không kể nhiều bài thơ của Du Tử Lê được phổ nhạc bởi Trần Duy Đức, Phan Ni tấn, Vũ Thành An, Đăng Khánh, Phạm Gia Cổn, Võ Tá Hân, Lê Văn Thành, Từ Công Phụng, Khang Thụy, Trầm Tử Thiêng in ở phần cuối, tập thơ gồm hai phần. Phần đầu bằng Anh ngữ, được dịch bởi Lê Vương Ngọc, Nguyễn Ngọc Bích, Phạm Trọng Lệ. Phần hai nguyên bản tiếng Việt.

Thơ Du Tử Lê càng ngày càng chín. Đó là nhận xét của một người thơ khác Giáng Châu có lần được nghe. Hầu hết những ai yêu thơ, mê thơ, hệ lụy ít nhiều với thơ, đều đồng ý với nhận xét trên. Chữ nghĩa trong thơ Du Tử Lê, bây giờ, là một hợp chất rút ra từ đời sống, từ kinh nghiệm, đã được nhà thơ cô, sắc lại, thành cao, bằng một kỹ thuật điêu luyện.

**THỜI LÝ VÀ HIỆN HỮU**, biên khảo Nguyễn Hữu Liêm. Tập san Triết xuất bản và phát hành. Giá 15MK. Liên lạc: Với nhà xuất bản Văn Nghệ, hoặc Triết, P.O.Box 730363, San Jose, CA 95173-0363. USA.

Sách dày 550 trang, là tác phẩm thứ ba sau *Dân Chủ Pháp Trị: Luật Pháp, Công Lý, Tự Do và Trật Tự Xã Hội* (1991); *Tự Do và Đạo Lý: Hegel, Lão Tử và Triết Học* (1993).

Thể tạng Giáng Châu không mấy hợp với món Triết. Vả, để giới thiệu một công trình công phu và hiểm hóc như tác phẩm *Thời Lý và Hiện Hữu*, không thể chỉ đọc vội vã, qua quít, là... tán được. Vì vậy, Giáng Châu xin trích dẫn vài đoạn do chính tác giả viết về tác phẩm của mình. Thiết nghĩ, như vậy sẽ hữu ích hơn những lời... "bình" loanh quanh, vô thưởng vô phạt.

"Như là một thử nghiệm triết học bằng Việt ngữ trong nỗ lực tiếp cận với tinh hoa của thời đại và con người. THỜI LÝ VÀ HIỆN HỮU tiếp nối dòng sinh lực lịch sử triết học nhân loại để đặt lại câu hỏi, đưa lên những phương cách suy tưởng mới, tái giả định một nội dung ý nghĩa hiện đại cho những phạm trù khái niệm vốn từng làm bận tâm triết học xưa nay."

**BIỂN LÀ MỘT TỜ KINH**, thơ Phương Sinh. Bìa Huỳnh Đàn. Trình Bầy xuất bản. Không ghi giá bán.

*Biển Là Một Tờ Kinh* là thi phẩm thứ năm của Phương Sinh, sau *Chú Thích Cho Những Ngày Câm Nín - Bản Án Cho Các Vĩ Cầm - Nghĩa Đen - Bổ Túc Lý Lịch Cho Loài Di Dân*

Và cũng là thi phẩm thứ 42 (bốn mươi hai) do nhà Trình Bầy cho ra đời vài năm nay.

Vẫn rất trí tuệ trong tư duy. Vẫn khai phá không ngừng trong ngôn ngữ, trong cấu trúc và trong hình tượng biểu trưng, Phương Sinh, cùng vài nhà thơ nữa, đã đẩy thi ca VN đến một ngã rẽ quan trọng. Dĩ nhiên chấp nhận hướng đi mới này hay không, ở phía độc giả, đến nay vẫn còn như một thử nghiệm. .

**LÒNG TIN ÂU MỸ ĐẤY**, của Trần Quí. Bìa Khánh Trường. Nhà xuất bản Đồng Thanh. Văn Nghệ phát hành. Giá 16MK. Liên lạc: Nxb Văn Nghệ.

Một cuốn sách đề cập đến vấn đề tôn giáo và nền văn minh Tây phương. Gồm hai phần. Phần đầu: tác phẩm của Trần Quí. Phần hai: Thời Đại Lý Trí, của Thomas Paine, Trần Quí dịch ra Việt ngữ.

Thomas Paine, tác giả *Common Sense*, ánh hùng văn dẫn tới độc lập nước Mỹ đối với đế quốc Anh, cũng là tác giả *The Age of Reason* về một đề tài lớn lao không kém trong suy tưởng văn chương Anh Mỹ, và *The Age of Reason* đã được dịch ra tiếng Việt với tựa đề *Lòng Tin Âu Mỹ Đấy*.

Một cuốn sách của lý trí và lòng tin, của truyền thống và giải phóng, của thiên nhiên và phép lạ, của tổ chức và tự do tư tưởng.

**HÁT DẠO BÊN TRỜI**, thơ Trần Dạ Lữ. Bìa Lê Thánh Thư, phụ bản Chóe, Hồ Đắc Ngọc, Nguyễn Duy Ninh, Lê Thánh Thư. Nhà xuất bản Trẻ. Chân dung tác giả ký họa bởi Chóe. Giá 10.000$VN. Liên lạc: Trần Văn Duận, 74A/5 bis Trần Hữu Trang. F 10, Phú Nhuận, Th ph Hồ Chí Minh, VN.

Trần Dạ Lữ làm thơ, tính đến nay, trên dưới 30 năm. Trong ba mươi năm ăn nằm với thi ca, rất nhiều lúc cuộc đời không ngọt ngào với Lữ. Trước 1975 từng là sĩ quan bàn giấy, rồi lính thú hằng đêm đối diện cái chết, rồi cải tạo, rồi đói khổ, từng làm nhiều "nghề": buôn ve chai, lượm đồng nát, lặn lội chốn rừng sâu ngoài Trung tìm trầm, bán rau muống cùng vợ, giữ xe chỗ bãi chợ... Trôi theo thăng trầm đó, tiếng thơ có lúc tưởng chừng tắt nghẹn. Nhưng không, Lữ vẫn âm thầm nuôi dưỡng nó, và trước sau vẫn giữ được sự trong sạch, mẫu mực, thâm trầm, đậm tình người trên từng con chữ: *Ơi ngày ấy đã chiêm bao / Thôi em ráng bước qua cầu cùng anh....* Có lẽ thế, tất cả với Lữ chỉ là "chiêm bao", nên anh vẫn tin tưởng ở cuộc đời, vẫn kiên trì khuyên người bạn đường hãy "ráng bước qua cầu", để sống, để làm người, để tiếp tục "trả nợ đời" bằng những dòng thơ.

**TÌNH CA**, thơ Trần Thanh Quang. Bìa Lê Thánh Thư. Phụ bản Đỗ Trung Quân, Lê Thánh Thư. Nhà xuất bản Trẻ. Giá 10.000$VN. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Mộc mạc, bình dị. Đó là cảm tưởng đầu tiên khi tiếp cận với một tập thơ

mà hầu hết các thi phẩm xoay quanh một chủ đề: tình yêu. Tình cho những người nữ (em), tình cho vùng đất tác giả đã chào đời, đã sống, đã lớn lên. Tình cho những hệ thân gần (mẹ, cha, học trò...)

**LÝ LUẬN VÀ PHÊ BÌNH**, Bùi Vĩnh Phúc. Bìa Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản. Giá 27MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 3MK. Liên lạc: xem quảng cáo bìa sau HL.

Dày 760 trang. Tổng hợp một số những bài viết của tác giả trong 11 năm qua, về những vấn đề của hai mươi năm văn học Việt ngoài nước, được chia làm ba phần. Phần một: Phê bình sáng tác của một số nhà văn. Phần hai: lý luận văn học. Phần ba: Gồn hai bài phỏng vấn. Một của tạp chí *Hợp Lưu*, và một của nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh.

Ưu điểm lớn của tác phẩm, về hình thức: trang nhã, đẹp. Vừa mang tính nghiêm cẩn của một tác phẩm Lý Luận Phê Bình, vừa lãng đãng chất thơ của một sáng tác văn học, và nhất là gần như không có lỗi chính tả, chứng tỏ tác giả đã nâng niu từng con chữ, trước khi cho lên khuôn. Về nội dung, tuy chưa đầy đủ mọi khuôn mặt tiêu biểu của nền văn học ngoài nước, nhưng tác giả rất cẩn trọng và bỏ nhiều công sức mỗi khi đề cập đến những cây viết được ông chọn.

**CẤU TRÚc THƠ**, biên khảo Thụy Khuê. Bìa tranh Võ Đình, trình bày Khánh Trường. Văn Nghệ xuất bản. Giá 13MK.

Trong "thay lời tựa", tác giả nói rõ lý do ra đời của tác phẩm này:

"... Thơ hay, thế nào là hay? Và dở, thế nào là dở? Áng chừng phần đông khách yêu thơ đều tiếp nhận thi ca bằng trực giác, mẫn cảm của mình và ít nhiều, đồng ý với nhau là có những câu, ví dụ như *Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng* (Kiều), đọc lên thấy hay, nhưng không hiểu tại sao hay mà vẫn thích.

Cuốn *Cấu Trúc Thơ* đến với bạn đọc, không ngoài mục đích giúp các bạn tìm hiểu thơ, nếu thấy hay thì tại sao hay? Đạt được mục đích đó không dễ, đôi khi không chắc sẽ đạt được. Tuy nhiên sự tìm hiểu sâu sa về cấu trúc thi ca là điều kiện cần (tuy chưa đủ) để giúp chúng ta hiểu và cảm nhận thơ một cách sâu lắng hơn"

Tập sách chia làm ba phần, 15 chương. Phần một: Phụ Lục: Chương I: Nguồn gốc thi ca: Những tác phẩm đầu tiên, - Thi ca Việt Nam, - Ca dao. Chương II: Những điều đã viết. Phần hai: Cấu trúc thơ: Chương III: Nhận diện thơ. Chương IV: Thơ, văn xuôi và văn vần. Chương V: Ẩn dụ trong thơ. Chương VI: Ẩn dụ và hoán dụ. Chương VII: Cấu trúc hình thức thi ca,- Lựa chọn và kết hợp, - Tính chất phiếm định. Ch. VIII: Nguyên lý song song, - Từ láy trong tiếng Việt, - Tính chất song song trong thơ. Ch. IX: Phân tích bài *Nguyệt Cầm* của Xuân Diệu. Phần ba: Thơ Hiện đại: Ch. X: Dòng mạch siêu thực trong thơ hiện đại. Ch. XI: Khuynh hướng mở đầu: Nguyễn Xuân Sanh, Nguyễn Đình Thi. Ch. XII: Sáng Tạo. Ch. XIII: Thơ tự do: Thanh Tâm

Tuyền, - Thanh Tâm Tuyền nhà thơ tương phản, - Cái tôi Thanh Tâm Tuyền, - Thanh Tâm Tuyền và tình yêu, - Thanh Tâm Tuyền và màu da. Ch. XIV: Thơ văn xuôi: Thi giới Đặng Đình Hưng, - Bến Lạ, - Ô Mai. Ch. XV: Thơ tạo hình: Lê Đạt, 1) Cái tôi trong thơ hiện đại. - 2) Bóng Chữ Lê Đạt.

Đây là một tác phẩm tác giả đã đầu tư khá nhiều tâm huyết, rất cần cho những người yêu thơ, muốn đến với thơ.

**THƯ GỬI BẠN TA** tập II, Bùi Bảo Trúc. Bìa Khánh Trường. Văn Nghệ xuất bản. Giá 16MK.

*Thư Gửi Bạn Ta* tập I tuyệt bản sau hai tháng phát hành. Một hiện tượng đặc biệt (có một, hiếm có hai) trong sinh hoạt văn chương hải ngoại. Nghe nói song song với việc tung ra thị trường cuốn II, nhà xuất bản Văn Nghệ đang cho tái bản cuốn I và sửa soạn lên dàn phóng cuốn III. Giáng Châu điện thoại chia vui với tác giả, bên kia đầu dây là giọng cười rất... hiền của ông: "Chờ đấy, mỗi hai tháng sẽ cho trình làng một cuốn. Sau cuốn III sẽ tới cuốn IV, V... X...". Có nghĩa, từ nay, quí vị nào đã lỡ... mê họ Bùi, hãy mỗi hai tháng nhớ dành riêng 16 tì cho các cuốn *Thư Gửi Bạn Ta* kế tiếp. Và nếu sức khỏe của "ổng" vẫn phởn phơ như bây giờ, nghĩa là đủ điều kiện để sống dai sống dài (hy vọng đừng sống dở) bằng ông... Bành Tổ, thì trong tương xa, quí vị đương nhiên thủ đắc được một bộ "Bùi Bảo Trúc Toàn Tập", không chừng trọng lượng và chất lượng vượt xa "Lê Nin Toàn Tập", những 52 cuốn, do Liên Sô in và bán vung vải tại Việt Nam thời mới "giải phóng".

Về nội dung "Thư Gửi Bạn Ta" tập II, xin xem lời bàn Mao Tôn Cương ở HL số trước.

**GÓT CHÂN HUYỀN ẢO**, thơ Lê Phụng Thiên, P.T. Ca Hát. Bìa Hiếu Đệ. Song Ca tái bản lần thứ nhất tại hải ngoại. Giá 10MK kể cả cước phí. Liên lạc: Lê Phụng Thiên, 1343 Ambridge way. Ottawa, ONT. K 2C - 3T3. Canada.

Tập thơ gồm 28 bài của Lê Phụng Thiên và 12 bài của P.T. Ca Hát, dày non một trăm trang.

**AN ANTHOLOGY OF VIETNAMESE POEMS**, Edited and translated by Huỳnh Sanh Thông, Yale University Press xuất bản. Bìa Đinh Cường. Giá 25MK. Liên lạc: Yale University Press, P.O.Box 209040, New Haven, CT 06520-9040 hoặc bằng điện thoại, qua Alisa Wyatt, Publicist (203)432-0972.

Tuyển tập trên 300 thi phẩm của trên 150 tác giả, bao gồm từ thế kỷ thứ 11 đến ngày nay, như Lý Thường Kiệt, Trần Minh Tông, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Đào Duy Từ, Tản Đà, Nguyễn Khuyến, Hồ Xuân Hương, Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Huy Cận... đến Trần Dạ Từ, Lâm Thị Mỹ Dạ, Nguyễn Ý Thuần, Trần Mộng Tú, Nguyễn Duy, Luân Hoán...

Về thơ Việt Nam cổ điển và hiện đại, hẳn chúng không xa lạ gì. Riêng bản dịch sang Anh ngữ của Huỳnh Sanh Thông được giáo sư Alexander Woodside (University of British Columbia) đánh giá: "Huỳnh Sanh Thông là một dịch giả lỗi lạc về văn chương VN sang bất kỳ một ngôn ngữ Tây phương nào. Thật là một món quà Thượng đế gửi tặng cho những người đọc tiếng Anh khi ông chọn Anh văn để dịch những tác phẩm VN. Và thật là một thứ tiếng Anh đặc sắc. Nó trong sáng, mềm mại, không điệu bộ mà chẳng khô khan chút nào; trong nhiều trường hợp, nó còn đầy nét sắc cạnh nữa. Bản dịch cuốn sách này - đúng như sự kỳ vọng của mọi người - là một bản dịch tuyệt hảo"

Sách khổ lớn, bìa dày có bìa phụ bọc ngoài, trên 400 trang. Các bạn trẻ thông thạo Anh ngữ, muốn tìm hiểu gia tài văn học nước nhà, qua thi ca, hãy gửi mua tác phẩm này.

**SÀN GỖ MÀN NHUNG,** Lịch Sử Sân Khấu Cải Lương Miền Nam, sưu khảo Hồ Trường An, bìa Khánh Trường, Đại Nam xuất bản. Giá 14MK. Liên lạc: P.O.Box 4279, Glendale, CA 91202. USA.

Qua tác phẩm này, chúng ta sẽ nhìn rõ được "diện mạo" của một loại hình nghệ thuật, có thể nói được hầu hết mọi người, từ Nam chí Bắc, yêu thích. Tác sẽ sẽ dẫn ta đi, từ khởi thủy đến hôm nay, nơi chốn cải lương ra đời, bởi lý do nào, hình thành, thăng trầm ra sao. Những nghệ sĩ tiền bối đầu tiên, những tài danh vang dội cả nước qua nhiều thế hệ là những ai, tên tuổi, lý lịch của ho cũng được tìm hiểu tường tận,... Nói chung, đây là một sưu khảo đầy đủ nhất, về một bộ môn trình diễn rất đặc thù và rất truyền thống của miền Nam, nói riêng, cả nước, nói chung.

## TẠP CHÍ MỚI:

**SÓNG VĂN:** Tập san văn học nghệ thuật. Số ra mắt tháng 3 & 4/1996. Bìa full color, Nguyên Khai trình bày, khổ 5"50 X 8"50 (cùng khổ với HL), in trên giấy trắng, side chữ lớn vừa phải, sáng, sạch, rõ ràng. Xuất bản tại miền Đông Hoa Kỳ. Độc giả có thể mua dài hạn và thư từ liên lạc về hai địa chỉ: Sóng Văn, P.O.Box 832464, Miami, Florida 33283. USA. Hoặc Sóng Văn, 13448, Jefferson Davis Highway, Woodbridge, VA 22191. USA. Giá mỗi số 5 đô la. Hai tháng ra một kỳ, do Nguyễn Sao Mai & Hoàng Thị Bích Ti chủ trương. Tổng thư ký: Thanh Tâm.

HL trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc tờ tập san mới ra lò này. Đồng thời chúc đồng nghiệp chân cứng đá mềm.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



# với văn hữu và bạn đọc



## THƯ VĂN HỮU, BẠN ĐỌC

**Bằng một kiến thức toán học lớp nhì...**

Nhân đọc bài viết của Kim Thi, mục *"Ngày... Tháng..."*, tôi xin có một vài ý kiến nhỏ như sau:

Trang 229, số HL 28, ông viết: *"Những tưởng chỉ mất một hai tiếng đồng hồ, nào ngờ từ 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều, vào ra hàng chục thư viện, lật dở hàng núi sách, mới truy được tung tích các câu văn trích dẫn..."*. Mong là những ý kiến nhỏ sau đây sẽ không được ông cho là "chả ai rỗi công vạch lá tìm sâu", mà chỉ góp ý để ông khỏi vấp phải *"tình trạng sai trật, nhiều khi sơ đẳng đến một em học sinh tiểu học, đọc, cũng phải phì cười"*. Mong lắm!

Trở lại câu trích dẫn trên, bằng một kiến thức toán học lớp nhì (thời mà kẻ viết thư này còn mài đũng quần tại một trường tiểu học ở chốn xó xỉnh xóm Bàn Cờ, Sàigòn), để tính toán và thấy cả một sự không hợp lý - Thời gian để đi tìm sách và truy tìm các câu văn của ông "Tây Môn Khánh tân thời" là (4giờ chiều - 10giờ sáng) = 6 tiếng đồng hồ = 6 x 60 phút = 360 phút. Giả sử ông ta đi 10 thư viện (cho chẵn và dễ tính), ông ta phải di chuyển tổng cộng là 9 chuyến đi từ thư viện này sang thư viện kia, và ai cũng rõ thư viện chắc là "không mọc dọc đường"(!). Ít ra là ông ta phải mất 10 phút cho một chuyến đi như thế. Tổng cộng là (9 chuyến đi) x 10 phút. Thời gian lái xe ra, vào parking ở mỗi thư viện; và đi ra đi vào thư viện, cộng với thời gian đi đến kệ sách để lục tìm, giả sử là 10 phút. Tổng cộng là (10 thư viện) x 10 phút = 100. Như vậy, thời gian để ông ta đi lục "hàng núi sách" là:

(360 phút) - (100 phút + 90 phút) = 170 phút.

Bằng một con tính chia đơn giản, ông có một thời gian trung bình lật dở "hàng núi sách" ở một thư viện là:

(170 phút) : (10 thư viện) = 17 phút.

Tới đây, người viết thư cảm thấy bí (!) vì không hiểu bằng cách nào, với sức người giới hạn, và thời gian ngắn ngủi như thế, ông ta có thể làm được một chuyện phi thường như thế?! Có lẽ chỉ có thể computer mới làm được như thế?! Xin ông Kim Thi cho biết ý kiến nhá!!! Cảm ơn nhiều.

NVT (Houston, TX)

*Kim Thi rất cảm ơn lá thư minh bạch tỏ tường (như) toán học của ông. Điều ấy chứng tỏ ông lưu ý rất mực đến chuyện chữ nghĩa. Dù bị khiển trách, Kim Thi cũng cảm thấy vui: chuyện dông dài của mình vẫn có người đọc, lại đọc một cách cẩn thận hơn... đếm.*

*Vui, nhưng rét. Vì ông dùng nhiều chấm than (!) quá. Chấm than (!), có giá trị như một tán thán từ, thường có khuynh hướng bỉ thử hơn khen. Ở đây, với nội dung lá thư, chuyện "khen" hẳn nhiên không. Nói cách khác, ông "bỉ thử" liên tục và nhiều thế, dù Kim Thi thuộc loại máu lạnh (còn gọi máu lì), cũng không thể không rét (chỗ này, lẽ ra nên xáng một dấu chấm than (!) mới phải lẽ).*

*Đùa với ông một tí cho vui. Giờ nói chuyện... nghiêm chỉnh: Chữ nghĩa đôi khi không phải toán học. Người viết, theo thói quen, đã dùng một số từ, hay một số hình ảnh có tính ước lệ. Chẳng hạn chúng ta vẫn thường đọc thấy những câu văn (mà ngày nay chúng ta thường gọi là sáo) đại loại:* "nước mắt xối xả như mưa", "trời nóng như thiêu trên ngọn lửa"*... Khi Kim Thi dùng chữ* "chín mười thư viện" *thì hai chữ* "chín mười" *đi kèm với nhau không còn có giá trị của đơn vị toán học nữa, mà nó đã trở thành ước lệ.* "Chín mười" *chỉ số nhiều (nghĩa là trên 1). Một điều nữa, ông hẳn đã từng vào ra các thư viện trên đất Mỹ, dĩ nhiên ông hiểu khi ta muốn tìm một cuốn sách nào đó, chẳng việc gì phải* "lục tìm hàng núi sách", *mà chỉ cần cho nhân viên phụ trách vài dữ kiện liên hệ đến cuốn sách, như tên tác giả, nhan sách, nhà xuất bản, năm xuất bản... là họ tìm trên computer hộ ta, nhanh như... máy, nửa phút thôi, chứ chẳng cần tốn đến 17 phút đâu. Tuy nhiên, trong chữ nghĩa, nhiều khi chúng ta muốn đẩy câu văn đến chỗ "cực đoan" hơn, nhằm tạo hiệu quả cho ý đồ muốn nói, người viết thường dùng một số hình ảnh có tính biểu tượng. Lại ví dụ:* "ông ấy là một tủ sách sống, từng đọc *thiên kinh vạn quyển*". *Nếu tính theo toán học: thiên = 1,000, vạn = 10,000, thì "ông ấy" đọc những... 11,000 cuốn sách. Đời người, trừ 10 năm đầu (cho dễ tính) chưa đọc thông viết thạo, sống trung bình khoảng 70 tuổi (cho dễ tính) = 60 năm. Trừ hai phần ba số năm (tức 40 năm) ấy cho các công việc ăn, ngủ (...), bài tiết, hẹn đào lên núi du dương, dẫn vợ vào shopping, đưa con đi trám răng, tiễn thằng bạn vắn số về nơi an nghỉ cuối cùng, tán chị hàng xóm có hai con mắt ướt rượt (cơm nhà quà... hàng xóm), và ngày hai buổi đến sở kiếm cơm, v.v. lại v.v..., vị chi ta còn lại giỏi lắm một phần*

*ba thời gian dành cho chuyện đọc (cứ coi là như thế, cho dễ tính). Đặt giả thuyết "ông ấy" mỗi ngày đọc một cuốn sách, thì 60:3 = 20x365 = 7,300 cuốn. Khiếp, đọc miệt mài thủy chung như thế mà chỉ tiêu thụ nổi 2/3 lượng sách* "thiên kinh vạn quyển" *thôi ư? Ô hô, té ra cái câu văn trích dẫn bên trên chỉ là một câu... nói phét ư?*

*Trở lại vấn đề, như Kim Thi vừa nói, văn chương không phải toán học. Nếu đem toán học áp dụng sát sàn sạt vào văn chương, e rằng tất cả các nhà văn trên trái đất này đều trở thành những tay ba trợn, "mười voi chưa được bát nước sáo" ráo trọi! (lần này, cho Kim Thi... xáng một dấu chấm than, hầu thêm phần... thuyết phục).*

*Tiếp tục vấn đề, Kim Thi rất khoái màn tính toán của ông. Hẳn ông phải là một tay "đấu hót" có hạng. Kim Thi sẽ ghi địa chỉ ông vào còm bu tờ, để nếu có dịp sang Houston, xin được đến diện kiến cùng ông, trước, đối ẩm (ông biết uống rượu?), sau, được dịp "đấu" thỏa chí. Ở Bolsa này, các ông bà nhà văn nhà thơ tuy văn hay chữ tốt đầy bụng, nhưng nói năng rất chi ấm ớ hội tề, thành ra Kim Thi cảm thấy... cô đơn khủng khiếp! Thân kính.*

**Lại chuyện đạo... văn**

Nhân dịp Kim Thi nhắc đến hiện tượng dường như khá phổ thông là đạo văn (HL số 28), xin được phép bổ túc chuyện dài Nhân Dân Tự Vệ này bằng một trường hợp mới xảy ra gần đây ở ngoài nước. Tờ *Làng Văn* xuất bản tại Canada số 136 (tháng 12/1995) đã phải đăng *Cáo Lỗi* như sau:

"Làng Văn số 135 (tháng 11/1995) đăng bài *Trò Đạo Đức* của Thảo Nguyên (Hoa Kỳ). Một số thân hữu và độc giả gọi về cho biết, bài này được phóng tác từ truyện *Kịch Câm* của một tác giả ở quốc nội mà không ghi xuất xứ, hay cho biết là bài phóng tác.

Tòa soạn kiểm chứng, thấy quả có nhiều chi tiết trùng hợp, dù ý tưởng và cách giải quyết có khác.

*Làng Văn* xin ân cần tạ lỗi cùng quý độc giả; và yêu-cầu quí vị tác-giả hợp-tác bảo vệ uy-tín cho diễn-đàn chung này, bằng cách cho tòa soạn biết rõ xuất xứ nguyên-tác, nếu là bài phóng-tác. Xin đa tạ."

Cũng số 136, ở mục *Thư Đi Tin Lại* do Nguyên Hương phụ trách, Thảo Nguyên được LV "Yêu cầu giải thích" về "truyện *Trò đạo đức* của cô được phóng-tác từ truyện *Kịch Câm" của một tác giả ở quốc nội"*.

Điều đáng lưu ý ở đây có lẽ không phải là một Thảo Nguyên ở Kansas phóng tác gì đó một Phan Thị Vàng Anh ở Tân Bình. *Kịch Câm* là một truyện ngắn viết từ năm 1991 và từ đó đã được đăng đi đăng lại trên các báo trong và ngoài nước cũng như trong các tuyển tập nhiều tác giả và tập *Khi Người Ta Trẻ* (Nhà xuất bản Hội Nhà Văn, 1993). Tôi chưa được đọc *Trò Đạo Đức* nên cũng không rõ là có phải TN đã phóng tác từ bản dịch tiếng Anh (*Pantomime*) của Nguyễn Nguyệt Cầm đăng ở tờ *Mànoa* (số Mùa Đông 1995, University of Hawaii Press) hay chăng, nhưng thấy nhiều ý nghĩa trong việc

tòa soạn một tờ báo to lớn ở hải ngoại, với nhiều cộng sự viên tầm cỡ và đã từng tổ chức trao giải thơ văn đồ sộ hàng năm lại phạm phải một lỗi lầm tí tẹo như vậy. Nhất là, ngay cả đến khi cáo lỗi cùng độc giả đông đảo vẫn không muốn nhắc đến cả tên người bị / được (?) phóng tác vì sợ bẩn bút và các *tác giả ở quốc nội* thiếu vệ sinh nên dễ gây ra ô nhiễm.

Chính bản thân tôi, cũng đã có lần đạo văn của *một tác giả* (lừng lẫy) *ở hải ngoại*, sửa đổi lại chút đỉnh và gửi cho Hợp Lưu đăng với ý đồ, 1)có được nhiều độc giả năm châu ngưỡng mộ; 2) in thành sách bán được rất nhiều - không hài lòng hứa sẽ hoàn tiền - và khỏi phải đem tặng cho những người không buồn đọc; 3) dùng tiền đó để sắm áo vét cà vạt và kính gọng vàng; 4) để lại tác phẩm và sự nghiệp tam bách dư niên hậu cho người đọc Việt - từ Paris đến Toronto - ở hải ngoại; 5) biết đâu lại chẳng được mời điều khiển chương trình ca nhạc nhiều ánh sáng lấm chói chang và cầm micro trò chuyện cùng Lynda Trang Đài (*một ca sĩ ở hải ngoại*) hay Hoa Hậu Phu Nhân (*một người đẹp ở hoàn vũ)* một cách trí thức và thông minh?

Chẳng may, *trò đạo... văn* này của tôi bị chủ biên tờ HL phát hiện ngay lập tức. Vì thế, đã lâu nay không thấy truyện của tôi xuất hiện trên diễn đàn chẳng mấy uy tín này.

*Nhắn riêng Thảo Nguyên. KS*. Cô làm ơn l/l với tôi để trao đổi kinh nghiệm và chia sẻ nỗi buồn cắn bút trước những trang giấy trắng. Hứa sẽ hồi âm dù thư có dùng bút hiệu khác.

ĐỖ KH.

*Hy vọng anh liên lạc được với cô TN để "để trao đổi kinh nghiệm và chia sẻ nỗi buồn cắn bút trước những trang giấy trắng". Thân mến.*

**Ô hay**

Trong bài "Thái Thanh, Tiếng Hát Lên Trời", HL số 28, tr. 30, bà Thụy Khuê bảo rằng *Thơ không thể dịch được, nghĩa là không thể chuyển từ ngôn ngữ nước nay sang ngôn ngữ nước khác mà không làm mất hồn thơ, làm mất chất thơ...*

Trước đây, ông Đặng Tiến (?) cũng... khen: *dở như thơ dịch.*

Ô hay (...)

Đặc điểm của thơ Việt là đã có một số bản dịch, có thể nói trội hơn nguyên tác, mà không sợ là nói ngoa.

Chẳng lẽ bà Thụy Khuê chưa đọc bản "Chinh Phụ Ngâm Ký" tên Đoàn Thị Điểm?

THƯƠNG NGUYÊN (Luân Đôn))

*Hy vọng bà TK và ông ĐT sẽ trả lời "thắc mắc" này của anh. Thân mến.*

## HỢP LƯU TRẢ LỜI VĂN HỮU, BẠN ĐỌC

Anh V.H.L. (Germany): ĐT đã thực sự chia tay độc giả. HL có hỏi người chủ biên tờ tạp chí này, rằng ĐT sẽ đóng cửa vĩnh viễn hay chỉ tạm thời, thì được trả lời rất chi lửng lơ: còn tùy thuộc nhiều yếu tố. Chúng tôi rất lấy làm tiếc cho sự vắn số của một tờ tạp chí vẫn được đánh giá như một trong rất ít những diễn đàn chính trị có lập trường cấp tiến, cởi mở nhất tại hải ngoại. Và cũng như nhiều độc giả khác, chúng tôi rất mong tình trạng đình bản này chỉ tạm thời, để một ngày không xa nào đó, ĐT sẽ "tái xuất giang hồ". Kính.

Anh N.H.V. (Chino Hill, CA): Cảm ơn chia xẻ của anh về hiện trạng đất nước cùng những hình ảnh bi thương, những hoạt cảnh dở khóc dở cười ở đó, ở đây. Chúng ta nhỏ nhoi lắm, chẳng làm được gì hết. Tuy nhiên còn nghĩ đến dải đất ấy, còn băn khoăn, bứt rứt, vui buồn cùng nó, như thế, đã quí lắm rồi. Thỉnh thoảng có dịp ghé tòa soạn "nói dóc" chơi. Thân mến.

Anh HKKM (Beaverton, OR): Cảm ơn sự cộng tác của anh. Nếu có thể anh cho xin nhiều nhiều các sáng tác cũ, mới, để chọn. Thân mến.

TQ (Úc): Thư và thơ đều nhận được. Sẽ đi dần. Cũng như xin lỗi về bài viết *"Bản Sắc và..."* chưa đi được trong số này. Bạn thấy đó, số đặc biệt về Học giả HXH chiến quá nhiều trang cho chủ đề, các phần thơ văn, biên khảo... bị rút lại đến tối đa mới đủ chỗ chứa! Tôi vẫn tiếp tục loạt tranh mới và vẫn bận lu bù. Tiếp khách phương xa, từ mọi ngõ ngách trên thế giới đổ về. Tiếp (quái) khách sở tại, ngày nào cũng năm ba trự, khi thì rủ rê cà phê bánh ngọt, khi thì kẹp dưới nách một "ve" cay cay, khi thì cao hứng đòi đến thăm "tổng tư lệnh" "đạo binh mùa thu" của "vô thủ đại hiệp" (nhớ chứ?). Thì giờ còn lại coi sóc HL, vẽ vời nhăng nhít kiếm cơm, và ngồi lì trước những khung bố trắng. Cái sau cùng rất dễ mê mà cũng dễ nản. "Mắt xanh" thiên hạ hiếm như vàng ròng. Vẽ xong chỉ mình mình... sướng, may ra thêm một hai ông bạn sướng ké chút xíu. Rồi thôi, rồi xong. Nhìn "thành quả" chồng chất mỗi ngày mỗi cao trong garage, tinh thần có bằng thép cũng mềm! Rất muốn viết thư riêng nhưng đành chịu. Cảm thông. Thân mến.

CP (Boston): PVC rất... ghen với bạn. Hơn mười hai năm sống ở Mỹ, hình như hắn chưa ra khỏi Cali. Thế mà bạn năm nào cũng chu du khắp thế giới. Năm nay lại bò đến tận Trung Hoa lục địa. Này, mần một cái bút ký đi (như cái bút ký về một chuyến đi Hà Nội năm nào, hay kể gì). Đem chuyện đường xa vào thơ, thì ngoài ba cái địa danh lạ hoắc, thiên hạ chẳng "thấy" được chi. Phí của trời! Thân mến.

HỢP LƯU

# PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(Tất cả ghi bằng CHỮ IN)

Tôi tên:______________________________

Địa chỉ:______________________________

______________________________

Điện thoại:______________________________

nhận mua dài hạn tạp chí HỢP LƯU bắt đầu từ số: __________

GIÁ TIỀN

**Nội địa Hoa Kỳ và Canada:**

Hạng tư: 20MK ☐ (1/2 năm) • 40MK ☐ (một năm)

**Âu châu:**

Đường thủy: 50MK ☐ (một năm)

Hàng không: 70MK ☐ (một năm)

**Úc châu, Á châu:**

Đường thủy: 50MK ☐ (một năm)

Hàng không: 80MK ☐ (một năm)

Xin gửi ngân phiếu (kể cả Canada) bằng Mỹ Kim.

Ngoài Hoa Kỳ và Canada, chỉ nhận International Money Order, trả cho:

**HỢP LƯU**

**P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA**

• Cho toà soạn biết ngay nếu gặp các trường hợp sau đây: 1) Thay đổi địa chỉ - 2) Không nhận báo đúng thời hạn - 3) Báo hư rách (do bưu điện), hoặc nhầm, thiếu trang (do tắc trách của nhà in, trị sự), chúng tôi sẽ gửi bù bằng phương tiện nhanh nhất.

• Lưu ý MÃ SỐ ở hàng đầu trên LABEL để biết số báo hết hạn (Ví dụ: **M:20-25**, tức mua HẠNG TƯ hoặc TÀU THỦY từ số 20 đến số 25 là hết hạn. **MF:20-25**, tức mua HẠNG NHẤT hoặc HÀNG KHÔNG từ số 20 đến số 25 là hết hạn.

• Độc giả ở Âu châu xin gửi trả cho đại diện tại Pháp (địa chỉ trang bìa 2)